TOÀN TẬP CÁC BÀI GIẢNG
KINH TẠNG
Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng
Tập 2

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU 4
Bài giảng ngày 6-8-2014 CHƯƠNG 2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ 5
Bài giảng ngày 7-8-2014 MĀGHA (Māghasutta) 19
Bài giảng ngày 9-8-2014 PAÑCĀLACANDA (Pañcālacaṇḍasutta) 33
Bài giảng ngày 12-8-2014 NHẬT THIÊN TỬ (Suriya) 46
Bài giảng ngày 14-8-2014 VENDU (Veṇḍusutta) 60
Bài giảng ngày 16-8-2014 KAKUDHA (Kakudhasutta) 79
Bài giảng ngày 19-8-2014 SERI (Serīsutta) 90
Bài giảng ngày 21-8-2014 CÁC NGOẠI ĐẠO SƯ (Nānātitthiyasāvakasutta) 110
Bài giảng ngày 23-8-2014 TỰ BẢO HỘ (Attarakkhitasutta) 124
Bài giảng ngày 26-8-2014 *II. PHẨM THỨ HAI* 141
Bài giảng ngày 28-8-2014 CHIẾN TRANH (Paṭhamasaṅgāmasutta) 151
Bài giảng ngày 2-9-2014 PHẨM THỨ BA 166
Bài giảng ngày 4-9-2014 CHƯƠNG 4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA 183
Bài giảng ngày 6-9-2014 CHƯƠNG 5. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI 206
Bài giảng ngày 9-9-2014 CHƯƠNG 6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN 219
Bài giảng ngày 13-9-2014 Sáng hôm nay mình sẽ học trở lại bài kinh bị dang dở hôm trước. 231
Bài giảng ngày 16-9-2014 CHƯƠNG 7. TƯƠNG ƯNG BÀ LA MÔN 253
Bài giảng ngày 18-9-2014 AHIMSAKA (Ahiṃsakasutta) 263
Bài giảng ngày 20-9-2014 *PHẨM CƯ SĨ* 278
Bài giảng ngày 23-9-2014 MĀNATTHADA (Mānatthaddhasutta) 297
Bài giảng ngày 25-9-2014 NAVAKAMMIKA (Navakammikasutta) 301
Bài giảng ngày 27-9-2014 CHƯƠNG 8. TƯƠNG ƯNG TRƯỞNG LÃO VANGISA 320

Bài giảng ngày 1-10-2014 SĀRIPUTTA (XÁ-LỢI -PHẤT) 340
Bài giảng ngày 2-10-2014 CHƯƠNG IX. TƯƠNG ƯNG RỪNG 360
Bài giảng ngày 4-10-2014 NĀGADATTA (Nāgadattasutta) 378
Bài giảng ngày 7-10-2014 CHƯƠNG 10. TƯƠNG ƯNG DẠ XOA 394
Bài giảng ngày 14-10-2014 PUNABBASU (Punabbasusutta) 407
Bài giảng ngày 16-10-2014 ALAVA (Āḷavakasutta) (tt) 425
Bài giảng ngày 18-10-2014 NGỌN CỜ (Dhajaggasutta) 439
Bài giảng ngày 21-10-2014 DHAJAGGAM: NGỌN CỜ (tt) 455

VIETHERAVADA
Những bài giảng
KINH TẠNG
TK GIÁC NGUYÊN (giảng)
NHỊ TƯỜNG (ghi)

LỜI NÓI ĐẦU

Sự nhiệt tình đón nhận của độc giả với cuốn sách Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng tập I đã khích lệ chúng tôi cho ra mắt tập II.
Vẫn như mọi khi, trước hết chúng tôi xin được nói lời tri ân Sư Giác Nguyên và xin thưa cùng độc giả rằng bản ghi chép này không bao giờ có thể chuyển tải hết những câu từ, ý tứ mà Sư đã giảng và tất nhiên bản ghi chép này cũng không thể thay thế hoàn toàn cho những buổi pháp thoại online trên group Vietheravada (paltalk). Vì vậy, dù rằng có cuốn sách cầm trên tay, vẫn mong quí độc giả đừng quên nghe lại bài pháp thoại của Sư được lưu trữ trên trang web www.vietheravada.net. Chỉ khi nghe lại, quí vị mới có thể cảm nhận được bối cảnh của buổi giảng, thần thái của giảng sư và những tinh hoa Phật pháp mà Sư muốn truyền đạt.

Cảm ơn chị Diệu Nghiêm, em Bảo Hương, Thy Lam đã yểm trợ tinh thần lẫn vật chất và luôn tiếp lửa cho nhiều lúc mỏi mệt trong quá trình ghi chép lê thê nhiều năm tháng này. Cuối cùng, cảm ơn hai con gái Cát Tường và Diệu Tường – động cơ thúc đẩy mạnh mẽ nhất cho việc ghi chép này – đã đọc bản thảo, góp ý và luôn đồng hành trong mọi thời khắc cần thiết. Cuốn sách này được ra đời trong những ngày tháng rất đỗi bận rộn với sự chào đời của cháu ngoại Khải Như, vì vậy sai sót ắt là khó tránh khỏi, với tinh thần hết sức cầu thị, chúng tôi mong độc giả hoan hỉ góp ý giùm để 4 tập còn lại được hoàn chỉnh hơn.

Nha Trang, tháng 6 năm 2017

Nhị Tường

Bài giảng ngày 6-8-2014 CHƯƠNG 2. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ

I. PHẨM THỨ NHẤT

KASSAPA (Paṭhamakassapasutta)

Sáng nay chúng ta sẽ học chương Tương Ưng Thiên Tử. Theo trong Aṭṭhakathā, chữ 'thiên tử' này từ chữ Pāḷi là '*Devaputta'*. Chữ '*putta'* này trong kinh giải thích có nhiều trường hợp, con do mình sanh ra hoặc con người khác cho mình làm con nuôi, gọi là '*putta'*. Đệ tử bái mình làm sư cũng gọi là '*putta'*. Trên cõi Trời, vị Trời (nữ) nào xuất hiện trong phòng ngủ của mình thì coi như là vợ của mình, xuất hiện trên bắp chân của mình là con của mình. Có trường hợp xuất hiện trong khu vực lâu đài của mình cũng là con của mình, xuất hiện đây là *hóa sanh* từ cõi khác tới. Họ xuất hiện ngay ở ranh giới giữa hai lãnh địa của hai vị Trời, gương mặt vị đó nhìn vào hướng lâu đài nào trước thì vị đó sẽ thuộc về vị Trời ở lâu đài đó. Ở đây, vị Thiên tử này cũng vậy, sanh ra là con của một vị nào đó có uy lực, được gọi là Thiên tử.

Theo Chú giải, bảy năm sau khi thành đạo, năm 42 tuổi, Đức Thế Tôn lên cõi trời Đao Lợi thuyết pháp trả hiếu cho bà Mayā, (lúc này bà đã thành vị tiên nam), Ngài đã giảng 7 bộ diệu pháp Abhidhamma. Trong lúc Đức Phật giảng tới phần thiền Jhanavibhanga, vị thiên tử Kassapa này nghe và ghi nhận một số điểm thấy tâm đắc. Nhiều năm[1]sau, vị này xuống hầu Phật và hỏi lại: *Bạch Thế Tôn con đã từng nghe Thế Tôn nói như vậy, như vậy đó.* Theo Chú giải, có nhiều trường hợp người ta chỉ muốn tìm dịp để trình với Đức Phật điều gì đó (*kathetukāmo*) chớ không phải thắc mắc, trong trường hợp đó Đức Thế Tôn để cho người ta nói. Trường hợp này cũng vậy, vị Thiên tử này chỉ muốn trình với Ngài điều ông tâm đắc: "*Bạch Thế Tôn ngày xưa con có điều tâm đắc là Thế Tôn từng nói cho chúng con nghe về hạnh của vị tỳ kheo*." Đức Phật biết vị này muốn nói nên cho phép ông ta nói. Vị này thu gọn toàn bộ những gì tâm đắc thành một câu kệ:

Hãy học điều khéo nói,

Trong hạnh nghiệp Sa-môn,

Vắng lặng, ngồi một mình,

Với tâm tư an tịnh.

"**Subhāsitassa**sikkhetha, samaṇūpāsanassa ca;

Ekāsanassa ca raho, cittavūpasamassa cā"ti.

'Subhāsita': 'thiện ngôn', 'điều đáng nói'. Điều đáng nói ở đây ám chỉ cho việc phát biểu y cứ trên trí tuệ nhận thức về Tứ Đế, về 37 Bồ đề phần, 10 chánh ngữ.

"**Subhāsitassa** sikkhetha, samaṇūpāsanassa ca": vị tỳ kheo phải học hỏi kinh điển như thế nào đó để những điều mình nói ra luôn y cứ trên tinh thần của trí tuệ 4 Đế, 37 Bồ đề phần, 10 chánh ngữ.

Pháp Phật có nhiều cách nói, Ngài không kêu gọi mình đoạn trừ tất cả phiền não, có chỗ Ngài nói tu tập thế nào để đoạn trừ phẫn nộ (*kodha*), có chỗ thì Ngài nói tu tập thế nào để đoạn trừ tham ái, vô minh… Có chỗ Ngài nói đến tất cả phiền não, có chỗ Ngài chỉ nói một thứ phiền não. Tùy vào căn cơ người trước mặt, Ngài nói đúng điều nào đó để họ thấm. Đối với người nhiều kiêu mạn thì Ngài sẽ nói xong điều gì đó và kết thúc: Làm gì thì làm con đường giải thoát là chấm dứt kiêu mạn. Chúng ta biết chấm dứt kiêu mạn *(māna)* là phải chứng quả A-la-hán. Khi Ngài kêu gọi mình chấm dứt phẫn nộ thì tối thiểu mình phải chứng A-na-hàm, có chỗ Ngài kêu gọi chấm dứt thân kiến *(sakkayadiṭṭhi),* nhưng chấm dứt thân kiến thì tối thiểu phải là Tu-đà-hoàn (*Sotāpanna*). Đã là Tu-đà-hoàn thì như nước mưa chảy vô máng xối rồi, chỉ một con đường duy nhất chảy theo đường hướng được trù tính sẵn. Vị Tu-đà-hoàn là vị mà Đức Phật gọi là *trực hướng chánh giác*, chỉ còn một con đường thẳng đi đến giác ngộ, Niết-bàn, chớ không phải như phàm phu mình. Ở đây tuy là câu nói của vị Trời nhưng là nhắc lại tinh thần lời dạy của Đức Phật mà vị ấy đã nghe khi Ngài thuyết phần Jhanavibhanga, một trong 18 phần của bộ Vibhanga. Bộ Vibhanga là bộ thứ hai của Tạng Diệu Pháp. Vị Trời nhắc lại: *Con nhớ tinh thần Đức Thế Tôn đã thuyết giảng trên đó là vị tỳ kheo phải nói năng y cứ (nissita) trên tinh thần của trí tuệ nhận thức Bốn Đế.* Nếu không có nhận thức Bốn Đế thì làm sao ăn nói trên tinh thần nhận thức Bốn đế; không tu tập 37 pháp Trợ Bồ Đề thì làm sao có thể ăn nói trên tinh thần 37 pháp Trợ Bồ Đề. Nếu nhìn kỹ lại tăng ni, tu nữ, Phật tử, kể cả những vị tu hành ghê gớm, khi gặp nhau có bao giờ mình ăn nói trên tinh thần 37 pháp Trợ Bồ Đề không?

Các chi pháp thì nói tới nói lui cũng bao nhiêu đó thôi. Ví dụ số 8 là Bát Chánh Đạo nhưng tinh thần của Bát Chánh Đạo cũng là tinh thần của Thất Giác Chi; tinh thần rốt ráo của Thất Giác Chi chính là tinh thần rốt ráo của Tứ Niệm Xứ; tinh thần rốt ráo của Tứ Niệm Xứ cũng là tinh thần của Ngũ căn, Ngũ lực v.v... Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật từng dạy, vị tỳ kheo có hai việc phải làm:

Chỉ và Quán. Có chỗ Đức Phật nói vị tỳ kheo có hai việc phải làm: pháp học (*gandhadhura*) và pháp hành (*vipassanadhura*). Đối với nhiều người, cách tạo Ba-la-mật của họ trước khi chứng đắc đạo quả là có chứng đắc thiền định trước, có người thì không cần như vậy, nên họ chỉ tu Tứ Niệm Xứ.

Trong câu thứ nhất của bài kệ, vị tỳ kheo phải học tập như thế nào để nói năng trên trí tuệ của Bốn Đế.

-*Khổ đế:*tất cả mọi hiện hữu trên đời là khổ.

-*Tập đế:* sự ưa thích trong 6 trần là nguyên nhân dẫn tới mọi hiện hữu. *Tập đế* có thể kể có 3: *dục ái, sắc ái* và *vô sắc ái*; nhưng cũng có thể kể thành 6: sự *tham đắm trong 6 trần*; hoặc kể thành 2: *tham ái trong danh* và *tham ái trong sắc*.

- *Diệt đế:* Hữu dư niết-bàn là sự vắng mặt của tập đế khi vị thánh đã diệt trừ phiền não mà vẫn còn sống; Vô dư niết-bàn là sự viên tịch của vị ấy. Dưới gốc cây Sala ở Kushinara mà Đức Phật chính thức ra đi lúc Ngài 80 tuổi đó là Vô dư niết-bàn, còn dưới gốc Bồ đề năm Ngài 35 tuổi, lúc Ngài còn sống nhưng chấm dứt hết phiền não rồi, gọi là Hữu dư niết-bàn.

-*Đạo đế:* Bát Chánh Đạo. Nếu ngó kỹ lại, tinh thần của Bát chánh đạo là tinh thần của Giới - Định -Tuệ.

Giới: Những gì mình nói và làm đều y cứ trên tinh thần chánh pháp, không hại mình hại người đời này kiếp khác.

Định: Khả năng tập trung tư tưởng (concentration) để chứng đắc tối thiểu từ cận định trở lên. Cận định là từ giai đoạn bắt đầu Sơ thiền trở lên, *Sơ Nhị Tam Tứ* thiền Sắc giới, thiền Vô sắc.

Tuệ: Khả năng nhận thức bản chất thật sự của vạn hữu ở đời, biết rõ mọi thứ ở đời chỉ gồm *danh* và *sắc*. Danh là tất cả những gì thuộc về mental, sắc là những gì thuộc về physical, cả hai đều luôn luôn vô thường; cái gì vô thường thì cái đó khổ và vô ngã. Những gì trên đời này cũng đều do nhân duyên tạo ra, rồi cũng do nhân duyên mà biến mất. Tất cả mọi thứ trên đời này đều nằm trong sự chi phối của nhân quả, của Tam tướng. Sự chi phối của nhân quả nghĩa là cái gì cũng do nhân duyên, vô số *conditions* vậy nên trong kinh nói đời sống là *conditional things*, là những thứ phải *lệ thuộc nhân duyên*mới có mặt, gọi là *saṅkhāra*. *Tuệ* là hiểu mọi thứ luôn luôn lệ thuộc điều kiện, hễ có điều kiện xuất hiện thì cũng có điều kiện biến mất. Thực hành Tứ Niệm Xứ là để thấy bấy nhiêu đó thôi. Nhiều

người nghe nói thiền thường nói là khi nào già thì mới tu. Nhận thức về Tứ Niệm Xứ thì không đợi lúc già. Khi nào lắng tâm được thì cứ làm. Khi còn trẻ thì còn bén nhạy, tinh tế; khi già thì tật nhiều hơn trí, cơ thể bịnh hoạn yếu đuối, đầu óc lúc nhớ lúc quên thì thiền nỗi gì. Tứ Niệm Xứ là sự nhận thức cần phải được thực tập liên tục và liên tục. Đối với một người chưa thực tập Tứ Niệm Xứ thì thấy việc này đâu có gì ghê gớm cao siêu, chẳng hạn như ngồi thở, thở ra biết thở ra, thở vô biết thở vô, biết mình thở ra bằng sự bực mình, thở vô bằng sự bực mình, thở ra bằng sự vui thích, thở vô bằng sự vui thích v.v...; nói chung là tình trạng tâm lý nào thì biết rõ, nhưng nghe có vẻ trẻ con vớ vẩn làm sao. Cảm nhận đó chỉ dành cho người không có tu tập và không thật sự thấy chán sợ đời sống này. Hãy thử thực tập một lần đi, những lần mình bị khổ vì vợ, chồng, con cái, tình đời ngang trái, công ăn việc làm, lúc đó mình quay lại với Phật pháp, sống chậm lại, đi đứng nằm ngồi biết rõ mình đang làm gì, chỉ biết thôi, không ai bắt mình phải lừ đừ chậm chạp. Tứ Niệm Xứ có nghĩa là sống chậm lại một chút thôi, chậm vừa đủ để mình nhận ra thôi. Có người hỏi, thiền chậm quá thấy kỳ, mà sinh hoạt bình thường thì theo dõi không kịp. Tôi trả lời thế này: tôi không phải là thiền sư, nhưng xin hỏi các vị, các vị có thể nào vừa ăn vừa nghĩ đến chuyện đi shopping không?

Được chứ. Vừa đi, vừa tắm hay vừa ăn vẫn nghĩ được tùm lum chuyện tại sao mình không theo dõi nó được. Theo trong A-tỳ-đàm, mình nhận thức theo dõi nó, nó cũng là tâm, mà nghĩ tào lao thiên tướng thì cũng là tâm, tại sao mình để đầu mình nghĩ tầm bậy tầm bạ thì vẫn đi được, ăn được, tắm được mà khi theo dõi thì không theo dõi được?

Có người nói đang lái xe sao tu Tứ Niệm Xứ?

Khi lái xe vẫn lái bình thường, muốn sang lane phải nhìn đàng hoàng. Không thêm bớt gì hết. Thiền không phải là thêm bớt cái gì đặc biệt vào trong đời sống của mình, mà chỉ là sự thay đổi thôi. Ví dụ như trước đây mình làm bếp bằng con dao sét, giờ mình làm bếp bằng con dao đắt tiền, không mẻ, không sét, chỉ vậy thôi. Nghĩa là trước đây mình sống, hành động, làm việc bằng tâm bất thiện nên mình không biết mình đang làm gì, bây giờ mình sống, hành động, sinh hoạt, bằng chánh niệm, chỉ vậy thôi. Thiền không phải là thêm cái gì vô đời sống của mình, *no adding* mà chỉ là *replace*, thay thế thôi. Hồi đó tay thì làm nhưng cái đầu thì nghĩ tầm bậy, bây giờ tay làm, chân đi bình thường nhưng mình để ý mình. Ví dụ tôi đang lái xe, tôi kiểm soát được các bảng thông báo giao thông, bảng tốc độ bên đường, nhưng nếu đang lúc đó tôi nhớ chuyện gì ở sở làm tôi

bực mình, thì lúc đó phải biết: *tôi đang bực mình*. Chỉ vậy thôi. Tứ Niệm Xứ là sống chậm để biết rõ cái gì đang xảy ra. Một người không thật sự chán đời và chưa từng thực tập thì nghe Tứ Niệm Xứ thấy rất buồn cười, không có cao siêu. Có người thì thích những pháp môn gì phải cao siêu, kêu réo chư Phật Bồ Tát, phải có thần chú gì đó tối nghĩa mơ hồ. Họ nghĩ làm gì biết đó hoặc không làm gì đặc biệt thì ngồi xuống theo dõi hơi thở thì đâu có gì hay. Nhưng thử sống như vậy trong một ngày coi con người của mình ra làm sao, có nhiều chuyện lạ lắm, sẽ thấy trong thân thể của mình nó không hề như mình nghĩ. Mình lăng xăng lít xít mà không ngờ rằng cơ thể mình nó đau đớn, nó đủ thứ vấn đề như vậy. Hãy ngồi xuống thở chậm theo dõi nó. Không có điều khiển hơi thở mà chỉ quan sát nó thôi, từ đó mới thấm thía được cái selflessness, vô ngã trong đạo Phật nằm ở đó. Chậm thôi, khi hít vô đầy rồi thì tự động hơi đi ra, hơi ra hết rồi thì nó tự động đi vô, chỉ quan sát, không điều khiển. Chỉ có như vậy mới thấy thân này không phải của mình, nó phải thở, không thở chịu không nổi. Thở vô đầy rồi thì tự động nó thở ra, thở ra hết thì tự động nó hít vô. Khi mình làm đúng như vậy mình sẽ phát hiện một chuyện ly kỳ, thân mình luôn trong tình trạng căng thẳng, máu mình luôn liên tục di chuyển. Những cơ bắp của mình tưởng là nghỉ ngơi, nhưng nó không thật sự relax, chỉ có người chánh niệm mới thực sự relax. Nếu mình gồng thì sao nghỉ ngơi được. Những người tu Tứ Niệm Xứ mới thật sự là relax. Khi mình chánh niệm để sống thì mình mới phát hiện ra thân mình không thật sự khỏe mạnh sung sướng như mình nghĩ, nó luôn luôn trong tình trạng căng thẳng. Tại sao mình phải để nó căng thẳng?

Cái căng thẳng này làm cho cơ bắp này nó không nghỉ ngơi, làm da mình mau già, vì vậy Tứ Niệm Xứ còn là pháp môn thẩm mỹ. Tâm của mình lăng xăng, buông cái này bắt cái kia. Phật nói là giống như con chim khi có điều kiện lập tức bay về trời, con cá tìm về nước, sóc chồn tìm về hang, khi mình không có chánh niệm thì mắt mình luôn luôn tìm cái gì đó để nhìn, và lỗ tai mình luôn luôn trong tình trạng tìm cái gì đó để nghe, mũi luôn tìm cái để ngửi, đầu của mình luôn tìm cái này cái kia để suy nghĩ, mình không ngờ 6 căn của mình như 6 con thú vậy. Khi 6 căn (senses) của mình chạy theo 6 trần (objects), thì trong trường hợp đó mình đang gieo nhân sinh tử, nhân trầm luân, vì những chuyện mình nghe, ngửi nếm đó toàn chuyện tào lao, và cái đầu mình nghĩ tào lao thì khi chết sẽ đi về cảnh giới tào lao. Sống bằng chánh niệm thì đi về cảnh giới của chư thiên của loài người, nhưng sống bằng tham sân si, nhìn để mà thích, nhìn để bực mình, nghe để mà thích, nghe để bực mình thì coi như sống bằng tham, bằng sân, người như vậy thì chết cầu siêu nỗi gì. Tôi không tin chuyện cầu siêu, người nào siêu thì khi

sống đã siêu rồi. Giống như vé máy bay vậy, phải mua trước. Cái chết chỉ là ra phi trường thôi, còn hấp hối là đi qua cửa check in thôi, khi ngáp ngáp thì đã boarding rồi cầu nguyện gì nữa. Tu Tứ Niệm Xứ là đã mua vé rồi, mua vé về Paris, Rome, London, Venice, còn nếu không tu thì xem như mình mua vé về Iraq, của hãng Malaysia Airlines, chuyến MH17. Có những chuyến bay honeymoon dành cho những cặp đi hưởng tuần trăng mật, nhưng cũng có những chuyến bay mà người ngồi trên đó không muốn đáp xuống, đó là chuyến bay dẫn độ. Hoặc là sự trở về nhà của một người đàn ông thất bại trong gia đạo hay của người đàn bà không hạnh phúc trong tình yêu, tất cả những chuyến bay đó là những chuyến bay buồn, phải quay về với mái nhà đáng chán với con người đáng sợ. Cuộc luân hồi cũng vậy, có những cái chết là sự tìm về nơi chốn tuyệt vời nhưng có những cái chết là tìm về những nơi chốn đáng sợ. Tu Tứ Niệm Xứ là để mua cái vé cho thật ngon lành, chỉ vậy thôi.

Câu kệ thứ nhất là vị tỳ kheo phải tu tập thế nào mà mở miệng ra là y cứ trên nhận thức về Bốn Đế, nhận thức 37 pháp Trợ Bồ Đề, y cứ trên 10 chánh ngữ. Mười chánh ngữ là đề tài nói chuyện của mình dẫn tới chánh kiến, chánh tư duy; điều mình nói có nội dung dẫn đến chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định, chánh tinh tấn đó là Bát Chánh Đạo; dẫn đến chánh trí (đạo và quả) và chánh giải thoát (trí tuệ phản khán). Phản khán là sự nhìn lại những gì mình chứng đắc. Ngôn ngữ nào dẫn đến thiện pháp cho cả người nghe và người nói thì gọi là chánh ngữ. Nghe xong thì biết làm gì để lợi ích cho mình cho người, đời này kiếp khác; còn những buổi nói chuyện mà dẫn đến bất thiện thì gọi là tà ngữ, khi nghe xong tinh thần đi xuống, chán nản, không biết làm gì, không biết đi đâu gặp ai, mọi suy nghĩ đều hướng đến chuyện tiêu cực. Nghe đơn giản vậy nhưng rất là sâu, thay vì kêu gọi tu hành, thì chỉ khuyên một câu, anh tu thế nào không biết, anh học thế nào không biết, nhưng cứ mỗi lần mở miệng ra là y cứ trên trí tuệ 4 Đế, 37 pháp trợ Bồ đề, 10 chánh ngữ. Nếu có hành trì thì ngôn ngữ của anh mới là ngôn ngữ có tu tập. Ở đây như một cái mẹo, thay vì nói tu tập thì không nói, mà nói tu một pháp môn thôi: *nói chánh ngữ*. Khi người ta đề nghị mình nói chánh ngữ tức là học hết Tam tạng và thực hành Tứ Niệm Xứ.

Điều thứ hai của bài kệ này '*samaṇūpāsanassa*'. Ở đây có một điều chống trái giữa Aṭṭhakathā và Tika, tôi đọc kỹ gom chung lại như thế này. Theo trong Chú giải: '*Samana'*: 'sa môn'; '*ūpāsana'*: 'sự tuân thủ', 'sự hành trì', "pháp an trú mỗi ngày của hành giả". '*Samaṇūpāsanassa'*ở đây ám chỉ cho thiền Quán.

Câu thứ ba *"cittavūpasamassa"* ám chỉ cho thiền Chỉ. *Cittavūpasamassa* chỉ cho bát định: 4 thiền Sắc, 4 thiền Vô sắc, gọi chung là bát định.

Trong cả bài kệ này đề nghị vị tỳ kheo làm ba chuyện:

1. Nói năng trên tinh thần chánh pháp. Muốn nói năng trên tinh thần chánh pháp thì tâm tư phải an trú và hành trì chánh pháp.

2. Kêu gọi tu tập về thiền Quán. Vipassana ở đây có samatha (thiền Chỉ) đi kèm.

"*Vắng lặng, ngồi một mình, Với tâm tư an tịnh"*. "Tâm tư an tịnh" ở đây ám chỉ cho bát định làm cơ sở cho Vipassana (*vipassanadhithana*).

Sở dĩ hồi nãy tôi giảng Tứ Niệm Xứ vì bài kệ này phải nhắc Tứ Niệm Xứ. Thiền Chỉ ở đây chỉ là tập trung tư tưởng (concentration). Ví dụ mình tập trung niệm *đất đất đất đất…nước nước nước nước…, lửa lửa lửa lửa… gió gió gió gió*; hoặc mình để vật gì trước mặt rồi niệm *xanh xanh xanh xanh.., đỏ đỏ đỏ đỏ…* tập như vậy lâu dần cái tâm nó yên, yên rồi lâu ngày mình bắt đầu tu Tứ Niệm Xứ. Có người thì cần như vậy, có người không cần, họ trực tiếp theo dõi biết rõ mình đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang tắm … biết rõ cái gì đang xảy ra. Không hành trì không thực tập thì không biết sự tỉnh táo (mindfulness) đó hay đến mức nào. Cứ thử trong một ngày đi, nó làm cho bản thân mình an lạc, hạnh phúc, happy lạ lùng lắm và mình phát hiện ra được những chuyện trước đây mình không có ngờ. Ví dụ mình là người nữ, có tật hay so sánh, mình hay nhìn người đối diện ăn mặc thế nào, có hơn có bằng hay thua mình. Chỉ riêng sự so sánh đó làm cho mình khổ, chưa kể thương phải xa, ghét phải gần, bực mình chuyện này chuyện kia. Chỉ người Tứ Niệm Xứ là không còn biết chuyện gì ngoài việc chánh niệm, chỉ người như vậy mới thật sự an lạc. Hạnh phúc thế giới này kỳ lắm, nó giống như gió như nắng như mây trời. Như ngày hôm qua, tôi rất hạnh phúc khi nhìn thấy trời rất đẹp, trời xanh mây trắng nắng vàng, nhiệt độ hơi se lạnh, tôi đi bộ lang thang trên ngọn đồi cỏ đẹp lắm. Hạnh phúc an lạc cũng giống như vậy, cũng trời xanh mây trắng nắng vàng đó nhưng mình cứ ở trong nhà đóng cửa, hoặc đang đi giữa trời mà không màng tới trời xanh mây trắng nắng vàng thì cũng bằng không. Tứ Niệm Xứ là cho mình sự buông bỏ thật sự những cái gì gọi là gánh nặng của đời sống. Trước khi thành thánh đắc cái này đắc cái kia, việc đầu tiên là tu Tứ Niệm Xứ. Đời sống tỉnh thức cho phép mình một sự tự tại, sự an lạc mà mình nhận ra được nhiều chuyện lạ, thì ra áo quần giày dép không cần hơn một tủ, xe không cần mỗi năm đổi một chiếc, thì ra mình không cần phải alô, email, facebook, chit chat nhiều như vậy, đời sống mình không cần phải lệ thuộc

nhiều người xung quanh như vậy. Nhờ những cái 'thì ra' này khi một ngày nào đó mình đi không nổi, bị stroke (đột quỵ) nằm liệt giường lúc đó mới thấy không đáng sợ như những người khác. Có những người khi bị stroke thì đời họ kết thúc, họ chỉ muốn chết thôi, vì đời họ không từng sống qua tâm trạng của một hành giả nên khi bị mất mát họ chịu không nổi, tới lúc hấp hối họ mới biết sợ hãi và tiếc nuối. Có một điều tôi vô cùng tâm đắc đó là quí vị hỏi tôi có sợ chết không, câu đầu tiên tôi nói là sợ, nhưng tôi vẫn có bài học bằng vàng cho quí vị, đó là **khi mình còn có cái gì đó để tiếc nuối thì mình sẽ ra đi trong sợ hãi, tiếc nuối**. Tốt nhất, biết trước mình sẽ ra đi thì hãy ra đi bằng tâm trạng của người chán nản, dễ đi hơn.

Hai hạng người ra đi nhẹ nhàng

Trên đời này có hai hạng người ra đi nhẹ nhàng:

1. Không nghĩ gì về mình hết. Chỉ nghĩ về người khác, họ ra đi không tiếc nuối, không sợ hãi.

2. Không còn thích gì nữa hết.

Bản thân tôi là người nhút nhát và là người tu Phật, không bao giờ tôi có ý tự sát. Tuy nhiên trong đời của tôi, có những giây phút tôi không dám tự sát nhưng nếu cái chết đến với tôi lúc đó cũng không đáng sợ, vì lúc đó thực sự tôi muốn buông hết mọi thứ, tôi đã từng trải qua những giây phút như vậy. Tôi không ngờ chính những giây phút đó về sau này trở thành vốn sống, kinh nghiệm vô cùng quí giá cho tôi. Thì ra không phải ai cũng sợ chết, vì khi trong lòng mình không còn gì để nắm níu nữa thì cái chết không còn đáng sợ. Vì vậy, thay vì chết bằng sự nắm níu, sự sợ hãi tiếc nuối thì hãy ra đi bằng sự chán nản. Muốn làm được điều đó phải tu tập, phải tu tập để lúc nào đó thấy rằng thân này là gánh nặng.

Nội dung bài kinh này:

- Phải nói năng theo tinh thần chánh pháp, và để làm vậy thì phải có chánh pháp trong lòng.

- Phải tu tập thiền Quán để nhận diện bản chất thực sự của đời sống là gì. Đủ duyên thành thánh, mà không đủ duyên thì cũng được sống an lạc (hiện tại lạc trú).- Tu Quán có hai lợi ích, đủ duyên thì thành thánh mà thiếu duyên (Ba-la-mật đời trước) thì tối thiểu cũng an lạc đời này và ra đi nhẹ nhàng.

-Tu thiền Chỉ samatha cũng có nhiều lợi ích, đủ duyên thì chứng đắc thiền định thần thông, chết rồi được sanh về cõi Phạm thiên. Nếu thiếu duyên không đắc được gì thì cũng lấy đó làm nền tảng cho thiền Quán (Vipassana). Cả hai pháp môn này đều có chung lợi ích là tối thiểu cũng gieo duyên cho đời sau.

Người Việt có câu: *Chiều nay không xong thì sáng mai xong sớm.* Cứ làm hết sức mình đi, nếu kiếp này không được thì kiếp sau cũng lẹ hơn. Các vị pháp sư, giảng sư, luận sư của Miến Điện mà tôi từng tiếp xúc, có những vị rất trẻ nhưng những gì trong đầu họ rất đáng để mang thân người. Có vị chỉ 32 tuổi (nhìn vẻ mặt như 22 tuổi) mà dạy cho mấy trăm người. Tôi nghĩ nếu kiếp trước họ không học thì làm sao kiếp này họ có thể dạy được, khuôn mặt lại quá trẻ, quá an lạc.

KASSAPA (2) (Dutiyakassapasutta)

Kassapa này cũng là vị Thiên tử ở bài trên.

"*Đứng một bên, Thiên tử Kassapa nói lên bài kệ này trước Thế Tôn:*

Với tâm tư **giải thoát**,

Vị Tỷ-kheo tu thiền,

Và với lòng ước vọng,

Đạt được tâm sở nguyện.

Sau khi biết cuộc đời,

Hưng thịnh và phế tàn,

Tâm thuần, không nương tựa,

Hưởng lợi quả như chơn.

Câu này đọc nghe rất là suông nhưng nếu không đọc bản Pāḷi không đọc Chú giải thì một người cẩn thận không dám giải thích.

Trong câu "Trong câu "Với tâm tư **giải thoát**", Chữ 'giải thoát' ở đây, theo trong kinh là tâm được nhẹ nhàng, không bị phiền não nhờ ", Chữ 'giải thoát' ở đây, theo trong kinh là tâm được nhẹ nhàng, không bị phiền não nhờ **tu thiền**.

'kammaṭṭhāna': đề mục. Cả thiền Chỉ lẫn thiền Quán đều có đề mục. Tâm mà không có chỗ dựa thì nó sẽ lăng xăng, giống như chim tìm dịp bay về trời, cá tìm dịp về nước, chồn cáo tìm về hang. Nhờ có chỗ cột, tâm như con bò có sợi dây, tâm không chạy loạn. Tâm giải thoát ở đây là *"kammaṭṭhānavimuttiyā vimuttacitto"*. Tâm giải thoát nhẹ nhàng thanh thản nhờ vào sự an trú trong đề mục. Người không tu nghe vậy sẽ ngạc nhiên, để tâm tự nhiên thì nó được giải thoát sao lại phải *cột* nó lại. *Cột* thì nghe nặng nề, thay vì *cột*thì mình nói rằng để *cho nó yên nghỉ*. *Rest in Peace*. (RIP). Câu này ngoài đời ý nghĩa nghe buồn nhưng trong đạo thì hay, vì thật ra cả đời mình chưa bao giờ có "rest" (nghỉ ngơi). *Relax* còn chưa có thì làm gì có *rest*. Tâm tư giải thoát là *rest in peace*. Hãy ngồi yên vậy đi. Peace ở đây là '*kammaṭṭhāna'*(đề mục chỉ và quán).

'Vị Tỷ-kheo **tu thiền**'

'jhāna': 'thiền'; '*jhāyī'*: 'người tu thiền', 'hành giả'.

Từ chữ Từ chữ '*jhāna'* của Pāḷi, chữ '*dhyana'* của Sanskrit mới có chữ '*chan'* của người Tàu và chữ '*zen'* của người Nhật

'Jhāna' và '*jhāyī'* có cùng một ngữ căn (verbal root) là *jhā*: 'đốt'. '*Đốt'* ở đây là đốt phiền não, vì mình ghét cái này thích cái kia nên ngồi thiền là đốt bỏ đi những tục lụy, tục niệm. Nếu có người đề nghị tôi cho gợi ý để họ vẽ hình ảnh một người đang ngồi thiền thì tôi không thích hình ảnh một người ngồi xếp bằng lim dim mà tôi thích hình ảnh một vị tu sĩ đang ngồi nhóm lửa. Ngọn lửa cho thấy đời sống độc cư, lonely, ngọn lửa tượng trưng chữ 'jhàna' (thiền), chữ rất ý nghĩa và rất đẹp. Trong đời của tôi, tôi chỉ mong tối thiểu có một người quen cho tôi một đặc ân, một lời hứa, hứa là khi tôi có cái idea gì thì họ vẽ giùm tôi bức tranh sơn dầu hay màu nước hay bút chì gì cũng được. Tôi có nhiều ý tưởng ngộ lắm, tôi muốn làm bộ tranh PG nhưng tôi lại không phải là họa sĩ. Tôi có thể vẽ một ít. Tôi từng vẽ bức tranh một nhà sư đang cầm cây sào khều hái trăng, chú tiểu đứng dưới nhìn thích lắm, tượng trưng cho cả thầy lẫn trò đều là phàm phu ham chơi. Tôi có bức tranh một con khỉ ở trên cành cây nghiêng trên mặt hồ và ánh trăng in bóng dưới nước. Con khỉ đưa tay vớt lấy mặt trăng và mặt trăng vỡ tan đi khi nó chạm tay vào nước, nó thu tay về thì mặt trăng lại tái hiện. Tôi vẽ hai tấm hình đó và có người xin tôi đã cho. Tôi biết Phật tử nhiều người giỏi, nếu dân nhà nghề thì họ chỉ vẽ trong thời gian rất ngắn. Có cái hay thế này, thay vì mình làm một tập thơ thì mình làm nguyên một tập tranh, mỗi bức tranh chỉ có một cái tít (title) ngắn thật hay và sâu sắc. Đang đi lạc đề, giờ quay lại bài học.

Thiền ở đây gồm có hai:

- *Ārammaṇūpanijjhāna,* ám chỉ thiền Samatha

- *Lakkhanūpanijjhāna,* ám chỉ thiền Quán, Tứ Niệm Xứ.

'Upanijjhāna': chuyên chú, chú tâm (focusing). Giống như người chụp ảnh xoay ống kính (lens) để tập trung vào tiêu điểm nào đó.

'Ārammana': object

'Lakkhana': 'đặc điểm' (characteristic), ám chỉ cho khía cạnh nhân quả (cause effect) và Tam tướng của danh sắc.

Đặc điểm của danh sắc là có rồi mất, sanh rồi diệt, nhanh và liên tục. Âm thanh và ánh sáng không đi theo đường thẳng mà đi theo hình gợn sóng (hình sin), chỗ cao là đỉnh, thấp là đáy. Danh sắc đi theo kiểu đó, sanh rồi diệt. Vạn vật chỉ tồn tại bằng cách cái sau thay thế cái trước, không có cái gì tồn tại đứng yên. Có nhiều cái mình thấy nó có vẻ như không có gì thay đổi nhưng những cái bên trong (photon, electron, proton) đã thay đổi không ngừng. Cơ thể mình cũng chuyển biến liên tục để đưa mình từ trẻ nít dần dần thành người già. Bảy mươi phần trăm bụi trong ngôi nhà có người ở là da khô, tế bào chết của mình, mình luôn luôn trong tình trạng bỏ cũ thay mới ngày này qua tháng khác. Vạn vật luôn trong tình trạng sóng sau dồi sóng trước, từ chiếc nhẫn vàng, bạch kim, kim cương, hoa trái củ rễ, đất đai, sông núi, cây cỏ… mọi thứ đều luôn trong tình trạng như vậy đó. Tu Tứ Niệm Xứ là quan sát đặc điểm bản chất của danh sắc.

"**Ākaṅkhe** ce hadayassānupattiṃ": Khi có lòng nghĩ tưởng đến quả vị La Hán

'Ākaṅkhe': 'sự hướng đến'.

'*Hadayassānupattiṃ'* ám chỉ cho quả vị La-hán.

Trong bài kinh Hạnh Phúc (Maṅgalā Sutta) có câu "Trong bài kinh Hạnh Phúc (Maṅgalā Sutta) có câu "Bahū devā manussā ca. Mangalāni acintayum. **Ākankhamānā** sotthānam. Brūhi mangalamuttamam…", chữ *Ākankhamānā*là 'nghĩ tới', 'tưởng tới'. Hoặc trong kinh có câu "là 'nghĩ tới', 'tưởng tới'. Hoặc trong kinh có câu "Yam yam tathāgato **ākankhati**tam tam tathāgato pajanati": Đức Thế Tôn nghĩ đến cái gì thì lập tức biết ngay chuyện đó.

Ngày kia con của vua A Xà Thế đến hỏi Đức Phật: *Bạch Thế Tôn con nghe nói Thế Tôn là bậc nhất thiết trí, vậy khi có ai hỏi gì Thế Tôn có phải suy nghĩ không*. Đức Phật trả lời: *Ngươi có biết rành từng bộ phận chiếc xe ngựa ngươi vẫn đi mỗi ngày không?*

Người kia thưa biết tường tận từng món. Đức Phật hỏi: *Nếu ngươi đã biết thì khi có người hỏi ngươi về từng bộ phận của chiếc xe, khi trả lời ngươi có phải suy nghĩ không?*

Người kia thưa có thể trả lời không cần phải suy nghĩ. Đức Phật nói: *Ngay từ dưới gốc bồ đề khi đã trở thành vị Chánh Đẳng Giác thì cái gì ta cũng biết, chính vì cái biết đó nên khi người ta hỏi Như Lai không cần phải đắn đo, suy nghĩ*. Ngài không cần đắn đo suy nghĩ mà chỉ cần quan sát xem người này cần phải được trả lời như thế nào. Nếu một người có nhiều tiền khi muốn mua món đồ thì không cần đắn đo âu lo về số tiền hay giá cả, mà họ chỉ suy tính tại sao phải mua ở đây rồi mang về cồng kềnh hay là về rồi đặt hàng online, hoặc là nơi mình ở có bán.

Vị tỳ kheo ở đây sống thiền định, thiền định gồm cả hai (*dvīhi jhānehi*).

'Vimuttacitto': tâm an lạc từ các đề mục Chỉ và Quán.

"**Loka**ssa ñatvā udayabbayañca,"

'Loka' là thế giới. *'Loka'* ở đây là '*saṅkhāraloka'* (conditioned world, depending on) ám chỉ cho: 12 xứ, 18 giới, 4 đế, danh sắc, nhân quả, tam tướng. '*Saṅkhāraloka'* là thế giới bị lệ thuộc rất nhiều điều kiện, nhân duyên. Muốn đi rửa mặt cũng cần biết bao nhiêu điều kiện, nếu vướng bận con cái, khách khứa, điện thoại reo, bịnh tật v.v..., thì việc đi rửa mặt cũng không phải dễ. Chiếc lá mà dính được trên cành là nhờ *vô số* (countless chứ không phải many) điều kiện, đâu phải chỉ tưới là sống.

"Sau khi biết cuộc đời, Hưng thịnh và phế tàn", ngài Minh Châu dịch câu trên quá thơ mộng, trong khi bản Pāḷi là "*udayabbaya"* nghĩa là 'sinh diệt'

'Udaya': arising (sinh); '*vaya'*: disappearing (diệt). *Udaya* kết hợp với '*vaya'* theo luật Pāḷi, biến thành '*udayabbaya'*.

'Anissito': không bị lệ thuộc bởi tham ái và tà kiến

'Tadānisaṃsa': đạt được quả báo, thành quả phạm hạnh

'Sucetaso': 'thiện tâm', 'lòng lành'

Có thể dịch lại bài kệ trên như sau: Nhờ thấy được bản chất thật của đời sống vị tỳ kheo / hành giả hướng tâm đến quả vị giải thoát bằng cách tu tập thiền Chỉ và thiền Quán, nhờ vậy mà được tự tại và có được thành quả phạm hạnh.

Nói cho cùng, Đức Phật không biết bao nhiều lần xác định rằng: *Trong bao nhiêu năm hoằng pháp ta chỉ nói có hai điều: khổ và con đường diệt khổ.* Ngày xưa tôi đọc điều này tôi khó chịu lắm; Phật pháp mênh mông, Ngài kể về cõi Trời, về tiền kiếp làm vua, biết bao nhiêu chuyện vui chuyện hay trong đạo, mà sao Ngài chỉ xác định có hai chuyện đó, nhưng ở tuổi này thì tôi tâm đắc với cách nói đó. Toàn bộ thế giới này chỉ là khổ, và toàn bộ pháp môn tu hành *giới định tuệ* chỉ là con đường thoát khổ mà thôi. Nước biển chỉ có một vị mặn, toàn bộ pháp môn Đức Phật đề nghị cho chúng ta chỉ có một hương vị giải thoát. Đức Phật chỉ nói hai chuyện: *Khổ* và *con đường diệt khổ*. Bát chánh đạo là con đường diệt khổ, còn ngoài ra bất cứ cái gì có mặt trên đời này đều là khổ dù chúng ta có là giáo hoàng, tổng thống, chủ tịch World Bank, kỹ nữ, ăn cướp, du đãng, thầy chùa, linh mục v.v... đi nữa. Cái gì không phải khổ khổ thì nó là hoại khổ, nếu nó không phải là hoại khổ thì dứt khoát nó phải là hành khổ. Hẹn bà con sáng mai, cũng vào năm giờ sáng. Xin kính chào chư tôn đức.

[1] Đây nói về năm nhân loại. Một ngày một đêm trên cõi trời Đao Lợi bằng một trăm năm ở cõi Người, ba tháng cõi Người tương đương mấy phút trên cõi Đao Lợi.

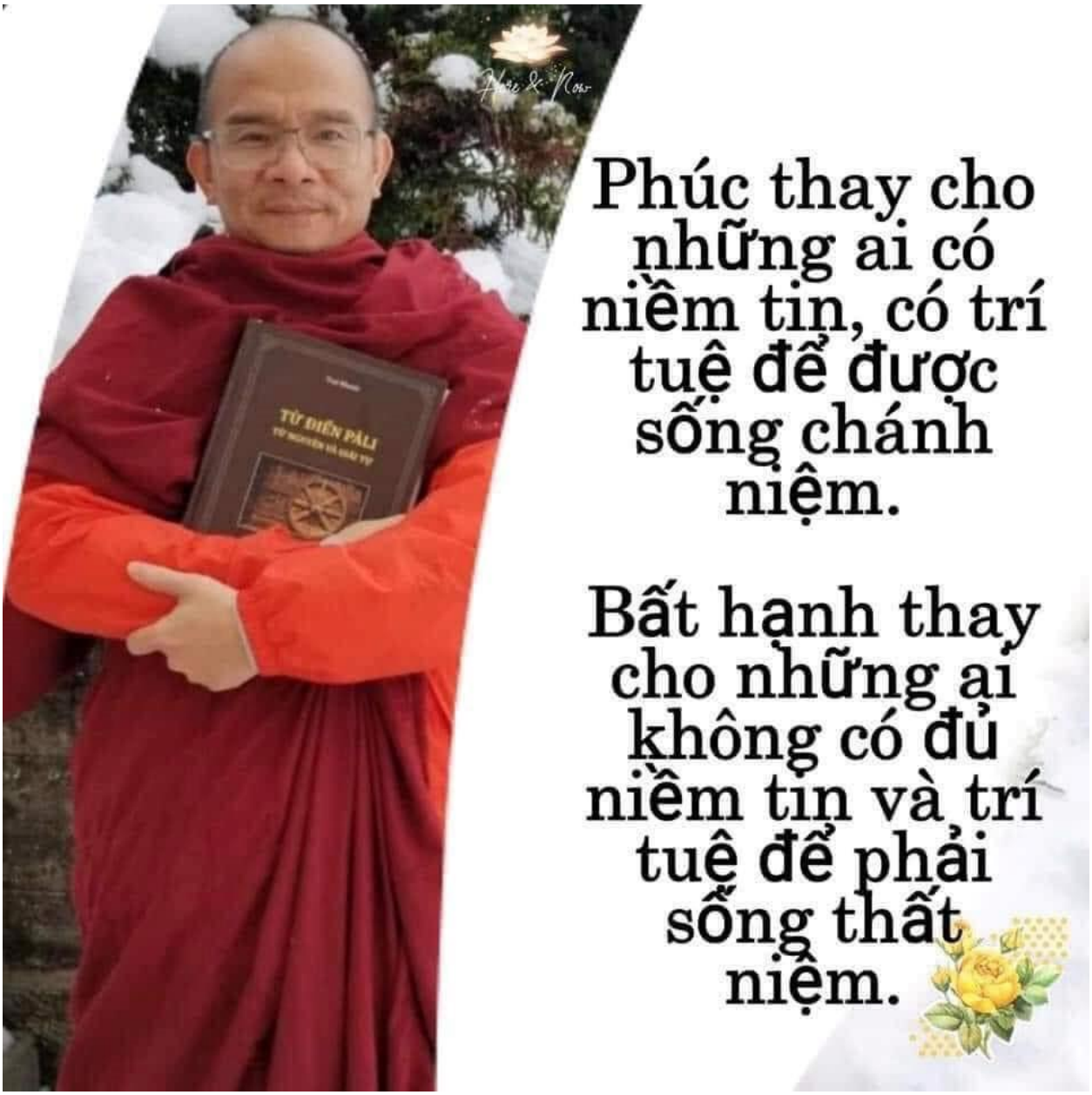
TỪ ĐIỂN PÀLI
Phúc thay cho những ai có niềm tin, có trí tuệ để được sống chánh niệm.
Bất hạnh thay cho những ai không có đủ niềm tin và trí tuệ để phải sống thất niệm.

Bài giảng ngày 7-8-2014 MĀGHA (Māghasutta)

Bài kinh này đọc bản tiếng Việt là nhớ lại ở chương trước chúng ta đã có học qua rồi. Cũng là bài kệ này, cũng được Đức Phật trả lời giống như vậy nhưng đối tượng hỏi là khác. Ở đây theo Chú giải, có vị Thiên tử tên là Māgha, đến hỏi Đức Phật: *Đức Thế Tôn là một bậc đại bi, ngài luôn chủ trương hiếu sinh, không hiếu sát, nhưng con xin hỏi, trên đời này có cái gì trừ được nó, diệt được nó mà mình được an lạc hay không. Một người hiếu sinh thì không muốn giết chóc, tàn sát hủy hoại, nhưng trường hợp này con muốn hỏi là có cái gì mình tàn sát nó mà đem lại lợi ích hay không.* Theo tinh thần Phật pháp thì một người tu hành không tàn phá hủy hoại cái gì hết, ngay cả một vị tỳ kheo mà nhổ cỏ hay đốn cây hoặc ăn một trái cây còn hột, chỉ làm hư hạt giống trong một trái cây cũng không nên nói chi là tàn phá hủy hoại cái gì đó trên đời này. Đức Phật dạy rằng: *Có, trên đời này có cái tàn phá hủy hoại tiêu diệt đi chỉ có lợi chứ không có hại, không đi ngược lại tinh thần chánh pháp, đó chính là tâm phẫn nộ.* Đó là một cách nói, đúng ra Ngài không xài chữ tàn phá hủy hoại đâu, nhưng người hỏi dùng nên Ngài phải dùng để trả lời. Ngay cả tiếng Việt, mình thấy chữ 'phá hoại' là xài không được, vậy mà có chữ *phá hoại* nào là tốt không. Câu "hết đầu thai" ngoài đời hiểu nghĩa xấu, người nào đó bị cái gì đó mà mất đi linh giác như là chun sào đồ, ăn đồ dơ thì không đầu thai được nữa, nhưng theo tinh thần nhà Phật thì "hết đầu thai" là chuyện tốt.

Bài kệ này chúng ta đã học rồi, Thiên tử Māgha là ám chỉ cho đức trời Đế Thích. Trong một số trường hợp ngài được gọi là Thiên tử Māgha, ngài còn nhiều tên nữa như là: Sujampati, nghĩa là chồng của nàng Sujata, Sakka (Đế Thích), Sahassanetti (Thiên Mục, ngàn mắt), Sahassakkhi (ngàn mắt), Vajirapani (người nắm giữ tia chớp - thunder-holder), (*Vajira:* 'tia chớp', '*pani'*: 'tay nắm') Māghava. Trong trường hợp này Đế Thích hiện xuống hỏi đạo và Đức Phật trả lời như vậy.

'Kodha': 'phẫn nộ', angry. *'Cetvà'*: 'phá hủy', 'tiêu diệt'.

Tuy Đức Phật chỉ nói 'phẫn nộ' thôi nhưng mình phải hiểu ngầm là tất cả những phiền não khác, vì người nào còn phẫn nộ thì chưa đắc Tam quả. Nói nhẹ hơn chút thì tâm sân của vị thánh Hữu học hoàn toàn không giống tâm sân của phàm phu mình. Tuy Tu-đà-hoàn chưa diệt trừ tâm sân nhưng tâm sân của họ không giống mình. Bằng chứng là vị Tu-đà-hoàn vẫn còn có Tâm đại thiện, có *tín, tấn, niệm, định, tuệ* y như mình nhưng *tín, tấn, niệm, định, tuệ* của vị Tu-đà-hoàn

tuyệt đối khác hẳn phàm phu, điều đó cũng có nghĩa rằng phiền não của vị Tu-đà-hoàn không giống phiền não của phàm phu. Đồ rách của nhà giàu không giống đồ rách của nhà nghèo. Đức Phật chỉ nói một phiền não là phẫn nộ dựa trên câu hỏi của người hỏi nhưng chỉ cho tất cả các phiền não khác. Trong bài kệ Đế Thích vừa hỏi, *bỏ cái gì lìa cái gì thì được an lạc,* trong bản Pāḷi thì có câu *bỏ được cái gì mà mình ngủ ngon giấc, bỏ được cái gì mà mình không sầu muộn*, "*Kiṃsu chetvā sukhaṃ seti, kiṃsu chetvā na socati"* nhưng ngài Minh Châu không dịch.

MĀGADHA (Māgadhasutta)

Có một vị Thiên tử, (hiểu ngầm là vị Trời), trong kinh chữ 'thiên tử' (*Devaputta)*ám chỉ cho người nào có nhiều phước, nhiều tùy tùng, nhiều oai lực. Đây là thuật ngữ bắt buộc phải biết, giống như tiếng Việt có nhiều người giàu nhưng giàu theo mức 'đại gia' thì ít hơn, tuy sanh về trời đều là tiên, chư thiên hết, nhưng Thiên tử là vị có nhiều phước báu đặc biệt.

Trong bài kệ Māgadha, câu hỏi là *trên đời này có bao nhiêu thứ ánh sáng để soi rọi*. Bài này đã học rồi, ở đây Đức Phật giảng trên đời này có bốn thứ ánh sáng: *ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng, ánh sáng của lửa, ánh sáng tuệ giác của một Đức Phật.*

Trong Tương Ưng Bộ kinh chúng ta sẽ học bài kinh mà Đức Phật dạy rằng: *Dầu Như Lai có ra đời hay không thì vạn pháp vạn hữu ở đời vẫn y như vậy chớ không có khác, có sinh ra thì có diệt, có xuất hiện thì cũng có biến mất, có sinh thiên thì có sa đọa, có đau khổ, có hạnh phúc.* Bao nhiêu tấn tuồng nhân thế có đầy đủ hết, nhưng khổ một nỗi không có chư Phật thì mình không biết, mình giống như cá bị nhốt trong chậu nước, ếch bị nhốt vào cái thùng, chỉ khi nào có vị Chánh Đẳng Giác ra đời thì Ngài mới cho mình biết do nghiệp trầm luân xô đẩy mình mới trôi dạt từ cảnh giới này đến cảnh giới khác và từ môi trường sống này đến hoàn cảnh sống khác, trong môi trường đó mình mới có những đam mê, bất mãn, thích cái này ghét cái kia. Ví dụ như mình là người châu Phi đói nghèo, từ nhỏ đã chụp con ếch bỏ vào miệng, nếu như tỉnh táo hơn, có học hành thì mình biết đó không phải là đời sống cao cấp, và mình biết ngoài châu Phi còn có những châu khác cao cấp hơn. Nhưng vì mình không biết nên mình chỉ nghĩ là sanh ra trong môi trường đó chỉ biết như thế thôi, bậc thánh nhìn mình y như mình nhìn các cậu bé châu Phi vậy mà mình nghĩ là mình hay. Mình mặc cái áo mình cho là đẹp, đi chiếc xe mình cho là sang, mình có cuộc hôn nhân mà mình cho là hạnh

phúc nhưng các ngài nhìn thấy thì ngao ngán lắm. Có câu chuyện tôi từng kể, cách tốt nhất và cũng là cách duy nhất để chọc cười Đức Chúa Trời đó là hãy cho ngài biết những dự tính tương lai của mình. Theo trong tinh thần của Thiên Chúa Giáo, ngài là người an bài mọi sự cho cuộc đời của mình nên không thể nín cười khi nghe mình toan tính. Bậc thánh cũng vậy, khi nhìn thấy phàm phu thích cái này, ghét cái kia, toan tính trù hoạch, các vị ấy không nín cười được, các vị ấy biết trước mọi sự sẽ sanh ly tử biệt, có đó mất đó, sẽ có lúc nằm liệt giường, tiêu tiểu tại chỗ, người thân thấy gớm, lở loét sau lưng, cơm ăn một muỗng nuốt được nửa muỗng, phòng ốc dơ dáy, tăm tối ẩm mốc, con cái không muốn bước chân vào, nếu chết sớm còn đỡ chớ nằm nhiều năm thì thê thảm lắm. Tuổi trẻ thành công nhất không phải là tuổi trẻ kiếm được nhiều tiền nhất mà tuổi trẻ đẹp nhất chính là tuổi trẻ biết nghĩ đến tuổi già để ngay bây giờ sống có chuẩn bị. Bây giờ mình học giỏi, nhiều bằng cấp, kiếm được nhiều tiền nhưng thiếu trù hoạch về tuổi già là tuổi trẻ đó có vấn đề. Tất cả những điều này mình biết được là nhờ Phật. Phật không ra đời là mình mù tịt luôn. Vì vậy, ánh sáng có bốn loại nhưng ánh sáng vi diệu nhất chính là ánh sáng của chư Phật, chính chư Phật dạy, soi rọi cho mình, nên gọi đó là ánh sáng của vô thượng.

DĀMALI (Dāmalisutta)

Có lúc tôi cũng có thiện chí muốn nói sâu nói rộng một bài kinh để mở ra cho quí vị những bối cảnh, những gợi ý cần thiết về Phật pháp để có chúng ta nhận thức khác. Có những câu ca dao mà hiểu theo kiểu hời hợt thì mình không yêu quê, yêu dân tộc, nhưng nếu phân tích theo một góc độ cần thiết thì thấy cả một tình quê chan chứa trong đó.

Bài kinh này cũng là bài kinh đáng lưu ý, theo Chú giải, vị Thiên tử Dāmali này không học A-tỳ-đàm, không hiểu rõ quả vị A-la-hán là cái gì, đọc Chú giải mới biết chuyện này chớ đọc chánh kinh không rõ. Chánh kinh rất đơn giản:

Ở đây, Bà-la-môn,

Tinh cần, không biếng nhác,

Đoạn trừ các dục vọng,

Nhờ vậy không tái sanh.

Trong câu kệ vị Thiên tử này đọc không có gì đặc biệt, nhưng theo Chú giải, khi Đức Phật vừa nhìn thấy vị Thiên tử này và nghe bài kệ là biết ông còn đang rất

mù mờ về quả vị A-la-hán. Các Phật tử VN, Tàu, đến bây giờ vẫn suy nghĩ như ông Thiên tử này. Theo kinh điển Bắc Tông, có một dạo sau khi Đức Phật niết-bàn vài trăm năm, trong tăng chúng chưa có Bắc Tông như bây giờ mình thấy, có những vị đi quá xa trong cái gọi là lý tưởng Bồ Tát đạo. Vì quá thương kính Đức Phật, quá thần tượng quả vị Chánh Đẳng Giác của Đức Phật, nên họ thấy chuyện diệt trừ phiền não để trở thành vị Thanh Văn rồi niết-bàn thì không giúp ích ai mà quá là hoang phí nhỏ mọn, nên họ mới phát triển khai thác thành một góc cạnh hơi mù mờ không được nói đến nhiều trong kinh điển Nguyên Thủy, đó là lý tưởng Bồ Tát Đạo. Các vị ấy chủ trương thay vì tu hành cho riêng mình thì tu hành giúp ích thêm cho nhiều người, từ đó tư tưởng này qua bên Tàu hình thành nên câu *"nhất nhơn hành đạo cửu huyền thăng",* một người tu hành đàng hoàng thì ông bà cha mẹ nhiều đời cũng được siêu sanh. Tinh thần này không có trong PGNT, trong PGNT thì "ông tu ông đắc bà tu bà đắc", ai ăn nấy no. Khi Phật đã viên tịch thì tư tưởng Bồ tát đạo dần dần hình thành, có thể buổi đầu chỉ là tâm huyết của một số vị, dần dần lan ra thành ra một nền tảng nhận thức tương đối chính thức chớ không còn là suy nghĩ riêng nữa. Từ đó mới nảy ra lý tưởng Bồ Tát đạo, mở ra con đường mà trước đó trong kinh điển nguyên thủy không nói tới. Họ mở ra con đường với giải pháp ngoạn mục lắm: anh sợ khổ thì cứ sợ, tu hành thì cứ tu hành, diệt trừ phiền não thì cứ diệt, đắc A-la-hán thì cứ đắc, nhưng họ mở ra cho vị A-la-hán một đường nữa, đắc A-la-hán xong thì tự nhiên với trí huệ của vị A-la-hán sẽ hiểu ra sâu sắc một điều trước đây chưa hiểu là trước đây mình thương chúng sanh nhưng không có thương theo kiểu không biên giới, vô điều kiện, kiểu tấm lòng của một vị A-la-hán. Như vậy người tu Bồ tát đạo tốt nhất không phải là phàm phu mà là A-la-hán. Muốn thành tựu Ba-la-mật, thập độ thì phải bố thí, trì giới. Những điều này thì khó làm vì phiền não mình đầy ắp. Phiền não của mình là những gì đi ngược lại tinh thần của thập độ, A-la-hán thì không còn phiền não nữa nên một khi vị A-la-hán mà chịu tu hành thì quá ngon lành. Thế là, dựa vào điểm này họ nói rằng một người phàm phu mà tu hành ngon lành thì chứng A-la-hán, chứng A-la-hán rồi mà có hạnh thành Phật cũng dễ, tiếp tục lấy nội lực của vị A-la-hán tu tập lục độ thập độ sẽ có một ngày thành Phật. Họ nói A-la-hán còn một bước đi nữa là Bồ tát. Trước khi đắc A-la-hán thì nghĩ tới mình, đắc rồi thì nghĩ tới chúng sinh. Từ Bồ tát tu tập lúc nào đó đủ duyên thì sẽ thành Phật. Nghĩa là chia theo thứ tự chúng sanh phàm phu, A-la-hán, Bồ tát, Phật, đó là PG phát triển đời sau. Họ tiếc cũng có lý do, họ tiếc một tâm hồn như vậy mà không tu Ba-la-mật thì uổng quá. Thật sự thì không phải như vậy. Vị Thiên tử Dāmali này cũng suy nghĩ như vậy, ông không hề biết gì về cái gọi là "*phạm hạnh đã thành, chuyện nên làm đã làm*" của một vị A-la-hán.

Ông cứ nghĩ đàng sau quả vị A-la-hán còn chuyện khác phải làm nữa. Trong Chú giải Pāḷi chỗ này có câu: *"Tīsu kira piṭakesu ayaṃ gāthā asaṃkiṇṇā*" (Tương truyền rằng trong cả Tam tạng đây là câu kệ độc nhất).

'Kira': 'tương truyền'.

'asaṃkiṇṇā': 'độc nhất' (unique)

'kiccavosāna': 'hoàn tất', 'chu tất', 'hoàn thành nhiệm vụ'

Người trong nước có câu "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng", câu này dành cho vị A-la-hán là đúng nhất, kẻ thù phiền não nào cũng đánh thắng, khó khăn nào ngài cũng vượt qua, và nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, chu tất nhiệm vụ rồi không còn gì để làm nữa. Kinh điển Nguyên Thủy xác nhận vị A-la-hán đã xong xuôi rồi, chuyện A-la-hán đắc rồi mà còn học Tam tạng, luyện thần thông chỉ là "tiện tay" mà làm thôi chớ thật ra các ngài không cần phải làm gì nữa, dầu đó là vị A-la-hán bảy tuổi, vì đã hoàn thành nhiệm vụ (*kiccavosānam).* Quan trọng nhất là trong Chú giải có câu này: *"khīṇāsavena pubbabhāge āsavakkhayatthāya araññe vasantena kammaṭṭhānaṃ ādāya vīriyaṃ kataṃ, aparabhāge sace icchati, karotu, no ce icchati, yathāsukhaṃ viharatū".* (Khi chưa có đắc quả A-la-hán thì mình phải vô rừng sâu tu tập thiền định, Chỉ Quán để chấm dứt phiền não lậu hoặc vv… Sau đó đắc rồi, nếu thích thì tiếp tục sống trong rừng, nếu không muốn nữa thì tùy thích làm sao thấy thoải mái thì làm). Đây là chỗ độc đáo nhất mà Đức Phật có một cách nói đặc biệt, vì muốn phá nghi cho ông Thiên tử, đây là chỗ duy nhất mà Ngài không kêu gọi sự tinh tấn, vì Ngài đang nói về quả vị A-la-hán.

Trong kinh Tăng Chi Bộ Kinh, pháp 6 Chi, khi Đức Thế Tôn gần viên tịch thì tuổi ngài Ca Diếp cũng không chênh lệch với Đức Thế Tôn bao nhiêu. Ngài Ca Diếp đã già rồi, về đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật dạy rằng: *Ca Diếp đã già rồi, về sống bên cạnh Như Lai đi.* Câu đó Ngài chưa bao giờ nói với những vị phàm phu dầu đó là vị lớn tuổi, riêng đối với ngài Ca Diếp thì Đức Phật dạy như vậy. Có một số dị biệt trong kinh điển Nam Truyền và Bắc phái mà Phật tử Nam Tông không có dịp để biết. Bên Bắc Tông họ cứ "Nam Mô Đại hiếu Mục Kiền Liên Bồ tát" là vì họ dựa vào tích Mục Liên Thanh Đề. Ngài Mục Kiền Liên đắc A-la-hán dùng thiên nhãn nhìn thấy mẹ đang là ngạ quỷ chín tầng địa ngục ngài dùng thần thông bay xuống gặp mẹ. A-la-hán mà không biết gì hết, cầm chén cơm đưa cho mẹ ăn. Loài nào có thức ăn của loài nấy vậy mà ngài hồn nhiên ngây thơ đưa cho bà mẹ là ngạ quỷ chén cơm cõi Nhân loại, bà ăn không được, ngài khóc. A-la-hán

gì mà muốn khóc là khóc, không biết gì hết, chạy về hỏi Phật. Phật bày cúng dường chư tăng vào ngày tự tứ, dùng vô lượng công đức, đức chúng như hải, nhờ đó mà hóa giải ác nghiệp tiền thân của mẹ, nhờ vậy mà ngài Mục Kiền Liên mới biết được mà hành động, từ đó mới có câu "Nam Mô Đại hiếu Mục Kiền Liên Bồ tát". Trong khi Nam Tông nói ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông mà do tiền nghiệp từng giết cha giết mẹ nên kiếp chót bị chết thảm, bị bằm như tương. Trong tiền kiếp ngài từng có vợ, mà vợ thì không ưa cha mẹ chồng. Khi ngài đi làm bên ngoài về, cô vợ cứ than phiền cha mẹ chồng lú lẫn, cơm nước luộm thuộm. Cô bắt chồng chọn một trong hai, hoặc cha mẹ hoặc vợ. Thế là ngài đem cha mẹ mù vào rừng, giả làm ăn cướp chặn đường, đánh cha mẹ một trận chết hoặc bị thương gì đó. Do trọng nghiệp đó mà đời đời ngài bị chết thảm nhiều kiếp, đến khi đắc A-la-hán đệ nhất thần thông rồi vẫn bị chết thảm. Chuyện biết mẹ bị đọa mà thương khóc thì đâu riêng gì ai, chuyện biết mẹ bị đọa thì tìm cách làm phước hồi hướng thì Phật tử nào làm lại chẳng được, tại sao lại tôn vinh ngài là đại hiếu. Hoặc tích Phật quỳ lạy đống xương, Ānanda hỏi sao lạy đống xương, Ngài nói xương này là hài cốt cha mẹ nhiều đời. Nghe hay nhưng ngẫm lại vô lý, tại sao Ngài lạy đống xương, mà đi ngang nghĩa trang, gò mối, khu chợ, trong đó cũng cha mẹ nhiều đời sao không quì lạy. Tất cả chỗ nào có chúng sanh đông đúc đều có cha mẹ nhiều đời ở đó, sao không quì lạy mà lạy đống xương. Chuyện này của mấy anh ba Tàu, không biết tiền khiên nghiệp chướng gì mà chúng ta tin được những câu chuyện này bao nhiêu thế hệ. Còn chuyện giúp ích cho bà mẹ là ngạ quỷ ở bên Nam Tông không phải là ngài Mục Kiền Liên mà là ngài Xá Lợi Phất. Lần đó ngài Xá Lợi Phất nhìn thấy con ngạ quỷ vốn là bà mẹ của ngài năm kiếp về trước. Ngài lấy đồ khất thực của ngài đem cúng dường cho Đức Phật và chư tăng. Ngài lấy sức chú nguyện của Đức Phật và chư tăng hồi hướng cho bà mẹ của ngài không làm ngạ quỷ nữa mà được sanh thiên. Mấy chục triệu dân VN hình như chưa được 1% biết chuyện này mà chỉ biết chuyện Mục Liên Thanh Đề; không hề biết chuyện ngài Mục Kiền Liên từng đánh cha đánh mẹ trong tiền kiếp, không hề biết chuyện ngài Xá Lợi Phất giúp cho bà mẹ ngạ quỷ của ngài.

Vị Thiên tử ở đây không hề biết quả vị A-la-hán là gì, ông vẫn cứ nghĩ rằng A-la-hán vẫn còn chuyện gì đó để làm. Đức Phật nói tuy quả vị A-la-hán Thanh Văn không bằng quả vị Độc Giác hay Chánh Đẳng Giác, tuy nhiên, cái đèn nhỏ cũng là cái đèn, chiếc xuồng nhỏ cũng là chiếc xuồng. Chiếc xuồng nhỏ không còn tiếp tục trôi nổi được nữa thì nó bị chìm, chiếc thuyền lớn không tiếp tục trôi nổi được nữa thì nó bị chìm. Còn trên mặt nước thì còn có lớn có nhỏ chứ chìm xuống dưới đáy nước thì cái nào cũng như nhau. Cái nhà lớn nhà nhỏ lúc chưa cháy thì

khác nhau, nhưng khi cháy rụi thì chỉ còn hai đống tro tàn. Kiếp xưa lúc còn phàm phu, chưa là thánh nhân thì mình còn có tâm nguyện Độc Giác, Chánh Đẳng Giác, Thanh Văn Giác, một khi đã chứng quả vị A-la-hán rồi thì vị đó không còn ý trèo leo lên quả vị khác cao hơn, vì trong cái nhìn rốt ráo của vị A-la-hán là vị đó không còn chỗ để đi nữa. Thấy được chỗ này, Đức Phật mới giảng rằng vị A-la-hán không còn gì để làm nữa. Toàn bộ những gì tôi giảng nãy giờ quí vị không thấy trong chánh kinh đâu, mà nằm trong Chú giải. Nếu chỉ đọc bản dịch Việt thì không thấy. Lúc đó Đức Phật thấy vị Thiên tử này nghĩ như vậy nên Ngài mới giải thích: *đối với vị A-la-hán không còn chuyện gì để làm nữa hết*. Chữ '*patiṭṭhā'* ở đây nghĩa là 'chỗ đứng', ngài Minh Châu dịch là 'chân đứng'. Ở đây Đức Phật dạy rằng: *Với một chúng sinh mà không tìm ra được chỗ đứng (điểm tựa) trên biển sanh tử thì còn trôi dạt từ chỗ này qua chỗ kia, còn đối với một vị có điểm tựa rồi thì họ không còn trôi dạt nữa.* Nói như vậy có nghĩa là dầu cho mình có được sanh vào cõi Phạm thiên, cõi Chư thiên, thì cõi nào cũng chính là sự trôi dạt. Vị Tu-đà-hoàn không còn làm trùn làm dế nữa, chỗ của các ngài chỉ đi vài kiếp nữa thôi, và đi chỗ đàng hoàng, cao sang.

Ở đây Đức Phật điều chỉnh suy nghĩ của vị Thiên tử, Ngài nói, với một người đã không tìm được chỗ đứng trong biển đời sinh tử rồi thì mọi hành động chỉ là hình thức trôi dạt thôi. Bài kinh này thơ mộng ở chỗ đó. Buổi sáng thức dậy chợt nghĩ mình ăn gì điểm tâm, đó là một thứ trôi dạt. Ngồi nghe chim hót, nghe mùi thơm của hoa, nhìn nắng vàng, thấy thích thú, từ tiếng chim đến mùi hoa, đó là sự trôi dạt. Sự trù tính cho cuối tuần, cho tháng sau, cho năm tới đó là sự trôi dạt. Sự luân lạc từ kiếp này qua kiếp khác cũng là sự trôi dạt. Riêng vị thánh thì không, vị thánh chỉ biết cái gì đang xảy ra, sống 100 năm hay 1000 năm cũng vậy luôn biết rõ cái gì đang xảy ra, không hy cầu hay ước vọng gì hơn nữa. Trong trường hợp đó được gọi là không còn chỗ trôi dạt. Ý nghĩa bài kinh này là như vậy.

KĀMADA (Kāmadasutta)

Nhìn vào bản dịch Việt của HT Minh Châu thấy rất là kỳ, trong đó ngài chia câu ra đặt số 1, số 2, số 3, số 4, số 5 mỗi một câu như vậy phần của Thiên tử Kāmada chỉ có một chút, nhưng cả chục câu còn lại của Đức Phật. Người biên tập nội dung ghép kiểu này nhìn khó hiểu.

Có một vị Thiên tử tên Kāmada đến gặp Đức Phật. Trong Chú giải nói vị này trước đây là một hành giả. Hành giả tiếng Pāḷi có nhiều chữ:

Vipassaka: hành giả thiền Quán

Jhāyi: hành giả thiền Chỉ (đôi khi cũng dùng cho hành giả thiền Quán.
Yogāvacara, Yogī cũng có nghĩa là "hành giả"

Mình là Phật tử Nam Tông biết mấy từ Pāḷi này cũng tốt. Bắc Tông thì khoái tiếng Tàu, họ thích Hán Việt. Chủng tử của Bắc Tông là chủng tử TQ, trang phục của họ cũng là trang phục của TQ, tụng niệm theo chữ TQ, cách hiểu theo kiểu TQ, thuật ngữ Phật học cũng là TQ, mai này họ chết họ sẽ trở về TQ. Bắc Tông đồng minh với TQ. Không thể nào lìa bỏ được TQ hết, chủng tử quan trọng lắm. Ở đây sẽ có nhiều người nghĩ tôi có ác ý hay châm biếm, nhưng đây là sự thật, cái tâm tư tình cảm mình dồn cho cái gì nhiều thì mình sẽ về với nó. Nếu phước mình nhiều thì mình sẽ về với nó trong vị trí ngon lành, nếu phước mình ít thì mình sẽ về với nó trong hoàn cảnh không được đẹp, hơi buồn một chút. Ví dụ, người Tây Phương sống nặng về vật chất, không biết Phật pháp, không tu tập trí tuệ thiền định, nhưng họ sống rất dễ thương, tốt bụng, thương người. Họ không giữ giới, chính vì vậy khi sanh trở lại mà có phước họ sanh làm người Âu Mỹ, nếu phước nhiều thì được làm người, còn nếu không đủ phước thì có thể sinh làm con Bergie. Con chó bên Âu Mỹ sướng vô cùng. Nhìn những người Âu Mỹ không có tu thì thấy họ trở lại làm chó rất dễ vì thích chỗ nào quay trở lại chỗ đó, nếu phước nhiều thì trở lại trong hoàn cảnh tốt hơn, còn phước ít thì trở lại trong hoàn cảnh thấp hơn miễn sao mình vẫn quẩn quanh trong thế giới đó. Tôi từng biết một bà chủ nhà quàn ở Mỹ có con chó chết và bỏ cả ngàn đô la làm mộ cho nó, có ghi trên tấm bia "In Memory of Lucky". Bên Âu Mỹ bỏ hàng ngàn đô la đưa chó đi thú y là chuyện bình thường. Vì vậy sống rộng rãi mà chỉ biết hưởng dục không biết làm phước đời sau sinh ra làm chó nhà giàu là chuyện rất bình thường. Mình chống cái gì thì coi trong lòng mình có thật sự chống nó hay không. Coi chừng mình chống độc tài mà trong lòng mình độc tài, gia trưởng. Chỉ cần phước tu hành của mình, đời sau sinh ra mình có thể thành vua, nhưng vì cái tánh của mình, sau này mình có thể trở thành nhà lãnh đạo độc tài. Thấy người ta làm ác nghiệp mình sợ đã đành mà thấy người ta làm việc thiện mình cũng sợ nữa. Tôi nói thế này nhiều người không đồng ý nhưng tôi phải nói. Mình đập con muỗi, giết con kiến, mai này nghiệp trổ mình vừa nhậm chức tổng thống, hay là hoa hậu vừa đoạt giải, là hoàng tử mới chào đời thì bị chết thảm, chỉ là do ngày xưa mình giết mấy con ruồi. Thấy người ta nói xấu nhau, hành hạ nhau, mình sợ mai này khi nghiệp trổ mình bị vạ lây. Một mình mình làm nghiệp bất thiện nhưng do nghiệp đó đời sau thiên hạ gặp mặt mình họ muốn chửi muốn đánh mình, và nghiệp bất thiện từ một người lây ra vô số người. Tại sao tôi thấy Phật tử làm việc thiện tôi sợ?

Có ai thấy người ta làm việc thiện mà mình sợ chưa?

Tôi có! Tôi thấy cô này tánh cổ nhiều bất thiện quá đi, nhỏ mọn ganh tị độc đoán gia trưởng mà lại làm phước rất rộng rãi. Với nghiệp này sẽ làm hoàng hậu không khó khăn, với cái tánh này trong vòng luân hồi sẽ làm bà chủ không khó khăn, nhưng chỉ có phước mà không có đức thì làm hoàng hậu có chết người ta không. Hoặc có những vị sư tu hành chơn chánh mà tánh tình khó khăn, nhỏ mọn, đố kỵ chẳng hạn, với công đức tu hành đời này thì mình sẽ nhìn thấy viễn cảnh tương lai đáng sợ sau này; mai này sinh ra làm vương làm tướng nhưng vô cùng độc tài, vô cùng nhỏ mọn thì có khổ cho chúng sinh không. Xét kỹ dòng luân hồi đáng sợ kinh hoàng, thấy người ta làm ác mình sợ đã đành mà thấy người làm phước mình cũng sợ, làm phước nhiều mà tánh không sửa thì đời sau kiếp khác sinh ra chỉ có làm khổ thiên hạ. Giống như mấy đứa du côn mà đi học võ thì mai nay ai chịu nổi. Cứ vậy thế gian này ngày mai sẽ có vô số Hitler, vô số Polpot. Đừng tưởng Hitler, Polpot dễ làm, phải phước báu lắm mới làm được, chín chục sư đoàn đều phải răm rắp nghe Hitler, muốn bao nhiêu kim cương bao nhiêu vàng cũng được, phải có phước đại đế mới được như vậy. Họ độc tài cỡ nào đi nữa nhưng phải nói họ có phước lớn ghê gớm lắm mới ngồi vào vị trí đó. Có đọc sách một chút mới biết tất cả những tổ chức chánh trị mà thành công thì mạng sống luôn là chỉ mành treo chuông, vì đối thủ luôn luôn tìm cách khử họ, hoặc là trực tiếp trả thù hoặc mua chuộc em út để khử. Mao Trạch Đông, Fidel Castro vô số lần bị ám sát hụt. Polpot cũng vô số lần đối diện với cái chết trong rừng sâu. Khi nghiệp của dân Campuchia chưa hết, nghiệp ổng chưa đến lúc chết thì không ai giết được ổng. Hễ ngày nào còn luân hồi thì ngày đó mình phải đối diện với bao nhiêu chuyện đáng sợ. Hôm nay thấy bà con nghe pháp tôi cũng ớn, nghe pháp là gieo nhân trí tuệ, mà nếu mình có nhiều tật xấu không sửa thì đời sau sinh ra mình khôn mà gian.

"Khó làm, bạch Thế Tôn". Ở đây, ông Kāmada nói: *Bạch Thế Tôn có quá nhiều việc thiện khó làm*. Đức Phật xác nhận đúng, có quá nhiều chuyện khó làm nhưng mà người tu hành phải ráng mà làm, vì ở trên đời không có hạt cơm miễn phí, cái gì cũng phải có giá để trả hết. Việc tu hành là việc khó, nhưng phải làm được cái khó này thì mới chấm dứt sanh tử, mới được an lạc vĩnh viễn. Chữ 'an lạc' trong PG Truyền Thống không giống như nghĩa thế gian. Chữ 'an lạc' nghĩa thế gian có thể hiểu là sự hưởng thụ một cảnh giới, một môi trường bối cảnh sống hấp dẫn nào đó, còn chữ 'an lạc' trong PG nghĩa là sự chấm dứt toàn bộ mọi hình thức hiện hữu, không có sự vãng sanh nơi các cõi khác, vì còn có sự hiện hữu thì còn có vô thường, khổ, vô ngã, vì mọi sự ở đời này không thể nào đứng yên và luôn

vô thường. Trong vô số kiếp sanh tử mình đã tạo bao nhiêu nghiệp thiện ác, khi nào ác nghiệp trổ quả thì mình sống khổ, khi nào thiện nghiệp trổ quả thì mình sống vui, chỉ riêng nghiệp quá khứ đủ làm cho cuộc trầm luân của mình luôn luôn bất trắc, luôn luôn vô thường, cho nên, vì lý nhân quả mà mình bị vô thường, vì lý Tam tướng mà mình vô thường. Những gì được gọi là hấp dẫn thì phải đáp ứng cái nhu cầu của mình, đói ăn mới ngon, buồn ngủ ngủ mới ngon, thương nhớ gặp được mới vui. Nếu như sự nhớ nhung không tha thiết da diết thì gặp đâu có vui. Muốn có một cuộc trùng phùng vui thì khi lìa xa nhau phải thương nhớ dữ dội; muốn có bữa ăn ngon thì phải đói dữ dội… muốn có vui phải có cái khổ, thà rằng đừng khổ cũng đừng vui, muốn được hạnh phúc thật sự phải lìa bỏ mọi sự.

"Biết đủ, bạch Thế Tôn,

Biết đủ, thật khó được."

Biết đủ là chuyện khó làm. Vì sao, vì có bao nhiêu người hiểu được Phật pháp, có bao nhiêu người bỏ được thói quen tích trữ trong nhiều kiếp?

Hiểu được Phật pháp thì tri túc dễ lắm, mình biết mình sống được bao lâu mà chất một đống đó. Mình có giàu bao nhiêu thì một ngày cũng ăn bao nhiêu đó thôi, ngủ cũng một cái giường chớ đâu thể ngủ một lúc mấy cái giường. Sống được bao lâu mà tích lũy, không chia sẻ cho bao nhiêu người khác đang cần. Chuyện này khó làm vì người biết Phật pháp không bao nhiêu, biết lớt phớt thì nhiều lắm. Pháp tri túc rất khó vì không bao nhiêu người biết Phật pháp. Chỉ thấy ăn là chuyện bỏ đồ dơ vào người, mặc là làm dơ tấm vải, thay vì nói theo ngoài đời là mặc cho ấm, cho sang cho bảnh, còn theo trong đạo thì mặc là để cho khỏi lõa lồ, không bị nóng, không bị lạnh. Nếu nói theo hành giả là sau khi tắm xong là làm dơ quần áo, tức là mặc quần áo. Thay vì nói vô giường nằm thì nói làm dơ cái giường, thay vì nói ngồi trên ghế thì nói đang làm dơ cái ghế. Khổ nỗi vì không học đạo nên không biết chớ nói như thế mới đúng, ăn cũng chỉ là chất đồ dơ vào trong người.

'Tuṭṭhi', chữ này từ ngữ căn: '*tus'* (vui), từ chữ này mà có chữ '*Tusita'* (Đâu Suất) nghĩa là "cõi vui"

'*Santosa'*, '*San'* là "tự mình", '*tosa'*: vui với cái mình có (tri túc). Bên Singapore có cái resort tên là Sentosa đừng nhầm lẫn với Santosa. *Tuṭṭhi = Santuṭṭhi:* vui với cái mình có.

Vui với cái mình có là tùy khả năng mình kiếm được bao nhiêu mà xài bấy nhiêu; vị trí mình tới đâu mình xài tới đó. Ví dụ như có người đi Thái Lan, gọi phone hỏi tôi có cần gì thì mua cho tôi làm quà, rồi họ nói có cái lộng đẹp lắm. Tôi hỏi dùng làm gì, họ nói để rước các vị khách cao tăng trong dịp lễ lạt. Tôi ở một mình, không lẽ tôi lấy cái lộng đó tôi che ngồi một mình tôi sao, nên dù cái lộng đó có đẹp cách mấy, có miễn phí, tôi cũng nên từ chối vì không thích hợp với hoàn cảnh sống của tôi. Còn những người không tri túc lại khác, cái gì thích là cứ mang về kể cả không thích hợp với họ, ví dụ như mấy cái cặp samsonite của mấy tay đi hội nghị, dù mình có thích nhưng phải nghĩ mình là ai. Lâu lâu nhìn mấy cái hình trong nước thấy mấy sư mấy thầy cầm samsonite tôi thấy khó chịu, những người cầm mấy cái đó đúng là đại biểu thiệt, nhưng ở cái xứ đi họp là vỗ tay, góp phần chen lấn đóng góp tài chính chứ trong số mấy người về dự thì chỉ một phần mười lên phát biểu cần giấy tờ hồ sơ, cần samsonite để đựng giấy tờ. Cũng như chuyện tu sĩ mang kiếng mát, trừ trường hợp đặc biệt ngồi trên xe và vị trí không có bao nhiêu người để ý thì dùng kiếng mát để bảo vệ đôi mắt của mình chớ đi bộ trên đường mà xài kiếng mát hay xài đồ da bóng loáng hay cầm cặp xách thương gia tôi thấy cũng dị. Lần đầu tiên tôi về Thái, một ông sư người VN thấy tôi xài cái đãy, ổng hỏi sao tôi xài đồ cũ quá vậy, tôi khó chịu đến bây giờ. Có nhiều người nghĩ rằng ông sư có điều kiện thì cứ xài sang, nhưng họ hiểu lầm rồi. Xuất thân mình là ai, và cái mình có là của ai cho, tại sao mình nghĩ đến việc xài sang?

Có nhiều cái người ta không dám xài, họ đem cho mình, mình lấy tiền đó đi xài đồ sang thì cũng hơi dị. Vì vậy tri túc thấy vậy mà khó.

"Khó tịnh, bạch Thế Tôn,

Tâm ấy, thật khó tịnh."

'Vūpasama': 'tịnh'.

Bản Pāḷi và bản tiếng Việt khác nhau ngàn trùng, nội dung theo bản Pāḷi:

1. Đời sống xuất gia (*Anagārya*) khó thực hiện (*dukkara*)

2. Niềm vui trong sự thanh tịnh của lục căn (*Indriyūpasama*). Sự thanh tịnh của 6 căn là khó có được (*Dullabhā*). '*Du'*: 'khó'

3. Tâm tư khó định tĩnh, khó chứng thiền (*Dussamādaha*). *'Samādaha'* cùng một gốc với chữ '*samāhita', 'samādhi'*.

Mình nói mình là Phật tử nhưng thật ra chuyện ngồi yên rất là khó. Không có gì bậy cho bằng người Phật tử cho mình cái quyền dốt giáo lý, cho mình cái quyền lớt phớt trong việc tu tập. Bản thân tôi là người dễ duôi, tôi không dám nhận mình tinh tấn, nhưng khi nói pháp thì bắt buộc - về mặt kỹ thuật - phải nói nghiêm túc. Không ai cho mình cái quyền vì hoàn cảnh mà mình được phép như vậy. Không bịnh nhân nào nói vì hoàn cảnh bây giờ phải ăn đồ độc hại. Sức tới đâu phải làm tới đó không được đổ thừa hoàn cảnh. Trên giường chết, vị hòa thượng và tín nữ giống hệt nhau, không thể nói vị ấy cả đời cạo đầu đắp y còn tôi thì cả đời tất bật chuyện chồng con. Cả hai đều phải đối diện hành trình mù mịt phía trước nên không thể nào viện dẫn lý do nào đó để có quyền dốt giáo lý, dễ duôi, biếng nhác trong chuyện tu tập. Mình có những cái sai mà mình không biết, ví dụ như nói rằng để lo xong cho con cái rồi mới tu, để có tuổi rồi mới tu, đó là những suy nghĩ không thể bậy hơn. Nói ra thì phũ phàng chứ ở đâu tự nhiên đủ duyên nó chui vào làm con mình, rồi mình lo cho nó, rồi chỉ cần nó có bạn gái bạn trai rồi thì mình đứng bên lề của nó rồi chớ đừng nói đến khi nó có sự nghiệp. Nếu các vị hỏi, nếu tôi có con tôi có thương không, thương chớ, nhưng phải vì con mà bán mạng như quí vị thì không. Phải hiểu một chuyện, sống ở thế giới này, vào thời đại này, phải thấm điều đó. Khi chúng nó mười lăm mười bảy thì cha mẹ chỉ là cái máy rút tiền thôi. Nghĩ tụi nó là con mình là sai rồi, tụi nó có phone, có ipad, có xe máy, mình đi cày như trâu còn chúng nó thì rút tiền của mình thôi, còn nghĩ khi về già được chúng nó lo thì tôi không tin, cái đó tự quí vị thỏa hiệp giao dịch với tụi nó. Mẹ tôi có rất có hiếu với ông bà ngoại, nhưng trong lòng bà thì mấy anh em tôi luôn là số một.

Tôi đang nói chữ 'khó định tĩnh' (*Dussamādaha*), cái tâm mình khó tập trung lắm. '*Kāmajaha'*: 'ly dục'. Chữ này rất là khó làm. Mình có trăm ngàn thứ để mình thích. Ba lý do để thích hoặc ghét: Tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý nhiều đời, môi trường sống hiện tại. Chính vì 3 cái này mới quyết định mình thích hay ghét. Mình thích màu tím hoa cà hay xanh đọt chuối, thích giày cao gót, thích da cá sấu, thích thuốc lá bia rượu… đều do tiền nghiệp, tâm lý và môi trường. Những người thoát ra khỏi vòng quay của bối cảnh hiện tại rất hiếm. Giờ qua Mỹ, Âu bước vào khu của dân nhập cư là biết liền, bước vào khu Ấn Độ là nghe mùi cà ri, bước vào chỗ của người Nhật, Hàn, nghe mùi rất là đặc trưng. Họ đã vào nghiệp người Nhật Hàn rồi đi đâu họ cũng mang theo cái nghiệp đó. Ở Thụy Sĩ, tôi có biết một cô Phật tử có ăn học, ở VN chỉ có mấy năm, nhưng nói là thèm ngồi xuồng ba lá đi len lỏi vào những khu rừng dừa nước. Tôi rành rừng dừa nước lắm, nước cạn thì sình không hà, mùi tanh tanh, gặp ong vò vẽ thì chạy

không kịp, xa chợ xa phố, đi đứng khó khăn, trời mưa nước đục ngầu, chưa kể có rắn lục, vậy mà có người thích như vậy. Muốn có được thiền định thì phải ly dục, muốn ly dục thì phải hiểu 3 lý do mình thích ghét trên đây.

"Khó đi, bạch Thế Tôn,

Con đường thật lồi lõm"

'Duggama': 'khó đi'.

Đường đời khó đi

Đi con đường đời có hai chuyện khó: Khó vì xuôi dòng, khó vì ngược dòng.

Khó vì xuôi dòng nghĩa là mình thích cái gì mình làm cái đó, muốn ăn gì thì ăn đó, muốn suy nghĩ cái gì thì nghĩ cái đó. Nếu phàm phu thích cái gì làm cái đó thì 99,9% thì làm toàn chuyện tầm bậy. Đó là cách sống xuôi dòng. Khi sống thả giàn như vậy thì sẽ sống bất thiện, hễ nhân bất thiện thì sẽ cho quả khổ.

Khó vì ngược dòng, đó là cái khó của người tu hành. Lẽ ra mình không khổ như vậy, lẽ ra mình không nhịn như vậy, lẽ ra mình không làm chuyện khó khăn đó, nhưng mà vì mình là người tu… Chữ 'lẽ ra' này nhiều khi mình phải nhắm mắt ngậm ngùi gạt lệ đẩy nó qua một bên, không còn 'lẽ ra' nữa. Vì mình là người tu mình phải như vậy.

Đường đời khó đi là vì hai lẽ như vậy, xuôi dòng và ngược dòng. Cái khó của bài kinh này là cái khó thứ hai: hành trình ngược đời của một bậc thánh hay nói khác là tu hành theo con đường của hiền thánh. Ngài Ca Diếp từng thưa với Đức Phật: *Bạch Thế Tôn con nghĩ rằng đời sống phạm hạnh là con đường đầy hiểm nạn*. Đức Phật xác nhận: *Đúng vậy này Ca Diếp, nếu nói một cách chơn chánh là phải nói như vậy, đó là con đường đầy chông gai thử thách, khó bước đi.* Hai vị hiền thánh mà phải nhìn nhận điều đó.

Con đường khó đi vì xuôi dòng có nghĩa là khi sống theo bất thiện thì phải chịu khổ báo; đường luân hồi vì vậy mà khó đi hơn. *Khó vì ngược dòng* là do tu thiện pháp ta phải đối diện với hai cái khó: 1. Đi ngược lại khuynh hướng tâm lý nhiều đời của mình. 2. Đi ngược lại trào lưu thiên hạ. Người tu là kẻ sống ngược đời, lẽ ra phải hành động như vậy mà mình không hành động như vậy thì thiên hạ chịu sao nổi. Sống xuôi dòng thì sẽ gặp khó khăn về quả (sống xuôi dòng thì sẽ sống bất thiện thì sẽ cho quả khổ làm trùn làm dế, sống cực khổ, thiếu thốn v.v...).

Sống ngược dòng thì sẽ gặp khó khăn về nhân. Giữ giới là nhân, đầu đà là nhân, tri túc là nhân, kham nhẫn là nhân, khi sống thiện, lúc gieo nhân rất là khổ, nhưng lúc hưởng quả thì vui; còn sống bất thiện lúc gieo nhân thì vui nhưng khi hưởng quả thì khổ. Nếu cho mình muốn sống sao sống không ác nghiệp thiện nghiệp gì hết thì tôi mê câu cá vô cùng, săn bắn nữa. Có cây súng với kính hồng ngoại ban đêm ngồi trong lều thấy nó di động mình siết cò; còn câu cá gặp mấy con cá to thì cảm giác đã lắm. Ăn uống cắm trại ngoài trời, có bạn bè nữa, vui biết bao nhiêu. Cứ tưởng tượng con cá nuốt lưỡi câu giựt ra nó khổ biết chừng nào, mai mốt trổ quả thì bác sĩ khoét cái lỗ ở cổ mình rồi đổ thức ăn vào đó. Dĩ nhiên là có một tỷ nghiệp chớ không phải bi nhiêu đó. Tôi có coi phim Đại Hàn anh kia tự tử bằng cách nuốt dây câu, kể lại còn ớn lạnh. Vì vậy, sống xuôi dòng sướng lúc hành động nhưng khổ lúc nhận quả, còn sống ngược dòng thì khổ lúc gieo nhân nhưng sướng lúc hưởng quả.

Bài giảng ngày 9-8-2014 PAÑCĀLACANDA (Pañcālacaṇḍasutta)

Nếu đọc bản tiếng Việt chúng ta sẽ thấy bản tiếng Việt này hay nhưng từng chữ trong đó không sẵn sàng cho một bản Chú giải, vì theo cách dịch sát nhìn từng chữ trong bản dịch, chen Chú giải vô, chú thích từng chữ, còn ở đây ngài Minh Châu chỉ dịch ý. Bản Pāḷi khác bản tiếng Việt nhiều lắm. Theo bản Pāḷi, một vị Thiên tử, đã đến lễ Phật và nói lên điều mình tâm đắc chớ không phải là một câu hỏi. Vị này nói lên điều tâm đắc mang nội dung tán thán người tu hành.

"Sambādhe vata **okāsa**ṃ": Trong cái trói buộc vẫn tìm ra được lối thoát.

'*Okāsa':* 'cơ hội', 'lối thoát', 'khoảng trống'. Ví dụ trong một nhà tù, bốn bề phải rào tường cửa vách, chỉ cần một lối thoát, một đường đi ra ngoài (*okāsa*) thì chỗ đó không còn là chỗ giam nữa.

'Sambādha': 'sự trói buộc', 'giam cầm', 'ràng rịt'.

Chữ '*Sambādha'* theo Chú giải có hai trường hợp trói buộc:

- *Kāmaguṇasambādha:* Sự trói buộc trong năm trần cảnh

-*Nīvaraṇasambādha*: Sự trói buộc của phiền não cụ thể là 5 triền cái.

Nhưng *"Tesu idha nīvaraṇasambādhaṃ adhippetaṃ*", trong bài kinh này *sự trói buộc* ở đây ám chỉ cho *năm triền cái*: tham dục, sân độc, trạo hối, hoài nghi, phóng dật.

Phiền não có rất nhiều cách nói, nhưng trong trường hợp một người muốn tu hành đạo giải thoát gồm có giới, định, tuệ thì đôi khi phiền não được kể thành 5. Năm pháp chướng ngại (obstacle) = 5 pháp ngăn trở (*nīvaraṇa, hindrance)* làm cho người ta chân không đi tới được, mắt bị che khuất không nhìn xa được. Gồm:

*a- Tham dục*là bị dính mắc trong năm trần cảnh. Trong vòng luân hồi, tất cả chúng ta từ con ruồi muỗi đến vị tu sĩ, vua v.v... từng có lúc mình là ruồi, muỗi, Phạm thiên chư thiên, dù mình đi đâu cũng có lúc quay trở về cõi Dục, giống như quy tắc tự nhiên của trời đất mọi vật khi không cố gắng nữa đều rơi về chỗ thấp nhất. Máy bay có bay cao mấy sau khi vượt qua các đại dương cuối cùng cũng trở về phi trường. Định phận của chiếc máy bay là sau bao nhiêu năm bay trên trời cũng trở về mặt đất và đẩy vào nghĩa địa máy bay. Người và vật giống nhau, đến một ngày nào đó khi không còn hoạt động nữa thì trở về chỗ thấp nhất.

Chúng sinh trong cõi trầm luân, kiếp nào còn cố gắng thì sanh về cõi Trời, cõi Phạm Thiên nhưng lúc nào đó hơi mòn sức kiệt thì trở về chỗ thấp nhất là 5 dục. Năm dục là khả năng nhìn ngắm đón nhận thế giới này qua năm trần cảnh, nghe ngửi nếm đụng… nếu may mắn gặp thiện hữu minh sư thì mình tu thiền trở về cõi Phạm thiên bằng không thì cứ quẩn quanh trong cõi Dục giới. Chiếc tàu cũng vậy, được đóng ra để đi, nếu không tai nạn thì cũng trở về chỗ để người ta rã ra lấy phế liệu, xe hơi cũng vậy, cũng trở về bãi rác.

b- Sân độc, hễ còn thích cái này cái kia là còn bất mãn. Còn có niềm đam mê trong năm dục thì còn có bất mãn trong năm dục.

c- Trạo hối, đời sống của một người phàm phu luôn luôn có nhiều chuyện để hối hận, tiếc nuối. Hối (*katamakatam*): tiếc nuối chuyện mình đã làm *(katam)* hoặc không chịu làm *(akatam)*. Hễ còn phàm tâm là bao giờ chúng ta cũng có một tỷ chuyện để tiếc nuối (tại sao ta làm chuyện đó, tại sao lúc đó ta không nói, tại sao lúc đó ta không nghĩ ra, thân khẩu ý của mình luôn để lại vô vàn những điều tiếc nuối). *Trạo*: chỉ cho sự không tập trung. *'Uddhacca'*: Trạo cử, sự không tập trung, restlessness.

d- Hoài nghi, hễ còn là phàm phu, dẫu giỏi đến có tám bằng tiến sĩ thì chỉ là có kiến thức chuyên môn về tám lĩnh vực nào đó thôi. Ví dụ có bằng tiến sĩ Vật lý, hay Toán cũng chưa được một phần tỷ kiến thức gọi là Vật lý hay Toán trong vũ trụ này. Nếu có sống một tỷ năm đi nữa thì kiến thức về Toán của chúng ta chỉ là một phần đường chưa đi đến đâu so với vũ trụ này nói chi là người không được đào tạo bài bản trường lớp gì hết. Vì vậy, suốt đời kẻ phàm phu mãi hoài đi trên con đường nghi hoặc, mãi hoài đứng trước ngã ba lòng với những nghi hoặc rất cơ bản *tôi là ai, từ đâu tới, rồi sẽ về đâu, bây giờ tôi phải làm gì,* hễ là còn phàm phu thì dứt khoát còn hoang mang nghi hoặc suốt cuộc trầm luân.

Cách chấm dứt hoài nghi

Cách chấm dứt hoang mang nghi hoặc chỉ có hai cách:

- *Đi tìm câu trả lời.*Trở thành thánh nhân để biết mình chỉ là hình sương bóng khói

- *Để sang một bên, không tiếp tục nghĩ về nó nữa*. Có hai trường hợp:

+ Để sang một bên theo cách của người hiểu biết (cách của thánh nhân) khi thấy đó là chuyện không cần thiết, việc đầu tiên là phải làm sao cho hết phiền não, hết sinh tử.

+ Để sang một bên vì còn bận tâm vô vàn chuyện khác (cách này đa phần chúng ta chọn lấy), bận tâm cơm áo gạo tiền, hưởng thụ, sống chết sanh tử, làm sao đừng ốm đau, mất mát, thiệt hại…

e- Phóng dật, sự lăng xăng của tâm

Vị Thiên tử nói, đời sống này, trong khi 99.9% chúng sanh bị trói buộc trong năm phiền não trên, *bậc hiền trí* (*bhūrimedhaso*) vẫn *phát hiện* (*vindati*) ra một lối thoát, vẫn tìm ra được một con đường đi, vẫn tìm ra một cơ hội.

"Yo jhānamabujjhi, jhānamabuddhi buddho", Người nào có hiểu biết (trí tuệ) trong hai thứ thiền định Chỉ và Quán, *paṭilīnanisabho munī* người đó được xem là bậc đã chấm dứt ngã chấp.

'nisabha': 'xuất sắc', excellent.

'Paṭilīna', theo Chú giải là *'Pahīnamāno':* sự chấm dứt ngã chấp.

Tôi rất lấy làm ngậm ngùi khi lớp học này bị chướng duyên không tiếp tục nữa, bởi vì đây là một lớp, nói một cách chân tình, nếu năm 16 tuổi tôi gặp được lớp này thì đời tôi hôm nay đã khác rồi, nếu năm 25, 28 tuổi mà tôi được gặp một lớp học như thế này thì đời tôi hôm nay khác rồi. Tôi không nói rằng bây giờ tôi đáng thương thê thảm nhưng phải nói rằng, nếu thời gian trước cách đây 18, 20 năm tôi có được lớp học như vầy thì đời tôi đã khác rồi. Tôi có nhiều cơ hội để hiểu cái gì là mạt pháp. Tại sao tôi chọn châu Âu, chỉ vì một lý do rất là đơn giản vì ở đó tôi có thể về Miến Điện cho quãng đời cuối của tôi dễ hơn. Tôi không có niềm tin ở người VN, đạo Phật của người VN là đạo Phật của Tàu, một thứ đạo Phật không thích nguồn cội, cũng có thể giữa tôi và các vị không có duyên. Bao nhiêu năm tôi làm thầy chùa trong PG Nam Tông VN, đó là chỗ xuất thân của tôi nhưng cũng là chỗ làm cho tôi thấy ngậm ngùi, và thấm thía thế nào là mạt pháp. Phật pháp mà người ta truyền tới đâu phải là thứ Phật pháp của chùa to Phật lớn, đâu phải là thứ Phật pháp vàng son chói lọi của hình thức, của sự hời hợt. Chúng ta có cơ hội học Kinh tạng là tôi nghĩ chúng ta có sự may mắn.

Tôi đã nói tùy trường hợp mà phiền não được kể ra như thế nào, có chỗ kể làm 3 (*tham, sân, si*), có chỗ kể làm 10 (*kiết sử*) v.v... Nhưng có những trường hợp chỉ

kể bằng một thứ là 'phẫn nộ' (sự bất mãn). Tại sao một phiền não như vậy được xem là tiêu biểu cho tất cả những thứ còn lại, vì kẻ nào còn chỗ bất mãn thì chắc chắn rằng kẻ ấy còn chỗ ưa thích. Ở đây 'ngã mạn' được xem là tiêu biểu cho tất cả phiền não vì người nào còn ngã chấp, còn phân biệt, còn so sánh, *tôi, của tôi*thì còn có chuyện để nói về người này và người này chắc chắn còn có chỗ đi trong tam giới, còn có chỗ đi trong tam giới nghĩa là người này còn luân hồi sanh tử. Toàn bộ đời sống của mình có nhiều cách nói, trong đó có cách nói so sánh. Quí vị có nhớ câu chuyện một người học đạo xin vị thiền sư thu gọn Phật pháp trong một câu nói, vị thiền sư vạch một đường dưới đất và hỏi "*Dài hay ngắn*?

". Chỉ một đường sao biết dài hay ngắn. Vị thiền sinh nói thiền sư cho thêm một đường nữa để so sánh và ngay lập tức ngộ đạo. Còn có so sánh thì còn có thích còn có ghét. Theo PG Phát triển có chữ 'bất nhị' nghĩa là không còn so sánh nữa. Mình còn thích thì còn so cái A khác cái B, chớ nếu thấy nó là nó thì làm gì có cái thích. Đói bụng thì cái gì bỏ vào miệng nuôi mạng được thì ăn, vấn đề là có cái so sánh, phở ngon hơn hủ tiếu, có nước dễ nuốt hơn đồ khô v.v... Có so sánh rồi có phân biệt bỉ thử, ta người, đây đó. Ngày nào mình chưa biết Phật pháp, cứ nghĩ ngã mạn là hơn người ta, nhưng mình nghĩ mình thua người ta, hoặc nghĩ mình bằng người ta cũng là ngã mạn. Vị A-la-hán hết ngã mạn thì không so sánh như mình, chuyện cần thiết thì ngài biết chớ không có so sánh. Ví dụ, hai đứa bé được mẹ cho mỗi đứa một cái bánh, đứa bé nghĩ bánh của thằng anh lớn hơn, dày hơn nặng hơn… mình người lớn thì khác, khi mình đi chợ nhìn thấy rổ bánh tiêu, làm gì có hai cái bánh tiêu chính xác bằng nhau. Trong tâm trạng của một người trưởng thành và tâm trạng của người đi mua bánh, hai cái bánh nằm trong cái rổ của người ta, không mắc mớ gì mình hết thì mình nhìn hai cái bánh như nhau, vì nhìn nó bằng tâm trạng nhẹ nhàng thoải mái nhưng đối với hai đứa bé kia thì khác. Chữ *ngã* là vậy đó, mình so về nhan sắc, uy tín, quan hệ, về cái tôi của mình với người khác.

Trong trường hợp này vị Thiên tử tán thán rằng vị (ẩn sĩ) nào ở đời này không còn ngã mạn nữa thì đó là nhân vật ưu việt: *Bạch Thế Tôn con hết lòng tôn kính những vị nào trong cuộc sống đầy những ràng buộc này mà vị đó vẫn tìm ra được một lối thoát và ai làm được việc đó thì vị đó là một vị đáng kính*.

Thưa thiệt với các vị một chuyện, nếu có một sự đảm bảo nào đó trong vô số kiếp luân hồi vĩnh viễn về sau này tôi không còn bị sa đọa nữa mà chỉ có đi lên, trở lại làm người, làm Phạm thiên theo ý tôi muốn, đi được đến chỗ tôi muốn, sở hữu được cái tôi thích, gặp được người tôi thương… thì tôi nói thiệt, có lẽ tôi không

nghĩ đến chuyện viên tịch niết-bàn. Bình thường tôi vẫn nói, vô ngã vô thường, danh sắc là đồ lắp ráp, nhưng thật ra trong ba cái khổ tôi chỉ sợ *khổ khổ*và *hoại khổ* thôi. Nghĩa là cái gì làm tôi khó chịu về thân về tâm, đau đớn nhức nhối buồn khổ tiếc thương sợ hãi tức giận, tôi chỉ sợ cái đó thôi, và sợ hoại khổ, sự biến mất những gì làm tôi dễ chịu, chớ cái thứ ba, đó là sự lệ thuộc các điều kiện, tôi không sợ, biết đó là phù du nhưng không có sợ. Điều đó có nghĩa là đối với một người biết Phật pháp mà còn đam mê như vậy, nhưng cuối cùng dĩ nhiên phải chọn con đường giải thoát vì biết rằng không thể nào có chuyện phàm phu mà không bị sa đọa. Một vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác khi đã thọ ký rồi thì vị đó phải biết rằng mình còn vô số lần sanh vào địa ngục, vô số lần sanh vào cảnh giới bàng sanh, A-tu-la. Vì còn phàm phu thì còn tạo ác nghiệp, còn tạo ác nghiệp thì còn vào ra trong ba cõi sáu đường, chớ còn thật ra mà nói, năm dục trần nó là một ràng buộc rất dễ sợ, rất khó thoát ra được. Có hiểu được chỗ đó mới hiểu vì sao vị Thiên tử này tán thán vị nào mà ngay trong bao nhiêu thứ ràng buộc của phiền não mà vẫn tìm ra được chỗ thoát. Phải nói thiệt, nếu không có chuyện sa đọa thì tôi tình nguyện làm kẻ tù nhân trong năm dục. Quí vị sẽ hỏi tôi là thầy tu mà mê cái gì. Có nhiều cái mê lắm, người ta mê máy bay, du thuyền, mỹ nữ, rượu thịt… còn tôi thì mê buổi chiều mùa thu đi một mình đi trên những đồi cỏ ở Thụy Sĩ, nghe tiếng chuông bò kêu leng keng đâu đó, tối về có căn phòng ấm áp. Còn vào mùa đông thì tôi biết đêm nay tôi sẽ về căn phòng ấm cúng nhìn bên ngoài trời tuyết rơi, đọc cuốn sách mình thích trong mùi hương trầm ngan ngát. Sáng hôm sau xách ba lô, chai nước, khúc bánh mì, lên tàu, đi đến ga nào thích thì xuống. Ngồi trên xe lửa Thụy Sĩ nhìn thấy mọi thứ bên ngoài cửa sổ là một thứ hạnh phúc không thể tả. Rảnh rảnh chạy vô tiệm đồ cũ, ở đó cái gì cũng có, thượng vàng hạ cám... cảm giác vui lắm. Tôi chỉ đang nói một khía cạnh nhỏ của đời sống mà còn cuốn hút mình như vậy huống chi triệu phú Trung Đông đi có máy bay riêng, xuống đất có limousine, có hải đảo, có du thuyền, có lâu đài riêng. Đó là lý do tại sao mà vị Thiên tử quá nể phục một con người giữa bao nhiêu thứ ràng buộc của cuộc đời này mà vẫn tìm ra được lối thoát. Lối thoát đây chỉ cho thiền.

Chữ '*buddha'*này là *người tỉnh giấc /thức dậy* sau một giấc ngủ chiêm bao hay hiểu biết vấn đề gì đó (Tứ Diệu Đế).

"Yo jhānamabujjhi, jhānamabuddhi buddho", người nào có hiểu biết trong hai thứ thiền định Chỉ và Quán. Chỉ và Quán ở đây được xem là hai kiểu thức giấc, người nào thức giấc bằng một trong hai cái này thì người đó rất là đáng kính. Tam giới này là gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Theo trong A-tỳ-đàm, Dục giới là cảnh giới mà ở đó chúng sinh sanh ra chết đi buồn vui hạnh phúc đau

khổ hoàn toàn dựa trên nền tảng của năm dục. Thấy cái mình thích, thấy cái mình không thích, ngửi mùi mình thích ngửi cái mùi không thích...chúng sinh nào sống quẩn quanh trong năm thứ (thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng) đó thì quẩn quanh không lối thoát. Trong Tam giới nói chung và trong năm dục nói riêng nếu cứ quẩn quanh trong đó thì cuối cùng sẽ có một ngày rớt vào chỗ thấp nhất (đó là địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, A-tu-la), đây là công thức ngàn đời thiên thu. Quí vị làm một trái cầu bằng plastic, trong đó để một hòn bi, khi trái cầu xoay tròn thì hòn bi có lúc lên lúc xuống, khi trái cầu không xoay nữa thì hòn bi trở về vị trí đáy của trái cầu.

Trong thế giới bàng sanh, có những con nhìn cái tướng như rắn, cọp, A-tu-la quỷ dữ, Dạ-xoa, mình biết chúng nó đọa theo con đường sân, nói chung chung như vậy. Thích hay ghét đều là con đường đi xuống bốn cõi đọa. Có những bậc hiền trí, lâu lâu mới có người như vậy, thấy quẩn quanh trong năm cõi dục thì đáng chán, họ tu tập thiền định. Muốn đắc sơ thiền ở tầng thiền thấp nhất là phải bỏ năm triền cái trong đó có tham dục và sân độc, không còn thích ghét nữa. Người đắc sơ thiền được gọi là người tỉnh giấc từ cơn mê năm dục, tối thiểu là sơ thiền, tầng thiền thấp nhất. Tam giới gồm 3: Dục, Sắc và Vô Sắc, từ tầng thấp nhất sơ thiền Sắc giới đến tầng cao nhất của Vô Sắc Phi tưởng phi phi tưởng. Người phải lìa bỏ niềm đam mê trong năm dục mới hy vọng chứng được tầng thiền Sắc giới. Người lìa bỏ năm dục được gọi là người tỉnh giấc: *Buddha.* Dù bị trói buộc, bậc hiền trí vẫn tìm ra được lối thoát, lối thoát ở đây chỉ cho Thiền. Okāsanti jhānassetaṃ nāmaṃ.

Có hai hạng tỉnh thức:

1. Samathajhana: Chỉ. Nhàm chán năm dục, chứng đắc tối thiểu là sơ thiền trở lên, là người tỉnh giấc, thức dậy từ giấc ngủ năm dục. Bản thân các cõi Dục là thấp nhất trong năm giới mà còn có những chỗ thấp nhất trong cõi Dục nữa. Hạng này lìa bỏ năm dục tu thiền để sanh về cõi Phạm Thiên.

2. Vipassanajhana: Quán. Vị này không còn thích thú trong ba cõi sáu đường nữa, có sanh về đâu cũng chỉ là quẩn quanh, lắp ráp, sống trong sự chi phối của vô thường, khổ, vô ngã. Vị này thực hiện sự tỉnh giấc vĩ đại hơn, nhàm chán lìa bỏ mọi hình thức hiện hữu. Tỉnh thức ở đây là không còn đam mê trong danh sắc nữa.

'Sambādha': 'trói buộc', 'giam cầm', ám chỉ năm triền cái

'Okāsa': 'Lối thoát', 'chỗ trống', ám chỉ cho Chỉ và Quán (Samatha và Vipassana).

Pháp môn thiền Quán chỉ có khi chư Phật Chánh Đẳng Giác ra đời mà thôi. Nếu chư Phật không ra đời thì chúng sinh chỉ biết thiền Chỉ.

"Yo jhānamabujjhi jhānamabuddhi buddho": Người đáng nể trong cuộc đời này là người tỉnh giấc bằng thiền Chỉ và thiền Quán, không còn tiếp tục mê ngủ trong năm dục, không còn tiếp tục mê ngủ trong danh sắc nữa. Đó là bậc *Paṭilīnanisabho* đó là *người đoạn trừ mạn chấp*, không còn sống trong kiêu mạn, "tôi là" (bản thân mình), "của tôi" (sở hữu của mình). Còn phân biệt, so sánh (dầu là thánh nhân Hữu học) thì chưa thật sự rốt ráo đi đến nơi đến chốn (nói chi là phàm phu)

'Paṭilīna' = pahinamano: người không còn mạn chấp.

Khi nghe vị Thiên tử nói vậy, Đức Phật điều chỉnh lại, xác định lại phát biểu của vị Thiên tử, vì Ngài biết có những chúng sinh khi chưa có Phật ra đời, họ coi thiền Chỉ là số một, tu tập các tầng thiền để sanh về cõi Phạm thiên. Cũng là sự tỉnh giấc nhưng đó chỉ là sự tỉnh giấc tạm thời, cũng còn vô vàn giới hạn.

Câu trả lời của Đức Phật (câu này trong bản Pāḷi, không thấy trong bản tiếng Việt): *Làm gì thì làm, sự tỉnh giấc nào đi nữa, thiền định nào đi nữa, lối thoát nào đi nữa thì vẫn phải hướng đến niết-bàn mới được xem là hoàn hảo.*

Bồ tát Tất Đạt đi tu kiếp chót đến tầng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, Ngài thấy đây chưa phải là cứu cánh cao nhất. Ngài có tất cả những gì mà cuộc đời cho là số một (ngoài đời thì làm vua, đi tu thì đạt Phi tưởng Phi phi tưởng) nhưng Ngài vẫn chê vì thấy chưa rốt ráo. Bậc hiền trí luôn luôn hướng đến cái tốt nhất. Ông đạo sĩ Asita, người coi tướng thái tử lúc chào đời, đã đắc Phi tưởng Phi phi tưởng nhưng ông đam mê trong đó. Ông phải mất 84 ngàn đại kiếp trái đất nữa mới trở xuống cõi Dục, trong thời gian đó không có Phật ra đời. Trong kinh nói trong vũ trụ này, trong suốt thời gian 1 a-tăng-kỳ đại kiếp nữa thì không có Phật ra đời, sau đó mới có 10 vị tiếp nối nhau ra đời (Ma Vương thành Phật, Chúa A-tu-la thành Phật, Voi Nālāgiri thành Phật, Voi Pārileyyaka thành Phật, Vua Ba Tư Nặc thành Phật…) và sau đó là 500 vị nữa, 500 vị này còn đang trong thời kỳ tu tập Ba-la-mật, chắc chắn sẽ thành Phật.

TĀYANA

Có một vị Thiên tử tên là Tāyana, *Purāṇatitthakaro,* kiếp trước từng là một giáo chủ ngoại đạo. '*Titthakaro'*: 'giáo chủ ngoại đạo'. Trong Chú giải có câu: *"Ayaṃ pana diṭṭhiṃ uppādetvā kathaṃ sagge nibbattoti*?

": ngoại đạo tà kiến như vậy làm sao có thể sanh thiên. Tuy là ngoại đạo tà kiến nhưng vị này tin lý nhân quả nghiệp báo (*Kammavāditāya)*

'Kammavādi': người tin lý nhân quả

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật từng dạy: *Này các tỳ kheo ta chưa từng thấy ngoại đạo nào sau khi chết được sanh thiên ngoại trừ những người Kammavādi* (những người tin lý nhân quả).

Trong tiền kiếp trước khi thành Phật, Bồ tát tu hạnh nhẫn nhục, những đạo sĩ tu cùng ngài, mỗi người tu một hạnh, người tu hạnh ăn ít, (ăn vừa đủ sống, ít hơn mọi người), người chủ trương hạnh ở dơ (không tắm giặt), người thì ngâm nước mùa đông, còn ngài tu hạnh kham nhẫn, nghĩa là coi việc người ta đánh chửi xúc phạm là cơ hội tốt để thử hạnh kham nhẫn, vì vậy người ta gọi ngài là *Khantivādī* ('nhẫn giả', người chủ trương hạnh kham nhẫn, người có khả năng chịu đựng mọi thử thách).

'Ninja': 'nhẫn giả', không phải là ninja bịt mặt. '*Geisha'*: 'nghệ giả', 'đào nương'. *Geisha* là người bán nghệ không phải bán thân.

Vị Thiên tử này xuất thân là một ngoại đạo nhưng được sanh thiên vì ông ta là *Kammavādi* (tin lý nhân quả). Theo Chú giải: "*Esa kira uposathabhattādīni adāsi",* ông là người biết bố thí thực phẩm.

'Uposatha': 'bố tát'. '*Bhattā'*: 'bữa ăn', 'cơm', 'thực phẩm'.

Những cư sĩ ở chỗ không có hoặc có chư tăng có thể làm chuyện này: ngày nào tu bát quan trai vô chùa làm phước đã đành, nếu không thích thì có thể mời những bạn đạo cùng thọ bát quan như mình về nhà, tạo điều kiện cho họ có chỗ hành thiền, đọc sách, nghe pháp, nghe bằng internet v.v... Hôm đó mình đãi ăn cho họ. Hoặc cúng dường cơm trong chùa ngày bố tát, cơm như vậy gọi là *uposathabhattādī (ādī: "*vân vân", nghĩa là nhiều dịp để mình bố thí, người sắp đi xa, người bịnh đang cần sự hỗ trợ cũng là dịp bố thí, người đang đói khát, lễ lạt họp mặt của đông đảo thiên hạ). Ông này tuy là người ngoại đạo nhưng rộng rãi, thích bố thí.

"Anāthānaṃ vattaṃ paṭṭhapesi",

'Anātha': homeless, 'người cơ nhỡ'

'Anāthapindika': Cấp Cô Độc, hỗ trợ cho những người cơ nhỡ không nhà không cửa

'Asaṅkiṇṇa': hàng độc (không đụng hàng).

Theo Chú giải, ông này tuy xuất thân ngoại đạo nhưng nhờ làm lành mà được sanh thiên, khi được sanh thiên thì thân cận các bậc hiền trí, các vị Trời có chánh kiến trí tuệ niềm tin, xuống hầu Phật nghe pháp, cuối cùng trở thành một người có chánh kiến hẳn hoi. Bài kệ *Tāyanagātha* (*Tāyanagā* tên của vị thiên tử) này thu gọn nội dung giáo pháp, thu gọn hành trình của một tỳ kheo nói riêng và người cầu đạo nói chung. Bài kinh này là bài kinh căn bản làm cơ sở nền tảng cho phạm hạnh.

'Tāyanagātha': thu gọn hành trình của người tu hành

'Atthasamhita': helpful, 'có ích', 'hữu dụng'.

'ādibrahmacariyaka': nền tảng cho phạm hạnh, cho cuộc tu.

"Ôi này Bà-la-môn

Tinh tấn cắt dòng nước,

Đoạn trừ và tiêu diệt,

Mọi tham đắm dục vọng."

Vị này nói, người tu hành việc quan trọng nhất là tinh tấn không lười biếng. Tinh tấn ở đây là bỏ ác hành thiện. "cắt đứt dòng chảy"

'Sota': stream, 'dòng chảy'

'Sotapanna': nhập lưu, (đi vào dòng chảy; người đi vào dòng chảy nghĩa là nước đã vào máng xối rồi, gọi là nhập lưu, mình không phải là nhập lưu nên mình còn trôi dạt trên dòng sinh tử, tấp vào nơi này nơi kia, vị đã có mặt trong dòng chảy thì còn chỉ đi về một hướng). *'Apanna': đi vào, enter.*

Sota - dòng chảy, nói theo nghĩa tích cực là chỉ cho dòng chảy của thánh nhân; nhưng trong bài kinh này '*sota'* ở đây chỉ cho dòng chảy của phiền não, đặc biệt là *tham ái* ('*tanhāsota'*: dòng chảy của tham ái). Tu hành là cắt đứt dòng chảy này, làm một cái đập (dam) để ngăn chặn không cho tiếp tục chảy nữa.

Vị Thiên tử thưa với Đức Phật: *Người tu hành là nỗ lực cắt ngang dòng chảy của tham ái, không để mình tiếp tục đam mê trong năm cảnh dục nữa.*

Đây là một trong những bài kinh hiếm hoi chính Đức Phật đặt tên bài kinh này, và chính Ngài kêu gọi chư tăng nên học thuộc lòng bài kệ này. Lâu lâu mới có một bài như vậy, Đức Phật kêu gọi hãy ghi nhận, hãy học thuộc lòng bài kinh này.

Đừng coi thường cái thích của mình. Tây Phương có câu: Anh nói cho tôi anh thích cái gì, tôi sẽ cho anh biết con người anh như thế nào. Mình làm chó heo ruồi muỗi vì cái thích của mình quá thấp; mình làm Phạm Thiên, Chuyển Luân Vương, Đế Thích vì mình có những cái thích cao cấp… không thích gì nữa thì không tái sanh luân hồi nữa. Do vô minh trong Tứ Đế dẫn đến ba hành, do không biết hiện hữu là khổ nên thích này thích kia và chính vì thích nên nó đưa mình đi ba cõi sáu đường. Người thích hưởng thụ và thích làm công đức thì còn có chỗ thoát, cái thích bất thiện nhiều quá thì chỉ còn đường đi xuống. Vì vậy cắt đứt dòng chảy của tham ái rất quan trọng, anh thích cái gì thì anh sẽ đi về cảnh giới tương ứng như vậy. Tôi là một tu sĩ PG nhưng thưa thiệt với bà con tôi không mặn mà lắm với chuyện cầu siêu, cầu an là bởi vì người đang nằm trước mặt tôi trước khi tôi đến tụng kinh, họ có đời sống nội tâm nghiêng về cái gì nhất?

99% không phải là Phật pháp cho dù họ là người cư sĩ có pháp danh, có qui y có giấy tờ chứng nhận. Đời sống thường nhật của một người cư sĩ theo tôi được biết dầu ở VN hay hải ngoại, trong hăm bốn giờ đồng hồ, họ focus nhiều nhất không phải là Phật pháp, giờ nằm ngáp ngáp kêu tăng ni tụng kinh làm gì. Họ không quan tâm đến chuyện tu hành nên giờ họ có đi thì đi về chỗ nào họ nặng lòng nhất. Vì vậy khi cầu an cầu siêu tôi nghĩ lúc bình thường họ không có Phật pháp trong lòng, giờ tụng làm sao. Tôi biết tôi nói nhiều người sốc lắm, nhưng phải nói thiệt. Nếu kiểu tào lao mà tụng lên được thì quá sướng, không cần phải sáu năm khổ hạnh trong rừng, không cần ăn mặc tả tơi sống trong núi cao. Nếu tụng kinh mà siêu được thì những người tu hành đầu đà khổ cực họ ngu si căn cơ thấp kém hơn mình họ lựa con đường cực khổ để đi hay sao, còn mình thì cứ hưởng thụ, chỉ cần có tụng kinh là siêu.

Tu hành là cắt đứt dòng chảy tham ái, người không đoạn dục thì đừng mong gì chứng thiền định.

*ekatta = ekaggata (*nhất hành*)=samādhi = jhāna*: thiền định.

Người không đoạn dục không mong gì chứng thiền. Những gì mình thấy thích hay ghét là do tiền nghiệp quá khứ, khuynh hướng tâm lý và môi trường sống hiện tại. Thích ghét của mình chỉ là một cái gì đó ước lệ, lề thói (conventional). Hiểu biết như vậy mới bỏ năm dục được. Chuyện gì cần phải làm, nên làm một cách tinh tấn. *"Sithilo hi paribbājo, bhiyyo ākirate rajaṃ",* người lìa bỏ gia đình đi xuất gia, lười biếng là thêm rác cho trần gian. HT Minh Châu dịch: "*Xuất gia nếu biếng nhác. Càng tung vãi bụi trần".*

'Sithilo': 'lười biếng', 'trễ nải'.

Người xuất gia trong mắt thiên hạ đã vô công rỗi nghề, chùm gởi ăn bám, nếu tinh tấn có nội hàm sẽ là viên ngọc quý. Người tu hành là người chịu trách nhiệm đời sống tâm linh của thế giới, nếu lười biếng chỉ là thêm rác cho trần gian vốn dĩ đầy rác này mà thôi. Có lần Đức Phật dạy: *Này các tỳ kheo, trong các nghề ở trên đời này nếu phải gọi là nghề, nghề ăn xin là nghề thấp kém nhất, cũng vậy này các tỳ kheo, vị tỳ kheo đi giữa cuộc đời này phải có kiểu sống như một người nô lệ, một con bò gãy sừng, một con cua gãy càng, nghĩa là không còn gì để thấy mình quan trọng nữa*. Vị tỳ kheo không có gì để kiêu mạn hết, chớ không phải người tu là người tự ti mặc cảm mình sống dưới đáy xã hội, mà vị tu sĩ phải luôn luôn nghĩ rằng mình không có gì để ngẩng đầu hết, mình đang bị bệnh phải uống thuốc, đang là tử tù không biết sống nay chết mai, đang là tù nhân trong Tam giới cần vượt ngục. Với tâm trạng của một bịnh nhân, một tù nhân, một tử tù thì đâu có gì để thấy mình ngon lành, là số một; nếu không sống bằng tâm trạng như vậy thì gọi là '*sithilo',* người như vậy chỉ là thêm rác cho cuộc đời: *"bhiyyo ākirate rajan".* (*Bhiyyo = more and more)*

"Akataṃ dukkaṭaṃ seyyo, pacchā tapati dukkaṭaṃ": Có những chuyện (xấu) trên đời này thà không làm hơn là làm bậy. Vì chuyện xấu đã làm thì sẽ để lại hối hận. Hối hận có hai: (done, undone) hối hận chuyện đã làm và không làm. Thà khoanh tay không làm gì còn hơn làm bậy. Trong Tăng Chi Bộ Kinh có câu: *Thà nằm ngủ còn hơn là thức nghĩ chuyện bất thiện, thà cặp mắt bị mù còn hơn dùng mắt mình để nhìn cái gì đó mà sanh phiền não, thà điếc còn hơn là dùng tai để nghe cái gì mà sanh phiền não. Thà nhảy vào hố than đang cháy tốt hơn là ôm ấp mỹ nhân, vì nhảy vào hố than thì chỉ chết có một đời còn ôm ấp mỹ nhân thì sẽ để lại*

quả khổ nhiều đời, trầm luân sanh tử. Nhảy vào hố than chỉ là tâm sân, ôm ấp mỹ nhân thì tâm tham, cái trầm luân được dựng lên bởi tâm tham, hơn nữa vì mỹ nhân mình sẽ làm bao nhiêu nghiệp ác, còn hố than làm cho mình bỏ trốn, lánh xa. Tất nhiên chỉ là cách nói thôi, chớ trong nhà mình xuất hiện một mỹ nhân vẫn tốt hơn là một lò than.

"Katañca sukataṃ seyyo": đối với những chuyện nên làm, cần phải thực hiện vì việc lành sau khi làm rồi sẽ không để lại tiếc nuối. Việc thiện không làm sẽ để lại tiếc nuối. Việc ác trót làm sẽ để lại tiếc nuối.

"Kuso yathā duggahito, hatthamevānukantati": giống như một người đưa tay nắm lá cỏ bén, nếu không khéo sẽ bị đứt tay. *Sāmaññaṃ dupparāmaṭṭhaṃ, nirayāyūpakaḍḍhati:* một người xuất gia không khéo giữ y bát của mình sẽ giống như người vụng về khi nắm lá cỏ cưa. Với người xuất gia không khéo đời sống phạm hạnh thì giống như cầm lá cỏ không đúng chiều sẽ bị cắt.

Trong bài Kinh Ví Dụ Con Rắn *(Alagaddūpamasutta)*, Trung Bộ Kinh, Đức Phật dạy: giống như một người bắt rắn mà vụng về thì sẽ bị rắn cắn. Người học đạo vụng về, lấy đó làm cơ hội để sanh tà kiến cũng chỉ có hại không có lợi. Đời sống xuất gia là con đường ngắn nhất để tu tập (nhiều cơ hội, bối cảnh sống, điều kiện) giống như đi máy bay, trong khi đời sống cư sĩ thì như đi bộ, xe đạp. Lá y đắp người là một sự nhắc nhở, buổi sáng ôm bình bát, đi chân không, tất cả những cái tôi của mình đã liệng xuống đất hết. Tôi xuất thân nghèo hèn nhưng đi chân không khó khăn, ướt dưới chân là dẫm không được. Ở châu Á mình, đường đất nhiều hơn đường nhựa, rác thì liệng ngoài đường, đi chân không rất dễ bị cứa. Đời sống xuất gia cực khổ như vậy, *Sāmaññaṃ dupparāmaṭṭhaṃ, nirayāyūpakaḍḍhati:* nếu không khéo thì dẫn về địa ngục. "*Yaṃ kiñci sithilaṃ kammaṃ, saṃkiliṭṭhañca yaṃ vataṃ",* đời sống mà dễ duôi, bị phiền não chi phối, *"Saṅkassaraṃ brahmacariyaṃ",* một đời sống phạm hạnh mà không dứt khoát thiếu niềm tin thì "*na taṃ hoti mahapphala"* không dẫn đến lợi ích gì hết.

sankassara=sankàya sara: sống trong nghi hoặc, phân vân, thiếu niềm tin.

Tóm lại, nội dung bài kệ mà vị Thiên tử đã nói: Người tu hành phải tinh tấn, cắt đứt dòng chảy của tham ái. Một người không ly dục đừng hòng chứng đắc được thiền định. Đối với chuyện gì nên làm thì phải thực hiện bằng tất cả sự tinh tấn mình có được. Đời sống xuất gia mà lười biếng thì chỉ là thêm rác cho trần gian này. Trên đời có chuyện không làm tốt hơn làm, có những chuyện làm tốt hơn không làm; vì làm chuyện xấu chỉ thêm niềm tiếc nuối về sau; và việc thiện

không làm sẽ tiếc nuối vì đã không làm. Đời sống xuất gia nếu bất cẩn thì giống như người nắm lá cỏ gai sẽ bị cứa đứt tay, đời sống xuất gia trễ nải lười biếng nhiều phiền não thiếu niềm tin chỉ vô ích và mất thời gian.

Vị Thiên tử đọc bài kệ tâm đắc, sở chứng của mình cho Thế Tôn nghe xong, đảnh lễ Ngài và biến mất về cõi Trời. Sáng hôm sau Đức Phật gọi chư tăng và nói: Đêm nay có một Thiên tử đến gặp Như Lai và đọc bài kệ này, này các tỳ kheo, hãy học thuộc lòng bài kệ *Tāyanagātha* này; bài kệ này rất là hữu ích (*Atthasaṃhitā*) và là nền tảng của cuộc tu, nền tảng của đời sống phạm hạnh (*ādibrahmacariyikā*).

Với một người không giỏi giáo lý, không nhớ được nhiều, nếu đi tu mà nhớ thuộc lòng câu kệ này thì tôi cho rằng cũng tu đúng theo lời Phật dạy. Câu đầu tiên *"cắt đứt dòng chảy tham ái",* tham ái có nhiều cách, khi ở ngoài đời, mình thương vợ thương con, thương nhà thương cửa, thương xe thương cộ; khi đi tu mình thương cái khác, thương chùa thương miểu, thương học trò, thương đệ tử, thương chức vụ và những quan hệ này nọ. Nếu bỏ được những cái thương đó, chỉ chuyên tâm thiền định thì lại thương đức hạnh của mình, thích cái thiền định của mình. Nếu tu thêm nữa thì thấy rằng đức hạnh, giới hạnh, thiền định của mình chỉ là những viên thuốc để mình chữa bệnh chớ không phải là cái để huênh hoang tự cao tự đại. Bao nhiêu chuyện tu học chỉ là chuyện uống thuốc của người bị bệnh; vật chất sở hữu, danh lợi không đáng để mình tự đắc, ngay cả giá trị tinh thần mình có (giới luật, thiền định, kiến thức) cũng không phải là thứ để mình tự đắc vì cái gì có được sẽ mất được, đến được, đi được, tất cả chỉ là phương tiện qua sông mà thôi, không có gì ngu cho bằng đi qua sông mà tiếc cái bè. Đó là những gì mà câu kinh đã nói.

Bài giảng ngày 12-8-2014 NHẬT THIÊN TỬ (Suriya)

Có Phật tử Hữu Phúc gởi tôi một cái link bài viết của ai đó về đề tài *Nhân mùa Vu Lan nói về tích ngài Mục Liên*. Bài viết đó có nghiên cứu kinh điển Nam Tông khá kỹ. Bài viết không có gì để bàn nhưng khi đọc xong tôi có gởi một message riêng cho Hữu Phúc dặn là sáng hôm nay khi bắt đầu buổi giảng xin nhắc tôi nói một câu về chuyện *tam tịnh nhục.*

Tam tịnh nhục

*Tam tịnh nhục*là không thấy, không nghe, không nghi.

1. Không thấy: không tận mắt mình nhìn thấy "con thịt" bị giết trước mắt mình, không tận mắt thấy người ta sát sanh cho mình, còn người ta sát sanh cho ai không mắc mớ gì mình thì thôi.

2. Không nghe: không nghe (ai, người nào) nói gì về chuyện đó chớ không phải không nghe con vật kêu. Ví dụ ông A mời tôi về ăn cơm và ông B nói xa gần là ông A đi rừng bắt con nai làm thịt mời tôi ăn, hoặc nhà ông B, C giết gà mời cơm tôi… Đây là nghe con người chứ không phải tiếng con vật kêu. Có bao nhiêu cơ hội nghe tiếng con vật kêu khi nó bị giết?

Như con sò, tôm, cá, cua mà chúng lên tiếng kêu được thì ai dám ăn. Không nghe ở đây là nghe dư luận phong thanh, ai đó râm ran nói xa nói gần chuyện đó.

3. Không nghi (parisaṅkita): ngờ vực, nghi hoặc. Tôi không tận mắt thấy người ta giết, không nghe ai nói xa gần gián tiếp hay trực tiếp mơ hồ hay cụ thể gì hết, nhưng tôi nghi. Ví dụ như tôi bước vào nhà thấy gia chủ đang đi rượt gà nhưng không thấy giết, cũng không nghe tiếng gà kêu, nhưng lúc dọn lên thấy có thịt gà, lúc đó tôi nghĩ có thể con gà này là lúc bước vào nhà thấy họ rượt. Theo Luật, tôi không được ăn món đó.

Quí vị có biết chữ '*halal'* này không, bên Mỹ là xứ hiệp chủng quốc có nhiều dân tộc sống ở đó. Đặc biệt là châu Á, có đi đâu cũng có tiệm bán thức ăn Á ở đó hết. Ở thành phố lớn có những tiệm bán thức ăn của người Thổ, Pakistan, Tamil, có ghi: này không, bên Mỹ là xứ hiệp chủng quốc có nhiều dân tộc sống ở đó. Đặc biệt là châu Á, có đi đâu cũng có tiệm bán thức ăn Á ở đó hết. Ở thành phố lớn có những tiệm bán thức ăn của người Thổ, Pakistan, Tamil, có ghi: **Ở đây có bán thịt Halal**, thịt sạch theo tiêu chuẩn của Hồi Giáo (không phải do mình giết,

không phải thú bệnh, sạch máu, trước khi giết có thực hiện nghi thức tôn giáo, Hồi Giáo không ăn thịt heo, họ chỉ ăn bò cừu dê. Nếu muốn bán cho đồng đạo của họ ăn thì phải đủ tiêu chuẩn: sạch máu, không phải chết tự nhiên, và có thực hiện nghi thức theo tôn giáo). Tôi nói như vậy để thấy rằng tiêu chuẩn ăn uống của các tôn giáo có những điểm giống nhau. Đối với PGNT, tuy nói tăng ni Phật tử tuyệt đối không giết đã đành rồi, tuyệt đối món thịt cá mình ăn phải nằm trong ba trường hợp: *không tận mắt thấy giết, không nghe ai nói gì về chuyện đó, và lòng không nghi ngờ về điều đó*. Sau buổi giảng này quí vị đừng bao giờ nghĩ rằng '*nghe'* là nghe con vật nó kêu. Tôi nhấn mạnh điều này vì bài viết về Mục Liên Thanh Đề kia rất là chuẩn nhưng có chút hiểu lầm chỗ này và chợt nhớ từng nghe có Phật tử hiểu lầm chỗ này.

Nguyên nhân xảy ra các hiện tượng thiên nhiên.

Trong Kinh điển nguyên thủy nói rằng có rất nhiều vị Trời chủ quản một nơi chốn đặc biệt nào đó và có một nhiệm vụ đặc biệt nào đó, đây là chuyện bình thường. Ông lái đò chuyên trách chuyện chèo đò, dù bên cạnh ông lái đò cũng có người khi cần có xuồng có ghe cũng đưa người khác qua sông. Ông xích lô chuyên đạp xích lô nhưng ngoài ổng ra người khác cũng đạp được. Trong trời đất bao la này cũng có những vị Thiên tử, phi nhơn chuyên trách chuyện gì đó, thí dụ như Thiên Vương Pajjunna chuyên trách về mưa thuộc cõi Tứ Thiên Vương. Những hiện tượng mưa gió, sấm chớp, lũ lụt, có nhiều nguyên nhân chớ không phải chỉ một. Những hiện tượng thiên nhiên có nhiều lý do xảy ra:

1. Hiện tượng thiên nhiên không ai can thiệp, đúng mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông thì nó như vậy. Mùa xuân tươi tốt, mùa thu, mùa hè héo úa tàn phai rơi rụng xác xơ.

2. Sự can thiệp của những người có thần thông: chư thiên, Dạ-xoa, A-tu-la, trong trường hợp nào đó có thể dùng thần thông tạo ra mưa gió vì mục đích riêng của họ

3. Do nghiệp (phước, tội) của chúng sinh tác động. Do chúng sinh ở vùng đất, địa phương, nơi chốn nào đó có những cộng nghiệp đặc biệt, cộng nghiệp đó có thể khiến cho những hiện tượng thiên nhiên này nọ xảy ra. Ví dụ dân chúng ở địa phương nào đó ăn ở thất đức có thể chiêu cảm với thiên nhiên, xảy ra hiện tượng lụt lội, hạn hán, giông bão, động đất, sóng thần…

Có những vị Trời đặc biệt chuyên trách chuyện làm mưa, làm gió, làm sấm chớp, họ theo dõi chuyện đó trong cõi nhân gian. Hôm nay chúng ta học về vị Nhật Thiên tử và Nguyệt Thiên tử. Ông Sūriya, Nhật Thiên tử, là vị Thiên tử sống trên mặt trời, chuyên trách ánh sáng ánh nắng. Vị Candima, Nguyệt Thiên tử sống trên mặt trăng, vị này đảm bảo sự vận hành của mặt trăng. Nói như vậy không có nghĩa là những vị này toàn quyền muốn làm gì thì làm. Do phước nghiệp sở thích khuynh hướng nhiều đời của họ nên họ được ở chỗ đó và coi sóc chỗ đó xem có gì bất thường không. Quí vị có thể ngạc nhiên rằng với nhiệt độ của mặt trời làm sao có ai ở được nhưng với những chư thiên hóa sanh thì chuyện đó là bình thường. Trong kinh nói rằng hiện tượng nhật thực nguyệt thực cũng có hai trường hợp: *1. Hiện tượng thiên nhiên, khi mặt trăng mặt trời trái đất xếp thành đường thẳng tạo ra. 2. Có vị Thiên tử tên Rāhu, lâu lâu ổng giỡn, ổng ngậm mặt trăng, mặt trời trong miệng.* Nói nôm na là ổng nhốt mặt trăng mặt trời. Trong Chú giải nói rất rõ là ổng rất to lớn. Khoảng cách hai vai của ổng mấy trăm do tuần, ổng cao lớn đến mức chỗ sâu nhất của đại dương chỉ tới đầu gối của ổng. Ổng là vị chúa A-tu-la (Asurindo). *Chúa*đây không phải là số một, ổng chỉ là một trong những vị sếp sòng của loài A-tu-la thiên chớ không phải là số một. Mỗi lần ông Rāhu ngậm mặt trời hay mặt trăng thì tạo ra nhật thực nguyệt thực. Hai vị Sūriya và Candima này hoảng sợ và niệm tưởng hồng danh Đức Phật: *Bạch Thế Tôn ngài là bậc đã giải thoát, giờ chúng con bị nguy khốn, chúng con xin quy y ở ngài.* Lúc sợ hãi họ chỉ niệm vậy thôi, trong Chú giải có nói rõ hai vị này đã chứng quả Dự Lưu (Tu-đà-hoàn) trong kỳ đại hội chư thiên được nhắc đến trong kinh Đại Hội Mahasamāyasutta, Trường Bộ Kinh.

Sotāpatti = *Sotāpanna*: Dự lưu = Sơ quả = Tu-đà-hoàn = Thất lai (Vị này chỉ quẩn quanh trong cõi Dục giới tối đa 7 kiếp nữa là niết-bàn, lâu hơn xa hơn thì họ sanh về cõi Tịnh Cư). '*Dự'*: bước vào, tham gia. '*Lưu'*: dòng chảy. Dự Lưu là bước vào dòng chảy của thánh nhân, chỉ một đường hướng đến quả vị A-la-hán. Sơ quả là quả thánh đầu tiên trong bốn quả. Tu-đà-hoàn là phiên âm từ chữ *Sotāpanna*, Tàu âm là Tu-đà-hoàn. (*Giống như kiểu Washington phiên âm là Hoa Thịnh Đốn, Houston: Hưu Đốn, Maha Kasapa là Đại Ca Diếp, chứ không phải là đại ca tên Diếp hoặc Lê Nin không phải là họ Lê tên Nin)*.

Trong lúc sợ hãi, hai vị đã niệm hồng danh Đức Phật. Đây là chuyện tự nhiên. Tu-đà-hoàn không còn thân kiến nhưng khi gặp chuyện đáng vui đáng thích họ cũng vui thích, gặp chuyện buồn họ cũng khóc, gặp sợ hãi họ cũng sợ, nhưng rốt ráo họ không giống như mình. Ngài Ānanda thuộc lòng Tam tạng, đắc sơ quả theo hầu Phật mấy chục năm trời vậy mà khi Đức Thế Tôn chỉ báo tin 3 tháng

nữa sẽ viên tịch thì Ānanda khóc. Còn khi nghe ngài Xá Lợi Phất viên tịch thì Ānanda vào thưa với Đức Phật: *Bạch Thế Tôn, khi con nghe tôn giả Xá Lợi Phất viên tịch con có cảm giác là con không còn phân biệt được phương hướng nữa.* (Tiếng Việt gọi là tối tăm mặt mũi), *tâm con yếu ớt như lau sậy trước gió* (bàng hoàng choáng váng sững sờ). Ngài Ānanda rất thương ngài Xá Lợi Phất, và những người như bà Gotami, Yasodhara. Ngài Rahula viên tịch thì ngài Ānanda rất sốc, rất khổ. Trong kinh nói bà Visākhā có cháu gái rất thương, yểu mệnh chết, bà cũng gặp Phật và khóc. Đừng thấy người ta khóc mà nghĩ người ta giống mình, chỉ giống như mình đau thì tự nhiên chảy nước mắt thôi. Chuyện quí vị khóc thì tôi không cản, nhưng nếu hỏi tôi khóc có nên không thì tôi nói không nên, vì nội tâm mình yếu làm sao đó mình mới chảy nước mắt. Vị sơ quả khóc thì cũng vì đại sự nhân duyên đặc biệt. Nếu quí vị hỏi tôi có sự khác biệt nào giữa vị Tu-đà-hoàn và phàm phu khi khóc thì tôi trả lời ngắn gọn: nước mắt của vị Tu-đà-hoàn mau khô hơn. Nước mắt Tu-đà-hoàn là nước mắt của mưa Sài Gòn, chợt đến chợt đi, còn nước mắt của phàm phu là mưa của Huế, của Đà Nẵng, của Thụy Sĩ, của Seattle. Tôi từng tới Seattle năm 2000, mưa mù mịt mấy ngày, buồn muốn nhảy lầu. Nước mắt của phàm phu là nước mắt của cơn mưa như vậy đó. Các vị này cũng có buồn khổ sợ hãi nhưng chỉ là những trận mưa rào ngắn ngủi.

Bài kinh này có thông điệp rất hay: Tu-đà-hoàn lòng không quên Phật, luôn luôn nhớ Pháp, nhớ Tăng, luôn luôn trú pháp. Khi họ sốc cái gì đó họ nghĩ đến Tam Bảo. Tôi có một cái vui đó là phản xạ tâm lý của tôi về Đức Phật. Những lần tôi đang ngủ mà ngạt thở, ngay trong giấc ngủ tôi cảm nhận có vấn đề, chân tay vai không cử động được, ngay lập tức tôi cố ý theo dõi hơi thở ra vào, tạo sự tỉnh giác mạnh hơn, và niệm tưởng Đức Phật. Không phải là tôi so sánh tôi với các vị Tu-đà-hoàn, mà tập thành thói quen như vậy, bình thường nghĩ đến Ngài, khi gặp chuyện thì nghĩ đến Ngài mới linh. *Linh* ở đây là tác dụng tích cực về mặt tâm lý. Ví dụ khi bước vào chỗ vắng nghe lạnh người, việc đầu tiên là mình nghĩ đến Đức Phật. Khi bình thường trong lòng mình không có Ngài thì khi gặp chuyện hình ảnh của Ngài đối với mình không hiệu quả lắm. Có Phật tử hỏi tôi, có phải là đeo hình Phật thì không có ma nhát, tôi nói, Phương Tây có câu: ở đây là tác dụng tích cực về mặt tâm lý. Ví dụ khi bước vào chỗ vắng nghe lạnh người, việc đầu tiên là mình nghĩ đến Đức Phật. Khi bình thường trong lòng mình không có Ngài thì khi gặp chuyện hình ảnh của Ngài đối với mình không hiệu quả lắm. Có Phật tử hỏi tôi, có phải là đeo hình Phật thì không có ma nhát, tôi nói, Phương Tây có câu: **Cầu nguyện lúc nguy cấp không phải để thoát nạn mà là để mình được bình tĩnh, không sợ hãi.** Trong mọi tình huống, kể cả lúc tàu chìm

hay máy bay rớt, ai bình tĩnh thì cơ hội sống sót cao hơn người hoảng loạn mấy trăm lần. Chuyện mình chạy ra khỏi ngôi nhà đang cháy cũng là nghệ thuật, lựa đường nào không có cây đè, không có lửa phừng phừng, riêng việc hít khói độc cũng chết. Lúc lũ lụt mưa gió mà không bình tĩnh thì điện giật cũng chết, phải biết phân biệt chỗ nào đáng sợ. Việc đầu tiên là bình tĩnh. Bài kinh cho mình nhiều ý nghĩa quan trọng. Vị Tu-đà-hoàn khi gặp nạn họ nghĩ đến Phật để bình tĩnh, rồi chọn lựa lối thoát chớ không phải ngồi đó chắp tay nhắm mắt lim dim chờ nạn đổ lên đầu. Họ nghĩ đến Phật đã dạy: *Mỗi chúng sinh có nghiệp riêng, cái gì có sanh thì có diệt*. Những hành động thường ngày của mình là hành trang để mình cầm đi. Có nhiều cách nhớ Phật: nhớ Phật đại bi không muốn ai bị khổ như vậy; Phật đã dạy dỗ chúng sanh về chánh pháp để chúng sanh tu hành giải thoát và không bị cảnh này. Như bà Suppavasa, trong lúc sanh khó đã niệm tưởng thế này: *"Thế Tôn là vị đã tu hành tới nơi tới chốn, chấm dứt nỗi đau mình đang chịu, kiếp cuối cùng Ngài không còn sinh tử để chịu cảnh như mình; Thế Tôn là vị đã thuyết giảng chánh pháp có nội dung hướng dẫn người ta đạt đến giải thoát không bị nỗi đau như mình đang chịu; chư tăng và đệ tử Thế Tôn đang trên đường tu tập để chấm dứt nỗi đau này"*. Phải như vậy mới là niệm chớ không phải niệm Buddho Buddho Arahaṃ Arahaṃ như con két. Phải niệm là *Thế Tôn không còn nỗi đau này và Ngài đã dạy dỗ chúng sinh thoát khỏi nỗi đau khổ sợ hãi này; chánh pháp của Đức Thế Tôn thuyết giảng là chấm dứt nỗi khổ này*.

Phải nhớ là ông Rāhu này nghịch như vậy nhưng trong thời gian không xa hơn một a-tăng-kỳ nữa thì ông sẽ thành vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Quá khứ có vô lượng chư Phật thì tương lai sẽ có vô lượng chư Phật, có 510 vị gần mình nhất. Trái đất này sau khi bị hoại sẽ trải qua một a-tăng-kỳ đại kiếp không có Phật ra đời, chỉ có Phật Độc Giác, sau đó lần lượt có những trái đất khác xuất hiện rồi hoại, rồi có một trái đất khác xuất hiện trong vũ trụ này, còn vô lượng vũ trụ khác không nói tới. Vũ trụ này giống như đại dương mênh mông trong đó có rất nhiều trái ping pong, mỗi một thế giới như một trái ping pong trôi nổi trên biển. Một vị Phật ra đời ở một hành tinh nào đó thì chung quanh đó là 10 ngàn vũ trụ không có Phật ra đời. Trong 510 vị trong đó 10 vị xác định rõ danh tánh, 500 vị kia chỉ được nhắc sơ. Trong 10 vị Phật tương lai có vua Ba Tư Nặc (Pasenadi), con voi trong rừng Pārileyyaka, con voi uống rượu say của Đề Bà Đạt Đa Nāḷāgiri, tỳ kheo Ajītathera. Ở đây ai biết tiếng Pháp thì kiếm tài liệu này: "Dasabodhisatta-udesa". Tôi giới thiệu tài liệu này vì tạm thời chỉ thấy tài liệu này trong bản tiếng Pháp chớ không thấy trong ngôn ngữ khác, trong đây có cho bản đồ rất rõ 10 vị Phật tương lai là ai, trong đó có ông Rāhu Thiên tử được nhắc đến trong hai kinh

này sẽ thành một vị Phật hồng danh là Nārada. Trong kinh cũng nói là trong quá khứ có nhiều vị Phật hồng danh là Nārada. Trong năm vị Phật tương lai thì vị Rāhu sẽ là vị Phật thứ năm. Sở dĩ tôi chỉ kể những nhân vật này vì đây là những nhân vật nổi tiếng, còn những nhân vật sau này quí vị không biết, ví dụ có nhân vật Subha Todeyya là người đã hỏi Đức Phật 14 câu hỏi nổi tiếng: Vì sao ở đời có kẻ giàu người nghèo, kẻ ngu người trí, kẻ thọ người yểu.[1]Đó chính là một trong 10 vị Phật tương lai.

Một vị Bồ tát sắp thành Phật nhưng trong lúc dễ duôi cũng gây ác nghiệp, như vua Pasenadi (Ba-Tư-Nặc), Ma Vương thiên tử. Vào thời Phật tại thế, Ma Vương phá Đức Phật tả tơi không dịp nào mà bỏ, cứ có dịp là phá, rình rập Bồ tát từ lúc Ngài rời khỏi ngai vàng đi xuất gia đến lúc Ngài niết-bàn thì thôi. Lúc Ngài vừa mới thành đạo mà Ma Vương đã thỉnh Ngài đi niết-bàn. Đức Phật nói khi nào có đệ tử, có người kế thừa chánh pháp thì Ngài niết-bàn. Bốn mươi lăm năm sau Ma Vương xuống nhắc Đức Phật niết-bàn lần nữa. Vậy mà sau này Ma Vương thành vị Chánh Đẳng Giác. Còn vị Rāhu này đi phá người ta bằng cách ngậm nhả vậy mà sau này cũng thành một vị Phật. Điều đó cho thấy những kẻ cùng hung cực ác nhiều khi tu hành tốt hơn mình. Ai trong lòng cũng có thiện pháp, ác pháp miễn có cơ hội là người ta sẽ ác sẽ thiện. Vua Pasenadi thời Đức Phật còn tại thế, hễ ra là xuất chinh. Còn Ajātasattu (A-Xà-Thế) thì thương Phật đến mức nghe Đức Phật niết-bàn thì xỉu. Xỉu và tỉnh lại 3 lần. Kể từ lúc biết Đề-Bà-Đạt-Đa là người xấu mà mình trót nghe lời giết vua cha, thì Ajātasattu coi Đức Phật là cha là mẹ, vì ông biết trong trời đất này không ai thương ông hơn Đức Phật, chỗ dựa duy nhất của ông, một phần là vì nhớ cha ruột, một phần vì sợ hãi biết chắc chắn mình sẽ bị đọa. Hai a-tăng-kỳ nữa Ajātasattu sẽ thành Phật Độc Giác. Thời gian để thành Phật Độc Giác là tu hai a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Đề-Bà-Đạt-Đa đã đi xong số chẵn, chỉ còn sót 100 ngàn đại kiếp. Ajātasattu thì đi xong (số lẻ) 100 ngàn đại kiếp, và còn sót hai a-tăng-kỳ nữa. Vì tự ngộ, không cần thầy nên phải lâu như vậy: hai a-tăng-kỳ. Muốn tự ngộ mà làm thầy người khác thì tối thiểu phải hai mươi A-tăng-kỳ. Bài kinh này cho mình chuyện rất quan trọng đó là sơ ý một chút thôi thì người tu hành ghê gớm vẫn có thể tạo nhiều nghiệp bất thiện, và đừng tự hào tự đắc những gì mình có. Khả năng tạo bất thiện nghiệp vẫn còn đầy ra đó. Những ai ghê gớm nhất, sang trọng nhất, trí thức nhất, quyền lực danh tiếng nhất mà mình gặp trên thế giới này, hễ còn là phàm phu thì khả năng ăn phân, ăn thịt sống, ăn sâu bọ, vẫn còn nguyên vẹn, nghĩa là khả năng sa đọa vẫn còn nguyên vẹn. Chỉ có Tu-đà-hoàn trở lên mới không có khả năng này.

Hôm nay mình có là thủ tướng của Do Thái, có là tổng thống Mỹ nhưng khi tắt thở sanh làm con gì thì chỉ có trời biết.

Có người hỏi tôi đeo hình Phật và niệm Phật có tránh được ma không. Nếu chỉ khi gặp chuyện mới nhớ Ngài, niệm ngoài miệng chớ trong bụng không có Ngài, hoặc niệm Buddho, Arahaṃ mà mắt dáo dác xem có ai ngồi xõa tóc, mặt trắng nhợt, xanh lè hay không thì không được. Niệm là phải thường xuyên tâm niệm rằng cái gì có sẽ phải mất; niềm vui nỗi buồn và kể cả sự sợ hãi có rồi sẽ mất; trên đời này không gì đáng sợ bằng chuyện sa đọa, không gì đáng sợ cho bằng cái chết, ngoài ra thì là chuyện nhỏ. Ngay lúc đó phải nhớ như vậy. Năm nay tôi bốn mấy tuổi rồi, để đè nén cơn giận hay cơn sợ hãi, tôi chỉ nhớ một chuyện: cái chết. Chỉ nhớ đến cái chết thì cái gì cũng lắng xuống hết. Trong thời gian ở Mỹ tôi có một kinh nghiệm bằng vàng. Ở bên VN khi ông sư đi tụng kinh đám ma chỉ thấy quan tài, còn ở Mỹ thì 100 đám ma tụng ở nhà quàn là đều có dịp để mình thấy người chết. Nắp hòm chỉ đậy một nửa từ bụng trở lên, khi nào cần đóng thì họ mới đóng một nửa còn lại. Bên ngoài chỗ đậu xe thì toàn Mercedes, BMW, con cái giàu có trí thức mà người chết thì nằm trong đó lạnh ngắt. Nhiều người chết mặt đã nám, được nhà quàn trang điểm lên cho dễ coi một chút, nằm đặt tay xếp trên bụng, nhìn cũng sang lắm, nhưng tái mét. Buổi sáng lúc 9 hoặc 10 giờ họ mở cửa cho mình vô làm lễ, rồi để đó đến 9 giờ đêm đậy nắp lại đẩy vô phòng lạnh. Sáng hôm sau lại lôi ra. Ba bốn ngày hoặc một tuần như vậy, rồi đem đi thiêu hay đi chôn. Nhìn đám này mà mình thấy đau. Nhiều khi thấy người nghèo quá, bịnh nhiều quá mà chết thì không thấy sốc, còn những người giàu thế này nếu họ sống thì ba kiếp hưởng không hết, vậy mà bây giờ đi rồi bỏ lại hết bao nhiêu là tài sản, học vị, bằng cấp, tình thân, bè bạn quyến thuộc. Chỉ nhớ bao nhiêu đó thôi là hết sợ.

Trước tượng Phật nào mà mình có tàm có úy thì khi sợ hãi đứng trước tượng Phật đó mình mới bình tĩnh. Còn nếu trước tượng Phật mà mình không tàm úy thì khi gặp chuyện niệm không linh. Ví dụ trong nhà mình có bàn Phật, mỗi lần đứng trước bàn Phật mình không dám gây lộn, hoặc suy nghĩ gì bậy bạ mình thấy thẹn, thì trước hình Phật đó, khi mình sợ hãi mình mới có cảm giác Ngài đang có mặt. Còn bình thường khi mình nhìn hình mà không có cảm xúc gì đặc biệt đến khi gặp chuyện mới nhớ Ngài thì sẽ không có linh.

I. PHẨM CẤP-CÔ-ĐỘC

CANDIMASA (Candimasasutta)

Họ sẽ đi an toàn,

Như thú, vùng không muỗi,

Sau khi chứng Thiền định,

Nhứt tâm, niệm tỉnh giác,

Họ sẽ đi bờ kia,

Như cá, phá rách lưới,

Sau khi chứng Thiền định,

Tự chế, vượt lỗi lầm.

Bài kinh này ngài Minh Châu dịch sát. Bài kinh này có hai cách dịch. Mới vô thấy bắt đầu bằng chữ 'Te' (họ) là biết câu này có hai cách dịch: cách một là theo kiểu dịch của ngài Minh Châu, những câu chữ tiếng Việt được sắp xếp theo trật tự của nguyên văn Pāḷi, cách hai, muốn dịch cho sáng thì theo trật tự tiếng Việt, dịch đảo ngược lại như sau: *Người nào chứng được thiền định, sống tự chế, sống không lỗi lầm thì họ sẽ đi lại an toàn và tự tại*.

"Te hi sotthiṃ gamissanti, kacche vāmakase magā;

Jhānāni upasampajja, ekodi nipakā satā''ti.

"Te hi pāraṃ gamissanti, chetvā jālaṃva ambujo;

Jhānāni upasampajja, appamattā raṇañjahā''ti.

"*Te hi sotthiṃ gamissanti":* họ sẽ đi đứng một cách an toàn, an lành (*sotthi*).

Câu "kacche vāmakase magā" này phải ngắt như thế này *"kacchevāmakase magā"* vì ' vì '*kacchevāmakase'* gồm có ba chữ: *(1)'kacche'*: 'vùng đầm lầy rậm rạp. *(2)'iva'*: 'ví như'. *(3)'amakase':* 'không có muỗi mòng'

'magā' = 'miga': 'thú vật'.

*Jhānāni upasampajja:*chứng thiền

'ekodi' = '*samadhi'*, '*ekaggata'*: 'định'.

‘*nipaka’=‘paññā’:* ‘trí tuệ’.

‘Satā’ trong trường hợp này là *‘sati’:* ‘niệm’.

‘Satimanto’: ‘người có chánh niệm’

‘‘ekodi nipakā satā’’, gom lại là: Chỉ, Quán và Thánh trí

Trong bài Kinh Từ Bi (Karaniya Metta Sutta) có câu *‘‘*Santindriyo ca **nipako** ca, appagabbho kulesvananugiddho…”, chữ ‘*nipako’* ở đây có nghĩa là trí tuệ ‘*nipaka’*.

Kết quả rốt ráo của thiền Chỉ là chứng các tầng thiền, được sanh về Phạm thiên. Nghe có vẻ tầm thường nhưng chúng ta phải biết một chuyện, dù sao người tu thiền Chỉ nếu chứng đắc là họ làm được hai việc quan trọng: Thứ nhất, muốn đắc thiền thì họ phải đè nén được 5 triền cái, những phiền não thô thiển ở cõi Dục giới. Thứ hai, nếu vị tu thiền Chỉ mà đắc ngũ thiền có thần thông thì trí tuệ hơn người bình thường gấp tỷ lần, họ thấy được xác chứng được một tỷ chuyện mà người bình thường không biết, ví dụ họ thấy rõ rằng trên đời này có tồn tại những chúng sinh khuất mày khuất mặt, họ thấy rằng thật sự trên đời có tồn tại cảnh giới tái sanh cao thấp sướng khổ khác nhau. Họ có dịp thấy rõ bao nhiêu điều mắt thường, tai thường không sao biết được. Thiền Chỉ có khả năng đem lại trí tuệ đặc biệt.

Thiền Quán, nếu tu tập tới nơi tới chốn thì chứng quả thánh, còn tối thiểu thì cũng cho mình đời sống an lạc, tuy không phải bay nhảy như thiền Chỉ nhưng có được đời sống hiện tại lạc trú. Không gì an lạc cho bằng biết rõ cái gì đang diễn ra. Cho dù mình là một tỷ phú đi nữa nhưng không phải là hành giả Tứ Niệm Xứ, không có kiến thức của hành giả Tứ Niệm Xứ thì nụ cười trên môi của mình rất là mong manh phù du, vì mình chỉ biết ‘tôi’ và ‘của tôi’. Một hành giả thiền Quán Thiền Quán, nếu tu tập tới nơi tới chốn thì chứng quả thánh, còn tối thiểu thì cũng cho mình đời sống an lạc, tuy không phải bay nhảy như thiền Chỉ nhưng có được đời sống hiện tại lạc trú. Không gì an lạc cho bằng biết rõ cái gì đang diễn ra. Cho dù mình là một tỷ phú đi nữa nhưng không phải là hành giả Tứ Niệm Xứ, không có kiến thức của hành giả Tứ Niệm Xứ thì nụ cười trên môi của mình rất là mong manh phù du, vì mình chỉ biết ‘tôi’ và ‘của tôi’. Một hành giả thiền Quán *thứ thiệt* thì thật sự có lòng cầu giải thoát, thật sự nhàm chán sanh tử, thật sự có niềm tin rõ ràng là danh sắc vốn phù du do duyên hợp và duyên tan, cả phiền não hay thiện tâm đều đến rồi đi, buồn vui thiện ác đều do duyên mà có rồi do duyên mà

mất. Hễ còn là phàm thì *buồn vui, thiện ác* cứ tiếp diễn hoài để mình còn sanh tử hoài. Tu thiền Quán là cơ hội tốt nhất để nhận diện *buồn vui, thiện ác* đã đến và đi như thế nào trong đời sống thường nhật của mình, để thấy rằng tất cả chỉ là đồ lắp ráp, đồ giả, tạm. Phật tử học hỏi lâu năm nghe *Vô thường, khổ, vô ngã* thì dễ dàng hiểu nhưng với người không biết đạo khi họ hỏi thì hãy trả lời thế này: thì dễ dàng hiểu nhưng với người không biết đạo khi họ hỏi thì hãy trả lời thế này: *vô thường là tạm* (có đó mất đó, nắng sớm mưa chiều), (có đó mất đó, nắng sớm mưa chiều), *vô ngã là giả* (thấy vậy mà không phải vậy). (thấy vậy mà không phải vậy). *Khổ*ở đây không phải là chỉ là cái gì làm cho mình khó chịu mà khổ ở đây phải hiểu là khổ có ba: *khổ khổ, hoại khổ, hành khổ*. Trong bộ Vô Ngại Giải Đạo (Patisambhidamagga), ngài Xá Lợi Phất dùng chữ '*Pilita'* (khổ) nghĩa là 'áp lực', 'sự thúc đẩy'. Khổ ở đây không hề liên quan đến cảm giác cảm thọ, mà là sức đẩy, dầu muốn hay không hễ đủ duyên là chuyện đó có mặt; dầu muốn dầu không thì chuyện đó phải đi đến diễn biến như thế, kết cục như thế; dầu muốn dầu không thì cái tâm, sát-na trước phải mất để sát-na sau xuất hiện, dầu muốn dầu không thì sắc pháp sinh lý của mình phải thay đổi liên tục để tóc xanh thành tóc muối tiêu rồi qua tóc bạc, dầu muốn dầu không thì tim gan phổi của mình càng lúc càng già để mình chết được. Mọi thứ từng ngày đều biến chuyển, đẩy về phía trước, một cuộc đi không ngừng lại, để mình già, bịnh, chết. Sự thúc đẩy này được gọi là khổ. Quí vị tìm bộ Vô Ngại Giải Đạo này để đọc, phải đọc bộ này. Quí vị nên dành thì giờ để học tiếng Pāḷi, nếu nghiên cứu kinh điển mà mù tịt Pāḷi thì cũng khó. Ở các trường đại học của Mỹ như Wisconsin, Stanford, Havard hay Yale có chuyên ngành Phật học hoặc Châu Á học có những chương trình ngoại ngữ rất xuất sắc, để đọc hiểu hoặc giao tiếp khẩn cấp chỉ có 9 tháng. Ví dụ, chuyên khoa Phật học thì chỉ mất 9 tháng một người có thể tạm thời đọc hiểu tiếng Nhật, tiếng Hán, hoặc Tây Tạng… Nếu có lòng thì có đường đi, nếu quí vị dưới 40 tuổi thì ráng học tiếng Pāḷi, đọc được tiếng Pāḷi thì quí vị sẽ phát hiện ra một điều kinh Phật qua bản dịch rất khác bản tiếng Pāḷi. Từ ngữ của ông A làm sao giống từ ngữ của ông B, chưa kể ông B năm trước so với ông B năm sau cũng khác nhau rồi. Trong khi đó đọc sách dịch thì mình phải lệ thuộc 100% vào ngôn ngữ của người dịch, họ cho mình cái gì thì mình nhận cái đó, giỏi lắm thì mình suy diễn thêm chớ mình không có khả năng tham dự vào nguyên bản. Thứ nữa là ở mỗi văn bản, liếc mắt vô mình sẽ có tâm cảm khác nhau. Ví dụ, cũng những bản dịch đó mà khi tôi đọc của sư Chánh Thân không giống tâm trạng khi tôi đọc bản dịch của sư Thiện Minh; khi đọc bản dịch của sư Thiện Minh cái tâm trạng không giống như khi đọc của sư Tâm Pháp v.v... Cho nên, mỗi dịch giả ban cho mình bối cảnh tâm lý như thế nào thì mình nhận như thế đó. Và một điều

nữa, cảm giác của mình lúc đọc đoạn kinh bằng tiếng Pāḷi đặc biệt lạ lùng lắm, mình thấy mình gần với Phật hơn bao giờ hết, vì vậy nếu thu xếp được quí vị nên học tiếng Pāḷi.

Bài kệ này, vị Thiên tử nói như thế này: *Bạch Thế Tôn, người có trí, có niệm, có định thì họ đi lại trong cuộc đời này thoải mái giống như con thú ở trong chỗ không có muỗi*. Người có tu tập có đời sống nội tâm mới thấm chỗ này, không có gì bực mình cho bằng chỗ mình có ruồi muỗi; có con bù mắt nhiều cũng phiền. Trâu bò to lớn vậy mà cũng sợ muỗi, sợ bù mắt lắm. Các vị có là tiến sĩ, bác sĩ, triệu phú, tỷ phú đi nữa nhưng gặp ruồi muỗi là chịu không nổi. Không gì tôi sợ cho bằng mấy con ruồi. Nhìn trên bàn ăn mà thấy nó đảo một vòng là thấy lạnh người. Đời sống mà không ruồi không muỗi thì thoải mái biết bao nhiêu. Vị chứng thiền được ví dụ là người sống không có bị phiền.

Trong kinh Nivapasutta (Kinh Bẫy Mồi), Trung Bộ Kinh, Đức Phật giảng có bốn bầy nai: bầy nai thứ nhất tham ăn u mê, thấy đâu có mồi thì nhào đến lập tức bị sa lưới sập bẫy ngay. Bầy nai thứ hai không có ham mồi như bầy thứ nhất và bỏ đi thật xa trong khu rừng thẳm không dấu chân người, chúng đi xa quá không có thức ăn, đến lúc đói rã rời đành phải quay trở ra tìm thức ăn, trong cơn hoảng loạn đói khát thì mất cảnh giác. Bầy thứ hai này biết trốn lánh nhưng kiểu cực đoan, nên cũng sụp bẫy, sa lưới. Bầy thứ ba khôn hơn hai bầy trước, không tham mồi như bầy thứ nhất, cũng không trốn tránh cực đoan như bầy thứ hai, thấy ở đâu có thức ăn cũng lai vãng đến, tiếp cận thức ăn rất khôn ngoan, rất cẩn trọng, và cách rút lui giấu mình trú thân cũng rất cẩn trọng thông minh nhưng khổ thay khu vực bầy nai này ở chưa hoàn toàn nằm ngoài khu vực nguy hiểm nên cũng tiếp tục là nạn nhân của thợ săn. Riêng bầy thứ tư, ăn mồi một cách thông minh, tránh người một cách thông minh, chỗ trú thân náu mình cũng nằm ngoài vùng nguy hiểm nên chúng có thể an lành. Đức Phật dạy có bốn hạng tỳ kheo ở đời, hạng thứ nhất nghe mùi danh xưng lợi đắc thì cắm đầu cắm cổ chết đuối trong đó. Hạng thứ hai có lý tưởng có đạo tâm có chủ trương hơn nhưng trốn lánh nhân loại có phần chủ quan cực đoan, cũng chuyên tâm giới luật thiền định nhưng lúc gầy gò ốm yếu thì quay lui và sụp bẫy. Hạng thứ ba là những người tu hành giữ giới thanh tịnh, có thiền định, có chứng thiền ngon lành, tuy nhiên, đam mê trong cái mình có, vẫn được xem là bầy nai ăn mồi khôn ngoan, rút lui khôn ngoan nhưng ẩn náu không khôn ngoan. Chỉ có hạng thứ tư, biết lìa bỏ phiền não, biết an trú trong pháp và không chìm đắm trong những thành tựu sở chứng của mình, đây là bầy nai khôn ngoan nhất.

Bài kinh này là bài kinh được liên hệ tới bài kinh khác. Quí vị học làm sao để có một ngày đọc bài kinh này có thể liên tưởng đến bài kinh khác. Điểm độc đáo của PG là Đức Phật nói ít bao nhiêu thì vẫn có thể bao hàm vạn pháp trong đó và Ngài có nói mênh mông bao nhiêu thì cũng nhắm đến một mục đích duy nhất là cứu cánh giải thoát. Chính vì chỗ này mà điều quan trọng nhất tôi muốn kêu gọi ở các vị Phật tử đó là làm thế nào nhìn bài kinh này có thể liên tưởng đến vô số những bài kinh khác, nhờ vậy cái hiểu của mình có thể rộng hơn sâu hơn. Ở đây vị Thiên tử đã trình bày: một hành giả dù tăng hay tục có được trí tuệ, có được chánh niệm và có được thiền định thì vị đó đi lại giữa đời này an toàn và thoải mái như thú ở chỗ không có muỗi, như là cá phá được lưới; "*pāraṃ gamissanti*", đến được bờ kia một cách an toàn. Mình không phải là người đến được bờ kia một cách an toàn đâu, đầu hôm là tỷ phú rạng sáng ra ngoài đống rác nằm ngoài đó, sanh làm con gì mình đâu có biết. Mình tắt thở rồi cái gì cũng mất, bấp bênh và mong manh ghê gớm lắm. Cho nên ở đây chỉ có người nào *có định, có tuệ, có trí* ("*Ekodi nipakāti ekaggacittā")* mới được xem là an toàn.

Trong Kinh Chuyển Luân Thánh Vương, Sư Tử Hống, Trường Bộ Kinh có nói một hình ảnh rất độc đáo: Giống như con chim cút sau mùa cày ruộng, mỗi lần nó sợ hãi thì chun xuống dưới luống cày để trốn. Một vị tỳ kheo muốn an toàn thì phải lui tới lai vãng trong cảnh giới của mình. Tuy bài kinh nói là tỳ kheo nhưng cư sĩ cũng vậy, phải có chỗ lui tới an toàn. Đức Phật dạy, *không có đâu an toàn cho bằng đất nhà*. Đất nhà tức là nhà hay đất của mình, của cha mẹ ông bà mình. Đời sống của một người có chánh niệm, có thiền định, có trí tuệ chính là sự lui tới vùng đất an toàn, vùng đất của chư Phật, của thánh hiền, vùng đất của sự vô hại. Còn nếu như bất cứ giây phút nào sống chìm đắm trong cái mình thích, trong cái mình ghét thì hãy hiểu rằng lúc đó mình đang lang thang ở vùng nguy hiểm. Bên New York có một vùng Harlem mà ngay người Mỹ trắng cũng sợ, giống như những khu Cầu Muối, Khánh Hội, Cầu Ông Lãnh ở Sài Gòn, đây là những nơi mà bước vào ăn nói lơ mơ là không có đường về. Một hành giả bất cứ lúc nào không có niệm là đang ở trong khu vực nguy hiểm. Nhiều người nghĩ rằng thất niệm một chút đâu có chết, nhưng hãy nhớ rằng tất cả những khổ tâm, bứt rứt, sợ hãi, hờn giận, tiếc nuối… đều đi ra từ những giây phút thất niệm, phóng dật. Thử một ngày sống chánh niệm các vị sẽ thấy khác biệt rất lớn giữa một người sống không có niệm và có chánh niệm. Thử một ngày dẹp bớt những gì không cần thiết để sống chậm một ngày để thấy sự khác biệt cực kỳ lớn giữa một nếp sống thất niệm và một nếp sống có chánh niệm. Lạ lùng ở chỗ, sống chánh niệm, trên chữ nghĩa mô tả chỉ là: . Đất nhà tức là nhà hay đất của mình, của cha mẹ ông bà

mình. Đời sống của một người có chánh niệm, có thiền định, có trí tuệ chính là sự lui tới vùng đất an toàn, vùng đất của chư Phật, của thánh hiền, vùng đất của sự vô hại. Còn nếu như bất cứ giây phút nào sống chìm đắm trong cái mình thích, trong cái mình ghét thì hãy hiểu rằng lúc đó mình đang lang thang ở vùng nguy hiểm. Bên New York có một vùng Harlem mà ngay người Mỹ trắng cũng sợ, giống như những khu Cầu Muối, Khánh Hội, Cầu Ông Lãnh ở Sài Gòn, đây là những nơi mà bước vào ăn nói lơ mơ là không có đường về. Một hành giả bất cứ lúc nào không có niệm là đang ở trong khu vực nguy hiểm. Nhiều người nghĩ rằng thất niệm một chút đâu có chết, nhưng hãy nhớ rằng tất cả những khổ tâm, bứt rứt, sợ hãi, hờn giận, tiếc nuối… đều đi ra từ những giây phút thất niệm, phóng dật. Thử một ngày sống chánh niệm các vị sẽ thấy khác biệt rất lớn giữa một người sống không có niệm và có chánh niệm. Thử một ngày dẹp bớt những gì không cần thiết để sống chậm một ngày để thấy sự khác biệt cực kỳ lớn giữa một nếp sống thất niệm và một nếp sống có chánh niệm. Lạ lùng ở chỗ, sống chánh niệm, trên chữ nghĩa mô tả chỉ là: **1,Làm gì biết nấy** nhưng khi sống được như vậy thì sẽ ngộ ra vô số chuyện. Tới lúc sống chánh niệm mới ngộ ra câu thứ nhưng khi sống được như vậy thì sẽ ngộ ra vô số chuyện. Tới lúc sống chánh niệm mới ngộ ra câu thứ **2,Thấy vậy mà không phải vậy.** Nếu thật sự có lòng cầu đạo giải thoát phải nhớ thuộc lòng: sống chánh niệm là Nếu thật sự có lòng cầu đạo giải thoát phải nhớ thuộc lòng: sống chánh niệm là **làm gì biết nấy, mình ra sao thì tự biết như vậy**. Sống như vậy để làm chi vậy?

Thử sống một ngày như vậy để nhìn ra . Sống như vậy để làm chi vậy?

Thử sống một ngày như vậy để nhìn ra **mọi sự thấy vậy mà không phải vậy**. Những gì mình thấy nó là ngọt, là đắng, là tốt, là xấu theo cách nghĩ của thế gian, thì khi mình là hành giả Tứ Niệm Xứ sống có chánh niệm, có tỉnh giác mình mới hiểu ra thấy vậy mà không phải vậy. Lúc đó mới thấy cơ thể mình thật sự không như mình nghĩ, không ngờ nó đau khổ như vậy, và cái tâm của mình không ngờ nó hèn như vậy, nó tầm thường, bất tịnh dơ bẩn như vậy. Mình không ngờ mình thiếu an lạc như vậy, không ngờ mình tù túng chật chội, bầy hầy, bê bối như vậy. Thử một ngày sống chánh niệm sẽ thấy ra những điều này, nhờ vậy mình được rất nhiều thứ: mình không tiếp tục ngộ nhận về bản thân mình nữa, mình phát hiện ra cái gì cần thêm, cái gì cần bớt, cái gì cần sửa. Chỉ có hành giả Tứ Niệm Xứ mới là người có được khả năng nhìn ngắm mọi sự từ nhiều phía, có khả năng nhìn từ trên nhìn xuống, nhìn từ trong nhìn ra, ngoài nhìn vô và ở dưới nhìn lên. Chỉ có cách nhìn này mới không phiến diện, một chiều. Hãy thử nhìn mình từ góc độ của người khác, rồi quan sát người khác từ góc độ của họ. Mình nhìn

mình đang ăn, mình nhìn mình nói chuyện, mình nhìn mình phản ứng như thế nào trong đời sống thường nhật. Điều này rất là quan trọng. Nội dung bài kinh Thiên tử Candimasa phải được hiểu như vậy. Hẹn gặp lại ngày thứ năm.

Bài giảng ngày 14-8-2014 VENDU (Veṇḍusutta)

Chúng ta đang học phẩm Thiên Tử, tất cả những câu hỏi ở đây là do từng vị Trời đến hỏi Đức Phật. Chuyện ai hỏi không quan trọng, quan trọng là nội dung. Đó là hỏi nhưng thật ra có những vị tới thưa với Ngài điều họ tâm đắc nhất, điều sở chứng sở đắc thành tựu của họ, giống như hôm nay, quí vị thấy những người Phật tử bạn đạo của mình tới nói cho mình nghe vừa qua họ tu thiền ở đâu, làm phước ở đâu, dịch sách viết lách cái gì, nói cho nhau những chuyện mình biết, chuyện mình làm, đời sống tinh thần ra sao v.v... Không nhất thiết gặp Đức Phật thì ai cũng hỏi cái gì đó. Theo Chú giải, đó cũng là một cơ duyên. Có người xem dịp đến gặp Đức Phật là dịp tốt để học cái gì đó, có người thì chuyện đó không quan trọng, họ đảnh lễ, nhìn Ngài và bày tỏ niềm hoan hỉ, Ngài nói gì họ nghe nấy. Có người xem mỗi lần tìm đến với Ngài như là một cơ hội để học hỏi ở Ngài bằng những câu hỏi hay mà họ cho rằng cấp thiết và quan trọng. Thiên tử Veṇḍu này đến không hỏi gì hết, chỉ thưa với Ngài cái suy nghĩ mà ông cho là tâm đắc nhất. Ông thưa với Ngài một điều mà cũng đáng để cho mình suy nghĩ:

Hạnh phúc thay những người,

Sau khi hầu Thiện Thệ,

Tuân phụng lời Ngài dạy,

Tu học không phóng dật!

"Sukhitāva te manujā, sugataṃ payirupāsiya": thật may mắn, thật hạnh phúc thay cho những ai hành trì tuân thủ theo lời dạy của Thế Tôn.

'sugataṃ': 'Thiện Thệ', 'Thế Tôn'

'payirupāsati': 'phục vụ hầu hạ'.

Theo ngôn ngữ trong Kinh, khi ai đó đến nói với Thế Tôn rằng *"Con đã hầu hạ Thế Tôn, con đã phục vụ Thế Tôn"* thì có nghĩa là *"Con đã hành trì theo lời dạy của Thế Tôn"*. Ví dụ trong Trưởng Lão Tăng Kệ: "Con đã hầu hạ Thế Tôn, con đã phục vụ Thế Tôn, chuyện nên làm đã làm, sau đời sống này không còn đời sống khác", chữ '*payirupāsati'* có nhiều nghĩa: 1. phục vụ, hầu hạ, 2. tôn kính, tuân thủ.

Tại sao ông gọi đó là sự an lạc, sự may mắn?

Bởi vì chúng ta biết rằng mang được thân chư thiên, thân nhân loại không phải là chuyện dễ. Trong một ngày như vậy mọi chúng sanh phàm phu dành thời gian sống thiện nói thiện và làm thiện không nhiều, thậm chí là không có. Bất thiện luôn luôn nhiều hơn sống thiện, nhiều hơn giây phút làm thiện, nói thiện. Thật là đáng thương và buồn cười cho những người (trong đạo chứ không phải ngoài đời) tự thấy mình hay, họ tự mãn về giới luật, về kiến thức Phật pháp, về hạnh bố thí, phục vụ hay sự thân quen của họ đối với chư tăng Phật tử. Đi chùa thấy loại người này nhiều lắm, họ có được chút ít đã tâm đắc thỏa mãn vừa lòng. Vì vậy, thật may mắn thay cho những người nào mang được thân nhân thiên, lại gặp được Thế Tôn, gặp được chánh pháp và hành trì như lời dạy của Đức Phật.

Đức Phật xác nhận suy nghĩ của Veṇḍu bằng câu nói tương đương:

Veṇḍu! Những ai Thiền tu học.

Trong pháp cú Ta dạy,

Tinh cần, không phóng dật,

Đúng thời họ sẽ đi,

Thoát khỏi tay tử thần.”

Ye me pavutte **siṭṭhi**pade

Anusikkhanti jhāyino;

Kāle te appamajjantā,

Na **maccuvasagā** siyu’’nti.

Đúng rồi những người nào đến với ta, học tập, lắng nghe, thọ trì lời dạy của ta sống thiền định: Đúng rồi những người nào đến với ta, học tập, lắng nghe, thọ trì lời dạy của ta sống thiền định: “Ye me pavutte **siṭṭhi**pade, **Anusikkhanti** jhāyino;

‘Anusikkhanti’: ‘học tập’, ‘thọ trì’

‘siṭṭhi’: ‘dạy dỗ’, ‘hướng dẫn’, ‘thuyết giảng’

Câu HT Minh Châu dịch “*Đúng thời họ sẽ đi”,* theo trong Chú giải là: Với những ai sống chuyên cần theo lời dạy của Đức Phật thì không có gì phải lo, duyên tới

thì tự động chứng. Giống như hai người trồng cây, một người trồng đúng, một người trồng sai, đối với người trồng sai phải hướng dẫn họ trồng lại, đào hố đất sâu hơn hoặc cạn hơn chút, nước non, phân bón như thế nào đó… Còn với người trồng đúng thì nói *"cứ như vậy đi, vấn đề bây giờ chỉ là thời gian thôi",* nghĩa là mọi việc *đã đi vào quỹ đạo* rồi,

"Kāle te appamajjantā": vấn đề chỉ là thời gian thôi

Với người tinh tấn như vậy thì sớm hay muộn thôi chứ nước đã vào máng xối rồi chỉ chạy theo đúng một đường thôi. Đây cũng là một lời an ủi cho chúng ta. Nếu đã hành trì tương ứng với Kinh, tương đồng với Luật thì vấn đề chỉ là thời gian. Trong Tăng Chi Bộ Kinh Đức Phật dùng một hình ảnh rất thơ mộng: Trong biển đời sinh tử này kẻ phàm phu liên tục và liên tục đầu tư sửa chữa chăm sóc con thuyền sanh tử của mình, để tiếp tục trôi nổi triền miên từ phương này qua phương khác của biển lớn. Nhưng đối với các bậc thánh (Hữu học, Tu-đà-hoàn trở lên) thì giống như người đã neo được thuyền trong bến, thuyền đã lủng ván, hư máy, không tiếp tục đi nữa, và đối với vị A-la-hán thì ngài giống hệt như một cái thuyền đã kéo lên cạn và đang bị mưa nắng làm mục nát không được tiếp tục sử dụng nữa không còn trôi dạt lang thang trên biển đời sinh tử nữa.

Bài kinh Veṇḍu này không có gì để bà con nhăn mày nhíu mặt khi nghiên cứu. Câu cuối cùng "Bài kinh Veṇḍu này không có gì để bà con nhăn mày nhíu mặt khi nghiên cứu. Câu cuối cùng "Na **maccuvasagā** siyu"

'*Maccu'*: 'thần chết'. '*vasa'*: 'power'. '*Gā'*: đi.

"*Maccuvasagā*": còn lui tới, lai vãng, khứ hồi trong quyền lực chi phối của cái chết.

Đối với bậc thánh thì *"Na maccuvasagā",* không còn lui tới lai vãng với cái chết nữa. Chẳng hạn như mình đi về cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng sống mấy chục ngàn đại kiếp thì cũng hết tuổi thọ, làm con trùn con dế dăm ba tháng rồi cũng chết, nói chung hễ có mặt trên đời là sẽ chết, chỉ có sự viên tịch của bậc thánh thì mới nằm ngoài sự chi phối của cái chết

DĪGHALATTHI (Dīghalaṭṭhisutta)

Bài kinh Dīghalaṭṭhi tôi chỉ giải thích bằng một câu thôi: Bài kinh Dīghalaṭṭhi tôi chỉ giải thích bằng một câu thôi: *"Xin xem lại Kinh Kassapa số 2 của Phẩm thiên*

Tử". Phẩm Thiên tử có nhiều bài, bài mình đang học là một trong những bài sau cùng của phẩm Thiên Tử, xin xem lại Kinh Kassapa số 2 của Phẩm Thiên Tử:

"Với tâm tư giải thoát,

Vị Tỷ-kheo tu thiền,

Và với lòng ước vọng,

Đạt được tâm sở nguyện."

Nghĩa là với một người có lòng cầu giải thoát, thấy được bản chất sanh diệt vô thường của danh và sắc thì đủ duyên sẽ trở thành thánh nhân. Câu này quan trọng: "*Và với lòng ước vọng, Đạt được tâm sở nguyện."*. Nói ra phũ phàng, trừ Phật tử Miến Điện họ được học đạo từ bé, từ trong bụng mẹ đã được nghe giảng kinh. Tôi đã từng đi vào xóm núi sơn thôn của Miến Điện, tôi chứng kiến những cảnh làm cho tôi giựt mình. Trong Tam tạng, Tạng khó hiểu nhất là Tạng Vi Diệu Pháp, trong Tạng Vi Diệu Pháp, bộ thứ bảy là bộ chua nhất, bộ này trình bày về Danh, Sắc ở khía cạnh Duyên hệ phải nói là trùng điệp. Với một người chưa từng học gì hết nghe cái này chỉ điếc con ráy, ấy vậy mà khi buổi sáng tôi đặt chân đến xóm núi Kyaiktiyo, xóm nghèo đến nỗi cái nhà người ở và chuồng gà chuồng heo không khác nhau chút nào, chỉ là cây cột nhà bằng tre, sàn bằng tre, vách bằng lá mục từ lâu lắm rồi, ấy vậy mà họ vẫn mở băng cassette Vi Diệu Pháp bài Duyên hệ. Từ nhỏ họ đã được học cái đó, họ biết rất rõ tại sao họ đi chùa, tại sao họ mang thân người, có sự khác biệt nào giữa họ với mấy con trùn dế ruồi muỗi, tại sao chư tăng hướng dẫn họ phải cầu giải thoát sanh tử; tất cả những câu hỏi này người Miến Điện được học từ lúc còn trên tay mẹ. Còn người VN, đi chùa theo truyền thống gia đình, má đi theo bà ngoại, con đi theo má. Còn Phật tử Nam Tông, kêu tụng kinh Pāḷi thì cứ tụng Pāḷi mà có bao nhiêu người hiểu tại sao mình có mặt trên đời, tại sao lại phải chấm dứt sanh tử, pháp môn hành trì, kiểu tu của mình bây giờ có đúng chưa, có đủ chưa. Trở lại bài kinh, "*Và với lòng ước vọng, Đạt được tâm sở nguyện. Sau khi biết cuộc đời, sanh khởi rồi đoạn diệt"* là vậy đó. Có thể mình là một vị sư, một tu nữ, một Phật tử, mà chúng ta hoàn toàn mù tịt mình là cái gì, từ đâu tới, sẽ đi về đâu, và cần thiết phải làm cái gì trong thời điểm này, rất có thể mình không biết. Mình không sợ sinh tử, không nhàm chán sự có mặt của danh sắc. Mình sợ nhiều lắm là sợ cái *khổ khổ*, sự có mặt của những gì làm cho mình thấy khó chịu, còn *hoại khổ*, sự biến mất của hỷ lạc mình không thấy đó là điều đáng ngại. Đối với bậc hiền trí thì cái *khổ khổ* không làm cho họ bận tâm nhiều bằng *hoại khổ* và *hành khổ.* Với người chơn tâm tu hành,

cái khổ họ có thể gồng chịu nổi, nhưng nhớ đến mọi thứ trên đời này sanh ra rồi biến mất, mọi thứ trên đời này muốn tồn tại phải lệ thuộc vô số thứ nhân duyên điều kiện, nhớ mọi thứ ở đời tùy duyên mà sanh rồi theo duyên mà diệt, nhớ nhiêu đó là họ lạnh người và muốn chấm dứt. Mọi hiện hữu chỉ là sự lặp lại, sự lui tới, sự trùng phục, sự tái hiện mệt nhoài tẻ nhạt vô vị từ đời này sang kiếp khác, họ chán chữ *Saṃsāra* như vậy đó, họ thấy có hưởng cái gì cũng là sự lặp đi lặp lại. Quí vị có nghĩ, từ sáng đã rời nhà đi làm, đi làm để sống, sống để đi làm hết thế hệ này sang thế hệ khác, con nít từ mờ đất là ôm cặp đi học còn không là cầm xấp vé số. Đi học ra trường lấy chồng lấy vợ sinh con, đẩy cha mẹ sang bên, cắm đầu lo cho vợ chồng con cái, rồi về già nằm một chỗ chờ chết, thế hệ sau vẫn tiếp tục đi theo con đường đó… Đi cày để có nhà cửa, gia đình mái ấm rồi lăn đùng ra nằm lạnh ngắt cứng đơ. Như trong bài kinh, "*với lòng ước vọng*" nghĩa là có lòng cầu giải thoát, vì họ thấy sự lặp đi lặp lại họ ngán quá. Có lần Đức Thế Tôn đi khất thực ngang cánh đồng, có vị Bà-la-môn đứng dưới ruộng nói: "Khỏe mạnh mà ngày nào cũng cứ đi xin hoài...". Đức Phật trả lời "Ta đi kiếp này là kiếp chót, nếu ngươi không tu hành hay hiểu đạo thì chẳng những kiếp này ngươi cày ruộng mà vô số kiếp ngươi sẽ cày ruộng". Rồi Ngài đọc bài kệ 14 câu:

Đời này rồi kiếp khác

Kẻ ngu tiếp tục tái sanh

Đời này rồi kiếp khác

Kẻ ác bị đọa lạc

Đời này rồi kiếp khác

Người thiện sanh thiên giới

Đời này rồi kiếp khác

Phàm phu cứ luân hồi

Đời này rồi kiếp khác

Nông phu cứ cày ruộng

Đời này rồi kiếp khác

Thương gia cứ buôn bán

Chỉ một hai chữ nhẹ nhàng Ngài đã phác họa bức tranh dòng sanh tử buồn chán như thế nào cứ "*Đời này rồi kiếp khác"* lặp đi lặp lại. Không hình ảnh nào lạnh người cho bằng hình ảnh con trâu cày trên cánh đồng sinh tử nắng cháy, ruộng nứt nẻ. Đó chính là hình ảnh trung thực của một kẻ sinh tử. Tuy đã giảng rồi nhưng tôi cũng giảng lại.

"Với tâm tư giải thoát,

Vị Tỷ-kheo tu thiền,

Và với lòng ước vọng,

Đạt được tâm sở nguyện.

Sau khi biết cuộc đời,

Sanh khởi và đoạn diệt

Tâm thuần, không nương tựa,

Hưởng lợi quả như chơn."

là như vậy đó. Có lòng ngán sinh tử thiệt, có lòng cầu giải thoát thiệt và có một con đường duy nhất để chấm dứt sanh tử đó là biết rõ đó là sự thật. Nếu có người hỏi tâm đắc đạo Phật là gì thì chỉ nói như vậy thôi: "Mọi hiện hữu là khổ - đó là khổ đế, nhận ra được điều đó là chấm dứt sinh tử". Tôi biết tôi nói vậy nhiều người mê chi pháp khó chịu lắm, tại sao Tứ Đế gom lại còn hai câu nghe rất là kỳ, nhưng quí vị nghĩ xem Đức Phật có nói vậy hay không?

là như vậy đó. Có lòng ngán sinh tử thiệt, có lòng cầu giải thoát thiệt và có một con đường duy nhất để chấm dứt sanh tử đó là biết rõ đó là sự thật. Nếu có người hỏi tâm đắc đạo Phật là gì thì chỉ nói như vậy thôi: "Mọi hiện hữu là khổ - đó là khổ đế, nhận ra được điều đó là chấm dứt sinh tử". Tôi biết tôi nói vậy nhiều người mê chi pháp khó chịu lắm, tại sao Tứ Đế gom lại còn hai câu nghe rất là kỳ, nhưng quí vị nghĩ xem Đức Phật có nói vậy hay không?

Này các tỳ kheo, trong tấm thân một sải tay này ta chỉ nói đến khổ và con đường thoát khổ. Mọi hiện hữu đều là khổ, nhận thức được chuyện đó thì đó chính là con đường thoát khổ. Dầu là giới luật, thiền định, bố thí, phục vụ cũng đều chỉ nhắm đến một chuyện, giúp cho mình nhận thức được rằng mọi hiện hữu là khổ,

đó chính là con đường Tứ Niệm Xứ, nhưng ở đây chúng tôi không nhắc đến chữ chuyên môn đó mà chỉ nói đơn giản cho dễ hiểu dễ nhớ: phải hiểu được mọi hiện hữu là khổ, hiểu được như vậy chính là con đường thoát khổ. Chỉ có Tứ Niệm Xứ mới thấy được mọi hiện hữu là khổ, khi thấy hiện hữu là khổ mới sanh tâm nhàm chán, từ nhàm chán mới dẫn đến ly tham, từ ly tham mới dẫn đến giải thoát.

Có lần Đức Phật dạy ngài Xá Lợi Phất: *Này Xá Lợi Phất, giống như que gỗ bị cháy hai đầu (nghĩa là không dùng được đầu nào), chính giữa dính phân, nghĩa là khúc gỗ này không còn chỗ nào xài được; cũng vậy, một chút xíu sinh tử, một chút xíu tồn tại, dầu hình thức tồn tại vi tế nhỏ nhiệm đến mấy đi nữa, ta nói rằng nó cũng đáng lìa bỏ.* Dĩ nhiên đây là cái nhìn của bậc thánh, còn chúng ta thì chưa. Tôi vẫn còn yêu cuộc đời này lắm, một buổi sớm mai thức dậy thấy mình không bịnh hoạn, nhìn ra thấy trời xanh mây trắng nắng vàng, và không có chuyện gì để bực mình âu lo; một mình đeo ba lô, mang theo chút ít nước, chút đồ ăn khô, ngồi trên xe lửa chạy ngang những cánh đồng cỏ bát ngát, đối với tôi đó là hạnh phúc lắm rồi. Mình thấy cuộc đời đẹp vì mình sống như trẻ con, sống vui trọn vẹn vì tin yêu cuộc đời này bằng sự tin cậy, không nghi hoặc âu lo như người lớn. Chúng ta không như vậy, thậm chí có Phật tử kể với tôi, mỗi lần gia đình họp mặt là lạnh người, nhìn ai cũng cười vui nhưng biết rõ hoàn cảnh của từng người, người này đang thất nghiệp, người này đang ly thân, người này mê đánh bài, người kia bệnh ở thời kỳ cuối v.v... Cả nhà xúm lại party rất vui nhưng ông này biết rõ từng vấn đề của mỗi người nên cười vui mà lòng không yên, nay mai cứ cầm phone chờ nghe tin buồn. Còn đứa bé thì không cần biết chuyện đó, cứ họp mặt là nó vui.

NANDANA (Nandanasutta)

Bài kinh này là câu trả lời rất quan trọng cho sự nghi hoặc thắc mắc của nhiều Phật tử. Phải nói là cơ hội cùng ngồi với nhau để nghe Kinh Tạng là một cơ duyên rất lớn. Phải có lớp như thế này chúng ta mới có dịp ngồi đọc lại từng bài chớ ngồi một mình mà đọc từng bài từ bài một cho đến bài mấy ngàn thì đọc không nổi, bây giờ thì bị gài vô cái thế không muốn cũng phải ngồi nghe. Dĩ nhiên có ai bắt mình đâu, nhưng ví dụ bài kinh này mình không thích lắm nhưng cũng ráng nghe, không lẽ bỏ khi có người ngồi nói miễn phí cho mình nghe. Chính nhờ nghe không sót bài nào nên mình mới phát hiện ra nhiều chuyện, chẳng hạn như bài Nandana này, nếu tự đọc lướt qua thì thấy không có gì nhưng đó là câu trả lời quan trọng cho một câu hỏi lớn.

Có nhiều bài kinh khi đọc bản dịch tiếng Việt, cảm giác của tôi đối với Đức Phật hoàn toàn không bằng 1% lúc đọc thẳng bản Pāḷi. Tôi không dám chê nhưng phải nói đọc bản tiếng VN nó có không khí không giống kinh tí nào hết.

"Con hỏi Gotama,

Bậc Đại Giác toàn trí,

Con hỏi đấng Thế Tôn,

Với tri kiến vạn năng.

Người nào gọi trì giới?

Người nào gọi trí tuệ?

Người nào vượt sầu khổ?

Người nào chư Thiên lạy?

"

Dĩ nhiên bản Pāḷi làm sao thì phải dịch như vậy, dịch thì giữ tương đương thôi chớ làm sao giữ cái hồn vía của ngôn ngữ gốc. Bài kinh này hay chỗ nào?

Với câu hỏi: *Bạch Thế Tôn thế nào gọi là trì giới, thế nào gọi là trí tuệ, thế nào là vượt sầu khổ, người nào đáng để chư thiên lễ bái cúng dường;* gặp mình vừa liếc qua câu hỏi này mình sẽ nghĩ liền, trì giới là làm sao, trí tuệ là làm sao rồi mình tập trung giải thích. Nhưng ở đây, trong trường hợp này Đức Thế Tôn thì không vậy, Ngài giải thích một cách rất lạ, rất độc đáo. Nguyên trọn vẹn bài kệ này: Tam học là một. Ngài trả lời thế này:

"Ai hộ trì giới luật, Trí tuệ, tâm tu trì,

Chú tâm, vui Thiền định, Tâm tư trú chánh niệm,

Tất cả mọi sầu khổ, Được trừ diệt, đoạn tận,

Các lậu hoặc tận trừ, Sống với thân tối hậu,

Vị ấy gọi trì giới, Vị ấy gọi trí tuệ,

Vị ấy vượt sầu khổ, Vị ấy chư Thiên lạy."

Chúng ta (người VN mình) có thói quen là y kinh mà giải thích. Mình cứ hiểu Phật pháp theo kiểu hàng dọc: do vô minh duyên hành, hành duyên cho thức…v.v..., chúng ta không chịu hiểu ngay bây giờ, ngay cái lúc sáu giờ mười lăm ba giây này, trong khoảnh khắc này, nguyên một đống duyên khởi cùng một lúc có mặt trong đầu của mình mà mình đâu có ngờ. Tôi tiếp xúc với những người không học A-tỳ-đàm họ nghĩ như vậy, họ không ngờ là ngay bây giờ trong đầu mình có tứ lậu, có vô minh, 3 hành thì không đủ, chỉ có phi phúc hành và phúc hành, phúc hành của mình chỉ thiện Dục giới chứ không có thiện Sắc giới. Trong đầu mình chỉ có phúc hành dục giới; phi phúc hành là 12 bất thiện, xen kẽ với phúc hành dục giới; nó không có danh sắc thời tái tục chớ nó có xúc, thọ, ái, thủ, hữu (gồm nghiệp hữu). Nếu nói theo Vi Diệu Pháp thì nó có cả sanh nữa, sanh ở đây là sự có mặt của danh và sắc. Còn lão tử, lão ở đây không phải là lưng còng má hóp mà là sự cằn cỗi của sắc pháp, tử không phải là tắt thở xuôi tay mà là sự biến mất từng lúc của sát na tâm. Cho nên ngay một tích tắc đã có nguyên một đống duyên khởi trong lòng của mình. Mình không hiểu được như vậy.

Với *giới, định, tuệ,* mình cũng hiểu như vậy: giới tu trước, định tu sau, sau đó mới tới tuệ. Cách hiểu này không sai lắm nhưng hơi hồn nhiên một chút. Chúng ta biết rằng không có lúc nào *giới*rời khỏi lòng người tu thiền, ngay cả một người đang tu thiền Chỉ hay thiền Quán, lúc nào giới cũng gắn liền với họ. Giới hiểu theo cách hiểu của mình là 5 giới, 8 giới, 10 giới, sadi giới, tỳ kheo giới, tỳ kheo ni giới, cư sĩ giới, xuất gia giới v.v... Thật ra giới ở đây là *cố ý ngăn tránh đối với tam nghiệp bất thiện* (viraticetanā). Bất cứ giây phút nào mình có lòng cố ý ngăn trừ đối với tam nghiệp bất thiện thì giây phút đó gọi là đang có mặt của giới. Ví dụ lẽ ra mình nói câu đó nhưng mình kềm lại được, đó là giới; mình đang có một suy nghĩ tầm bậy, giận, hoặc tham, sân, mình phát hiện kịp và nói cái này không nên, không nghĩ vậy nữa, lúc đó là đang giữ giới. Hoặc đang suy nghĩ chuyện gì đó mà biết đang suy nghĩ không tốt, cái biết này là để ngăn trừ nó, thì đó gọi là đang giữ giới, ngay lúc mình giữ chánh niệm như vậy rõ ràng là đang trú chánh niệm. Người đang tu thiền Chỉ cũng vậy lúc họ cố ý tu tập thiền Chỉ, 5 triền cái xuất hiện, nó được đè nén, sự đè nén 5 triền cái cũng gọi là giới. Họ an trú trong đề mục, kiên định trong đề mục, gọi là giới, lúc đó là đang định, vì vậy giới và định và tuệ vốn không rời nhau, nó là ba mặt của một viên đá, của kim tự tháp. Cái độc đáo của bài kinh này Đức Phật gom lại hết, ai có giới luật, ai có thiền Chỉ, ai có thiền Quán, ai nhờ Tam học mà chứng được thánh trí, chấm dứt phiền não, người đó được gọi là: người có trì giới, người có trí tuệ, người vượt sầu khổ,

người đáng được chư thiên lễ bái cúng dường. Tại sao ở đây nhấn mạnh đến chư thiên?

Bình thường thì con người lạy chư thiên, lạy trời, lạy thần, lạy quỷ. Chư thiên thì sợ hàng khuất mày khuất mặt, họ chỉ nể ai hơn họ còn loài người mình thì cúi đầu trước rất nhiều đối tượng: người mình sợ mình cũng cúi đầu, người mình quí mình cũng cúi đầu, người mình mù mịt mình chỉ hiểu lầm họ mình cũng cúi đầu. Chư thiên thì chỉ cúi đầu trước người họ thật sự hiểu đây là ai và hiểu rõ vì sao phải cúi đầu trước con người này. Nhân loại mình thì không, gốc cây bụi chuối, ông tà ông táo gì mình cũng lạy được. Được sự kính lễ của chư thiên không phải là chuyện dễ, người đáng được nhận sự kính lễ này chỉ có bậc thánh thôi. Có một lần Đức Thế Tôn đang ngồi nhìn thấy có hàng ngàn vị Phạm thiên đang đảnh lễ ngài Maha Kapina, Thế Tôn mỉm cười vì Ngài hoan hỉ nhìn thấy những cái thiện này đang được họp mặt, những cái thiện đang kết hợp, ngài Maha Kapina là một bậc thánh, một hình ảnh quá đẹp. Có một lần ở trong chùa, với thiên nhãn và thiên nhĩ Ngài theo dõi được cuộc nói chuyện của ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, Ngài cũng nói lên lời hoan hỉ. Thế giới của những vị có thần thông đẹp như vậy đó, còn nếu một người sống ít phước báo, ít trí tuệ, ít khả năng thì cái đẹp trong đời sống nghèo hơn, thậm chí không có. Người đáng được chư thiên đảnh lễ là người không còn phiền não nữa. Loài người lạy lục chư thiên quỷ thần còn chư thiên thì chỉ lạy bậc hiền thánh hiền trí.

CANDANA (Candanasutta)

Chúng tôi chỉ chú thích chữ khó cho quí vị thôi. Mấy bài kệ này bà con có thể tự đọc được, trong Chú giải cũng chỉ giải thích thoáng qua mấy chữ khó thôi.

"Thiên tử Candana nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Làm sao vượt bộc lưu,

Ngày đêm vững, kiên trì,

Không trú, không bám víu,

Ai không chìm vực sâu?

"

Chúng ta có sống chánh niệm, sống trí tuệ, sống chìm sâu trong Phật pháp sẽ thấy bài kệ này dễ hiểu và hiểu được vì sao có những người hỏi những câu hỏi như thế này, còn nếu sống phóng dật sống thất niệm không có niềm tin trí tuệ thì thấy trên đời có người có những suy nghĩ sao kỳ cục. Nếu sống có chánh niệm, có trí tuệ, chúng ta sẽ nhận ra trong từng ngày chúng ta có trăm ngàn cái khổ, khổ vì nhân, khổ vì quả.

Khổ vì quả là do cái nghiệp đời trước nên giờ mình mới có thân này, đau chỗ này nhức chỗ kia. Sự có mặt của 6 căn này là quả. Chính vì có thân này nên mình mới có buồn vui, lo lắng cơm áo gạo tiền, các vị có bao lần nhìn thử để thấy mình đang bị nhốt tù trong tấm thân mấy chục ký?

Chư thiên họ đi đứng thoải mái, họ không e ngại khoảng cách, độ cao, độ sâu nào; mình thì xa quá đi không nổi, cao quá leo không tới, khiêng vác nặng không nổi, giữ hoài một tư thế thì mỏi, nói chung là mình đang bị nhốt tù trong cái thân này, khó thở, ăn không ngon không tiêu cũng khổ.

Khổ vì nhân là suốt một ngày toan tính đủ thứ chuyện, khi tâm *tham sân* xuất hiện là khổ. Chỉ có người có trí có niệm mới nhận ra mình đang sống trong cái khổ mỗi ngày, thấy tâm mình bị gắn chặt trong phiền não, tách rời không được. Có chánh niệm mới thấy những giây phút sống bằng thiện pháp, hướng tới sự buông bỏ, giải thoát, xả ly thì người nhẹ nhàng ghê gớm, còn mỗi lần có lòng lo cho chồng vợ, con cái, bè bạn, lo mất tiền, nhan sắc, tiếng tăm, địa vị, thì nhận ra mình sống trong đó mệt vô cùng. Không có gì thảm cho bằng trưa nắng chang chang từ đây tới trạm xe bus chỉ có 200 mét mà không có cách nào rút ngắn thời gian được, phải lết lên đó. Chư thiên đi cái vèo thì tới, còn mình thì mang cái thân này lê từng bước, xách theo đồ nặng lên dốc, đủ thấy sợ luân hồi, đủ thấy tởn tái sanh. Có thấy như vậy mới thấy quả thực mình đang bị khổ vì nhân khổ vì quả, chính vì vậy người ta mới gọi sự có mặt của danh sắc, của phiền não là gánh nặng, là bộc lưu. Còn mình không chịu thấy cái thân này là khổ, nên không bao giờ trong đầu mình có những chữ: 'bộc lưu', 'vực sâu', 'không bám víu', mình như mấy con dòi sống trong đống phân, không biết mình là dòi và cái mình lặn hụp là đống phân. Nếu bây giờ các vị thành địa cư thiên hay thọ cư thiên, nhẹ nhàng như khói, thân không bịnh hoạn, không bị rào cản về trọng lượng về tốc độ thì thấy thân nhân loại khổ như thế nào. Chư thiên nhìn mình họ lạnh xương sống, chỉ cần họ thấy mình mỗi ngày bắt con này, bắt con kia, đánh vảy, nhổ lông, bỏ vô nồi nấu, hả họng nhét vô, vậy mới sống được, họ ngó thấy mình mọi rợ ghê lắm, trừ khi mình là bậc hiền trí, trừ khi mình là người có giới hạnh, có trí

tuệ, chánh niệm thiền định, nếu không thì họ nhìn mình như nhìn cái con gì vậy. Chư thiên thuộc Địa cư thiên sống lâu lắm, tối thiểu khoảng 500 năm tuổi Trời, khoảng 9 triệu năm của mình, nên họ nhìn đời sống của mình chưa tới một sớm một chiều; họ thấy mình ăn dơ ở dáy, bệnh hoạn rên xiết, đấu đá tranh giành… họ ớn dữ lắm, nhờ một cái là mình không biết gì hết nên mình cứ phây phây. Ở đây Đức Phật trả lời thế này:

"Vị luôn luôn trì giới,

Trí tuệ, khéo định tĩnh,

Chí siêng năng dõng mãnh,

Vượt bộc lưu khó vượt.

Vị đoạn, ly **dục tưởng**,

Vượt khỏi **sắc triền phượ**c,

Đoạn tận **hỷ**, hữu **ái**,

Không chìm xuống vực sâu"

Trong Chú giải giải thích chỗ này như thế này:

'Nandiraga': 'Hỷ ái', ở đây ám chỉ ba nghiệp hành 'kammasankhāra' (phi phúc hành, phúc hành và bất động hành). Hành là tâm sở tư trong các nghiệp thiện ác nói chung, chính là thiện và bất thiện trong cuộc đời này. Mình ráng tu các pháp thiện để đi về Trời, về cõi Người làm nhân thiên sung sướng, ít lâu cũng chun xuống cõi thấp. Bốn đường đọa là chỗ thấp nhất trong lồng cầu có trái banh, khi xoay nhanh thì trái cầu này lúc cao lúc thấp, nếu không xoay lồng cầu nữa thì trái banh trở về chỗ thấp nhất. Sanh tử luân hồi y hệt vậy, có cố gắng thì lên được cõi Dục Thiên hay Phạm Thiên, không cố gắng gì hết thì rớt về chỗ thấp nhất.

Tuy nói là Tuy nói là *dục tưởng* nhưng thật ra ám chỉ cho *năm hạ phần kiết sử,* vì đối với một vị A-na-hàm, vị đó vĩnh viễn không còn *dục tưởng* nữa mà cũng có nghĩa rằng vị đó vĩnh viễn không còn *năm hạ phần kiết sử* nữa. Năm hạ phần kiết sử là năm thứ phiền não cấp thấp, đưa mình đi xuống cõi thấp ví dụ cõi Dục giới, cõi sa đọa... *Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ* là ba thứ phiền não đưa mình đi vào cõi đọa, vì vậy, vị thánh Tu-đà-hoàn bỏ được ba phiền não này thì vị này

không còn đọa nữa, nhưng hễ còn *dục ái* và *sân* thì vị ấy còn quẩn quanh trong cõi Dục. Vị A-na-hàm đã chấm dứt hẳn dục ái và sân nên khi lìa đời thì vị này không quay lui cõi Dục nữa.

Sắc triền phược ám chỉ cho *5 thượng phần kiết sử*. Năm hạ phần kiết sử mà mất rồi thì khả năng sinh tử chỉ còn một ít. Trong dòng sanh tử vô lượng vô số kiếp vị Tu-đà-hoàn chỉ còn trớn tối đa 7 kiếp ở cõi Dục. Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy: *Này các tỳ kheo, cái vấn đề vị Tu-đà-hoàn phải gánh chỉ là 7 viên sỏi so với những gì vị đó đã lìa bỏ được nhiều như dãy núi Himalaya*. Vì vậy, quả vị Tu-đà-hoàn nếu có đem đổi ngai vàng của Đế Thích, Chuyển Luân Thánh Vương cũng không đổi được. Nếu còn là phàm thì làm Đế Thích, Chuyển Luân Thánh Vương bao nhiêu kiếp đi nữa cũng quay về với sự đọa lạc, và vị thánh Tu-đà-hoàn thì không bị đọa lạc và chắc chắn niết-bàn trong một thời gian rất gần.

Tóm lại, *hỷ ái* ở đây chỉ chung cho ba hành; *dục tưởng* chỉ cho năm hạ phần kiết sử, *sắc triền phược* chỉ cho năm thượng phần kiết sử.

Tại sao sinh về cõi Phạm Thiên lại đáng sợ?

Vì đó cũng là sự quẩn quanh. Cõi Phạm thiên giống như nóc nhà của mình lúc đang cháy. Trong ngôi nhà đang cháy thì chỗ an toàn nào lát nữa cũng cháy, nhưng tạm thời thì an toàn nhất. Cõi Phạm Thiên 84 ngàn đại kiếp, an lạc hơn cõi Dục Thiên; cõi Dục Thiên an lạc hơn cõi Nhân Loại; cõi Nhân Loại an lạc hơn cõi đọa xứ. Sống ở Phạm Thiên hết tuổi thọ cũng đi xuống, sanh vào Dục Thiên một kiếp độn, sau đó đi đâu thì chỉ có trời biết. Dầu chúng ta ở đâu đi nữa trên mặt đất này, một người Phật tử bình tĩnh có trí tuệ chánh niệm chút xíu tự hỏi mình cơ hội mình mang thân người này tuy khổ thiệt, nặng nề thiệt, nhưng nó kéo dài bao lâu, kiếp tới của mình có thể là ngày mai, tuần sau, tháng sau… Sự sa đọa luân hồi được gọi là vực sâu là như vậy.

SUDATTA (Vāsudattasutta)

Bài kinh này không cần phải giải thích. *"Thiên tử Sudatta nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:*

Như kiếm đã chạm da,

Như lửa cháy trên đầu,

Tỷ-kheo hãy chánh niệm,

Xuất gia, bỏ ái dục."

Đức Phật xác nhận: Đúng vậy. Có chuyện thú vị, đó là trong bản tiếng Việt của mình là kinh Sudatta còn trong bản Pāḷi thì là bản Vāsudatta.

Một người nhận thức được sự mong manh phù du của thân này, thấy tác hại nguy hiểm của phiền não thì sẽ tu tập bằng tâm trạng của người bị lửa cháy trên đầu, tranh thủ phủi rất là nhanh. Mình đứng trên bờ mà rớt xâu chìa khóa thì có thể thong thả cúi xuống nhặt lên. Tìm xâu chìa khóa trong bụi cỏ thì có thể vừa tìm vừa huýt sáo, có phone reo thì vẫn có thể trả lời, nếu đang lặn tìm món đồ dưới nước thì không thể nào nhẩn nha thơ thẩn tà tà được. Trên cạn mình không sợ hết hơi, còn tìm dưới nước thì phải tận dụng mọi điều kiện có được để tìm trước khi mình hết hơi, nếu hết hơi mà vẫn tìm không ra thì phải trồi lên lấy hơi khác và tiếp tục tìm cho nhanh vì hơi có hạn.Với người e sợ sanh tử sa đọa, có lòng nhàm chán danh sắc, có lòng thiết tha cầu đạo giải thoát thì nỗ lực bao nhiêu cũng không đủ, luôn tranh thủ sợ không còn kịp. Với người dễ duôi thì làm ác bao nhiêu thì thấy cũng thấy ít, làm thiện bao nhiêu cũng thấy là nhiều. Với người tinh tấn thì làm thiện bao nhiêu thì cũng thấy là ít, làm ác thì bao nhiêu cũng thấy là nhiều và luôn luôn trong tâm trạng sợ không còn kịp nữa. Đối với họ thì luân hồi đã quá lâu rồi, nên khi biết Phật pháp thì họ phải tận dụng trước khi lìa bỏ thân này, trước khi cơ hội biết Phật pháp không còn nữa. Phật pháp dù tồn tại hai ngàn năm nữa, nhưng có chắc là dành cho mình hay không. Có người ghiền bóng đá, nghe nói World Cup ở Anh, Hà Lan, Brazil, nghe thì nghe vậy, chớ có bao nhiêu người có điều kiện đặt chân vào sân bóng ở Brazil để xem trực tiếp. Sống trong tâm trạng đó vị tỳ kheo tu tập như lửa cháy trên đầu, như gươm kề bên hông.

"*Lửa cháy trên đầu"* còn nhiều ý nữa. Thứ nhất sợ không còn kịp nữa, không biết mình còn sống được bao lâu, kế đến là bất thiện thì quá nhiều kiếp, chỉ có kiếp này mới có duyên tu thiền Quán, nhưng không biết được bao lâu, lại sắp hết kiếp rồi, chưa kể trong các thiền tuệ có *tuệ sợ hãi* (bhayañāna), nghĩa là hành giả thấy được chuyện mà từ nhỏ tới lớn mình chưa từng trải qua. Hành giả thấy danh sắc mình sanh diệt quá sức nhanh. Ví dụ đang theo dõi hơi thở chỉ cần thấy nó ra mà không vô là chết, vị này thấy sát na trước sát na sau sanh diệt quá nhanh, giây phút mình buồn vui thiện ác nó chuyển đổi với tốc độ chóng mặt, vị này sẽ thấy thì ra cái gọi là đời sống, kiếp người chỉ là sự ghép nối của những giây phút hiện hữu cực kỳ chóng vánh ngắn ngủi, chớp nhoáng, vị đó thấy rằng cái chết xảy ra cho mình trong từng nháy mắt, vị đó thấy không hề có sự khác biệt nào giữa

người đang hấp hối và đang khỏe mạnh bởi vì đối với danh sắc của cả hai đều có điểm giống nhau là sanh diệt chớp nhoáng, có - mất, có - mất. Mình dễ duôi, không tu, thì thấy mình 20 khác với người 40 và khác với người 60, nhưng nếu mình tinh tấn thì thấy rằng đứa bé hay trung niên, hay ông cụ y như nhau, nghĩa là tốc độ sanh diệt của danh sắc tương đương nhau, có rồi mất, liên tục như vậy, nên họ luôn luôn tu tập với cảm giác lửa cháy trên đầu.

SUBRAHMA (Subrahmasutta)

Bài kinh này có chuyện hơi lạ lạ thế này: Thiên tử Subrahma dắt một ngàn cô tiên nữ đi hái hoa. Theo Chú giải, chư thiên có thần thông nên họ không phải leo trèo, muốn là tự hoa rớt trên tay của họ, thậm chí không có hoa mà họ muốn thì nó xuất hiện. Vì trên trời có cây này, mỗi lần trổ hoa thì chư thiên vui lắm. Cảm giác ở trên cây hái vui hơn đứng dưới dùng thần thông ước nguyện, giống như ở VN có những món ăn mà không thể nào dọn lên bàn có hoa có nến dùng với dao nĩa, mà phải là trải chiếu ngoài vườn, có chén muối ớt, vừa ăn vừa nghe gió đồng, nghe tiếng chim kêu lá rụng mới ngon. Hưởng dục là phải vậy, dục lạc không giống thiền lạc, thiền lạc thì an trú trong đề mục là xong. Cũng cảnh dục đó mà phải hưởng trong bối cảnh nào đó mới đúng điệu.

Ông Thiên tử Subrahma này cho năm trăm cô lên cây hái, năm trăm cô ở dưới đất nhặt. Chờ hoài không thấy hoa rớt xuống, nhìn lên trên không thấy cô nào hết. Chư thiên chết không để lại xác, họ như một làn khói tan. Thiên tử Subrahma suy nghĩ và ngay lập tức biết năm trăm cô đó tuổi thọ vừa mãn nên đi hết. Khi tuổi thọ bằng nhau thì người này đi thì người kế bên cũng đi luôn. Cõi người thì khác, 40 tuổi chết mà 80 tuổi chưa chết, vậy nên mình đi đám ma mình đâu có ngán, mình thấy người ta chết mình nghĩ còn lâu mới tới mình. Các cô chết và đi địa ngục hết, mấy chục triệu năm ăn rồi chỉ biết hái hoa bắt bướm, vui đùa ca hát, cơ thể nhẹ nhàng thoải mái, suốt ngày thân thể bồng bềnh, nhìn bầu trời đầy sao, sống mấy chục triệu năm vui vẻ, không có giây phút thiện tâm nào làm sao không đi địa ngục. Mấy chục triệu năm như vậy làm sao tu hành cho nổi. Trong room này, mỗi tháng kiếm được mười ngàn đô la thì quí vị có vào đây nghe giảng không. Nếu kiếm được mười ngàn thì bây giờ quí vị đang tất bật ngược xuôi hoặc đi du lịch cho sướng chớ vào đây làm gì. Bản thân tôi mà một tháng có năm ngàn là dẹp lớp học này, tôi đi về Miến Điện, không phải đi tu thiền, tôi đi dò chỗ, kiếm chỗ mai mốt về già sống. Miến Điện có cái sướng là muốn gặp thiền sư thì gặp liền, muốn gặp pháp sư Tam tạng là gặp liền, muốn về thăm VN là về được liền, bệnh hoạn thì có cái vé bay từ Yangon hay Mandalay trong ba nốt nhạc là về

tới Singapore rồi, nếu người đó có quốc tịch Mỹ, sáu nốt nhạc về tới Âu, Mỹ rồi, đâu có ngán. Có tiền mà sống Miến Điện thì sướng như ông tiên, nhân công rẻ như rác, trái cây thì tuyệt vời, điều kiện khí hậu thì rất gần gũi với mình. Tôi mà có tiền mỗi tháng năm ngàn thì tôi về Miến Điện sống sướng hơn chớ đời nào tôi ngồi giảng. Ở bên đây, mấy ngày nay sửa nóc nhà. Tôi rời VN cách đây mười lăm năm rồi vậy mà cách đây bốn ngày, các vị nhìn tôi sẽ không tưởng tượng được. Ba giờ sáng tay cầm đèn pin ngồi ở góc nhà, buồn ngủ ngủ gà ngủ gật, nước tuôn xuống ba xô hứng không đủ, ngồi chờ nó đầy lấy nồi múc đem đổ vào toilet, điện thì tắt. Nhà trên núi, không có Phật tử bên cạnh, ba giờ sáng không dám kêu ai. Chưa bao giờ tôi tưởng tượng cảnh đó, mấy ngày sau người quen tới nhìn cái nhà tan hoang, nghe tôi kể, không tưởng tượng được gần 50 tuổi, ở cái xứ sở văn minh giàu có cực kỳ mà có kẻ đồng hương trải qua cái cảnh tang thương, ngồi chồm hổm không dám ngồi bệt, sợ ướt mông, trong nhà có bao nhiêu khăn bàn là huy động toàn diện triệt để.

Khi thấy 500 cô tiên nữ chết, Thiên tử Subrahma hết hồn, nhìn lại thấy 500 cô bên cạnh cũng sắp sửa đi và cũng về địa ngục chung một chảo với 500 cô kia. Người duy nhất ông nhớ là Đức Phật. Vua trời Đế Thích cũng vậy, khi sắp mất nhìn thấy dấu hiệu hào quang mờ, tràng hoa trên người héo đi, cảm giác đổ mồ hôi, không vui không lâng lâng như mọi khi, biết sắp chết mà không biết đi về đâu, lập tức xuống hầu Phật nghe Phật giảng bài pháp, chứng Tu-đà-hoàn, từ trần như làn khói, và ngay tại đó ổng sanh trở lại làm Đế Thích. Ở đây cũng vậy, ông Subrahma xuống hầu Phật, từ đó mới có câu kệ ở đây:

"Tâm này thường sợ hãi

Ý này thường dao động

Điều mong ước không khởi,

Điều không mong lại khởi

Nếu có, không sợ hãi,

Hãy nói điều con hỏi"

Ông nói: bây giờ con sợ quá, điều con muốn thì không có, điều con không muốn lại có. Chú giải giải thích, *'Anuppannesu kicchesu'*: trong bảy ngày nữa ổng sẽ bị đọa bị khổ dữ lắm, điều ông muốn là tiếp tục sống nữa lại không được.

Khi nghe hỏi như vậy, Đức Phật nhìn duyên ổng là biết liền, biết phải nói gì để giúp ổng đủ duyên chứng Tu-đà-hoàn là xong, không có chuyện gì xảy ra. Khi đọc chỗ này, tôi nhớ Đức Phật bằng tất cả cảm xúc chân thành nhất của tôi, nếu bây giờ mình có chuyện gì thì không biết gõ cửa ai. Trong kinh nói khi Ngài niết-bàn, đêm cuối cùng chư thiên về hầu Ngài cả 12 do tuần, đông như bột mình nén trong ống vậy. Chư thiên tự nghĩ hoặc nói cho nhau nghe, rằng đêm nay là đêm cuối cùng, Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Giác không còn nữa, Ngài là người ai Ngài cũng thương, điều gì Ngài cũng biết, đức lành nào Ngài cũng có, vậy mà đêm nay là đêm cuối cùng con người ấy sẽ ra đi và không bao giờ trở về cho mình thấy nữa, và kể từ bây giờ tất cả những rối rắm của nhân gian, những điều nan giải nhất của đời mình sẽ không còn ai giúp nữa, từ nay về sau thì sẽ tự sanh tự diệt. Đó là lý do vì sao đêm đó thiên chúng về 12 do tuần kín mít dày đặc như bột nén trong ống sậy. Khi Ngài còn, mình không thấy quý, hôm nay có chánh pháp mình coi thường, chớ lúc nào đó mình sanh ra đời toàn đạo cà chớn không thì mình nghĩ sao.

Đức Phật quan sát thấy mới bảo ông Subrahma buông hết đi. *sabbanissaggāti*, chỉ đạt đến cảnh giới niết-bàn, lìa bỏ tất cả bằng cách chứng ngộ niết-bàn.

"Nāññatra bojjhā tapasā": sự tu tập thất giác chi.

Ngài trả lời: *"Không ngoài hạnh giác chi, Không ngoài hộ trì căn",* nghĩa là không có một pháp môn nào ngoài Thất giác chi. Có lúc Đức Thế Tôn nói pháp tu có hai (Chỉ và Quán) có lúc ngài nói một (không dễ duôi)…trong trường hợp này, với căn cơ của vị này, Ngài chọn Thất giác chi thì ông thấm thía nhất. Tu tập Thất giác chi ở đây là thu thúc 6 căn. Con đường sanh tử và con đường giải thoát nói kiểu nào cũng được, nói sanh tử là từ 6 căn không sai, và nói con đường giải thoát là từ 6 căn cũng không sai. Bao giờ mắt thấy tai nghe mũi ngửi v.v... không có bất mãn, không có đam mê là khá rồi. Luân hồi lúc thì thích lúc thì ghét, chính tham ưu làm cho mình trầm luân. Vì vậy trong bài kinh Tứ Niệm Xứ Đức Phật có dạy: không có một pháp môn nào ngoài Thất giác chi. Có lúc Đức Thế Tôn nói pháp tu có hai (Chỉ và Quán) có lúc ngài nói một (không dễ duôi)…trong trường hợp này, với căn cơ của vị này, Ngài chọn Thất giác chi thì ông thấm thía nhất. Tu tập Thất giác chi ở đây là thu thúc 6 căn. Con đường sanh tử và con đường giải thoát nói kiểu nào cũng được, nói sanh tử là từ 6 căn không sai, và nói con đường giải thoát là từ 6 căn cũng không sai. Bao giờ mắt thấy tai nghe mũi ngửi v.v... không có bất mãn, không có đam mê là khá rồi. Luân hồi lúc thì thích lúc thì ghét, chính tham ưu làm cho mình trầm luân. Vì vậy trong bài kinh Tứ Niệm

Xứ Đức Phật có dạy: Ở đây vị tỳ kheo tinh tấn sống quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên pháp tinh tấn chánh niệm **diệt trừ tham ưu ở đời.** (*abhijjhādomanassaṃ*: tham ưu). Vì có tham mình mới có tái sanh chỗ này chỗ kia, vì có ưu nên có bất mãn chỗ này chỗ kia, bất mãn là tên gọi khác của *khổ*. Chính vì hai cái tham ưu này làm nên dung nhan tàn tạ, nhan sắc lầm than của cuộc luân hồi.

Ngài nói không hạnh tu nào ngoài hạnh giác chi, không hạnh tu nào ngoài hộ trì các căn, không có điểm tựa nào cho chúng sinh ngoại trừ lìa bỏ tất cả. Câu '*sabbanissaggā'* này theo tôi đó chính là chỗ dựa của ông này. Trong chỗ này làm tôi liên tưởng đến bài Kinh Mahānāma. Một ông hoàng thuộc Thích tộc, bà con với Đức Phật, ông là người có công với PG vì một lần đến hầu Phật ông hỏi những câu quan trọng về hộ niệm rất là hay. Tôi vừa ngạc nhiên vừa ngậm ngùi cho Phật tử VN không đọc bài kinh này. Kinh này in lâu nhưng Phật tử không dám coi kinh vì sợ *kinh cắn*. Một lần ông hỏi Đức Thế Tôn: *Bạch Thế Tôn trên đường con đi đến đây có một con voi sút chuồng, chạy bừa chỗ đông người nên con phải núp, Bạch Thế Tôn, lúc đó con suy nghĩ thế này nếu mình chết trong sự sợ hãi như thế này mình sẽ đi về đâu*. Bài kinh hay như vậy mà Phật tử VN sợ kinh cắn nên không dám đụng. Đức Phật dạy rằng: *Này Mahānāma, chớ có sợ hãi, với người thường xuyên lâu ngày tu tập thì họ giống y như cái lu đựng dầu, cái chết giống một lần qua sông, người chết là một lần đang qua sông, nếu cái lu dầu bị vỡ trên sông, những mảnh vụn sẽ chìm đáy sông nhưng dầu sẽ nổi trên nước*. Cũng vậy, tấm thân vô thường này do tinh cha huyết mẹ tạo nên, cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường biến đổi mong manh phù du ngắn hạn, dù nó có chuyện gì đi nữa thì tâm tu tập vẫn đi lên giống như dầu cứ nổi còn mảnh lu bằng đất chìm xuống đáy sông. Nước trong thể lỏng luôn có khuynh hướng tìm chỗ thấp chảy xuống, thể khí thì luôn bốc lên cao. Có những người sống tâm bất thiện nhiều quá, tâm họ như nước thể lỏng, chết rồi kiếm chỗ thấp nhất mà chui xuống, người thường xuyên tu tập thì giống như nước thể khí, luôn tìm dịp bốc hơi lên trên. Máy bay có bị nổ giữa trời, xe bị trúng bom đạn, chết bất đắc kỳ tử, thiện nghiệp ác nghiệp vẫn kịp đưa mình đi, lúc đó chỉ còn trông đợi các trọng nghiệp thiện (những nghiệp thiện quan trọng ấn tượng sâu sắc trong lòng mình) mình đã tạo trong đời sống bình thường, hoặc thường nghiệp (việc thiện thường làm lai rai) hoặc cận tử nghiệp (nghiệp trước khi đi có niệm Phật hoặc tạo phước báo nào đó). Trong vô số kiếp luân hồi mình tạo rất nhiều nghiệp: hiện nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp, vô hiệu nghiệp (xem bài Kinh Nước Chảy, Tập 1); trong dòng luân hồi, nghiệp hậu báo nhiều lắm. Khi thấy người ta hấp hối, mình rước

tăng ni về tụng kinh mà không chịu hiểu lúc bình sinh người này tu tập ra sao. Một lần khác ông Mahānāma hỏi, trong trường hợp người thân sắp ra đi, phải hộ niệm ra sao cho họ. Đức Phật dạy: *Này Mahànama, hãy nói với họ hãy thanh thản ra đi vì việc nhà đã có chúng tôi lo và hãy tác ý đến cõi Tứ Thiên Vương, việc lìa bỏ thân người giống như lìa bỏ cái chén đất lấy cái chén bằng vàng, tác ý xong cõi Tứ Thiên Vương thì tác ý đến cõi Đao Lợi, cõi Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại…* Ý bài kinh này Đức Phật dạy hãy khuyên người thân hãy coi nhẹ cõi Người, tác ý đến cảnh giới cao hơn. Và tâm niệm rằng phước lành nào đức tánh nào của chư thiên có thì mình cũng có, đó là *niệm thiên*. Rồi nghĩ thân người nặng nề ngắn ngủi, dầu sanh về cõi nào cũng không bằng lìa bỏ danh sắc. Không tiếc nuối những gì mình có, và không sợ hãi đoạn đường trước mặt. Quan trọng nhất là ra đi bằng sự nhàm chán. Lìa bỏ thân người như lìa bỏ chén đất vậy. Tề Hoàn Công, một ngày đứng nhìn cảnh đẹp cẩm tú của giang sơn đất nước mà ứa nước mắt. Quần thần hỏi lý do, vua nói, đất nước này đẹp thế mà một ngày nào đó phải ra đi. Tôi từng có cảm giác đó, tôi đi trên đất Thụy Sĩ mà ngậm ngùi, cái xứ sở như thế này mà mình còn lui tới thường xuyên được bao nhiêu năm nữa, sẽ có một ngày mình ra đi, mảnh đất dễ thương này như thế nào mình không còn biết nữa. Tôi nghĩ vậy tôi cũng tiếc. Sẽ có một ngày mình không còn nắm trong tay mình những thứ mà mình có nữa. Ông Thiên tử này trong lúc hoảng loạn sợ hãi như vậy, và Đức Phật dạy ông tu tập Thất giác chi, tu tập 6 căn, lâu nay 6 căn của ông bỏ ngỏ, và rốt ráo nhất là lìa bỏ mọi sự ở đời. Còn nắm níu là còn tiếc nuối và sợ hãi, sự ra đi với nắm níu sợ hãi thì làm sao đi cho ngọt. Chỉ với lời dạy ngắn gọn này ông đắc Tu-đà-hoàn, đảnh lễ Thế Tôn và biến mất về trời. Bài kinh này kết thúc buổi giảng sáng hôm nay, bên đây đã đúng bảy giờ sáng, xin chào bà con và xin hẹn lại ngày thứ bảy. Các vị có biết không, có rất nhiều bữa tôi cứ trông tới buổi giảng vì tôi có nhiều chuyện muốn nói mà có nhiều bữa tôi lo đọc internet tôi quên, liếc đồng hồ một giờ mấy sáng tôi hết hồn, tôi nghĩ tại sao mình phải có cái lớp giảng trời ơi thế này, giờ này mà ngủ thì đã biết chừng nào. Đêm nay tôi đang ngủ ở Thụy Sĩ, trời lạnh ngủ đã không tưởng tượng được mà sáng phải thức dậy, nhưng mà nghĩ đó cũng là cái hy sinh.

Bài giảng ngày 16-8-2014 KAKUDHA (Kakudhasutta)

Tôi nhớ một trong ba người con gái của Ma Vương, có một cô tên là Arati, nghĩa là "Bất Mãn". Chữ Arati này nghĩa rất là hay, trong đời sống này như trong bài kinh này xác nhận, thái độ bất mãn chỉ có ở kẻ nào có niềm đam mê vui thú (*nandi*) trong chuyện đời, chứ còn bậc thánh như Đức Phật thì không có gì để Ngài đam mê, đối với Ngài thì gánh nặng sinh tử đã đặt xuống. chuyện nên làm đã làm. Người nào đã sống đến 90, 100 tuổi (không nói đến người đã lẫn, chỉ nói người sức khỏe bình thường) trong cuộc đời này thì còn gì để vui thú. Có một định nghĩa rất hay về tuổi già:) trong chuyện đời, chứ còn bậc thánh như Đức Phật thì không có gì để Ngài đam mê, đối với Ngài thì gánh nặng sinh tử đã đặt xuống. chuyện nên làm đã làm. Người nào đã sống đến 90, 100 tuổi (không nói đến người đã lẫn, chỉ nói người sức khỏe bình thường) trong cuộc đời này thì còn gì để vui thú. Có một định nghĩa rất hay về tuổi già: **Tuổi già là thời điểm mà người ta thấy ngày dài năm ngắn**. Đối với họ khái niệm về năm bắt đầu mờ nhạt. Khi mình còn trẻ mình còn có những toan tính dự định trù hoạch về tương lai, hai năm nữa hoặc năm năm nữa sẽ làm gì. Còn tuổi già thì không nghĩ đến năm nữa, mà chỉ còn nghĩ đến tháng hoặc tuần hoặc ngày, vì vậy đối với họ năm rất ngắn, nhưng ngày dài vì ở cái tuổi này thấy ngày dài lê thê. Ở nhà quê miền Tây Nam bộ tôi có thấy những ông lão bà lão ngồi võng đưa kẽo kẹt, nghe tiếng thằn lằn tắc lưỡi, nghe tiếng còi tàu xa xa ngoài sông vắng buổi trưa, tiếng gió thổi sau hè, ngồi chờ đợi mà không biết chờ đợi cái gì. Đem hình ảnh một ông cụ so sánh với bậc thánh thì kỳ quá nhưng Ngài đâu có gì để mất mà buồn, không có gì để trông đợi hay thất vọng, duyên còn thì sống vậy thôi, chuyện phải làm thì làm. Theo tôi đây là một trong những bài kinh có thể lấy làm kinh tụng mỗi ngày được.

"Thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

-- Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?

-- Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?

-- Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?

-- Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?

-- Vậy thời thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?

-- *Thật như vậy, này Hiền giả*."

Ngài không có gì vui cũng không có gì buồn. Dòng luân hồi (*Samsara*) xét một cách rốt ráo thì đó là sự lặp lại, sự tái hiện tẻ nhạt, buồn chán vô vị, người không biết gì còn có chỗ bất mãn đam mê chứ biết tới nơi tới chốn thì không có gì vui cũng không có gì buồn. *Samsara*nghĩa là sự tái hiện, trùng phục, lặp lại một cách tẻ nhạt vô vị. Jean Paul Sartre cũng nhận xét giống vậy: nghĩa là sự tái hiện, trùng phục, lặp lại một cách tẻ nhạt vô vị. Jean Paul Sartre cũng nhận xét giống vậy: **Đời sống là một hành trình mệt mỏi tẻ nhạt**và ông thể hiện tư tưởng này trong tác phẩm Buồn Nôn (The Nausea). Đối với ông thì cuộc đời không phải là cay đắng hay là chỗ vui thú hưởng thụ mà là một chỗ tẻ nhạt. Người sống ở đời giống như người phải lê bước trên đường nắng buổi trưa, hay giống người vừa uống xong một tô nước muối lớn để nôn ra. Đầu ngày mà nói chuyện nghe có vẻ tiêu cực như vậy thì cũng nản nhưng có lúc trong đời sống mình phải có cái nhìn thật như vậy. Con người sống trong đời giống như con bò buổi sáng đi cày, đi kéo xe. Chúng ta là những con bò kéo xe trên cánh đồng sanh tử, lúc chiều về - buổi hoàng hôn của cuộc đời, thì ngồi chờ đợi cho đến lúc mình đi. Trên cánh đồng sinh tử nắng nôi hay mưa dầu, chiều tối trở về nhà và mai sáng bắt đầu trên cánh đồng đó. Ở đây HT Minh Châu dịch thế này: *"Thưa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không*?

". Tôi muốn dịch lại bình dân hơn chỗ này: *Thưa sa môn ngài có gì vui không?*

Ngài có gì buồn không?

Nói theo ngôn ngữ của mình dễ nghe hơn. "*Ta được gì mà ta vui, ta có gì mà ta buồn".* Cái vui thú chỉ có ở người còn khả năng buồn chán bất mãn, và buồn chán bất mãn chỉ xảy ra với người còn có khả năng vui thú ham thích cái gì đó.

Hôm trước tôi có nói, khổ và lạc là một cặp, ở đâu có lạc thì còn có khổ. Trong thiền Chỉ, khi đạt tới tứ thiền rồi hành giả đoạn trừ cái hỷ, lạc đã đành, họ bỏ luôn cái khổ nữa. Tứ thiền, nói theo chi thiền thông thường (*tầm tứ hỷ lạc định*) thì không có khổ, tuy nhiên người chứng tứ thiền thì không còn khổ và lạc nữa, nói về sinh lý thì (lúc đang trú trong tứ thiền) họ không còn hơi thở nữa. Đây là điểm rất đáng chú ý. Trong thiền Quán, khi hành giả chứng tới Nhị quả thì giảm nhẹ dục ái và sân, đạt tới Tam quả thì chấm dứt tuyệt đối dục ái và sân. Dục ái và sân cũng là một cặp. Rõ ràng *khổ lạc, buồn vui, thích ghét* là một cặp, mình còn quá nhiều đam mê thì sẽ có nhiều bất mãn chờ sẵn mình. Người không còn đam mê thì bất mãn sẽ mất đi. Có người tự cho rằng "tôi không thích gì hết", nhưng nhìn

kỹ lại đi chẳng qua là mình chưa tìm thấy cái món mình thích thôi, hoặc mình không sống trong điều kiện để thích thú cái gì đó. Chỉ có Nhị quả trở lên thì người ta mới có quyền nói tôi không thích cái này không thích cái kia, mình chưa phải là thánh thì đừng nói không thích. Chẳng hạn như ông cậu ruột của ngài Xá Lợi Phất từng đến thưa với Đức Phật: *Con không thích cái gì trên đời này hết*. Đức Phật trả lời: *Ngươi nói ngươi không thích gì hết, vậy ngươi có cảm thấy thích thú hoan hỷ trong quan điểm của mình hay không?*

Ổng thích chứ, ổng thấy ổng hay nên mới đến khoe với Đức Phật mà. Tô Đông Pha có một vị thầy vừa là người bạn thân là HT Phật Ấn, thường đàm đạo chuyện đời tâm đắc với nhau. Một lần ông cho người đem lại ngài Phật Ấn một cây quạt trong đó có viết hàng chữ *"Bát phong xuy bất động"* ý ông nói là bây giờ tám ngọn gió đời không làm ông lung lay. HT Phật Ấn cầm quạt lật phía sau viết mấy chữ: "Sở đắc của ông không bằng một cái hạ phong (đánh rắm) của ta nữa" rồi gởi quạt trả lại cho Tô Đông Pha. Tô Đông Pha là một học giả, thi hào, danh sĩ, chính khách đời Tống, khi thấy câu này, ổng giận quá, liền kêu người đưa thuyền từ bên đây sông sang bên kia sông để gặp ngài Phật Ấn, vừa cập bến thì gặp HT Phật Ấn đứng chờ và nói: *Bát phong xuy bất động mà chỉ một cú đánh rắm của ta lại thổi ông từ bên bờ kia qua tới bờ bên đây*. Hôm nay bên Tàu có bức tranh cổ rất nổi tiếng, hình ảnh một ông sư đứng bên bến sông đón người ăn mặc rất sang trọng từ dưới thuyền bước lên trên tay cầm cái quạt. Biết tích này thì mình biết ý nghĩa bức tranh này với tựa đề Bát phong xuy bất động (Tám ngọn gió đời thổi không lung lay). Tôi rất tâm đắc với câu chuyện này, có nhiều khi mình cứ tưởng mình thâm thía tương chao, lén trùm mền tắt đèn đóng cửa cho mình là Phật pháp thâm hậu nhưng nhiều khi chỉ một lời ra tiếng vào của một bà tám mà mình coi thường mình cũng sốc. Mình giảng pháp thì kêu người ta buông mà mình thì chất hết trong lòng ì ạch như xe bò chở đá. Đừng cười cụ Tô Đông Pha, tất cả chúng ta trong đời này cũng y chang như vậy, nhiều khi mình cứ nghĩ là bát phong xuy bất động nhưng một cú đánh rắm của bà tám vô danh ít học nhiều khi cũng thổi chúng ta tơi bời hoa lá. Vì vậy ở đây đọc bài kinh này mới thấm một người như Đức Phật đã xác chứng: sự hân hoan thích chí chỉ có ở người còn có khả năng đau khổ và đau khổ thất vọng bất mãn chỉ xảy đến ở người còn thích cái này cái kia. Cuộc đời này, muốn ăn xôi thì phải chịu đấm, khoái ngọt thì phải gặm cái đắng chớ không có cách chi mà lựa một bỏ một. Đức Phật là người không còn mê ngọt nên gặp đắng Ngài vẫn thản nhiên, chúng ta thì như em bé, ai xoa đầu khen ngoan cho đồ chơi thì khoái lắm, ai la ai mắng chịu không nổi.

Nhìn nhiều góc độ, bài kệ này hay tuyệt vời. Nếu biết có vui thì có khổ, thà rằng đừng khổ cũng đừng vui.

Trong Chú giải có câu này rất là hay: Trong Chú giải có câu này rất là hay: *"Dukkhī sukhaṃ patthayati"* chỉ có người đang bị đau khổ mới ước mong được sung sướng. Có một điểm nên chú ý là trong kinh hay nói tu hành là để nhắm đến cứu cánh an lạc giải thoát, niết-bàn là an lạc, 'an lạc' ở đây nếu theo hiểu nghĩa tự điển là không đúng. Cái gọi là 'an lạc' không phải là cảm giác mà chỉ là một cách nói. Ví dụ, "*tôi chờ cho tụi nhỏ yên bề gia thất thì tôi mới khỏe được"*. Chữ 'khỏe' này không hiểu theo nghĩa tự điển (bảnh, sung sức, không bịnh không đau…). 'Khỏe' ở đây có nghĩa là 'yên'. Trong câu *"chỉ có người đau khổ mới cầu mong hạnh phúc"* chữ 'hạnh phúc' đây là hạnh phúc cảm giác. Tu hành là hướng đến sự chấm dứt của danh sắc, chấm dứt của mọi hiện hữu, chớ không phải là tu để được sung sướng. Ước vọng viên tịch niết-bàn không phải là ước vọng sự hạnh phúc theo nghĩa thế gian mà là mong mỏi sự chấm dứt mọi hiện hữu. Dù đọc trong kinh thấy Đức Thế Tôn có đời sống an lạc thong dong, nhưng đó không phải là cứu cánh cao nhất, cứu cánh cao nhất không phải là *cảm giác an lạc* của Hữu dư niết-bàn mà là chấm dứt rốt ráo mọi thứ. *"Dukkhī sukhaṃ patthayati"* chỉ có người khổ mới ham sướng. Đói bụng ăn mới thấy ngon, nóng nực mới ham mát, khát mới nghĩ đến việc uống nước. Trên đời này không có hạnh phúc mà chỉ có giải pháp và liệu pháp (resolution, therapy). Khát nước quá, ly nước là giải pháp, đói bụng quá, chén cơm là giải pháp; thương nhớ ai quá, gặp gỡ là giải pháp. Hạnh phúc chỉ là đáp ứng đòi hỏi trong lúc mình cho là đau khổ. Khổ là vấn đề, hạnh phúc là giải pháp cho vấn đề đó, có điều giải pháp này không được lâu. Giải pháp này được Đức Phật gọi tên là "*hành*". Khi khổ quá thì phản ứng của chúng ta là tìm đến *ba hành*. Nếu ví những vấn đề trong đời sống là chứng bệnh thì những nỗ lực của chúng ta chỉ là những liệu pháp.

UTTARA (Uttarasutta)

"Mạng sống bị dắt dẫn,

Tuổi thọ chẳng là bao,

Bị dẫn đến già nua,

Không có nơi dừng bước.

Ai đem tâm quán tưởng,

Sợ hãi tử vong này,

Hãy làm các công đức,

Đưa đến chơn an lạc.”

Bài kinh này học rồi, đó là bài Bài kinh này học rồi, đó là bài *Đưa đến đoạn tận*. Vị này nói điều mà tất cả chúng ta đều biết và không cần giải thích nhiều, đời sống của mình rất là mong manh, ai cũng đang trên con đường đi đến tuổi già, cái chết, muốn cưỡng lại cũng không được luôn luôn bị đẩy về phía trước. Kẻ nào thường xuyên ghi nhớ tâm niệm được điều đó hãy tranh thủ làm các công đức, nếu đủ duyên thì thành thánh kiếp này nếu không thì cũng gieo được duyên lành cho đời sau kiếp khác, và trong lúc còn luân hồi thì cũng ghé được vài chỗ dễ thở một chút. Phải nói một chuyện đáng sợ ở đây, đó là hôm nay những người ngồi trong room này, tôi không biết ai là ai, nhưng tôi nghĩ quí vị có điều kiện thời gian sức khỏe để có thể ngồi họp mặt với nhau trong room này chứng tỏ quí vị cũng không phải là người khốn khó bế tắc lắm, các vị có một sự độc lập riêng tư tối thiểu nào đó mới có thể vào đây ngồi họp mặt với nhau, rất có thể có nhiều người thấy cuộc đời này đẹp bởi vì muốn gì được nấy mà. Thật ra chỉ cần mình chú ý đến một chữ thôi: “Ebola” là thấy run rồi. Vừa rồi ở Châu Phi có đại dịch Ebola và bịnh này lây kinh hoàng lắm nên người dân châu Phi vốn đã nghèo điều kiện giáo dục cũng không được khá nên họ có cách hành xử rất tệ đối với bệnh nhân mà họ nghi là bị Ebola. Có một cô bé 12 tuổi mà mẹ bị Ebola, khi xét nghiệm thì cô bé này cũng bị lây, trong nhà có ba mẹ con, em trai của cô thì không bị. Thế là người mẹ sau đó đã chết, người ta nhốt xác người mẹ cùng con bé trong ngôi nhà hoang ở ngoại ô như thể cô bé đã chết rồi. Ở đó cô bé kêu gào than khóc xin đồ ăn thức uống. Ấy vậy mà người ta vì sợ lây bịnh, cộng với xã hội đói nghèo lâu ngày, tình người khô cằn đi, tình thương mỏi mòn rồi, nên người ta coi tiếng khóc của một con bé 12 tuổi đang đói khát bên xác chết dần thối rữa của người mẹ là bình thường. Đây là chưa nói địa ngục bàng sanh, chỉ nói thế giới loài người mà những chỗ đặc biệt như vậy đủ thấy khổ cỡ nào. Chỉ cần tâm niệm vậy thôi là đủ thấy sợ rồi. *Sanh già đau chết* là bốn cái khổ. Muốn không được là khổ, thương phải xa là khổ, ghét phải gần là khổ, khổ chỉ kể nhẹ nhàng thì không thấy lạnh người. Nhắc đến luân hồi là tôi sợ một số chuyện, đặc biệt không hiểu sao tôi sợ cảnh làm dâu. Tự nhiên sao mình thương một người đàn ông nào đó rồi về gánh vác toàn bộ chuyện gia đình của nhà họ. Ăn thì không dám ăn no, cười thì không dám cười lớn. Tôi nghĩ đến con thú nuôi làm thịt, khuya đang ngủ bị lùa ra ngoài lò sát sinh bị chích điện, nện búa, thọc huyết. Đầu

hôm chúng ngủ đâu có biết đây là đêm cuối. Chưa kể nếu mình làm con gì đó trong rừng châu Phi rừng Amazon, nhìn trên máy bay thì đẹp nhưng thế giới của rừng thì đấu tranh sinh tồn kinh khủng thế nào. Những loài như hươu, nai, thỏ luôn phập phồng hồi hộp chờ đợi những cú tát như trời giáng, móc họng, trào máu, đổ ruột. Chỉ riêng thế giới bàng sanh đã là kinh hoàng như vậy. Bài kệ này là như vậy đó. Cái quan trọng là "*Ai đem tâm quán tưởng, Sợ hãi tử vong này".* Trong Thanh Tịnh Đạo có mô tả: *Mạng sống con người giống như một dòng suối cạn, mạng sống con người là cái gì đó rất bấp bênh. Sanh trên bờ có thể chết dưới nước, sanh xứ này có thể chết xứ kia, không biết mình sống bao lâu, chết kiểu nào, chết rồi đi về đâu*. Đó là những điều phải tâm niệm thường xuyên.

CẤP CÔ ĐỘC (Anāthapiṇḍikasutta)

Bài kinh này đã giảng rồi. Trong bài kinh chúng ta học không nói rõ là ai, chỉ nói câu kệ, còn ở đây thì nói rõ luôn: Lúc bấy giờ Thiên tử Cấp Cô Độc đã đến bên cạnh Thế Tôn và trình lên Ngài bài kệ này:

"Đây là rừng Kỳ Viên,

Chỗ trú xứ Thánh chúng,

Chỗ ở đấng Pháp Vương,

Khiến tâm con hoan hỷ.

Nghiệp, minh và **tâm pháp,**

Giới và tối thắng mạng,

Trong Chú giải cũng không nhắc nhở gì bài kinh này hết. Bà con xem lại Chú giải của bài kinh Kỳ Viên (Jetavanasutta)[1], sau bài kinh Trồng Rừng (Vanaropasutta).

'Nghiệp' (*kamma*) ám chỉ cho *maggacetanā* là *Tâm sở tư*trong thánh đạo. Với người không học A-tỳ-đàm chỉ nói đơn giản là "tâm thánh đạo"

'Minh' (*vijja*) ám chỉ cho *maggapannā* là *Trí* trong thánh đạo.

'Tâm pháp' ám chỉ cho *samādhi-pakkhikadhamma* tất cả những gì liên quan đến *Định* học.

'Giới': ám chỉ cho *vācākammantājīvā* ba giới phần trong tám thánh đạo: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

"Chính những diệu pháp ấy,

Khiến chúng sanh thanh tịnh,

Không phải vì dòng họ,

Không phải vì tài sản".

Sự thanh tịnh hay giá trị của một người không phải do xuất thân của người đó. Sen có thể đi ra từ bùn, ngọc quý có thể đi ra từ đất đá tầm thường. Lửa của gỗ danh mộc hay gỗ tạp thì đều giống nhau.

III. PHẨM CÁC NGOẠI ĐẠO

SIVA (Sivasutta)

'*Siva'* có nghĩa là 'safety'. Ai đọc sách bên Ấn Giáo có nhớ thần Siva?

'Siva' nghĩa là 'yên ổn', 'an toàn'. 'Siva' là một trong 72 từ đồng nghĩa gọi cho *Niết- bàn*. Có hiểu cái này mới biết tại sao Niết-bàn gọi là *Siva*. Nếu mình là bậc thánh thì chắc chắn là không bị đọa. Nếu là bậc thánh mà sống ở cõi Người thì mình biết chuyện gì sẽ xảy ra, còn mang thân thì còn có vấn đề, biết nay mai bịnh gì, ai sẽ làm gì mình vv.. Còn phàm thì khỏi nói, hôm nay muốn đi du lịch nước này nước kia thì đi, đùng một cái tắt thở biết đi về đâu. Tôi thấy con gì di chuyển trên mặt đất là thấy ớn, nếu mình bị đọa làm con cá ngoài biển, con chim bay trong rừng còn đỡ, chứ làm con gì sống trong ống cống thì ớn quá, dòng luân hồi đâu biết mình đi về đâu. *Siva* có nghĩa 'an toàn' là vì vậy. Phần chánh văn đơn giản dễ hiểu.

Vị Thiên tử thưa với Đức Phật điều ông tâm đắc, ý ông nói gần với người lành thì được lợi chớ không mất mát thiệt thòi gì hết. Câu cuối là khi gần người hiền biết pháp tánh của người hiền thì mình được sống sung sướng trong đời này. Đức Phật thấy cần điều chỉnh một chút: gần gũi người thiện, học hỏi đức tánh người thiện thì hay, nhưng không phải để được hưởng cái này cái kia. Ý nghĩa rốt ráo tối hậu của việc thân cận người lành chính là giải thoát khỏi mọi đau khổ. Gặp được chư Phật hiền thánh ở đời mà mình chỉ làm phước cầu quả nhân thiên thì

chưa rốt ráo. Khi gặp được hiền thánh thì mình nên học hỏi hành trì chỉ để nhắm cứu cánh rốt ráo tối hậu là chấm dứt sanh tử.

Khi mình không thấy sợ sanh tử thì trong lòng mình mới mong sanh chỗ này chỗ kia, khi biết đạo rồi thì biết sự hiện hữu của mình thực chất là gì; hạnh phúc đau khổ thực chất là gì thì không còn mong mỏi có mặt nữa. Trong kinh điển Nguyên Thủy, năm cõi Tịnh Cư không phải như là mình tưởng tượng giống như năm cõi Phật. Đó là cõi của những bậc thánh nhưng năm cõi này không ngon lành gì hết mà chỉ dành cho những vị đi chậm, thay vì lên thẳng tới Tứ quả, thì những vị này còn chút trục trặc mới về những cõi này. Cõi Ngũ Tịnh Cư này không phải là do người ta muốn mà là hết đường nên phải đi về đó. Nói theo sát sao rốt ráo trong kinh, những người được gọi là Phật tử bây giờ, chỉ được khoảng 1% Phật tử trên toàn thế giới, trong nhận xét của tôi, là thật sự nhàm chán sinh tử, thật sự ngán ngẩm sự hiện hữu trên đời này; số còn lại thì cũng mong sinh về cõi này cõi kia, còn đi chùa thì chỉ là tập quán gia đình, lâu ngày thành Phật tử có pháp danh, cũng hùn hạp in kinh đúc chuông đúc tượng. Tuy nhiên, họ lạy Phật mà biết Phật bao nhiêu?

Phật không phải là đấng cao siêu nào đó mình quỳ lạy mình xin phước. Phật nguyên thủy là người như chúng ta, sau khi thấy đời là khổ, ngán sợ sinh tử, thương yêu chúng sinh nên Ngài tu các công đức, để trở thành một con người cái gì Ngài cũng biết, ai Ngài cũng thương, đức lành nào Ngài cũng có. Theo duyên nghiệp Ngài sống bao lâu thì hoằng pháp bấy lâu; gặp ai có duyên Ngài nói cho họ đắc quả thánh, Ngài không tu giùm họ mà chỉ khơi gợi nơi họ. Phải có gì cho Ngài khơi gợi chứ như mình là con số 0 to tướng thì Ngài lấy gì khơi gợi. Ngài chỉ giúp được người hữu duyên. Thưa thiệt với quí vị, bản thân tôi, tôi cũng có nhiều cái để tôi yêu đời lắm. Tôi chưa đủ trí tuệ để nhàm chán như Đức Phật đã dạy, tôi chỉ sợ có mặt ở nơi mình không khoái, sợ bị trôi vào bến bờ hắc ám mình không muốn, chỉ vì vậy mà sợ sinh tử chứ chưa đến mức sợ hiện hữu. Đúng ra mình chưa thật sự sợ cái tẻ nhạt buồn chán của luân hồi, nghĩa là nếu mình sanh ra làm một minh quân của xứ sở hùng cường dân giàu nước mạnh, mấy chục năm rồi mình cũng chết, rồi ông vua sau cũng là minh quân. Trong lịch sử nhân loại, minh quân bao giờ cũng 1% so với hôn quân. Chính phủ cà chớn bao giờ cũng nhiều hơn chính phủ đàng hoàng một trăm lần, luật của trời đất là vậy. Nghe nói chữ "chính phủ" thì cứ yên tâm 99% là cà chớn rồi. Một điều lạ thế này, một con người vô cùng thông minh tốt bụng vị tha nhưng chỉ cần đưa quyền lực vô tay họ là 99% trở nên ác ngu, tham. Không cần nói sanh địa ngục sanh làm thú, sanh gặp nhà cầm quyền trời ơi đã lạnh người. Khi chưa ra gì họ nuôi lý tưởng nào là

dân tộc, đất nước, nào là thế giới nào là khu vực… tới lúc ngồi vào ghế quyền lực, chuyện họ nghĩ đến chỉ có tiền và gái. Biết bao nhiêu đất nước mà cơ hội của dân tộc bị họ đẩy sang một bên chỉ vì ở đó họ không kiếm ăn được. Làm thì không được mà không giao cho nước ngoài, cứ chia chác với nhau, cầu thì chờ sập đường thì chờ hư. Chỉ nghĩ vậy mà không muốn luân hồi nữa. Bạn xấu lúc nào cũng nhiều hơn bạn tốt, người cai trị xấu bao giờ cũng nhiều hơn người cai trị tốt, đất lành bao giờ cũng ít hơn đất dữ, chuyện vui lúc nào cũng ít hơn chuyện buồn, đó là cái đáng sợ của dòng sinh tử. Vì vậy Đức Phật dạy gần người lành không phải để nhắm đến sự hưởng lạc mà gần họ để học hỏi nhắm đến cứu cánh giải thoát mọi sanh tử.

KHEMA (Khemasutta)

Tiếng Pāḷi, chữ '*atta*' mà hiểu theo nghĩa 'ngã chấp', 'cái tôi' của triết học thì ít lắm, thường những chỗ này có nghĩa là 'chính mình'. Ví dụ như trong 10 điều tâm niệm của vị xuất gia trong đó có điều là 'chính ta', thì ngài Minh Châu dịch là '*tự ngã':* ""tự ngã**[2]**có chê trách ta về giới luật không đầy đủ chăng", không biết vì sao ngài thích chữ đó lạ lùng. Ở đây ngài dịch là: *"Kẻ ngu không trí tuệ, Lấy ngã làm kẻ thù",* trong khi bản Pāḷi sáng trưng: "*amitteneva attanā*" nghĩa là "tự mình làm kẻ thù của mình". Trong kinh Pháp Cú có câu:*"Kẻ thù hại kẻ thù, oan gia hại oan gia, không bằng tâm hướng tà, gây ác cho tự thân".* Nghĩa là xưa giờ mình nghĩ người ta ghét mình người ta hại mình thật ra trên đời này người hại mình nhiều nhất chính là mình. Có tám trăm ông Đề Bà Đạt Đa cũng không làm gì được Đức Phật nhưng vì Ngài có một số nghiệp quá khứ cần phải trả, đến lúc trổ quả đành phải chịu. Không có ai làm gì được mình nếu mình không bị quả nghiệp xấu quá khứ. "Kẻ thù hại kẻ thù, oan gia hại oan gia, không bằng tâm hướng tà, gây ác cho tự thân" chính là "*amitteneva attanā*", tự mình làm kẻ thù của mình. Mình giận người ta quá, mình tính ra tay phản ứng thì chỉ nhớ một chuyện thôi, Đức Phật dạy ", tự mình làm kẻ thù của mình. Mình giận người ta quá, mình tính ra tay phản ứng thì chỉ nhớ một chuyện thôi, Đức Phật dạy **"Kẻ phẫn nộ là người đang tự đào hố chôn mình".** Dĩ nhiên mình còn phàm, có lúc mình nổi cơn điên chứ, nhưng lập tức phải nhớ, trong kinh Đức Phật dạy, khi mình bị khiêu khích, bị gây hấn, mình càng nổi giận chừng nào thì càng làm kẻ thù thích chí vì họ thấy họ đã ra tay thành công. Họ muốn mình bị khổ nên họ làm vậy, nhưng nếu vì sự ra tay của họ mà mình nổi cơn thì mình đã tiếp tay cho họ thành công. Phương Tây có câu Dĩ nhiên mình còn phàm, có lúc mình nổi cơn điên chứ, nhưng lập tức phải nhớ, trong kinh Đức Phật dạy, khi mình bị khiêu khích, bị gây hấn, mình càng nổi giận chừng nào thì càng làm kẻ thù thích chí vì

họ thấy họ đã ra tay thành công. Họ muốn mình bị khổ nên họ làm vậy, nhưng nếu vì sự ra tay của họ mà mình nổi cơn thì mình đã tiếp tay cho họ thành công. Phương Tây có câu: **Giá trị của một người được đánh giá tương đương với cái gì có thể làm cho họ nổi giận. Giá trị của một người luôn tương đương với cái gì họ thích và ghét, vui và buồn.** Nhiều người nghe câu này khó chấp nhận. Một vị A-la-hán là người vô giá vì không có gì làm cho vị ấy thích hay ghét. Mình có là tổng thống, thủ tướng hay giáo hoàng đi nữa hoàn toàn có thể bị cám dỗ hoặc thử thách bởi những chuyện không ra chi hết. Nhiều người tưởng ghê gớm nhưng để làm cho họ nổi giận rất dễ, gọi là "chạm nọc". Câu *"Kẻ ngu không trí tuệ, Lấy ngã làm kẻ thù"* phải dịch lại là *"Kẻ ngu không trí tuệ, tự biến (mình) thành kẻ thù"*.

"Tự làm các ác nghiệp,

Đưa đến quả đắng cay".

"yaṃ katvā ānutappati": ác nghiệp là điều mình làm xong chỉ để lại di hậu là đau khổ. Di hậu gồm: 1. Ăn năn, hối tiếc, sợ hãi. 2. Pháp luật. 3. Bị kẻ thù. 4. Quả xấu đời sau. Ví dụ mình đi đánh, gạt, vu cáo người khác thì sẽ bị hoặc là bất an, hoặc bị pháp luật, hoặc nạn nhân của mình có để mình yên hay không, và quả xấu đời sau.

Và nghiệp nào khéo làm,

Làm xong, không nung nấu,

"Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā anutappati"; Không làm cái gì sau đó để lại cho mình hối hận

"Yassa assumukho rodaṃ, vipākaṃ paṭisevati". Ngay đời này thì đổ nước mắt, đời sau thì phải đau khổ.

Tâm vui, ý thoải mái,

Vị ấy hưởng quả báo.

Biết điều lợi cho mình,

Làm trước điều phải làm,

Không **tâm trạng đánh xe**,

Kẻ trí lòng tinh tấn.

Như người chủ đánh xe,

Rời đại đạo thăng bằng,

Leo lên đường lồi lõm,

Ưu tư nạn **gãy trục**.

Điều vị Thiên tử nhắc đến trong bài kệ này là hãy làm các việc lành. Làm lành là làm những điều gì mà sau khi làm xong không có gì phải sợ hãi, tiếc nuối, ăn năn, quả báo đời sau tuyệt vời. Trong đây vị Thiên tử có dùng hình ảnh mình không quen nhưng cũng phải biết: "*Paṭikacceva taṃ kayirā"*

'Paṭikacceva': 'sự tiên liệu'. Trong đây cũng cho biết một dị bản là '*paṭigacceva'.* Sống là phải có khả năng tiên liệu. *Na sākaṭikacintāya,* không sống bằng tâm trạng cầu may.

'sākaṭika': 'người đánh xe'. '*Sākaṭikacintā'*: 'tâm trạng cầu may'. Cầu may nghĩa là đi trên đường, gặp đường tốt thì mừng, đường có ổ gà cũng chịu; ở đây nói tâm trạng bất an, tâm trạng phân vân. Đời sống là bất toại không như mình muốn, ghi nhớ như vậy để khi gặp chuyện thì lòng vẫn bình thản. Dầu cuộc đời có ra sao đi nữa mình cũng phải có một kiểu đi an toàn, : 'tâm trạng cầu may'. Cầu may nghĩa là đi trên đường, gặp đường tốt thì mừng, đường có ổ gà cũng chịu; ở đây nói tâm trạng bất an, tâm trạng phân vân. Đời sống là bất toại không như mình muốn, ghi nhớ như vậy để khi gặp chuyện thì lòng vẫn bình thản. Dầu cuộc đời có ra sao đi nữa mình cũng phải có một kiểu đi an toàn, **không đi kiểu cầu may như người đánh xe**. . **Hãy luôn ghi nhớ đời là bất trắc nhưng riêng mình thì phải kiên định. Bản chất của cuộc đời là không tin cậy được nhưng mình không thể là người không tin cậy được.**

'akkhacchinna': 'gãy trục'.

Sáng nay mình học nhiều lắm rồi, hẹn gặp lại bà con vào ngày thứ ba. Xin đảnh lễ chư tăng, xin chào các vị.

Bài giảng ngày 19-8-2014 SERI (Serīsutta)

Hầu hết những bài còn lại của phẩm Thiên Tử trùng với những bài mình đã học trong phẩm Chư Thiên. Bài Seri mình đã học rồi (Kinh Đồ Ăn). Một vị Thiên tử hỏi câu này:

"Cả hai loại Trời, Người,

Đều ưa thích ăn uống,

Có Dạ-xoa tên nào,

Lại không thích ăn uống!"

Ai trên đời này cũng thích hưởng thụ, thích sự sở hữu, có ai trên đời này không như vậy hay không?

Đức Phật trả lời: Có, với những người có nhiều niềm tin, thích bố thí thì họ không thích sở hữu, không thích hưởng thụ cho riêng mình. Chúng tôi còn nhớ đã có trích đoạn kinh: Này các Tỳ kheo, nếu mà các ngươi hiểu được quả báo bố thí như là ta hiểu thì cho đến một miếng ăn cuối cùng dành cho mình thì các ngươi cũng không đành lòng mà ăn…. Ở đây chỉ khác một chút, vị Thiên tử kể lại chuyện xưa, ông là một vị vua rất hào sảng rộng tay làm phước thoải mái, theo Chú giải nói rằng, trong kiếp đó do sống hiền thiện rộng rãi tự nhiên ông có được trí gọi là "kammassakatañāṇa": trí tuệ về nghiệp lý, tin và hiểu được rằng mọi người có nghiệp riêng.

Đức Phật dạy rằng ta chưa từng thấy một ngoại đạo (những người đi theo đường lối sai lầm) nào khi chết được sanh thiên ngoại trừ những người Kammavādi (người tin lý nghiệp báo). Đây là chuyện rất quan trọng. Mình phải cảm kích những vị tiền bối ngày xưa trong lịch sử PG đã đem PG từ Ấn Độ, Tích Lan đi truyền bá các xứ Á Châu để cho hôm nay có những vùng đất mà người dân có thể là không biết chữ nhưng họ cũng biết sợ tội, cũng ham làm phước, chẳng hạn như người VN mình. Tôi khổ tâm ở chỗ nói ra người ta nói tôi phản động chống đối, người ta nghĩ rằng mình lợi dụng tôn giáo nói qua chính trị thì không tốt. Chỉ trừ sau 1975 vấn đề đạo đức tôn giáo không được đẩy mạnh chứ trước đó trong trường lớp có bộ sách như Quốc văn Giáo Khoa Thư, trong đó không nói rõ Phật tiên, thánh hiền gì hết nhưng vấn đề đức dục thì coi nặng về nhân quả. Sau 75 thì chỉ được học những gương anh hùng mang tính cách chính trị. Tuổi trẻ mà học

như vậy thì lớn lên những hình ảnh đó, về mặt chính trị thì ok nhưng không đủ để xây dựng nhân cách đạo đức. Một kho tàng nền tảng văn hóa đạo đức bị hủy hoại, rất là tiếc. Niềm tin vào lý nhân quả sẽ làm cho xã hội đẹp hơn.

Ông vua này sống đẹp lâu ngày thì ổng thấm. Khi mình có lòng yêu cái thiện, tự nhiên có lúc mình nhận ra được cái hay của nó. Ví dụ có một thời gian khá dài trước ngày rời VN tôi đâu có biết uống trà, trước khi rời VN vài năm tôi chỉ uống trà mấy vị đi Đài Loan về cho rất ngon nhưng uống không có lợi gì hết, sau này tôi đi châu Âu nhiều người ta khuyên tôi nên uống trà xanh. Trà xanh không ướp hóa chất, và giảm mỡ. Tôi uống lâu ngày mới nhận ra rất nhiều cái lợi. Khi mình chìm sâu trong một điều gì đó mình sẽ thấy cái hay của nó. Ông vua này sống nhiều năm trong tinh thần hào sảng rộng rãi ông cảm nhận vị ngọt của nó giống như uống trà xanh lâu ngày thì thấy cái hay của nó. Bản thân ông là người rộng tay làm phước lại tạo điều kiện cho người khác làm phước, hôm nay ổng trở thành vị Thiên tử xuống hầu Phật và kể chuyện xưa. Đó là nội dung bài kinh Seri.

GHATĪKĀRA (Ghaṭīkārasutta)

Ghaṭīkāra là một vị cư sĩ thời Đức Phật Ca Diếp, đã chứng được Tam quả và cha mẹ đều bị mù. Vị này vì có lòng đại hiếu muốn nuôi dưỡng cha mẹ nên không xuất gia mà ở ngoài đời để tiện chăm sóc song thân. Vẫn là cư sĩ nhưng là một vị thánh Tam quả và trong vai trò một người cư sĩ, Ghaṭīkāra có mối quan hệ thân tình rất sâu đậm với một cậu công tử nhà giàu tên là Jotipāla, Jotipāla chính là Bồ tát người về sau trở thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tuy giàu nghèo khác nhau nhưng chí hướng tu hành giải thoát giống nhau, sau đó Ghaṭīkāra chết sanh về cõi Tịnh Cư, còn công tử Jotipāla xuất gia thành vị tỳ kheo thuộc lòng Tam tạng nhưng do nuôi hạnh nguyện Chánh Đẳng Chánh Giác nên không đắc gì hết. Bên Nam Tông nói rằng trước khi thành Phật không đắc gì hết, còn Bắc Tông thì khác, Bắc Tông thì nói rằng đắc A-la-hán xong vẫn có thể nguyện thành bồ tát nghĩa là vẫn có thể luân hồi, A-la-hán vẫn có thể còn phiền não chấp này chấp kia. Bắc Tông có cái đặc biệt là có khi tôn sùng vị nào đó họ đẩy lên mây, có khi dìm A-la-hán xuống tới sình. Chẳng hạn họ khen HT Tuyên Hóa, khen HT Thiền Tâm VN, khen mà mình thấy những vị ấy đạt đến cảnh giới như nhiên bất động, có lúc dìm mấy vị khác như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, họ nói một hồi đến nỗi tôi thấy như các vị ấy còn… thua tôi nữa. Chẳng hạn như khi mẹ tôi chết tôi chưa khóc, trong khi đó ngài Mục Kiền Liên đem chén cơm đến cho mẹ ăn, mẹ không ăn thì ngài khóc. Bên Nam Tông nói sau khi chết rồi, Jotipāla luân hồi sa đọa rất nhiều lần, từ đời Đức Phật Ca Diếp đến khi ngài thành Phật Thích Ca

Mâu Ni, ngài phải trải qua nhiều kiếp sống và trải nhiều kiếp sa đọa chứ không phải giống như Bồ Tát Di Lặc, đây là do sự thúc đẩy của nghiệp. Phải hiểu ngầm là do Bồ Tát Di Lặc đi một đoạn đường quá dài hạnh tinh tấn. Có thể hiểu thế này, một người trước khi bước lên xe đò, anh ta có lội ruộng, chân dính sình, khi lên xe đi một quãng đường dài thì sình sẽ khô đi và rớt hết; trong khi đó, người khác cũng chân dính sình mà ngồi trên xe một quãng đường ngắn thì sình chưa kịp khô nên khi họ bước xuống xe, sình dính chân vẫn còn ướt. Có thể hiểu trường hợp Bồ Tát Thích Ca và Di Lặc cũng giống vậy. Thời gian Bồ Tát Thích Ca tu Ba-la-mật chỉ bằng một phần tư thời gian tu của Bồ Tát Di Lặc nên trước khi ngài thành Phật, những nghiệp cũ ngài chưa rũ sạch. Bồ Tát Di Lặc tu thời gian gấp bốn lần, Ngài là hạnh tinh tấn, Ngài tu chậm lắm. Ngài là vị Bồ tát chỉ biết làm thiện, càng lúc càng gần với Phật quả thì thiện càng nhiều và ác càng ít dần ít dần, vì Ngài đi quá chậm nên bao nhiêu bùn sình rớt sạch. Bồ Tát Thích Ca thì quá nhanh nên còn sót nhiều nghiệp lẻ tẻ, ví dụ Ngài bị vu oan giá họa. Tôi nhớ hoài chuyện cách đây 10 năm về trước, tôi nói (trong room paltalk) rằng theo trong kinh Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni khổ hạnh 6 năm là do nghiệp cũ của Ngài, có một ông (người VN mình) tự nhiên tưởng tượng là do tôi nghĩ ra, ổng nói không đồng ý cách nói đó. Ổng nói rằng theo ổng nghĩ 6 năm khổ hạnh là do lòng đại bi. Tôi không nói cách hiểu đó là sai 100%, nhưng nên nhớ rằng Ngài có thể lựa chọn thì Ngài đâu có ngu dại gì kéo dài thời gian khổ hạnh. Ông ấy nói Ngài khổ hạnh để làm gương cho chúng sanh. Theo cách nói đó thì thấy hay, nhưng tại sao Ngài không lựa chọn thành Phật sớm hơn 6 năm để có thể giúp được nhiều người hơn, việc gì lại khổ hạnh 6 năm chỉ để làm gương?

Hãy tưởng tượng một anh chàng sinh viên y khoa, thay vì có thể làm bác sĩ, anh ta cố ý kéo dài thêm 6 năm nữa để làm gương học tập cho sinh viên khác thấy rằng, lẽ ra tôi có thể mở phòng mạch, làm bác sĩ nhưng tôi kéo dài thời gian để các bạn noi gương học tập của tôi. Nếu có đủ điều kiện làm bác sĩ thì cứ làm chứ, lấy những gì mình có để làm phước giúp đời chứ sao lại kéo dài thời gian khổ cực để làm gương cho người khác, nghe thì hay nhưng ngẫm thì thiếu thông minh. Tôi là người VN mà tôi thấy dân tộc mình có nhiều cái lạ đặc biệt. Người Âu Mỹ cũng nghiên cứu Phật pháp mà họ rất nhiều công trình, còn người mình thì Tỳ Bà Sa mãi tới hôm nay mới chịu dịch mà mở miệng ra thì đòi mình có 2000 năm lịch sử PG...

JANTU (Jantusutta)

Bài kinh Jantu này có nội dung là lời ngậm ngùi của một vị Thiên tử khi nhìn tình hình chư tăng vào thời gian cuối đời của Đức Phật. Trong đời hoằng pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 45 năm, được chia thành ba giai đoạn: 15 năm đầu sau khi Thế Tôn thành đạo, gọi là sơ giác thời (ādibodhikāla); 15 năm giữa là trung giác thời (majjhijabodhikāla); 15 năm cuối là gọi là hậu giác thời (pariyosabodhikala). Nghĩa là, 15 năm đầu sau khi Ngài thành đạo, giáo hội phải nói là 10/10 điểm. Vào hạ thứ 12, từ năm Ngài 35 tuổi cộng thêm 12 năm nữa là năm Ngài 47 tuổi, vẫn chưa cấm chế giới luật, tức là một hệ thống giáo đoàn kéo dài suốt 10 năm mà không cần nội quy gì cả. Không hề có tổ chức nào suốt 10 năm trời như vậy không cần một dòng thanh quy nội quy nào hết, mà thành viên trong tổ chức đó đều toàn hảo. Theo Chú giải, Thế Tôn như thế nào thì các tỳ kheo như thế ấy, họ ăn theo Phật, đi theo Phật, đứng nằm ngồi theo Phật, sinh hoạt như Phật, mọi thứ giống hệt như Phật. Từ từ mới xuất hiện những người mến mộ Đức Phật quá, vì cầu đạo giải thoát nên họ xuất gia theo Phật nhưng buổi chiều đói bụng nên họ ôm bát đi xin, người ta vẫn cúng dường bình thường. Ngài không hề cấm giới luật gì hết vì lúc đó tuyệt đại đa số tăng chúng không có vấn đề. Mười lăm năm tiếp theo bắt đầu nảy sinh vấn đề. Trong tăng chúng càng lúc thành phần xuất gia càng phức tạp dần, nhu cầu lý tưởng xuất gia không còn tinh tuyền như buổi đầu. Họ mang theo vào đạo tất cả những rối rắm của đời và từ đó mới nảy sinh ra lý do để Thế Tôn cấm chế giới luật.

Chính vì vậy ông Jantu này mới đến đọc bài kệ cho Thế Tôn, ý ông nói những ai sống phóng dật thì giống như xác chết, còn những ai không phóng dật thì ông xin quỳ lạy.

Các Tỷ-kheo thuở xưa,

Sống thật chơn an lạc,

Họ thật là đệ tử,

Bậc Đại Giác Cù-đàm.

Không ham tìm món ăn,

Không ham tìm chỗ trú,

Biết đời là vô thường,

Họ chấm dứt khổ đau.

Nay thì sao?

Nay tự làm ác hạnh,

Như thôn trưởng trong làng.

Họ ăn, ăn ngả gục,

Thèm khát vật nhà người.

Con vái chào chúng Tăng,

Đảnh lễ một vài vị

Kẻ khác, sống vất vưởng,

Không chỉ đạo, hướng dẫn.

Họ giống như thân thể

Kẻ chết bị quăng bỏ.

Những ai sống phóng dật,

Vì họ con nói lên,

Những ai không phóng dật,

Chân thành, con đảnh lễ.

Trong Chú giải nói thêm, ngày vị Thiên tử đến đọc bài kệ là ngày rằm. Bình thường các vị tỳ kheo sống rải rác, ông không thấy sốc; bữa đó ông thấy hình ảnh hội họp của những vị tỳ kheo không trong sạch làm ông sốc. Từ chỗ bị sốc ông mới thưa chuyện với Thế Tôn.

Khi Đức Thế Tôn niết-bàn rồi, ngài Ānanda sống thêm 40 năm nữa, nghĩa là ngài Ānanda tịch vào năm 120 tuổi. Lúc đó tình hình giáo hội càng lúc càng bi đát thê thảm, những tỳ kheo dị kiến (những quan điểm về giáo lý dẫn đến tà kiến và dị kiến dẫn đến bất đồng về giới luật) hiểu sai Phật pháp. Ngài Ānanda có câu kệ cảm thán thế này: Đạo sư nay không còn nữa, những huynh đệ hiền thiện của ta (ngài Rahula, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất) ngày xưa nay cũng không còn nữa, bây giờ ta chỉ còn làm bạn được với pháp môn thân hành niệm (Kāyagatāsati). Sẽ

có một lúc nào đó nếu mình là một nhà sư hay cư sĩ, nhìn quanh sẽ thấy người bạn để mình chia sẻ Phật pháp không còn nữa, người chung quanh thì mình không phục, hoặc họ không có cách nghĩ giống như mình. Vì vậy, đây là lúc cơ hội học Phật pháp rất là tốt. Trong Tăng Chi có câu mà tôi thấm thía: Này các tỳ kheo, đây là thời điểm thích hợp nhất để các ngươi tinh tấn nỗ lực thiền định, nỗ lực tu tập, đó là thời điểm các ngươi còn trẻ còn khỏe chưa có bệnh hoạn, tăng chúng chưa chia rẽ nhau, thời điểm nhân gian chưa có chiến tranh loạn lạc, thời điểm mà các ngươi còn khất thực dễ dàng…

Trong bài kệ này, vị Thiên tử Jantu nhìn thấy một số tệ trạng trong tăng chúng nên cảm thấy buồn và thưa với Đức Phật. Ông so sánh những vị tỳ kheo thời trước, vào lúc Thế Tôn mới thành đạo và những vị tỳ kheo thời Thế Tôn sắp niết-bàn. Giáo hội đã có những thay đổi rất lớn. Sự có mặt của một đoàn thể thánh chúng cũng là sự tồn tại của pháp hữu vi, đã là pháp hữu vi thì sẽ có lúc này lúc khác. Tôi nhớ ngài Vicittasara, người được xem là vị tinh thông Tam tạng của Miến Điện, được thủ tướng Miến Điện thỉnh viết bộ biên niên sử chư Phật (Chronicles of the Buddhas, tám cuốn), bộ này dịch ra tiếng Việt được thì quý biết bao nhiêu, nếu dịch sang tiếng Việt thì tôi nghĩ không dưới 6000 trang khổ 19 x 23. Bộ này kể về những chuyện liên quan đến 25 vị Chánh Đẳng Giác. Tôi thích bộ này vì mỗi lần kể xong câu chuyện về một Đức Phật thì ngài đúc kết một câu là: Đức Thế Tôn ấy nay đã niết-bàn và chúng thanh văn đệ tử cũng không còn nữa, các pháp hữu vi đã vô thường đã đi vào quá khứ. Mỗi lần kết thúc câu chuyện về Đức Phật thì ngài luôn kết thúc bằng câu đó lặp đi lặp lại. Tôi nghĩ đó là dấu ấn rất ấn tượng, rất đẹp. Trên đời này đâu có chuyện gì ầm ĩ cho bằng sự ra đời của vị Chánh Đẳng Chánh Giác, chấn động nhiều ngàn vũ trụ, vậy mà theo thời gian sự ầm ĩ đó cũng lắng im chìm sâu vào sự quên lãng của cuộc đời và dòng chảy nhân gian mãi hoài trôi đi trôi tới, mọi thứ đi vào lãng quên không ai còn biết, còn nhắc nhở gì tới. Hôm nay chúng ta còn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn giáo pháp của Ngài, chúng ta còn biết Đức Phật Anomadassi, vị đã thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên; Đức Phật Nhiên Đăng, người đã thọ ký cho Bồ tát Thích Ca Mâu Ni; Đức Phật Ca Diếp một vị Phật trước Phật Thích Ca Mâu Ni…vv nếu không có Phật Thích Ca thì sự ra đời của các vị Phật ấy chìm xuồng luôn, nói chi là danh lợi của chúng ta. Hitler, Pol Pot, Mao Trạch Đông, Winston Churchill, Charles De Gaulle v.v... tất cả chìm vào quên lãng, chìm vào quá khứ.

ROHITA (Rohitassasutta)

Xin thưa với bà con, tôi rất lấy làm ngạc nhiên và rất lấy làm tiếc là thiên hạ trích bài kinh Rohita rất nhiều chỗ, nhưng có một câu tôi không hề thấy trích dẫn mà chỉ thấy trong Chú giải thôi. Điều đó cho thấy thiên hạ rất sợ kinh cắn không dám nghiên cứu. Bài kinh Rohita rất sâu dù đọc lướt qua không thấy gì hết.

Bài kinh này kể câu chuyện một vị Thiên tử đến hầu Phật và kể lại chuyện xưa: Ngày xưa con từng là người đắc thiền, có thần thông, con cũng có tâm nguyện là với khả năng thần thông của mình con sẽ đi tìm đến cái chỗ gọi là tận cùng của thế giới. Người bình thường thì không có khả năng, còn với một người có thần thông như mình thì có thể đi tìm đến chỗ nào đừng có khổ như là thế giới mình đang sống nữa; làm sao tìm được chỗ nào đừng có già bịnh, chết, đời đời trường sanh bất tử sống sung sướng vui vẻ không sầu muộn như thế giới mình thấy. Với thần thông đó con đi cùng trời cuối đất, nhưng dọc đường, 'antarāva kālaṅkato', con đã chết trước khi con có thể biết được mọi sự. Con có thần thông, con có thể đi giữa hư không tốc độ nhanh như là mũi tên. Nói theo mình bây giờ thì đi bằng tốc độ ánh sáng, ngày xưa thì đi nhanh như mũi tên. Cuối cùng thì đi chưa tới đâu không đủ tuổi thọ, ông đã chết dọc đường. Bài kệ này sâu ở chỗ nào?

1. Không thể nào nghĩ về thế giới này bằng cái nhìn trẻ con, cân đong đo lường thế giới này bằng khái niệm thông thường. Nếu nói thế giới này là có biên giới thì bên ngoài biên giới đó là cái gì?

Nếu nói thế giới này là hữu biên thì bên ngoài tám ngàn, chín ngàn tỷ cái vũ trụ, là cái gì. Không thể nào nghĩ về thế giới này theo cách nghĩ thông thường của mình được

2. Mình sinh ra trong một thế giới hữu hạn. Tấm thân mình nặng bao nhiêu ký lô, đó là hữu hạn. Tuổi thọ của mình cũng có hạn định. Ngôi nhà mình rộng bao nhiêu mét vuông, số tiền mình sở hữu được trong nhà băng là bao nhiêu tiền. Đất nước xứ sở của mình rộng bao nhiêu mét vuông, cũng là hạn định. Trọng lượng của trái đất, đường kính của địa cầu này người ta tính được. Tuổi thọ của viên kim cương, của mẩu hóa thạch, tính được hết. Điều đó có nghĩa rằng là chúng ta đang sống trong thế giới của những con số, điều đó đã in sâu vào óc mình quen rồi, nên mình suy diễn mọi thứ bằng các cân đong đo đếm theo cách thức thuần vật lý.

Bài kinh này cho thấy chuyện rất quan trọng đó là làm ơn bỏ cách nghĩ đó đi. Đừng tiếp tục suy nghĩ mọi chuyện theo khuôn cũ. Chẳng hạn như, khái niệm thời gian của giáo lý duyên khởi, độc đáo ở một chỗ, cái gọi là quá khứ, cái gọi là

hiện tại, cái gọi là vị lai trong giáo lý duyên khởi không hề giống như là khái niệm tam thế ở chỗ khác – 'chỗ khác' nghĩa là bên ngoài giáo lý duyên khởi. Ngay trong đời sống này của mình có cái được gọi là vị lai, có cái được gọi là quá khứ, có cái được gọi là hiện tại, và cái quá khứ trong duyên khởi, trong trường hợp cần, nó vẫn có thể được gọi là hiện tại, nó vẫn có thể được gọi là vị lai, và cái vị lai trong dòng duyên khởi, nếu cần, trong một trường hợp phân tích nào đó, mình vẫn có thể gọi cái vị lai đó là quá khứ là hiện tại, và cái hiện tại nào đó trong dòng duyên khởi mình vẫn có thể gọi nó là vị lai hay quá khứ. Nói chung là, một quá khứ trong dòng duyên khởi vẫn có thể gọi là vị lai hay hiện tại, và cái hiện tại trong dòng duyên khởi mình vẫn có thể gọi nó là quá khứ hay vị lai và cái vị lai trong dòng duyên khởi mình vẫn có thể gọi nó là quá khứ hay hiện tại. Khái niệm thời gian trong dòng duyên khởi đặc biệt sâu sắc chỗ đó, cho nên trong bài kinh này chúng ta nhớ thế này: Trên đời này có hai cách để chấm dứt hoài nghi: 1. Đi tìm câu trả lời. 2. Không nghĩ đến nó nữa. Không nghĩ đến nó nữa cũng là một cách chấm dứt hoài nghi. Ví dụ người bị trúng tên, nếu thông minh thì chuyện đầu tiên là phải chữa trị vết thương chớ không ai vào thời khắc nguy kịch đó mà từ chối mọi chữa trị và cứ đòi hỏi tìm kẻ nào đã bắn mình… Cũng vậy, nếu một người thực sự chán sợ sinh tử, coi năm uẩn này là gánh nặng thì họ không có thời gian nghĩ nhiều đến những chuyện khác ngoài chuyện giải thoát. Chuyện đầu tiên là sống trăm tuổi rồi mình tắt thở đi về đâu; làm sao mà mình không còn khổ bởi điều mình thích và điều mình ghét nữa, cái đó mới là quan trọng. Toàn bộ cái khổ của mình đều đi ra từ cái mình thích và cái mình ghét. Nói gọn nữa thì cái khổ đi ra từ cái mình thích - tham ái, có thích mới có ghét, rồi từ đó mới đẻ ra các khổ. Phải chịu đựng cái mình không ưa là khổ, không được cái mình thích cũng là khổ. Vấn đề là làm sao gặp cảnh trần tâm mình không bị ảnh hưởng, tác động. Trước mắt không còn để cho cái thích cái ghét làm khổ mình nữa, và làm sao sau khi tắt thở rồi mình không còn khổ nữa. Khi mình thấy hai điều đó là quan trọng thì tất cả những chuyện khác đều là chuyện vu vơ.

Rất nhiều người đến hỏi Đức Phật: Bạch Thế Tôn thế giới này là vô biên hay hữu biên, chúng sanh sẽ ra sao sau khi chết. Xưa giờ Đức Phật chỉ có ba cách trả lời:

1. Im lặng. Bởi vì Ngài biết có nhiều người nói ra cho họ, họ hiểu không nổi. Không cần nói chuyện cao siêu, chỉ cần Ngài giải thích vũ trụ này theo khoa học hiện đại thì có bao nhiêu người hiểu Ngài. Nếu Ngài không giải thích bằng Phật trí mà bằng kiến thức của ông Stephen Hawking thì có bao nhiêu người hiểu Ngài?

Tôi nhớ ông Charlie Chaplin viết cho ông A. Einstein một cái thư khen "Ngài vĩ đại vì thuyết tương đối của ngài không bao nhiêu người hiểu". Einstein hồi âm: "Ngài vĩ đại ở chỗ bao nhiêu kịch câm của ngài, ai cũng hiểu được". Thời đó sao người ta hiểu nổi, trọng lượng là trọng lượng, tốc độ là tốc độ, khối lượng là khối lượng vậy mà năm 1905 ổng dám tuyên bố cái gì cũng là tương đối. Trọng lượng sẽ thay đổi ở một tốc độ nào đó, và mọi thứ lâu, mau, lớn, nhỏ, nhanh, chậm trong đời không phải là những hằng số bất biến mà là những giá trị có thể thay đổi trong điều kiện nào đó. Đây là quan điểm rất xa lạ với thời đó nhưng lại gần với PG. Trong PG thì lâu, mau, lớn, nhỏ, nhanh, chậm là cái gì đó tương đối. Có người yêu cầu ông cho minh họa về thuyết tương đối, ông nói: một nhúm tóc trên đầu là ít nhưng một sợi tóc trong ly nước là nhiều. Chỉ riêng học thuyết tương đối đã là xa lạ và khó hiểu đối với người thời nay nói chi là thời Đức Phật, nếu Ngài có giải thích về thế giới vũ trụ này theo quan điểm khoa học đã có mấy ai hiểu nói chi là Ngài giải thích thế giới này theo tuệ giác của một vị Chánh Đẳng Giác.

2. Với người hữu duyên thì Ngài lựa chọn cách trả lời cho họ. Có lúc Ngài trả lời bằng cách hỏi ngược lại, có người Ngài giải thích do hạnh nghiệp, có người Ngài hỏi, sắc uẩn là thường hay vô thường, cái gì vô thường là khổ hay lạc, cái gì là khổ thì có hợp lý chăng khi ta nói cái đó là tôi, là của tôi?

Khi Ngài phân tích vấn đề ra như vậy, thì họ thấy thắc mắc của họ là ngớ ngẩn. Thấy cái tôi là quan trọng, thấy giọt sương trên ngọn cỏ là lớn chuyện thì mới thắc mắc chứ còn khi hiểu mọi thứ không là gì hết thì thắc mắc chi nữa.

Tôi nhớ năm 1992, cách đây gần 20 năm, tôi có một lớp A-tỳ-đàm ở Mỹ Thuận, chỗ tôi ngồi là sân gạch Tàu có cây trứng cá, ngó xéo xéo kế bên là một con rạch nước đục ngầu, toàn lục bình, ô rô, điên điển. Nói đến chuyện Đức Phật từ chối trả lời những câu hỏi siêu hình, tôi đã dùng ví dụ này, mà đến bây giờ tôi vẫn còn tâm đắc, tôi hỏi họ: Theo các vị, ở dưới con rạch này có bao nhiêu con cá, có bao nhiêu con tép, hai bên mép bờ có bao nhiêu cọng ô rô điên điển, bao nhiêu con ruồi con muỗi?

Biết được điều đó không dễ, nhưng các vị có muốn biết hay không?

Họ cười: Biết để làm gì. Tôi chỉ ngoài sân: Quí vị có muốn biết dưới miếng gạch Tàu này có bao nhiêu hạt cát?

Tất nhiên là không, chuyện vô ích. Khi mình nhìn thế giới này như những nắm cát thì mình không còn thắc mắc nữa, chuyện quan trọng là thân mình khổ phải lo

trước. Còn những chuyện khác biết thêm thì: Thân như điện ảnh hữu hoàn vô, Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô. Mọi thứ chỉ là tuồng hát, vở kịch mong manh phù du, là giọt sương đầu cỏ, là ánh chớp chiều tà chứ chẳng là gì hết.

3. Có lúc Đức Phật nói rằng: Ở đây ta không trả lời những vấn đề đó mà ta chỉ nói rằng vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc ... sầu bi khổ ưu não. Này du sĩ, ngay khi người ta còn sống mà mình còn không tìm thấy được một chúng sanh ở đó thì nói gì đến chuyện đời sau kiếp khác ở đó có ai, người đó là ai. Nhìn ra không còn chúng sanh nào theo cách nghĩ thông thường của mình nữa mà tất cả chỉ là dòng chảy của những đơn vị pháp giới rất phù du.

Hiểu được dòng duyên khởi, hiểu được lý Tam tướng như vậy, hiểu được sự mong manh ảo hóa của năm uẩn như vậy thì mình không còn thắc mắc nữa.

Bài kinh Rohita này nhắc chúng ta rất nhiều chuyện:

- Để lìa bỏ hoài nghi thì một là đi tìm câu trả lời, hai là đừng nghĩ đến nó nữa.

- Hiểu được nó là gì thì không còn thắc mắc những khía cạnh vớ vẩn nữa.

- Thế giới này có thể hiểu nó nhưng không theo cách cũ xì và trẻ con.

Tôi không nói PG là thuyết bất khả tri hay những gì không biết thì lấp liếm che đậy. Tôi chỉ nói trước mắt mình khổ quá thì mình tìm con đường tu tập để hết khổ. Nếu hiểu được bản chất rốt ráo của vạn hữu thì mình sẽ không còn thắc mắc nữa. Nếu thật sự muốn tìm hiểu nó thì hãy lìa bỏ phương thức cũ. Xưa giờ mình là người nhà quê không biết chữ, khi cần đo thì mình chỉ có một cách là cầm thước dây để đo. Thước nào cho đủ để đo chiều cao của núi Everest, chiều sâu của Thái Bình Dương?

Muốn biết chiều cao chiều sâu đó phải dùng phương tiện cân đong đo đếm khác. Ở đây cũng vậy, chúng ta không thể nào đi tìm hiểu xác định bản chất thế giới bằng cách cân đong đo đếm theo cách của phàm phu từ đó đến giờ. Đó là nội dung của bài kinh. Tôi nhớ Đức Phật có một câu thế này: Tôi không nói PG là thuyết bất khả tri hay những gì không biết thì lấp liếm che đậy. Tôi chỉ nói trước mắt mình khổ quá thì mình tìm con đường tu tập để hết khổ. Nếu hiểu được bản chất rốt ráo của vạn hữu thì mình sẽ không còn thắc mắc nữa. Nếu thật sự muốn tìm hiểu nó thì hãy lìa bỏ phương thức cũ. Xưa giờ mình là người nhà quê không biết chữ, khi cần đo thì mình chỉ có một cách là cầm thước dây để đo. Thước nào cho đủ để đo chiều cao của núi Everest, chiều sâu của Thái Bình Dương?

Muốn biết chiều cao chiều sâu đó phải dùng phương tiện cân đong đo đếm khác. Ở đây cũng vậy, chúng ta không thể nào đi tìm hiểu xác định bản chất thế giới bằng cách cân đong đo đếm theo cách của phàm phu từ đó đến giờ. Đó là nội dung của bài kinh. Tôi nhớ Đức Phật có một câu thế này: Không thể nào bằng cách thông thường (bộ hành bằng những bước chân)(bộ hành bằng những bước chân) mà hiểu được sự tận cùng của thế giới. Tuy nhiên, không thể nào chấm dứt đau khổ khi không hiểu được sự tận cùng của thế giới này.

Sự tận cùng của thế giới không thể tìm hiểu qua cách thông thường. Sự tận cùng đó là gì?

Do gì mà mình sanh tử?

Do gì mà thế giới này được thiết lập?

Do vô minh, do tham ái!

Có nhiều cách để chúng ta nói đến cội nguồn của thế giới này. Chúng ta nói đến cội nguồn thế giới này thông qua khái niệm thời gian, khái niệm không gian, nhưng cả hai khái niệm này đều không thể xài được. Bởi vì bên ngoài cái này còn có cái khác, trước cái này còn có cái trước nữa, trước nữa, sau cái này còn có cái khác nữa, khác nữa.

Tóm lại: không thể nào tìm hiểu thế giới này theo cách thông thường và không thể nào không hiểu nó mà có thể chấm dứt đau khổ. Có những điều mà tìm biết về bản chất của nó cũng không có lợi ích gì cho một người sinh tử. Ví dụ có nhiều cách biết về cái bình xăng. Có thể biết được số xăng nằm trong xe là bao nhiêu phần trăm của cái bình. Cái biết này có lợi hơn là xem nó còn lại bao nhiêu mililít. Cái bao gạo còn bao nhiêu lon, có đủ cho một hai người ăn không, quan trọng hơn là có bao nhiêu hột gạo trong bao.

Tiếp theo là bài kinh Nanda. Bài này chúng ta đã học rồi. Bài kinh Nandivisāla ("Bốn bánh xe chín cửa, Đầy uế, hệ lụy tham…"), cũng học rồi. Giờ mình học bài kinh Susimasutta

SUSIMA (Susimasutta)

Phương Tây có câu hay lắm: Hạnh phúc nhiều khi không phải chỗ đến mà nó nằm trên con đường đi. (Happiness is a journey, not a destination; happiness is to be found along the way not at the end of the road, for then the journey is over and

it's too late. The time for happiness is today not tomorrow - Paul H Dunn). Tôi cũng có chút kinh nghiệm trong chuyện dịch sách, lúc mình mới bắt đầu cuốn sách thì hào hứng lắm nhưng nản nhất là sau khi qua giai đoạn cao hứng buổi đầu, nhìn đoạn đường phía trước thăm thẳm thấy ngán. Nhưng trên đường đi thấy dịch chỗ này hay, ráng tìm niềm vui chút chút, cuối cùng gần tới thì mừng dữ lắm. Chương này học gần xong mình cũng mừng. Có một thằng bé đi cắm trại về mẹ nó hỏi đi xa lắm không, nó trả lời: Dạ không biết sao kỳ, năm ngoái ông thầy William cũng dắt đi con đường đó mà nó xa ơi là xa năm nay cô giáo Catherine dắt đi lại không xa. Cổ nói: Mấy em chỉ cần đi có một cây số, ở đó có một con suối thật là đẹp. Khi đến con suối đó chơi xong cổ nói, mấy em chỉ cần đi bảy trăm mét thôi, có cái nhà thờ thiệt là đẹp. Tới nhà thờ, cổ nói, mấy em nghỉ năm mười phút, đi một cây số nữa thôi sẽ tới hồ nước thiệt là đẹp. Thế là trong ngày vừa đi vừa về trên mười cây số mà không thấy xa, vì con đường chia ra từng đoạn. Hạnh phúc ở đây cũng vậy, niềm khích lệ trong đời sống nhiều khi không là chỗ đến mà là trên đường đi. Tu học cũng vậy, phải tự tạo cho mình niềm cảm hứng.

Susima là tên một vị Thiên tử. Trong Chú giải nói rằng Đức Phật thỉnh thoảng Ngài làm những chuyện mà trí mình không thể hiểu được. Chúng ta thấy Ngài là Bậc đại giác, có lúc chúng ta thấy Ngài như rất bận rộn, có những chuyện chỉ một mình Ngài biết và một mình Ngài giải quyết. Có những lúc Ngài có thời gian. Nhưng chuyện này thì người phàm khó hiểu được Ngài. Một vị Đại giác sắp niết-bàn mà Ngài nhớ hết tất cả những chuyện lớn chuyện nhỏ phải giải quyết, Ngài giải quyết cho xong trước khi Ngài đi. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn có ghi rõ ngài bận tâm đến những chuyện mà mình không thể nào ngờ được. Chẳng hạn ngài dặn ngài Ananda: Sau khi ta viên tịch chúng tỳ kheo trong cách xưng hô nên nghiêm túc một chút, xưa nay các tỳ kheo không để ý chuyện đó, sau khi ta niết-bàn nên để ý chuyện đó, nhỏ nói với với lớn là bhante, lớn gọi nhỏ là āvuso chớ không gọi xô bồ nữa. Chúng ta có ai ngờ một vị Đại giác cặp mắt nhìn thấu ngàn đời, tấm lòng nghĩ suốt ba Cõi, biết bao nhiêu chuyện để bận tâm mà chuyện nhỏ nhặt, thấy cần thiết nhất thì Ngài không bỏ qua. Ngài dặn dò ngài Ānanda sau khi Ngài mất phải làm gì đối với tỳ kheo Channa. Tôi đọc mà rất là xúc động, một vị Đại giác, 80 tuổi rồi, những ngày cuối cùng, chuyện gì cần làm Ngài lo hết không sót một thứ gì. Nói theo ngoài đời, một ông cụ 80 tuổi mà ngài Ānanda đi hỏi:

-Bạch Thế Tôn sau khi Thế Tôn niết-bàn rồi chúng con phải đối xử ra sao với nữ giới?

- Đừng tiếp xúc họ.

- Nếu phải tiếp xúc thì chúng con phải làm sao?

- Đừng nhìn họ.

- Nếu kẹt quá phải nhìn họ thì chúng con phải làm sao?

- Đừng nói chuyện với họ.

- Nếu phải nói chuyện với họ thì chúng con phải làm sao?

- Phải giữ chánh niệm.

Đọc bài kinh này tôi rất xúc động, người hỏi đã tám mươi tuổi và người trả lời tám mươi tuổi, tưởng là chuyện nhỏ nhưng là chuyện quan trọng. Đọc kinh Đại Bát Niết Bàn sẽ thấy có nhiều điều độc đáo. Trong kinh kể, có nhiều khi Đức Thế Tôn dành cho một vị trưởng lão nào đó lời tán thán rất đặc biệt. Có lần Ngài đang ngồi với chư tăng ở chùa Kỳ Viên. Ngài hỏi:

-Này các tỳ kheo, các ngươi có thấy một vị tỳ kheo gầy ốm da xanh, mũi cao đi đến chỗ Như Lai hay không?

-Bạch Thế Tôn chúng con nhìn thấy

-Này các tỳ kheo, đó là tỳ kheo Mahākappina, đó là vị đại hiền trí, vị thầy của chúng tăng, ngay trong một thời pháp cho chư tỳ kheo, vị đó có thể độ cho cả ngàn vị chứng quả A-la-hán. Đó là một vị thầy, bạn đồng phạm hạnh mà các ngươi phải thân cận gần gũi để được vô lượng lợi ích.

Thỉnh thoảng Ngài nhắc đến vị này vị kia không phải vì tình riêng mà là những lời sách tấn cho chư tỳ kheo. Ngài biết những lần tán thán như vậy sẽ đem lại vô lượng lợi lạc cho chư tỳ kheo và xác định trật tự trong giáo hội. Tức là, sống trên đời phải có lúc ở dưới phải biết nhìn lên, trên biết nhìn xuống, ngoài biết nhìn vô trong biết nhìn ra. Đời sống như vậy mới là một con người hoàn chỉnh. Sống trong đời sống phải có người để mình thương mến, phải có người để mình tôn kính, phải có những cái để mình theo đuổi, phải có những cái để mình lìa bỏ, đời sống như vậy mới là đời sống hoàn chỉnh, còn đời sống chỉ có một chiều thì tệ lắm.

Trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất

“4) Như vậy là phải, này Ananda. Như vậy là phải, này Ananda. Này Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm lại có thể không hoan hỷ đối với Sàriputta?

Này Ananda, hiền trí là Sàriputta. Này Ananda, đại tuệlà Sàriputta. Này Ananda, quảng tuệ là Sàriputta. Này Ananda, hỷ tuệ là Sàriputta. Này Ananda, tiệp tuệ là Sàriputta. Này Ananda, lợi tuệlà Sàriputta. Này Ananda, quyết trạch tuệ là Sàriputta. Này Ananda, ít dục là Sàriputta. Này Ananda, biết đủ là Sàriputta. Này Ananda, viễn ly là Sàriputta. Này Ananda, bất cọng trúlà Sàriputta. Này Ananda, biện tài là Sàriputta. Này Ananda, nghe lời trung ngônlà Sariputta. Này Ananda, cáo tội trung thực là Sàriputta. Này Ananda, chỉ trích ác pháp là Sàriputta. Này Ananda, ai là người không ngu si, không ác tâm, không si ám, không loạn tâm, lại có thể không hoan hỷ đối với Sàriputta?

”

Trong bài kinh này Đức Phật hỏi ngài Ānanda: Ông có thương mến, hoan hỉ với Xá Lợi Phất không?

Ngài Ānanda trả lời: Bạch Thế Tôn, con nghĩ ai mà tệ đến mức không kính trọng một nhân cách như vậy. Đức Phật mới tán thán ngài Xá Lợi Phất là: tiệp tuệ, đại tuệ, quảng tuệ. Trong Chú giải giải thích rất kỹ. Đại tuệ: trí tuệ nhiều, trí tuệ lớn. Ngài có đầy đủ trí tuệ trong giới trong định, trong tuệ, trong giải thoát (đạo và quả), trong giải thoát tri kiến (trí phản khán). Ngài có khả năng xuất nhập các tầng thiền định như ý, có hiểu biết về Tứ Đế, về Tứ Niệm Xứ, về Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Năm Quyền, Năm Lực, Thất Giác Chi, Bát chánh đạo, Bốn Sa-môn quả, Lục thông, niết-bàn (paramatthaṃ nibbāna). Paramatthaṃ ở đây không phải là chân đế mà là “mục đích tối thượng”. Paramattha(chân đế) hiểu theo nghĩa của mình phải nói là tôi xin xác nhận rằng – tôi, người đang nói đây – chưa từng thấy trong chánh tạng. Còn nhiều chuyện động trời nữa, đó là chữ ‘pàrami’ (Ba-la-mật) là chữ cực kỳ hiếm thấy. Một vài chỗ, đó là một bài kinh Trung Bộ, có chữ “pārami vasippatto”: đạt đến chỗ tận cùng của Ba-la-mật. Tài liệu thứ hai là Cariyāpitaka, Hạnh Tạng trong Tiểu Bộ Kinh. Người nào có chút để ý sẽ thấy rằng cái sử tính của bộ kinh này rất là khả nghi. Tôi biết tôi nói cái này là cái nhóm bên Tích Lan rất là sốc, những vị đang nghiên cứu, họ tin những gì có trong Tam Tạng. Trong lớp học này, thỉnh thoảng tôi có nêu ra một vài quan điểm của tôi – dĩ nhiên là có cơ sở – nhưng tôi biết có nhiều người chịu không nổi. Chẳng hạn như tôi nói rằng Kinh Bổn Sanh đối với tôi thì tôi muốn để bụng

thôi. Bảy tám chục phần trăm, đối với tôi, đó là sáng tác văn học. Ngay cả Cariyāpitaka, không phải một mình tôi, tôi cũng đọc thấy trong những tài liệu của người Âu Mỹ, họ cũng nghi ngờ cái này. Đặc biệt trong Trung Bộ, Trường Bộ, Tăng Chi, Tương Ưng, Tạng Luật, 7 Bộ A-tỳ-đàm, (nói chung là trừ Tiểu Bộ) chớ hề thấy Đức Phật có một câu một chữ nào khích lệ kêu gọi tinh thần Bồ tát đạo. Không hề có. Coi kỹ lại trong kinh, nếu có thì Ngài kêu gọi tinh thần Thanh Văn, đọc trên mặt chữ thì có vẻ như Ngài kêu gọi mình làm theo lời Ngài và đắc quả. Nhưng có một điều, đọc kỹ sẽ thấy ra cái này, không có trường đại học nào trên thế giới dạy người ta thành ra nhà bác học đoạt giải Nobel mặc dù có những trường có số lượng người đoạt giải Nobel rất đông. Không có trường đại học nào đào tạo tỷ phú, nhưng người nào có đủ bản lãnh làm tỷ phú thì họ tốt nghiệp xong, họ làm việc và trở thành tỷ phú. Cha đẻ của Facebook dĩ nhiên cũng xuất thân từ đại học danh tiếng, theo tỉ lệ xác suất những người xuất thân từ trường lớn thì khả năng thành công lớn hơn người khác, nhưng không có nghĩa là trường đó chuyên đào tạo những người này, mà do khả năng của người đó cộng với môi trường.

Ở đây cũng vậy, Đức Phật nói chung chung như vậy thôi, 99,9% chúng sinh có khả năng làm Thanh văn thôi. Bằng chứng là trong kinh, nhiều khi trải qua mấy tỷ đại kiếp mà không có vị Chánh Đẳng Giác nào ra đời, điều đó cho thấy thành Phật không phải là chuyện dễ.

Nếu người đó có căn cơ, bản lãnh đủ sức thành Chánh Đẳng Chánh Giác trước mắt họ cũng vẫn phải đi theo chừng đó lời dạy của Ngài và có những thấm thía riêng tư sau đó. Không cần thiết phải dựng nên cái gọi là lý tưởng Bồ tát đạo, Đại thừa. Theo tôi nghĩ chuyện đó tuyệt đối không nên. Không nên bày cái gì mà Đức Phật không hề nói tới, còn chuyện lý tưởng Phật đạo thì hễ người có đủ bản lãnh thì vẫn những bài pháp đó thôi cũng đủ là hành trang để người ta theo đủ lý tưởng Bồ Tát, còn nếu người đó không đủ thì nói gì đi nữa cũng tới đó thôi, có kêu gọi họ làm Phật họ cũng không dám. Theo tôi biết có nhiều vị cũng ham làm Phật lắm, làm Chánh Đẳng Giác, Nhất thiết trí cũng ham chứ, nhưng khi bệnh hoạn hoặc gặp chuyện gì sốc nghĩ cũng ngán, hoặc giấc trưa đang ngồi nhìn con trùn con dế loi nhoi trong đống rác cũng ngán. Lăn lộn trong vòng luân hồi rồi có những kiếp sanh ra trong bối cảnh chiến tranh loạn lạc, chìm thuyền biển khơi, lạc trong sa mạc, bị tù đày, bị oan ức, vu oan giá họa, vô số kiếp như vậy ngán quá. Nhưng bữa nào trời quang mây tạnh gió hiu hiu, ngồi nhìn cây cối sông nước trăng sao tự nhiên cũng ham, cũng cảm hứng. Làm sao thì làm chứ thời

gian Ba-la-mật có hạn chế, đã niết-bàn rồi thì đâu có giới hạn thời gian nữa, tại sao không lấy cái hữu hạn đổi cái vô hạn?

Thời gian hành Ba-la-mật có lâu gì đi nữa thì cũng có lúc kết thúc chứ, tại sao lại sợ con đường Phật đạo. Nhưng khi tới lúc mình chán thì mình lại nghĩ khác, mình cực cho đã rồi số người mình độ được bao nhiêu?

Chỉ là một nắm cát trong sa mạc mà thôi thưa quý vị. Một vị Phật ra đời chỉ làm được chừng đó chuyện thôi. Thanh văn thì độ được vài hột, vị Chánh Đẳng Chánh Giác thì nhiều hơn cho là độ được một thúng cát đi. Một thúng đó có độ hay không độ thì trái đất vẫn quay và thế giới này vẫn không thay đổi gì hết. Nhưng có điều phải nghĩ lại, nếu ai cũng nghĩ vậy thì hôm nay làm gì có giáo pháp cho chúng sinh nương nhờ. Cuối cùng rồi thì sao?

Hãy để cho trái đất tiếp tục quay theo quỹ đạo của nó, hãy để cho trăng lên và mặt trời lặn, hãy để cho xuân hạ thu đông trôi đi, ai có khả năng làm danh mộc thì cứ làm danh mộc, ai chỉ có khả năng làm cỏ dại thì cứ làm cỏ dại. Không mắc mớ gì phải kêu gọi một lý tưởng ầm ĩ, lý tưởng Bồ tát đạo, nghe cho cao siêu mà cuối cùng đêm về trùm mền tắt đèn rồi sẽ thấy đó là một sự dối lòng ghê gớm. Tệ lắm!

‘māhapañña’:‘đại tuệ’

‘puthupañña’: ‘quảng tuệ’, ‘trí rộng’

‘Puthu’: ‘rộng’, ‘phổ cập’.

‘Puthujjana’: ‘phàm phu’ (hạng người đi đâu cũng gặp hết). Trong tiếng Hán có chữ ‘côn trùng’; ‘Côn’ nghĩa là ‘đông’. Côn trùng cũng là thứ sinh vật số lượng rất là lớn. Mèo, chó, bò, vịt, không loài nào đông như côn trùng hết. ‘Côn’ nghĩa là rất đông, loi nhoi, lít nhít. ‘Trùng’ là loài sinh vật nhỏ. Chữ “côn” ở đây cũng giống như chữ ‘puthu’.

‘Đại tuệ’ là trí trong Tam học, Bồ đề phần.

‘‘Quảng tuệ’ (Puthupañña) là trí trong Uẩn, Xứ, trong Duyên khởi, Tánh không, trong Bốn trí Vô ngại giải, trong Ngũ uẩn pháp thân, (Ngũ uẩn sắc thân là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ngũ uẩn pháp thân(sīlakkhandha) là giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát, giải thoát tri kiến uẩn), cộng thêm phần định nghĩa ở đại tuệ.

‘Quyết trạch tuệ’(Nibbedhikapaññā): trí sống, là sự thấm thía hết mình, sống trọn vẹn trong cái mình biết (theo Chú giải), hiểu đến mức mà có thể sống trọn vẹn với cái mình hiểu. Hiểu theo kiểu của phàm phu thì nói hiểu vậy thôi nhưng cái hiểu đó không thể đưa vào đời sống của mình, không thể đủ thay đổi con người của mình. , là sự thấm thía hết mình, sống trọn vẹn trong cái mình biết (theo Chú giải), hiểu đến mức mà có thể sống trọn vẹn với cái mình hiểu. Hiểu theo kiểu của phàm phu thì nói hiểu vậy thôi nhưng cái hiểu đó không thể đưa vào đời sống của mình, không thể đủ thay đổi con người của mình. Trí sống là sự thấm thía đã vô tới tủy của mình. Cái biết có thể làm thay đổi cuộc đời của mình, có những tác động tích cực, tác động điển hình, cụ thể lên con người, lên sinh phong của mình thì trí đó mới gọi là quyết trạch tuệ.

Hỷ tuệ (hāsapaññā): trí đủ để mở ra cho đương sự một thế giới sống độc lập, an lạc với cái mình biết. Trên đời này có ai sống mà không hướng đến niềm vui, cái gì trên đời này đủ cho mình một cái niềm vui thì cái đó mới đáng kể. Ví dụ một tay đam mê chơi bonsai, họ sẽ thích đến nỗi không thèm nhìn vợ con nhà cửa mà suốt ngày vùi đầu vào cây kiểng thì mới gọi là thích. Cây kiểng đủ làm cho họ vui, đủ để làm một thế giới cho họ sống. Hỷ tuệ là cái biết đủ để mở ra cho mình một thế giới sống an lạc thoải mái. Cái biết của chúng ta không đủ để mình sống trong đó. Đây là những khía cạnh rất quan trọng trong kinh, là gợi ý rất lớn cho chuyện học hiểu và tu tập của mình. Ngẫu nhiên để ý, tôi thấy nhiều người xem việc tu Tứ Niệm Xứ giống như công việc vậy, xong là họ mừng. Xong khóa tu một tuần hai tuần về họ coi như xong, họ có quyền phóng tâm, thất niệm. Thái độ đó là sai. Tứ Niệm Xứ không phải là món ăn hay công việc mà mình hoàn tất trong thời điểm nào đó là xong rồi thì thôi. Nếu thật sự tin Phật, thật sự có lòng cầu giải thoát thì Tứ Niệm Xứ giống như là chuyện đói ăn khát uống vậy đó. Chuyện ăn uống là chuyện kéo dài suốt đời của mình, Tứ Niệm Xứ cũng vậy, vốn không có thời khóa. Dĩ nhiên lâu lâu mình cũng đi dự các khóa thiền ở thiền viện, mình đi như vậy nhờ vào sức gia trì của đại chúng, nhờ thầy bạn chung quanh để tìm nguồn tác động tốt hơn nạp thêm năng lượng. Nhưng sau khi mình rời khỏi thiền viện, thiền sư, bè bạn thì về phải sống chánh niệm, cho đến khi mình chết thì thôi. Phải nói rằng, những cái mình biết về Phật pháp chưa đủ để mở ra một thế giới sống.

Ít dục: thiểu dục, tri túc.

Viễn ly: sống ở chỗ xa vắng.

Bất cộng trú: là không thích sự chung chạ.

Biện tài: khả năng ứng đối, chạm vào là bật ra.

Nghe lời trung ngôn: trung ngôn ở đây là người luôn biết lắng nghe, hạnh này rất là khó tu. Nghĩa là niềm khao khát đam mê trong pháp của ngài Xá Lợi Phất vô bờ bến. Ngài có thể ngồi nghe đệ tử 7 tuổi của ngài ngồi thuyết pháp. Ngài rất hoan hỉ trong pháp, không màng là ai nói và có nói gì về mình hay không, miễn là pháp thì nghe. Còn chúng ta thì chỉ nghe người nào mình thích và chỉ nghe điều nào mình muốn. Mình theo đuổi cái gì mình thích, còn người hiền trí theo đuổi cái gì họ thấy cần. Tu hành là phân biệt được cái gì mình cần và cái gì mình thích. Nếu hôm nay có người học trò sắp đi xa xin tôi một lời khuyên tu hành, tôi cũng chỉ nói như vậy thôi: Con đi con nhớ giùm một chữ: trong đời sống luôn luôn biết rõ cái gì mình thích và cái gì mình cần, nên dành bao nhiêu thời gian công sức cho cái mình thích, nên dành bao nhiêu thời gian công sức tiền bạc cho cái mình cần, bởi có những cái mình thích nhưng không cần, có cái mình cần nhưng không thích, có những cái vừa cần vừa thích và có những cái mình không thích mà cũng không cần. Điêu khắc gia Auguste Rodin nói: Bí quyết điêu khắc là đem về một khúc gỗ, một tảng đá một khúc đồng, bỏ đi những cái thừa là có được tác phẩm. (I choose a block of marble and chop off whatever I don't need)

Tiệp tuệ (javanapaññā) là trí nhanh: có những hiểu biết về 11 khía cạnh của năm uẩn. Ví dụ, quá khứ, hiện tại, vị lai, xa gần, thô tế, thắng liệt ngài Xá Lợi Phất nhìn là biết ngay, nhìn thấy được khía cạnh tam tướng của năm uẩn, ngài có thể nhìn thấy được khía cạnh duyên khởi trong các pháp, nhìn là thấy một cách dễ dàng. Trong Tiểu Bộ Kinh có câu này tán thán ngài Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất mà tôi rất thích: Tôn giả Xá Lợi Phất được xem là đệ nhất trí tuệ vì ở mỗi vấn đề tôn giả có thể trong nháy mắt nghĩ ra ngàn khía cạnh. Tôn giả Mục Kiền Liên được xem là đệ nhất thần thông vì chỉ trong nháy mắt tôn giả có thể biến hiện ngàn cách. ‘Ngàn’ chỉ là con số ước lệ. Nếu chúng ta có một chút thời gian tu học có thể thấy rằng, có người chỉ đưa họ chiếc lá me hay cái tăm xỉa răng, họ có thể nhìn đó mà nói không biết bao nhiêu chuyện, trong khi có những người cho họ cái đề tài rất dễ nói, thập thiện chẳng hạn, họ nói rất là khó khăn, vì đơn giản là cái thấy của họ không đủ sâu, không đủ rộng. Chuyện này tôi tin tuyệt đối ở ngài Xá Lợi Phất, một vấn đề ngài có thể nghĩ ra ngàn khía cạnh; và Mục Kiền Liên, trong một nháy mắt ngài có thể hóa hiện ngàn cách. Đó là thế giới của bậc thánh.

Lợi tuệ (tikkhapaññā) là trí bén. Trí bén là trí của tôn giả, khả năng sát trừ phiền não rất là bén nhạy. Mặc dù đã là vị A-la-hán nhưng xét trên khía cạnh bén nhạy của ngài, giả dụ như có thể cho ai mượn xài đỡ thì cái sự bén nhạy của ngài đủ cắt đứt phiền não một cách mau chóng.

Bài kinh này không có gì làm bà con phải nhức đầu, cái quan trọng là những điều tôi nói với bà con nãy giờ không có trong chánh kinh nhưng đó là những gợi ý rất quan trọng. Hẹn gặp lại bà con ngày thứ Năm. #NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng2

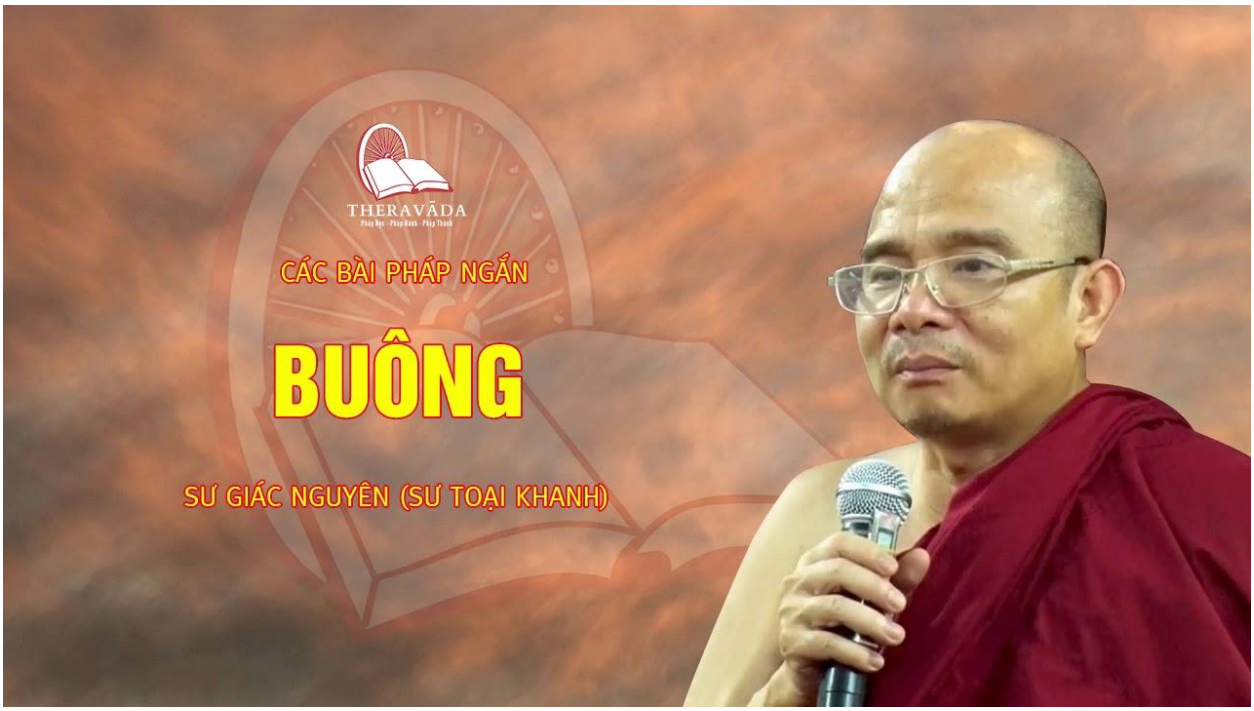
THERAVĀDA
CÁC BÀI PHÁP NGẮN
BUÔNG
SƯ GIÁC NGUYÊN (SƯ TOẠI KHANH)

Bài giảng ngày 21-8-2014 CÁC NGOẠI ĐẠO SƯ (Nānātitthiyasāvakasutta)

Trong kinh Tương Ưng mình đang học thỉnh thoảng cũng có những bài kinh tương tự thế này. Đôi khi Đức Thế Tôn có những cuộc thăm viếng. Ở đây các vị Thiên tử từ cõi Trời đi đến chùa Trúc Lâm để lễ Phật, gặp Phật, hầu Phật. Còn trong những bài kinh khác thì thỉnh thoảng Đức Thế Tôn thăm viếng các cảnh giới Phạm thiên hoặc các cõi Dục Thiên, ở đó Ngài cũng có cuộc gặp gỡ với nhiều vị đang sống ở đó. Chẳng hạn như có lần Ngài đến cõi Đao Lợi, hoặc cõi Phạm Thiên, có những vị đến hầu ngài và họ xác nhận rằng: Con là đệ tử của ai, của ai… nhất là cõi Phạm thiên. Chúng sanh ở Phạm Thiên sống lâu nhiều kiếp trái đất, họ nói con là đệ tử của Đức Phật Vipassī, con là đệ tử của Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni (Koṇāgamana), con là đệ tử Phật Ca Diếp và có những vị xác nhận con chính là đệ tử của Thế Tôn. Chuyện đó xảy ra nhiều lần trong đời Đức Phật, khi Ngài có những cuộc thăm viếng. Chữ "thăm viếng"của Đức Phật không có nghĩa giống như chúng ta, chúng ta có thể vì thích vì tình riêng mà đi, còn Đức Phật thì đi vì duyên sự độ sinh. Biết sự có mặt của Ngài ở nơi chốn nào đó mà mang lợi lạc cho người ta Ngài mới đi.

Trong bài kinh này, các vị Thiên tử hầu hết là những vị du sĩ ngoại đạo, đệ tử của du sĩ ngoại đạo đến hầu Phật. Vì sao du sĩ ngoại đạo lại sanh thiên?

Theo quan điểm tôn giáo, chính trị xã hội nào đi nữa mà nếu như chúng ta sống thiện, hành thiện, yêu điều thiện, ghét điều ác thì một cách rất là tự nhiên, sau khi mạng chung mình vẫn đi về cảnh giới tương xứng với con người của mình. Còn chuyện về lâu về dài của hành trình giải thoát thì ai có trí tuệ nhiều, ai có chánh kiến thì dĩ nhiên tốt nhất, còn trong cuộc sinh tử luân hồi, ai làm tròn yêu cầu, có nhiều phước báu, công đức, thì bớt được thời gian làm bậy, giống như tủ quần áo đựng đồ cũ nhiều quá thì không có chỗ cho đồ mới còn đựng đồ mới nhiều quá thì không có chỗ cho đồ cũ đồ rách. Những vị này là ngoại đạo nhưng họ cũng có thể sanh thiên. Trong số đến hầu Phật có một vị tên là Mānava Gāmiya, trước khi về trời thì ông là đệ tử của Đức Phật. Ở đây không có gì cần giải thích, trong chú giải thì mênh mông hà xứ nhưng cũng không có gì đặc biệt.

Tâm bị ám (nhập)

Ở đây, có những vị tán thán Đức Phật. Có một vị Thiên tử tên là Vetambarī bị Ác ma 'nhập', HT Minh Châu dịch theo ngôn ngữ tiếng VN của mình, 'nhập' là 'dựa

vào'. Hiểu theo A-tỳ-đàm là 'nhập' ở đây có nghĩa là người ta dùng thần thông tác động vào tâm của mình. Có một số điểm lưu ý ở đây:

Đức Phật hoằng pháp 45 năm, Đản Sinh ngày rằm tháng Tư, Thành Đạo cũng rằm tháng Tư, 45 năm sau, niết-bàn cũng rằm tháng Tư. Rằm tháng Giêng, ba tháng trước khi Ngài tròn 80 tuổi, Ác Ma Thiên tử xuống thỉnh Đức Phật viên tịch Niết-bàn, Ngài đã nhận lời. Trước khi Ác Ma Thiên tử xuống, Đức Phật có nhiều lần gợi ý ngài Ānanda một chuyện, đó là, người như Ngài, nếu muốn có thể sống thêm ít lâu. Trong kinh nói là Ác Ma Thiên tử dùng thần thông tác động cái tâm ngài Ānanda làm cho ngài nghe Đức Phật nói vậy mà ngài không hiểu. Suốt nhiều lần như vậy. Tâm bị ám: pariyuṭṭhāti.

Một lát nữa mình sẽ học về một vị vua tên là Ba-Tư-Nặc (Pasenadi Kosala), ông vua này có một bà hoàng hậu rất thương. Ông tới hỏi Đức Phật một số vấn đề, khi duyên chưa tới, chưa đến lúc cần trả lời thì Đức Phật dùng thần thông tác động cho ông quên chuyện đó đi. Kinh điển Nam Tông định nghĩa rõ chữ 'nhập' ở đây là vậy đó, dùng thần thông tác động lên hệ thần kinh của người ta. Đối với nhân loại thì tạo cho họ một âm thanh một hình ảnh nào đó hướng dẫn suy nghĩ của họ về hướng khác, còn chư thiên không có hệ thần kinh giống như mình thì cũng dùng thần thông tạo âm thanh hình ảnh để cho họ phóng tâm. Ở đây, các vị Thiên tử đến hầu Phật, mỗi vị nói lên cảm nghĩ của mình, riêng một vị Thiên tử tên là Vetambarī bị Ác Ma dùng thần thông tác động lên tâm của ông để ông nói lên một điều trớt quớt, đi ngược tinh thần Phật pháp. Đại ý của các bài kệ này, theo Chú giải thì tuy đệ tử các ngoại đạo khi sanh về trời, họ có điều kiện để nghe pháp, có điều kiện tiếp xúc bậc hiền trí nhiều hơn cõi Người, do đó khi họ xuống hầu Phật, họ phát biểu rất là PG, dù họ là ngoại đạo. Ở cõi Người, cơ hội đi lại học hỏi không nhiều, và trong cái không nhiều đó, A khác B. Ví dụ trong thời đại này, người trong nước không có điều kiện nghiên cứu học hỏi hoặc tiếp cận các nguồn tài liệu phong phú như người ở hải ngoại.

Nội dung bài kệ này cũng là vấn đề tu tập nhưng ở đây có những khía cạnh mà tôi bận tâm:

-Định nghĩa thế nào là chữ "nhập".

-Dầu cho mình đi theo tôn giáo nào đi nữa mà có lòng hướng thiện và hướng thượng thì cuối cùng trăm sông cũng đổ về biển cả, cũng trở về con đường giải thoát.

-Dầu mình là ai đi nữa nhưng nếu sống trong môi trường có điều kiện đi lại và học tập thì hy vọng của mình vẫn tốt.

Trong kinh nói trên cõi Trời mỗi nửa tháng là có một buổi pháp hội do các vị Phạm Thiên hoặc Thiên tử có khả năng thuyết giảng y như dưới cõi này. Khi sinh làm người, lòng mình rộng rãi (không nói riêng về vật chất; ở đây nói về người không cố chấp, người có tâm hồn thoải mái không tự đóng khung làm khó mình bằng những quan điểm cố chấp) thì mình có nhiều cơ hội học hỏi và mai mốt đi về cảnh giới nào cũng có cơ hội học hỏi nhiều hơn người khác. Tôi có điều kiện tiếp xúc với nhiều người mà nhìn họ tôi ngộp thở không được, tôi thấy những quan điểm về gia đình, xã hội, chính trị, văn hóa có vẻ tự bế, tôi sợ, họ khư khư không có cởi mở. Mọi học thuyết trên đời này chỉ là những giải pháp tạm thời, mọi công thức mọi nguyên tắc cũng chỉ là giải pháp tạm thời. Không có gì bậy cho bằng ôm khư khư một vài công thức của tôn giáo chính trị và thờ phụng coi như nó là chân lý đời đời bất diệt rồi sống chìm sâu trong đó trong khi cuộc đời thì không ngừng thay đổi. Vào thời điểm đó, học thuyết đó, chủ nghĩa đó xài được, nhưng vào thời điểm khác thì không như vậy. Bài kinh này mở ra cho mình nhiều vấn đề để lưu ý. Bài kinh này chủ yếu là tán thán, có vị nói rằng trong tất cả thiên hạ trên đời này không ai bằng sư phụ của mình, có vị nói không ai bằng Đức Phật trong tất cả thiên hạ trên đời này.

CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA

I. PHẨM THỨ NHẤT

TUỔI TRẺ (Daharasutta)

Bài kinh này được thuyết giảng vào năm Đức Thế Tôn 42 tuổi, sau khi thành đạo bảy năm. Chúng ta biết rằng, tính ra theo huyết thống thì vua Pasenadi Kosala là bà con bên ngoại của thái tử Tất Đạt. Chúng ta cũng biết mảnh đất hôm nay chúng ta gọi là Ấn Độ, thời Phật gọi là Jambudīpa (Diêm Phù Đề) gồm 16 vương quốc. Trong đó, xứ Kosala (Kiều-Tát-La) là xứ giàu có lớn mạnh nhất, như Mỹ so với các quốc gia khác bây giờ vậy. Dòng Thích Ca không có chịu cưới hỏi với ai ngoài dòng Thích Ca, tuy nhiên họ có thể cưới hỏi đối với con cháu của vua Kosala vì trong dòng họ với nhau. Ngày xưa có một ông đạo sĩ tên Kapila, ông này là Bồ tát tiền thân của Đức Phật. Ông đạo sĩ tu trong rừng, nhìn thấy một miếng đất khi con thú lớn rượt thú nhỏ tới đó thì không hứng thú rượt nữa, và con thú nhỏ cũng không sợ nữa, cứ nhởn nhơ vui chơi. Ông biết đây là vùng đất lành nên cất am ở đó.

Một ông vua tên là Okkāka, vua này có nhiều cung phi mỹ nữ, một lần trong lúc vui, ông có hứa với một cung phi rằng sau này sẽ cho con cô này lên làm vua. Quân bất hý ngôn. Sau này vua hối hận thì đã muộn. Vua có 9 đứa con, 5 gái 4 trai, vua gọi hết lại và nói thiệt: Phụ vương lỡ hứa, ngai vàng giờ thuộc về con của bà vương phi đó, thôi các con tự xoay sở lấy, vương quốc này đã có chủ rồi. Chín người con (trong đó có một người chị cả) dắt nhau đi. Chuyện này ngày nay mình không tin, nhưng ngày xưa ở Ấn Độ là chuyện bình thường. Giống như bên Tàu, lịch sử Tàu có năm ngàn năm văn hiến và đến đời vua Thuấn, vua Nghiêu thì không truyền ngôi cho con mà truyền cho người dưng, truyền bằng sự tự nguyện, người hiền truyền cho người hiền chớ không phải vì đảo chính ép buộc. Về sau thì rất tệ, Thái Tổ lập lên hoàng triều tài ba đức hạnh mà truyền lại cho con cháu toàn thứ bất tài vô tướng vô đức vô năng. Thuấn, Nghiêu thì không làm như vậy, hai vị này chủ trương người hiền truyền cho người hiền dù là người dưng nước lã nhưng có khả năng điều hành đất nước.

Chín chị em dắt nhau đi, ngang vùng đất của đạo sĩ Kapila, đạo sĩ hỏi đi đâu, họ trả lời đi lập ấp khai nghiệp. Đạo sĩ nói đất này tốt và nói họ ở lại. Để lưu niệm, họ đặt vùng đất này là Kapilavattu (Ca-Tỳ-La-Vệ). Sau đó bốn đôi anh em lấy nhau sanh con đẻ cái. Riêng người chị cả vẫn đơn độc, sau này lấy vua xứ Kosala. Do vậy, dòng Thích Ca (Sakya) ở Ca Tỳ La Vệ kết hôn trong dòng họ và có thể kết hôn với dòng Koliya ở Kosala được.

Đức Phật bao nhiêu tuổi thì vua Ba-Tư-Nặc bấy nhiêu tuổi khi ổng về già 80 tuổi thì Đức Thế Tôn cũng 80 tuổi. Vua rất thương Đức Phật, trong kinh nói ông là một vị vua hùng cường nhất Ấn Độ thời bấy giờ. Ông cho thám tử (cārika) theo dõi Đức Phật suốt bảy năm trời. Lúc Ngài ở chung với đệ tử giữa đám đông thì Ngài làm sao, lúc ở một mình Ngài làm sao, đi bát một mình làm sao v.v... nói chung là không sót bất cứ chi tiết nào. Bảy năm trời như vậy. Về sau khi đã trở thành đệ tử của Đức Phật ông mới xác nhận chuyện đó. Suốt bảy năm thám tử về nói với vua, Thế Tôn là con người nói sao làm vậy làm sao nói vậy, Thế Tôn giữa đám đông một ngàn người như thế nào thì ở một mình Thế Tôn cũng như vậy, không nhiều hơn không ít hơn, không khác. Thế Tôn vẫn đi đứng nằm ngồi trang nghiêm từ tốn điềm đạm bình thản. Bảy năm sau vua đến gặp Đức Phật, đó là bài kinh này. Ông đến nhưng không đảnh lễ Phật, nhưng sau này gặp Phật thì ổng dùng môi hôn (cumbati = kiss)chân Phật. Khi đến, ổng vẫn còn lòng nghi hoặc, ổng hỏi: Ngài còn trẻ vậy mà sao lại là Vô Thượng Đạo Sư, Vô Thượng Chánh Đẳng Giác được. Ổng hỏi Ngài có phải vậy hay không. Đức Phật xác nhận điều đó. Nếu nói theo phàm phu chúng ta thấy câu trả lời của Đức Phật có vẻ hơi kiêu

ngạo. Đối với vị Chánh Đẳng Giác trong trường hợp đó phải xác nhận sự thật. Khi ấy vua Ba-Tư-Nặc hỏi tiếp: Người ta niên cao lạp trưởng sống đời biết bao nhiêu năm, bao nhiêu kinh nghiệm mới là đạo sư giáo chủ, còn ngài trẻ quá làm sao lại là vị Vô Thượng Chánh Giác Đạo Sư Giáo Chủ được. . Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Giác nói riêng và tất cả chư Phật nói chung không hề có chuyện rút kinh nghiệm sau ngày thành đạo. Đây là câu vô cùng quan trọng. Bởi vì các ngài là Sabbaññu - Nhất Thiết Trí, Anavarana nana -Vô ngại Trí, Samma sambuddho-Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngay khi thành đạo, kể từ đó cho đến lúc Niết-bàn thì không hề có chuyện rút kinh nghiệm. Khi đã thành vị Chánh Đẳng Giác thì cái gì cũng biết, năm Ngài 35 tuổi đến 80 tuổi vẫn y nguyên như vậy. Lúc bấy giờ, vua hỏi sao ngài còn trẻ, bằng tuổi ông sao có thể là bậc Chánh Đẳng Giác, ông lấy ông để suy ra Ngài, cũng dòng dõi vua chúa, cũng được ăn học như ông, nếu có giỏi thì hơn ông chút xíu, chứ sao có thể là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác được. Chúng ta cũng thường có bịnh nặng đó lắm, đánh giá người ta từ góc độ của mình. Ví dụ như mình làm chuyện đó không được mình tưởng người ta làm cũng không được, chuyện này thường lắm. Thật ra ngay cả mình là thiên tài ở lĩnh vực nào đó thì cũng có nhiều người khác giỏi hơn mình chứ, người cỡ như mình không phải là hiếm mà chỉ là mình thích trùm mền tự mãn chứ thiên hạ đủ hạng đủ lớp đủ kích cỡ, chiều cao hết. Nghe Vua Ba Tư Nặc hỏi vậy, Đức Phật nói có bốn thứ trên đời này không nên coi thường.

Bốn thứ trên đời không nên coi thường

1- Ông hoàng tử nhỏ dầu nhỏ cũng là hoàng tử, mai này lớn lên thì đâu còn là hoàng tử nhỏ nữa. Vua Phổ Nghi, ông vua cuối cùng của Trung Quốc, lúc tám tuổi nghe thái giám nói: Ngài đừng chơi nhiều, đừng nói đùa vì mỗi câu nói của ngài là cả đất nước TQ này lắng nghe và ảnh hưởng đến người khác. Vua hỏi: Ảnh hưởng là sao?

Thái giám nói: Ngài giống như sắp lên làm vua nên nói gì ai cũng nghe. Vua nói: Vậy ta bảo ngươi ăn đất ngươi có ăn không?

Thái giám mọp xuống và ăn đất trước mặt vua Phổ Nghi. Vì vậy, con vua là ông vua con, không nên coi thường, mai này trở thành vị hoàng đế không chừng.

2- Con rắn nhỏ. Nếu đó là loại rắn độc thì nó độc ngay từ lúc còn nhỏ, nó cắn mình cũng chết. Nếu nọc độc nó phát triển chưa tới nơi tới chốn thì mai này chắc chắn nó sẽ phát triển đầy đủ. Có những con rắn suốt đời nó vẫn nhỏ xíu nhưng nó cắn là độc tính đủ chết người

3- Đốm lửa nhỏ. Một cây thông có thể làm nên một triệu que diêm nhưng một que diêm có thể đốt cháy mấy triệu cây thông. Những vụ cháy rừng trên thế giới, phần lớn là do đốm lửa nhỏ mà ra, tàn thuốc lá ném bừa bãi, người đi trại đốt lửa nấu ăn rồi dập không kỹ. Bên Mỹ có chùa Thái Lan, bị cháy rụi, cảnh sát, bảo hiểm điều tra ra là do cây nến bị lật, cháy lên thảm, thảm lan lên vách rồi bốc lên mái mà không có ai ở đó nên cháy rụi.

4- Không coi thường vị tu sĩ trẻ tuổi. Cư sĩ với nhau thì dễ ước lượng đời sống của nhau. Riêng tu sĩ thì họ chọn con đường đi không giống mình rồi. Họ là tu sĩ nên có thời gian để cái đầu họ làm việc nhiều hơn mình về một số lĩnh vực. Đời sống tu sĩ sẽ cho họ có điều kiện suy tư mà người cư sĩ không có. Cư sĩ không có thời gian ngồi suy tư thấm thía như tu sĩ. Tôi được tiếp xúc vài người bên châu Âu, họ nói với tôi, khi học ở trường để lấy bằng thì học 10 nhưng khi đi làm sử dụng chỉ có 2, còn 8 thì mòn dần theo năm tháng. Từ từ, chính mình bị chết trong bằng cấp, tự cho mình là trí thức, trong khi những kiến thức này càng lúc càng mòn dần khi mình chỉ biết có cơm áo gạo tiền. Riêng Sa-môn thì ngay việc họ chọn con đường đi đã khác người và có điều kiện để thấm thía thực hiện những điều mà người cư sĩ không có thời gian. Người cư sĩ thì đốt phần lớn thời gian cho mái ấm gia đình (dù đôi khi mái ấm này rất lạnh)

Vua nghe Đức Phật giải thích bốn điều trên liền phát tâm hoan hỉ và xin được trở thành Phật tử, quy y trước Phật. Theo trong kinh, năm Thế Tôn 80 tuổi thì vua Ba Tư Nặc cũng 80 tuổi. Vào một buổi chiều "mùa thu lá bay" rất là buồn, vua đã già, ông đến thăm Phật ở ngoài cổng thành. Ông không hề biết rằng khi ông ra khỏi hoàng cung thì trong hoàng cung có một cuộc đảo chánh, người ta đưa người khác lên ngôi. Khi ông quay trở ra để về hoàng cung, thì cổng thành đóng cửa. Người ta không mở của cho ông và nói ông không còn là vua nữa, đã có hoàng thượng mới. Những người theo hầu ông nghe vậy cũng bỏ đi hết, chỉ còn một cung nữ không đành rời đi ráng ở chăm sóc ông chờ tới sáng. Vua đã già nên đêm đó ở ngoài trời bị bệnh và chết, nhờ công đức tu hành nên chết sanh thiên về Đâu Suất. May là có công đức tu hành, một thời lừng lẫy mà chết như vậy đó. Ông Gaddafi của Libya, Saddam Hussein của Iraq, cuối đời chết mình mẩy máu me nhìn thấy ớn. Lúc mình đang đương thời thì thấy cả thế giới nằm trong tay mình, lúc bị xuống rồi thì nhìn không ra. Dù sao cuộc đời của vua Ba Tư Nặc lúc cuối cùng cũng còn ấm cúng vì còn cô cung nữ bên cạnh. Với có lớp học này bà con có thể biết thêm một số chuyện mà bà con không tự biết được. Vua Ba Tư Nặc được sanh thiên rồi sau đó luân hồi trở xuống suốt một a-tăng-kỳ, còn một a-tăng-kỳ nữa sẽ thành Phật. Ông đã đi 99% con đường rồi. Không biết ổng hạnh

gì, nếu hạnh trí tuệ là hạnh nhanh nhất thì ông đã đi được 19 a-tăng-kỳ rồi còn sót lại một thôi, nếu ông tu hạnh tinh tấn thì ông đã đi được 79 a-tăng-kỳ rồi, chỉ còn sót lại một, còn nếu ông tu hạnh đức tin thì đã đi hết 39 a-tăng-kỳ rồi, còn lại 1 a-tăng-kỳ. Dĩ nhiên hiện giờ thì tôi cũng đang trên một xứ sở rất thoải mái, nhưng nhiều khi tôi nghĩ nếu tiếp tục như vầy hoài thì sao, nói chi là những người đang ở chỗ buồn chán, cứ lặp đi lặp lại: sinh hoạt, ăn, rồi ngủ, cứ kéo dài hoài. Có chuyện quan trọng tôi nói hoài là hãy thường xuyên quán tưởng để một ngày mình ra đi trong sự nhàm chán tốt hơn là ra đi trong sự sợ hãi và tiếc nuối. A Xà Thế và Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật Độc giác, còn riêng vua Ba Tư Nặc sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác.

Đúc kết bài kinh này là trên đời không có chuyện gì là nhỏ, và đừng có coi thường bất cứ cái gì. Tất cả mọi sự ở đời này có thể là điểm bắt đầu cho sự cố sự kiện ghê gớm khủng khiếp nào đó. Đọc cuộc đời của Hitler mới thấy hết hồn, có ai ngờ một chàng họa sĩ vô danh, có ai ngờ một anh chàng tù nhân vô danh, có ai ngờ một anh thợ sơn vô danh về sau này trở thành một ông trùm của Đức Quốc xã Hitler. Lúc đầu, có người gọi ông là một painter. Tôi gọi ông là họa sĩ vô danh bởi vì ông có những bức tranh rất là đẹp. Tranh của ông màu rất buồn, ảm đạm, theo tâm lý học thì điều đó phản ánh con người, phản ánh đời sống tâm tư của ông.

Trên đời này không có gì là nhỏ, không có gì không thể là điểm bắt đầu cho một chuyện lớn. Tôi lấy làm ngậm ngùi là tại sao đời này có những người có mắt như mù, khi ngồi kế thái sơn mà không biết. Luân hồi là một sự hoang phí.

Ở Huế có tảng đá nằm ở đàn Nam Giao, rất là đặc biệt, là nơi vua tế trời, đứng ở đây mà nói thì âm thanh dội lại như có loa. Sau 1975, ông bí thư tỉnh ủy của Bình Trị Thiên cho người đập tan nát cục đá rồi xây nghĩa trang liệt sĩ. Có một người Pháp sau này trở lại thăm Huế, nói rằng, người VN rất hoang phí, nếu bán tảng đá đó cho nước ngoài thì người ta có thể trả cho một số tiền đủ để tái thiết thành phố Huế. Nhưng mà mình thì bỏ đi, vì mình không biết cái giá trị của nó giống như mình không biết giá trị một ông hoàng nhỏ, một ngọn lửa, một con rắn, một tu sĩ trẻ. Tiếp theo là bài kinh Người.

NGƯỜI (Purisasutta)

Bài kinh này bà con có thể hiểu được, trong Chú giải cũng không nói gì đặc biệt. Vua Pasenadi lúc này đã là một Phật tử thuần thành rồi, ông hỏi Đức Phật: Trong đầu một con người mỗi ngày có biết bao nhiêu là suy nghĩ, biết bao nhiêu là tư

tưởng, và đủ kiểu đủ cách suy nghĩ, tư tưởng hết. Con muốn biết trong đầu mình suy nghĩ cái gì thì đem lại sự lợi ích an lạc hạnh phúc và suy nghĩ cái gì làm cho mình đau khổ, bất lợi tai họa. Trong đầu mình lúc nào cũng đầy ắp. Trong đống lăng xăng đó, cái gì thật sự có lợi cái gì thật sự có hại cho mình. Tôi nghĩ đây là một câu hỏi rất thông minh, rất quan trọng, hiếm khi nào Phật tử đi chùa có người hỏi câu đi ra từ tim của họ như thế. Vì mình không có thời gian trầm tư. Trong kinh có một chữ rất quan trọng đó là chữ gambhirapakatita: thói quen trầm tư. Phật tử Nam Tông bắt buộc phải biết chữ này. Như trường hợp Thái Tử Tất Đạt, với chúng ta thì chuyện nhìn thấy người già, có gì đâu lạ, năm bảy tuổi mình đã thấy người già, người bịnh, thấy đám ma rồi, nhưng ngài thì bị vua cha bưng bít thông tin, chỉ được cung cấp thông tin một chiều. Suốt 29 năm ngài bị bưng bít thông tin, không biết trên đời này có người già người bịnh người chết. Giống như dân Bắc Triều Tiên bây giờ vậy đó, họ không hề biết cái gì ngoài cha con Kim Yong-il, họ không biết cái gì ngoài Đảng CS Triều Tiên. Lần đầu tiên 29 tuổi, ngài nhìn thấy một người già, một người bịnh, một xác chết, một tu sĩ, lập tức ngài có những suy tư đủ làm thay đổi cả cuộc đời của ngài.

Trong một ngày, chúng ta rất cần có những giây phút để trầm tư, từ đó thấy được cái gì có lợi có hại cho mình. Tại sao trên mâm ăn mình biết ăn cái này bị cao máu, cái này bị dư cholesterol, dư đường, chúng ta ăn uống có lựa chọn, tại sao những thứ mình nhét vô đầu thì không biết lựa chọn và vô cùng dễ dãi?

Đối với những vấn đề chính trị, văn hóa tôn giáo, chúng ta rất dễ dãi, trong khi đó lại coi nặng đời sống vật chất. Có chuyện chúng ta không thể nào không biết trừ phi chúng ta là một đứa bé một người khùng người say rượu hay một người lú lẫn đó là: Trong một ngày, chúng ta rất cần có những giây phút để trầm tư, từ đó thấy được cái gì có lợi có hại cho mình. Tại sao trên mâm ăn mình biết ăn cái này bị cao máu, cái này bị dư cholesterol, dư đường, chúng ta ăn uống có lựa chọn, tại sao những thứ mình nhét vô đầu thì không biết lựa chọn và vô cùng dễ dãi?

Đối với những vấn đề chính trị, văn hóa tôn giáo, chúng ta rất dễ dãi, trong khi đó lại coi nặng đời sống vật chất. Có chuyện chúng ta không thể nào không biết trừ phi chúng ta là một đứa bé một người khùng người say rượu hay một người lú lẫn đó là: Đời sống tinh thần giữ phần quyết định trong cuộc đời của một con người, khổ thay chuyện này ai cũng biết vậy mà trong đời sống không được người ta coi trọng. Chúng ta cứ nghĩ đồng tiền quyết định tất cả, quí vị có quyền nghĩ vậy, nhưng xin hỏi quí vị một câu: khi một người chồng một người vợ bị phản bội, trong cơn đau đó họ có còn đầu óc nghĩ được chuyện khác hay không?

Có nhiều loại mất mát: mất mát về đức hạnh (giới), mất mát về tình thân (tình cảm quyến thuộc), mất mát về tài sản, mất mát về sức khỏe. Sức khỏe có vấn đề là một sự mất mát; tài sản hao hụt cũng là sự mất mát; tình thân gia đạo có vấn đề cũng là một sự mất mát; quan điểm tinh thần, suy nghĩ về chính trị văn hóa tôn giáo nói chung có vấn đề cũng là sự mất mát, về mặt đức hạnh có trục trặc gì đó cũng là một sự mất mát, ví dụ như có lúc nào đó mình nghĩ về quãng đời trác táng trụy lạc của mình, lòng mình không có yên. Trong năm mất mát trong đời sống có cả tinh thần lẫn vật chất, những cái này chỉ có bốn hạng người vừa kể (trẻ con, người khùng, người say, lú lẫn) là không biết. Mình đâu phải là một trong bốn hạng này, vậy mà cái mình coi nặng vẫn là tiền bạc. Bình tĩnh mà ngồi nghĩ lại coi mình có vấn đề hay không, mình không nằm trong bốn hạng người đó mà kiểu sống của mình đã thuộc về nhóm người đó rồi. Chính vì vậy mà vua Ba Tư Nặc hỏi đời sống nội tâm như thế nào là an lạc là hạnh phúc và đời sống nội tâm như thế nào làm cho người ta khổ. Ông nói con người ta thường chỉ biết về vật chất có ai ngờ đời sống tinh thần quan trọng như vậy. Đức Phật dạy: Này đại vương, một nội tâm mà tham nhiều quá, sân nhiều quá, si nhiều quá thì nội tâm đó chỉ đau khổ thôi. Tôi cố ý đi một vòng cho rộng cho lớn để xác định điều cuối cùng cốt lõi của bài kinh là như vậy. Một đời sống nội tâm mà quá nhiều phiền não thì chỉ làm đương sự bị khổ, khi mình giận ai thì người ta đâu biết đâu, chính mình đốt lửa vô tay mình, chính mình cầm đá đập chân mình. Khi mình tham, chìm đắm thích thú trong cái gì đó, mình thích 100 mình chỉ được 1, 2 thôi. Tôi không cần biết quí vị đang thích đang mơ cái gì nhưng tôi biết chắc chắn một điều những gì quí vị được toại nguyện so với những gì các vị thấy thích thấy ham thấy mê rất là ít. Tôi ghét mấy người không có thói quen suy tư, họ nói "tôi không thích gì hết". Họ nói họ không thích xe, đi xe gì cũng được, sau này phát hiện ra là họ kẹo. Có nhiều người bẩm sinh thích đếm tiền và sợ xài tiền, có người nhát không dám chạy xa lộ nên họ không mặn mà chuyện mua xe. Có người thì cứ đưa tiền cho vợ mà lâu ngày không nhớ ra mình sợ vợ. Có người không phân biệt được cái bỏn xẻn không phải là tri túc, cái hoang phí không phải là rộng rãi. Tri túc giản dị không giống keo kiệt bỏn xẻn.

Rộng rãi có bốn loại:

- Rộng với người mà hẹp với mình

- Rộng với mình mà hẹp với người

- Hẹp với mình và hẹp với người

- Rộng với mình và rộng với người

Mình phải coi kỹ thật sự con người mình ra làm sao để kịp thời sửa, nhiều khi mình cứ tưởng là mình thần thánh, khi đó làm sao mình sửa được. Quan trọng nhất trong bài kinh này là vua Pasenadi hỏi Đức Phật một ngày trong đầu có đủ thứ hết, mình suy nghĩ cái gì để hạnh phúc và suy nghĩ cái gì sẽ làm cho mình đau khổ. Đây là câu hỏi mà tôi cho là rất quan trọng. Giàu có hay nghèo hèn cách mấy phải nhớ bài kinh này, sống mà phiền não nhiều quá thì không có an lạc được.

VUA (Jarāmaraṇasutta)

Bài kinh này rất đơn giản, không có gì không hiểu. Vua Pasenadi hỏi Đức Phật, cái gì có sanh mà không già không chết không cũ kỹ, không hư mất. Đức Phật trả lời, không có, cho dù mình là hạng gì đi nữa. Nhìn bài kinh này tôi nhớ câu chuyện ông vua Tề Hoàn Công một ngày nọ đi chơi núi, vua đứng nhìn cảnh đẹp cẩm tú của giang sơn đất nước mà ứa nước mắt. Quần thần hỏi lý do, vua nói, đất nước này đẹp thế mà một ngày nào đó phải ra đi. Quần thần cũng ủ rủ khóc theo, bệ hạ đi thì chúng thần cũng đâu còn. Quản Trọng đứng kế bên cười, vua giận hỏi lý do. Quản Trọng đáp: Nếu không ai chịu chết hết thì ông vua đời trước cũng còn ở đây, thì vị trí của bệ hạ ở đâu. Đời sống phải là sự đắp đổi, thằng Tèo đi thằng Tý mới tới chứ.

Cái chết là cần thiết

Khi nghe vua Pasenadi hỏi câu trên, Đức Phật nói hễ có mặt trên đời này thì mọi sự phải chấp nhận số phận giống nhau: cũ kỹ và hư mất. Nếu là con người thì đã sanh ra phải có lúc già lão chết đi cho dù mình là ai đi nữa. Tùy góc độ mình có thể nói đây là một sự thật phũ phàng hoặc là nói đây là một sự thay đổi rất cần thiết. Rất cần thiết là vì thế hệ trước không đi thì thế hệ sau không cách nào có mặt được. Anh ở hết thời anh phải đi cho tôi ra chớ. Quí vị nghĩ nếu mình cứ tiếp tục sống một tỷ năm nữa trong điều kiện hình hài này thì có nên không?

Không, có cũ có mới có vui! Tôi cũng sợ chết chứ, nhưng nhìn cái thân tôi, tôi nghĩ sao nó xấu dữ thần, nếu mình chết quay trở lại cao ráo da dẻ ngon lành hơn vẫn tốt hơn chớ, ngay bây giờ nhìn thấy không khoái rồi, nếu tôi lết thêm vài chục năm nữa thì tan hoang sự nghiệp cỡ nào nữa. Tôi nghĩ cái chết là sự thay đổi cần thiết. Có nghĩ như vậy thì thái độ của mình đối với cái chết mới thay đổi. Tôi nói nhiều lần, tôi muốn chết trong sự nhàm chán chớ không muốn chết trong sự

sợ hãi và tiếc nuối. Tôi không muốn chết mà cứ sợ, chết mà lòng cứ còn nắm níu cái mà mình đang có, tôi muốn chết trong sự nôn nóng chờ đợi. Ngay bây giờ, tất cả mọi người trong room phải chuẩn bị một cái chết, chuẩn bị một thái độ ngon lành cho cái chết. Nói chờ đợi là hơi quá nhưng hình như là vậy mới đúng, phải sẵn sàng đến mức mà mình thấy đi tốt hơn tiếp tục ở. Nói như vậy không phải là tôi đề nghị bà con nghĩ đến chuyện tự sát nghen. Nhưng có điều, phải suy tư, hành đạo, thực tập hành trì như thế nào đó để một ngày nào mình nghĩ về cái chết bằng sự bình thản trong sự chờ đợi, đó là ngon. Phật tử ngon lành là lúc đang sống thường trực nghĩ về cái chết để không sợ chết và dám 'cưới hỏi' sự chết – suy tư về nó ngày đêm. Phật tử tốt là người lúc trẻ nhớ đến lúc già, lúc khỏe nhớ đến lúc bệnh và lúc sống nghĩ đến lúc chết, còn người cúng chùa cho nhiều, đi chùa thường xuyên mà yêu đời nồng nàn thì đó là Phật tử dỏm. Anh cúng chùa cho nhiều chẳng qua anh có tiền thôi, anh phải làm sao sẵn sàng ra đi bất cứ lúc nào. Người ngon lành nhứt trên đời này không phải là người có quyền lực hay có tiền bạc mà là người có thể ra đi bất cứ lúc nào với sự thanh thản.

Có người hỏi ngài Xá Lợi Phất: Xin hỏi tôn giả có sợ chết không?

Ngài nói không. Ngài có chán sống không?

Ngài nói không. Ông Bà-la-môn đó hỏi: Người không chán sống mà cũng không sợ chết nghĩa là sao?

Ngài Xá Lợi Phất trả lời: Ta không thích sống mà cũng không chán sống, không thích chết mà cũng không sợ chết, ta chỉ đang chờ đợi nhân duyên tới, ta không muốn trái còn xanh mà phải rụng. Thật là minh triết câu nói của một bậc hiền thánh! Cũng như câu không phải riêng Đức Phật mà vài vị khác cũng trả lời khi có người hỏi Ngài đang buồn hay vui: Ta mất gì mà ta buồn?

Ta được gì mà ta vui?

Cái này nói ra hơi buồn, phải biết Phật pháp thì chuyện sống qua ngày chờ qua đời mới hay, nếu không biết Phật pháp không học đạo thì cái đời sống sống qua ngày chờ qua đời rất là kinh hoàng. Tỉ lệ người tự tử ở Bắc Âu như Thụy Điển, Phần Lan rất đông, vì người dân đi làm một phần lớn tiền lương rót vô cho nhà nước (tiền thuế), để nhà nước lo ngược lại cho dân không mất một xu. Chính vì chỗ này người dân Bắc Âu sống sang trọng sung sướng lắm, cái bàn cái ghế, cái muỗng ăn cơm luôn là tiêu chuẩn cao nhất, tốt cực kỳ. Khi ra phố, họ hưởng rất nhiều quyền lợi do tiền thuế của họ đem lại. Vì vậy, họ không có gì phải lo, họ

sống trong sự êm đềm đó lâu ngày thì đâm ra chán. Sẽ có một ngày họ không biết làm gì, thế là nảy sinh ra chuyện tự sát. Có một thời tỉ lệ tự sát của Bắc Âu rất cao. Thế nhưng kỷ lục tự sát đó hôm nay đã được trao lại cho một quốc gia khác, đó là Nam Hàn. Nam Hàn hiện nay là xứ công nghệ rất cao, kinh tế phát triển. Nhưng chính vì công nghệ, kinh tế phát triển quá mức cho nên người ta đã không kềm chế được nó, và nảy sinh ra mặt trái đó là người Nam Hàn căng thẳng quá. Sinh viên đang học đại học có thể tự tử, bố mẹ có con đi học căng thẳng quá cũng tự tử, ngành nghề nào cũng có những cạnh tranh khốc liệt để khiến cho người trong cuộc phải tự tử, đặc biệt là làng giải trí, diễn viên người mẫu ca sĩ chọn giải pháp tự tử rất nhiều. Đêm qua tôi đọc một chuyện còn buồn hơn là hôm nay đời sống bên Nam Hàn cao quá cho nên con cái ở thành phố nuôi cha mẹ không nổi, giờ đây lại nảy sinh ra dạng gái đứng đường không phải là gái trẻ mà là gái mẹ đứng đường. Mới đầu là 50 tuổi, 60 tuổi mà giờ lên tới 70 tuổi. Các vị cứ vào internet mà xem chứ đừng tin những gì tôi nói. Vật giá cao quá, con cái nuôi không nổi, các cụ nghĩ nếu trẻ nó làm gái được, sao mình già không làm được, mặt hàng nào cũng có khách hàng nấy. Cho nên, hãy nhớ suy tư những điều đó. Trên đời này không ai tránh được cái chết, chính cái chết dạy khôn cho người ta, nhiều khi người ta chìm sâu vào đồng tiền, vào gia đình, vào những gì người ta có, chính cái chết làm cho người ta giựt mình nghĩ lại để mà buông bớt. Tóm lại, cái chết rất cần thiết bởi vì:

- Làm thay đổi diện mạo thế giới, cho tươi trẻ hơn

- Có sự nhường đường của thế hệ trước cho thế hệ sau

- Bản thân mỗi người có đồ mới mà xài

- Cái chết buộc người ta phải suy nghĩ lại

THÂN ÁI (Piyasutta)

Vua nhắc lại một câu kệ Pháp cú mà Đức Phật đã dạy:

"Kẻ thù hại kẻ thù,

Oan gia hại oan gia,

Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân".

Nghĩa là trên đời này, thằng Tèo ghét thằng Tí, luôn luôn tìm cách hại thằng Tí, thằng Tí tìm cách hại thằng Tèo…, ai cũng nghĩ chỉ người ghét nhau mới hại nhau, nhưng thật ra không phải chỉ có kẻ thù mới hại nhau mà ghê gớm nhất chính là phiền não bất thiện ở mỗi người, đó chính là kẻ tử thù của họ. Không có kẻ thù nào dai dẳng lì lợm ngoan cố như là cái bất thiện của mỗi người.

Trong kinh dạy rằng một người làm phước báu công đức, mỗi kiếp sanh ra được phước báo công đức cũ chào đón giống như người thân, kiểu "nhớ nhau như tình nhân, tình nhân nhớ lúc người xa chưa về". Những ác nghiệp bất thiện mà mình đã tạo ra, đời đời kiếp kiếp mình sanh ra nó cũng chờ đợi mình giống như kẻ thù chờ nhau ở cuối đường vậy.

Vua nhắc lại ý của Đức Phật: Bạch Thế Tôn dầu có ai thương bản thân đến mấy đi nữa nhưng nếu họ làm điều bất thiện thì họ trở thành kẻ thù của chính mình.

"Đối với những ai, tự ngã là thân ái?

Đối với những ai, tự ngã là kẻ thù?

" Tôi rất là phiền cái chữ "tự ngã" này, bà con sửa lại thành chữ 'chính mình'. Câu này sửa lại: "Đối với ai tự mình là người thân của mình, tự mình là kẻ thù của mình".

Lúc đó Đức Phật mới xác nhận suy nghĩ của vua: Dầu cho mình nói mình thương mình nhưng mình toàn làm ác thì mình là kẻ thù của mình.

Nhớ giùm: Nhớ giùm: Nghiệp ác quá khứ chờ ta như kẻ thù chờ nhau, nghiệp thiện quá khứ chờ ta như thân quyến chờ nhau. Không có kẻ thù nào đáng sợ cho bằng chính ác pháp của mình.

Càng có lòng hại người khác thì chính mình đang đào hố chôn mình. Có câu, đừng lấy đá đập chân mình là như vậy đó. Lấy đá đập chân mình là sống trong bất thiện, còn một giây một phút sống trong tâm tư bất thiện thì chỉ có hại chứ không có lợi gì hết. Nhắm mình không thể tha thứ cho người ta thì hãy quên đi. Dĩ nhiên nói thì dễ, làm thì khó. Tôi rất coi nặng pháp môn tự kỷ ám thị, cứ nghĩ hoài lâu ngày nó sẽ thành.

Người VN mình đi chùa mấy chục năm, tốn biết bao nhiêu thời gian công sức tiền bạc mà có pháp môn nào bỏ túi chưa, hãy tự hỏi mình xem. Phải có chứ, những cái có đó ở đâu mà ra?

Phải tu tập. Tu như thế nào?

Tôi thì chỉ có một pháp môn tự kỷ ám thị. Có những suy tư, có những vấn đề giáo lý mà tôi ép tôi cho bằng được. "Chết, chết, chết, chết…", chữ 'chết' hay lắm, niệm chết hoài sẽ thay đổi mình ghê lắm; hoặc niệm 'Buông', cứ nhớ hoài sẽ có ngày mình buông được. Niệm hoài thì sẽ thay đổi mình rất là nhiều.

Khi mình nói với mình hoài thì nó sẽ ăn vô đầu mình hồi nào không hay. Cứ nhớ đừng bao giờ tự mình làm kẻ thù của chính mình. Kẻ thù đáng sợ nhất của mình chính là mình, người bạn tốt nhất của mình cũng là thiện pháp của mình, kẻ thù đáng sợ nhất của mình là ác pháp của mình. Tôi lấy làm lạ sao bên Bắc Tông họ mê thần chú, họ niệm Quán Âm gì đó, niệm A Di Đà, kể cả niệm Bổn Sư, nhưng khi gặp chuyện thì cái lòng có yên hay không?

Xui một cái là dân tộc mình dễ dụ quá đi, càng nói càng thêm buồn. Hôm nay chắc đủ rồi, xin hẹn bà con ngày thứ Bảy. #NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 23-8-2014 TỰ BẢO HỘ (Attarakkhitasutta)

Bài Kinh Tự Bảo Hộ này nếu tôi nhớ không lầm là đã học rồi, có nội dung đại khái thế này: Trên đời này ai cũng thương chính mình hết, không có ai ghét bản thân mình, ngay cả những người có ý tự sát cũng vì họ thương bản thân mình quá. Từ việc thương bản thân quá nên đến một lúc nào đó không giải quyết vấn đề được họ thấy bị bế tắc, chứ nếu họ coi nhẹ chính mình thì họ không thấy bế tắc, không thấy bế tắc thì họ đâu có tự sát. Hầu hết 99,9% là do thương mình – thương kiểu lầm đường – mà đi đến tự sát. 99,9% này (loại trừ những người tâm thần có những suy nghĩ khó lường) do coi nặng mình quá rồi nghĩ không ra cách để tự cứu mình nên mới lâm vào tâm trạng bế tắc. Từ bế tắc cùng quẫn này nên mới dẫn đến chuyện tự sát.

Ai cũng thương mình và ai cũng tìm đủ mọi cách để lo cho bản thân mình hết dù đó là một người mẹ tốt chỉ biết lo cho con, một người vợ tốt chỉ biết lo cho chồng, một người chồng tốt chỉ biết lo cho vợ, một người con tốt chỉ biết lo cho cha mẹ… nhưng trong đáy sâu tiềm thức của mình thì mình làm những việc đó chỉ vì mình muốn như vậy. Tuy nhiên, chuyện quan trọng nhất là thương thì thương như vậy nhưng việc tự biết lo cho mình, tự bảo vệ mình một cách đúng cách như lời Phật dạy thì hiếm lắm. Theo như bài kinh này nói và chính mình cũng có thể nghĩ ra là nếu thương mình không đúng cách thì chỉ có hại mình mà thôi. Ví dụ mình thích nghiện ngập, chích choác, không cưỡng lại được đam mê đó mà cứ tự mình nuông chiều, thỏa mãn đáp ứng lầm lạc đó chỉ có hại mình thôi. Thương con cũng vậy, thương con có hai cách, làm cho con đi lên và làm cho con đi xuống.Tôi tình cờ thấy một số Phật tử thương con bằng cách rất lạ, thương quá không muốn con buồn nên không dám la con để nó muốn làm gì thì làm, đến lúc nó hư quá sức họ mới lên tiếng thì khi đó đã muộn màng rồi. Sợ nó buồn, không dám dạy la nó, đến khi cuộc đời dạy nó thì nó buồn cả ngàn lần hơn. Trong khi đó nếu trước đây mình dạy nó, nếu nó có buồn vì mình dạy thật ra là do cách dạy của mình thôi. Mình cứ tưởng nói như vậy nó sẽ buồn, nên không dám nói, đó là sai lầm, và nếu nó có buồn thật như mình nghĩ thì chỉ bằng một phần ngàn cái buồn mà cuộc đời dạy nó. Thương con mà sợ con buồn thì giống như có một cái mụt ghẻ, cái đốm lác mà sợ bị rát bị đau không chữa trị nên để vậy và nó sẽ phát triển theo chiều hướng xấu nhất. Dù là vợ là chồng là con, thương mà không biết cách thương chỉ có hại mà thôi. “Thương nhau mà lại bằng mười hại nhau” (Nguyễn Du) là vậy đó.

Nội dung bài kinh này: Vua Ba-Tư-Nặc kể lại cho Đức Phật lúc hầu chuyện Ngài: Có lúc ngồi một mình con nghĩ có những kẻ ăn rồi chỉ biết tự hại thân. Ai thương mình mà nói ác, làm ác, nghĩ ác là tự mình làm kẻ thù của mình.

THIỂU SỐ (Appakasutta)

Bài kinh này không có gì khó hiểu, bà con liếc qua là hiểu rồi. Cái hay của lớp học này là nhờ nó mà mình "xem kinh tập thể". Tôi không phải là thiền sư, hành giả nhưng tôi từng có mặt trong thiền viện, từng thấy những buổi tu tập thể ở thiền viện Miến Điện, Thái Lan, trong tâm khảm của tôi thì Miến Điện là số một, thầy số một pháp môn số một nhưng phải nói là bối cảnh tu thiền thì khó nói lắm. Nếu quí vị là người thân – anh em, cha mẹ, con cái - của tôi thì tôi nói, sang Miến Điện dự thiền để 'lấy bài' (lấy pháp) mà thôi, học về lý thuyết, về kinh nghiệm, kỹ thuật, xong rồi thì nên quay về Thái Lan. Tôi từng biết một thiền viện ở bên bờ sông Băng Cốc, phải nói là trên cả tuyệt vời, có một khu vườn sạch đến mức mình có thể nằm ngồi bất cứ chỗ nào trong khu vườn đó, thức ăn miễn phí, khẩu vị của đồ ăn Thái Lan rất gần với mình. Bữa đó họ đãi cho phần ăn của hai sư và một Phật tử đủ để ăn mười lăm người. Sự gia trì của đại chúng quan trọng lắm, tu mà thấy bối cảnh đại chúng xung quanh ai cũng thong thả điềm đạm an lạc, nhìn thấy những gương mặt, bước chân của họ, ảnh hưởng rất tốt lên tâm tư hành giả. Lớp học của mình đây cũng vậy, nếu một mình mình mở Kinh Tạng ra đọc từng bài thì khó ghê lắm, nhưng vô cái lớp này mình biết xung quanh có người cùng theo dõi với mình, đó là sự gia trì của đại chúng, sự hỗ trợ tinh thần từ đám đông. Đám đông có sức tác động ghê gớm lắm. Ở VN có tình trạng bị ngất xỉu tập thể, một hai người trong lớp học hoặc công nhân trong nhà máy tự nhiên xỉu rồi cả đám xỉu theo. Trời nắng oi bức hơi ngột ngạt, tự nhiên có ai đó lăn ra xỉu, thế là người khác yếu bóng vía lăn ra xỉu theo. Hoặc như những hiện tượng tôn giáo, mỗi năm ở Philippines có lễ Xiên Lình, người ta tự hành hạ mình, họ gọi đó là ngày nhớ Chúa khổ nạn trên thập giá, họ bắt chước gương Chúa bằng cách lấy thương, giáo chọt vào người cho chảy máu, bình thường thì đau nhưng trước đám đông hoan hô cổ vũ, họ can đảm mạnh mẽ. Hoặc như những người Hồi Giáo có thông lệ hành hương sông Hằng hoặc Mecca, cả mấy triệu người đổ về hai nơi đó và với đám đông như vậy thường nảy ra những chuyện ly kỳ lắm

Trong bài kinh này, vua Pasenadi – vị Phật tương lai – có nhiều suy nghĩ đặc biệt, ông thưa với Đức Phật: Khi ngồi một mình con nghĩ những người có được điều kiện hưởng thụ phần lớn là hư hỏng hưởng thụ những thứ trụy lạc còn những người lấy đó để làm phương tiện tu hành, trau dồi đời sống tâm linh thì Trong bài

kinh này, vua Pasenadi – vị Phật tương lai – có nhiều suy nghĩ đặc biệt, ông thưa với Đức Phật: Khi ngồi một mình con nghĩ những người có được điều kiện hưởng thụ phần lớn là hư hỏng hưởng thụ những thứ trụy lạc còn những người lấy đó để làm phương tiện tu hành, trau dồi đời sống tâm linh thì *không nhiều* (‘thiểu số’= ‘*appaka’*). Tôi không xúi quí vị sống khổ, nhưng bắt buộc quí vị phải đồng ý với tôi là chúng ta phải biết cảm ơn những trục trặc, những gút mắt trong đời sống vì chúng đã làm cho chúng ta có cơ hội nhìn lại đời sống tâm linh tinh thần của mình. Nếu như đời sống suôn sẻ quá thì chắc chắn chúng ta cũng nằm trong tuyệt đại đa số, đám đông quần chúng có hễ có điều kiện sống thoải mái là trở nên hư. May mắn là nhờ thứ nhất chúng ta biết Phật pháp, thứ hai là chúng ta có khuynh hướng tâm lý cũng không đến nỗi tệ, chúng ta biết hướng thượng, và thứ ba là chúng ta cũng có chút thiếu may mắn. ‘Thiếu’ ở đây nghĩa là chúng ta không phải là những tỷ phú, triệu phú, doanh nhân hay thương gia thành công. Nếu như sáng hôm nay quí vị bỏ thời gian dồn hết tâm ý cho công việc nào đó và bỏ túi hai chục ngàn đô la thì quí vị có ngồi đây hai tiếng đồng hồ để nghe hay không, nếu vậy thì e rằng đời này kiếp này ta không thấy nhau rồi. Vì sao?

Lúc đang kiếm tiền thì quí vị đâu có quởn để nghe pháp, và tiền vô túi rồi thì quí vị cũng đâu có quởn để nghe pháp, quí vị phải book vé đi thưởng thức hưởng thụ cuộc sống chứ vô đây học làm gì. Vì vậy vua Pasenadi nói rằng những người dùng cái điều kiện sống sung sướng thoải mái để trau dồi tâm linh thì hiếm cực kỳ, đa phần là thoải mái một chút là xuống sình hết. Mang thân nhân loại hiếm quí vô cùng. Ngay trên cõi Trời, chư thiên có thần thông biết được nhiều chuyện lắm vậy mà khi sanh về Trời rồi thì đừng hòng tu hành gì hết. Cứ mát lạnh thơm ngát suốt mấy chục triệu năm, tiếng đàn ca hát xướng du dương, bay nhảy thoải mái thì làm sao mà tu được.

XỬ KIỆN (Aḍḍakaraṇasutta)

Mỗi lần có kiện tụng thì một là quan địa phương, hai là đem lên vua xử. Một trong những cái làm cho tôi sợ sinh tử luân hồi là vì sợ sanh ra trong thời kỳ không có nền khoa học, nhẹ nhẹ như nhức cái răng, đau ruột thừa, đau bao tử, không biết làm sao. Khoảng năm tám mấy tôi ở Long Thành, Việt Nam, mới mười mấy tuổi tôi bị chứng bao tử bị dư nước chua suốt mấy ngày ăn không được, nước bọt chảy ra hoài, không biết làm sao chỉ ngậm bông gòn thôi, chỉ nhổ nước bọt mà mệt. Nghĩ lại cũng hơi ngậm ngùi, cả một cái chùa mười mấy hai chục người như vậy mà không ai biết cách xử trí hay là họ không thương mình không biết. Như tôi bây giờ không thương ai nhưng thấy họ bị vậy thì tôi cũng sẽ

đề nghị họ đi bác sĩ hoặc kêu gọi anh em giúp nhau còn hồi đó sao họ thờ ơ quá. Nhớ lại tuổi thơ tôi thấy kinh hoàng lắm, tôi cũng cảm ơn những ngày tháng đó đã cho tôi những trải nghiệm. Tôi sợ luân hồi vì sợ sống trong bối cảnh không có điều kiện văn minh, không có tình người, hoặc như bài kinh này, sanh ra trong bối cảnh ông vua ông quan không ra gì thì đời mình tàn. Coi kinh là coi rộng như vậy đó, cứ nghĩ những gì có lợi cho đời sống tinh thần của mình là mình cứ tận dụng. Nhìn bài kinh này tôi thấy sợ luân hồi, một xứ sở gì mà không có luật pháp không có công bằng công lý, mọi đúng sai thị phi đều nằm hết trong tay vua, quan. Sống trong một xứ sở không có nền văn minh vật chất thì khổ một kiểu, không có nền văn minh tinh thần thì khổ một kiểu khác. Bài kinh này làm cho mình thấy sợ luân hồi.

(Chánh văn) *"Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nay ta đã chán ngấy xử kiện. Nay hãy để cho vị hiền diện (bhadramukha) được có danh tiếng nhờ tài xử kiện".* Hiền diện (*bhadramukha*) là gì?

Đó là lý do có cái lớp học này.

Vua Pasenadi thưa với Đức Phật, (nói theo ngôn ngữ thời nay của chúng ta): Vua Pasenadi thưa với Đức Phật, (nói theo ngôn ngữ thời nay của chúng ta): Bạch Thế Tôn, nhiều khi con thấy mệt quá, con tính giao cho **người khác** xử giùm con. Họ ăn rồi cứ gây nhau riết rồi bắt con xử mệt quá.

'Người khác', (*bhadramukha*) ám chỉ cho người nào?

Theo Chú giải Aṭṭhakathā (Chú giải có hai loại: commentary và sub-commentary) vị 'hiền diện' là chỉ cho ông Viḍūḍabha, vị này còn có cái tên nữa là Viṭaṭubha. Đó chính là ông hoàng tử đã tàn sát dòng họ Thích Ca.

Vua Pasenadi thấy đều đặn mỗi ngày cả ngàn vị sư tới nhà ông Cấp Cô Độc, cả ngàn vị sư đi tới nhà bà Visākhā để đi bát vì hai vị đó thỉnh. Vua nghĩ hai người này cũng chỉ là "phó thường dân Nam Bộ" chứ có gì đâu mà được cúng dường chư tăng mỗi ngày, còn mình là vua mà không được. Thế là vua cũng cho người đến chùa thỉnh chư tăng, vua tổ chức nơi để chư tăng đi bát trong hoàng cung. Nhưng vua quá bận rộn nên giao việc đó cho các quan, vốn là những người có quyền thế nhưng chỉ lo hưởng thụ chẳng quan tâm gì đến chư tăng. Chư tăng đến thấy không ai quan tâm mấy, thức ăn thừa mứa nhưng đối xử lạnh nhạt nên cũng nản rồi không ai thèm đến nữa. Vua lấy làm lạ vì sao mình đã thỉnh chư tăng rồi mà sao hoàng cung vẫn vắng hoe. Vua đến nơi nhìn thì thấy đồ ăn thì thừa mứa

meo mốc ruồi bu kiến đậu không ai coi ngó. Vua hỏi, các quan trả lời là cứ nghĩ là các vị sư đó đến như kiểu ăn buffet, self-service chứ ai mà hầu. Vua thấy kiểu này không xong, thời Phật khái niệm buffet còn xa lạ lắm mà mấy ông quan thì muốn các sư tự phục vụ. Thế rồi vua nghĩ cách gần gũi chư tăng hơn. Vua nghĩ ra một cách cực kỳ hạ sách không thể nào tào lao hơn đó là cho người qua dòng Thích Ca tìm người làm sui gia. Dòng Thích Ca có một ông hoàng tên là Mahānāma, ông này có qua đêm với một cô cung nữ tên là Nāgamundā sanh ra một đứa con gái tên là Vasabha. "Có những giây phút làm nên lịch sử, có những con người do sơ ý sinh ra" là vậy đó. Vua Pasenadi dòng Kolya muốn cầu thân với dòng Thích Ca nên qua đó tìm vợ. Dòng Thích Ca trừ những bậc thánh ra, còn lại mấy người phàm thì kiêu ngạo thấu trời xanh, nghĩ mình hay mình giỏi nên coi người khác như rác, khi Đức Phật mới vừa về tiếp độ quyến thuộc, họ sắp xếp cho những người vai vế dưới Đức Phật ra đón tiếp Ngài, còn những người vai trên thì né vì sợ ra tiếp thì mất mặt. Vì kiêu ngạo như vậy nên khi vua Pasenadi đến cầu thân thì thay vì gả cho ông một quận chúa hay công nương, họ đem Vasabha ra gả cho ông. Vua mừng quá nghĩ rằng vốn mình có bà con xa với Đức Phật giờ lấy vợ dòng Thích Ca thì gần càng thêm gần. Ít lâu sau vua có con trai, đã bảnh thì bảnh cho tới nơi nên vua cho người đi về dòng Thích Ca xin đặt tên cho đứa bé. Bà ngoại tổ đặt cho cái tên là "Vallabhā" (sủng ái) nhưng sứ giả bị lãng tai nên nghe thành tên Viḍūḍabha. Tên Viḍūḍabha này cũng trục trặc quá nên giờ đây lại xuất hiện cái tên thứ hai là Viṭaṭubha, tên này khó quá, ngay cả người Ấn Độ với nhau cũng còn lộn, tên không đẹp, người ta coi thường. Lớn lên, Viḍūḍabha về thăm quê ngoại thấy sao mọi người coi thường và ghẻ lạnh với mình. Vui chơi mấy ngày rồi về lại xứ, trên đường về, người lính hầu quên đồ nên quay trở lại lấy. Khi quay trở lại, người lính hầu này thấy một người hầu trong cung đang lau chiếc ghế hoàng tử vừa ngồi, vừa lau và vừa nói một câu rất khó nghe, một câu nói tuyệt đối không nên nghe: *Hoàng tử gì mà hoàng tử, con của đầy tớ mà một bước lên bà*. Người lính hầu trở ra kể lại tình tiết vừa rồi cho hoàng tử. Hoàng tử Viḍūḍabha về điều tra ra mới biết mẹ mình là đứa con rơi ngoài giá thú của một ông hoàng dòng Thích Ca chứ mình thật ra chẳng danh giá gì. Sự thật phũ phàng đó cộng với thái độ khinh miệt của dòng Thích Ca làm cho Viḍūḍabha vừa đau vừa tủi nhục vừa hận. Viḍūḍabha ngửa mặt lên trời thề độc: *Hôm nay dòng Thích Ca lấy nước lau ghế của ta, mai này ta lấy máu của họ mà lau cái ghế ta ngồi.* Đáng buồn thay, Viḍūḍabha đã tìm được cơ hội để tàn sát dòng Thích Ca rửa hận chỉ vì một câu nói đó thôi. Trước khi ông bị giết, vua thương Viḍūḍabha lắm. Theo trong kinh Vua nói thôi ta mệt lắm, để ta giao việc này cho hoàng tử Viḍūḍabha (Trong Chú giải không ghi là Viḍūḍabha mà ghi là

Vitạtubha). Lúc này chưa xảy ra chuyện tàn sát dòng Thích Ca. Theo trong kinh, sau khi tàn sát dòng Thích Ca rồi, trên đường về Viḍūḍabha và đoàn quân ngủ trên bờ sông, do nghiệp tàn sát nhiều bậc thánh nên khiến nên họ ngủ trên gò cao thấy nóng quá, họ xuống gần sông để ngủ, nửa đêm nước lớn lên cuốn trôi chết sạch và bị đọa hết. Trong trận tàn sát dòng Thích Ca đó, ai có mặt là Viḍūḍabha tàn sát hết. Cuối cùng một số người trốn thoát được, có nhóm chạy lên núi Hymalaya lập nên dòng Moriya (con công, khổng tước). Vua Asoka (A-Dục) là hậu duệ của dòng Moriya này. Vua Bindusāra là cha của Asoka cũng thuộc dòng Thích Ca.

Những học giả đời sau nghi ngờ *vị hiền diện* ở đây không phải là hoàng tử Viḍūḍabha mà là ám chỉ cho Bandhula một vị tướng quân rất giỏi và trung thành, điểm 10/10 của vua Pasenadi. Nhưng nhắc đến ông này là nhắc đến chuyện động trời. Bandhula có 32 người con. Vợ của Bandhula mang thai 16 lần song sinh. Ba mươi hai người con đều là văn võ toàn tài. Lẽ ra họ là những bậc lương đống rường cột cho đất nước nhưng khổ thay có những lời sàm tấu nói rằng gia đình này còn mạnh hơn gia đình Dương Gia Tướng bên TQ, thể nào cũng soán ngôi. Thế là cuối cùng vua Pasenadi thương thì có thương tiếc tài thì cũng tiếc nhưng thấy sợ và cho người giết sạch. Vợ của Bandhula là Phật tử, ngay ngày 33 người thân bị xử tử, bà thỉnh ngài Xá Lợi Phất về cúng dường trai tăng. Trong khi ngài Xá Lợi Phất và chư tăng ngồi trong nhà, một a hoàn làm bể chiếc bình quý. Ngài Xá Lợi Phất nói: Cái gì hữu hình thì hữu hoại, đồ đạc thì phải hư, không có gì còn hoài. Biết ngài nói lời an ủi, bà thò tay vào túi móc ra lá thư và nói: *Thưa ngài, sáng hôm nay con nhận được tin báo chồng và con của con đã mất đầu nhưng con vẫn còn đủ bình tâm để cúng dường trai tăng thì sá gì cái bình này*.

Chỉ vì chữ '*bhadramukha'* mà tôi kể cho quí vị nghe một câu chuyện thăm thẳm chiều trôi, nhưng đã học kinh thì bắt buộc phải học cho rộng. Khi nghe vua Pasenadi nói rằng ngồi xử kiện chán quá nên chắc sẽ giao lại cho "hiền diện" xử kiện, Đức Phật xác định: Đúng rồi, phần lớn chúng sinh có của cải tiền bạc chỉ lo hưởng thụ. Vì quyền lợi cá nhân mà người ta có thể lật lọng đổi trắng thay đen. Người Phật tử đọc bài kinh này, ít ra phải nghĩ lại. Phúc thay cho đất nước nào mà người lãnh đạo biết nghĩ đến đạo đức, bất hạnh thay cho đất nước nào mà kẻ cầm quyền không tin hiền thánh, lại theo đuổi những học thuyết vớ vẩn lạc hậu, còn bản thân họ thì chỉ biết vinh thân phì gia chẳng kể gì đến đất nước, dân tộc. Nếu hôm nay quí vị hỏi tôi có tha thiết chính trị hay không tôi sẽ nói rằng, thương chúng sinh cũng là một thái độ chính trị, nếu có thể làm được điều gì cho dân tôi, tôi sẽ kêu gọi mọi người thay vì dành thời giờ để hưởng thụ, tắm hơi, ăn nhậu thì

dành thời giờ đọc sách về tôn giáo, chính trị nhiều hơn để đừng bị gạt nữa. Chế độ nào cũng do dân đưa lên, dân có ngu thì mới tạo điều kiện cho những thành phần gạt gẫm mình thành công. Nhận giặc làm cha thì ráng chịu. Tôn giáo cũng vậy, không dành thời giờ để tìm hiểu về tâm linh mà cứ theo nếp gia đình nội ngoại, ba má đi nhà thờ thì mình đi nhà thờ, đi chùa thì mình đi chùa, ông ngoại theo Hồi giáo thì mình theo Hồi giáo…Như vậy mang thân người uổng lắm vì không có khả năng suy tư độc lập. Không có gì thảm cho bằng đi học đại học lấy cái bằng treo lên nhà khoe cho người ta thấy để rồi đời sống tâm linh của mình bao gồm thái độ chính trị và thái độ tôn giáo tín ngưỡng lại hoàn toàn tùy thuộc vào cha mẹ. Điều đó vô cùng đáng tiếc và thậm chí cũng là sự sỉ nhục cho bằng cấp của mình. Không gì thảm cho bằng đi chùa chỉ vì má đi, bà ngoại đi. Vô chùa bậy nhất là mến ông thầy nào thì sống chết với ông thầy đó. Kinh Phật mênh mông không học, hình ảnh Đức Phật cao rộng rực rỡ như vậy không thờ, không thèm nhìn, đi thờ một ông thầy chùa, một vị ni nào đó làm thầy, vị đó nói sao mình làm vậy. Bên châu Âu này tôi có tiếp xúc với mấy người Phật tử, họ bỏ tiền đi Miến Điện, đi Thái Lan để rồi đi về thờ ông sư VN. Không phải tôi chê sư VN nhưng họ cứ thờ về thắc mắc: *sao thầy nói vậy mà con coi kinh con thấy khác*. Tôi nói: *Trời đất ơi, kinh điển mênh mông sao không chịu coi mà cứ lấy ông thầy làm mẫu là sao.* Bây giờ mình học tiếp bài kinh thứ hai là bài kinh Mallikā.

MALLIKĀ (Mallikāsutta)

Trong tiếng Tàu bây giờ họ kêu hoa lài (Mallikā, Jasmin) là hoa Mạt Lợi hay Mạt-Lỵ (giống như Xá Lợi hay Xá Lị như nhau). Chữ Mạt Lỵ này từ tiếng Phạn là Mallikā, trong tiếng Tàu có những chữ mượn từ trong kinh Phật mà chính người Tàu **không**biết.

Thời Đức Phật có cô Mallikā con nhà nghèo, mỗi ngày xỏ hoa đi bán. Bữa đó cô gặp Đức Phật, hoan hỉ quá nên cô cúng dường hoa và thức ăn cho ngài. Đức Phật nhìn thấy cô này cần thêm một ít phước báu thì cuộc đời sẽ khá hơn, cô là người thông minh, nếu đời khá hơn thì cô sẽ giúp cho chúng sinh rất nhiều. Cô là người đặc biệt, chỉ cần với sự hỗ trợ của Ngài thì cô sẽ hạnh phúc hơn, cô được hạnh phúc hơn thì sẽ có nhiều người được hạnh phúc. Có nhiều người trên đời mà người khác không nhờ cậy được gì hết, nhưng có những người, chỉ cần họ có thêm một chút may mắn, một chút điều kiện thì nhiều người khác sẽ được nhờ, ở đời có hai hạng người như vậy.

Đức Phật nhìn ngài Ānanda. Khi thấy Đức Phật nhìn là ngài Ānanda hiểu Đức Phật có ý gì, thấy Đức Phật nhận thức ăn xong và nhìn mình, ngài Ānanda hiểu, lập tức trải chỗ ngồi cho Đức Thế Tôn bên gốc cây ngoài đường, Đức Thế Tôn ngồi xuống và thọ thực cho cô gái nhìn thấy. Cô gái nhìn thấy vị Chánh Đẳng Chánh Giác tướng hảo quang minh ngồi bên đường ăn món ăn của mình, cô hân hoan sung sướng không biết để đâu cho hết. Cũng ngay trong chính ngày đó, vua Pasenadi nhìn thấy cô, đem lòng thương mến cưới về cung cho làm hoàng hậu, đó là hoàng hậu Mallikā.

Không ai thương mình bằng chính mình

Trong kinh nói vua rất là thương Mallikā. Bữa nọ trong cuộc tâm tình của hai vợ chồng:

"3) Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

-- *Này Mallikà, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của hoàng hậu."*

Chữ 'atta' ở đây là 'chính mình', 'bản thân mỗi người', không hiểu sao ngài Minh Châu cứ dịch là 'tự ngã' hoài. Hình như có ai cố ý xúi ngài dùng chữ 'tự ngã' này hay lúc này ngài bị lẫn. Chữ 'tự ngã' này rất nguy hiểm, dễ gây hiểu lầm.

Câu trên dịch lại: *"Này Mallikā, có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là chính bản thân của hoàng hậu."*

Mỗi lần tôi đọc thì tôi vừa bực mình vừa kinh sợ vì một người mình quá kính phục như ngài Minh Châu mà ngài mắc lỗi này thì điều đó có nghĩa là những người khả kính khác có những lỗi trầm trọng khác mà mình không biết, nếu mình cứ nhắm mắt chạy theo thì chết. Quí vị nào biết tiếng Anh, tiếng Thái, tiếng Pāḷi thì hãy dò lại, chỗ này ai cũng dịch là 'chính mình' mà ngài thì cứ dịch là 'tự ngã' không biết bao nhiêu lần.

Tự ngã là gì?

Tự ngã là trước khi Đức Phật ra đời, chữ "atta" này chỉ cho cái tôi cái ta của mỗi người. Ví dụ khi tôi nói với quí vị "Sao cô ngu quá vậy" thì tự nhiên quí vị thấy cái lửa nó lên, cái lửa đó chính là tự ngã. Hoặc có người khen: *"Tôi phải nhìn nhận bà đẹp quá, không phấn son, mặt mộc mà đẹp quá*" tự nhiên thấy sướng cả người, đó là bản ngã. Bên Nhật, có một ông tướng (Shogun) vào chùa nói với

thiền sư: *"Mấy ông nói dóc, làm gì có cõi trời, làm gì có địa ngục"*. Thiền sư trả lời: *"Mặt ông ngu như vậy, có giải thích cũng không hiểu đâu"*. Ông tướng nghe vậy, rút gươm ra, thiền sư nói: *"Địa ngục nằm ở chỗ đó"*. Ông tướng chợt hiểu, tra gươm vào vỏ, thiền sư nói: *"Cõi trời là đó"*. Bản ngã cũng vậy, khi mình nghĩ nhiều về MÌNH, thì MÌNH ở đây chính là bản ngã. Nếu đúng theo tinh thần nhà Phật thì không có ông A bà B mà chỉ toàn đồ ráp, làm ác thì đọa làm thiện thì siêu.

Nội dung chính của bài kinh này: Nội dung chính của bài kinh này: *Trên đời này không có ai thương mình bằng chính mình.* Mẹ, cha, con của mình có lúc cũng bỏ lơ mình. Có một chuyện bắt buộc quí vị phải đồng ý với tôi đó là: Cái gọi là tình cảm ở đời phải nói là một trò chơi khốc liệt. Cha mẹ con cái gặp nhau đời này, còn đời sau thì sao?

Thân người khó được, chuyện gặp nhau trong thân người là hai con rùa mù tình cờ chui vào lỗ ván sanh làm người, gặp được nhau làm bà con thân quyến thì hiếm hoi lắm, và đời sau thì chắc gì gặp.

Không có ai thương ta bằng chính ta, dầu đó là cha mẹ vợ chồng con cái, họ chỉ thương ta một đời này thôi. Họ thương ta từ góc nhìn của họ, họ nhìn ta là vật sở hữu của họ. Người ta thương mình vì người ta dựa trên nền tảng của người ta, người ta nghĩ mình là con của người ta, người ta mới thương. Phũ phàng ở chỗ này, vì sao người ta thường thương con cái hơn là cha mẹ?

Là bởi vì con cái là vật sở hữu, là tác phẩm, là công trình mình tạo ra. Nó là bóng dáng của cái ngã của mình, trong khi đó cha mẹ chỉ là chỗ mình từ đó đi ra, là cội nguồn của mình, mình thấy bóng dáng mình trong cha mẹ không nhiều bằng mình thấy bóng dáng của mình trong con cái, đó là lý do tại sao mình thương con cái hơn cha mẹ. Không ai khơi khơi thương mình vô duyên vô cớ, họ phải dựa trên nền tảng của họ, mình có liên quan gì đến lợi ích của họ hoặc tối thiểu mình có liên quan gì đến cái tôi của họ, họ mới thương mình. Tôi nhớ hồi đó có một vị trước khi đi xuất gia có thương một cô A, ông bố thì cứ muốn con trai mình lấy cô B. Một buổi chiều gần tới ngày cưới, vị này nói: *Con không hiểu tại sao phải bắt con lấy cô B*. Ông bố nói*: Tao thương mày, tao thấy mày lấy con B thì cuộc đời mày mới khá, con A thì không xong, con gái mà mà hút thuốc mang kiếng mát, mặc quần hippy chạy honda, không khá, con nhỏ kia ít học xấu xí nhưng ít ra nói nó nghe.* Người con nói: *Lấy vợ về thì người sống chung với cô đó là con chớ không phải bố, bố lựa người theo ý bố vậy mà bố nói bố thương con, bố*

thương con là vì bố nghĩ tới bố chứ không phải là vì bố nghĩ tới con. Con người chúng ta hay áp đặt như vậy. Ở đây cũng vậy, mình nói thương người này người kia nhưng thật ra mình thương mình trước, đó là lý do vì sao trong bài kinh này có câu "Không ai thương mình bằng chính mình".

TẾ ĐÀN (Yaññasutta)

Tế Đàn (*Yaññа*). Bài kinh này có một chuyện thế này, thời đó có bốn công tử tà hạnh. Tà hạnh (*paradārikakamma*) nghĩa là xài người phụ nữ của người ta như là vợ của mình. Nghiệp này nặng lắm, bởi vì có sự cố ý hưởng dục. Nói dối nhiều khi do ngẫu nhiên mình nói, sát sanh có khi do ngẫu nhiên mình tiện tay, đập muỗi, ăn cắp thì nhiều khi do không thấy ai, tiện tay bỏ túi, còn tà dâm thì không phải ngẫu nhiên, lỡ tay, mà trải qua thời gian toan tính, đắn đo, do dự, đầu tư chất xám tổ chức bối cảnh môi trường v.v... do vậy tội rất nặng. Bốn cậu công tử này khi sống mắc nghiệp đó, khi chết sanh vào địa ngục. (Chỗ này mà nói theo đúng trong kinh thì mệt ghê lắm). Họ bị nấu trong cái chảo, cái chảo sôi từ trên mặt nước chảo đưa tới đáy chảo mất ba mươi ngàn năm (*tiṃsavassasahassāni*). Từ đáy chảo sôi ùng ục đưa họ lên miệng chảo mất ba mươi ngàn năm. Chú giải có ghi mà không nói cho quí vị thì cũng kỳ, chứ tôi không mặn mà lắm, nói ra thì nhiều người khó chịu vì thấy có vẻ hơi mê tín. Họ bị nấu sôi từ dưới đáy chảo lên trên mặt chảo muốn nói ra một điều nhưng không đủ thời gian nói. Cậu thứ nhất vừa mới nói xong một chữ đầu tiên thì bị chìm xuống trở lại. Cậu thứ hai đau đớn hét lên một chữ đầu tiên thì lại bị chìm xuống.

"**Sa**ṭṭhivassasahassāni, paripuṇṇāni sabbaso;

Niraye paccamānānaṃ, kadā anto bhavissatī''ti.(pe. va. 802; jā. 1.4.54) –

Imaṃ gāthaṃ vatthukāmo ahosi. Dutiyo –

"**So**haṃ nūna ito gantvā, yoniṃ laddhāna mānusiṃ;

Vadaññū sīlasampanno, kāhāmi kusalaṃ bahu''nti. (pe. va. 805; jā. 1.4.56) –

Imaṃ gāthaṃ vatthukāmo ahosi. Tatiyo –

"**Na**tthi anto kuto anto, na anto paṭidissati;

Tadā hi pakataṃ pāpaṃ, mama tuyhañca mārisā''ti. (pe. va. 803; jā. 1.4.55) –

Imaṃ gāthaṃ vatthukāmo ahosi. Catuttho –

"**Du**jjīvitamajīvimhā, ye sante na dadamhase;

Vijjamānesu bhogesu, dīpaṃ nākamha attano''ti. (pe. va. 804; jā. 1.4.53) –

Bốn cậu này muốn nói mấy câu trên nhưng mỗi người chỉ kịp nói được một chữ đầu câu là 'Sa','So','Na','Du'. Cậu thứ nhất nói câu *"Saṭṭhivassasahassāni…", 'Saṭṭhi'*: 60, '*vassa'*: 'ngàn'. Ngụ ý rằng: Trời đất ơi, đã sáu chục ngàn năm rồi, tôi bị nấu trong đây không biết bao giờ mới hết khổ đây. Thế nhưng cậu chỉ nói được chữ 'Sa' là bị nhúng trở lại. Cậu thứ hai thì muốn nói: "*Sohaṃ nūna ito gantvā…",* nếu tôi mà rời khỏi được chỗ này thì tôi sẽ làm các công đức không làm chuyện tội lỗi nữa. Nhưng mới nói được chữ 'So' thì bị nhúng chìm vô nước trở lại. Rồi cậu thứ ba muốn nói câu "*Natthi anto kuto anto…". Natthi anto*: không có kết thúc, *kuto anto:* không có điểm dừng, ý muốn nói là cái khổ này không có kết thúc không có điểm dừng làm sao thoát được đây. Nhưng chỉ kịp nói chữ 'Na' thì cậu bị chìm xuống nước. Cậu thứ tư muốn nói câu "*Dujjīvitamajīvimhā…*", ngụ ý hối tiếc, tôi đã sống một đời sống quá là bậy bạ, có của cải chỉ biết hưởng thụ thôi, không biết bố thí, làm phước, để làm chỗ dựa cho mình trong dòng sinh tử. Nhưng cậu cũng chỉ kịp nói chữ 'Du' thì bị chìm xuống.

Âm thanh từ địa ngục

Vua Pasenadi đang ngủ nghe được bốn chữ 'Sa','So','Na','Du' thì thấy lạ, đó là tiếng thét tiếng gào rất là đau đớn. Vua sợ lắm, cũng là nhân duyên quá khứ chiêu cảm khiến cho vua nghe được. Hôm nay chúng ta biết rằng có những nơi trên thế giới này, có những âm thanh mà tới bây giờ người ta vẫn không giải thích được, ví dụ ở Mexico vùng biên giới gần Texas, có một vùng đất mà bao nhiêu năm nay người dân nghe âm thanh rất lạ mà người ta không tìm ra gốc của nó. Bên Nga cũng vậy, có một hố ga tự nhiên bị cháy người ta cứ nghe tiếng gào khóc khủng khiếp từ đáy hố ga vọng lên, người ta không giải thích được những tiếng khóc đó từ đâu. Năm 1997, cách đây gần 20 năm, trong lúc nghiên cứu dưới Thái Bình Dương các chuyên gia hải dương học của Mỹ tình cờ thâu được âm thanh rất lạ mà họ khẳng định 100% đây là âm thanh của một động vật rất là lớn. Một âm thanh lớn đến mức mà không thể có âm thanh nhân tạo nào dưới nước lại vang xa như vậy, họ nhận định phải là âm thanh của một loài "massive creature" nào đó, một động vật to lớn mà họ không xác định là loài nào. Cung cấp thông tin cho quí vị nghe cho vui vậy thôi, phần quyết định sau cùng cũng là bà con.

Vua nghe những âm thanh này thấy sợ quá, sáng ra bàn thảo với các thầy bói, những người này xúi cúng bái để tống ôn, gỡ xui. Ở Ấn Độ, nói đến cúng thì chỉ có một cách phổ biến là chặt đầu dê, bò, hoặc nếu là vua cúng thì sẽ mua mấy đứa bé nô lệ về cắt cổ cúng thần, vì họ tin là thần linh thích máu. Không thể tưởng tượng tên nào nghĩ ra kiểu này, giống kiểu bên Tàu mấy ngàn năm qua "quân xử thần tử thần bất tử bất trung, phụ xử tử vong tử bất vong bất hiếu", những quan điểm như vậy vẫn tồn tại mà người ta không dám sửa, bởi vì họ chỉ là con người một nửa, chỉ là phần xác thôi, phần hồn họ không dám suy nghĩ. Hầu hết nhân loại toàn là cá lia thia, cá lồng chim chậu, người ta đóng khung nào thì ở trong khung đó không dám nhảy ra ngoài. Người mình thích khoe thích nổ, dốt nhưng ham có cái bằng treo trong nhà. VN mình bằng tiến sĩ nhiều lắm, thặng dư. Không gì thảm cho bằng muốn người ta nhìn mình là trí thức mà không chịu suy nghĩ độc lập, không có chủ kiến, đám đông nói sao thì nghe vậy, đám đông nói tầm bậy cũng nghe theo. Mình là con cá con chim trong lồng trong chậu mà muốn người ta nhìn mình là trí thức, bản thân mình học đạo là cứ ông thầy nói sao thì nghe vậy. Không gì thảm cho bằng cầm cuốn sách lên mà thấy ghi giáo hội PGVN thì kết luận đó là cuốn kinh, thấy để tên hòa thượng, thượng tọa, cư sĩ Nguyễn văn Tèo, Lê Văn Tý là nói đó là cuốn kinh. Quí vị tưởng tượng nếu như tôi – người đang hầu chuyện quí vị – viết cuốn sách bày quí vị uống lá này lá kia tầm bậy tầm bạ rồi ở ngoài bìa đề Lương y Lê văn Tèo, quí vị dám dựa theo cuốn sách đó mà uống không?

Trong đó tôi kêu quí vị uống lá mã tiền, bả đậu, dám uống không?

Tại sao cái đó quí vị không tin, tại vì quí vị còn chút 'con người' trong đầu của mình, trong khi đó những tài liệu sách vở về chính trị tôn giáo lại cắm đầu vào đó không chịu suy tư, cứ để thiên hạ dắt dẫn mình đi.

Mấy ông "thầy rùa" bàn tầm bậy mà vua lại nghe theo, vì ông vua nào cũng sợ chết hoặc sợ mất quyền, nên bằng mọi giá bất cứ phương án nào khả thi củng cố chỗ ngồi là thực hiện ráo. Bà Mallikā can gián, nói vua vào tham vấn Đức Phật. Phật tử đúng nghĩa có đến tham vấn với chư tăng hay Đức Phật cũng chỉ coi là một địa chỉ tham khảo, chứ với tinh thần PGNT đúng mức thì không chấp nhận chuyện dụ khị hay hù dọa. Khi vua vào gặp Đức Phật tham vấn, Ngài nói, giết như vậy thì bậc thánh không chấp nhận được, bậc thánh chỉ chấp nhận sống có từ tâm, cúng cái gì thì cúng nhưng không được giết chóc, đoạt mạng, làm hại ai. Bài kinh này đơn giản như vậy thôi. Chú giải dài lắm, có giải thích nghi thức cúng bái như thế nào, cách cúng ra sao, cúng dê cúng ngựa cắt đầu mổ bụng lấy máu bôi

trét như thế nào v.v.... Đây là kiến thức bách khoa thôi, quí vị siêng thì đọc thêm. Ngài lạ lắm, có nhiều chỗ mình cần thì ngài ghi có ba chữ, có chỗ thì ngài viết triền miên khói lửa tràng giang đại hải. Có bữa bị bịnh hay sao đó ngài khỏi chú thích luôn, ai đọc Chú giải Pāḷi mới thấy có những chỗ cực kỳ quan trọng, cực kỳ cần thiết, thí dụ như chỗ hồi nãy 'bhadramukha' là 'hiền diện' đó, ngài nói rất là mơ hồ mà tôi phải đi dò tám trăm tài liệu mới ra để hầu cùng quí vị. Trong khi mấy chỗ này giải thích cách cúng kiếng "móc mắt mổ bụng chà giấy nhám" gì gì đó ngài nói thiệt là rõ.

TRIỀN PHƯỢC (Bandhanasutta)

Chư tăng đi bát, thấy gì ngộ ngộ về kể với Đức Phật. Đây là phản ứng tâm lý bình thường, đi tu không cha không mẹ chỉ có một mình sư phụ nên có gì ngộ ngộ về kể với sư phụ nghe. Đối với một sư phụ như Đức Phật, bất cứ chuyện gì Ngài nghe được thế nào Ngài cũng cho một bài giảng cực kỳ quan trọng và cần thiết cho đời tu của mình. Bà con hôm nay còn có kinh sách, có internet, thời Đức Phật không có nên bao nhiêu điều cần học chỉ trông cậy 100% vào sư phụ, sư phụ nói nhiều học nhiều, nói ít học ít, không nói thì mình miễn học. Tôi còn nhớ nhiều năm về trước HT Siêu Việt lúc sinh thời, ngài nói mấy sư bây giờ có kinh sách cầm tay là đại phước ma ha phước, thời của ngài học một bài kinh tụng làm gì có sách, chỉ có sư phụ cho chép. Tám ông sư nhỏ, mỗi ông chép tay một đoạn kinh rồi ra ngoài hè học thuộc rồi vô trả bài, thuộc xong rồi chép đoạn nữa. Ngài Siêu Việt là một nhân vật cũng rất gần với chúng ta hôm nay mà như vậy đó. Hôm nay về Miến Điện thấy mấy sư nhỏ học kinh toàn là sách photo. Bốn chục năm đỉnh cao trí tuệ của họ từ 1962 đến 2012 Miến Điện sống nghèo đói đến mức tận cùng.

Xiềng xích, dây trói buộc

Chư tăng đi bát thấy trên đường có một số người tù bị trói, về thưa với Đức Phật. Đức Phật nói: Tất cả những xiềng xích trong cõi nhân gian này thấy cay đắng như vậy nhưng trói người ta không ghê bằng những sợi dây ngọt ngào vì:

- Những xiềng xích gông cùm chỉ xiềng người ta được một đời, không xiềng người ta vô số kiếp.

- Những xiềng xích gông cùm này do người khác đặt lên người mình chứ không ai tự nguyện xiềng xích chính mình.

- Những xiềng xích này muốn tháo ra thì rất dễ, chỉ cần người có quyền lực trong tay thì có thể tháo bỏ giùm mình nhưng sự xiềng xích của phiền não trong tâm mỗi người là không cách chi tháo trừ phi tu tập để thành thánh nhân giải thoát phiền não, vì phiền não chính là cái bóng của chúng ta. Có ai trên đời này lại có thể nhảy ra được khỏi cái bóng của mình. Nó chính là bóng đen trùm phủ lên đời mình. Chuyện quan trọng nhất trên đời chính là làm sao lìa bỏ phiền não. Chỗ này tôi muốn gởi gắm một chuyện mà tôi cho là quan trọng, đó là phải thấy được sự có mặt của mình trên đời này là một gánh nặng, phải thấy được phiền não trong lòng mình là một nỗi khổ niềm đau thì mình mới có hy vọng lìa bỏ nó, ngày nào mình còn thấy sự có mặt của mình trên đời còn có chút gì dễ thương, ngọt ngào thì không cách nào mình lìa bỏ được nó. Phải nhớ điều đó, quan trọng lắm. Mình nói mình tu Phật, cầu giải thoát, cầu Niết-bàn mà mình đâu có sợ sanh tử. Mình sợ sanh tử là mình sợ vị đắng của nó chớ vị ngọt đâu có sợ, mình chỉ là những đứa bé. Tôi còn nhớ ở nhà quê, mỗi lần nước ngập người lớn lo muốn chết chứ con nít rất thích, vì cái mà nó biết về lũ lụt hoàn toàn không giống người lớn, nó chỉ biết là mỗi lần lũ lụt là cá tôm vô tới nhà, lội nước bì bõm rất vui mà không bị cấm đoán, trong khi người lớn rầu muốn chết, nước ngập bị hư đồ, bị cúp điện, không đi làm được, không nấu nướng được, lỡ có việc cần cấp cứu thì phải làm sao, ngồi không ăn thì núi lở mà chờ nước rút thì tiền đâu sống, con nít thì thấy lội nước được là vui. Ở đây cũng vậy, phàm phu mình sợ cái cay đắng của sanh tử chớ đâu sợ cái ngọt ngào, thật ra chính cái ngọt ngào của dòng luân hồi mới chính là cái tạo ra cay đắng cho dòng luân hồi. Có cái sung sướng nào cho bằng đi nhảy đầm uống rượu đánh bài, trà đình tửu điếm, có sung sướng nào cho bằng ngồi trong rừng mặc áo ngự hàn ấm áp có rượu, thuốc lá bạn bè, ngắm thú rừng nai mễn rồi bắn, có sung sướng nào cho bằng đi ca-nô ra vịnh để câu cá, làm thơ, nghe nhạc… rồi mai mốt đến hồi trổ quả thì trả. Có hạnh phúc nào trên đời này không có tội lỗi không?

Không có! Chỉ có hạnh phúc của người tu thôi. Trừ chữ - Những xiềng xích này muốn tháo ra thì rất dễ, chỉ cần người có quyền lực trong tay thì có thể tháo bỏ giùm mình nhưng sự xiềng xích của phiền não trong tâm mỗi người là không cách chi tháo trừ phi tu tập để thành thánh nhân giải thoát phiền não, vì phiền não chính là cái bóng của chúng ta. Có ai trên đời này lại có thể nhảy ra được khỏi cái bóng của mình. Nó chính là bóng đen trùm phủ lên đời mình. Chuyện quan trọng nhất trên đời chính là làm sao lìa bỏ phiền não. Chỗ này tôi muốn gởi gắm một chuyện mà tôi cho là quan trọng, đó là phải thấy được sự có mặt của mình trên đời này là một gánh nặng, phải thấy được phiền não trong lòng mình là một nỗi

khổ niềm đau thì mình mới có hy vọng lìa bỏ nó, ngày nào mình còn thấy sự có mặt của mình trên đời còn có chút gì dễ thương, ngọt ngào thì không cách nào mình lìa bỏ được nó. Phải nhớ điều đó, quan trọng lắm. Mình nói mình tu Phật, cầu giải thoát, cầu Niết-bàn mà mình đâu có sợ sanh tử. Mình sợ sanh tử là mình sợ vị đắng của nó chớ vị ngọt đâu có sợ, mình chỉ là những đứa bé. Tôi còn nhớ ở nhà quê, mỗi lần nước ngập người lớn lo muốn chết chứ con nít rất thích, vì cái mà nó biết về lũ lụt hoàn toàn không giống người lớn, nó chỉ biết là mỗi lần lũ lụt là cá tôm vô tới nhà, lội nước bì bõm rất vui mà không bị cấm đoán, trong khi người lớn rầu muốn chết, nước ngập bị hư đồ, bị cúp điện, không đi làm được, không nấu nướng được, lỡ có việc cần cấp cứu thì phải làm sao, ngồi không ăn thì núi lở mà chờ nước rút thì tiền đâu sống, con nít thì thấy lội nước được là vui. Ở đây cũng vậy, phàm phu mình sợ cái cay đắng của sanh tử chớ đâu sợ cái ngọt ngào, thật ra chính cái ngọt ngào của dòng luân hồi mới chính là cái tạo ra cay đắng cho dòng luân hồi. Có cái sung sướng nào cho bằng đi nhảy đầm uống rượu đánh bài, trà đình tửu điếm, có sung sướng nào cho bằng ngồi trong rừng mặc áo ngự hàn ấm áp có rượu, thuốc lá bạn bè, ngắm thú rừng nai mễn rồi bắn, có sung sướng nào cho bằng đi ca-nô ra vịnh để câu cá, làm thơ, nghe nhạc… rồi mai mốt đến hồi trổ quả thì trả. Có hạnh phúc nào trên đời này không có tội lỗi không?

Không có! Chỉ có hạnh phúc của người tu thôi. Trừ chữ *tu*ra thì bất cứ hạnh phúc nào trên đời này đều gắn liền với tội lỗi, kể cả hạnh phúc ngoài đời mà thấy đẹp nhất, sạch sẽ nhất, đó là mái ấm gia đình, bữa cơm tối mỗi đêm gia đình đoàn tụ dưới ánh đèn, thật ra, trong kinh nói, đúng nó là hạnh phúc, nhưng đó chính là nguồn dẫn đến sanh tử. Sự đoàn tụ của tiếng cười trẻ thơ trong nhà, theo thế gian rất hay, nhưng theo đạo thì đó là sự xiềng xích ràng buộc mình với thế gian. Khi Bồ tát Tất Đạt ngồi trong ngự uyển nghe báo công nương Yasodhara sanh được một hoàng nam, ngài nói *Rahulo Rahulo thêm một sợi dây trói buộc nữa rồi*. Phải nhìn nhận, cứ có thêm một người để mình thương, thêm một món đồ để mình thích là mình có thêm một sợi dây trói buộc. Hôm nay, hiện giờ tôi đang nói chuyện với quí vị tại Thụy Sĩ, hai tiếng nữa tôi sẽ rời đây tôi đi về Đức, sát biên giới này, tại sao tôi đề cập điều này, bên tôi đang sửa nóc nhà, bây giờ nó đang ngổn ngang hoang tàn như ngôi nhà sau trận pháo kích. Trong khi đó, vì Phật tử muốn sửa lại đàng hoàng, nên giờ tôi nhìn nó lạnh xương sống một lát về dọn đuối. Chỉ thêm một chút niềm vui đó là ở được chỗ mới mà mình phải trả giá đắt, dù chỉ là công việc của mấy ngày thôi, nói chi là chuyện muốn có được đám con ngoan, một cái mái ấm gia đình thì phải trả cái giá kinh hoàng cỡ nào. Tôi nhớ có cô Phật tử ở VN nói thế này: Con sợ nhất cái chữ . Phải nhìn nhận, cứ có thêm

một người để mình thương, thêm một món đồ để mình thích là mình có thêm một sợi dây trói buộc. Hôm nay, hiện giờ tôi đang nói chuyện với quí vị tại Thụy Sĩ, hai tiếng nữa tôi sẽ rời đây tôi đi về Đức, sát biên giới này, tại sao tôi đề cập điều này, bên tôi đang sửa nóc nhà, bây giờ nó đang ngổn ngang hoang tàn như ngôi nhà sau trận pháo kích. Trong khi đó, vì Phật tử muốn sửa lại đàng hoàng, nên giờ tôi nhìn nó lạnh xương sống một lát về dọn đuối. Chỉ thêm một chút niềm vui đó là ở được chỗ mới mà mình phải trả giá đắt, dù chỉ là công việc của mấy ngày thôi, nói chi là chuyện muốn có được đám con ngoan, một cái mái ấm gia đình thì phải trả cái giá kinh hoàng cỡ nào. Tôi nhớ có cô Phật tử ở VN nói thế này: Con sợ nhất cái chữ *dâu thảo vợ hiền*, để mua được bốn chữ này mà tan nát cuộc đời con. Đời con coi như thả trôi sông tệ hơn đám lục bình. Lục bình còn biết trăng thanh gió mát, còn biết buổi chiều mưa, buổi chiều nắng, buổi bình minh, còn con thì vùi đầu trong bếp, nấu cám heo, vùi đầu lo cho em chồng, cháu chồng, gia đình chồng. 18 tuổi về làm osin, làm osin thì còn được trả công còn mình thì không. Làm trật thì bị chửi. Vì vậy, Đức Phật dạy rằng, không có một xiềng xích nào trên đời này ghê gớm cho bằng những thứ mình thương mình thích, mình mê một cái gì đó thì đời mình bị gắn bị cột vào trong đó tháo ra không nổi. , để mua được bốn chữ này mà tan nát cuộc đời con. Đời con coi như thả trôi sông tệ hơn đám lục bình. Lục bình còn biết trăng thanh gió mát, còn biết buổi chiều mưa, buổi chiều nắng, buổi bình minh, còn con thì vùi đầu trong bếp, nấu cám heo, vùi đầu lo cho em chồng, cháu chồng, gia đình chồng. 18 tuổi về làm osin, làm osin thì còn được trả công còn mình thì không. Làm trật thì bị chửi. Vì vậy, Đức Phật dạy rằng, không có một xiềng xích nào trên đời này ghê gớm cho bằng những thứ mình thương mình thích, mình mê một cái gì đó thì đời mình bị gắn bị cột vào trong đó tháo ra không nổi. *Thêm một người thương, thêm một vật mình thích là thêm một sợi dây xiềng xích, thêm một nhà tù để mình đút đầu vào trong đó.* Trong Tương Ưng Đức Phật dạy: *Đừng tìm chi cái thương, đừng tìm chi cái ghét. Tìm* nghĩa là đừng nhìn cuộc đời này bằng sự kiếm tìm cái để mình thích, và đừng nhìn cuộc đời bằng cái nhìn soi mói để bực dọc, bởi vì thương mà xa là khổ, ghét mà gần là khổ. Còn có thương là còn có ghét, hai cái này không lìa nhau được, thương thích ở đâu, ghét sợ chạy theo ở đó. Nhiều đêm tôi đọc báo, ngó đồng hồ đã hai giờ sáng, thấy ngày mai phải giảng mà giờ đã hai giờ sáng. Bốn rưỡi tôi đã phải dậy, rửa mặt sơ sơ, làm miếng cà phê, mở cái máy, cái máy này mở rằm tháng giêng đến rằm tháng tám mới lên, nên bốn rưỡi tôi đã dậy mở máy rồi. Không phải nuôi vợ nuôi con, không đạp xích lô, không bán vé số, không nhóm chợ phiên, không gồng gánh khuân vác, chỉ nghĩ đến một chuyện ngày mai giảng cho bà con thôi nhưng liếc đồng hồ thấy hai giờ chưa ngủ thì thấy

oải rồi, nếu mà có vợ chồng con cái, nhà cửa, công việc, hàng hóa thì còn đáng sợ hơn.

Xiềng xích có hai thứ, một thứ xiềng ngoại thân và một thứ xiềng nội tâm; một thứ chỉ xiềng đời này một thứ xiềng đời sau và kiếp khác. Ráng mà sống và nghĩ coi cái gì thật sự nó xiềng mình, hôm nay mình có bị xiềng bởi cái gì hay không, và bây giờ tôi sắp sửa tháo cái xiềng ra, đó là buổi giảng đã đến lúc kết thúc, xin hẹn gặp lại quí vị ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 26-8-2014 *II. PHẨM THỨ HAI*

BỆN TÓC (Sattajaṭilasutta)

Chúng ta biết rằng tên của vua Ba-Tư-Nặc tiếng Pāḷi là Pasenadi, tiếng Sanskrit là *Prasenajit*. Khi nào quí vị thấy chữ *Prasenajit*này thì biết rằng mình đang đọc văn bản có nguồn gốc PG Bắc Truyền, và nếu như vậy thì mình có khả năng gặp những chi tiết không giống kinh điển Pāḷi, phải tỉnh táo! Cũng giống như chữ Sariputta (Xá-Lợi-Phất) bên PGNT thì ok, nhưng khi quí vị gặp chữ Xá-Lợi-Phất viết theo kiểu này: '*Sariputra'* thì quí vị có thể gặp những chi tiết rất là lạ, quí vị có thể thấy Sariputra đó là một con người rất vớ vẩn, ngớ ngẩn, độn căn, độn trí, tiểu thừa, tiêu nha bại chủng. Thí dụ quí vị có thể gặp chữ Sariputra này trong Kinh Duy Ma chẳng hạn, trong đó ngài Xá-Lợi-Phất như một đứa trẻ, một tiểu sadi dốt nát không biết gì hết, đến thăm ông Duy Ma rồi hỏi "nhà chật vầy mười phương Bồ tát Ma ha tát tới sao ngồi cho đủ?

" hoặc hỏi "sắp tới giờ ăn rồi, giờ phải làm sao?

", hỏi y hệt như một đứa bé dốt nát vậy đó, trong khi bên PGNT ngài là nhân vật số hai sau Đức Phật, thậm chí trong kinh có chỗ gọi ngài là '*Satthasama*' nghĩa là người tương đương với Bậc Đạo sư. Trong nhận xét của người bình thường, những gì Đức Phật làm được, nói được thì ngài Xá-Lợi-Phất cũng làm được; giống như trong đánh giá của một người mù hoặc què thì một ngọn núi cao vút hay thâm thấp cũng như nhau, vì họ không thể nào leo lên nổi nên núi nào cũng là núi. Còn khả năng thần thông của ngài Mục Kiền Liên so với Đức Phật thì giống nhau trong khả năng đo lường của chúng ta, nghĩa là chuyện gì Đức Phật làm được thì ngài Mục Kiền Liên làm được và ngược lại. Chẳng hạn như tốc độ của Đức Phật thì hơn ngài Mục Kiền Liên biết bao nhiêu lần nhưng trong nhận xét của người thường thì như nhau, giống như chiếc máy bay Concorde bay từ châu Âu qua Mỹ chỉ bằng một nửa hoặc một phần ba thời gian những chiếc máy bay thông thường nhưng nếu không đọc sách báo thì chúng ta sẽ không biết điều đó.

Vua Pasenadi tương lai sẽ là một vị Phật, trong kiếp hiện tại, ông là một người cẩn trọng, trước khi theo Đức Phật, ông cho thám tử theo dõi Đức Phật suốt 7 năm trời, vì vậy làm sao ông có thể chấp nhận người này người kia. Chú giải ghi thế này: Dù sao đó cũng là người tu hành và vua Pasenadi không muốn bảy vị này và những người khác nhìn vào nghĩ rằng vua không biết tôn trọng người tu –

vốn là những người bỏ hết mọi thứ sống đời khổ hạnh- nghĩ rằng vua là người hưởng dục không biết tôn trọng người ly dục vì vậy vua đứng dậy chào.

Nội dung quan trọng của bài kinh này nằm ở phần sau. Sau khi đứng dậy chào Đức Phật, vua hỏi Thế Tôn rằng những vị ấy có phải là A-la-hán hay không. Đức Phật trả lời, khi mình là người ngoại đạo ("người ngoài làng", không thuộc giới chuyên môn) thì đánh giá người khác hơi khó. Không phải giới chuyên môn thì khó hiểu được người trong giới chuyên môn. Dùng cái tâm tình, cái điều kiện hiện tại của một người cư sĩ để đánh giá người xuất gia thì hơi khó. Thí dụ tôi không phải là bác sĩ, tôi đâu biết được khó khăn mà một bác sĩ phải gặp, tôi không phải là luật sư, tôi đâu biết vấn đề mà một luật sư phải gặp trong nghề của họ. Tôi chỉ đoán mò thôi, trước vụ án khó thì luật sư bên đối phương cũng đi tìm những chứng cứ, những tài liệu để họ đánh đổ mình, ngược lại mình cũng phải lặn lội tìm tài liệu, chứng cứ để đối phó với họ và trên đường đi tìm đó cũng khó chứ không phải dễ. Cũng vậy, một người cư sĩ làm sao có thể biết được đời sống của một người xuất gia. Đức Phật xác nhận: *Để hiểu một người nào đó thì phải sống chung mới biết đức hạnh của họ, phải chung nghề, phải cùng trải qua hoạn nạn, phải cùng trao đổi trò chuyện, lấy mắt nhìn thì rất khó mà biết.* Bài này không cần chú thích thêm mà Chú giải cũng không nói gì nhiều. Không hiểu sao có những chỗ đơn giản ngài lại nói rất rõ, còn có những bài kinh khó muốn chết mà ngài chỉ nói sơ sơ. Ví dụ như trong đây ngài giải thích kỹ thế nào là hưởng dục, nào là sử dụng dầu thơm, hương liệu… có những chỗ khó le lưỡi thì ngài làm lơ, nhiều chỗ ngài bỏ công ra kể chuyện Nam Tào Bắc Đẩu, cô kia họ hàng hang hốc với ông nọ ra sao.

Đánh giá người khác

Bài kinh có nội dung đại khái thế này: Để đánh giá một con người mình phải nhờ đến những điều kiện cần thiết chớ không phải muốn là được. Để hiểu một sự kiện một vấn đề thì ta cũng phải cần một hoàn cảnh, một điều kiện nào đó để có một tâm thái thích hợp. Mỹ có câu thế này: Bài kinh có nội dung đại khái thế này: Để đánh giá một con người mình phải nhờ đến những điều kiện cần thiết chớ không phải muốn là được. Để hiểu một sự kiện một vấn đề thì ta cũng phải cần một hoàn cảnh, một điều kiện nào đó để có một tâm thái thích hợp. Mỹ có câu thế này: *Muốn hiểu được một người nào đó thì phải xỏ chân mình vào giày của họ.* Câu đó cũng gần giống để áp dụng cho bài kinh này như một chút gợi ý. Muốn hiểu được một người, muốn biết được một chuyện thì cần phải có một bối cảnh, điều kiện nào đó chớ không phải tùy tiện đánh giá. Trong đường tu của mình làm

sao không có những lúc cần đến thầy bạn, nhưng nếu mình không đánh giá thì dễ bị bé cái nhầm. Đi xe lầm chuyến chỉ mất chút thời gian, một chút tiền thôi, nhưng nếu mua nhầm chuyến máy bay đi nhầm nước thì cũng khủng khiếp, nhưng dù sao cũng không thê thảm cho bằng lấy nhầm người làm chồng lấy nhầm người làm vợ, chọn nhầm sư phụ, chọn nhầm đối tác làm ăn để rồi thân bại danh liệt tán gia bại sản. Vì vậy khả năng đánh giá đối phương rất là quan trọng. Trong đời mình có nhiều việc để mình bầu cử, ở những xứ tự do, chính người dân là người quyết định vận mệnh của đất nước qua những lần bầu cử bỏ phiếu bầu bán ai đó. Nhưng có trường hợp bầu cử rất quan trọng, đó là trong năm bảy cô mình quen, sao mình chọn cô A mà không chọn cô B, năm bảy người đàn ông sao mình chọn người này mà không chọn người khác, cũng là cuộc bầu cử. Có những trường hợp bỏ phiếu rất là quan trọng ảnh hưởng cho cả cuộc đời của mình, năm bảy trăm ngàn cuốn sách tại sao mình không đọc mà mình chọn đọc cuốn sách này, có bao nhiêu lãnh vực chuyên môn để mình theo dõi đam mê sao mình lại lựa ngành này. Mình thích cuốn sách đó, thích tác giả đó, mình theo đuổi thể loại phim ảnh, hay tiểu thuyết văn học nào đó cũng là sự bầu cử, bỏ phiếu, chọn lựa, thông qua khả năng đánh giá nhận thức phán đoán và giám thức của mình. Bài kinh này liếc qua dễ hiểu nhưng phải nhớ nó là một trong những thần chú phải nhớ trong đời mình: Câu đó cũng gần giống để áp dụng cho bài kinh này như một chút gợi ý. Muốn hiểu được một người, muốn biết được một chuyện thì cần phải có một bối cảnh, điều kiện nào đó chớ không phải tùy tiện đánh giá. Trong đường tu của mình làm sao không có những lúc cần đến thầy bạn, nhưng nếu mình không đánh giá thì dễ bị bé cái nhầm. Đi xe lầm chuyến chỉ mất chút thời gian, một chút tiền thôi, nhưng nếu mua nhầm chuyến máy bay đi nhầm nước thì cũng khủng khiếp, nhưng dù sao cũng không thê thảm cho bằng lấy nhầm người làm chồng lấy nhầm người làm vợ, chọn nhầm sư phụ, chọn nhầm đối tác làm ăn để rồi thân bại danh liệt tán gia bại sản. Vì vậy khả năng đánh giá đối phương rất là quan trọng. Trong đời mình có nhiều việc để mình bầu cử, ở những xứ tự do, chính người dân là người quyết định vận mệnh của đất nước qua những lần bầu cử bỏ phiếu bầu bán ai đó. Nhưng có trường hợp bầu cử rất quan trọng, đó là trong năm bảy cô mình quen, sao mình chọn cô A mà không chọn cô B, năm bảy người đàn ông sao mình chọn người này mà không chọn người khác, cũng là cuộc bầu cử. Có những trường hợp bỏ phiếu rất là quan trọng ảnh hưởng cho cả cuộc đời của mình, năm bảy trăm ngàn cuốn sách tại sao mình không đọc mà mình chọn đọc cuốn sách này, có bao nhiêu lãnh vực chuyên môn để mình theo dõi đam mê sao mình lại lựa ngành này. Mình thích cuốn sách đó, thích tác giả đó, mình theo đuổi thể loại phim ảnh, hay tiểu thuyết văn học nào đó cũng là

sự bầu cử, bỏ phiếu, chọn lựa, thông qua khả năng đánh giá nhận thức phán đoán và giám thức của mình. Bài kinh này liếc qua dễ hiểu nhưng phải nhớ nó là một trong những thần chú phải nhớ trong đời mình: *Chúng ta luôn luôn phải cần đến một điều kiện hoàn cảnh đặc biệt nào đó để hiểu thấu một người một việc chớ đừng cẩu thả mà mang hận một đời.* Đừng để phải hát câu ca dao: *Tưởng giếng sâu tôi nối sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn tôi tiếc hoài sợi dây*. Câu này nói về tình cảm nam nữ, nhưng đối với tôi nó giống như câu thần chú về nhiều mặt. Đời tu mà hoang phí thời gian trên chuyện tào lao thiên tướng cũng đáng để mà đọc tụng câu này mỗi đêm. Một đời theo đuổi lý tưởng văn hóa, xã hội, chính trị v.v... để rồi một chiều mưa một đêm khuya nào đó bàng hoàng sững sờ nhận ra rằng thì ra bấy lâu nay ta đã lầm.

NĂM VUA (Pañcarājasutta)

Bài kinh này cũng đáng để mắt tới một chút. Nếu cứ khư khư ngó chánh văn là một, bận tâm đến chiều dài là hai thì thấy ngán, nhưng nhớ mỗi bài kinh có nội dung ngắn gọn thì cái ngắn gọn đó đáng được xem là thần chú để sống ở đời và để tu tập trong đạo. Vua Pasenadi là một ông vua của một vương quốc lớn nhất của xứ Ấn Độ thời đó. Xứ Ấn Độ hồi đó có vô số tiểu quốc, trong đó có 16 nước lớn thì Kosala của vua Pansenadi là quốc gia hùng mạnh nhất, phồn vinh thịnh vượng nhất. Các vua kia thỉnh thoảng đến thăm như là chư hầu. Khi gặp nhau họ có những cuộc nói chuyện đàm đạo. Trong lúc trà dư tửu hậu, mỗi người nói một điều tâm đắc của mình, sau đó vua Pasenadi đem nội dung buổi đàm đạo đó thưa lại với Đức Phật: *Bạch Thế Tôn, chúng con đã có buổi nói chuyện như vầy, có người nói nhìn quan trọng hơn nghe, người thì nói nghe quan trọng hơn nhìn, người thì nói mùi quan trọng hơn vị, kẻ thì nói vị quan trọng hơn mùi, xúc giác quan trọng hơn thính giác, người thì nói thính giác không bằng khứu giác, người thì nói khứu giác không bằng vị giác v.v...* Vua chờ Đức Phật đúc kết một kết luận, vì trong lòng vua Pasenadi tin rằng Đức Phật là nơi mà vua có thể tìm thấy câu trả lời rốt ráo nhất. Trong Chú giải bài kinh này có một vấn đề rất quan trọng, tôi sẽ nói sau.

Trong bài kinh này mỗi ông vua tâm đắc một điều, mỗi ông đại diện cho tất cả chúng ta trên thế giới này. Có người coi nặng chuyện ăn uống, có người coi nặng chuyện trang phục: đồng hồ, mắt kính giày dép, xách tay phải ngon lành, làm sao bước ra đường phải sang trọng đắt tiền bảnh bao. Có người ăn mặc sao cũng được nhưng xe phải xịn. Có người đầu tư vào phone, ăn mì gói mà xài iphone 5. Có người thì thích sưu tập nước hoa, đổ cả gia tài vào nước hoa, đối với họ nước

hoa là một thế giới không sao cưỡng nỗi. Trong bài kinh này mỗi ông vua tâm đắc một điều, mỗi ông đại diện cho tất cả chúng ta trên thế giới này. Có người coi nặng chuyện ăn uống, có người coi nặng chuyện trang phục: đồng hồ, mắt kính giày dép, xách tay phải ngon lành, làm sao bước ra đường phải sang trọng đắt tiền bảnh bao. Có người ăn mặc sao cũng được nhưng xe phải xịn. Có người đầu tư vào phone, ăn mì gói mà xài iphone 5. Có người thì thích sưu tập nước hoa, đổ cả gia tài vào nước hoa, đối với họ nước hoa là một thế giới không sao cưỡng nỗi. *Tùy theo khuynh hướng tâm lý của bản thân, tùy theo tiền nghiệp quá khứ, tùy theo môi trường sống hiện tại gồm có: giáo dục gia đình, bối cảnh xã hội, giao tiếp bè bạn; tất thảy những điều kiện này dẫn chúng ta đến việc thích cái gì ghét cái gì.* Từ chỗ chúng ta thích cái gì và ghét cái gì nó mới tạo nên nhân cách của chúng ta, từ nhân cách tạo nên định phận của chúng ta, từ đó nó tạo nên tương lai và mở ra con đường luân hồi của chúng ta có hình dáng mặt mũi dung nhan như thế nào.

Thế nào là cảnh tốt?

Trong Chú giải có chỗ nói thế này: *"Ekantato pana vipākacittaṃ iṭṭhāniṭṭhaṃ paricchindati"*. Việc mình nói cảnh đó tốt hay cảnh xấu, ví dụ mùi đó là mùi thơm hay không thơm, món ngon hay không ngon đó là sở thích của mỗi người. Nhưng mà cảnh đó được xem là cảnh tốt hay xấu theo A-tỳ-đàm không phải là sở thích của mình mà chính là tâm nào đã biết nó. Tôi nói cho người nào học A-tỳ-đàm chớ không học A-tỳ-đàm thì chỉ nghe như vịt nghe sấm thôi. Theo người đời không học A-tỳ-đàm, cái nào họ thích thì cái đó là cảnh tốt, cảnh vừa ý. Ví dụ họ thích ăn mắm, thích ăn sầu riêng, thích ăn chao thì đó là cảnh tốt, họ cứ tưởng rằng họ thích ăn món đó mà giờ họ có trước mặt để ăn, thì đó là phước của họ. Nhưng theo A-tỳ-đàm thì chưa chắc, bởi vì món đó mình thích thiệt nhưng nếu mà cái tâm ghi nhận - cái tâm thiệt thức (tâm biết cảnh vị) lúc mình ăn món đó, ăn bằng tâm thiệt thức quả bất thiện thì cảnh đó là cảnh xấu.

"*Kiñcāpi hi micchādiṭṭhikā buddhaṃ vā saṅghaṃ vā mahācetiyādīni* vā *uḷārāni ārammaṇāni disvā",* đối với một người tà kiến mà họ có nhìn thấy Đức Phật, chư tăng hay những ngôi đại bảo tháp hay là *uḷārāni ārammaṇāni,* những quang cảnh hoành tráng đặc biệt như lễ lạt trai tăng cúng dường gì đó; *"akkhīni pidahanti domanassaṃ āpajjanti, dhammasaddaṃ sutvā kaṇṇe thakenti",* thì dầu cho họ cố ý nhắm mắt lại không muốn nhìn nữa, khi nghe giảng họ bịt lỗ tai họ lại thì Phạm âm của Đức Phật đối với họ cũng là cảnh tốt, hình ảnh 32 tướng của Đức Phật vẫn là cảnh tốt, có điều họ không thích, họ ghét, họ không muốn nhìn Ngài nữa,

nhưng cái tâm nhìn thấy Đức Phật. Theo trong A-tỳ-đàm thì con mắt của mình không có thấy như mình hiểu mà nó chỉ chụp hình. Mình biết đó cảnh gì, biết đây là cái hoa, hay cái lá hay là chồi non, hay tấm giấy…thì chuyện biết đó qua một loạt những tiến trình tâm thức sau đó, còn con mắt của mình chỉ chụp hình mà thôi còn đánh giá nhận xét hình ảnh đối tượng đó thì thuộc về đời sống của ý thức còn thị giác của mình thì nó rất máy móc, nó không thể phân tích đây là đẹp đây là xấu đây là thích hay không thích. Tuy nhiên đối với cảnh nào mà do nghiệp lành quá khứ tạo ra cho mình thì mình ghi nhận cảnh đó bằng tâm quả thiện, cảnh nào do nghiệp xấu quá khứ tạo ra thì sẽ ghi nhận bằng tâm nhãn thức quả bất thiện. Sở dĩ tôi coi đoạn này quan trọng vì từ đó đến giờ có tranh cãi thế này: thì dầu cho họ cố ý nhắm mắt lại không muốn nhìn nữa, khi nghe giảng họ bịt lỗ tai họ lại thì Phạm âm của Đức Phật đối với họ cũng là cảnh tốt, hình ảnh 32 tướng của Đức Phật vẫn là cảnh tốt, có điều họ không thích, họ ghét, họ không muốn nhìn Ngài nữa, nhưng cái tâm nhìn thấy Đức Phật. Theo trong A-tỳ-đàm thì con mắt của mình không có thấy như mình hiểu mà nó chỉ chụp hình. Mình biết đó cảnh gì, biết đây là cái hoa, hay cái lá hay là chồi non, hay tấm giấy…thì chuyện biết đó qua một loạt những tiến trình tâm thức sau đó, còn con mắt của mình chỉ chụp hình mà thôi còn đánh giá nhận xét hình ảnh đối tượng đó thì thuộc về đời sống của ý thức còn thị giác của mình thì nó rất máy móc, nó không thể phân tích đây là đẹp đây là xấu đây là thích hay không thích. Tuy nhiên đối với cảnh nào mà do nghiệp lành quá khứ tạo ra cho mình thì mình ghi nhận cảnh đó bằng tâm quả thiện, cảnh nào do nghiệp xấu quá khứ tạo ra thì sẽ ghi nhận bằng tâm nhãn thức quả bất thiện. Sở dĩ tôi coi đoạn này quan trọng vì từ đó đến giờ có tranh cãi thế này: **Được gọi là cảnh tốt là như thế nào?**

Có người nói cảnh tốt là do người biết cảnh đó. Ví dụ nói cái hoa đó dầu thích hay không thích nó vẫn là cảnh tốt, có người nói cái nào tôi thích thì đó mới là cảnh tốt. Nhưng chỗ này các ngài giải thích không phải do hoa cũng không phải là do mình thích hay không thích mà nằm ở chỗ là cái hoa đó được mình biết bằng tâm nhãn thức quả thiện hay quả bất thiện. "*Vipākacittaṃ iṭṭhāniṭṭhaṃ paricchindati"* chính cái tâm quả ngũ song thức mới quyết định cảnh đó là cảnh tốt hay cảnh xấu. Ví dụ một người tà kiến dù ghét Đức Phật đi nữa nhưng trong lúc nhìn Ngài họ vẫn nhìn bằng tâm nhãn thức quả thiện.

"Gūthasūkarādayo gūthagandhaṃ ghāyitvā khādituṃ labhissāmāti somanassajātā honti, gūthadassane pana nesaṃ cakkhuviññāṇaṃ, tassa gandhaghāyane ghānaviññāṇaṃ, rasasāyane jivhāviññāṇañca akusalavipākameva" Còn đối với những loài dơ như heo chó chẳng hạn thì con

thiêu thân thích lắm, vui lắm, nhưng mà cái tâm tỷ thức, cái tâm thiệt thức nghe mùi và nếm vị của mấy con thú đó khi mà nó đang ăn phân vẫn là tâm quả bất thiện. Do cái tâm quả bất thiện nó mới khiến cho hôm nay những loài này phải thích món đó, và tuy mình thấy nó ăn ngon lành thiệt nhưng mà cái tâm thưởng thức tâm ghi nhận cái món phân đó - đón nhận cái cảnh đó - vẫn là cái tâm quả bất thiện. Không phải thấy nó thích nó ăn ngon thì mình cho nó là cảnh tốt.

Bài kinh 7 du sĩ (Bện Tóc) quan trọng ở chỗ muốn đánh giá, muốn nhận thức cái gì đó thì ta phải cần đến một bối cảnh tâm lý thích hợp, một điều kiện ngoại cảnh thích hợp chớ chúng ta đừng có võ biền, ẩu tả vơ đũa cả nắm hoặc dựa vào chi tiết nhỏ nhỏ rồi đánh giá bừa bãi một con người hay một sự việc thì không nên, bởi vì chính những thứ ta ghét những thứ ta thích nó tạo nên nhân cách và định phận của mình; nếu mình thích cái tào lao, mình ghét cái đáng quý, đáng kính, chính những cái thích ghét nhầm chỗ sẽ làm cho mình đi lạc đường. Vì vậy phải cẩn trọng trong việc lựa bạn mà chơi, lựa thầy mà theo.

Thích và ghét tạo nên số phận

Bài kinh số hai (Năm Vua) quan trọng ở chỗ, anh hãy nói cho tôi biết anh thích và ghét cái gì tôi sẽ nói con người anh như thế đó. Bài kinh này nhiều ý lắm, ý thứ nhất Đức Phật dạy trong năm trần cảnh sắc thinh khí vị xúc không có cái nào là số một hết, tùy trường hợp, tùy khuynh hướng tâm lý chúng sinh mà cái nào là số một. Cái quan trọng nhất hết thảy là có hai chuyện phải nhớ: Thứ nhất, đối với người học A-tỳ-đàm thì hôm nay chúng ta có dịp để biết rằng cái gọi là cảnh tốt hay là không tốt là nó được biết bằng tâm nào trong ngũ song thức, đó là một bài học A-tỳ-đàm trong một bài kinh Tạng. Điều thứ hai đó chính là ngay kể từ bây giờ khi mình đã là một người Phật tử rồi thì phải luôn luôn đọc niệm câu thần chú này: Bài kinh số hai (Năm Vua) quan trọng ở chỗ, anh hãy nói cho tôi biết anh thích và ghét cái gì tôi sẽ nói con người anh như thế đó. Bài kinh này nhiều ý lắm, ý thứ nhất Đức Phật dạy trong năm trần cảnh sắc thinh khí vị xúc không có cái nào là số một hết, tùy trường hợp, tùy khuynh hướng tâm lý chúng sinh mà cái nào là số một. Cái quan trọng nhất hết thảy là có hai chuyện phải nhớ: Thứ nhất, đối với người học A-tỳ-đàm thì hôm nay chúng ta có dịp để biết rằng cái gọi là cảnh tốt hay là không tốt là nó được biết bằng tâm nào trong ngũ song thức, đó là một bài học A-tỳ-đàm trong một bài kinh Tạng. Điều thứ hai đó chính là ngay kể từ bây giờ khi mình đã là một người Phật tử rồi thì phải luôn luôn đọc niệm câu thần chú này: *Những gì tôi thích những gì tôi ghét sẽ tạo nên nhân cách và định phận của đời tôi cho nên tôi sẽ phải cẩn trọng vô cùng cẩn trọng.* Bởi vì chuyện

mình thích chưng diện, thích ăn ngon, thích giao du với người này mà không phải là người kia, tưởng là bình thường nhưng không phải là bình thường mà là cực kỳ quan trọng. Mình tưởng là chơi qua đường, thích thì cuối tuần gặp nhau, nhưng chính nó rủ rỉ thầm thì nó làm mình tan nát mà mình không hay. Trong một triều đình, bên cạnh vua bao nhiêu là đầu óc trác việt tinh hoa nhưng nhiều khi những quyết định mang tầm quốc gia lại hết sức u mê là do ông vua nghe thằng thái giám, vì ổng xem nó người tâm phúc. Là quân vương đứng đầu trăm họ nhưng chính ông vua không ngờ rằng cái nàng quý phi ông sủng ái nhất một chữ bẻ đôi không biết nhưng ngày đêm cứ rủ rỉ miết, hoặc còn thằng thái giám nó rủ rỉ miết cũng chết. Ai đọc sử Tàu thì biết, lúc nhà Minh sắp mạt thì thái giám nắm hết. Vua Sùng Trinh giống như con gà trống thiến, ăn rồi lo hưởng dục trong cung, trăm thứ giao hết cho các thái giám. Hãy nhớ trong đầu của mình dù ta có là ai đi nữa thì cái gì ta đam mê thích thú, ta tôn trọng, ta nghiện ngập, những cái đó quyết định cuộc đời của ta, hãy cẩn trọng đừng để mình là hôn quân nghe lời sủng phi, đừng để mình ông vua phải nghe lời thái giám. Mình hãy là một con người sống giữa đời đi bằng chân của mình, nhìn bằng mắt của mình, suy nghĩ bằng óc của mình, chứ còn những thứ mình thích những thứ mình ghét coi chừng nó chính là mầm họa cho tương lai. Tại sao có người đã thành Chánh Đẳng Giác và đã Niết-bàn viên tịch mà mình còn ở đây, Thanh văn mình leo lên chưa tới?

Là bởi vì kiếp xưa mình đã có những chọn lựa quá sức tệ. Chính Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Bồ Tát Thiện Huệ Sumedha. Phật Nhiên Đăng đã niết-bàn rồi, Bồ tát Sumedha thành Phật Thích Ca cũng đã niết-bàn rồi, Ngài thành Phật xong Ngài thọ ký cho người khác. Còn mình thì sao?

Mình vẫn ngồi ở đây là tại vì vô lượng kiếp xưa mình đã có những chọn lựa không ra gì. Nếu mình vẫn tiếp tục thích những thứ không đáng thích và ghét những thứ không nên ghét thì coi chừng tám chục a-tăng-kỳ nữa mình vẫn là người vào một cái room paltalk nào đó để mà tiếp tục nghe nữa. Cứ như vậy thôi. Chuyện mình thích ghét vô cùng quan trọng, mình phải cẩn trọng, vì trong đời mình có vô số những cuộc bầu cử, có những cuộc bầu cử mang ý nghĩa chính trị và những cuộc bầu cử văn hóa, tôn giáo, tâm linh, không kém phần quan trọng. Chọn bạn mà chơi chọn sách mà đọc, cũng là lần bầu cử, rất là quan trọng. Tiếp theo bài kinh Ăn Nhiều, gọi là bài kinh Diet (Dietsutra) cũng được.

ĐẠI THỰC (Doṇapākasutta)

Không ăn quá no

Trong Luật nói vị tỳ kheo nên chấm dứt bữa ăn khi sắp no. Thật tình tôi rất hoan hỉ và sửng sốt khi sau này đọc báo đọc sách mới biết ra phép dưỡng sinh khoa học bậc nhất người ta cũng khuyên đừng bao giờ ăn quá no. Từ Ohsawa đến Yoga, võ thuật khí công dưỡng sinh… cũng khuyên đừng ăn quá no. Tôi biết bài kinh này nhiều người coi thường, mở bài kinh ra phải thấy hào quang chiếu diệu, Bát chánh đạo, Thất giác chi, chớ nhìn vô thấy ăn uống có gì đâu mà hay. Trong Luật nói một vị tỳ kheo phải cẩn trọng trong ăn uống giống như lựa bạn mà chơi, phải lựa món mà ăn, bởi vì nếu mình không khéo lăn đùng ra bịnh thì lấy gì mà duy trì phạm hạnh đây. Lớn chuyện chớ không phải không. Ăn quá mức cần và đủ cũng không được. Chuyện quan trọng hết thảy là mình có thói quen rất là tệ đó là khoái thì ăn cho đã, ăn ngập mặt, ăn như vậy thì đi đứng khó khăn chậm chạp, lỡ cần uống nước thì chỗ đâu mà chứa. Trong Thanh Tịnh Đạo phần giải về Định có nói hành giả nhớ né cái bịnh này: Trong Luật nói vị tỳ kheo nên chấm dứt bữa ăn khi sắp no. Thật tình tôi rất hoan hỉ và sửng sốt khi sau này đọc báo đọc sách mới biết ra phép dưỡng sinh khoa học bậc nhất người ta cũng khuyên đừng bao giờ ăn quá no. Từ Ohsawa đến Yoga, võ thuật khí công dưỡng sinh… cũng khuyên đừng ăn quá no. Tôi biết bài kinh này nhiều người coi thường, mở bài kinh ra phải thấy hào quang chiếu diệu, Bát chánh đạo, Thất giác chi, chớ nhìn vô thấy ăn uống có gì đâu mà hay. Trong Luật nói một vị tỳ kheo phải cẩn trọng trong ăn uống giống như lựa bạn mà chơi, phải lựa món mà ăn, bởi vì nếu mình không khéo lăn đùng ra bịnh thì lấy gì mà duy trì phạm hạnh đây. Lớn chuyện chớ không phải không. Ăn quá mức cần và đủ cũng không được. Chuyện quan trọng hết thảy là mình có thói quen rất là tệ đó là khoái thì ăn cho đã, ăn ngập mặt, ăn như vậy thì đi đứng khó khăn chậm chạp, lỡ cần uống nước thì chỗ đâu mà chứa. Trong Thanh Tịnh Đạo phần giải về Định có nói hành giả nhớ né cái bịnh này: *Bhattasamada*(chữ này quan trọng lắm). 'Samada': 'say', 'Bhatta': 'cơm'.

"Bhattapariḷāhoti bhattasammadahetuko".

'Bhattapariḷāhoti': 'trục trặc', 'mệt mỏi', ngài Minh Châu dịch là 'nhiệt não'. '*Bhattasammadahetuko'*: 'chứng say cơm'. "*Nhiệt não do ăn uống*" là ăn làm sao mà để cho sự *nhiệt não*phát sinh từ bữa ăn của mình. Ăn nhầm thứ khó tiêu đã khó chịu mà ăn đầy bụng thì càng khổ nữa. Nhất là tỳ kheo, tu nữ, một mình độc cư viễn ly mà bịnh hoạn thì ai mà lo, tưởng bịnh nan y tuyệt chứng thì không tức, mà bịnh do bất cẩn trong ăn uống thì thảm lắm.

Bài kinh này là bài kinh vắn tắt, có một chỗ cũng bài kinh này nhưng nhắc được đầy đủ hơn. Có một lần vua Ba Tư Nặc về hầu Phật sau bữa ăn, vua nói: *Bạch Thế Tôn, thời gian gần đây cứ mỗi lần dùng bữa sáng xong là con không an lạc, mỗi lần dùng bữa trưa xong là con không an lạc, mỗi lần dùng bữa tối xong là con không an lạc, người con mệt mỏi dã dượi làm sao đó*. Lúc đó Đức Phật đọc bài kệ này:

Con người thường chánh niệm,

Được ăn, biết phải chăng,

Chừng mực, cảm thọ mạnh,

Già chậm, tuổi thọ dài.

Vua nghe xong bài kệ hiểu liền, mừng lắm, quay qua nói với người hầu cận: *Từ nay về sau mỗi lần ta chạm đến thức ăn thì ngươi phải đọc bài kệ này*. Người hầu làm theo, mỗi lần vua chạm đũa là người hầu đọc bài kệ này. Vua cảm kích vì điều này nên khi mỗi lần nhớ về Đức Phật ông nói: *Đức Phật đã thương mình cả đời này cả đời sau kiếp khác. Đức Phật không chỉ là đạo sư cho mình về đời sống tinh thần mà còn là bậc thầy của mình về đời sống vật chất thể xác.* Bài kinh này nói về sự chừng mực trong đời sống vật chất và cũng là gợi ý quan trọng cho những nhu cầu khác của đời sống chứ không dừng lại riêng ở chuyện ăn uống. Trong đời sống vật chất luôn luôn nên biết dừng lại.

Bài giảng ngày 28-8-2014 CHIẾN TRANH (Paṭhamasaṅgāmasutta)

Chúng ta biết rằng vua Bình Sa Vương (Bimbisara) là cha của vua A-Xà-Thế (Ajātasattu). Vua A-Xà-Thế có quan hệ với vua Ba-Tư-Nặc. Hoàng hậu Videhi (mẹ của vua A-Xà-Thế) là con gái của vua Maha Kosala. Vua Maha Kosala là cha của vua Ba-Tư-Nặc. Tóm lại bà này là em gái của vua Ba-Tư-Nặc, và A-Xà-Thế gọi vua Ba-Tư-Nặc là cậu ruột. Trong ngày đi lấy chồng, bà Videhi được vua cha ban cho ngôi làng Kāsigāma xem như của hồi môn, một chút tài chính để lo vấn đề hương liệu. Đây là ngôi làng rất lớn, trù phú giàu có. Người Ấn Độ, họ nghèo nhưng sẵn sàng chi một phần không nhỏ trong thu nhập để mua hoa tươi, hương liệu, bột thơm, bột tắm, nước hoa để bôi xức giao tiếp với nhau. Ví dụ tôi là người Ấn Độ, nếu tôi welcome các vị đến chỗ tôi thì tôi sẽ dùng nhiều hoa tươi, bột thơm để rắc rải lên người quí vị. Hôm nay người Ấn Độ xài dữ lắm huống chi ngày xưa giới thượng lưu Ấn Độ thì tiêu pha chi phí hương liệu nhiều biết bao nhiêu. Thu nhập của cái làng này mỗi năm lên cả trăm ngàn đồng tiền vàng.

Kena kāraṇena?

Vì sao họ đánh nhau?

Mahākosalarañño kira bimbisārassa dhītaraṃ dentena, trong ngày vua Mahākosala gả con, "*dvinnaṃ rajjānaṃ antare satasahassuṭṭhāno kāsigāmo nāma dhītu dinno",* ông cũng đã đem ngôi làng Kāsigāma tặng cho đứa con.

"*satasahassuṭṭhāno*": thu nhập năm là cả trăm ngàn tiền vàng

*"Ajātasattunā ca pitari mārite"*sau khi vua A-Xà-Thế giết cha rồi, *"mātāpissa rañño viyogasokena nacirasseva matā."* thời gian cách đó không bao lâu, bà mẹ của ông do buồn biệt ly xa cách đối với chồng nên bà cũng qua đời

*"Tato rājā pasenadi kosalo"*Lúc bấy giờ vua Ba-Tư-Nặc suy nghĩ thế này

"ajātasattunā mātāpitaro māritā," bây giờ cha mẹ của A-Xà-Thế bị giết sạch hết rồi. *"mayhaṃ pitu santako gāmo''ti* cái nào của cha mình thì mình lấy về.

Vua Ba-Tư-Nặc suy nghĩ, ngày xưa cha mình đem cho bà chị mình ngôi làng này để làm của hồi môn, mà giờ thằng cháu trời ơi của mình nó giết cha nó, má nó từ đó cũng chết luôn, giờ cái gì của cha mình thì mình lấy về. Riêng Vua A-Xà-Thế thì nghĩ rằng, cái đó là ông ngoại cho má mình, giờ cậu lấy lại là không được. Đó

là lý do vì sao mà hai cậu cháu đánh nhau. Người cậu nghĩ đứa cháu vô đạo bất nghĩa giết cha giết mẹ, giờ cái gì của cha mình mình lấy về, chị mình chết rồi. Thế là hai bên đánh nhau.

Câu chuyện đến tai Đức Phật, Ngài không phải như chúng ta hôm nay là hiểu lầm đâu nghen. Chúng ta nghĩ rằng Đức Phật và chư tăng có một cái hoan hỉ, bận tâm về vấn đề chiến tranh, chính trị. Không phải, nhân dịp này Ngài có một nhận xét để nhắc nhở chư tăng tu hành thôi. Tại sao ở đây Đức Phật có lời tán thán vua Pasenadi?

Nếu nói tới nơi tới chốn, Pasenadi là vị chính nhân quân tử, nhiều lần rất nhiều lần khi đánh nhau với cháu ruột của mình, thua thì thôi, hễ thắng thì bao giờ ông cũng tha. Hơn nữa ông là một vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác, người sau này sẽ thành Phật, ông có lòng bi mẫn đối với người khác, kẹt thì phải ra tay thôi chớ không phải là người hiếu sát hiếu chiến. Đức Phật tán thán: Vua Pasendadi là người chánh nhân quân tử (‘*kalyāṇasampavaṅko’*: ‘người bạn tốt’). Vua A-Xà-Thế lúc này vẫn chưa là Phật tử, vẫn chưa là người tu hành. Về sau, sau khi giết cha không bao lâu, ông đi chùa nghe pháp và trở thành người Phật tử hộ pháp rất đắc lực, sau này A-Xà-Thế trở thành vị Phật Độc giác. Để trở thành một vị Phật Độc giác phải tu Ba-la-mật trong hai a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Ông Đề Bà Đạt Đa đã tu xong số chẵn (2 A-tăng-kỳ), còn sót lại 100 ngàn đại kiếp, vua A-Xà-Thế sau này cũng thành Phật Độc giác nhưng chỉ mới tu xong con số lẻ (100 ngàn), còn hai a-tăng-kỳ nữa. Độc Giác nghĩa là tự mình chứng ngộ không cần thầy nhưng cũng không thể làm thầy cho ai. Không làm thầy nghĩa là không có thể giúp ai đắc quả thánh nhân như mình nhưng có thể dạy người ta làm lành lánh dữ. Khả năng hiểu biết của vị Độc Giác nhiều hơn ngài Xá Lợi Phất nhưng có điều một phần là tâm nguyện, một phần là khả năng thấu suốt căn cơ chúng sinh không bằng vị Chánh Đẳng Giác, hơn nữa trong suốt thời gian tu hành Ba-la-mật vị này không gieo duyên với ai và không ai gieo duyên với ngài. Thanh Văn phải có thầy là Phật Toàn giác nhưng cũng có thể làm thầy cho người khác chứng ngộ như mình, Thanh Văn muốn làm thầy thì trước hết phải làm trò, trong một kiếp sống đó phải làm trò rồi mới làm thầy cho người ta (dùng kỹ thuật, kinh nghiệm của vị Chánh Đẳng Giác mà mình học được). Toàn Giác thì không cần thầy nhưng lại cũng có thể làm thầy cho người khác. Thuyết giảng chánh pháp có sẵn trong kinh thì quí vị tưởng dễ nhưng không có kinh điển thì chuyện trình bày Tứ diệu đế, 12 Duyên khởi, 12 Xứ, 18 Giới không phải là chuyện dễ. Các vị có nhớ chuyện ông Chistophe Columb đặt quả trứng gà cho đứng không?

[1]Có người làm trước cho mình coi thì dễ, tự mình thì khó.

Nội dung bài kinh này Đức Phật dạy: *"Thắng thêm nuôi dưỡng hận thù. Khổ đau kẻ bại nghìn thu nhớ hoài"* (Đạo Trường Siêu Thanh – TK Giác Chánh). Nghĩa là khi mình thắng thì mình gieo thù oán, sợ hãi cho người ta, khi mình thua thì đau khổ thất vọng sanh ra oán thù. Chiều sâu của bài kinh này nằm ở chỗ, hễ còn có mặt trên đời này thì mình còn quẩn quanh trong vòng đối đãi, ở đâu có vui ở đó có khổ, ở đâu có thắng, ở đó có thua, hôm nay cá ăn kiến ngày mai kiến ăn cá. Không có một chiến thắng thế tục nào có thể lâu bền đời kiếp với mình. Quí vị đừng hiểu lầm tôi nói chính trị, không có một triều đại, chính phủ, hệ thống chính trị nào tồn tại ngàn năm hết. Thiên thu còn không có nói gì vạn tuế. Nhiều kiếp và nhiều kiếp Bồ tát thấy chỗ này ngài mới chán, dù là con người mình có là vị đại đế, cai trị một đất nước này đi nữa thì mình sống được bao lâu so với thành tựu chính trị của mình. Như bên Tàu có Lưu Bang, Tần Thủy Hoàng, Triệu Khuông Dẫn, Hốt Tất Liệt, Tôn Dật Tiên, Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình …có ai đời đời kiếp kiếp đâu, rồi cũng xuống, xuống bằng cách bị lật đổ, bị giết, bị già chết. Bỏ công ra gầy dựng một đất nước, kể cả khi mình là vị minh quân đi nữa, khi chết rồi thì đất nước về tay người khác, người khác đây có thể là con của mình, bất tài như Lưu Thiện con của Lưu Bị. Chùa miễu cũng vậy, mình là vị trụ trì có tài, bỏ cả đời xây dựng cái chùa, lãng quên pháp học pháp hành, rồi chết giao lại cho đệ tử, mà đệ tử có xứng đáng không, không pháp học không pháp hành, không giới không thiền định gì hết…nghĩ tới cũng nản chớ. Cất cho to như chùa Xá Lợi, Vĩnh Nghiêm, Bái Đính, rồi mình sống bao lâu, trong khi mình không để lại những thế hệ tăng tài, không để lại những công trình biên khảo nghiên cứu dịch thuật, mà cứ cong xương sống cống xương sườn lo xây chùa, rồi lăn đùng ra chết, kẻ kế thừa thì không ra sao, PG không nhờ cậy, chúng sanh không nhờ cậy còn mình thì mang tiếng. Ngày xưa VN có 3 chùa Kỳ Quang, nếu để lại 3 cuốn sách thì hôm nay mình hưởng nhờ chứ 3 cái chùa đó mình chẳng được hưởng cái gì hết. Nhiều người trách ông Phạm Công Thiện, chúng chửi ổng sống vô trách nhiệm lung tung, nhưng phải nói cuốn "*Ý thức mới trong văn nghệ và triết học"* của ổng ít ra để lại cho đời cái này cái kia. Nhiều người không quen biết ổng nhưng cũng được 'ân triêm lợi lạc' trong khi ba cái chùa Kỳ Quang đó hình như tác dụng hơi ít. Bài kinh này nói sự thắng thua thành bại ở đời là lẽ thường tình, quan trọng nhất là chiến thắng chính mình, còn sự chiến thắng bên ngoài chỉ là trò dâu bể, là tấn tuồng phù du ảo hóa, có đó mất đó, kẻ thắng thì gieo thù gieo oán, kẻ thua thì chuốc đau khổ sầu hận một đời. Cái quan trọng là trở về đời sống

tâm linh, trở về suối nguồn vi diệu của chánh pháp, sống trong hào quang từ bi trí tuệ của Đức Phật chắc ăn hơn.

Quả báo luôn nhiều hơn nhân

Bài kinh số 2 cũng y như bài kinh số 1. Cũng hai bên đánh nhau, cuối cùng đến tai Đức Phật, Ngài cũng nói một câu y như vậy: "*Vì nghĩ đến tư lợi, Nên mới cướp hại người, Khi người khác cướp hại, Bị hại, lại hại người*". Kiến ăn cá cá ăn kiến, hại qua hại lại như vậy.

"Người ngu nghĩ như vậy,

Khi ác chưa chín muồi,

Khi mình làm chuyện xấu mình khó ngờ được quả báo đắng như vậy, khi quả trổ mới biết mùi, hôm nay mình giết người ta, mai mốt bị người ta giết lại. Hôm nay mình thắng người ta mai mốt người ta thắng lại, hôm nay mình làm người ta khổ, mai mốt bị người ta làm khổ lại. Quả báo bao giờ cũng nhiều hơn nhân, ví dụ như ngài Angulimala, vị này trước khi đi tu đã giết người để lấy lóng tay làm chuỗi đeo, giết non ngàn người, sau đó đi tu đắc A-la-hán. Trong kinh nói vị này lúc mới xuất gia bị người ta hành hung bạc đãi dữ lắm vì bị người ta thù. Trong suốt thời gian đó, dù bị đánh chửi nhưng đặc biệt ngài không gặp khó khăn về khất thực. Tuy bị đánh chửi nhưng thực phẩm cúng dường thì rất đầy đủ dồi dào phong phú. Đức Phật cho chư tăng biết là do thời xưa vị này trong đời Phật Ca Diếp cũng là một vị tỳ kheo, mỗi ngày đi bát, ăn còn dư chút đỉnh, ngài đổ phần dư cho con gì ăn được thì ăn, chỉ vì chút lòng lành đó mà đời đời kiếp kiếp sanh ra không thiếu đồ ăn. Nhân nhỏ mà cho quả lớn là vậy. Từ sau đó, sanh ra kiếp nào vị này cũng phong phú đầy đủ thức ăn không thiếu. Có những nghiệp mình tưởng nhỏ nhưng cho quả lớn kinh khủng, ví dụ một vị tỳ kheo thời Đức Phật bị người ta tưởng lầm là trọng phạm của triều đình nên người ta bắt. Thời đó không có dấu tay, chỉ căn cứ thô sơ vật chứng nhân chứng, họ thấy mặt giống giống là họ bắt, họ dùng cực hình bằng cách lấy cây lao nhọn chọt từ dưới hậu môn lên trên đầu. Ngay lúc đó Đức Phật xuất hiện, Ngài thuyết giảng cho vị này, vị này dùng lời giảng đó mà hành trì Tứ Niệm Xứ và đắc quả A-la-hán niết-bàn ngay trên mũi giáo đó luôn. Chư tăng hỏi vị tỳ kheo chết đau đớn đó giờ đi đâu, Đức Phật nói là vị đó đã là vị A-la-hán trước khi mất. Chư tăng hỏi vì sao một vị A-la-hán tu hành thâm hậu mà chết thảm như vậy, Đức Phật dạy rằng thuở xưa trong một kiếp sống quá khứ, vị tỳ kheo từng có trò chơi nghịch ngợm lấy cái que chọt vào bụng con ruồi để chơi. Ngày xưa mình giết là con ruồi, giờ cái quả trổ gặp

lúc mình là con người. Ngày xưa mình đập ruồi đập muỗi, mai này quả trổ có khi lúc mình mới vừa lên ngôi hoa hậu, vừa tấn phong giáo hoàng, vừa đắc cử tổng thống … khi đó chết lãng xẹt. Tôi nói thiệt, tôi là thầy chùa mà tôi không sợ luân hồi, tôi mê đời lắm, tôi ham chơi lắm. Sở dĩ tôi sợ luân hồi là vì tôi sợ có một cái. Chuyện lăn lóc cõi này qua cõi kia tôi không sợ, trong kinh nói bậc đại hiền trí dầu sanh ra cõi nào đi nữa, hễ còn luân hồi vị ấy đều chán, riêng tôi thì không, chỉ cần chắc ăn 100% đừng có đọa là tôi không niết-bàn đâu. Ví dụ như Tu-đà-hoàn thì chắc chắn không đọa mà cũng không luân hồi lâu, ở cõi Dục thì bảy kiếp là niết-bàn thôi. Với một người diệt trừ thân kiến thì không còn khả năng đam mê cuộc đời sâu sắc như người phàm nữa, vị Tu-đà-hoàn không còn khả năng sa đọa, và cũng không còn khả năng sanh tử lâu ngày nữa. Nếu quả thật có một lựa chọn làm một vị Tu-đà-hoàn không có sa đọa thì tôi không niết-bàn đâu. Tôi ớn một cái là không có cuộc luân hồi nào mà không có sa đọa, đó là lý do tôi sợ, chớ tôi không có sợ luân hồi. Điều thứ hai là tôi biết tôi giống như nhiều người, lòng từ bi không có đủ chan hòa cho tất cả chúng sanh, tôi hiếu sát lắm. Tôi không sát sanh không phải vì tôi có lòng từ mà vì tôi sợ. "Hôm nay ta giết người, mai kia người giết lại". Một ly nước sôi mình tráng ly rồi tạt ầu, biết có trúng con gì hay không. Biết bao nhiêu côn trùng chết vì ly nước sôi của mình, tụi nó hôm nay là côn trùng không đáng gì hết, còn mình mai này trổ, lúc đời mình mới vừa lên hương thì lăn đùng ra chết, chết vì nước sôi, không đáng. Khi mình tạo nghiệp bất thiện mình sẽ có lúc mình hưởng quả xấu nhưng không như một hiện tượng thiên nhiên trên trời rớt xuống, mà quả xấu này là khiến cho người khác vừa thấy mặt mình họ muốn ra tay. Ví dụ như giờ tôi chửi, tôi nặng lời các vị, đời sau kiếp khác người khác gặp mặt tôi là muốn chửi, vô tình tôi đã gieo thêm nhân xấu cho người khác. Khi một người làm ác thì người này đã tạo ra một chuỗi bất thiện dài thăm thẳm không có điểm dừng cho mình và cho người khác. Mình chửi người ta mai mốt người ta chửi mình thì mình phản ứng, như vậy mình gieo nhân mới, và cứ triền miên như vậy. Nghĩ như vậy mà ngán. Tôi không sát sanh không phải vì tôi có lòng đại bi, tôi cũng có một ít trong một ít trường hợp. Ví dụ tôi nghĩ, khi mình giết như vậy mình đã tạo ra phân ly xa cách cho chúng sanh mà mình không biết. Một con chim con cá, lẽ ra mẹ con chúng có nhau, mình sát sanh là mình tạo ra phân ly. Quả xấu của chuyện sát sanh là đời sau ngoài chuyện sa đọa, sẽ bị bịnh tật và thường xuyên gặp cảnh sanh ly tử biệt. Có những đứa bé năm tuổi, ba tuổi là phải xa mẹ xa cha, khi thì do cha mẹ li dị li thân, bị mồ côi, hoặc do hoàn cảnh, cha mẹ đem giao cho bà con coi sóc, từ nhỏ đã xa cha mẹ như vậy, lớn lên đi lấy chồng lấy vợ, làm ăn xa xứ, hoặc bỏ xứ ra đi biền biệt do quốc gia quốc sự. Cho nên có nhiều người, cả đời từ nhỏ đã nhớ thương, lớn lên cũng

thương nhớ lìa xa người thân, lìa xa nơi chốn mình thương mến. Có người thì từ nhỏ cho đến già không biết thế nào là sanh ly tử biệt, đến khi đầu hai thứ tóc mới biết thế nào là tang chế trong nhà. Bên châu Âu này tôi biết có cặp vợ chồng quen nhau hồi nhỏ chung một làng, sau học chung tiểu học, chung trung học, vượt biên chung một tàu, rồi qua trại tị nạn ngẫu nhiên chung với nhau, và họ về châu Âu, lấy nhau sanh con, hiện giờ vẫn chưa rã. Họ nói: tụi con yêu nhau mà chưa bao giờ nhớ nhau, vì chưa bao giờ xa nhau. Tôi nghe mà bắt ham. Tôi đâu có gia đình nhưng ít ra tôi cũng biết thế nào là nhớ chứ, cảm giác đó dễ sợ lắm, vậy mà họ cũng không bị. Có người bảy mươi tuổi vẫn còn mẹ để gọi "má ơi", đó là cái phước do không tạo nhân sanh ly tử biệt. Vì vậy, giết người sẽ bị người giết, làm cho người ta xa cách thì mình sẽ bị cách xa. Sống ở đời hễ có thắng thì có thua, có vui thì có buồn, có giết thì có bị giết.

NGƯỜI CON GÁI (Mallikāsutta)

Bài kinh này nói về nữ quyền. Một hôm vua Pasenadi vào hầu Phật nghe pháp, lúc đó trong cung cho người ra báo tin cho biết hoàng hậu vừa sinh công chúa. Vua nghe tin, không được vui. Không cần là vua, chỉ cần nhà giàu thì ai cũng muốn tài sản của mình được kế thừa bởi con trai, vì con gái là con của người khác. Người Tàu người Ấn ngày xưa đồng ý với nhau điểm này: "Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô". Mai này con gái về nhà người ta sanh con, con của nó mang họ khác, chưa kể khả năng quán xuyến coi sóc thừa kế tài sản của đàn bà tệ lắm. Đàn bà ai làm sẵn cho ăn thì ok. Có câu này: đàn ông thành công là người có khả năng làm ra số tiền nhiều hơn nhu cầu của vợ mình xài; thành công của đàn bà là tìm ra được người đàn ông đó để lấy làm chồng. Nghe câu đó là biết nữ là như thế nào rồi. "Vàng thử đàn bà, đàn bà thử đàn ông". Tôi không kỳ thị người nữ, nhưng từ ngàn xưa người ta nói đàn bà giỏi là nội tướng, nhưng không được giỏi thì đàn bà chỉ biết ngồi hưởng thôi. Tôi biết một chuyện bên Thụy Sĩ này, có chị đó, học hành giỏi lắm, khi chị mua nhà, có rủ tôi đi chung với người nhà của chị, hai cái nhà y chang như nhau mà chị chọn cái nhà A mà không chọn cái nhà B. Tôi hỏi và nghe chị trả lời là tôi nhớ vua Pasenadi. Tôi hỏi sao cái nhà kia đất rộng, giá bằng nhau, vị trí y chang, mà chị lấy cái nhà bên này không có đất. Chị trả lời: sợ cắt cỏ, chăm sóc không nổi mệt lắm. Nghĩa là chỉ muốn cái gì gọn gọn nhỏ nhỏ, nằm trong khả năng chăm sóc của chị. Trong khi đàn ông con trai thì khác, họ sẽ nghĩ đi làm thêm một chút rồi thuê người ta cắt cỏ, có đất thì mai mốt dễ bán hơn chứ. Một ông chính trị gia hoàn toàn có thể là một người si tình nhưng chuyện mê gái một đàng, làm việc là một nẻo. Còn người nữ rất khó không đem tình cảm chen vào công việc. Họ chỉ có thể thành công trong chính trị

khi họ là một người đàn bà máu lạnh, còn người đàn bà tâm sinh lý bình thường thì rất khó, tách rời công việc sự nghiệp ra khỏi tình cảm rất khó, trong khi đàn ông thì phân biệt rạch ròi tình cảm và công việc.

Phụ nữ là mẹ của hiền thánh, trượng phu

Từ xưa đã có truyền thống trọng nam khinh nữ, và vua Pasenadi cũng lọt vào đám đông đó. Lúc đó Đức Thế Tôn nói một câu mà không thể tuyệt vời hơn: *Tại sao lại coi thường người nữ trong khi họ có thể sanh ra những người con ngon lành. Thỉnh thoảng họ cũng có thể là những người vợ ngon lành. Nhưng chuyện người vợ ngon lành không quan trọng, mà quan trọng một chỗ là tất cả những anh hùng, hào kiệt, quân tử, hiền thánh trong đời này đều do đàn bà sinh ra.* (Trừ chư thiên thì không cần bà mẹ sanh ra mình*), vì vậy phải dành cho họ một chút vị trí như là một thái độ tri ơn.* Dầu gì họ cũng là cái hộp để đựng iphone 6, mình quí cái iphone 6 thì phải tôn trọng cái hộp một chút.

Bài kinh này ý nghĩa rất sâu, một người văn minh phải biết tôn trọng mọi người dù đó là nam hay nữ, ai cũng có giá trị riêng. Quí vị có nhớ bài kinh Đại Bát Niết Bàn. Lúc Thế Tôn sắp niết-bàn thì vua A-Xà-Thế mới cho hai vị sứ thần là Sunīdha và Vassakāra đến để gặp Đức Phật hỏi ý Ngài, ông biết Ngài sẽ không trả lời nhưng muốn nghe nhận xét của Ngài để sau đó toan tính. Sứ thần nói: *Bạch Thế Tôn, vua A-Xà-Thế muốn đánh xứ Vajjī mà ngần ngại, nên cử chúng con để thưa chuyện với Thế Tôn và xin lời dạy của Thế Tôn là nên đánh hay không nên đánh.*Đức Phật không trả lời nên đánh hay không nên đánh vì Ngài không muốn đặt mình vào thế phải chịu trách nhiệm về chính trị và an ninh quốc phòng của hai quốc gia. Ngài chỉ hỏi ngài Ānanda, câu hỏi của Ngài mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc về tôn giáo và thế gian, gọi là bản tuyên ngôn nhân quyền, một cương lĩnh chính trị thông minh bậc nhất cũng được, một thái độ sống cũng được, một trách nhiệm của Bậc Đại giác đối với đời cũng được. Ngài hỏi: *Ānanda có nghe nói người dân xứ Vajjì tôn trọng người lớn tuổi, có hay không?*

Người dân xứ Vajjì đối với phụ nữ rất lịch sự, tôn trọng, có đúng hay không?

Người dân xứ Vajjì cái gì cũng lấy ý kiến của dân, lấy dân làm gốc, đúng hay không?

Ānanda thưa: Dạ thưa đúng. Ngài hỏi một số ưu điểm của xứ Vajjī mà hôm nay mình giật mình thấy rõ ràng đó là ưu điểm của những xứ văn minh. Ví dụ như Mỹ, Đức, Pháp, Thụy Sĩ, họ rất galant, coi trọng phụ nữ, trẻ con người già được

tôn trọng. Những xứ sở nào người yếu đuối được tôn trọng thì xứ sở đó được xem là xứ sở văn minh. Theo tinh thần đạo Phật, sự tôn trọng phụ nữ là cần có và cần thiết. Nội dung bài kinh này là sống ở đời, mỗi người có một giá trị riêng, không ai được quyền chà đạp ai, và người nữ dù họ có ra sao đi nữa họ cũng là mẹ của tất cả hiền thánh, quân tử, trượng phu trên đời, do đó chúng ta không thể mọi rợ mà cư xử với họ theo cách của Hồi Giáo.

KHÔNG PHÓNG DẬT (Appamāda)

'Không phóng dật': 'Appamāda'. Chữ 'appamāda' có một chuyện tôi nói hoài, trong thời gian ba mươi năm trời tôi sống ở VN tôi thấy một điều là chỉ có PG Nam Tông VN mặn mà với chữ 'dễ duôi'. Tôi không biết chữ này ở đâu mà ra, có thể là mấy ngài ngày xưa thích xài "hàng độc". Nói chữ 'dễ duôi' thì nhiều người không biết nhưng chữ 'dễ ngươi' thì người ta biết. Tôi muốn xài chữ 'dễ ngươi', nghĩa là khinh lờn. Ở đây vua A-Xà-Thế hỏi Đức Phật*: Bạch Thế Tôn trên đời này, chuẩn mực đạo đức để sống đời nhiều quá sức nhiều, có cách nào nói gọn lại được không?*

Có cách nào để cho thiên hạ thái bình nhà nhà người người được vui vẻ. Mục đích của ông là hỏi Đức Phật có cách nào để thiên hạ nhà nhà an vui thái bình. Đức Phật trả lời: *Chỉ có một chuyện thôi đó là không dễ ngươi.*

Không dể duôi (dễ ngươi)

Theo Chú giải, không dễ ngươi là ba thiện nghiệp: *bố thí, trì giới, chỉ quán*.

Chỉ quán là lựa đề mục nào đó tập trung vào đó. Hít vô thở ra biết hít vô thở ra. Chỉ quán là quan sát mình đang đi đang đứng đang nằm đang ngồi, buổi đầu là vậy, sau đó biết mình đang đi mà có gì đó bực mình biết đây là tâm sân; đang đi mà biết tơ tưởng cái gì đó biết đây là tâm tham; đang đi mà nghe tiếng nhạc hay tiếng chiên xào gì đó thì biết đây là vọng tưởng, đó là quán.

Bố thí thì gồm có *tài thí* và *pháp thí.* Tài thí là chia sẻ vật chất mình có cho người khác. Hãy luôn nhớ rằng trái đất này nói chung, tài sản tánh mạng mình nói riêng giống như ngôi nhà đang cháy, khư khư mà ôm thì không được. Nhà cháy là phải đem đồ ra khỏi nhà, cách đem ra khỏi nhà hay nhất là bố thí. Nói như vậy không có nghĩa tôi xúi các vị ăn rồi cứ lo bố thí không lo chuyện khác, và tôi càng không có ý kêu các vị cúng cho tôi. Nếu Phật tử hiểu đạo rồi sẽ thấy có 1001 lý do để mình bố thí. Mình không ăn đời ở kiếp với nó được, chết để lại cho đời xài

nó nói mình ngu nữa. Những gì mình có kiếp này là do đời trước mình bố thí, chớ không phải tự nhiên mình sanh ra mình có. Đừng nghĩ tại mình học giỏi mình đi làm có job ngon rồi có tiền biết bao nhiêu người cũng muốn như mình mà họ không được, vì những cái mình có là do đời trước. Trước sau gì cũng bỏ lại hết mà đi thì nên đem theo một mớ giống như dọn đồ ra khỏi nhà cháy. Đời xưa kiếp trước mình đã làm gì đó mà kiếp này mình hưởng, vậy cũng nên để lại một mớ cho kiếp sau chứ. Đối với một người hiểu đạo mà nói thì dầu cho chuyện bố thí mà không đem lại quả báo thì cũng là chuyện phải làm là vì một người hiểu đạo thì không lý do gì khư khư ôm khi biết mọi thứ là phù du ảo hóa. Được gọi là tài sản vì đó là những phương tiện đáp ứng nhu cầu của mình, thí dụ bây giờ tôi cần cơm gạo để ăn, áo quần để mặc từ cái nhu cầu ăn, mặc ở, thuốc men, nảy sinh ra nhu cầu tiền bạc. Từ nhu cầu tiền bạc nảy sinh ra chuyện tôi phải đi làm kiếm tiền và tích lũy tiền bạc trong các hình thức kinh doanh hay nhà băng, từ đó mới hình thành khái niệm tài sản, sở hữu chứ cái gốc nguyên thủy của khái niệm sở hữu là nhu cầu sống còn. Muốn có cái ăn mặc ở, thuốc men nên mình mới tích lũy tài sản, riết rồi trong xã hội, trong thế giới loài người ai cũng coi đó là chuyện sanh tử tồn vong của mỗi người, thật ra nghĩ cho rốt ráo thì tài sản chỉ có một giá trị duy nhất là cung phụng con người. Một tài sản thông minh chỉ nhắm đến hai tác dụng: lo cho mình và hướng tới người khác. Tài sản chỉ biết dành để lo cho bản thân mình thì chỉ phát huy một phần ý nghĩa và tác dụng của nó thôi.

Trì giới là gì?

Cái gì mình không muốn thì đừng gây cho người khác. Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân. Có nhiều lý do để người ta phải giữ giới. Giữ giới có ý nghĩa đầu tiên là không làm cái điều mình ghét lên chúng sanh khác, mình không muốn ai giết mình, cướp mình, lừa dối, giựt chồng giựt vợ mình, không muốn tiếp xúc với thằng say xỉn thì bản thân mình cũng phải như vậy. Có tám ngàn lý do để mình giữ giới. Lý do thứ nhất: đối với một người hiểu đạo thì sẽ thấy tất cả những chuyện giới cấm mình làm đều là những chuyện không thể thực hiện đối với một người có nội tâm đạo đức. Lý do kế tiếp là vấn đề quả báo. Tôi không có đủ lòng đại bi để thương chúng sanh, và cũng không đủ tàm để tránh ác nghiệp. Chỉ còn cái úy, vì sợ những điều này mà người ta không dám làm ác: sợ lương tâm cắn rứt, sợ tiếng đời dị nghị, sợ pháp luật trừng trị, sợ bị sa đọa trong đời sau kiếp khác. Sợ nhất là hai cái sau. Với những ai không đủ tự thẹn, không đủ liêm sỉ để tránh điều ác, không đủ lòng đại bi, thì cũng phải có chút sợ.

Thiền định: Chỉ và quán. Thiền Chỉ giúp cho mình được an định tư tưởng tập trung tinh thần. Ngọn lửa tập trung đúng mức thì sẽ tạo ra nhiệt độ cần thiết để làm việc. Khả năng nội tâm của mỗi người rất mạnh nhưng mình không tập trung tư tưởng, mình lăng xăng như con khỉ nên mình không làm ăn gì được với nội tâm của mình. Tất cả những thiên tài, danh nhân, hiền thánh trên đời này, sở dĩ họ được như vậy là vì họ có đời sống tinh thần rất ok, đời sống tinh thần đó đến từ khả năng tập trung tư tưởng. Thiền Quán là khả năng quan sát bản chất và hoạt động của mình. Bản chất của mình là: từ đâu mình đến, con người thật sự của mình là gì và đang sanh diệt ra sao. Đủ duyên thì thành thánh mà thiếu duyên thì tối thiểu cũng được an lạc hiện tiền, gieo duyên đời sau kiếp khác. Đó là lý do thứ hai bắt buộc chúng ta phải tu thiền Quán.

Gom chung *bố thí, trì giới, chỉ quán* lại một chữ là *appamāda*: không dễ ngươi. Vì mình biết được mình sẽ chết một cách bất ngờ nên mình bố thí, mình biết được rằng chuyện đời sau kiếp khác là chuyện rất là bất trắc nên mình phải bố thí, trì giới, tham thiền. Mình biết dòng sanh tử là nguồn khổ, nó cần được chấm dứt, muốn chấm dứt thì phải là công đức, Ba-la-mật. *Bố thí trì giới chỉ quán* là nguồn cho tất cả thiện pháp tích lũy cho đời sau kiếp khác, Ba-la-mật cũng phải có gốc từ đây. Có trí tuệ từ thiền Chỉ và thiền Quán người ta mới tin lý nghiệp báo, biết được chuyện tái sanh luân hồi, biết được lý nhân quả, Duyên khởi, Tứ đế. Không trì giới thì tội ác nào mình cũng làm. Một người có đời sống nội tâm sâu rộng thì không thể nào keo kiệt, khi thiếu phước bố thí thì tội ác nào mình cũng phải làm. Một anh nhà giàu chỉ làm ác khi anh ta muốn chớ không bị đẩy, còn anh nhà nghèo ngoài chuyện muốn ác thì còn trường hợp anh ta còn phải ác nữa. "Sợ nhất là kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân". Đói quá đầu gối phải bò. Hiểu bố thí là để đời sau sanh ra hưởng thụ thì rất là trẻ con. Người hiểu đạo thì không bỏn xẻn không cần nói tới quả báo. Nói về quả báo thì nhờ bố thí sẽ tạo cho mình tránh cái điều kiện mà ông bà hay nói là "cái khó nó bó cái khôn" giỏi cỡ nào đi nữa mà không có tiền thì cũng bị bế tắc. Cái phước bố thí quan trọng chỗ đó. Tây có câu: là nguồn cho tất cả thiện pháp tích lũy cho đời sau kiếp khác, Ba-la-mật cũng phải có gốc từ đây. Có trí tuệ từ thiền Chỉ và thiền Quán người ta mới tin lý nghiệp báo, biết được chuyện tái sanh luân hồi, biết được lý nhân quả, Duyên khởi, Tứ đế. Không trì giới thì tội ác nào mình cũng làm. Một người có đời sống nội tâm sâu rộng thì không thể nào keo kiệt, khi thiếu phước bố thí thì tội ác nào mình cũng phải làm. Một anh nhà giàu chỉ làm ác khi anh ta muốn chớ không bị đẩy, còn anh nhà nghèo ngoài chuyện muốn ác thì còn trường hợp anh ta còn phải ác nữa. "Sợ nhất là kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân". Đói quá

đầu gối phải bò. Hiểu bố thí là để đời sau sanh ra hưởng thụ thì rất là trẻ con. Người hiểu đạo thì không bỏn xẻn không cần nói tới quả báo. Nói về quả báo thì nhờ bố thí sẽ tạo cho mình tránh cái điều kiện mà ông bà hay nói là "cái khó nó bó cái khôn" giỏi cỡ nào đi nữa mà không có tiền thì cũng bị bế tắc. Cái phước bố thí quan trọng chỗ đó. Tây có câu: **Đừng bao giờ tự hào dù nghèo mà tôi vẫn giỏi mà phải tự hỏi vì sao tôi giỏi mà tôi vẫn nghèo.** Câu này đáng để mình phải suy nghĩ. Một người thành công ngoài xã hội là người tối thiểu phải biết lo chu đáo cho mình và người thân gần gũi của mình chớ còn không có khả năng kinh tế tài chính để chăm sóc bản thân và người khác thì chưa được gọi là người thành công. Đại phú do thiên, tiểu phú do cần, giàu nứt vách thì do nghiệp xưa, tiểu phú thì do mình siêng, siêng thì siêng nhưng không qua cái phước được. Có người vừa tài, vừa siêng vừa có lòng, nhưng thiếu phước thì cuối cùng cũng không đi về đâu. Tôi rất là thương những người nghèo nên sẵn đây tôi nói luôn, làm ơn đừng bao giờ nghĩ rằng phải giàu có mới là bố thí trì giới được. Trì giới không cần tiền, còn bố thí thì khả năng đến đâu thì làm đến đó, liệu cơm gắp mắm, khéo ăn thì no khéo co thì ấm, đừng có nghĩ mình nghèo không có gì cho. Một trái chuối, một ổ bánh mì bẻ đôi thì cũng vô lượng công đức, nếu không thì cũng nên tạo điều kiện cho người khác bố thí, tối thiểu nếu không tạo điều kiện được thì cũng có lòng tùy hỷ vui theo. Nghèo thì bố thí theo khả năng nghèo, thật ra trên đời này không có cái nghèo nào đến mức không có cái để bố thí.

Bài kinh **Không Phóng Dật** tiếp theo (*Kalyāṇamittasutta, Kalyāṇa (hiền thiện, lành, tốt), -mitta (bạn, thân hữu*) bà con tự mình coi không cần giải thích. Quí vị còn nhớ bài kinh 38 Pháp An Lành không, câu kệ đầu tiên là *"Không gần gũi kẻ ác. Thân cận người hiền thiện"*. Cái này quan trọng lắm, mình cứ tưởng chơi với bạn, gần gũi người này người kia không quan trọng, quan trọng là bản thân mình có tu tập hay không, chớ người kia liên quan gì mình. Nghĩ như vậy vừa đúng vừa sai. Đúng là nếu mình không có lòng tu hành thì ở gần Đức Phật cũng như không mà nếu mình có lòng tu hành thì ở xa Đức Phật hoặc không còn duyên gặp Phật cũng có thể tu tập được. Nhưng cũng không phải vì vậy mà chúng ta coi nhẹ tác động từ những người bên cạnh mình. Cái này không phải là chuyện nhỏ. Đức Phật dạy rằng bạn lành bạn tốt có tác dụng nhất định đối với đời sống tinh thần của một con người, đừng coi thường điều đó. Mình phải có lòng tu mình mới tu được không có chuyện người khác tu giùm cho mình đâu nhưng đừng vì vậy mà coi thường môi trường bối cảnh điều kiện xung quanh. Ở xóm chài thì tanh cá ở làng nhang thì thơm trầm. Hôm nay ai về Chợ Lớn đi ngang đoạn đường Hải Thượng Lãn Ông gần chùa ông Bổn, đoạn gần tượng Khổng Tử, nhắm mắt cũng

nghe mùi thuốc Bắc, đoạn đó là các tiệm thuốc Bắc tiếp nối liên tục, lọt vào đó thì tự nhiên nghe mùi thuốc Bắc phải nghĩ tới thuốc Bắc, nghĩ đến thầy thuốc Bắc, nghĩ đến các bài thuốc Bắc và nghĩ chuyện uống thuốc Bắc. Giống như đi xe đò ngang Phan Thiết, nghe mùi nước mắm, dầu mình không muốn cũng nghĩ đến nước mắm, nghĩ đến chuyện ăn nước mắm, nghĩ đến những người làm nước mắm, nghĩ đến chỗ làm nước nắm, nói chung là nhớ về nước mắm và tâm hồn mình lúc đó tràn ngập nước mắm…

Mình ở gần người hiền người thiện cũng vậy, ở gần người thiền định thì rất dễ dàng nghĩ tới thiền định, nghĩ tới chuyện tu tập thiền định, nghĩ đến người tu thiền định, nghĩ đến phương pháp tu tập cao về thiền định. Trong Chú giải A-tỳ-đàm nói rõ thế này: muốn trau dồi thiện pháp nào (tín, tấn, niệm, định, tuệ) hay muốn trau dồi thất giác chi, năm quyền… thì chuyện quan trọng là mình phải ở gần người mạnh những cái đó. Mình muốn trau dồi chánh niệm, đi đứng lúc nào cũng mindful tỉnh thức hết mà mình ở gần người lăng xăng lăng xăng chụp giựt thì rất khó. Trong khi đó mình nhìn thấy ngài Kim Triệu, ngài Pa Auk Sayadaw, những hành giả, thiền sinh trong các thiền viện, nhìn tướng đi của họ, thấy họ là mình nhớ tới chánh niệm liền. Thử đi, ai đi thiền viện thì biết, nhìn thiền sinh thiền sư là mình thấy liền, nhớ liền mình đang phóng dật, đang thất niệm, trong khi mình ở gần người đang thất niệm thì mình đâu nghĩ chuyện đó đâu. Bài kinh này nói rằng sống gần gũi người lành chỉ có lợi chứ không có hại. *Thà là kẻ thù của người trí chớ đừng làm bạn với người thiếu trí*. Con người mình phải ra làm sao mình mới thân cận được người trí, mình phải thế nào mới kết hợp mới tương thông liên lạc được với người đàng hoàng. Trước khi anh có được bạn lành thì bản thân anh phải là người lành. Khi ngài Ānanda thưa với Đức Phật: *Bạch Thế Tôn, con nghĩ một nửa đời tu này là gắn liền với bạn bè.* Đức Phật nói không phải một nửa mà là toàn bộ, vì chữ 'bạn bè' ở đây Đức Phật nói theo nghĩa rộng là tất cả những người nào mình thường xuyên gặp gỡ thì đó là thầy bạn của mình; những đề tài suy nghĩ nào quẩn quanh trong đầu mình thì đó cũng là thầy bạn của mình. Trong kinh có chữ *tanhàdutiyaka* (kẻ làm bạn với ái): người suốt ngày cứ muốn ăn ngon mặc đẹp, nghĩ đến trai đến gái; người thường xuyên làm bạn với ái, sống gần gũi với ái dục. Trong điều kiện thế giới hôm nay có internet, báo chí, sách vở, cho dù mình đóng cửa không gặp ai nhưng mình cứ vùi đầu vào trong những thứ đó cũng gọi là mình đang có một số bạn bè, nếu là những cuốn sách, bài báo, websites hay thì đó là bạn lành, còn nếu là những trang web, bài báo tin tức tầm bậy thì đó là những người bạn xấu. Phải nhìn nhận rằng cái gì mình gần gũi nhất, mình thường xuyên tiếp xúc liên lạc nhất, thì đó chính là người bạn của

mình. Người bạn nào mình thường xuyên tiếp xúc gần gũi mà lòng lành, thiện pháp, đạo tâm của mình phát triển thì đó được gọi là bạn lành, minh sư, thiện hữu. Còn cái gì mình càng tiếp xúc mà con người mình càng bệ rạc, hư đốn thì gọi là bạn xấu, thầy xấu. Bài kinh này sâu ở chỗ đó, toàn bộ Phật pháp của Đức Phật là Ngài thuyết giảng cho người có bạn lành chớ không phải thuyết cho người có bạn xấu, Ngài thuyết đạo này cho người nào thích thân cận người lành và sống trong điều lành, đó gọi là người có bạn lành. Còn người thích chơi với kẻ xấu, thích suy nghĩ chuyện bất thiện, thích làm chuyện bất thiện thì kẻ đó được gọi là kẻ có bạn xấu và kẻ đó không phải là đối tượng để Đức Phật thuyết giảng chánh pháp. Đức Phật chỉ thuyết giảng chánh pháp cho người có mắt muốn nhìn thấy, có tai muốn lắng nghe, có trái tim phơi mở, có trí tuệ sẵn sàng nhận thức chớ Ngài không thể nào thuyết pháp độ cho người vô duyên vô phần vô hạnh được. "Phật môn bất độ vô duyên nhân". Muốn có bạn lành trước hết mình phải là người lành, mình mới có khả năng nhận thức được người lành; khi mình không phải là người lành người thiện thì mình không nghĩ đến chuyện gần người thiện, không tha thiết không mặn mà với người thiện và có gặp họ mình không biết vì không cùng tần số. Không biết password của người thiện thì làm sao vào account của họ. Ví dụ như Đức Phật thuyết pháp cho mình, Ngài nói mình đắc liền vì Ngài biết passcode của mình. Phải có khả năng liên thông với hiền thánh, mưa trên trời rơi xuống không phân biệt nơi chốn nhưng không phải chỗ nào cũng đón nhận được lợi ích từ cơn mưa, sân xi măng hay tấm bạt thì sẽ khô đi sau đó, nhưng cơn mưa đổ xuống một miếng đất đã dọn sạch cỏ, đã gieo trồng hạt giống, thì mưa xuống là ân triêm lợi lạc. Nếu mình chưa dọn lòng thì mưa pháp trút xuống cũng như không, có gặp hiền trí thì mình cũng như muỗng trong nồi canh.

KHÔNG CON (Paṭhamaaputtakasutta)

'Putta': 'con'. '*Aputtaka'*: 'tuyệt tự', không con kế thừa. Bài kinh này bà con tự đọc. Vua đi sung công gia tài của một ông triệu phú keo kiệt không tưởng tượng được. Trên đời này có bốn cách sử dụng tài sản: (1) Rộng với mình hẹp với người. (2) Rộng với người hẹp với mình. (3) Rộng với mình rộng với người. (4) Hẹp với người, hẹp với mình. Trong đời tôi, tôi gặp một số người, bản thân họ không dám xài, xài gì cũng tiếc, sống đạm bạc tối đa, nhưng khi đụng chuyện xài cho người khác thì họ xài rộng tay lắm. Ông triệu phú này là hạng thứ tư, có không dám xài và cũng không muốn xài cho ai. Trong bài kinh này có một số chi tiết mình cần để ý: Phải nhớ mình sẽ chết để buông bỏ trước khi mình để lại trong vô thức, mọi thứ vuột khỏi tay mình. Bố thí là buông ra một cách có ý thức. Bố thí phải liệu cơm gắp mắm, nếu cho ra mà mình tiếc thì mai mốt đời sau sanh ra

giàu có nhưng không dám hưởng. Phải nhớ điều này, đưa ra là đúng người đúng chỗ, đừng có cao hứng hứa tùm lum mà không thực hiện thì hèn quá, nhưng trao ra thì tiếc của. Có người cao hứng giữa đám đông nghe thầy trụ trì nói chùa cần tiền làm gì đó là xung phong tình nguyện, về nhà nghĩ lại thấy con xin iphone 5 mà chưa cho, giờ đưa cho chùa, không biết chùa có sử dụng đúng không, rồi nghe lời ong tiếng ve người ta nói về chùa về ông sư rồi tiếc của, rồi nghe nói có chùa khác nghèo hơn cần hơn vv.. nghĩ rồi tiếc số mình đã cúng, vậy là không tốt. Tốt nhất là làm xong nhớ lại hoan hỉ hoặc làm xong là quên luôn. Trao ra rồi nhớ lại lòng thấy tiếc là đại kỵ. Đức Phật dạy cuộc sống có ý nghĩa là sống có ta và có người. Có bốn cách sử dụng tài sản của người cư sĩ:

-¼ trả nợ cũ: lo cho cha mẹ và ân nhân của mình.

-¼ cho vay nợ mới: lo cho vợ và con, bạn bè.

-¼ đem liệng bỏ: xài cho bản thân mình.

-¼ chôn để dành: đem đi làm phước, dành cho đời sau kiếp khác. Ăn phải chừa cái hột để đem đi trồng.

Có những người sống ở đời này như cái giếng hoặc cái hồ. Có những cái giếng cái hồ mà ý nghĩa của nó lợi lạc cho nhiều người. Có những người sự giàu có của họ giống như hồ nước đầy mà nằm ở chỗ hoang sơn dã lãnh không giúp ai gì được. Giá trị một con người không phải nằm ở chỗ anh ta nhận được cái gì mà nằm ở chỗ anh ta trao ra cái gì. Không có gì buồn cho bằng sống trong cuộc đời phù du này mà cứ tự mình làm nô lệ cho những thứ mình có. Tôi nhớ tôi có đọc câu danh ngôn: *Con người sanh ra là để được yêu thương còn đồ vật được tạo ra là để được sử dụng, nhưng thế giới hôm nay ngược lại, con người bị sử dụng còn tài sản thì được yêu thương. (People were created to be loved. Things were created to be used. The reason why the world is in chaos, is because things are being loved and people are being used).* Và câu: *Tiền bạc tài sản là nô lệ tốt nhưng là ông chủ xấu.* Khi mình coi tài sản để làm phương tiện làm việc thì nó là nô lệ tốt nhưng khi mình thờ tài sản trên đầu mình thì nó là ông chủ xấu, nó điều khiển mình thì con người mình hết xài rồi.

Tóm lại nội dung bài kinh này:

- Giá trị của một con người nằm ở chỗ anh ta trao ra cái gì chớ không phải nhận cái gì

- Con người sanh ra là để được yêu thương và vật chất là để sử dụng chớ không phải ngược lại

- Tài sản là nô lệ tốt nhưng là ông chủ xấu.

- Trước khi trao ra phải "liệu cơm gắp mắm" để không có lòng hối tiếc.

- Một người hiểu đạo dầu không màng quả báo đời sau kiếp khác họ cũng vẫn bố thí một cách tự nhiên, làm thiện một cách phản xạ. Giống như một người mẹ thương con, con muốn là trao ra không nghĩ ngợi, biết con cần thì đưa ra. Vị Bồ tát là người đối xử với chúng sinh bằng phản xạ, chúng sinh cần thì giúp, cần thì cho, Bồ tát nói, làm và suy nghĩ đối với chúng sinh bằng phản xạ của thiện pháp tự thân không cân đong đo đếm như phàm phu

Bữa nay là thứ Năm, xin hẹn các vị ngày thứ Bảy. Các vị biết tôi vui nhất là ngày nào không?

Tôi vui nhất là ngày thứ Bảy, vì sau ngày thứ Bảy tôi nghỉ được rất lâu, nghỉ được Chủ nhật, thứ Hai. Có nhiều khi mình có dịp mình làm điều tốt cũng là cái vui mà có nhiều khi mình né được cái điều lành cũng là cái an lạc.

Bài giảng ngày 2-9-2014 PHẨM THỨ BA

NGƯỜI (Puggalasutta)

Bài kinh Người có nội dung nói đến bốn hạng người có mặt trên đời này, dầu cho nhân loại bây giờ dân số lên 7 tỷ người, mai này có lên 18 tỷ hay 50 tỷ thì cũng không nằm ngoài 4 hạng người trong bài kinh này.

Bốn hạng người

Hạng 1: chúng sanh sanh ra từ chỗ tối và cuộc sống hướng về bóng tối.

Hạng 2: sanh ra trong bóng tối nhưng hướng về ánh sáng.

Hạng 3: sanh ra trong ánh sáng nhưng hướng về bóng tối.

Hạng 4: sanh ra trong ánh sáng và cũng hướng về ánh sáng.

Theo tôi đoán có rất nhiều người liếc qua bài kinh này thì thấy bài kinh này quá dễ hiểu, nội dung bình thường không có gì đặc biệt, mà thấy bình thường người ta đẩy nó xuống tầm thường, mà tầm thường thì nó không đáng để lưu tâm. Thật ra, phải nói rằng là tất cả lời Phật đều đáng lưu tâm hết, chẳng qua bài kinh A không hợp với khẩu vị của mình nên mình coi nhẹ. Chẳng hạn như sáng nay giật mình thức giấc chuyện đầu tiên tôi nhớ đó là cái chết, và rõ ràng trong Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật dạy rằng: Theo tôi đoán có rất nhiều người liếc qua bài kinh này thì thấy bài kinh này quá dễ hiểu, nội dung bình thường không có gì đặc biệt, mà thấy bình thường người ta đẩy nó xuống tầm thường, mà tầm thường thì nó không đáng để lưu tâm. Thật ra, phải nói rằng là tất cả lời Phật đều đáng lưu tâm hết, chẳng qua bài kinh A không hợp với khẩu vị của mình nên mình coi nhẹ. Chẳng hạn như sáng nay giật mình thức giấc chuyện đầu tiên tôi nhớ đó là cái chết, và rõ ràng trong Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật dạy rằng: Có một pháp môn, này các tỳ kheo khi mà được tu tập sung mãn kiên cố thành căn cứ địa thì sẽ đem lại lợi ích lớn, quả báo lớn đó là pháp môn niệm chết.Nhiều năm về trước đọc qua câu kinh tôi thấy không có gì để suy nghĩ, tôi chỉ liếc mắt qua thôi, càng lớn tuổi thì tôi thấy lời kinh đó đáng được xem là thần chú hộ thân. Bao nhiêu cái toan tính phù hư ảo hóa trong cuộc đời này sẽ được dàn xếp êm đẹp, sẽ được đặt sang một bên không tiếp tục làm khổ mình nữa chỉ vì một tâm niệm thường trực đó là mình sẽ ra đi bất cứ lúc nào, có tâm niệm đó sẽ giúp cho mình có một sinh phong (phong cách sống) bình thản rất đặc biệt mà những người bình thường không có

được. Trong kinh 38 Pháp An lành – Kinh Cát Tường, có bài kệ đầu tiên: "không gần người ác, thân cận người hiền", bài kinh đó rất quan trọng. Thí dụ như bây giờ ai cũng biết mình sẽ chết, nhưng người thân cận mình lại quá dễ duôi, lâu ngày mình bị lây chớ không phải không. Quí vị tuyệt đối phải nhìn nhận chuyện đó, bắt buộc phải nhìn nhận, không ai có võ biền như vậy hết nhưng trong trường hợp này tôi nghĩ phải võ biền. Tôi chưa biết quí vị nghĩ gì nhưng tôi nghĩ rằng quí vị phải chấp nhận điều đó, dù có tu pháp môn gì đi nữa thì người ở gần mình vẫn có tác động rất là lớn đối với mình. Thí dụ, với người trí thức là mình đã nể họ rồi vì họ lớn tuổi, họ sống nhiều năm trong cuộc đời dâu biển này. Đến 60, 70 ngoài họ vẫn còn dễ duôi, thong thả tà tà, ầu ơ ví dầu, tươi tỉnh yêu đời và họ có quá nhiều thời gian cho những chuyện tào lao. Có lúc nào đó mình giựt mình thấy sao họ dễ duôi như vậy nhưng lâu ngày mình thấy chuyện đó không có gì lạ, rồi từ từ mình thấy hình như họ đúng, sống là phải yêu đời chớ. Dầu cho có tu thì tu trong màu xanh màu hồng chớ có đâu tu trong màu xám màu đen. Rồi từ từ mình thấy bình thường, sau đó chấp nhận và đồng thuận với họ, rồi mình đâm ra buông lơi mọi thứ. Nếu đừng bị người khác tác động tiêu cực thì chỉ riêng pháp môn niệm chết không thôi đã làm cho quí vị thay đổi rất nhiều. Tây có câu: "bài kinh đó rất quan trọng. Thí dụ như bây giờ ai cũng biết mình sẽ chết, nhưng người thân cận mình lại quá dễ duôi, lâu ngày mình bị lây chớ không phải không. Quí vị tuyệt đối phải nhìn nhận chuyện đó, bắt buộc phải nhìn nhận, không ai có võ biền như vậy hết nhưng trong trường hợp này tôi nghĩ phải võ biền. Tôi chưa biết quí vị nghĩ gì nhưng tôi nghĩ rằng quí vị phải chấp nhận điều đó, dù có tu pháp môn gì đi nữa thì người ở gần mình vẫn có tác động rất là lớn đối với mình. Thí dụ, với người trí thức là mình đã nể họ rồi vì họ lớn tuổi, họ sống nhiều năm trong cuộc đời dâu biển này. Đến 60, 70 ngoài họ vẫn còn dễ duôi, thong thả tà tà, ầu ơ ví dầu, tươi tỉnh yêu đời và họ có quá nhiều thời gian cho những chuyện tào lao. Có lúc nào đó mình giựt mình thấy sao họ dễ duôi như vậy nhưng lâu ngày mình thấy chuyện đó không có gì lạ, rồi từ từ mình thấy hình như họ đúng, sống là phải yêu đời chớ. Dầu cho có tu thì tu trong màu xanh màu hồng chớ có đâu tu trong màu xám màu đen. Rồi từ từ mình thấy bình thường, sau đó chấp nhận và đồng thuận với họ, rồi mình đâm ra buông lơi mọi thứ. Nếu đừng bị người khác tác động tiêu cực thì chỉ riêng pháp môn niệm chết không thôi đã làm cho quí vị thay đổi rất nhiều. Tây có câu: "Hãy học như mình sống mãi và sống như mình sẽ chết ngày mai". Khổ ở chỗ là sách báo mình thường đọc mỗi ngày, những con người xung quanh mình thường gặp gỡ, tất cả những thứ "thường thường" đó, những thứ hàng ngày đó, sẽ tác động lên mình, vì vậy điều quan trọng là nếu quả thật mình có niềm tin nơi Phật pháp thì nên để ý tránh giao du gần gũi với những

người, những sách báo nào càng lúc càng làm cho mình tệ hơn. Đó cũng chính là điều tôi muốn nói trong bài kinh Người này. Có những người sinh ra trong bóng tối nhưng hướng về bóng tối, tức là sinh ra trong điều kiện eo hẹp khó khăn chật vật đáng buồn, không có gì sáng sủa (nghèo, túng, ít chữ nghĩa v.v...) nhưng kiểu sống của họ cũng không khá gì hơn, cũng hướng về bóng tối. Ở đây Đức Phật ví dụ có những người sanh ra trong bối cảnh gia thế không có gì sáng sủa và trong bối cảnh không sáng sủa đó họ vẫn tiếp tục có lối sống, lối suy nghĩ cũng hướng về bóng tối. Có biết bao nhiêu danh nhân trong cuộc đời này xuất thân từ gia cảnh bần hàn, bình thường nhưng phước nghiệp của họ khiến cho họ biết vươn lên, ngoi lên và trở thành danh nhân. Trong khi đó có biết bao nhiêu người sinh ra trong hoàn cảnh nào thì coi đó là toàn bộ vũ trụ, toàn bộ thế giới không muốn ngoi lên nữa, bởi vì đã là vũ trụ thì ngoi đi đâu nữa, đơn giản như vậy thôi. Tôi từng có dịp đi vào những vùng sâu vùng xa ở nông thôn, tôi nhận ra một chuyện hết hồn, nghĩa là tâm lý chúng sanh sinh ra ở đâu thì họ nhắm mắt chấp nhận điều kiện sống ở đó như là một sự tất yếu và chấp nhận vô điều kiện. Họ không có sự nhìn lại để ngoi lên vượt thoát, họ không có khả năng đó, giống như con cá sanh ra trong chậu rồi coi đó là toàn bộ thế giới. Có người nghĩ đó là sự tri túc, sự an phận. Nghĩ như vậy là chết rồi, sự tri túc mà Đức Phật kêu gọi là đừng có đua đòi, đừng chạy vạy, đừng tung tăng kiếm tìm đời sống vật chất đòi hỏi nhiều quá, vì đời sống vật chất chỉ là điều kiện tối thiểu để chúng ta duy trì đời sống sinh mạng của mình, không nên vì nó mà bôn ba quá nhiều. Tri túc không có nghĩa là chúng ta yên lòng an phận dậm chân tại chỗ với những thành tựu tâm linh tinh thần hiện có của mình rồi không chịu đi xa hơn nữa rồi nói đó là tri túc. Tri túc là không tham muốn hơn nữa về đời sống vật chất, chấp nhận vui vẻ an lạc trong điều kiện tối thiểu ở mức cần và đủ. Còn riêng đời sống tinh thần thì phải luôn luôn không ngừng đi lên đi tới, hướng đến chiều cao chiều rộng chứ không thể nào hiểu lầm tri túc là đẻ ra ở đâu thì vùi đầu trong đó.

Sống trong bóng tối mà hướng ra ánh sáng thì có những người do nghiệp cũ bây giờ sanh ra trong điều kiện bình thường không gì xuất sắc đặc biệt nhưng họ biết ngoi lên. Cái vươn lên ở đây không phải là chạy theo kiếm tiền nhiều, kiếm một chỗ ngồi trong xã hội mà là họ nâng cao nhân cách, nâng cao tầm nhìn, nâng cao nhận thức về đời sống, họ hiểu họ hơn và hiểu đời hơn, đó gọi là hướng về ánh sáng. Cách đây mấy hôm tôi có xem bài báo của một người Tàu viết về nước Mỹ và Trung Quốc, tựa là "Nước Mỹ không bao giờ bằng chúng ta (Trung Quốc)". Trong đó tác giả viết, nước Mỹ là một đất nước cù lần, củ chuối so với Trung Quốc rất nhiều, vì người Trung Quốc (cả VN ta nữa) là đẻ con ra là tập trung cho

con đi học, và đi học thì phải hướng đến một vị trí quyền lực trong xã hội. Tại sao như vậy?

Bởi vì mình sanh ra trong xã hội có tầm nhìn lạ lùng, đi học là phải hướng đến tước quyền, tước quyền thì đồng nghĩa với danh và lợi (tiền bạc). Trong khi đó người Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, họ không coi chức vụ trong chính phủ là cần câu kiếm tiền. Nhận thức chỉ lệch một centimét và dẫn đến hệ quả cực kỳ nguy hại. Bên đây người ta học là để cầu kiến thức chuyên môn trước cái đã, ngay cả bác sĩ kỹ sư gì đó cũng không phải được hiểu như là ở những xã hội nông nghiệp như mình nghĩ. Bên đây người ta có một lý tưởng chính trị, có một hoài bão xây dựng xã hội. Ở Mỹ, người ta dấn thân vào chính trường, làm nghị sĩ, thống đốc, tranh cử tổng thống để thực hiện những hoài bão, những mối quan hoài về xã hội, để xây dựng một đất nước theo hướng mà họ thấy là đẹp, chớ không phải như mình chạy đủ đường để có cái bằng cấp rồi lấy bằng cấp đó làm bàn đạp, làm cái thang để leo lên chức vụ để kiếm tiền. Trong khi đó, một chức vụ một ghế ngồi thì có tác dụng nắm quyền sinh sát đất nước trong tay mà để đi kiếm tiền là chết rồi. Một chức vụ trong hệ thống chính phủ của một đất nước không phải là để kiếm tiền. Nếu hiểu như vậy là sai. Ở đây cũng vậy, hướng ra ánh sáng không phải là hướng đến cái chỗ người ta dồn đến nhiều ví dụ trở thành người nổi tiếng, được chú ý, mà ở đây là hoàn thiện bản thân, sống có nhân cách đàng hoàng hơn, có tầm nhìn sâu hơn rộng hơn chớ không phải hướng về ánh sáng là nhìn về chỗ nổi tiếng. Trong nước có thực trạng rất đáng buồn đó là tuổi trẻ có chút nhan sắc dù nam hay nữ thì cứ là muốn nổi tiếng. Cứ nghĩ là có nhan sắc là có tất cả, có thể làm người mẫu, có thể làm diễn viên miễn là xuất hiện trong phim là đủ trong khi quên một chuyện rất là quan trọng đó là những tố chất bắt buộc phải có của một diễn viên, không phải là vấn đề nhan sắc. Các vị coi phim Hongkong hay Hàn Quốc sẽ thấy, người ta đóng phim trước hết ngoài lòng yêu nghệ thuật ra thì họ phải có khả năng nhập vai bằng tâm trạng của vai diễn mình nhận, còn mình sống thiếu chiều sâu, thiếu văn hóa, thiếu vốn sống, chỉ muốn nổi tiếng, chỉ muốn có tiền, chỉ muốn lấy được chồng giàu vợ giàu. Muốn có tiền, muốn hưởng thụ mà quên mất là muốn được cái đó thì phải là diễn viên thực thụ, mà diễn viên thực thụ nghĩa là phải có vốn sống, có văn hóa, có nhận thức, chớ không có phải là ăn mặc hở hang khêu gợi, gợi cảm gợi tình xong rồi nổi tiếng. Đó là nhận thức rất là bệnh hoạn. Người diễn viên thực sự khi diễn họ không nghĩ đến đồng tiền mà họ chỉ nghĩ đến lý tưởng cao nhất của nghề diễn viên để rồi hóa thân, nhập vai bằng toàn bộ tâm tình thật sự của vai diễn mình đảm nhận. Đời sống ở đây cũng vậy, chúng ta hiểu lầm rất là nhiều, chúng ta tưởng hướng ra ánh sáng là chỗ mà

thiên hạ cùng nhìn về, sai bét. Chúng ta là một diễn viên trong đời sống, chúng ta phải biết những tố chất thật sự để làm nên một diễn viên chớ không phải hiểu sai như vậy.

Người sống trong ánh sáng hướng về bóng tối là những người may mắn sanh ra trong điều kiện gia thế gia cảnh tốt nhưng không biết tận dụng hoàn cảnh đẹp đó để đi lên, hoàn thiện bản thân mà chỉ biết vùi đầu hưởng thụ như một con chó nhà giàu. Có nhiều người gia cảnh của họ chỉ vừa đủ để biến họ thành con chó nhà giàu, một con mèo ăn trong tô bằng bạc, một con chó được xích bằng sợi dây vàng 18k. Tất cả những điều kiện về tài chính, về thể lực, về ngoại hình, ngoại diện, gia thế, tài sản đều phải được tận dụng một cách tích cực, thông minh để chúng ta có thể đóng góp nhiều hơn cho đời sống, cho xã hội, cho thế giới chúng sanh muôn loài, tất cả những điều kiện đó phải được tận dụng để chúng ta ngày một tốt hơn về nhân cách, về sinh phong, về nhận thức, bằng không thì chúng ta trở thành con mèo, con chó nhà giàu. Trong trường hợp trở thành một con chó, con mèo nhà giàu, Đức Phật gọi là sanh ra trong ánh sáng và hướng về bóng tối.

Hôm nay có để ý một chút thôi về nhịp sống xã hội ở những xứ chậm tiến về văn hóa tâm linh chúng ta sẽ có dịp để thấy rất rõ bài kinh này, có biết bao nhiêu cô chiêu cậu ấm sinh ra trong điều kiện gia thế rất tuyệt vời mà thay vì dành chút thời gian đi học (ngoại ngữ, computer chẳng hạn) để mở rộng vươn cao thì lại để tiền mua siêu xe. Tại sao tôi coi nặng ngoại ngữ?

Thế giới bây giờ là thế giới phẳng, không phải cách biệt quan san như ngày xưa, nhu cầu giao lưu giữa nước này nước kia, dân tộc này với dân tộc kia đã quá lớn quá sâu rộng. Các cô cậu bỏ tiền ra mua siêu xe, đua đòi, một thời gian thì chán không còn gì hứng thú thì chuyển qua chích hút. Đó là mẫu số chung, là kết thúc của tuổi trẻ có tiền mà không biết đi đâu làm gì, ngay cả những diễn viên, những nhân vật tiếng tăm ở Holywood cũng bị trường hợp đó. Khi có tiền mà thiếu đời sống tinh thần, không có nhận thức đàng hoàng tử tế, tiền nhiều quá chỉ biết hưởng thụ, đến một lúc nào đó những hưởng thụ hơi tiêu cực thụ động (như ngồi trên du thuyền, máy bay riêng, siêu xe) đã chán, họ kiếm cái gì đó xốc nổi sống động hơn, đó là nghiện ngập chích hút; dính vào đó thì con trời cũng phải hư. Nhiều người đã bỏ mạng sa trường ngay trong điều kiện họ có, chết thảm vì nghèo thì còn thông cảm được, còn đây là chết thảm vì có quá nhiều điều kiện sống. Nói sâu xa hơn, ngay trong đời sống một tu sĩ, một cư sĩ cũng vậy, người không có điều kiện trau dồi Phật pháp thì không nói gì, còn có nhiều người có điều kiện trau dồi Phật pháp thì chính điều kiện đó làm cho họ trở nên ù lì. Trước

đây kinh sách khó khăn, thỉnh được một cuốn kinh, quý vô cùng, tôi biết có những người ở lục tỉnh lên Sài Gòn chạy thẳng vô Vạn Hạnh coi có sách mới ra hay không, rồi sau này họ chạy vô phòng phát hành Ấn Quang, Xá Lợi, Vĩnh Nghiêm, Huê Lâm, Dược Sư, để thỉnh sách, có được cuốn sách mới ra là mừng muốn chết vì có một thời gian dài bị ngăn sông cấm chợ, in được cuốn sách là khó vô cùng. Hồi đó có mấy cuốn như Vô ngã là niết-bàn, những sách của HT Chơn Thiện, HT Thiện Siêu, ra được cuốn nào là đem về đọc ngấu nghiến mừng lắm. Còn bây giờ những sách của HT Nhất Hạnh, Phạm Công Thiện in thoải mái, những sách dịch in tràn ngập thì đã đến lúc chúng ta không còn muốn đọc nữa. Một thời sách vở khó khăn chúng ta siêng học, còn bây giờ thì cứ online vào Google thì cái gì cũng có, từ đó làm biếng không còn muốn đọc nữa, đây là một tiếng chuông báo động và cũng là hồi chuông báo tử cho đời sống tâm linh của chúng ta. Thuở nào không có điều kiện đi chùa, giờ có xe hơi luôn, thuở nào không có điều kiện đọc sách, giờ có internet luôn, thuở nào không có điện thoại bàn, bây giờ mỗi thành viên trong nhà đều có iphone 5,6 muốn học đạo muốn nghiên cứu dễ vô cùng, nhưng khổ thay, khi có hết rồi thì không thèm nữa, đó chính là lúc chúng ta chết trong vũng lầy điều kiện của mình.

Hạng người sinh ra trong điều kiện ánh sáng và hướng về ánh sáng là những người may mắn có gia cảnh xuất thân tốt và biết tận dụng một cách thông minh tất cả những điều kiện mình có để sống đẹp hơn.

TỔ MẪU (Ayyikāsutta)

Tổ mẫu, từ chữ Phạn là Ayyikā, (bà nội hoặc bà ngoại, grandma). Muốn hiểu sao hiểu, bà nội, bà ngoại gom chung. Tiếng VN mình thì phân rõ, bà nội bà ngoại, cố nội, cố ngoại. Tổ mẫu ở đây là bà ngoại của vua Kosala. Theo Chú giải, vua mồ côi mẹ hơi sớm, vua có nhiều điểm giống thái tử Tất Đạt, mồ côi mẹ sớm, hai người bằng tuổi nhau và hai người đều có đời sống tâm linh rất tuyệt vời. Vua Pasenadi là một vị minh quân và là người đại trí đại hiền, là vị Phật tương lai gần thành. Đàn ông lạ lắm, mồ côi mẹ sớm hay góa vợ sớm thường dễ trở thành danh nhân lắm. Mồ côi mẹ sớm thì trong sự cô quạnh lẻ loi đó, họ phải vươn lên để thành danh nhân; còn mồ côi vợ thì họ sẽ rảnh tay, có vợ là có kinh nghiệm sống nhưng vợ phải đi sớm để mình rảnh tay làm việc lớn. Khi bà ngoại mất vua Pasenadi buồn ghê lắm, trong Chú giải nói khi mẹ mất thì bà ngoại đóng vai bà mẹ giống như tẩu nương của Bao Công. Bao Công mồ côi sớm, bà chị dâu nuôi ông như là con nên ông gọi là tẩu nương, một nửa là chị dâu, một nửa là mẹ. Còn với vua Pasenadi, mẹ mất sớm nên bà ngoại kiêm tổng bí thư lẫn thủ tướng chính

phủ. "Cha chết ôm chân chú, mẹ chết bú vú dì". Vì tổ mẫu vừa là mẹ vừa là ngoại nên khi mất rồi vua rất buồn, vua nói rằng dù bỏ ngai vàng cho bà ngoại sống dậy thì cũng bỏ. Đức Phật giảng cho vua nghe:

Mọi chúng sanh sẽ chết,

Mạng sống, chết kết thúc,

Tùy nghiệp, họ sẽ đi,

Nhận lãnh quả thiện ác,

Ác nghiệp, đọa địa ngục,

Thiện nghiệp, lên Thiên giới.

Do vậy hãy làm lành,

Tích lũy cho đời sau,

Công đức cho đời sau,

Làm hậu cứ cho người.

Cái chết không ai lạ hết, nhưng khổ chỗ cái gì mình thấy không lạ thì thấy bình thường, cái bình thường thì dễ bị đẩy xuống hạng tầm thường, thấy tầm thường thì không nhìn đến nữa. Nếu quí vị thật lòng tin Phật, thật lòng có chút đời sống tâm linh thì chỉ riêng chữ "Chết" đủ khiến cho quí vị trở thành người tốt, thành danh nhân, hay là gì đó, mình sẽ có đời sống tinh thần tốt hơn khi mình nhớ chữ "chết". Đang giận ai đó thì chỉ cần nhớ Cái chết không ai lạ hết, nhưng khổ chỗ cái gì mình thấy không lạ thì thấy bình thường, cái bình thường thì dễ bị đẩy xuống hạng tầm thường, thấy tầm thường thì không nhìn đến nữa. Nếu quí vị thật lòng tin Phật, thật lòng có chút đời sống tâm linh thì chỉ riêng chữ "Chết" đủ khiến cho quí vị trở thành người tốt, thành danh nhân, hay là gì đó, mình sẽ có đời sống tinh thần tốt hơn khi mình nhớ chữ "chết". Đang giận ai đó thì chỉ cần nhớ "sớm muộn gì cũng ra gò nằm, sớm muộn gì cũng vô hũ". Cứ đọc câu đó suốt trong vòng năm năm, mười năm thì quí vị sẽ trở thành thứ gì đó rất là dễ sợ, muốn học giáo lý mà nhớ câu đó sẽ giỏi ghê lắm, muốn tu thiền mà nhớ câu đó thì cũng tiến bộ ghê lắm, không chỉ 16 tuệ mà lên tới 32 tuệ luôn.

Đức Phật dạy, giống như một vật được làm bằng gốm, ngày đầu tiên mà nó được hoàn tất, nhìn thấy ánh nắng mặt trời, thì cũng kể từ giây phút định mệnh đó, nó đã chứa sẵn mầm chết trong nó. Đồ gốm hay sứ, sành cũng vậy. Nó luôn luôn trong tình trạng chờ bể, giống như đất nước chúng ta, đường chờ hư, cầu chờ sập. Chúng ta may mắn sinh ra trong một đất nước phải nói là rất là minh triết, rất là triết học. Nghĩa là người dân luôn luôn đối diện thường trực với vấn đề hóc búa của nhân sinh, những vấn đề đã được một Bậc Đại Giác nhắc nhở hàng ngàn năm trước, đó là tâm niệm vô thường. Cứ đi đường qua cầu là nhớ, nhớ liền, chúng ta có thể chết trên cái cầu này, đi Honda mà gặp ổ gà là khả năng chết rất là lớn.

THẾ GIAN (Lokasutta)

Vua Pasenadi hỏi Đức Phật: Sao đời này khổ quá khổ, đủ thứ lý do để mình khổ hết, xin Thế Tôn cho một câu trả lời gọn gọn cho dễ nhớ dễ hiểu, bây giờ thế gian khổ quá. Vì cái gì cuộc đời khổ quá như vậy, vừa bất tịnh vừa bất an. Đức Phật dạy rằng: Có ba pháp thôi: Tham, sân, si. Còn bây giờ nói đời quá khổ, bàn về xã hội chính trị nghe mênh mông rất mệt, chỉ cần nói gọn ba cái gốc thôi. Bản thân tôi và một vài người quen, lâu lâu mấy cái khớp sưng lên bóng lưỡng đau quá đến lúc nhiều khi bàn tay không nắm lại được, cứ tưởng mình bị ung thư xương, gân hay cái gì nan y tuyệt chứng gần chết tới nơi, cứ nghĩ trong bụng nếu bàn tay cầm được cây viết là viết di chúc trối lại. Tới hồi khi biết ra là rất đơn giản, bác sĩ cho biết là dư acid uric, một loại độc chất lẽ ra được bài tiết theo đường nước tiểu nhưng do mình uống ít nước quá nên làm cho khớp mình sưng lên. Khi hiểu được nguồn cơn thì mình không còn ngại nữa, chỉ uống nhiều nước thôi. Tôi biết một vài người quen xanh lè xanh lét, đi đứng không được, chậm chạp lờ đờ như gần chết, ăn uống không được, từ chỗ sức khỏe yếu đâm ra suy nghĩ bi quan tiêu cực, mắt lờ đờ, tóc lưa thưa lớt thớt như xác chưa chôn, đến hồi hiểu ra thì lý do đơn giản, bị bao tử. Nghề của họ không cho phép nghỉ ngơi đúng cách mà ngồi nhiều đứng nhiều nên mới bị loét bao tử. Ăn không được, thiếu sức vv.. chỉ vì một chuyện thôi, đó là bao tử có vấn đề. Cũng như có bà ra khai với bác sĩ sao rờ đâu cũng đau, đau cả người, bác sĩ chụp X quang, chụp cắt lớp rồi cuối cùng phát hiện ra và nói bà, bà chỉ đau đầu ngón tay thôi. Có bà nói bác sĩ: Sao tôi ngồi đâu cũng đánh rắm, đánh rắm không có mùi, và không có tiếng; bác sĩ nói: Tôi phải trị cho bà không những đường ruột mà còn phải trị cái lỗ tai và lỗ mũi nữa.

Bài kinh này nói cuộc đời này khổ quá mà nguồn ở đâu ra?

Đơn giản thôi, đó là do tham sân si. Tham là muốn tùm lum hết, muốn ở đâu thì có bất mãn ở đó. Kẻ nào càng có nhiều thương thích thì kẻ đó sẽ càng có nhiều bất mãn. Thương thích và bất mãn là hai tên gọi của tham và sân. Si thì liên tục có mặt trong tham và sân, ở đâu có thương thích là ở đó có si, vì do không hiểu Tứ đế. Do vô minh trong Bốn Đế nên mới dẫn đến ba hành. Từ vô minh trong Bốn Đế mới dẫn đến thích cái này thương cái kia nên mới dẫn đến bất mãn, không thương không thích lấy cái gì bất mãn. Muốn mà không được là khổ, mình muốn một tỷ mà cái mình được thỏa mãn là bao nhiêu. Những cái mình có rồi mình giữ được bao lâu?

Mình không lìa bỏ nó, thì nó cũng lìa bỏ mình. Nói trắng ra như trong tình cảm nam nữ, mình không chán người ta thì cũng có ngày người ta chán mình. Tôi nể phục những người ly dục và vô cùng nể phục những người có cái gan hướng đến đời sống hôn nhân. Chúng ta không có bao nhiêu điều kiện để giữ lấy một cuộc hôn nhân tốt đẹp, chúng ta không có bao nhiêu niềm tin để giữ lấy một tình yêu thưa bà con. Mặc dù bây giờ tôi độc thân, chả cần va chạm nhiều, tôi chỉ cần hiểu theo lời Phật thôi, mình không chán người ta người ta cũng chán mình, rồi thì hai đứa cũng có một đứa đi trước. Bên cạnh người con gái mình thương có một tỷ đứa để mình so sánh và chung quanh mình có một tỷ người con trai để người đàn bà của mình so sánh, làm sao trong chừng đó năm người đàn bà của mình hoặc mình không ngoại tình tư tưởng, thử hỏi những người như vậy có phải can đảm ghê gớm lắm không. Vì vậy, ở đây chúng ta hãy nhớ rằng càng thương thích nhiều thì càng nhiều bất mãn, càng nhiều bất mãn thì cuộc đời càng khổ và si ở đây chính là vô minh trong Bốn Đế. Từ si mà tạo ra thương thích (tham) và ghét sợ (sân).

CUNG THUẬT (Issattasutta)

Cung thuật là nghệ thuật bắn cung (issatta). Chữ ‘issatta’ còn có nghĩa nữa là ‘cung thủ’- người chuyên bắn cung. Bất cứ chuyện gì trên đời này, nếu mình có lòng yêu nghề, mình đi đến đầu đến đũa đến nơi đến chốn thì cái gì cũng có chiều sâu đáng nể của nó. Ví dụ như chuyện đang rổ, dệt thảm (chùi chân) hoặc nghề làm bánh, nấu xôi chè bán, nghề bắn cung, nấu ăn, chưng hoa v.v... nếu yêu nghề thì cái gì cũng có chiều sâu chiều rộng của nó, còn nếu dễ hài lòng với nó thì đi không xa.

Bên Tàu có một cung thủ rất giỏi, nổi tiếng bậc nhất của Trung Quốc một thời. Khi có người đến xin học, ông từ chối, ông nói nghệ thuật bắn cung của ông

không dành cho người bình thường; người không năng khiếu hay không kiên trì là không theo được. Sau khi người học trò năn nỉ nhiều lần, ông đồng ý với điều kiện người học trò phải làm đúng theo lời ông dặn. Ông đưa cho người học trò hột đậu phộng và bảo: Con nhìn chừng nào đến khi cái hột này bằng trứng gà thì nói cho ta biết. Người học trò không biết tại sao nhưng cứ làm theo, một lát sau thưa thầy: Con thực sự đã thấy. Ông nói: Phải thực sự thấy mới nói, không được xạo. Người học trò nói: Con thấy từng vết trầy xước nhỏ xíu trên hột đậu phộng như đang quan sát cái trứng gà. Ông thầy thay hột đậu phộng bằng hột đậu xanh và bảo người học trò tiếp tục nhìn đến khi hột đậu xanh to bằng trứng gà. Người học trò cũng quan sát và báo lại đã nhìn thấy hột đậu xanh to bằng trứng gà. Ông thay hột đậu xanh bằng hột mè và bảo người học trò nhìn đến khi nó to bằng cái trứng gà. Nhiều tháng sau người học trò báo cho ông thầy biết là đã thấy hột mè to bằng trứng gà. Ông bảo học trò tiếp tục nhìn đến khi hột mè to bằng cái thúng thì báo cho ông biết. Người học trò tiếp tục nhìn đến một lúc nói rằng cái hột mè to quá, to đến nỗi không thấy bên kia hột mè là gì nữa như là nguyên cái thúng che trước mặt. Khi đó ông thầy lấy cung ra và bảo tìm chỗ nào thấy cái thúng là bắn ngay vào giữa cái thúng. Tôi rất vừa ý câu chuyện này, vì nó rất giống kỹ thuật thiền Chỉ của PG. Mình muốn nhìn sâu, nhìn rõ vấn đề gì thì phải tập trung, không có định đừng hòng có tuệ là vậy đó. Mình sống chết với nó, chìm sâu vào nó thì phát hiện ở nó một tỷ vấn đề hay ho vô cùng, còn lăng xăng thì không học được gì hết. Ngay chuyện nhổ tóc sâu, bắt chí cũng cần sự tập trung chú ý; đàn bà ngồi dưới bếp lượm gạo cũng cần sự tập trung tư tưởng. Tôi kể câu chuyện này chỉ vì tựa kinh thôi, chớ không mắc mớ gì bài kinh hết.

Duyên sự của bài kinh này là một ngày kia vua Pasenadi nghe râm ran trong thiên hạ có tiếng đồn là các du sĩ ngoại đạo bị thất thu nặng nề. Họ không nhận được sự hỗ trợ của quần chúng nhiều như ngày xưa kể từ khi chư tăng đông đảo hơn. Những đại gia phú hào, tướng lãnh, vua chúa, quận công tìm đến Phật pháp, tăng ni, Đức Phật nhiều hơn đến với họ, từ đó nảy sinh ra mối oán hờn, từ oán hờn đó mới sanh ra một tiếng đồn không hay, nói rằng "Sa-môn Gotama giành hết đệ tử của chúng tôi", "Sa-môn Gotama hướng đến giải thoát nhưng trong cách nói của Sa-môn Gotama chỉ nhằm người ta cúng dường cho mình và cho đệ tử của mình thôi". Vua nghe như vậy mới tìm đến thăm Đức Phật và hỏi hai câu mà chúng ta thấy trong chánh kinh: "Chỗ nào, bạch Thế Tôn, bố thí cần phải đem cho?

", "Bạch Thế Tôn, chỗ nào cho được quả lớn?

", nghĩa là đối tượng nào, chỗ nào mình cần bố thí. Đức Phật trả lời mà tôi có cảm giác Ngài đang trả lời cho bản thân tôi. Câu trả lời làm mình rất là bất ngờ. Ngài trả lời: "Mình hoan hỉ lúc nào, ở đâu, với ai thì lập tức bố thí làm phước ngay lúc đó". Chớ nếu mà chờ thì con nước nào cũng xuôi về Đông, cơ hội nào cũng đến với ta một dịp nào đó thôi. Tâm thì vô thường, lúc thiện lúc ác, lúc rộng lúc hẹp mà ngồi chờ đúng dịp thì coi như lòng không còn như cũ nữa. Tiền bạc của mình lúc có lúc không, dòng đời thì luôn trôi chảy, tâm hồn mình cũng vậy, lúc hứng lúc không hứng, lúc rộng lúc hẹp, lúc muốn lúc không muốn, có lúc gặp người mình hoan hỉ có lúc gặp người mình không hoan hỉ. Chuyện đời không bao giờ chờ mình đâu, vì vậy khi vua hỏi thì Đức Phật trả lời hoan hỉ lúc nào làm ngay lúc đó, vì đó là cơ hội tốt nhất. Ví dụ bây giờ nếu tôi có ý tưởng muốn qua Miến Điện gặp các vị Sayadaw thuộc lòng Tam tạng, tôi quì lạy cúng dường chai dầu gió, khăn mặt, rồi vô học viện đông đảo chư tăng tôi lạy tôi xin cúng dường; xin hỏi thiệt, cơ hội đi Miến Điện nếu tôi ở VN thì 10 năm tôi đi được mấy lần, khi đi được thì cơ thể tôi còn khỏe mạnh hay không, điều kiện tài chánh lúc đó ra sao?

Vì vậy khi hoan hỉ ở đâu lúc nào thì bèn ra tay lúc đó, nhưng nhớ chừng mực thôi, đừng hứng quá mà vung tay quá trán. Có hai chục triệu để làm phước bèn cúng hết hai chục triệu rồi lúc nghe lời ong tiếng ve gì về chùa đó, trụ trì đó rồi bất mãn chán chường rồi tiếc nuối là bậy. Làm phước là tốt nhưng mà trước khi làm phước thì làm ơn phải hợp trí một chút, coi chuyện đó có đáng hay không, ví dụ nghĩ bụng xem với hai chục triệu thì việc in kinh với đúc tượng cái nào cần hơn, hỗ trị tăng ni bị bịnh hay hỗ trợ thực phẩm cho hành giả, hỗ trợ làm chùa hay hỗ trợ làm đường, ngồi nghĩ thử xem mình khoái cái nào và tại sao mình khoái cái đó. Đã trao ra thì không hối tiếc, tình đã cho đi không đòi lại bao giờ, ngay trong tình cảm nam nữ rất đỗi trần tục kia người ta còn không tiếc, thà bị gạt chớ không hối tiếc, tại mình thương quá mình ráng mình chịu, nói chi là trong đạo. Dầu có tiếng xấu gì đi nữa thì cứ nhớ thế này, chuyện quan trọng nhất trong cuộc bố thí này mình đã làm được là mình đã không ôm giữ sở hữu, mình dám bỏ ra đã là thành công lớn rồi, mình đã làm được điều mà không phải ai cũng làm được, và mình đã hoan hỉ trong lúc mình làm. Có người bố thí vì nghĩ đến quả báo đời sau kiếp khác, có người bố thí để cầu danh trục lợi, có người bố thí để dạy cái tâm. Trong vô số kiếp luân hồi rồi mình đã có thói quen ôm, giữ, nắm, níu, giờ mình biết đạo rồi mình phải buông ra. Giải thoát là buông ra, muốn giải thoát mình phải buông sở hữu trước rồi mai này mình mới buông được thói xấu,

buông phiền não. Đi chùa nghe đánh chuông phải nghe là "buông". Chớ nghe chuông lớn là "bon" mà chuông nhỏ là "chen" thì còn bon chen chưa khá.

Câu hỏi thứ hai của vua "bố thí chỗ nào quả báo lớn", Đức Phật nói rõ câu hỏi số một khác hẳn câu số hai: "Thưa Đại vương, câu "Chỗ nào bố thí cần phải đem cho" khác với câu: "Chỗ nào cho được quả lớn". Thưa Đại vương, cho người trì giới được quả báo lớn. Cho người không giữ giới không được như vậy".

Chỉ có vị Chánh Đẳng Giác mới trả lời như vậy vì Ngài thấy được vấn đề nghiệp lý. Hoan hỉ làm thì công đức lớn tuy nhiên trong những đối tượng bố thí lại có nhiều hạng. Có những miếng ruộng tốt đã được dọn cỏ mưa xuống thì sanh sôi phát triển nhưng ruộng xấu thì có quỳ lạy nó cũng cằn cỗi. Tôi nhớ ngày xưa mỗi lần đi xe đò ngang cánh đồng miền Trung tôi nhớ miền Nam. Ở miền Nam có những cánh đồng người ta cắt lúa xong gốc rạ còn cao hơn năm tấc, nghĩa là có những cây lúa cao vượt đầu người do đất tốt. Khi họ cắt thì phần gốc rạ còn lại rất dài, nên khi họ đốt thì thành tro thành phân, nếu không đốt để tự nhiên thì cũng thành phân, gốc rạ càng dài thì phân càng nhiều. Còn ở miền Trung, đất cằn cỗi nên khi cắt lúa thì phần gốc rạ không còn bao nhiêu. Đất xấu thì xấu hoài, đất tốt thì tốt hoài là như vậy. Phước điền ở đây cũng vậy, có những đối tượng mình gieo công đức nhỏ xíu mà hưởng ngàn đời không hết, còn có những mảnh ruộng thì cho thì nhiều mà quả nhận chẳng được bao nhiêu. "Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu; Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết..." là vậy đó. Cái quan trọng không phải là cầu quả báo mà quan trọng là có dịp để mình trao ra. Ở đây Đức Phật giải thích thêm: Giống như ở chiến trường đại vương lâm trận rồi lâm nạn và sắp sửa lâm chung, lúc đó đại vương cần ai?

Cần một người vừa giỏi vừa gan! Chớ lúc đó gặp một kẻ chết nhát thì không xài được. Ở đây tùy chuyện mà nói, nói trên mặt tình cảm, thích chỗ nào hoan hỉ chỗ nào thì tùy chỗ đó mà làm phước, còn nói trên mặt kỹ thuật, chỗ nào công đức lớn thì lại là chuyện khác. Ở trên chiến trường, thương ai cũng tốt hết, nhưng có những trường hợp mình phải nói khía cạnh kỹ thuật chớ không phải vì thương. Tại sao xứ sở cộng sản không phát triển được?

Trong thiên hạ có biết bao nhiêu người tài, ở xứ sở phát triển thì người ta lấy tinh hoa (trong số một tỷ người) từ thiên hạ, còn xứ cộng sản thì lấy tinh hoa (trong số một trăm người) từ số những đảng viên. Nói chung là tinh hoa trong thiên hạ có cả tỷ, còn họ chỉ có một trăm để lựa chọn trong đó, họ tự bó hẹp họ. Ở đây về mặt kỹ thuật thì cách dùng người ở xứ tiên tiến không nặng vấn đề tình cảm "tôi thích

anh" hay "tôi tin anh" mà là "anh có khả năng hay không". Đức Phật nói, khi bố thí xét về mặt cảm xúc, tình cảm thì đúng, hoan hỉ chỗ nào thì làm phước chỗ đó, nhưng xét về mặt kỹ thuật thì khác, nếu nói công đức lớn thì phải xét khác. Bình thường muốn thương ai thì thương nhưng ra ngoài chiến trường thì không phải làm việc theo cảm tính mà phải làm việc theo kỹ thuật. Đức Phật nói: Người bỏ được 5 cái và thành tựu 5 cái thì người đó được xem là đối tượng cúng dường tốt và là phước điền hoàn hảo cho chúng sanh.

Trí Phản Khán

Bỏ năm cái là bỏ được 5 triền, chứng được thiền Chỉ, có được năm cái: ngũ uẩn pháp thân là hoàn tất thiền Quán. Ngài nói đối tượng đáng cúng dường là bỏ được năm triền, tu Samatha (thiền Chỉ), có được năm cái là ngũ uẩn pháp thân.

Ngũ uẩn có hai trường hợp:

- - Ngũ uẩn sắc thân là sắc, thọ, tưởng, hành, thức;

- Ngũ uẩn pháp thân là giới, định, tuệ, giải thoát (đạo và quả) và giải thoát tri kiến (trí tuệ Phản Khán).

Trí tuệ Phản Khán (reviewing) là gì?

A-tỳ-đàm giải thích, một người trí nhiều ngay khi đắc quả, họ dùng trí nhìn lại năm vấn đề:

1. Phản Khán đạo: nhìn lại đạo mình vừa đắc.

2. Phản Khán quả: nhìn lại thánh quả mình vừa đắc.

3. Phản Khán niết-bàn: nhìn lại niết-bàn mình vừa chứng ngộ.

4. Phản Khán phiền não đã diệt: đã giải quyết xong phiền não nào rồi.

5. Phản Khán phiền não dư sót: nhìn lại phiền não còn sót lại.

Năm vấn đề này đem nhân với bốn tầng thánh (sơ, nhị, tam, tứ quả) thì thành 20, nhưng trong thực tế chỉ có 19, vì vị chứng A-la-hán xong họ không còn phiền não sót lại. Từ Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm thì có đủ 5 Phản Khán, còn vị A-la-hán thì trí Phản Khán chỉ có 4 vì không còn phiền não dư sót. Tóm lại, bài kinh này

Đức Phật dạy rằng người đáng cúng dường nhất trên đời này là người bỏ được năm triền và có được năm Ngũ uẩn pháp thân.

VÍ DỤ HÒN NÚI (Pabbatūpamasutta)

Trong Chú giải cho chúng ta biết một chuyện, cung điện của vua Pasenadi rất gần với chùa Kỳ Viên, nên chữ Pāḷi là 'dhuravihāra': 'gần chùa', 'sát bên chùa', 'hàng xóm của chùa', 'láng giềng của tăng ni'. Vì cung điện gần chùa nên có những ngày vua vào hầu Phật ba lần.

"Esa kira rājā divasassa tikkhattuṃ bhagavato upaṭṭhānaṃ gacchati": Tương truyền rằng trung bình mỗi ngày vua đến hầu Thế Tôn ba lần, "antarāgamanāni bahūnipi honti" khoảng giữa thời gian của ba lần này nhiều khi có những chuyến đi ngoại lệ nữa. Chính vì gặp Phật quá thường nên vua Pasenadi thương Phật lắm, lý do cũng đơn giản là vì ông gần thành rồi, ông mến thiện pháp, đức lành của Thế Tôn. Tôi nghĩ có hai lý do mà tôi muốn sau kiếp này tôi về Trời là: 1. Tôi muốn gặp những vị Thánh để học được những gì tôi muốn. 2. Tôi muốn gặp những vị Thánh mà họ từng thấy Đức Phật, tôi sẽ năn nỉ họ cho tôi nhìn lại hình ảnh của Đức Phật, đó là con đường ngắn nhất mà tôi muốn chia sẻ với bà con. Ngay bây giờ nếu là cư sĩ, làm ơn ráng giữ bát quan.

Bát quan có ba loại:

1. Bát quan kiểu ngoại đạo, là có cái hạn chế không nghe nhạc nhưng coi phim được, không phạm tám giới cấm nhưng lòng thì coi như trớt quớt.

2. Giữ giới kiểu như người chăn bò, không phạm nhưng trù hoạch toan tính ngày mai mình làm gì đó ăn cho ngon, kiểu như người chăn bò nghĩa là buổi sáng nhận hai chục con bò trông chiều về giao đủ bò cho chủ là thôi;

3. Giữ bát quan kiểu bậc thánh, tức là giữ bát quan để trau dồi tam nghiệp, để thanh tịnh sáu căn, giữ bát quan này mới có thể đưa mình đi xa, lên cao được. Về trên đó gặp cả tỷ thánh nhân thuộc lòng Tam Tạng Chú giải như thế này, còn vị từng gặp Đức Phật thì có tám tỷ trên đó. Lên đó mình lạy họ và nói, ai từng gặp Thế Tôn thì cho tôi nhìn một lần. Trong kinh nói có vị trưởng lão Upagutta muốn gặp Đức Phật, vị này đề nghị với vị Thọ Thần tuổi thọ cao ngày xưa đã từng thấy Thế Tôn, thánh chúng trong khu rừng xin được nhìn thấy Thế Tôn. Vị thọ thần hứa cho sẽ cho Upagutta được nhìn thấy Thế Tôn với điều kiện là không được

chắp tay. Một lát sau Upagutta thấy trong rừng hiện lên một vị ba mươi hai tướng tốt, sáu màu hào quang sáng lòa đi ra.

Theo Chú giải, vua Pasenadi thăm Đức Phật nhiều lần trong ngày quá nên tùy tùng lúc đông lúc ít. Lúc bấy giờ có một đám cướp lớn bàn nhau là vua rất giàu khi thì đi đông cận vệ, khi thì ít, nên phục kích, nếu bắt được thì cướp hoặc bắt cóc tống tiền. May mắn là trong đám đó có người mật báo cho vua là vua đang nằm trong tầm ngắm của nhóm người bất lương, sắp sửa là nạn nhân của một âm mưu. Vua mà biết được như vậy thì còn gì của, trong vòng ba giây vua điều quân đến bắt sạch không sót một mống, nhưng vua ra tay hơi ác, "gặp Phật thì tu, gặp quỷ thì trừ". Vua xử hết, xử bằng cách "āsannāni sūlāni ropāpetvā sūlesu uttāsesi.", móc mắt hết, bắt mấy tên cướp ngồi gần nhau rồi lấy mũi lao dài xiên qua hết giống như người ta nướng cá. Bên đây có món nấm, người ta lấy que bằng tre hay inox, xiên qua một miếng nấm, một miếng hành một miếng ớt, xỏ từng xâu hơ trên lửa ăn ngon cực kỳ. Ở đây cũng vậy, vua xử bọn cướp bằng cách lấy trường thương xiên từng xâu cho chết. Ông nghĩ nếu không nhận được tin báo thì ông sẽ bị như vậy nên ông ra tay hơi cay cú. Ra tay xong ông đi chùa.

Lúc đó Bậc Đạo Sư suy nghĩ như sau, "Atha satthā cintesi – ''sacāhaṃ vakkhāmi, 'mahārāja, mādise nāma sammāsambuddhe dhuravihāre vasante tayā evarūpaṃ dāruṇaṃ kammaṃ kataṃ, ayuttaṃ te kata'nti", ông này ở gần chùa, sống gần một vị Chánh Đẳng Giác như ta mà vẫn ra tay tàn độc và cay cú như vậy, "athāyaṃ rājā maṅku hutvā" nếu nói ra thì ông sẽ hổ thẹn (maṅku) không nghe pháp được. Vì vậy nên Ngài nói đường vòng, không nói trực tiếp.

Ở đây các vị có biết chữ 'vu hồi' không?

'Vu hồi' nghĩa là một thuật ngữ trong quân sự, kinh doanh, nghĩa là 'đường vòng', đi bên hông hoặc phía sau, không trực diện. Đức Phật muốn giúp ông nhưng không nói thẳng, Ngài nói tránh qua một bên nhưng biết ông hiểu. Ngài hỏi: "Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại?

" "Bạch Thế Tôn, con rất là bận rộn với những sự việc các vua chúa bận rộn". Vua trả lời là bận rộn nhưng thật ra ông mới đi giết người xong. Đức Phật nhắc ông bằng một câu hỏi: "Nếu biết mình sắp đối diện với cái chết thì việc đầu tiên quan trọng nhất đại vương sẽ làm gì?

". Gặp trường hợp mình, nghe vậy thì mình sẽ làm di chúc, trăn trối, từ giã bạn bè người thân v.v... còn vua thì không, ông là người có tu, ông nói: Nếu con biết cái

chết đang tiến đến chỗ con thì con chỉ có một việc làm thôi đó là làm các công đức để bỏ túi con đi. Đức Phật nói: Đại vương đã suy nghĩ đúng rồi, cái chết là một đại họa không ai tránh được, nó là một kết thúc chắc chắn sẽ đến dù nhanh hay chậm.

Đầu buổi giảng tôi có nói trong buổi giảng này chúng ta có cơ hội nghe nhiều về cái chết, tôi không biết từng người trong đây tu theo pháp môn gì, nhưng tôi chỉ nhớ trong kinh có bốn đề mục hộ thân (Ārakkhaka- kammaṭṭhāna). Bất cứ hành giả tu đề mục gì không cần biết nhưng mỗi ngày mở mắt dậy phải nhớ bốn đề mục này: 1. Niệm Phật. 2. Niệm chết. 3. Bất tịnh quán. 4. Từ bi quán.

4 đề mục hộ thân:

Dầu các vị tu đề mục gì không cần biết, tu nhà, tu chợ, tu chùa, tu núi, tu rừng, tu đọt cây, tu hầm hố … đều phải nhớ bốn đề mục hộ thân:

Niệm Phật: "Thế Tôn là Bậc Đại giác đã làm chuyện khó làm đã cho cái khó cho, đã nhịn cái khó nhịn nên thấy được pháp khó thấy chứng đắc pháp khó chứng đắc, ai ngài cũng thương, cái gì ngài cũng biết, đức lành nào ngài cũng có". Tôi không đốt nhang trong nhà, độc lắm, rớt tro tàn, hoa tôi cũng kén, phải chưng hoa không rớt cánh khi héo, khô quắt lại đem liệng cho dễ. Khi chưng hoa tôi chỉ niệm có một câu như vừa rồi.

Niệm chết: "vĩ đại như Phật cũng còn có lúc về Kusinārā nằm xuống".

Bất tịnh quán: cứ nhớ rằng "thân này lúc đói là một cái túi rác, muốn hết đói thì phải thêm rác vào trong thùng rác này", còn muốn quán chi tiết thì tóc lông móng răng da, mật đàm mủ máu mồ hôi, phẩn, nước tiểu v.v...

Từ bi quán: "trên đời chỉ có hai hạng chúng sanh, người ác người khổ là đáng thương người lành thì đáng mến, đáng kính". Thánh Gandhi của Ấn Độ có câu rất hay: Thánh Gandhi của Ấn Độ có câu rất hay: "Hãy ghét điều ác nhưng hãy thương người ác"(Hate the sin, but love the sinner), sớm muộn gì họ cũng bị sa đọa. Không ai trên đời này chưa từng là cha mẹ của mình, chưa từng hy sinh tánh mạng cho mình, do luân hồi sanh tử nhiều đời vùi lấp kỷ niệm xa xưa nên giờ gặp nhau mà ghét nhau chớ đâu có ngờ được ngày xưa có một lần nào đó, cái chết của người đó làm cho mình chết điếng. Có ai ngờ người đó đang là một cái thằng râu ria xồm xoàm, xăm mình, lưu manh, mà trong nhiều kiếp quá khứ đó là một bóng hồng giai nhân trong lòng mà mình và nàng từng đau lòng chia tay nhau

trong một mùa chinh chiến... Từ bi quán là quán thấy ai trên đời này cũng từng là người thân cũ của mình hết.

Tới đây cũng hết một phẩm rồi, mừng lắm. Phẩm tiếp theo là nói về quí vị đó, phẩm Ác Ma. Xin hẹn lại mùa sau, xin chào đại chúng.
#NhậtKýChépBằngKinh; #NhịTường; #SưGiácNguyên; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 4-9-2014 CHƯƠNG 4. TƯƠNG ƯNG ÁC MA

KHỔ HẠNH VÀ NGHIỆP (Tapokammasutta)

Một số chữ như chữ '*mẹ'*, '*má'*, trong nhiều ngôn ngữ giống nhau ở chỗ bắt đầu bằng chữ 'M'. Ví dụ: mother, mutter; mātā, mātu (Pāḷi). Chữ , trong nhiều ngôn ngữ giống nhau ở chỗ bắt đầu bằng chữ 'M'. Ví dụ: mother, mutter; mātā, mātu (Pāḷi). Chữ '**chết'**: *mort, mareti, marana, māra.* Chữ ' Chữ '**ma'** (trong chữ 'ma quỷ') cũng từ tiếng Phạn là (trong chữ 'ma quỷ') cũng từ tiếng Phạn là **mara(**nghĩa đen là *Tử thần*), động từ căn là), động từ căn là **mar** (chết), (chết), **mareti** (làm cho người ta chết). Chữ Ác Ma trong kinh này có năm trường hợp: 1. Pháp hành ma. 2. Tử thần ma. 3. Phiền não ma. 4. Ngũ uẩn ma. 5. Thiên tử ma.

Pháp hành ma nghĩa là tất cả mọi hiện hữu trên đời này đều là khổ, dầu cho chúng ta sanh ra ở cảnh giới nào, cảnh giới có đủ năm uẩn (Dục), 1 uẩn (Vô tưởng), hoặc 4 danh uẩn (Vô sắc), hễ có danh sắc, có năm uẩn là tự nhiên phải chịu cảnh sanh già đau chết. Hễ có danh sắc là có khổ, danh sắc còn có tên gọi khác là *pháp hành, pháp hữu vi*. Hễ có một chút dấu vết của hiện hữu thì ở đó có *sanh và diệt*. Bản thân pháp hành có hai điểm đặc biệt: *do duyên mà có, đã có thì phải mất.*

Tại sao gọi là Pháp hành?

Pháp hành: *sankhara*, (từ động từ) *sankharoti*: sự xây dựng (to build). Khi mới thành đạo, Đức Phật có cảm thán bài kệ này:

Lang thang vạn kiếp luân hồi

Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà này

Ôi! Đời sống thật buồn thay!

Bèo mây bến cũ vần xoay lối về.

Hỡi này anh thợ nhà kia,

Rui mè kèo cột gãy lìa nát tan.

Theo tôi đây là bài thơ tuy thơ mộng nhưng không sát với câu nguyên thủy của Đức Phật. Câu đó như thế này: *Trong bao nhiêu năm lang thang luân hồi trong nhiều cõi ta chưa tìm thấy căn cội, ta chưa tìm thấy gương mặt thật của cái gọi là*

sanh tử trầm luân. Bây giờ ta thấy rồi, ta đã nhìn thấy anh thợ đã ra công xây dựng ngôi nhà sanh tử cho ta là ai, gương mặt anh ta như thế nào. Đời sống này có nhiều cách nói, trong đó có một cách mà Đức Phật ví dụ giống như ngôi nhà được xây dựng bởi nhiều thứ nhân duyên. Nói theo ngôn ngữ hiện đại đó là một chiếc xe, một cái máy computer được lắp ráp bởi vô số linh kiện thiết bị, dù đó là cái nhà hay cái xe. Gọi là *pháp hành* bởi mọi thứ do duyên mà có, và có rồi sẽ bị mất, chính vì vậy mà được gọi là *Pháp hành ma*.

Tử thần ma: cái chết, cũng được gọi là một thứ ma

Phiền não ma: hễ còn tham sân si, tà kiến, mạn thì còn bị chi phối, khổ lên khổ xuống chết được. Chưa nói đến khổ do quả: mình làm nghiệp bất thiện thì bị sa đọa, đói lạnh, bịnh hoạn, tù đày, tra tấn, đánh đập v.v..., chỉ riêng tham sân si mà xuất hiện thì bản thân người phàm đã khổ rồi. Chưa nói quả khổ, chỉ nói nhân bất thiện là đã khổ, cho nên ở đây phiền não được gọi là ma là vì vậy. Ngay lúc nó xuất hiện đã khổ mà cái quả xấu nó đem lại cũng khổ.

Ngũ uẩn ma: giống như pháp hành ma, nghĩa là hễ còn có *sắc, thọ, tưởng, hành, thức* là còn có sanh già đau chết, còn bị sầu bi khổ ưu não, muốn không được, thương phải xa, ghét phải gần v.v...

Thiên tử ma: đây là tên gọi của vị Thiên vương chủ quản cõi trời Dục giới cao nhất.

24 Cõi

Có tất cả 31 cõi. Cõi đây là để phân biệt của loài nào thôi. Đúng ra chỉ có 24 cõi thay vì 31 như ta vẫn nghe. Tại sao chỉ có 24?

Bởi vì nói 4 cõi đọa xứ chứ làm gì có 4 cõi đọa xứ. Địa ngục có cõi riêng, nhưng ngạ quỷ là không. Ba loài đọa xứ còn lại không có cõi riêng.

-Ngạ quỷ ở cõi Tứ Thiên Vương một số, cõi Người một số, cõi Địa ngục một số chớ không có cõi ngạ quỷ. Trong Chú giải tạng Luật có ghi rõ trên trái đất này có một số vùng hoang sơn dã lãnh, ví dụ như ở Tân Cương bên Trung Quốc có vùng sa mạc tên là Moguicheng, người Việt mình dịch là Ma Quỷ Thành. Theo các nhà khoa học giải thích thì do nhiều điều kiện yếu tố thổ nhưỡng, đất, gió, cát, cộng lại tạo nên hiện tượng ở đó cứ đêm xuống là du khách chỉ có nước chết điếng với những âm thanh ma hờn quỷ khóc. Vào youtube hoặc Google gõ Moguicheng để xem, đó là vùng sa mạc cực kỳ hoang vu, đêm xuống là nghe

tiếng chó tru, người rên khóc ai oán não nùng dữ lắm. Các nhà khoa học cho rằng đó là hiện tượng thiên nhiên, nhưng trong Chú giải Luật tạng nói trên trái đất này có những vùng tập trung ngạ quỷ, hoặc một số đi lang thang các xóm nhà kiếm đồ dơ ăn như phẩn, mật đàm mủ máu, bông gòn bệnh viện. Có những loài đụng tới cái gì thì cái đó thành lửa, có loài đụng tới cái gì cũng thành đồ dơ. Có loài không phải khổ do đói mà khổ do lửa đốt, có loài thì khổ vì hình phạt, đi đâu có mấy cái búa theo gõ liên tục và thường trực.

Chữ '*peta'*(người chết, người quá vãng) thường được Tàu dịch là ngạ quỷ. Chữ 'ngạ' là bộ thực đứng trước, phía sau là chữ *ngã*(tôi), cộng lại thành chữ *ngạ* (đói). Nói tới ngạ quỷ là người ta nghĩ tới loài quỷ đói không có đồ ăn đi vất va vất vưởng, thật ra cái đói của loài ngạ quỷ chỉ là một trong vô số cái khổ mà loài này chịu thôi. Trong Luật ghi rõ, khi sống sát sanh nhiều quá, khi chết nếu nghiệp nặng có thể đi xuống địa ngục, nhẹ một chút thì làm loài ngạ quỷ mang hình dáng kỳ hình dị tướng, và đi đâu thì có *hình phạt tự có* theo đó, giống như đi đâu thì búa dao tự động xuất hiện gõ bầm một cách automatic. Hoặc có loài có hình dáng như cục thịt, đi đâu là những con chim quạ, diều hâu, bám theo mổ ăn. Những ông quan hối lộ, xử án oan án sai, những gian phu dâm phụ, những con cái bất hiếu nghịch thiên bội địa, lừa thầy phản bạn, nặng thì đi địa ngục mà nhẹ thì là loài này. Hình thức chịu khổ thì vô số chứ không phải chỉ đói hay lửa đốt không. *Ngay cả Bồ tát đã được thọ ký vẫn có thể vì một ác nghiệp nào đó mà sanh làm ngạ quỷ, tuy nhiên Bồ tát đã được thọ ký rồi thì không bao giờ thành loài quỷ đói*; nghĩa là bị lửa đốt, bị dao đâm kiếm bầm thì có chứ không bị đói, vì có những bố thí Ba-la-mật của các ngài không để cho các ngài sanh thành loài này. Quỷ đói là do nghiệp bỏn xẻn, còn Bồ tát đã được thọ ký thì giống như có "miễn tử kim bài" đối với một số cảnh giới, ví dụ như không làm người nữ, hoặc không làm người mơ hồ giới tính, không làm người bán khai mọi rợ, không sanh vào cõi Vô tưởng, Vô Sắc.

-Bàng sanh (chim muông, thú vật nói chung) thì không có cõi riêng.

-A-tu-la, không có cõi A-tu-la. Có hai loại A-tu-la:

- *A-tu-la thiên*: thuộc về cõi Đao Lợi nhưng sống dưới đáy núi Tu Di, điều kiện sinh hoạt y hệt cõi Đao Lợi, có thể chứng đắc đạo quả.

- *A-tu-la đọa:* thuộc bốn đọa xứ, sống ở địa ngục, cõi Người, Tứ thiên vương.

Có một số dân tộc trên thế giới này, gọi là dân tộc (thiểu số) nhưng họ không có đất nước riêng như Ê Đê, H'Mong, và có những dân tộc nói là người nước này nước kia ví dụ như người Mỹ chớ đâu có người Mỹ. Cha mẹ, ông bà, cố tổ của họ là người châu Âu. A-tu-la y như vậy, được kể là một loài đọa xứ nhưng không có cõi riêng. Chỉ có loài ở địa ngục có cõi riêng chớ 3 loài còn lại không có cõi riêng, mà là ở ké (như… Việt kiều, khúc ruột ngàn dặm vậy thôi).

Nói rằng có "4 cõi Vô sắc", nghe quen tai vậy chớ ngẫm lại vô lý cực kỳ. Vô sắc là vô hình vô tướng làm gì có cõi. Nghĩa là 4 cõi vô sắc chỉ nói cho vui. Phạm thiên Vô sắc là chỉ có tâm chớ không có hình tướng nên không có cõi. Cõi như là cái nhà cho thằng Tý thằng Tèo ở chứ làm sao cất cái nhà cho làn khói hay tia sáng ở, hoặc không ai cất nhà để chứa hồi ức kỷ niệm mà không có đồ vật gì trong đó. Vì vậy ở đây 31 cõi, trừ ra bốn cõi Vô sắc không có, trong bốn đọa xứ chỉ có cõi Địa ngục, vậy trừ ra 7, chỉ còn lại 24 cõi. Trong 24 cõi đó, Dục giới gồm có:

6 Cõi Dục Thiên gồm:

1- Cõi Tứ Thiên Vương (thấp nhất):

- Sống được 500 tuổi trời.

- Tương đương 9 triệu năm cõi Người

- Một ngày đêm ở đây bằng 50 năm cõi Người.

2- Cõi Đao Lợi:

- Sống được 1000 tuổi trời

- Tương đương với 36 triệu năm cõi Người.

- Một ngày đêm ở đây bằng 100 năm cõi Người

3- Dạ Ma:

- Sống được 2000 tuổi trời.

- Tương đương với 144 triệu năm cõi Người.

- Một ngày đêm ở đây bằng 200 năm cõi Người

4- Đâu Suất:

- Sống được 4000 năm tuổi trời.

- Tương đương với 576 triệu năm cõi Người.

- Một ngày đêm ở đây bằng 400 năm cõi Người

5- Hóa Lạc thiên

- Sống được 8000 tuổi trời.

- Tương đương với 2304 triệu năm cõi Người.

- Một ngày đêm ở đây bằng 800 năm cõi Người

6- Tha Hóa Tự Tại

- Sống được 16000 năm tuổi trời.

- Tương đương với 9216 triệu năm cõi Người.

- Một ngày đêm ở đây bằng 1600 năm cõi Người.

Cõi Dục Thiên cao nhất của Ác Ma, sống được chín tỷ hai trăm mười sáu triệu năm nhân loại. 1600 năm cõi Người chỉ bằng một ngày đêm ở đây. Chính khoa học hôm nay cũng nhìn nhận đi càng xa bên ngoài càng có những vì sao, tinh tú mà thời gian ở đó không ngắn như trái đất mình mà dài hơn. Tôi chỉ nói cõi Dục Thiên cao nhất của Ác Ma, cõi này do Ác Ma làm vua (còn cõi Đao Lợi do Đế Thích làm vua). Ác Ma, nhân vật phá Đức Phật và chư thánh tăng liên tục, là vua cõi này. Trên cõi này là cõi Phạm Thiên thấp nhất: Phạm Thiên sơ thiền.

Theo luật trời đất bao giờ cũng vậy, thế gian này luôn tồn tại các cặp đối lập: *sáng tối, cao thấp, trắng đen, mập ốm, đẹp xấu, nam nữ, âm dương*, nóng lạnh, mặt trăng mặt trời..vv. Hễ có thiện thì có ác, có Đức Phật thì có Ác Ma. Ma Vương là ông Thiên vương làm sếp cõi Dục Thiên cao nhất này. Theo trong kinh thì đây là nhân vật có nhiều quyền lực quyền năng có thể chi phối một số Phạm thiên. Muốn sanh về làm nhân vật này thì phước báu kinh hoàng lắm. Tu thì cứ tu mà làm ác thì cứ làm ác. Muốn sanh về đây khó hơn sanh về làm Đế Thích vì vua ở cõi này thì phước phải thật nhiều cỡ hạng nhất thiên hạ và tánh phải thật gian ác hiểm độc bậc thầy. Tánh xấu thì làm sao có cửa đi lên được, vì vậy phải vào thời

điểm đặc biệt nào đó ác nghiệp không chen vào trả quả được thì ngay lúc đó người đại phước này mới sanh về làm Ác Ma thiên tử. Tôi cũng còn là phàm, có người tôi ghét có người tôi thương, những người tôi ghét mà họ giàu có sung sướng tôi không có sợ, tôi sợ nhất là người tôi ghét mà họ làm phước. Đời sau sinh ra lơ mơ là mình ở dưới họ. Saddam Hussein, Gaddafi, Mao Trạch Đông, Fidel Castro… biết bao nhiêu người ghét sao họ không chết, càng độc tài thì càng sống dai dữ lắm là bởi vì nhằm kiếp đó họ hưởng phước lại thêm do cái nghiệp của chúng sinh khác phải chịu cảnh bị đè đầu đè cổ. Ác Ma là phước rất là nhiều nhưng tánh thiệt là ác. Một lúc nào đó nhằm ngay thời điểm tích tắc nào đó mà ác nghiệp không phát huy trổ quả thì người này mới có cơ hội cầm cái phước của mình đi về làm Ác Ma thiên tử. Người VN mình hay nói là "phước đức" chứ có người có phước mà không có đức, rất là dễ sợ. Thí dụ họ gặp Đức Phật, trong một giây phút ngắn ngủi họ thương quý cúng dường ngài một bữa cơm trong khi tánh tình của họ cực kỳ cà chớn, cực kỳ dễ ghét, lưu manh khó ưa, do họ "lỡ tay" cúng dường Đức Phật (dù là một trái cà, trái ớt, củ khoai, củ sắn), nhờ phước này họ sanh ra ngồi trên thiên hạ mà tánh chịu không nổi thì chết người ta. Có những tay ở VN cũng hành thiền, bố thí, trì giới nhưng tánh xấu vô cùng, ăn rồi chọt người này nói xấu người kia làm cho thiên hạ đại loạn, tối về nằm trùm mền cười khúc khích một mình là dễ sợ lắm. Mai này quả trổ không trổ ác nghiệp mà phước nhiều sanh ra làm Võ Tắc Thiên, Từ Hy Thái Hậu thì cũng chết người ta. Tạo đức là tánh phải sửa, cái gì thấy xấu phải bỏ. Tánh ganh tị nhỏ mọn, tánh nóng nảy bực dọc phải bỏ, bên cạnh đó phải bố thí trì giới tham thiền, sanh ra thì mới vừa có phước vừa có đức, có ngồi ngôi cao cửu ngũ không làm khổ mình khổ thiên hạ. Những người làm phước mà tánh xấu không chịu bỏ thì đại họa cho thiên hạ, những người thấy được điều này họ sợ sanh tử lắm, bởi vì họ thấy rõ ràng trên đời này hạng này nhiều lắm, đi chùa làm phước mà tánh xấu không bỏ, mai này họ làm ông hoàng bà chúa thì mình chết với họ rồi, thấy họ làm phước nhiều bao nhiêu thì mình rầu bấy nhiêu.

Ác Ma này ăn rồi thì cứ tìm người tu để phá. Độc đáo một điều là riêng Ác Ma này sau này sẽ thành Phật. Trái đất có năm vị Phật, vị đầu tiên tên là Kakusandha (Cù Lưu Tôn), trái đất này hoại thì xuất hiện trái đất khác, cứ thành trụ hoại diệt như vậy hoài không phải chỉ một trái đất này. Trái đất này thì có 5 vị Phật nhưng có những trái đất không có vị nào hết. Trong thời gian của vị Phật đầu tiên trên trái đất này, ngài Mục Kiền Liên là Ác Ma, ngài phá đạo tan nát. Ngài phá nhiều kiểu rất độc chiêu, ví dụ ngài dùng thần thông hóa hiện ra những ông sư mặt mày sáng sủa, ăn nói du dương ngồi trên mây, trên đọt cây, trên mặt nước thuyết pháp.

Bà con bu lại cúng dường, đạo phát triển quá chừng, chùa to tượng lớn, mấy sư chìm đắm trong danh lợi rồi ngài chuyển qua chơi tông khác, ngài dùng thần thông hóa hiện ra những ông sư bầy hầy bê bối, nhếch nhác say sưa ăn nhậu, chửi bới đi ngoài đường, làm sao mà cho đạo tanh bành, rồi ngày cuối cùng của ngài, ngài khiến cho một đứa bé liệng cục đá trúng bể đầu một vị Đệ nhất Thanh Văn của Phật Cù Lưu Tôn (tương đương với ngài Xá Lợi Phất). Khi Đức Phật Kakusandha đi bát, vị Đệ nhất Thanh văn đang đi theo sau bị đứa bé liệng cục đá bị bể đầu, Phật Kakusandha đang đi phía trước, Ngài dừng lại xoay nghiêng người nhìn đứa bé và nói: *Ác Ma vừa tạo một trọng nghiệp.* Ngài chỉ nhắc nhở vậy thôi nhưng do nghiệp đó nặng quá cứu không được, ngay trước mặt Đức Phật Kakusandha, Ác Ma (tức ngài Mục Kiền Liên) lập tức lìa đời sanh thẳng xuống địa ngục, không cần check in không cần boarding gì cả.

Ở đây cũng vậy, trong kinh nói từ lúc thái tử Tất Đạt chào đời ở Kapilavatthu là ông Ác Ma này đã theo dòm rồi. Ông Ác Ma theo dõi đứa bé này lớn lên làm sao, như thế nào, rình miết đến năm ngài 29 tuổi, ngài cưỡi ngựa đi xuất gia là Ác Ma hiện ra chận đường nói: *Ngài trở về để làm Chuyển Luân Thánh Vương*. Ngài nói không và đi luôn. Khi Ngài đi vào trong rừng, Ác Ma đi theo nhắc nhở xúi dại toàn chuyện tầm bậy tầm bạ không. Cuối cùng, đến khi Ngài thành Phật thì Ác Ma theo dõi Ngài để coi Ngài có lỗi lầm nào trong tam nghiệp thân khẩu ý hay không để tố giác, chỉ trích, dè bỉu. Dĩ nhiên suốt thời gian sáu năm khổ hạnh Ngài không lầm lỗi và sau khi ngài thành Phật thì càng thanh tịnh.

Cái ác của Ác ma kinh hoàng lắm, một ngày đêm trên đó bằng 1600 năm cõi Người, nghĩa là trong khái niệm thời gian của Ác Ma thì từ ngày Đức Thế Tôn viên tịch đến bây giờ chưa được hai ngày đêm (vì hai ngày là 3200 năm). Thời gian Đức Phật hoằng pháp độ sinh là 45 năm, 45 năm này so với Ác Ma ở cõi Tha Hóa Tự Tại thì chẳng là gì hết. Hạ thứ 7, sau khi thành đạo được 7 năm, Đức Thế Tôn thuyết giảng tạng A-tỳ-đàm trên cõi Trời để độ Phật mẫu thì thời gian 3 tháng cõi Người chỉ non 4 phút ở cõi Trời. Còn so với cõi Tha Hóa Tự Tại thì 45 năm của Đức Thế Tôn chỉ là một chớp mắt. Suốt thời gian Đức Phật còn tại thế thì Ác Ma không làm gì hết, ăn rồi cứ túc trực theo dõi Ngài để phá. Ác Ma thấy Ngài bỏ khổ hạnh, rồi Ngài thành Phật, Ác Ma xuống châm chích, nói rằng pháp khổ hạnh hay quá, giúp cho người ta được thanh tịnh. Chữ *'thanh niên'* ở đây được dịch hơi kỳ kỳ. Chữ 'manava' (youth) chỉ cho những người tuổi trẻ sung sức. Lúc đó, Ngài mới 35 tuổi thì Ác Ma nói: *Người tuổi trẻ đang sung sức, sống tràn đầy nhiệt huyết có lý tưởng thì pháp môn khổ hạnh hay chứ, pháp này sẽ kiềm chế bớt, pháp hay vậy sao ngài bỏ, thiệt là tiếc, tu vậy là đi ngược với đạo.*

Đức Phật biết đây là Ác Ma nên Ngài trả lời: *Pháp đó không có phải là pháp hay ho lợi ích gì, tu thì hướng đến giải thoát, còn tu khổ hạnh ép xác mà không nhận thức gì hết thì giống như chèo thuyền trên cạn*. Để ám chỉ những gì không có thật, ngôn ngữ thiền tông kêu là "*lông rùa sừng thỏ",* nghĩa là rùa làm gì có lông, thỏ làm gì có sừng, nên thành ngữ đó chỉ cho chuyện không có thật. Chuyện khó khăn thì ngôn ngữ thiền tông dùng câu: *sơn thượng hành thuyền, hải để tẩu mã*; nghĩa là ngựa phi dưới nước, chèo thuyền trên non. Nói cho đủ là "Cao cao sơn thượng hành thuyền, thâm thâm hải để tẩu mã". Mình không ngờ có sự trùng hợp là cách đây hai ngàn năm trăm năm trước hình ảnh đó Đức Thế Tôn đã sử dụng. Trong kinh có chỗ Đức Phật nói *tu hành tinh tấn mà sai phương pháp giống như người cố ý nhóm lửa bằng khúc củi ướt.* Có lòng tu mà tu sai, thầy nói sao trò nghe vậy, thầy nói bậy, trò nghe luôn, tu mà không nhận thức, cứ làm chuột bạch cho sư phụ, thay vì làm đệ tử thì làm nô lệ của thầy, thầy nói sao cũng nghe không dám nghi ngờ, tu vậy là tu sai phương pháp giống như cố ý nhúm lửa bằng khúc củi ướt. Tại sao mình là người có tay có chân mà để cho người ta dùng chính trị tôn giáo triết học xiềng xích mình mà không dám nghi ngờ, không dám thắc mắc?

Đó là cái nghiệp nô lệ, nghiệp chim lồng cá chậu!

Toàn bộ những đoạn sau là y chang như vậy không giải thích gì hết, Ác Ma cứ rảnh là xuống phá Thế Tôn, khi thì hiện thành con voi thật to xuống dọa Đức Phật. Có một bài kinh tiếp theo là Ác Ma hiện ra những hình dáng rất gớm. VN mình có nhiều hình thức, nhiều chỗ lạnh quá, ban đêm đang ngủ thấy rớt xuống cái bịch nguyên cánh tay, nguyên cái chân, nguyên cái đầu, nguyên cái mình, từng thứ rớt xuống rồi ráp lại. Có lúc Ác Ma hiện cái này cái kia, có lúc thì Đức Phật nói cái gì thì Ác Ma nói ngược lại, nói châm chích, nói mỉa mai. Có những lúc Đức Thế Tôn đi kinh hành suốt đêm, trời rạng sáng Ngài nằm nghỉ, Ác Ma cũng không để yên, xuống hỏi*: "Sao ngài còn nằm ngủ, sao ngài ngủ như vậy, như kẻ chết nằm co. Sao trời mọc lên cao, mà ngài vẫn còn ngủ".* Giống y như thế giới loài người, có người nai lưng ra giúp thiên hạ, có người ăn rồi đi phá người khác, hại người khác mới vui. Có người đi chùa nghe pháp thì ít, nhưng lắng nghe chuyện người này người kia, rồi đi thọt, thấy người ta gây nhau thì khoái, sung sướng lạ lùng giống như nhập định.

HOAN HỶ (Nandatisutta)

*"Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn: "Cha sung sướng vì con, Người chăn sướng vì bò, Người sướng vì sanh y, Không sanh y, không sướng".*Cha sung sướng nhờ con, người chủ bò sung sướng nhờ có bò, người có thân sanh tử sung sướng nhờ thân sanh tử, còn không có thân sanh tử thì lấy gì sung sướng?

Đức Phật thấy Ác Ma nói ngược, Ngài trả lời: *Cha mẹ thì khổ vì con cái, có bò trâu gia sản thì khổ vì gia sản, người còn danh sắc (năm uẩn, 12 xứ, 18 giới…) thì khổ vì danh sắc.*

BÌNH BÁT (Pattasutta)

Bài kinh Bình Bát. "*…3) Lúc bấy giờ có nhiều bình bát được đặt ra ngoài trời để phơi cho khô. 4) Rồi Ác ma biến hình thành con bò đực và đi đến các bình bát ấy."* Gia tài mấy ông sư chỉ có bình bát, thời Đức Phật có hai loại bát, bát sắt và bát đất, hồi đó không có inox. Chư tăng hồi đó 99.9% xài bát đất nung, đi bát về họ rửa bát phơi ngoài sân rồi vô trong nghe pháp. Ác Ma hiện xuống thành con bò đi vòng vòng quanh phá mấy cái bát. Phá vậy mà mai mốt thành Phật, chắc lúc thành Phật cũng trầy vi tróc vảy vì phá quá sức phá. Có lúc tôi ngồi tôi nghĩ những chuyện xảy ra cho Đức Phật nếu đổ lên đầu mình chắc mình chịu không nổi, bị người ta độn bụng vu oan, bị người ta giết kỹ nữ vùi xác sau phòng, dùng sát thủ bắn tên, lăn đá, gặp voi dữ, bị vu oan giá họa, đi bát bị chúng đi theo chửi v.v..., tất cả những chuyện Đức Phật gặp trong đời hoằng pháp của Ngài mà đổ trên đầu của mình chỉ có nước chết thôi. Còn Ác Ma mà mai mốt thành Phật thì chắc đoạn trường nữa. Đề Bà Đạt Đa khi thành Phật Độc giác chỉ sống có 7 ngày, thân hình chỉ như bộ xương, mở miệng ra mùi hôi cả thành phố chịu không nổi. Sống chỉ 7 ngày là niết-bàn tức khắc. Khi Ba-la-mật tròn đủ thì vẫn đắc đạo chứng quả nhưng quả xấu nhiều quá nên khi thành rồi mà không niết-bàn sớm thì thành đại họa cho người khác vì nếu người khác xúc phạm thì giống như họ đụng đến lửa. Quả xấu mà trổ thì vị này trở thành cơ hội cho người ta tạo nghiệp ác. Nàng Cinca độn bụng vu oan cho Đức Phật, Ngài không bị gì nhưng bản thân Cinca thì coi như mệt mỏi. Mỗi lần chúng ta làm nghiệp bất thiện thì phải nhớ rằng không phải một mình ta khổ mà đang gieo mầm khổ cho một tỷ người khác, bởi vì mình làm nghiệp bất thiện mai mốt chúng gặp mặt mình là ghét, muốn đánh chửi, muốn vu oan. Khi họ làm hại mình thì họ gieo nhân mới còn mình hưởng quả cũ, cứ như vậy, diện mạo dòng luân hồi là như vậy. Hôm nay mình có chút sức khỏe, có tiền, có ngoại hình, muốn xe thì có xe, muốn nhà thì có nhà, muốn đi đâu thì đi, muốn nghe nhạc thì nghe, muốn coi phim thì coi, mình thấy

luân hồi có gì đâu mà sợ, nhưng nếu tưởng tượng, ráng sống vài chục năm nữa thấy con cái cháu chắt đâu còn về thăm nữa, nói về thăm người già là tụi nó ngao ngán. Ở đây tôi vào thăm nhà già, bước vào trong đó xong trở ra tôi hỡi ôi. Nhà thì đẹp vô cùng, sạch vô cùng, sang vô cùng mà toàn cao thủ võ lâm mắt lờ đờ, nước mắt nước mũi chảy ướt ngực. Các cụ phản ứng y chang như con nít, lờ đờ không biết ai là ai, ngồi thì nghểnh cổ sang một bên… thấy vậy mới ngán luân hồi. Đó là ở nước ngoài, chớ còn già mà ở trong nước thì đói lạnh, cả ngày có cái áo ấm hôi rình mặc hoài, cù là song thập khuynh diệp bôi lên, tới giờ con cháu cho một chén cơm ăn được không được thì mặc, nhà mái tôn trưa nóng, tiếng còi xe, bụi bặm… chết không được mà phải sống 92, 93 tuổi thì đúng là đa thọ đa nhục, vậy thấy luân hồi mới ớn. Đó là nói cõi Người chứ chưa nói những loài sống trong ống cống, sống trong bóng đêm.

ĐOÀN THỰC (Piṇḍasutta)

Ở đây có bài số 8, Đoàn Thực (Piṇḍa), ngài Minh Châu dịch sát. 'Đoàn' nghĩa là 'vo tròn', thức ăn vo tròn. Người Ấn Độ nghe 'piṇḍa' là hiểu, nhưng người ngoại quốc nghe rất là kỳ. 'Piṇḍa' nghĩa là '*āhāra'*: 'thực phẩm' (food). Dịch "đoàn thực" nghe kỳ lắm, là *'thức ăn vo tròn'.* Trên toàn thế giới, nước nào cũng có ngày lễ hội, câu chuyện bài kinh này xảy ra vào một ngày lễ hội, đó là ngày lễ Tình Nhân. Ấn Độ có ngày lễ Surāchana, ngày này tương đương với ngày Oktoberfest (ngày lễ bia) của Đức. Ngày này uống rượu bia đã luôn. Theo trong kinh thì rượu này là surā meraya, (rượu ủ), lấy các loại trái cây để chung nhau lâu ngày lên men. Ấn Độ thời Đức Phật cũng có ngày lễ Tình Nhân (*Sayamcarana*), mấy cô cậu trao quà cho nhau, thằng Tèo con Lan thương nhau thì có cái gì mang ra trao cho nhau thí dụ thằng Tèo đưa con Lan bịch xoài sống, con Lan trao lại bịch mắm ruốc... Theo lệ Đức Thế Tôn đi khất thực, có một nhóm (500 cô) thiếu nữ teenager nhìn thấy Đức Thế Tôn hoan hỉ quá nên đem bánh tới, bánh của lễ hội (bánh *chanapīva*). Ngài thuyết pháp cho họ, và cả 500 cô đều đắc Tu-đà-hoàn. Lúc đó Ác Ma dùng thần thông khiến cho tất cả người dân trong làng đó làm lơ không cúng dường Đức Phật, để cho Ngài đói, nhưng cũng có người cúng cho Thế Tôn, họ cúng trước khi Ác Ma dùng thần lực chi phối tâm họ.

Chư Phật có bốn điều bất khả xâm phạm:

1. Hào quang (không vật gì cản được hết),

2. Trí tuệ (không ai làm khó được),

3. Sinh mạng (không ai có thể giết chết một vị Chánh Đẳng Giác).

4. Lợi lộc đã được nhắm đến Ngài thì không ai ngăn trở được (Uddissalābha).

'*Uddissa'*: 'nhắm tới', addressed. '*lābha'*: 'benefit'.

Ví dụ như có một món đồ và dự định cúng dường cho Đức Phật, bữa ăn này sẽ dành cho Đức Phật, ghế này là dành cho Đức Phật, khi người thí chủ có lòng nghĩ như vậy rồi thì cho dầu trời có sập xuống đi nữa món đó vẫn không bị hư và bằng mọi giá tự động bảo toàn một cách tự nhiên cho bao giờ đến tay Đức Thế Tôn mà thôi, không ai ngăn chặn được, gọi là Uddissalàbha. Bữa đó người ta không biết Đức Thế Tôn đi bát, nếu họ biết, họ nghĩ hôm nay Thế Tôn ngang đây họ sẽ cúng những thứ này thứ kia thì Ác Ma không thể nào ngăn trở được. Ví dụ như có một món đồ và dự định cúng dường cho Đức Phật, bữa ăn này sẽ dành cho Đức Phật, ghế này là dành cho Đức Phật, khi người thí chủ có lòng nghĩ như vậy rồi thì cho dầu trời có sập xuống đi nữa món đó vẫn không bị hư và bằng mọi giá tự động bảo toàn một cách tự nhiên cho bao giờ đến tay Đức Thế Tôn mà thôi, không ai ngăn chặn được, gọi là Uddissalàbha. Bữa đó người ta không biết Đức Thế Tôn đi bát, nếu họ biết, họ nghĩ hôm nay Thế Tôn ngang đây họ sẽ cúng những thứ này thứ kia thì Ác Ma không thể nào ngăn trở được. *Bốn điều bất khả xâm phạm* này nằm trong bộ Milindapanhā (Mi Tiên vấn đáp). Trong bộ này có nhiều cái để mình học, không biết Phật tử có để ý đọc hay không, trong này có nói một thời kinh cầu an hay cầu siêu phải hội đủ những yếu tố sau đây mới linh:

Những yếu tố cần thiết khi cầu an hay cầu siêu

1. Người tụng kinh phải lắng lòng, người nghe cũng vậy

2. Không bị phiền não chi phối lúc nghe kinh.

3. Không bị trọng nghiệp quá khứ.

Nghĩa là, người tụng phải lắng lòng, biết mình đang tụng cái gì, kinh Thất Giác Chi, Kinh Từ Bi, hay 38 Pháp An Lành, không biết Pāḷi nhưng khi tụng thì cũng biết mình đang tụng kinh gì, tụng với tâm không cầu danh không cầu lợi. Người nghe phải lắng tâm, không tham không sân không si, phải nghe với tâm thiện, tâm lành. Người VN có từ gọi là "bệnh căn". Bệnh có nhiều thứ, bệnh do sinh hoạt ví dụ đi nắng đi mưa đi sương thì trúng nắng trúng gió, trúng mưa, bệnh do ăn uống không cẩn thận, bệnh do tai nạn, bị sưng bị sốt..vv. Nói tôi mới nhớ, tháng này của tôi giống như là tháng căn tháng hiệp gì đó, "*bao nhiêu đời máu lệ*

tràn đầy khóe mắt, ngàn đau thương xin đổ hết về chùa", tôi đụng đâu đổ máu đó, móng tay thì dập. Khiêng cái tủ dập tím ngón tay, dời cái bàn cũng dập, dập rồi sưng, sưng rồi sốt, bây giờ thì sắp qua cơn mê rồi.

Ác Ma muốn phá Đức Phật và đã phá thành công, không ai cúng dường gì hết. Trong chánh tạng nói Ngài đi về với cái bát sạch, nhưng trong Chú giải thì nói có người cúng bánh cho Ngài. Ác Ma hỏi chọc tức: *Không ai cúng dường cho ngài hết hay sao*?

Đức Phật trả lời, (chỗ này Sư Trưởng thi hóa câu trả lời, bản dịch của HT Minh Châu mà tôi rất thích):

Hóa duyên phận sự phải hành

Dù không vật thực tâm lành vẫn vui

Pháp hỷ thiền định có rồi

Tâm an lạc như trời Phạm thiên

Chú giải nói thêm một đoạn nữa, khi đó Ác Ma nói dối: *Thôi bây giờ ngài quay ôm bát trở vô đi thì con sẽ khiến người ta cúng dường cho ngài*.

Trong Chú giải có đặt câu hỏi: *Thế Tôn trước khi đi bát có biết hôm nay mình sẽ bị phá như vậy hay không?*

Chú giải trả lời là không; bởi vì Đức Thế Tôn nói riêng và chư Phật nói chung không bao giờ có suy nghĩ rằng: *Ta sẽ đi chỗ này để nhận được cái này, ta sẽ đi chỗ kia để được nhận cái kia.* Dù là nhất thiết trí nhưng cái gì Ngài không nghĩ tới thì Ngài không biết. Bữa đó Ngài không nghĩ, chỉ đến giờ là Ngài ôm bát đi thôi.

Trong Chú giải nói rằng, giả dụ (supposed), nếu Đức Thế Tôn có ôm bát quay trở lại, thì Ác Ma sẽ tiếp tục phá lần nữa và lần này thì Ác Ma sẽ bị mạng chung tại chỗ chết tức khắc, vì vậy chỉ đi một lần thôi. Chư Phật không đi bát hai lần trong một ngày.

NGƯỜI NÔNG PHU (Kassakasutta)

Những bài kinh về sau của chương Ác Ma này chúng ta sẽ nhận ra một điều thú vị, Ác Ma là một bậc đại trí tuệ, mà chỉ có tánh cà chớn thôi, lại thâm hiểu Phật

pháp, trí tuệ sắc bén, sâu rộng, chỉ có nghịch ngợm thích làm bậy, y như bác sĩ mà thích hút thuốc, uống rượu. Trong đại chúng tăng ni Phật tử mình loại này nhiều lắm, tin Phật nhưng trời ơi vẫn cứ trời ơi, giang sơn dễ đổi tính nết khó dời. Ác Ma ghê gớm lắm, ông giả làm người nông dân đến gặp Đức Phật và nói đi kiếm bò rồi hỏi Ngài có thấy bò hay không. Đức Phật biết người nông phu đó là ai nên hỏi: Ông đi kiếm bò, mà "bò" theo dụng ý của ông là cái gì. Thế là sau đó Ác Ma đối đáp với Đức Phật.

"-- Này Sa-môn, mắt là của ta, sắc là của ta, thức xứ do mắt xúc chạm là của ta. Này Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta?

Này Sa-môn, tai là của ta, tiếng là của ta... Này Sa-môn, mũi là của ta, hương là của ta... Này Sa-môn, lưỡi là của ta, vị là của ta... Này Sa-môn, thân là của ta, xúc là của ta... Này Sa-môn, ý là của ta, pháp là của ta, thức xứ do ý xúc chạm là của ta. Này Sa-môn, Ngài có thể đi đâu để thoát khỏi ta không?

..."

Sẵn đây nói luôn, sao trong kinh cứ nói nhiều về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thinh, khí, vị, xúc như vậy?

Lắng tâm một chút chúng ta sẽ thấy toàn bộ thế giới này chỉ nằm trong con số 6 này thôi, tức là nằm trong những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và suy nghĩ, không có trường hợp khác. Dù là văn hóa, tôn giáo, chính trị, xã hội, triết học… đều nằm lọt trong con số 6 này. Dù là ăn uống, bịnh hoạn, thuốc men, xe cộ, phi thuyền, hỏa tiễn tình yêu nam nữ, từ viện bảo tàng ra tới nhà hát, nhà hàng, nghĩa trang, sông biển, … đều nằm gọn trong con số 6 này. Cho nên thế giới này có 6 cánh cửa để chúng ta nhận biết về nó, có lúc chúng ta nhận biết qua mắt, có lúc chúng ta nhận biết thế giới này qua tai, mũi, lưỡi, thân. Nhiều khi người ta nói mắt tai mũi lưỡi theo nghĩa bóng, kiểu như "đàn bà yêu bằng lỗ tai, đàn ông yêu bằng con mắt". Ngày xưa còn bé tôi không hiểu, sau này hiểu thấy đúng, thế giới này mỗi người có cách đến khác nhau. Nhiều khi đàn bà có thể chấp nhận một người đàn ông chẳng ra cái gì miễn là người đó biết hót, biết ru cho nó mùi. Đàn ông thì làm gì làm, ngó được thì mới thương, chớ nhìn mà không được rồi thì dù cho trí thức cỡ nào mấy chàng cũng không phát bồ đề tâm được. Mỗi người có một cách cảm nhận thế giới, có con đường đến với thế giới này. Đây là lý do tại sao trong kinh cứ nhắc đi nhắc lại hoài 6 cửa, bởi đây chính là diện mạo, dung nhan của thế giới này. Cái biết của mình có ba: *tưởng, thức, trí*. . **Cái biết bằng tưởng** là ví dụ như mình biết đó là thằng Tèo không phải thằng

Tý, là hình vuông không phải hình tròn, màu tím không phải màu xanh v.v... cái biết dựa trên hồi ức kinh nghiệm tích lũy. là ví dụ như mình biết đó là thằng Tèo không phải thằng Tý, là hình vuông không phải hình tròn, màu tím không phải màu xanh v.v... cái biết dựa trên hồi ức kinh nghiệm tích lũy. **Cái biết bằng thức** là cái biết trực quan, trực tiếp của các giác quan, theo A-tỳ-đàm, con mắt của mình chỉ làm một việc chụp hình còn đánh giá là qua tiến trình khác, gọi là process of mind (*cittavithi*). Tinh thần hay tâm lý của một người là sự ghép nối của vô số sát na tâm. Một thời gian nháy mắt hay khảy móng tay đủ cho hàng triệu sát na tâm xuất hiện. Cái nhìn chỉ là chụp hình thôi, còn biết đó là gì thì thuộc về tâm. Tâm có hai cách biết: biết bằng tưởng (hồi ức, kinh nghiệm cũ), biết bằng trí.). Tinh thần hay tâm lý của một người là sự ghép nối của vô số sát na tâm. Một thời gian nháy mắt hay khảy móng tay đủ cho hàng triệu sát na tâm xuất hiện. Cái nhìn chỉ là chụp hình thôi, còn biết đó là gì thì thuộc về tâm. Tâm có hai cách biết: biết bằng tưởng (hồi ức, kinh nghiệm cũ), biết bằng trí. **Biết bằng trí** nghĩa là biết đây là tốt là xấu, biết đây là thiện hay là ác, biết đây là chuyện nên làm hay không nên làm. nghĩa là biết đây là tốt là xấu, biết đây là thiện hay là ác, biết đây là chuyện nên làm hay không nên làm. **Biết bằng hồi ức**, ví dụ như khi đi học mình lấy bằng tiến sĩ thì toàn bộ cái biết của một tiến sĩ chỉ là cái biết của tưởng. Hồi ức, nhớ này nhớ kia, linh tính, giác quan thứ sáu gì đó.... đều nằm trong con số 6 này. 99.9% nhân loại sống bằng tưởng. Ví dụ, hồi nhỏ mình không biết đó là cái tô, nhưng nhờ ba má gọi thì mình biết đó là cái tô, cái nhỏ hơn gọi là chén, cái biết đó là tưởng. Lớn lên đi học tiếng Tàu, tiếng Nhật, tiếng Anh, biết lái xe, biết sử dụng phấn son, biết mua tủ bàn giường ghế, biết thời gian, biết yêu đương hò hẹn… tất cả là tưởng.

Có vô số những điều hôm nay ta biết được ta tưởng nó ghê gớm lắm, nhưng có ngờ đâu rằng ở một thời điểm khác, không gian, thời gian khác thì cái biết đó không có giá trị. Ví dụ xưa ở Tàu một người phụ nữ muốn tô son thì lấy phấn đỏ bôi lên tờ giấy, rồi muốn môi đỏ thì bập môi vào tờ giấy đó. Bôi lên rồi thì không dám ăn gì hết sợ trôi. Còn son đắt tiền bây giờ thì ăn sập nồi sập tiệm mà son không phai, kiss nhau từ sáng đến chiều mà phấn không tan, không mất, như vậy kiến thức về mỹ phẩm của Tàu giờ hết giá trị rồi. Tôi nhớ một thời ở chùa VN, mấy cụ ăn trầu uống nước cái ly dính trầu thì tôi ớn muốn chết, tôi ở hải ngoại tôi thấy mấy cô uống xong cái ly mà tôi thấy vết son nằm trên cái ly, chén trà tôi muốn khóc luôn. Tôi ngửa mặt lên trời cao nếu Chúa trời có linh khiến làm sao mà người ta làm son đừng để lại vết, ớn quá, tương truyền rằng sau này người ta đã khắc phục được chuyện đó. Cho nên cái biết của mình, mình cứ tưởng là nó

hay lắm thật ra có những cái biết cần phải thay đổi theo thời gian. Phúc thay cho kẻ nào thấy được cái hữu hạn và tương đối của những gì mình đang sở hữu và bất hạnh thay cho kẻ nào suốt một đời khư khư ôm lấy một học thuyết, một chủ nghĩa, một chính sách, một đường lối mà cho rằng đây là chân lý tuyệt đối, là "sông có thể cạn núi có thể mòn song chân lý đó không bao giờ thay đổi" thì như vậy là chết rồi. Dòng đời luôn luôn thay đổi, luôn luôn trôi chảy về phía trước, tất cả mọi giải pháp chỉ là tạm thời dầu đó là giải pháp chính trị, văn hóa, tôn giáo. Chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng nếu Đức Thế Tôn trụ thế thêm vài trăm năm nữa thì Đức Thế Tôn có vô vàn phương tiện, vô vàn những cách nói khác nhau về giáo lý cứu khổ chớ không phải chỉ bộ Tam tạng mà mình thấy bây giờ đâu. Ngay trong chuyện nấu ăn của mấy bà nội trợ, thật ra mình tưởng ghê gớm lắm nhưng cũng chỉ chừng đó nguyên liệu trộn tới trộn lui, cái mặn ít, cái mặn nhiều, cái nước ít, cái nước nhiều, cái kho cái xào rồi mình đổi tên thôi. Đời sống luôn luôn thay đổi, và là một dòng chảy luôn biến tướng. Tất cả những biện pháp chỉ là giải pháp mang tính nhất thời, không có gì bậy bạ cho bằng cứ khư khư ôm chặt cái gì đó giống như câu chuyện thanh gươm rớt xuống sông mà đánh dấu nơi mạn thuyền. Thuyền cứ đi, sông cứ chảy mà cứ căn cứ vào vết khắc trên thuyền để tìm thanh gươm.

Sáu căn là 6 cửa ngõ để chúng ta nhận thức thế giới và không có kiểu nhận thức nào được xem là tuyệt đối hết. Trong A-tỳ-đàm giải thích rằng, có 3 trường hợp sở hữu các căn:

1. Có đủ 6 căn. (có đủ mắt, tai, mũi lưỡi, thân, ý).

2. Thiếu do nghiệp xấu(những người không đủ 6 căn).

3. Không có do không cần. Phạm thiên hữu sắc chỉ có 3 căn là nhãn, nhĩ và ý căn. Họ chỉ có khả năng nghe, nhìn. Nói vậy không có nghĩa là mặt họ như tấm ván ép; họ y như mình, đẹp hơn mình, trong kinh nói hình dáng của họ là chuẩn của nam giới. Hình dáng đẹp của Đức Phật theo kinh nói là giống hình dáng của Phạm Thiên. Âm thanh của Đức Phật hay giống như tiếng Phạm âm (*brahmassara),* giống như tiếng chim Ca Lăng Tần già (*karavīka*), khi con chim này hót lên thì các con thú lớn quên săn mồi, thú nhỏ quên sợ hãi trốn chạy. Phạm thiên không cần ngửi mùi, không cần nếm nhưng thân thể họ phải trọn vẹn đầy đủ, ngoại hình của họ vẫn tuyệt đẹp, chỉ không có các khứu giác, vị giác, và xúc giác. Khi các vị bị nghẹt mũi tôi nhìn vẫn thấy các vị bình thường nhưng chỉ bản thân các vị thấy cái mũi mình không xài nữa. Cõi Phạm Thiên không có giới

tính nam nữ, nhưng tất cả đều có hình dáng nam nhân. Ngoại hình họ tuyệt đẹp, thiên hạ đệ nhất mỹ nam, họ đã ly dục nên không còn nhu cầu nếm, ngửi. xúc chạm. Họ còn mắt tai để nghe pháp và tu thiền, xuống hầu Phật, trao đổi với nhau, chưa lìa bỏ tham ái đối với sắc pháp nên còn hai cái tối thiểu.

THỐNG TRỊ (Rajjasutta)

Có một lần Đức Thế Tôn suy nghĩ thế giới này toàn hôn quân bạo chúa ngồi trên, đè đầu đè cổ người ta. Ngài nghĩ có cách nào đó để cho người ta làm vua mà không ác với người dưới hay không. Ngài không nghĩ cho Ngài mà nghĩ cho người khác, Ngài nghĩ rất là nhanh chớ không phải như mình trầm tư cả ngày. Ác Ma mừng lắm, Ác Ma thấy suy nghĩ hơi có vẻ phàm tục và đây là cơ hội quá tốt nên lập tức xuất hiện xúi Thế Tôn làm vua liền: *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy làm vua đi, Thế Tôn mà muốn cái gì cũng được hết*. Đức Phật trả lời: *Ta nghĩ vì lòng đại bi thôi chớ một người như ta thì làm gì có chuyện muốn cái này muốn cái kia*.

Bồ tát Tất Đạt trước khi thành Phật đã có khả năng đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Muốn đắc tầng thấp nhất, sơ thiền, là đương sự phải ly dục, không còn bị sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm cám dỗ nữa, đó là tầng thiền xoàng nhất, vậy mà đương sự phải ly dục nói gì các tầng cao hơn, nên ngay khi chưa thành Phật, Bồ tát Tất Đạt nếu muốn thì từ trần ngài sẽ sanh vào cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Ở đó, với tâm tình của một người đắc thiền Vô sắc nhìn những Ác Ma thiên tử, Đế Thích giống như mình nhìn mấy con chuột chù, khỉ, dơi vậy (gớm muốn chết). Trong Chú giải nói rõ, cách yêu đương nam nữ ở các cõi trời Dục Thiên đã khác nhau rồi, cõi Đao Lợi, cõi Tứ Thiên Vương nam nữ sinh hoạt tình cảm như cõi người; cõi Dạ Ma chỉ ôm nhau rồi buông, cõi Đâu Suất chỉ nắm tay nhau là xong, ở cõi Hóa Lạc Thiên thì cười với nhau là xong, cõi Tha Hóa Tự Tại chỉ nhìn nhau bằng tâm ái nhiễm là xong, không cười với nhau vì cười cũng là quá thô thiển trần tục. Quí vị tưởng tượng đi, đã đạt đến mức như vậy thì nhìn mình ở dưới đây sẽ thấy tầm thường, trần trụi, chật hẹp, dơ bẩn cỡ nào. Vì vậy khi Ác Ma nói Ngài làm vua thì đối với Ngài không là gì cả, cái tầm của Ngài đã đi xa biền biệt sơn khê rồi.

ĐA SỐ (Sambahulasutta)

Một tỳ kheo đến thưa với Đức Phật: Chúng tôi đang ngồi hành thiền với nhau tự nhiên có ông Bà-la-môn già tới nói tu làm chi, hưởng đời cho đã. Đức Phật nói: Không phải ông Bà-la-môn nào hết, đó là Ác Ma.

SAMIDDHI (Samiddhisutta)

Bài kinh Samiddhi cũng vậy, ngài Samiddhi đang ngồi thiền trong rừng, Ác Ma xuống phá nhưng chẳng được gì cuối cùng cũng bỏ đi.

GODHIKA (Godhikasutta)

Theo Chú giải, Godhika là vị tỳ kheo bị trọng bịnh, bịnh nặng quá nên mới nghĩ bây giờ sống làm gì nữa, nên vị này quyết định tự sát. Vị này tu hành rất đàng hoàng tinh tấn nhưng giờ bị đau đớn quá sức.

"3) Rồi Tôn giả Godhika sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chứng được **nhứt thời tâm giải thoát**. Rồi Tôn giả Godhika lại thối thất nhất thời tâm giải thoát ấy."

Trong đây có chữ "thời giải thoát" (*sāmayikam cetovimutti*), chỉ cho thiền Chỉ. Ngài Godhika tu tập Chỉ Quán song tu, riêng thiền Chỉ có rồi mất, có rồi mất, mấy lần như vậy, ngay lúc đó ngài bị trọng bịnh. Vì vậy ngài suy nghĩ thế này: Thiền ta có không khó nhưng ta giữ không dễ, bây giờ ta ráng tranh thủ làm sao mà trước khi ta chết ta giữ được cái thiền, lúc chứng thiền thì ta tự sát, tối thiểu cũng về được cõi Phạm Thiên, ngài đã tính như vậy.

'Aparihīnajhāna': 'thiền chưa bị mất'

'Parihīnajhāna': 'thiền bị hoại mất'

Có những hành giả đắc cho nhiều nhưng khi chết thì chết bằng tâm trạng của người '*parihìnajhàna,*thiền đã bị hoại, ví dụ Đề Bà Đạt Đa. Có người thì vẫn giữ nguyên khi chết như là ông Asita Devila (A-Tư-Đà), Alāra Kalama (người dạy Bồ tát Tất Đạt đắc Vô sở hữu xứ), ông Uddaka Rāmaputta. (người dạy Bồ tát Tất Đạt đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng), ba vị này giữ được thiền cho đến lúc chết nên Alāra sinh vào cõi Vô sở hữu xứ, hai người còn lại sinh về cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, họ sẽ sống trên đó suốt 84 ngàn đại kiếp.

Godhika tính toán sẽ tự sát ngay khi đắc thiền để về cõi Phạm Thiên, để chết ngay khi thiền không bị mất, khi đó thì *sinh thú bảo đảm* (*nibaddhagati*), không bị đọa. (Sinh thú: chỗ tái sanh) Những người như mình thì *sinh thú bấp bênh* (*anibaddhagati*), chết rồi không biết đi về đâu. Lúc đó Ác Ma quan sát nội tâm của Godhika và suy nghĩ thế này (càng đọc về sau càng thấy Ác Ma ghê gớm, nội công thâm hậu, nghiêng trời cái thế): Nếu công phu của ông Godhika thế này

ráng tu tập chút nữa thì sẽ đắc A-la-hán, không quấy rối ổng lúc này thì ổng sẽ đắc, đó là điều không nên xảy ra, giờ phải làm sao cản ông ta. Ác Ma biết nếu ra tay thì chưa đủ sức *ngăn cản* (*patibāheti*) nhưng có một người có thể ngăn cản được là sư phụ của ổng. Thế là Ác Ma tìm đến Đức Phật nói*: Đệ tử của ngài bây giờ tu hành ngon lành, không đắc gì hết mà còn muốn tự sát để tiếng lại*. Lúc đó Đức Phật biết hết, ngài biết khi Ác Ma báo thì ngài Godhika đã dùng dao cắt *họng* (*galanali*, larynx).

'Gala': 'cổ họng', throat;

'*gajjati'*: 'gầm', 'rống', 'roar';

'*gira'*: ca hát; '*Gilati'*: nuốt, swallow. (*Ca hát* hay *nuốt* đều sử dụng cổ, những chữ này có vẻ quan hệ với nhau)

Theo luật, chữ "r" và "l" thỉnh thoảng là một. Chữ "v" và "b" cũng vậy.

Sau khi ngài Godhika cắt cổ họng thì ngài y cứ trên nền tảng nội tâm lúc đó, ngài quan sát cái khổ của ngài lúc đó từ thiền Chỉ, quan sát nội tâm bằng trí tuệ thiền Quán và ngài đắc quả A-la-hán. Trường hợp đó thuật ngữ chuyên môn theo A-tỳ-đàm gọi là Sau khi ngài Godhika cắt cổ họng thì ngài y cứ trên nền tảng nội tâm lúc đó, ngài quan sát cái khổ của ngài lúc đó từ thiền Chỉ, quan sát nội tâm bằng trí tuệ thiền Quán và ngài đắc quả A-la-hán. Trường hợp đó thuật ngữ chuyên môn theo A-tỳ-đàm gọi là *"đắc đạo chí mạng"* (*samasīsī*). '*Sama'*: cùng lúc, đồng thời, spontaneous; '*sīsī'*: cái đầu, head.

Đắc đạo chí mạng

Nghĩa là việc đắc đạo được kết thúc cùng lúc với chuyện gì đó gọi là đắc đạo tột mạng, đắc đạo chí mạng (samasīsī)

Có ba trường hợp Có ba trường hợp *samasīsa*:

- *iriyāpathasamasīsī*: vừa kết thúc một động tác thì cũng cùng lúc chứng đạo

- *rogasamasīsī*: khi bệnh hết thì cũng vừa chứng đạo

- *jīvitasamasīsī*: chứng đạo trong lúc tắt thở.

Trong kinh nói trường hợp như ngài Ānanda, tọa thiền rồi kinh hành, suốt đêm ngài đi thiền hành, đi tới đi lui, sau đó ngài ngồi, ngồi rồi đi, đi rồi ngồi, mệt mỏi

lắm. Tới gần sáng, thấy quá sức rồi ngài nằm nghỉ, trong kinh nói ngài vừa nghiêng người xuống trong chánh niệm thì ngài chứng quả A-la-hán. Ngài là hành giả 24/24, trong thiền đường hay ngoài thiền đường giống nhau, chớ không phải kiểu buổi sáng ngồi với đại chúng 8-10 giờ sáng, giải lao ăn cơm xong hai giờ lên ngồi tiếp đến 6 giờ chiều, rồi ra khỏi thiền thất tận hưởng hương đồng gió nội. Trong kinh nói trường hợp như ngài Ānanda, tọa thiền rồi kinh hành, suốt đêm ngài đi thiền hành, đi tới đi lui, sau đó ngài ngồi, ngồi rồi đi, đi rồi ngồi, mệt mỏi lắm. Tới gần sáng, thấy quá sức rồi ngài nằm nghỉ, trong kinh nói ngài vừa nghiêng người xuống trong chánh niệm thì ngài chứng quả A-la-hán. Ngài là hành giả 24/24, trong thiền đường hay ngoài thiền đường giống nhau, chớ không phải kiểu buổi sáng ngồi với đại chúng 8-10 giờ sáng, giải lao ăn cơm xong hai giờ lên ngồi tiếp đến 6 giờ chiều, rồi ra khỏi thiền thất tận hưởng hương đồng gió nội. *Hành giả bậc thượng* là trước mặt đại chúng hay về phòng riêng một mình, giống nhau, đi ăn hay đi restroom giống nhau, tắm rửa hay đánh răng súc miệng giống nhau, bất cứ ở đâu cũng luôn luôn chánh niệm, trừ lúc ngủ thôi. Buổi sáng mà bàn chân chạm mặt đất là chánh niệm suốt cho đến khi nào chìm vào giấc ngủ. Toàn tâm toàn ý dồn hết mọi thứ cho một việc duy nhất: chánh niệm. là trước mặt đại chúng hay về phòng riêng một mình, giống nhau, đi ăn hay đi restroom giống nhau, tắm rửa hay đánh răng súc miệng giống nhau, bất cứ ở đâu cũng luôn luôn chánh niệm, trừ lúc ngủ thôi. Buổi sáng mà bàn chân chạm mặt đất là chánh niệm suốt cho đến khi nào chìm vào giấc ngủ. Toàn tâm toàn ý dồn hết mọi thứ cho một việc duy nhất: chánh niệm. *Hành giả bậc trung* là ngoài giờ hành thiền ra thì làm toàn việc hữu ích: tụng kinh, thuyết pháp, quét dọn vệ sinh, những sinh hoạt hoàn toàn vô hại, hỗ trợ cho tu tập. là ngoài giờ hành thiền ra thì làm toàn việc hữu ích: tụng kinh, thuyết pháp, quét dọn vệ sinh, những sinh hoạt hoàn toàn vô hại, hỗ trợ cho tu tập. *Hành giả bậc hạ* là hành giả theo đồng hồ, vô trong thiền đường trước mặt mọi người thì chánh niệm thẳng lưng lim dim còn bước ra khỏi thì đi chợ, gọi phone, lên thư viện đọc sách, hoặc tán gẫu, chiều đến giờ thì vào ngồi tiếp, kiểu như tu hành có giờ, giờ theo Phật, giờ theo ma.

Hành giả bậc thượng là người có thể chứng - *iriyapathasamasīsī*: vừa kết thúc một oai nghi, một động tác thì cũng cùng lúc chứng quả. *Rogasamasīsī*: theo dõi một chứng bệnh nào đó khi bệnh hết thì phiền não cũng tan theo. *Jīvitasamssīsī:* (ngài Tịnh Sự dịch là đắc đạo tột mạng nhưng tôi thấy hơi lạ với người Việt nên sửa lại "chí mạng"). Năm ngoái năm nay tôi in hai cuốn A-tỳ-đàm, tôi có làm thử một đề nghị là trong đó có những chữ tôi dịch mới đi nhưng tôi vẫn trân trọng để chữ Pāḷi bên cạnh và nếu cần cũng kèm một thời thưa rất lễ phép đó là vì sao tôi

đề nghị chữ này, chớ không phải người xưa đi làm sao người sau đi như vậy không có một sự nhìn lại thì cũng uổng. Nếu thế hệ trước mình mà cũng ù lì như vậy thì cũng nản lắm, thế giới luôn luôn đi tới mà.

Ông Godhika sau khi cắt cổ họng rồi thì lấy nỗi đau đó làm đề mục. Trong kinh nói do nghiệp quá khứ, nghiệp tự sát nhiều đời chớ không phải một kiếp nên bây giờ sinh ra thích nghĩ đến chuyện giải quyết bằng cách đó.

Tự sát do hai nhân

Tự sát do hai nhân: thói quen, cộng với nghiệp sát. Nếu chỉ có nghiệp sát thì chỉ yểu thọ và bịnh hoạn, nhưng cộng với thói quen nhiều kiếp thích giải quyết vấn đề bằng cách *tự kết thúc*. Có nhiều người giận là thích làm khổ người khác, xô bàn đập ghế, mắng chó chửi mèo, có người thì họ không có khuynh hướng bạo lực nhưng giải quyết bằng cách tự bạc đãi.

Hai cách giải tỏa ẩn ức: bạo lực trên người khác và tự bạc đãi bản thân.

Tôi có biết một cô Phật tử, mỗi lần giận là làm bếp rất nguy hiểm, cổ cầm con dao bấm mạnh vào cái lưỡi cho chảy máu cho chồng cổ can, con cổ can; hoặc gõ đầu vô tường, chờ có ai ở đó mà thương mình dữ dằn thấy thì mới làm như vậy. Có người trút giận bằng cách bạo lực với người khác. Đây là một khuynh hướng tâm lý, theo trong kinh nói cái gì trên đời này cũng do thói quen, (thường cận y), cái gì xuất hiện quá hai lần thì dễ thành thường cận y. Tây có câu: *Đừng coi nhẹ suy nghĩ thoáng qua trong đầu, lặp lại nhiều lần thì sẽ thành hành động; hành động lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ biến thành thói quen, và thói quen thì trở thành số mệnh, định phận của chúng ta*. Nếu mình là hành giả Tứ Niệm Xứ, có học A-tỳ-đàm thì phải nhớ khi có một suy nghĩ nào thoáng qua, một mình mình, mình cũng phải tự nói: *Bậy nghen, cái đó làm hại người nghen!* Chẳng hạn mình giận ai đó quá định viết email chửi, nếu mình hành động, người ta phản ứng lại thì chuyện sẽ dây dưa biết chừng nào cho hết, vì vậy nếu kiềm chế được thì nên kiềm. Tôi chọn cho mình pháp môn tự kỷ ám thị, lòng tôi thật sự chưa tới cảnh giới đó nhưng tôi tự ép tôi. Câu thần chú là *"trước sau mình cũng chết nghen",*nhớ câu này có cái lợi ghê gớm lắm. Dù trong lòng mình không muốn nghĩ như vậy nhưng kệ, cứ ép, lâu ngày sẽ quen. Ai hỏi kiếp này mong đắc chứng gì thì tôi nói chỉ mong là bớt sợ chết, và chúng chửi thì bớt giận là mừng lắm rồi và trước giờ chết thì chết chán chớ đừng chết sợ. Ráng suy tư sống như thế nào đó để mình chết chán chứ đừng chết sợ. Chết chán nghĩa là hết tha thiết gì rồi, tốt hơn là chết sợ, chết sợ là chết còn tiếc nuối. Krishnamurti nói: *"Cái chết không*

*đáng sợ bằng sự sợ chết".*Và một câu nữa của tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt *"Không có gì đáng sợ bằng chính lòng sợ hãi".* Vì vậy, mình phải tâm niệm một điều: Tôi phải ra đi bằng sự nhàm chán chứ không phải bằng sự sợ hãi. Nếu các vị là người chí thân chí ái của tôi, mà tôi nhìn các vị run bắn người tái mét, nắm chặt tay tôi đổ mồ hôi lạnh mà kêu tôi cứu thì tôi thấy không xong rồi, dầu đó là mẹ ruột của tôi mà tôi thấy bà mất kiểu đó chắc là lòng tôi không yên. Cái tôi muốn là quí vị ra đi trong sự thanh thản. Mình phải thấy đã đến lúc bỏ món đồ cũ xài đồ mới, bây giờ mình đang trên đường ra phi trường, bay về phương trời mình muốn, mình sẽ có nhà mới, có một bối cảnh mới, có bè bạn láng giềng mới, có đời sống mới vui vẻ hơn, đẹp đẽ hơn, phải có niềm tin như vậy, để củng cố niềm tin đó thì mỗi ngày mình phải sống nhẹ hơn, tốt hơn. Nước có ba thể đặc, lỏng, khí; nước ở thể lỏng luôn luôn tìm chỗ thấp chui xuống, nước ở thể khí luôn có khuynh hướng tự bốc lên cao. Khi mình sống bằng tâm hồn nhẹ nhàng, hơi thở mình vừa dứt thì mình bốc hơi; còn sống tiểu tâm, ích kỷ, nhỏ mọn, tham lam thì tâm nặng lắm, giống nước ở thể lỏng, kiếm chỗ thấp chui xuống. Một làn khói thuốc cũng bốc lên, nồi nước sôi mà hở nắp thì nước bay lên trên. Hãy biến tâm mình nhẹ nhàng thành nước ở thể khí chớ đừng thành thể lỏng, không cần tụng niệm gì cũng bốc lên trên. Tu học càng nhiều thì càng tốt nhưng phải nhớ chừng chừng những cái căn bản nhất đó để đối diện với một ngày mai không lấy gì sáng sủa vì chúng ta dù muốn dù không thì cũng đang già mà.

BẢY NĂM (Sattavassānubandhasutta)

Ác Ma có nhìn nhận rằng đã theo dõi Thế Tôn suốt nhiều năm nhiều tháng nhưng không thấy lỗi lầm của Thế Tôn.

CON GÁI CỦA MA VƯƠNG (Māradhītusutta)

Chúng ta phải ghi nhận một điều là ba nàng này xuất hiện trước Đức Phật sau khi Ngài thành đạo. Trong khi đó những người Phật tử VN thì đọc tùm lum mà sợ kinh cắn không dám nghiên cứu, ai viết gì đọc cái đó. Chẳng hạn như đến bây giờ mà còn vô số người VN tin rằng thái tử Tất Đạt xuất gia năm 19 tuổi, không biết lấy vợ hồi nào nữa, trụ thế 49 năm, tọa thiền 49 ngày trước khi thành đạo, đây là những con số không thể nào tào lao hơn được! Bởi vì theo lịch sử Đức Phật, Bồ tát Tất Đạt năm 16 tuổi lập gia đình. Hăm chín tuổi có đứa con đầu lòng, một ngày trước khi xuất gia. Ngài đi tu 6 năm, thành đạo năm 35 tuổi, trụ thế 45 năm nữa là 80 tuổi. Bên Tàu chế làm sao mà thành xuất gia năm 19 tuổi, trụ thế 49

năm, tọa thiền 49 ngày trước khi thành đạo. Bên kinh điển Pāḷi thì con số 49 ngày này là **sau khi thành đạo**. Sau khi thành Phật Ngài không ăn uống suốt bảy tuần lễ, có lúc Ngài ngồi ở gốc cây, có lúc Ngài đi, suốt bảy tuần lễ như vậy. 99.9% người Việt Nam biết đạo sơ sơ mở miệng ra là cứ nói ngồi thiền 49 ngày thành đạo. Người Việt mình bị lời nguyền của tụi Chân Lạp khi diệt chủng họ là sau này về tôn giáo và chính trị thì người VN mình sẽ dốt nhất hành tinh. Lịch sử chứng minh, người VN thông minh học giỏi vô cùng nhưng đụng đến tôn giáo và chính trị thì chỉ là những kẻ nô lệ và là con chuột bạch cho thiên hạ mà thôi. Người VN có một tỷ người thông minh vô cùng nhưng đặc biệt đừng bao giờ có cao vọng đụng chạm đến tôn giáo và chính trị, nghĩa là thà cứ dốt đặc đi, đụng vô là làm tầm bậy. Trong khi người ta có biết bao nhiêu vị giáo chủ: Osho, Krisnamurti, còn mình thì sáng tác mấy cái đạo địa phương lạ lắm không giống ai. Kinh điển Phật pháp có sẵn không chịu tu, cứ chế ra nửa Tây nửa Tàu không giống ai. Nghe tôi nói vậy các vị có thể nghĩ là tôi bài xích, bây giờ có internet có Google để quí vị kiểm chứng mà, hờn giận nhau làm chi. Có chỗ nói ba cô con gái của Ma Vương xuất hiện trước khi Ngài thành Phật, đó là sai. Cha của ba cô này (Ma Vương) xuống phá Ngài lúc Ngài chưa thành Phật là đúng. Còn ba cô này xuất chiêu mỹ nhân kế là sau khi Ngài thành. Mỗi cô hóa hiện ra một cách, nhưng cuối cùng thấy không xong thì đi mất. Ba cô này là phước báu đầy mình chớ không phải tầm thường. Theo trong kinh chúng tôi được biết, các cõi Dục Thiên thấp thấp như cõi Tứ Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma có thể nhờ bố thí trì giới lai rai mà lên được, nhưng từ Đâu Suất trở lên thì phải bát quan trai ngon lành. Bát quan trai mới được sanh về cõi Dục Thiên bởi vì người dục nhiều thì thiện tâm ít, thiện pháp yếu, người tu bát quan là người giảm dục, hơn nữa cõi càng cao thì đời sống của họ càng vi tế, nếu hưởng dục nhiều quá, lòng thô nặng, lên đó không nổi. Muốn sanh về trên đó thì lòng dục phải nhẹ mỏng, thiện tâm phải mạnh, càng vi tế, thiện càng nhiều chừng nào, ác càng mỏng chừng nào, dục càng ít chừng nào thì cơ hội đi lên mới lớn. Tôi đã nói, trên cõi Tha Hóa Tự Tại, tiên nam tiên nữ chỉ nhìn nhau bằng tình cảm bên trong là xong, trong khi cõi Tứ Thiên Vương và Đao Lợi họ bày tỏ tình cảm như cõi Nhân Loại, cõi Dạ Ma ôm nhau, cõi Đâu Suất chỉ cầm tay nhau, cõi Hóa Lạc Thiên chỉ cười với nhau, cõi Tha Hóa Tự Tại thì không còn cười nữa, hễ còn cười là còn quá thô thiển, quá trần tục, "anh đi lộn chỗ rồi, ở đây chúng tôi không có nham nhở như vậy…". Bởi vậy, phiền não càng mỏng thì cơ hội đi lên mới lớn. Trong đời sống của mình cũng vậy, kẻ nào phàm ăn tục uống, đời sống nặng nề hưởng thụ thì đầu óc khờ dữ lắm; bớt ăn bớt mặc, bớt dành thời giờ cho những chuyện ruồi bu thì cái đầu

mới nhẹ nhàng. Có người hỏi triết gia Socrate: *Tại sao phụ nữ già trẻ đẹp xấu ai cũng coi nặng chuyện trang điểm?*

Ông trả lời: *Người ta không có nội dung thì người ta phải lo cái hình thức chứ sao*. Khi mình không có nội dung thì tự nhiên mình nặng về hình thức. Tôi biết một số Phật tử nữ, tôi bực họ đến mức mà không thể nào đồng thuận với họ cái quan điểm về cái đẹp, bữa đi công chuyện về đói gần chết mà cổ cứ sắp cái đĩa xà lách cho đẹp làm tôi muốn điên lên luôn. Nặng về hình thức là quên đi cái nội dung, phải quan tâm cái gì mình cần và phân biệt cái gì mình thích. Bỏ đi những cái thừa đó là bí quyết điêu khắc của điêu khắc gia nổi tiếng Rodin, tu theo Phật là bỏ cái thừa. Cái gì làm khổ mình khổ người, không an lạc, thì phải bỏ. Có những người ra đường cứ mất cả giờ đồng hồ phấn son áo quần cứ tưởng người ta nhìn mình, ai thèm nhìn làm chi, mình có phải là đẹp, tiếng tăm, lẫy lừng gì. Cái túi xách mà tôi thương nhất là túi vải. Túi vải nón vải có bề gì mình lót ngồi, khi kẹt thì lau tay được, lại dễ giặt, tôi thích những món đồ nhiều trong một. Đối với tôi đẹp không phải là tiêu chí mà đa dụng là tiêu chí. Mai này bà con đi Miến Điện hành thiền sẽ nhớ da diết buổi nói chuyện sáng nay của tôi, khi đi xa trong điều kiện sống khó khăn chật hẹp như vậy bà con hãy nhớ lận theo những món nào thực sự cần thiết. Tôi đâu có giàu nhưng cắn răng lận theo cái mền ni lông, rất mỏng nhưng nhét được trong túi áo, trùm bí hơi là ấm. Tôi có cái bếp cồn nhỏ xíu, đi đâu cứ ra tiệm thuốc Tây mua chai cồn, đêm lạnh thèm miếng nước nóng, miếng trà, miếng sữa, cứ cho chút cồn vào là có ngay bình nước nóng. Phải như vậy, đời sống phải thật tiện. Kẻ giàu nhất trên đời không phải là người cái gì cũng có, mà chính là kẻ có được cái gì cũng ok. Vì vậy Đức Phật dạy "*santuṭṭhiparamaṃ dhanaṃ",* tri túc là tài sản tối thượng là chỗ đó. Khả năng thích nghi của mình chính là tài sản lớn nhất của một con người. Bây giờ chín rưỡi rồi, xin hẹn bà con mùa sau.

Bài giảng ngày 6-9-2014 CHƯƠNG 5. TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO NI

ĀLAVIKĀ (Āḷavikāsutta)

Bữa nay mình học trọn một chương luôn Tỳ Kheo Ni. Chương này trong Chú giải không nói gì đặc biệt, bà con đọc chánh văn của kinh tạng tự hiểu không có gì khó. Toàn bộ nội dung của chương này nói một điều thôi: Ác Ma Thiên tử đã hiện xuống quấy rầy phá rối các vị tỷ kheo ni sống thiền tịnh độc cư một mình ở chỗ thanh vắng. Từ chuyện này dẫn đến chuyện khác, đó là ở đời này mà mình có đi làm ăn cướp chắc chắn mình cũng có bạn, có chích hút, say sưa, trộm cướp lừa đảo, chắc chắn mình cũng có bạn, và dĩ nhiên trong thiên hạ cũng có vô số người chống đối thù ghét và pháp luật cũng trừng trị mình. Bên cạnh đó, ngược lại, mình tu hành đàng hoàng, có nhân cách có đạo đức, làm chuyện tốt đẹp cũng có người chống mình. Tôi muốn nhân chương này xin các vị lưu ý, đừng thắc mắc vì sao mình tu hành đàng hoàng mà đời trù dập bạc đãi làm khổ mình thế này. Hễ có mặt trong đời sống là chúng ta phải chấp nhận những khía cạnh tương phản. Nếu thằng ăn cướp mà có bạn được thì người hiền cũng có kẻ thù là chuyện tự nhiên. Ở đây người ta tu hành không chọc phá ai hết mà cũng có người ghét đó là chưa kể đến chuyện dòng chảy luân hồi sẽ xuôi theo ác pháp, bất thiện, xuôi theo bản năng phàm phu của chúng sanh. Trong khi mình tu hành là đi ngược lại hết, ngược nước, ngược gió, nên bị những thử thách, trở ngại, trở lực ngăn chặn thì là chuyện bình thường và cực kỳ dễ hiểu. Ngay cả chuyện tu hành thời buổi này, hoặc thời Đức Phật cũng vậy, khi mình kêu gọi người ta mê tín dị đoan, cúng bái, lừa đảo buôn thần bán thánh thì chắc chắn gặp phải vô số phản ứng chống đối từ thiên hạ nhưng cũng có một tỷ người ủng hộ mình. Nếu mình chủ trương tu hành giới luật thanh tịnh thiền định tinh tấn thì cũng có một tỷ người ủng hộ mình và một tỷ người chống đối mình. Mình ngồi yên không làm gì hết thì không thấy gì hết, chứ bung ra làm thì biết thân ngay, khởi xướng phong trào tu học đàng hoàng một chút thì bị chống phá đủ điều. Mở cái room hát karaoke thì nhiều người ủng hộ mình nhưng cũng nhiều người chống đối mình.

Bài kinh đầu tiên là bài kinh Āḷavikā. Tỷ kheo ni Āḷavikā sau khi đi bát xong về tìm chỗ thiền định thì Ác Ma xuất hiện, nói một câu trớt quớt: Người ta tu hành mục đích để giải thoát, nhưng nói thiệt cho bà biết, bà đừng buồn nghen, chuyện đó làm gì có mà hướng tới, sanh ra thì già bịnh chết, ai cũng vậy. Người tù cầu giải thoát thì mong ra khỏi tù, để tự do sung sướng, đó mới là lý tưởng của người tù. Còn ở đời, lý tưởng giải thoát là sao, tu hay không tu cũng giống nhau, tu cho

lắm thì cũng già chết, không tu cũng già chết, giải thoát hay xuất ly chỉ là chuyện tào lao, lừa đảo chớ làm gì có.

Các vị trong room này là những người học Phật, tin Phật, nghe câu đó thì biết là câu tào lao. Nhưng quí vị hãy tưởng tượng nhiều lúc trong đời mình chỉ cần một câu nhẹ nhẹ vậy thôi cũng ảnh hưởng rất lớn đến nội tâm mình. Cho nên, câu đầu tiên trong kinh Kiết Tường 38 Pháp An Lành Đức Phật dạy lìa kẻ ác, gần người lành là vậy đó. Ngay bây giờ mình đang ngon lành mình thấy câu nói đó là xúi dại, nhưng lúc nào đó, cái tâm mình cũng giống như cơ thể vậy, cơ thể lúc khỏe thì không sao hết, nhưng lúc yếu rồi thì một chút sương, một chút gió, một chút nắng, một chút đồ ăn bậy bạ, một chút sinh hoạt phi thời thì lập tức lăn ra bịnh liền. Nội tâm mình cũng vậy, có những lúc mình không chánh niệm thì không lường trước được đâu, có lúc những tác động từ người ngoài, từ một hình ảnh mình nhìn thấy, một câu nói mình nghe được, sẽ ảnh hưởng mình ghê gớm lắm. Một câu nói nhẹ nhàng thôi, ví dụ mình muốn dịch, muốn in kinh, có người cười mỉm, phán câu nhẹ nhàng: *Tự mình tu học còn chưa xuể mà nói gì chuyện đi hoằng pháp, ai thật sự có lòng học đạo tự tìm đến hay hơn, mình in một núi kinh ai đọc, tốn tiền tốn công tốn thời gian, thời này có ai đọc đâu, muốn gì thì viết bỏ lên internet chớ mắc gì đi in cho mệt.* Họ phán một hai câu đủ làm mình chùn lòng chớ không phải không, nhưng việc gì mình thấy cần thiết thì mình cứ làm. Sống dễm lên dư luận mà đi là chuyện không nên nhưng trở thành nạn nhân của dư luận, của thị phi, thành một chiếc lá trong dòng chảy cũng không nên. Cái khó của đời tu cũng là chỗ đó mà cái khó của đời sống cũng là chỗ đó. Ở đây tỷ kheo ni Āḷavikā nghe vậy trả lời: *Sao lại nói kỳ vậy, Phật dạy có mà, chính ta là người chứng ngộ thì làm sao sự giải thoát lại là không có được.* Biết mình đã bị nhận diện, Ác Ma thất vọng, biến mất.

SOMĀ (Somāsutta)

Tỷ kheo ni Somā cũng bị phá như vậy, bằng một câu nói khác làm cho nản, chán. Ác Ma nói: *Chuyện tu hành khó chớ không phải dễ, người ta người nam làm chưa xuể nói gì là người nữ. Có ý tu làm chi, nữ thì chỉ biết làm nội tướng nội trợ là được rồi*. Ở đây trong chánh văn, Ác Ma nói với bà tỷ kheo ni Somā thế này:

"Địa vị khó chứng đạt,

Chỉ Thánh nhân chứng đạt,

Trí nữ nhân hai ngón,

Sao hy vọng chứng đạt?

”

Trong tiếng VN, chữ “hai ngón” là tiếng lóng có nghĩa là ‘móc túi’, ‘ăn cắp’. Trong tiếng Pāḷi, chữ “hai ngón” mà Ác Ma dùng chỗ này là *Dvaṅgulapaññāyāti* có nghĩa là cái trí chỉ vừa đủ cầm kim chỉ làm chuyện may vá thôi. Trí “hai ngón” này chỉ cho đàn bà vì ám chỉ cho chuyện may vá, đàn ông thì sức vóc ngon lành dời non lấp biển, khiêng vác cưu mang gồng gánh những chuyện trọng nhậm trong trời đất này, đàn bà tối đa chỉ làm được chuyện may vá sử dụng hai ngón tay là đủ rồi. Nếu không đọc Chú giải thì mình cũng đoán mò ra được, đoán mò hai ngón là việc gì đó nhỏ xíu. Bà trả lời: *“Nữ tánh chướng ngại gì, Khi tâm khéo Thiền định”.* Tâm tư người nữ đồng ý có vấn đề thiệt nhưng hoàn toàn không có trở ngại cho một người chứng ngộ. Bà nói rằng: *Người còn bận tâm chuyện nam nữ để phân biệt kỳ thị thì còn thấp kém lắm. Ác Ma hãy đi tìm những người đó mà nói chuyện cho cân xứng ngang bằng chớ đừng đem chuyện nam nữ ra nói với một người như ta.* Chỉ có những trường hợp đặc biệt: Chuyển Luân Vương, Đế Thích, Ma Vương, Phạm Thiên, Chánh Đẳng Giác thì không có người nữ thôi chứ nếu nói khả năng chứng ngộ Tứ Đế chấm dứt sanh tử thì nam nữ (tam nhân) đều có khả năng giống nhau.

GOTAMI (Kisāgotamīsutta)

Gotami ở đây là bà Kisā Gotamī. Ác Ma rất độc, nhìn vào tâm tư khuynh hướng tâm lý của mỗi vị tỷ kheo ni mà dùng câu nói khích tướng châm chọc khác nhau. Ác Ma rành lắm, ở mỗi vị tỷ kheo ni, Ác Ma chọn câu châm chích có tác dụng thâm độc tùy người. Ác Ma nói với bà Kisā Gotamī:

“Sao nàng như mất con,

Một mình, mặt ứa lệ.

Hay một mình vào rừng,

Để tìm đàn ông nào?

”

Thấy nàng ngồi một mình trong rừng, ngồi im lặng không nói không cười, (ngồi một mình không lẽ ngồi cười, huống là một vị thánh nữa), Ác Ma nói là buồn.

Trong kinh kể rất là nhiều lần có những vị Trời hoặc những vị cư sĩ thấy Thế Tôn hoặc chư tỷ kheo ngồi trong rừng thường hỏi một câu giống nhau: *Ngài ngồi một mình, có gì buồn không?*

Ngài và các vị thánh trả lời giống nhau: *Ta mất gì mà ta buồn, ta được gì mà ta vui*. Cũng như có ông Bà-la-môn hỏi ngài Xá Lợi Phất: *Ngài có sợ chết không?*

Ngài Xá Lợi Phất đáp không, thì lại hỏi nữa: *Ngài có chán sống không?*

Ngài Xá Lợi Phất trả lời: không. Thế là ông Bà-la-môn hỏi: *Không sợ chết mà cũng không chán sống thì phải hiểu thế nào?*

Ngài Xá Lợi Phất đáp: *Ta không ham sống cũng không sợ chết, ta chỉ không muốn trái còn xanh mà phải rụng, những ngày tháng ta sống đây chỉ chờ nhân duyên hội đủ là ta đi thôi*.

Bà Kisā Gotamī tên đời chỉ là Gotamī. *Kisà* nghĩa là gầy ốm (skinny). Bên tăng thì có ngài Mahākappina, làm vua nhưng tạng người ốm ốm xanh xanh mét mét suốt đời. Bà Kisā Gotamī cũng vậy, thời đó có nhiều người tên Gotamī, tỷ muội trong đạo tràng gọi là Kisā Gotamī để phân biệt các Gotamī khác. Mình cũng vậy, hay gắn thêm ngoại hiệu nào đó để phân biệt với những người khác. Giống như ngày xưa truyện của Duyên Anh có những nhân vật như Hoàng Ghita, Dũng Đa Kao… đại khái là thêm một chút xíu ngoại hiệu.

Trước khi đi tu bà Kisā Gotamī có chồng nhưng gia đình bà không có thương, không trọng bà, họ chỉ coi nặng đứa con trai của bà thôi, nên bà xem toàn bộ cuộc đời của bà là ván bài đánh cược trên cuộc đời đứa con, ấy thế mà đứa con lăn đùng ra chết. Hãy tưởng tượng tâm tình của một người mẹ trẻ mất đi đứa con duy nhất thì khổ cỡ nào, mà khổ nỗi đứa con đó còn có ý nghĩa khác kinh hoàng hơn, đó là chỗ dựa duy nhất bên nhà chồng. Bà bồng xác con đi tìm thầy tìm thuốc. Đứa bé đã chết rồi mà bồng xác đi thì được gì. Có người thương tình chỉ bà về chùa Kỳ Viên gặp Thế Tôn là vị Toàn Giác, cái gì Ngài cũng làm được, ai Ngài cũng thương, đến gặp Ngài biết đâu ngài có cách. Bà đến gặp Thế Tôn và quì khóc xin cứu giùm đứa con trai. Đức Phật không từ chối, Ngài nói bà đi tìm một ít hạt cải ở nhà nào không có người chết đem về Ngài sẽ làm thuốc cứu. Bà đem con vô nghĩa trang để đó, rồi đi từng xóm từng làng để tìm nhà ai không có người chết. Người ta nói với bà hạt cải thì không thiếu, nhưng gia đình dòng họ không có người chết thì không có. Lúc đó bà mới hiểu ra không phải chỉ một mình con bà chết mà tất cả thiên hạ đều phải chết và chính mình sau này cũng sẽ chết. Hiểu

vậy bà đem xác con đi chôn và trở lại đi xuất gia, chứng quả A-la-hán, bà trở thành vị Etadagga paṃsukūlika - Đệ nhất phấn tảo y (y dính bụi dơ, 'paṃsu': 'bụi'), vị này suốt đời này không nhận y may từ cư sĩ và cũng không chính mình lựa chọn kiếm tìm vải mới để may y mà chỉ dùng một loại vải duy nhất là vải lượm, lượm ở đống rác, nghĩa trang, nhà quàn xác, nơi bốc mộ… miễn là còn nhuộm được. Hạnh phấn tảo y, đối với bản thân, nếu mình còn phàm thì được tính ly tham, đồng thời được giản tiện trong đời sống, và đối với đời thì tăng niềm tin cho người khác, cho người ta thấy thân này là bất tịnh, giống như vết thương, vết thương thì băng bó vải gì cũng được chớ không cần phải đồ tốt đồ đắt tiền. Hạnh này là một trong 13 hạnh đầu đà, có vị thọ trì đủ 13 hạnh, có vị thọ chỉ một hoặc hai hạnh. Bên tăng có một vị tên là Mogharajā vị này cũng là Đệ nhất phấn tảo y. Chính vì Ác Ma biết bà Gotamī có chuyện đời đau lòng nên mới nói một câu thâm ác như vậy: *Sao mặt buồn vậy, bộ con chết hay sao, hay vô rừng kiếm đàn ông?*

Ác Ma khơi lại vết thương lòng, còn chọc ngoáy xúc phạm nữa. Bà đã là A-la-hán nên bà biết, bà trả lời: *Con cũng xong rồi, chồng cũng xong rồi, không còn thích gì hết, thứ lon ton như ông thì không nghĩa lý gì với ta hết*. Ác Ma nghe vậy biến mất.

VIJAYĀ (Vijayāsutta)

Vijayā là một mỹ nhân trước khi đi xuất gia. Ác Ma thấy vậy nên xuống phá, nói như thế này:

Nàng vừa trẻ, vừa đẹp,

Ta vừa trẻ, vừa xuân,

Với cung đàn năm điệu,

Nàng cùng ta vui hưởng.

Vậy đó, thấy người ta đẹp xuống quyến rũ người ta. Phá chơi vậy thôi. Bà biết là Ác Ma nên bà mới trả lời:

Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,

Làm cho ý đam mê,

Ta nhường lại Ác ma,

Ta đâu có cần chúng.

Với thân bất tịnh này,

Dễ hư hoại mong manh,

Ta bực phiền, tủi hổ,

Dục ái được đoạn tận.

Họ sanh hưởng sắc giới,

Chúng vọng vô sắc giới,

Thiền chứng an tịnh ấy,

Mọi nơi, mê ám diệt.

Bà nói: *năm trần làm cho người ta thích nhưng mấy cái đó ta để lại cho ngươi chớ ta không cần nữa, với tấm thân vừa dơ dáy tanh hôi, mong manh dễ hư hoại này ta bỏ không kịp chớ thích cái gì, chẳng những ta chán thân này, chán năm dục trần còn chán luôn sắc và vô sắc thì sá gì những điều ngươi nói, ta chứng được Phi Tưởng Phi Phi Tưởng mà ta còn buông kìa.* Với một người như bà, chứng được Phi Tưởng Phi Phi Tưởng rồi thì cái gì bà cũng chán hết.

UPPALAVANNĀ (Uppalavaṇṇāsutta)

Uppalavaṇṇā là nhân vật đặc biệt, trước khi đi xuất gia cũng là một thiên hạ đệ nhất mỹ nhân. '*Uppala'*: 'hoa súng'; '*vaṇṇā'*: 'màu sắc'. Khi vừa được sanh ra thấy màu da trắng hồng như hoa súng nên cha mẹ đặt tên cho nàng là Uppalavaṇṇā. Gia đình giàu có nhưng không muốn lấy chồng, nàng đi xuất gia và trở thành tỷ kheo ni Đệ nhất thần thông bên Ni. Mỗi vị Phật Chánh Đẳng Giác có hai vị đệ nhất thần thông, và hai vị đệ nhất trí tuệ, một bên Ni và một bên Tăng. Đệ nhất thần thông và đệ nhất trí tuệ bên Tăng thì phải tu một a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, riêng bên Ni thì chỉ tu 100 ngàn đại kiếp thôi. Điều trớ trêu là cả hai vị Đệ nhất thần thông Tăng và Ni của Đức Thế Tôn đều bị đại nạn hết. Vị đệ nhất thần thông bên Tăng, ngài Mục Kiền Liên cuối đời bị cướp băm vằm tan nát như tương hột. Dao với búa 500 lưỡi mà thay nhau bầm, bọn cướp biết ngài có thần thông nên được tụi ngoại đạo dặn kỹ là phải bầm cho nát nếu không là sẽ

còn sống. Còn nàng Uppalavaṇṇā đi xuất gia rồi cũng là Đệ nhất thần thông, nhưng do nghiệp xưa trong số những người theo đuổi ngày trước có một cậu thanh niên tên là Nanda, thấy nàng đi tu lòng không đành nên đợi lúc thích hợp, bữa đó nàng đi bát về, thanh niên này trốn trong phòng và cưỡng hiếp nàng. Biết đây là nghiệp nên nàng phải chấp nhận. Vì xúc phạm một vị A-la-hán đang nhập định, nên thanh niên này vừa ra khỏi tầm mắt của nàng đã bị đất sụp, kiểu như hố tử thần (sinkhole), hố này tự xuất hiện do nghiệp bất thiện của Nanda. Trong kinh nói *trái đất này gánh được núi non nhưng không gánh được tội lỗi của con người*. Thanh niên Nanda này chết tại chỗ và đọa xuống A-tỳ địa ngục.

Cách đây không lâu, khoảng đầu năm 2004 tại Florida, Mỹ, có một anh thanh niên đang ngủ trong nhà, không biết do nghiệp cũ thế nào mà căn phòng của anh ta bị sinkhole, đất sụp, lọt thẳng xuống sâu 6 mét. Anh ta chết liền tại chỗ và bị vùi bởi những thứ sụp đổ. Mất một hai ngày mới đem anh ta ra được. Đang nằm ngủ mà bị rơi xuống 6 mét làm sao chịu nổi.

Ác Ma hiện xuống phá nàng bằng cách khen đẹp: *Đẹp vậy mà ở trong rừng không sợ hay sao*. Nàng trả lời: *Ta có thể biến mất, ta có thể đứng giữa hai hàng lông mi của ngươi mà ngươi không thấy ta.*

CĀLĀ, UPACĀLĀ VÀ SĪSUPACĀLĀ

Cālā, Upacālā, Sisupacālā, ba vị này là ba người em gái ruột của ngài Xá Lợi Phất. Gia đình ngài có 7 người đắc A-la-hán. Một là ngài Upatissā (Sāriputta), Khadirā Revata, Upasena Vangantaputta, Mahācunda, Cālā, Upacālā, Sisupacālā.

Ngài Xá Lợi Phất trước khi đi tu có tên là Upatissā, mẹ của ngài tên là Sāri, nên ngài có hai tên, một là Upatissā, hai là Sāriputta (nghĩa là 'con của bà Sàri'), ngài có người em trai tên là Revata. Trong ngày cưới vợ của người em này, theo tục lệ người Ấn hồi đó, người đứng ra đại diện chúc phúc cho đôi vợ chồng là người cao tuổi nhất trong dòng họ, là bà ngoại 120 tuổi của ngài Xá Lợi Phất. Ngài Revata nhìn thấy bà ngoại mình 120 tuổi lưng còng má hóp tóc bạc da nhăn, so sánh với vợ mình, nghĩ một lúc nào đó vợ mình giống bà ngoại, ngài thấy oải và nói muốn… vô bụi chút xíu, ngài trốn mất tiêu ngay trong ngày hôn lễ rồi đi xuất gia. Ngài Xá Lợi Phất đã dặn chư tăng: *Bất cứ ai mà nói em trai của tôi đi tu thì các vị hãy nhớ rằng quyền huynh thế phụ, tôi là anh cả, em của tôi mà đi tu thì đồng ý cạo đầu không cần phải có sự đồng ý của cha mẹ.* Lần lượt 6 người em đi tu hết, chỉ cần nghe nói em ngài Xá Lợi Phất là cạo đầu tuốt luốt hết. Ngài Revata bỏ đám cưới đi tu và ngài có hạnh Đệ nhất Ẩn lâm *Etadagga Arannika*

(Arannavāsi). '*Aranna' (Pāḷi)= 'Aranya'(Skt):* 'rừng' = 'Lan Nhã'. '*Vāsi'*: 'người ở'. '*Arannavāsi'*: 'người ở rừng'.

Có một số một chữ mình đọc mà không biết, có ai từng đọc Chú Lăng Nghiêm không?

Bài kệ dẫn nhập của Chú Lăng Nghiêm có câu: *"Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong, Thước ca ra tâm vô động chuyển"*. Người VN mình đọc miết mà nhiều người không biết điều này:

Sunnāta (hư không): Thuấn nhã đa

Vajirā (kim cương): Thước ca ra

Trong kinh Tàu, họ nói để nguyên đọc cho linh, chú mà dịch huỵch toẹt ra thì còn gì linh. Quí vị vào google đánh chữ này *"Surangamamantra translation"* các vị sẽ tá hỏa luôn, nghĩa là Chú Lăng Nghiêm mà quí vị đọc từ đó đến giờ, có nghĩa hết chứ không phải không có, mà tại vì bên VN mình một là không biết tiếng Phạn, hai là bị nhồi nhét "ngũ bất phiên" (5 trường hợp không nên dịch trong đó có thần chú là không nên dịch) nên mù tịt không biết trong đó nói gì, chớ thật sự nội dung Chú Lăng Nghiêm đó là lễ bái Tam Bảo chư Phật mười phương: *Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, đảnh lễ các đấng Như Lai, mười đời, mười tám hướng, mười phương, đảnh lễ Tây phương Phật A Di đà, đông phương Dược Sư Lưu Ly quang, đảnh lễ các vị A-la-hán, A-na-hàm, Tu-đà-hoàn, con xin đảnh lễ luôn các vị thần Siva, thần Vishnu của Bà-la-môn giáo*, các vị cứ vào internet mà tìm thì sẽ thấy. Bài kệ dẫn nhập là: "Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong, Thước ca ra tâm vô động chuyển", nghĩa là *dầu cho hư không kia vẫn còn có thể bị thay đổi, ví dụ có thay đổi thì lòng con vẫn như kim cương kia vậy không thay đổi.*

Ngài Revata khi xuất gia trở thành *Đệ nhất Lan nhã* tỷ kheo, có lần Đức Thế Tôn đến thăm, vì có lòng thương mến anh em huynh đệ ngài dùng thần thông biến cho trú xứ của ngài rất tiện nghi để chư tăng sinh hoạt thoải mái trong mấy ngày. Sau khi chư tăng đi về, có những vị phàm tăng đi đồn rằng em ngài Xá Lợi Phất tu ẩn lâm mà sướng hơn cung vua. Trong kinh nói lúc đó may mắn là có mấy vị tỷ kheo còn phàm, đi quên đồ đạc, (thật ra là Đức Thế Tôn cố ý khiến cho những vị này bị quên), quay trở lại lấy thì hết hồn khi thấy toàn rừng rậm hoang vu mịt mù không lối đi, đồ bỏ quên thì máng trên nhánh cây. Họ thấy chỗ mấy ngày nay mình ở là hoang sơn dã lãnh ma thiêng nước độc, tiện nghi trước đây chẳng qua do chư thiên hoặc tôn giả Revata hóa hiện.

Mahācunda là vị sa di đầu tiên của PG, vị này về sau theo ngài Xá Lợi Phất. Đêm cuối cùng ngài Xá Lợi Phất tịch, bà mẹ ngài Xá Lợi Phất (cũng là mẹ của Mahācunda) đi thiêu xác con, ngài Mahācunda nhặt xá lợi bỏ vào tấm vải lược nước, đặt vào bình bát của ngài Xá Lợi Phất và bưng bình bát đó về. Trong bài Phật sử Diễn ca của Sư Trưởng có ghi:

Một bữa nọ trên đường Xá vệ

Có sadi lầm lũi tìm về

Anan trông thấy sinh nghi

Hỏi ra mới biết sư về báo tang

Bữa trước thấy ngài Xá Lợi Phất đảnh lễ từ biệt Đức Phật mà đi, ngài Ānanda đã khóc một trận rồi, mấy ngày sau thấy ngài Mahācunda về đeo hai bình bát là thấy thua luôn rồi, biết bình bát kia là của ai rồi. Ngài Mahācunda vào: *Bạch Thế Tôn đây chính là xá lợi của tôn giả Xá Lợi Phất*. Đức Phật cầm lên và đọc một loạt bài kệ rất dài, đại ý: *Này các tỷ kheo hãy nhìn ngắm những phần xá lợi, xương trắng có màu tuyệt đẹp như ngọc trai này, của một vị Đệ nhất trí tuệ, đệ tử của Như Lai, một vị sống trọn một đời ly dục, thiểu dục tri túc, một đời trí tuệ, vị tha, sống có lòng kham nhẫn độ lượng như mặt đất, như lửa, như gió, một đời không cưu mang cái gì ngã và ngã sở, một đời chỉ sống trong ánh sáng trí tuệ, một đời chỉ nghĩ đến chúng sanh...vị đó bây giờ không còn nữa.* Bài dài lắm, đọc xúc động lắm, nhờ vậy mới biết xá lợi của ngài Xá Lợi Phất rất là đẹp, màu như ngọc trai vậy.

Người em trai thứ ba của ngài Xá Lợi Phất là Upasena Vangantaputta. (Vangantaputta nghĩa là ‘con trai của ông Vanganta’). Một bữa đi bát về ngài ngồi vá y và bị rắn cắn, với chánh niệm tỉnh giác của vị A-la-hán lục thông tam minh tứ tuệ phân tích ngài biết hôm nay hết tuổi thọ và sẽ ra đi với nọc rắn này, nếu chết trong hang sẽ ám ảnh những người khác nên nói với ngài Xá Lợi Phất nhờ người khiêng ra khỏi hang. Ngài Xá Lợi Phất khen ngài Upasena sắp ra đi mà mặt mày các căn sáng đẹp, ngài Upasena trả lời từ lâu đã không xem thân này là của mình nên đến giờ phút này vẫn an lạc. Một cuộc đối thoại của hai anh em vào thời khắc sanh ly tử biệt như thế chỉ có thể có ở những bậc thánh!

Ngài Mahācunda cũng là một trong những vị có đặc ân đặt biệt. Có lúc ngài là thị giả của Đức Phật. Có lần Đức Phật bị bệnh, Ngài bảo ngài Mahācunda đọc cho

Ngài nghe bài kinh Thất Giác Chi. Thời Đức Phật, khả năng trí nhớ của chư tăng rất là đáng nể. Đức Phật giảng xong bài kinh nào, khi cần nhắc lại, Ngài nói điều này ta đã nói trong bài kinh đó rồi, đã nói bao nhiêu năm rồi v.v... Khi ngài Mahācunda đọc bài kinh Thất Giác Chi, Đức Phật nghe xong thì Ngài hết bịnh. Với lòng hoan hỉ Ngài thấm thía nội dung kinh, và những gì Ngài nói thì chư Phật quá khứ cũng đã nói y hệt vậy, không thể nói khác. Vì vậy Ngài biết Ngài đang nghe lại những điều Ngài đã nói. Giống như nhà thơ nghe người ta ngâm thơ của mình vậy, nhưng tuyệt đối không bằng một phần tỷ của trường hợp này. Ở đây Ngài nghe lại bài kinh Ngài đã giảng bằng cái hiểu của một vị Chánh Đẳng Giác. Với niềm hoan hỉ đó, pháp hỉ đó đã là một liệu pháp chữa lành bệnh của Ngài. Chỉ ngài Mahācunda được đặc ân đó chớ không phải ai cũng được.

Ngoài bốn anh em trai còn có ba người em gái nữa, cả ba đều là thánh ni A-la-hán. Ác Ma xuống phá ba vị này, nói tầm bậy tầm bạ và ba bà trả lời lại.

SELĀ (Selāsutta)

Bài kệ Selā rất là hay. Ác Ma lâu lâu cũng cho người ta biết chút ít về mình. "*Rồi Ác ma muốn làm Tỷ-kheo-ni Selā run sợ... nói lên bài kệ với Tỷ-kheo-ni Selā:*

Bởi vì bong bóng này,

Được tạo tác làm ra,

Ai là người sáng tạo,

Bong bóng như huyễn này?

Từ đâu bong bóng sanh?

Đi đâu bong bóng diệt?

Câu này đọc không giống như câu phá, mà giống như câu hỏi đạo, một câu thách thức. Tôi từng kể trong room một câu chuyện rồi đến khi đóng room ra ngoài tôi nghĩ không biết mình nói vậy người ta có hiểu không. Giống như hôm qua, tôi đang ở trong một gia đình này, có một chị trong nhà thấy tôi bệnh, chỉ chăm sóc thuốc men cho tôi. Tôi nghĩ bụng mình phải trả ơn chị. Tôi nói:

- *Tôi có giảng mấy lần thiền quán chị còn nhớ không?*

- *Dạ nhớ, dạ nhớ. Sư muốn nói cái chi?*

- Chị có biết chán danh sắc là sao không?

Tôi có giảng chị nghe về hành xả tuệ chị nhớ không?

- Dạ nhớ, dạ nhớ.

Tôi nói trong ba cái khổ (khổ khổ, hành khổ, hoại khổ) hành giả buổi đầu chỉ sợ cái khổ thôi, đối với cái lạc thì hành giả còn phân biệt, thấy cái khổ là cái khó chịu, cái lạc là cái dễ chịu, nên hành giả nói riêng và người tu Phật nói chung buổi đầu vì sợ khổ nên cũng sợ điều ác, vì ác đẻ ra khổ mà. Người tu buổi đầu mới trình độ sợ khổ thôi, tu một thời gian thấy cái lạc phù du thì họ chán luôn cái thiện. Vì chán lạc nên cũng chán điều thiện, đến trình độ này mới gọi là hành xả tuệ, nghĩa là nhìn pháp hữu vi thấy cái thiện cái ác hay cái khổ cái lạc đều giống nhau, đều là hữu vi hết. Hải thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác có câu này: Tôi nói trong ba cái khổ (khổ khổ, hành khổ, hoại khổ) hành giả buổi đầu chỉ sợ cái khổ thôi, đối với cái lạc thì hành giả còn phân biệt, thấy cái khổ là cái khó chịu, cái lạc là cái dễ chịu, nên hành giả nói riêng và người tu Phật nói chung buổi đầu vì sợ khổ nên cũng sợ điều ác, vì ác đẻ ra khổ mà. Người tu buổi đầu mới trình độ sợ khổ thôi, tu một thời gian thấy cái lạc phù du thì họ chán luôn cái thiện. Vì chán lạc nên cũng chán điều thiện, đến trình độ này mới gọi là hành xả tuệ, nghĩa là nhìn pháp hữu vi thấy cái thiện cái ác hay cái khổ cái lạc đều giống nhau, đều là hữu vi hết. Hải thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác có câu này: *Thiện diệc lãn vi hà huống ác. Phú phi sở nguyện khởi ưu bần.* (Thiện lành còn làm biếng làm, nói gì đến cái ác. Giàu mà ta không ham thì sợ chi cái nghèo). Thiện ác giàu nghèo đối với ông cái nào cũng nản. Tôi thấy năm nào VN cũng đi xin chữ thầy đồ đăng báo Tết, mấy câu này mới nên treo mà không chịu treo.

Thế rồi hôm qua tôi nói với chị, buổi đầu mình mới tu mình chỉ sợ khổ nên mình mới sợ cái ác nhưng chưa đạt đến trình độ chán danh sắc đâu, đến một lúc nào đó mình thấy cái lạc cũng khổ, cũng là vô thường vô ngã, và cái thiện mình làm cũng không bằng cái tâm như trước đây nữa. Trước đây mình làm thiện vì cầu công đức, cầu về cõi này cõi kia, bây giờ mình làm thiện vì thứ nhất đó là Ba-la-mật, và thứ hai là chính vì chán danh sắc nên không muốn giữ của nữa, đó là bố thí, khi mình chán danh sắc thì kham nhẫn, hành xả dễ làm hơn. Đó là phản ứng tự nhiên của tâm lý người tu, đó mới thật sự là hành xả tuệ. Tôi nói xong rồi hỏi chị có hiểu không mà chị vẫn mơ hồ: "Dạ cũng hiểu". Tôi về mà suy nghĩ hoài, người như vầy thì phải rồi, phước họ tới đó thôi. Cái tôi muốn nói ở đây là câu

Ác Ma hỏi bà Selā: *Cái thân này là bong bóng, phù du; ai đã tạo ra cái bong bóng phù du này?*

Bà trả lời: *Do các duyên các nhân*.

Tôi muốn kể ở đây là câu chuyện mà tôi vốn tâm đắc: Có người đến gặp vị thiền sư, thấy vị thiền sư thổi tắt cây nến người đó hỏi: *"Lửa tắt rồi đi về đâu*?

". Vị thiền sư trả lời một câu mà tôi rất là mê: *"Chỉ cần biết nó từ đâu đến thì biết nó đã về đâu".* Tôi quá sức chịu câu trả lời đó. Ở đây, khi Ác Ma hỏi tấm thân phù du này do ai tạo ra, thì bà Selā trả lời y hệt vị thiền sư: *Do nhân duyên tạo ra, duyên mà thành thì tụ, duyên hết thì tán, lúc tụ lúc tán. Đủ duyên thì có, mãn duyên thì mất theo*. Chữ 'pháp hành' tiếng Tàu dịch chưa đủ thỏa mãn ý nghĩa. Tiếng Pāḷi '*Sankhāra'*nghĩa là "*cái gì đó được tạo tác*", động từ là '*Sankharoti'*: 'tạo tác'. Đức Phật nói thân này giống như căn nhà được cái này cái kia ráp lại, toàn đồ ráp. Cung A Phòng thời nhà Tần cháy bảy ngày bảy đêm cũng là cái nhà ráp mà cái chòi lá chăn vịt của anh nông dân miền Tây Nam bộ, bị một tàn thuốc là đủ cháy ra tro cũng là đồ ráp. Vì vậy ở đây pháp hữu vi được gọi là 'Sankhàra' nghĩa là '*được tạo dựng'*. Khi nghe bà đáp vậy, Ác Ma biết gặp phải "thứ dữ" rồi nên biến mất.

VAJIRĀ (Vajirāsutta)

Các vị kiết tập sư đời xưa, đã gom những bài giống nhau vào một góc, bài trước là bài Selā và bài sau là bài Vajirā cũng giống nhau. Ác Ma xuống hỏi bà: *Ai tạo ra cái gọi là chúng sanh, ở đâu tới, sẽ đi về đâu*?

Bà Vajirā trả lời*: Làm gì có chúng sanh, cái chúng sanh mà ông nói cũng giống như cái gọi tên là chiếc xe vậy. Cái thùng được gọi là chiếc xe ngựa, xe bò là bởi vì do nhiều món phụ tùng linh kiện lắp ráp nên mà tạo thành. Cái mà ông gọi là chúng sanh chỉ do năm uẩn gom lại. Kể từ bây giờ ông phải bỏ suy nghĩ đó đi, không có cái gì gọi là chúng sanh mà tất cả là do sự lắp ráp của năm uẩn mà ra.*

Chúng ta đã học hết chương Tỳ Kheo Ni. Hai chương cuối rất đáng để học thuộc lòng bằng tiếng Pāḷi. Nếu tôi có học trò đệ tử người thân người thương mà có trí nhớ tốt, hỏi học gì thuộc lòng để tụng kinh mỗi ngày, tôi sẽ không cho họ đọc mấy kinh lễ bái Tam Bảo mười phương ba đời, oai lực chư thiên … mà nên học kinh tụng mấy bài này, nhất là bài Nhất Dạ Hiền Giả, tôi cho là đáng tụng mỗi ngày, chớ không nên đọc mấy bài "*xin cho được sống lâu, sắc đẹp, giàu có, sung*

mãn, …v.v...", tôi nghe ở VN đọc mấy bài đó hoài tôi thấy khó chịu lắm. Nguyên cái bài đó đọc toàn là chúc không à, được phát tài, được thạnh lợi tùm lum hết. Có người sẽ cho là tôi phạm thượng báng bổ các vị tiền nhân, tiền bối, nhưng không phải là xưa bày rồi nay làm, đó là hồi xưa các vị ấy cũng đáp ứng nhu cầu của đa số quần chúng. Theo tôi thấy bên Thái Lan, họ có hai cuốn kinh tụng khác nhau, một cuốn cho tỷ kheo và một cuốn cho sadi. Đặc biệt là cuốn cho tỷ kheo toàn những bài kinh này. Chỉ lấy cuốn kinh cho tỷ kheo này lận lưng vào núi là tu được rồi. Còn mình thì suốt ngày ê a cầu cái này cái kia. Tại sao như vậy?

Có cung mới có cầu, đây là do Phật tử chịu trách nhiệm nữa nhen, vì Phật tử muốn những thứ đó nên mấy sư mới đọc. Đúng ra phải được học mấy bài kinh này, và thư pháp trong nhà nên treo những câu như thế này, chẳng hạn như: tôi nghe ở VN đọc mấy bài đó hoài tôi thấy khó chịu lắm. Nguyên cái bài đó đọc toàn là chúc không à, được phát tài, được thạnh lợi tùm lum hết. Có người sẽ cho là tôi phạm thượng báng bổ các vị tiền nhân, tiền bối, nhưng không phải là xưa bày rồi nay làm, đó là hồi xưa các vị ấy cũng đáp ứng nhu cầu của đa số quần chúng. Theo tôi thấy bên Thái Lan, họ có hai cuốn kinh tụng khác nhau, một cuốn cho tỷ kheo và một cuốn cho sadi. Đặc biệt là cuốn cho tỷ kheo toàn những bài kinh này. Chỉ lấy cuốn kinh cho tỷ kheo này lận lưng vào núi là tu được rồi. Còn mình thì suốt ngày ê a cầu cái này cái kia. Tại sao như vậy?

Có cung mới có cầu, đây là do Phật tử chịu trách nhiệm nữa nhen, vì Phật tử muốn những thứ đó nên mấy sư mới đọc. Đúng ra phải được học mấy bài kinh này, và thư pháp trong nhà nên treo những câu như thế này, chẳng hạn như: **"Muốn biết ngọn lửa tắt rồi về đâu, hãy nhớ nó từ đâu đến"**, cũng giống như bên Tàu có câu: ", cũng giống như bên Tàu có câu: "**Muốn tháo nút dây phải hỏi người nào đã cột nên nó"**, hoặc ", hoặc "**Té ở đâu thì đứng lên từ chỗ đó**". Xong buổi sáng nay rồi, xin chúc quí vị một ngày đẹp và hẹn nhau vào ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 9-9-2014 CHƯƠNG 6. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN

THỈNH CẦU (Brahmāyācanasutta)

Sáng nay mình học chương Phạm Thiên, chương này có nhiều chuyện để nói nên chắc có lẽ là học không nhiều kinh như mấy bữa trước, chỉ học vài bài thôi. Bài đầu tiên là bài Thỉnh Cầu, theo ý của tôi là chữ 'Brahmāyācana' dịch là *'Phạm Thiên cầu pháp'* hoặc *'Phạm Thiên thỉnh pháp'*. ('*Yācana'*: 'yêu cầu'. '*Brahmā'*: 'Phạm thiên'). Trong đây ghi rõ, chư Phật ba đời ngay sau khi thành Phật, vị nào cũng có suy nghĩ giống nhau là không muốn đi hoằng pháp, với một lý do là trong một thời gian (nói theo mình bây giờ) vài giây đồng hồ, cái pháp mình chứng ngộ rất là khó thấy, khó đắc, giờ đem nói cho người khác nghe giống như là chuyện hoài công. Hôm nay có nhiều người trong chúng ta cứ tưởng là mình biết được chút ít Phật pháp rồi nói Phật pháp dễ, thật ra cứ tưởng tượng thiên hạ ai cũng thích hưởng thụ, ai cũng thích thu gom, ai cũng thích sở hữu, giờ mình nói ngược lại kêu người ta buông bỏ hết, đừng thích cái này cái kia, đừng bất mãn ghét sợ này nọ, kêu người ta từ bỏ sở hữu, sống theo kiểu tri túc tùy duyên không tầm cầu ước vọng, không mong đợi gì ở đời sống hết, chỉ nghe mấy chữ đó là thấy ớn rồi, đi hoằng pháp nói những chuyện đó là đi ngược dòng đời, nghe là đã thấy khó rồi. Thí dụ như đối với Phật tử ngày nay, Phật tử lâu năm thứ thiệt hay thứ dỏm dỏm cũng phải thấy một điểm giống nhau đó là nếu một tháng mình kiếm được 10 ngàn hay 20 ngàn đô la là thấy quá hay quá giỏi, rồi tự nhiên thấy mình quá bận rộn, đời sống có nhiều chuyện để làm, quá nhiều cái để đam mê, bỗng có ai đó kêu mình mỗi tháng thọ bát quan trai tám ngày, dành thời giờ để thiền định nghe pháp, suy tư, kinh điển, tôi nghĩ chuyện này rất là khó, khó ghê lắm, không phải dễ đâu, dù đây không phải là chuyện ghê gớm, chỉ là mỗi tháng tám ngày bát quan, dành thời giờ thiền định, đọc sách kinh điển. Mỗi tháng mà mình có thể thu nhập 10 ngàn 20 ngàn đô la nghĩa là xong rồi đó, khỏi tu hành gì hết, chuyện già chuyện bịnh chuyện chết là chuyện xa vời, nói chi là những vị Trời, họ sống hàng mấy chục triệu năm, mấy trăm triệu năm, mấy tỷ năm, sống cả một hai đại kiếp trái đất, làm sao họ tu nổi. Khó lắm. Trên đời này có bốn hạng người: Hạng biết quá nhiều nên thấy chuyện gì cũng dễ. Hạng biết quá nhiều nên thấy chuyện gì cũng khó. Hạng không biết gì hết nên nhìn đâu cũng thấy dễ dàng, hạng không biết gì hết nhìn đâu cũng khó khăn. Bốn hạng này đều trật lất hết. Dù biết nhiều hay biết ít chỉ cần cho rằng cái gì cũng dễ là sai. Dù biết nhiều hay biết ít mà cái gì cũng nói là khó, là sai, phải nhìn nhận là có chuyện khó có chuyện dễ, miễn là đủ duyên. Trong suy nghĩ thoáng qua, Đức Phật nghĩ chuyện pháp của Ngài đắc chứng rất là khó. Không khó sao được, tu mấy chục a-tăng-kỳ mà sao

không khó. Lúc đó một vị Phạm thiên thỉnh ngài hoằng pháp. Thỉnh Ngài phải là Phạm Thiên. Theo Chú giải, Phạm Thiên là chúng sinh cao cấp nhất trong Tam giới, chúng sanh Vô Sắc thì không nói, không có hình tướng, chúng sanh Vô Tưởng thì không có tâm, cuối cùng còn lại Phạm Thiên hữu tâm. Những Phạm Thiên hữu tâm là những chúng sanh cao cấp nhất trong Tam giới, họ thỉnh Ngài mới đúng tầm của Ngài, và những loài khác biết được thì mới thấy pháp là đáng quí đáng kính, người được thỉnh phải là vị Phật. Các vị hãy thử tưởng tượng hôm nay một vị sư có người đệ tử là Tổng thư ký LHQ hay là Tổng thống Mỹ hay tối thiểu cũng là một ông tỷ phú nào đó cỡ như là Bill Gate hay Warren Buffett mới linh, chứ còn một ông thầy không chùa miểu, không bằng cấp, mà đệ tử không tiếng tăm thì ông ấy khó ăn nói lắm. Hôm nay đệ tử của HT Nhất Hạnh là kỹ sư, bác sĩ, luật sư… một rừng, cho nên khi đạt đến mức độ như bây giờ HT đi hoằng pháp rất dễ. Nhưng có một điều ngậm ngùi là ở ngoài đời hay trong đạo, khi người ta lên tới đỉnh rồi thì đã đến lúc người ta phải buông hết mà đi như HT Hộ Giác, HT Khánh Anh, HT Minh Tâm, HT Nhất Hạnh, trong nước thì có HT Thanh Tứ, HT Thanh Từ. Khi đã đến mức danh lợi như ý thì cũng đã đến lúc giũ áo mà đi. Trong một bài viết của tôi có nói rằng mùi thơm của trái cây chín là mùi tử khí của nó. Con người cũng vậy, danh lợi quyền lực tiền bạc của mình càng nhiều thì những thứ đó chính là mùi tử khí của mình. Trái mít, sầu riêng, xoài, ổi mà thơm nghĩa là nó gần đi về đất rồi. Thức ăn cũng vậy, khi đang nấu mà nghe mùi thơm muốn ăn là sắp chín và cũng là sắp chia tay trần thế này rồi. Danh lợi của một người chính là mùi tử khí của họ, mùi càng nhiều thì đi càng lẹ.

Phạm Thiên thỉnh Phật lý do là vậy, tất cả chư Phật trong ba đời quá khứ vị lai đều như vậy hết, thuyết pháp là đều phải có người mời thỉnh đàng hoàng chớ không tự đi. Vị Phạm Thiên này tên là Sahampati. Đời Phật Ca Diếp, Sahampati vốn là một vị tỷ kheo tên là Sahaka chuyên tu thiền định, chứng được A-na-hàm và chứng được sơ thiền, bạn thân của tỷ kheo Jotipāla (Bồ tát Thích Ca). Tất cả chư Phật sau khi thành đạo đều bỏ ra bảy tuần lễ để thiền định và suy tư về giáo pháp mà mình đã chứng đắc và sau này mình sẽ thuyết giảng. Suốt bảy tuần đó các Ngài không ăn uống gì hết, Đức Phật Thích Ca cũng vậy, đây chính là điểm đặc biệt của các Ngài. Với một cơ thể thông thường của mình bảy tuần lễ mà không ăn thì chịu không nổi, trong khi chư Phật thì không sao. Đức Thế Tôn của chúng ta sau bảy tuần lễ không ăn thì được trời Đế Thích xuống cúng dường cho Ngài một loại trái tên là Osadhaharītaka. Sẵn đây tôi cũng nói luôn, trừ những loại trái quá là phổ biến ai cũng biết thí dụ như amba (xoài), kadali (chuối), kolira (dừa) thì nên dịch, còn những loại thú, trái, chim, hoa quá đặc dị chỉ có thời xưa,

nói ra cũng không ai biết, mà mỗi quyển tự điển dịch một cách, tôi nghĩ trường hợp đó không nên dịch. Khi mình ráng tìm chữ để dịch thì có cái lợi để người ta hình dung, chứ để tên một trái lạ hoắc thì người ta mơ hồ, nhưng trong trường hợp đó thà mơ hồ tốt hơn, mình dịch không đúng trái đó thì dễ làm người ta hiểu sai vấn đề. Ví dụ như có vị ráng dịch chữ này ra là trái "duốc núi", nhưng mà theo tôi Đức trời Đế Thích là một nhân vật có thần thông sao lại cúng Đức Phật trái này mà không cúng trái khác. Đức Phật là người Ấn Độ, không lẽ đức trời Đế Thích không biết thức ăn thích hợp với Đức Phật. Tôi nghĩ đây là trái ngon, trái quý mà cũng là trái thuốc. Theo trong kinh mô tả đây là một loại thuốc, ăn vào bổ dưỡng và giúp chữa trị bệnh hoạn, trái này chắc là mình không có, phải hiểu ngầm như vậy. Cố gắng dịch thì sẽ làm cho người ta hiểu sai, theo tôi biết "duốc núi" là một loại thuốc nam, nhưng tôi nghĩ trong bối cảnh này Đức trời Đế Thích cúng dường một loại trái thuốc, trái quí hiếm nào đó để Đức Phật phục hồi sức khỏe sau 7 tuần không ăn. Theo Chú giải, sau bảy tuần, đến tuần lễ thứ 8 Phạm Thiên thỉnh Phật. Đế Thích dâng trái này cho Phật sau đó thì Phạm Thiên mới xuống thỉnh Ngài độ sinh.

Trong chánh văn chỉ tả Phạm Thiên xuống lễ Phật thỉnh Phật thuyết pháp nhưng thật ra Sahampati xuống thỉnh Phật cùng với 10 ngàn Phạm Thiên khác không phải đi một mình.

Nếu đọc phớt qua bài kinh, chuyện chỉ là vậy thôi, nhưng bài kinh này cho mình một nội dung. Nếu có người hỏi tôi rút ngắn điều không được nói rõ trong bài kinh này thì tùy lúc mà tôi sẽ nói những nội dung khác nhau. Chẳng hạn như sáng nay, khi mở bài kinh này ra nói chuyện với bà con tôi nhắm tới nội dung này: *1.Mình phải sống như thế nào, phải trang bị chuẩn bị như thế nào để lòng mình luôn biết trân quý điều thiện. 2.Phải sống như thế nào để luôn luôn có khả năng sẵn sàng nghĩ đến người khác.*

Mặc dù trong kinh chỉ nói chuyện Phạm Thiên thỉnh pháp, nhưng mình thấy trong hằng hà sa số vũ trụ biết bao nhiêu người mà tại sao không ai nghĩ đến chuyện lưu tâm tới Phật, suy nghĩ tới Phật, thỉnh Phật thuyết pháp để độ sinh. Có người được chỉ điều thứ nhất thôi, biết trân quý điều thiện nhưng không biết nghĩ đến người khác. Mặc dù trong kinh chỉ nói chuyện Phạm Thiên thỉnh pháp, nhưng mình thấy trong hằng hà sa số vũ trụ biết bao nhiêu người mà tại sao không ai nghĩ đến chuyện lưu tâm tới Phật, suy nghĩ tới Phật, thỉnh Phật thuyết pháp để độ sinh. Có người được chỉ điều thứ nhất thôi, biết trân quý điều thiện nhưng không biết nghĩ đến người khác. *Đời sống đẹp nhất chính là đời sống chia*

sẻ. Giá trị của một người không phải ở chỗ người đó có được gì mà bao gồm cả khả năng người đó có thể chia sẻ được gì cho người khác. Chỉ vì chuyện chia sẻ này mà một người tu tạo Ba-la-mật nhiều a-tăng-kỳ để trở thành một vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật Độc Giác không có khả năng chia sẻ như một vị Chánh Đẳng Giác. Thử tưởng tượng, tôi mới trúng số độc đắc 300 triệu đô la, tôi mua du thuyền, villa, máy bay riêng, mua tất cả những đồ đắt tiền quí hiếm tôi xài cho một mình tôi, tôi hưởng 40 năm nữa rồi tôi lăn đùng ra chết, hỏi thiệt quí vị, đời sống như vậy có giúp được gì cho người khác hay không, có để lại dấu ấn gì cho thiên hạ hay không?

Tôi nghĩ là không. Trong khi đó mỗi tháng tôi chỉ bỏ ra 100 đồng theo khả năng tài chính của tôi, hỗ trợ những vị tu học hoặc những thiền viện nào đó ở Miến Điện hay Tích Lan, tôi làm như vậy suốt 40 năm, ít ra cái đóng góp của tôi cho đời rõ ràng, và cái chết của tôi sẽ là một sự mất mát không nhỏ cho những cá nhân hay những đoàn thể, những tổ chức, thiền viện nào đó. Giá trị của một người nằm ở chỗ biết chia sẻ, có khả năng trao ra cái gì. Ở đây mình thấy, Phạm Thiên Sahampati biết trân quí điều thiện, biết chánh pháp là khó tìm khó gặp, ông biết nghĩ đến người khác. Chuyện Phạm Thiên làm, mở ra cho mình một khơi gợi đặc biệt quan trọng là phải sống như vậy. Nhìn quanh thấy thiên hạ không mấy kẻ có được hai cái này: trân quí điều thiện và biết nghĩ đến người khác. Đừng nghĩ mình là Phật tử thì mình trân quí điều thiện, chưa chắc! Do bà ngoại đi chùa, nên má đi chùa, má đi chùa nên con đi chùa nên thành Phật tử, hoặc do bản thân mình có hôn quan tang tế có chuyện gì đó nhờ cậy chùa miểu tăng ni rồi mình dần dần trở thành Phật tử hồi nào không hay, hoặc bạn rủ đi chùa thập tự, cúng vu lan cô hồn tháng 7 tháng 10 gì đó rồi từ từ mình quen chùa, thấy vô chùa vui rồi thành Phật tử luôn, rồi lâu lâu ai rủ đi chùa dâng y, Phật đản mình cũng đi rồi tưởng mình Phật tử chớ lòng mình không tha thiết. Tôi còn biết tuyệt đại đa số Phật tử VN (hơn 90%) cho mình cái quyền dốt Phật pháp và cho rằng chuyện nghiên cứu kinh điển là chuyện của tăng ni, mình cứ việc đi làm lụng nuôi chồng con cha mẹ, cất nhà lầu, mua xe hơi sung sướng, lâu lâu quăng ra một mớ làm phước là đủ rồi, cũng nghe pháp, in kinh, đúc tượng, đúc chuông là đủ rồi. Như vậy là không phải. Trong biển đời sanh tử, trong hành trình trầm luân, tăng ni và cư sĩ giống hệt nhau, không khác nhau gì hết. Ai cũng phải có trách nhiệm y hệt nhau, giới luật thiền định như nhau, pháp học pháp hành như nhau. Thường là người ta nghĩ cư sĩ dốt Phật pháp không ai nói gì, tăng ni dốt Phật pháp thì hơi kỳ, nhưng đó là về mặt xã hội chớ còn về mặt tâm linh tôn giáo thì trách nhiệm tu học của tăng ni và cư sĩ không khác gì nhau.

Nội dung bài kinh Phạm Thiên cho mình cái ý: sống là phải trân quý điều thiện, trau dồi điều thiện chứ không phải đó là trách nhiệm của riêng người nào hết.

CUNG KÍNH (Gāravasutta)

Đọc bản dịch Việt của ngài Minh Châu trong chỗ này sẽ thấy giống như Đức Thế Tôn không có khả năng sống một mình: *"2) Trong khi Thế Tôn thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật là khó khăn khi mà sống không có chỗ nào để mình cung kính, để mình nghe lời"*. Đây là một bằng chứng hùng hồn để cho bà con thấy rằng nghiên cứu kinh điển mà chỉ biết lệ thuộc vào bản dịch của người khác nguy hiểm như thế nào. Ngày xưa khi tôi đọc chỗ này tôi cũng thấy khó chịu, một vị Chánh Đẳng Giác mà lại suy nghĩ như vầy: *"thật là khó khăn"*. Nói theo kiểu mình bây giờ là phải nói như vầy: *"Chuyện sống ở đời mà không có chỗ nào cho mình tôn trọng cũng không phải là đơn giản"*. Ở đây là Ngài nói cho thiên hạ chớ không phải nói cho Ngài. Khó khăn ở đây không phải là khó khăn cho Ngài mà là Ngài nói chung cho thiên hạ. Ví dụ bây giờ quí vị tưởng tượng một ông tỷ phú đang ngồi phơi nắng ngoài sân thèm một ly nước cam, hoặc hộp thuốc lá mà cô hầu thì ở trong bếp, villa thì rộng quá, ổng kêu thì cổ không nghe, ổng nghĩ như thế này:*"Nhà mênh mông thế này mà có một người ở bất tiện quá"* hoặc *"khổ quá, nhà mênh mông mà có một cô giúp việc thì khổ quá, chắc phải kiếm thêm ba người nữa mới đủ"*. "Khổ quá" ở đây không phải là cái gì khổ sở, khó chịu, đau đớn. Người ta đắc sơ quả là đã không thèm nghĩ như vậy, vị Tu-đà-hoàn thì đã không có cái suy nghĩ kiểu*"sống mà không có chỗ nào để mình nghe lời, để mình tôn kính, khổ quá"*.Tu-đà-hoàn đã không thèm rồi, bởi vì chữ 'nhập lưu' (*Sotapanna)* có nghĩa là đã đi vào dòng chảy, nói hơi kỳ chứ vị Tu-đà-hoàn khỏi có tu hành gì cũng đắc A-la-hán nữa, bởi vì người không còn thân kiến nữa thì đi đâu. Người không còn thân kiến thì đâu còn chỗ nào chứa trong Tam giới này, trễ lắm là 7 kiếp nữa tự động dứt điểm. Sơ quả còn như vậy, nói gì là một vị A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vậy suy nghĩ của Đức Thế Tôn ở đây là vậy đó, suy nghĩ này là suy nghĩ dẫn đầu cho suy nghĩ thứ hai: "*Không ai trong Tam giới vô lượng vũ trụ này bằng ta về giới về định về tuệ nói chi là hơn ta để ta thờ là thầy xem là bạn. Ta chỉ có thể làm thầy người khác, còn người làm bạn với ta đã không có*". Đây là sự thật chớ không phải là kiêu mạn kiêu ngạo, còn mình, đừng có mà bữa nào ngồi một mình cũng suy nghĩ như vầy: *Phật pháp cỡ như mình là không cần kiếm thầy*. Nghĩ như vậy là tào lao, ngã mạn. Suy nghĩ này chỉ có ở vị A-la-hán. Bài kinh này cho mình ý nghĩa: . Nghĩ như vậy là tào lao, ngã mạn. Suy nghĩ này chỉ có ở vị A-la-hán. Bài kinh này cho mình ý nghĩa: **tôn kính pháp**.

Tôn kính pháp

Tôn kính pháp có hai nghĩa:

- Đối với vị A-la-hán không còn chuyện gì để làm nữa thì tôn kính pháp ở đây là nghĩa là các ngài thấy rằng pháp chính là thế giới sống duy nhất của người thiện người lành, sống trong *tín tấn niệm định tuệ*, sống trong *Bát chánh đạo*, sống trong *bốn niệm xứ*, đó là thế giới sống duy nhất của một người lành. Vị A-la-hán không có thế giới tâm linh nào ngoài chánh pháp. Sống như vậy được gọi là sống tôn kính pháp.

- Đối với phàm phu, "tôn kính pháp" còn có nghĩa thứ hai đó là 'hành trì'. Đức Phật đã nhiều lần nói:

1. Đệ tử của ta phải là kẻ thừa tự pháp chớ không phải là kẻ thừa tự tài vật. Ta dạy gì, ta hành trì cái gì, ta để lại cái gì thì đó là chính là tài sản cho các ngươi chớ không phải là những thứ vật chất danh lợi quyền lực khác.

2. Cách cúng dường Như Lai cao quí nhất, ý nghĩa nhất, long trọng nhất đó chính là hành trì theo lời dạy của Như Lai

3. Khi sắp viên tịch, Ngài dạy: Đừng nghĩ các ngươi không còn thầy khi ta ra đi, những gì ta đã dạy các ngươi chính là thầy của các ngươi sau khi ta không còn nữa.

Dựa vào ba điều trên chúng ta thấy rằng Ngài kêu gọi đệ tử của Ngài lòng Dựa vào ba điều trên chúng ta thấy rằng Ngài kêu gọi đệ tử của Ngài lòng *tôn kính pháp* thông qua sự thông qua sự *thấu hiểu và hành trì chánh pháp*. Phải hiểu như vậy chớ không phải tôn kính pháp là bỏ tiền ra thỉnh năm bảy bộ kinh về, bọc bìa da, chữ mạ vàng, mua cái tủ thiệt tốt bỏ hết vào đó khóa tủ lại, trên tủ để bức tượng Phật, mỗi ngày đốt ba cây hương quỳ lạy sói trán rồi nghĩ là tôn kính pháp. Tôi biết Phật tử VN mình khoái mấy vụ đó lắm. Đi chùa mà nghe nói in kinh là khoái lắm, bỏ tiền ra ấn tống, xong rồi đem về cất tủ. Đọc thì sợ mồ hôi tay bất tịnh, chạm vô trang kinh bất xứng bất kính, nên quí Phật quí pháp quá không dám dùng bàn tay bất tịnh của mình chạm vô kinh, sợ phạm thượng nên bỏ tủ đóng cửa lại rồi quì lạy hoài chừng nào chết thì thôi. Tôn kính là phải tìm hiểu thấu đáo ý nghĩa rồi hành trì. Có lần chư tăng đang giảng đạo trong hội trường của chùa, Đức Phật đứng bên ngoài, Ngài đợi xong thời pháp mới gõ cửa bước vào, Ngài nói: *Ta đã nghe trọn vẹn thời pháp của ngươi và ta chờ xong rồi mới bước vào*.

Nhiều vị nghe Đức Phật nói như vậy nói: *Bạch Thế Tôn chúng con sám hối chúng con không biết Thế Tôn đứng ngoài cửa, nếu biết chúng con không nói nhiều như vậy.*Chúng ta thấy, vị Chánh Đẳng Chánh Giác, Pháp vương, Đạo sư ba cõi Trời Người đối với với chánh pháp còn như vậy, còn chúng ta ngày nay rẻ rúng lắm, có khi chúng ta còn coi trọng người hơn trọng pháp, coi nặng ông pháp sư, ông hòa thượng, ông trụ trì hơn Phật pháp, ngày nay mình sống ngược là chỗ đó. Ngài Xá Lợi Phất là Đệ nhất trí tuệ, vậy mà đệ tử của ngài là sa di 7 tuổi thuyết pháp mà ngài ngồi nghe rất là tôn kính. Trong luật tỳ kheo qui định rõ ràng người thuyết pháp không thể nào đứng trong khi người nghe ngồi. Người nghe đang ngồi mà mình không có chỗ ngồi cao hơn họ thì cũng không nên thuyết pháp. Họ đang đi với mình, họ đi đàng trước, mình đi đàng sau, mình không nên thuyết pháp. Đó là lòng tôn kính pháp. Mình kính cái gì mình được cái đó. Ông Liễu Tôn Nguyên, một trong bát đại danh gia đời Đường Tống có một câu đáng lưu ý: *Người thích cái gì thì chúng sẽ tự qui tụ.*Tôi biết nhiều người trong room này không đồng ý câu này nhưng tôi rất thích và đồng ý câu này. Có những người thích chơi đồng hồ cũ hoặc thích xe đạp cũ, khi họ có lòng thích tha thiết như vậy thì trong túi luôn có những khoản tiền nhỏ nhỏ để dành, để thấy ở đâu có họ quơ về. Chính vì họ thích nên họ để ý ở đâu có, chỗ nào bán, chỗ nào không chịu bán, họ đến tìm cách rước về. Phật pháp cũng y chang như vậy, mình có lòng cầu pháp thì nay mình biết cái này mai mình biết cái kia. Người tha thiết học đạo thì khi họ mở một trang sách đời là họ thấy trong đó có nhiều câu dẫn đến Phật pháp hoặc nội dung y như Phật ngôn, hoặc mở trang kinh ra thì sẽ thích chỗ này thích chỗ kia. Người như vậy xem kinh sách, được tiếp xúc với tăng ni giỏi thì không bổ bề ngang cũng bổ bề dọc. Người thờ ơ như gỗ đá dầu cho ngồi giữa đám đông A-la-hán cũng không được gì, như cái sân xi măng, như tấm ni lông mưa xuống trớt quớt. Mình phải chuẩn bị con người mình như thế nào để những thứ đó tự nó tìm về. Ở gần người nói pháp thì tự nhiên mình cũng có cái gì đó bỏ túi. Tự tìm về ở đây là cơ hội nào hoàn cảnh nào điều kiện nào cũng có dịp để mình tiếp cận với những thứ đó. Hãy nguyện đời nào kiếp nào sinh ra gặp người hiền gặp người trí là mình biết lắng nghe, tất cả những điều đó được gọi là tôn kính Pháp.

PHẠM THIÊN (Brahmadevasutta)

Có một vị tỷ kheo tên là Brahmadeva. Vị này đi xuất gia rồi đắc A-la-hán. Nhưng người mẹ của vị này thì không thèm biết con mình theo ai, tu hành gì, bà suốt ngày cứ quì lạy Phạm Thiên. Phạm Thiên bên Ấn Độ thời đó – và cả bây giờ - được coi là đấng chí tôn vô thượng, đối tượng cao siêu nhất, thờ lạy sẽ được phước báu và mai mốt sẽ được về bên cạnh. Giống như ở VN, mấy người không

có tôn giáo, không đạo gì hết, chỉ có thờ trời thờ ông bà, trước nhà có cái bàn Thiên (bàn thờ giống như chùa một cột giữa sân); họ kiếm cái chai rồi cắm bông Trang cúng, bông này dễ kiếm, tên lại "Trang nghiêm", sáng trưa chiều ra thắp hương. Vị Phạm Thiên Sahampati trong bài kinh này thấy người mẹ tào lao quá, con thì đắc A-la-hán, mà mẹ thì đi thờ Phạm thiên nên ngài xuống nhắc bà: *Bà có của quí trong nhà, một vị đại hiền thánh nhân trong nhà mà không biết, đi lạy tào lao thiên tướng gì đâu.* Bài kinh này cho mình nội dung: hãy biết trân quý những gì đáng trân quý, chúng ta không có nhiều tâm tư tình cảm thời gian để đi thờ lạy những thứ tào lao thiên tướng. Vì truyền thống, thói quen, tập tục, cảm xúc cá nhân người ta tìm đến những thứ không ra gì hết, đây chính là tâm tình của phần đông thiên hạ. Bữa nào gác chân lên trán suy nghĩ đi, chính bản thân mình cũng khó thoát những điều này. Mình thần tượng thờ phượng tôn kính theo đuổi thứ gì đó, coi chừng chỉ là cảm xúc cá nhân mà thôi. Hiếm khi mình ngồi nghĩ lại vì sao mình đam mê thờ phượng những thứ đó. Không bao nhiêu người chịu khó ngồi nhìn lại vì sao mình ghét, vì sao mình thích cái đó. Đây là một thái độ sống rất bình tĩnh, sáng suốt: hãy nhìn lại xem sư phụ mình đang theo, pháp môn mình đang theo, trò chơi sở thích mình đang theo đuổi có thật sự cần thiết, nên hay không nên. Hãy nhìn lại bản thân mình, giá trị của một người không phải là anh ta đang đi trên con đường nào mà giá trị là anh ta biết rõ anh ta đang ở đâu, anh ta nhận thức gì về con đường dưới chân mình ngay lúc này. Còn con đường dưới chân của anh ta không đủ để nói gì. Vào một buổi chiều sau 1975, mọi người đang đứng trên cầu Bình Triệu hóng mát, một cô gái nhảy xuống cầu tự tử, có ông cán bộ tóc trắng đang đứng hóng mát, nhảy theo cứu cô. Khi ông lóp ngóp lên bờ, mọi người nhào đến phỏng vấn: *Động cơ nào khi một người già tuổi cao sức yếu như ông mà nhảy xuống cứu trong khi thanh niên người ta còn không dám.* Ông vuốt nước trên mặt rồi trả lời: *Tổ cha thằng nào xô tao xuống*. Thật ra là ông không có ý nhảy xuống cứu mà ông bị người ta đẩy lọt xuống. Mình cũng vậy, nhiều khi mình đi chùa học pháp mình cứ tưởng mình hay, thật ra mình bị ai đó đẩy mà mình không biết. Thí dụ má nhờ mình chở đi, hoặc bạn rủ mình đi, lâu ngày quen dần mình tưởng mình là Phật tử. Thực ra con đường dưới chân mình đang đi – con đường đạo ấy, nhiều khi không phải do chính mình nhận thức bản thân rồi chọn mà đi, mà do người khác họ xúi họ đẩy. Hãy lưu ý cái cảm xúc cái tâm tình của mình, nhiều khi nó che mờ lý trí của mình, mình chọn cái gì đó không phải do nhận thức, do lý trí mà do thích hoặc do tránh né cái gì đó, do mình ghét cái A mình chọn cái B. Nội dung quan trọng của bài kinh này: sống trong đời sống phải có nhận thức, phải biết tại sao mình thích cái gì, mình ghét cái gì. Mình phải hoàn toàn chịu trách nhiệm con đường mình đang đi.

BAKA (Bakabrahmasutta)

Trong đây không nói rõ lý do của tên Baka nhưng trong tiếng Pāḷi, chữ 'baka' nghĩa là 'con cò'; giống như chữ 'cinca' là 'cây me', nàng Cinca sinh ra dưới gốc me nên được đặt tên là Cinca. Cinca là một phụ nữ không cha không mẹ, trong kinh nói là 'thấp sanh', tự xuất hiện ở dưới gốc cây me, người ta lượm nàng dưới gốc me. Ở dưới Miên tương truyền ngày xưa có ngôi chùa phía trước có cây me, người ta gọi trụ trì là Hòa thượng cây me. HT giận quá kêu người ta đốn cây me đi, người ta đốn xong còn gốc, người ta kêu là HT gốc me, HT giận quá cho người bứng luôn gốc, còn lại hố, người ta gọi là HT hố me. HT hối hận thà kêu cây me còn dễ nghe hơn hố me.

Ông Baka này nhiều đời liên tục sanh lên sanh xuống các cõi Phạm thiên, giờ ông không còn nhớ được những kiếp mà ông làm người hay sa đọa ở cõi nào, chỉ nhớ những kiếp sanh làm Phạm thiên thôi. Từ đó ông có suy nghĩ: *Chỗ này là chỗ thường trụ, mình chết đi sống lại cũng trở về chỗ Phạm thiên thôi*.

Trong kinh Phạm Võng nói rõ tà kiến có nhiều trường hợp:

1- Do người ta cộng ghép lý lẽ này nọ để suy diễn. '*Takka'*: 'suy diễn'. Giống như mấy triết gia bây giờ: Karl Marx, Friedrich Engels, Vladimir Lenin, Arthur Schopenhauer, Immanuel Kant, Friedrich Nietzsche tất cả những triết gia đó là ngồi tưởng tượng suy diễn, nhất là những ông có chút ít kiến thức khoa học, có đọc sách tôn giáo, đọc tiểu thuyết, rồi cộng thêm những suy nghĩ cá nhân và kinh nghiệm sống, với những cái nghe được từ bạn bè xã hội v.v..., cũng lập nên trường phái triết học tư tưởng. Nguy hiểm nhất là những vị đắc thiền, đắc thần thông, rõ ràng họ thấy như vậy, họ thấy mình là người ly dục sống thanh khiết, chính mình có thần thông, không phải nghe ai nói. Những vị đắc thần thông nhớ lại họ thấy rõ trước kiếp này mình không có tâm, vì họ từ cõi Phạm thiên Vô tưởng sanh xuống. Phạm thiên Vô tưởng sống 500 đại kiếp mà sức nhớ của một người phàm đắc thần thông tối đa là chỉ 40 đại kiếp. Phàm cao cấp như Bồ tát thì được 80 đại kiếp trái đất. Người không phải là Bồ tát thì khi đắc thiền nhớ tối đa 40 đại kiếp, nếu nhớ lại kiếp mình sanh vào cõi Vô tưởng thì không thể nhớ được 500 kiếp, từ đó mới sanh ra tà kiến, nghĩ là trước đây tôi không có, hoặc tôi có nhưng không có tâm. Nguy hiểm ở chỗ là người càng trí thức chừng nào một khi họ hiểu sai thì chỉ có trời cứu. Người ít học có tà kiến, có hiểu sai về chính trị văn hóa còn có người chỉnh sửa; còn mấy người có học mấy năm đại học, có lợi là bằng đại học là chìa khóa để mở cửa nhiều căn phòng trong cuộc đời này cho

mình, nhưng thỉnh thoảng chính học hàm học vị đó cũng là cánh cửa ngăn chặn mình đi vào với đời. Dù mình có tám cái bằng tiến sĩ đi nữa thì mình cũng chỉ là người giỏi về tám lĩnh vực đó thôi, chỉ là giỏi thôi, chớ không có lĩnh vực nào mình đi đến nơi đến chốn. Không có người nào đủ thẩm quyền, tư cách nói rằng "tôi hiểu hết mọi sự". Ví dụ mình là một nhà sinh vật học, có tám cái bằng tiến sĩ liên hệ với ngành sinh vật học, mình có dám chắc mình am tường tất cả hoa lá cây cỏ chung quanh mình không. Giả định mình là tâm của hình tròn, trong bán kính 100 mét mình có thể biết hết tất cả cây cỏ trong đó không, biết được bao nhiêu về chúng, chẳng hạn như cây ổi, chúng thuộc họ gì, tên La Tinh là gì, thành phần hóa chất, dược tính đông y của chúng là gì, đào sâu mãi rồi cũng phải có điểm dừng. Cho đến hôm nay các nhà khoa học vẫn đồng ý với nhau một điểm đó là rất có thể những bài thuốc chữa trị ung thư và sida đang nằm loanh quanh trong mấy loại cây rất quen thuộc, trong vườn nhà mình. Vấn đề là nó là chất gì, ở trong cây gì. Có trường hợp nữa đó là hai thứ tầm thường cộng lại ra thứ phi thường. Chẳng hạn giả dụ như có một ngày nào đó người ta cho mình biết thành phần chiết suất từ lá mơ cộng với thành phần chiết suất từ lá ổi sẽ thành bài thuốc trị ung thư, si da tuyệt vời. Nghĩa là có tám cái bằng tiến sĩ về sinh vật học chưa chắc đã biết tới nơi tới chốn. Cứ y cứ vào bằng cấp học vị của mình rồi cho mình là chí tôn thiên hạ, là cái rốn của vũ trụ là trật lất. Tà kiến của ông Baka ở đây là ông thấy ông là chí tôn vô thượng, cái ông đang có là số một. Bài kinh này không chỉ đơn giản nói về sự kiêu ngạo của một cá nhân mà nói về tâm bịnh của tất cả phàm phu chúng ta: luôn luôn thỏa mãn với cái mình đang có.

Có một số khái niệm sống mà mình hiểu lầm: *hào sảng* (rộng rãi) không phải là hoang phí, *tiết kiệm* không phải là hà tiện. Có nhiều người tôi quen, theo tôi nhận xét họ hiểu lầm chỗ này. Trong đời sống, họ mơ hồ giữa hào sảng và hoang phí, tiết kiệm và hà tiện. Tri túc và kiêu mạn, hai chữ này nghe như không có họ hàng gì. Tri túc là biết đủ, trong đời sống vật chất, cái gì ở mức cần và đủ là thôi chớ không đòi hỏi thêm. Nhưng ở một số lĩnh vực khác như là tu tập, không được nghĩ tu bao nhiêu đó đủ rồi, học nhiêu đó đủ rồi, biết nhiêu đó đủ rồi, cái đó không phải tri túc. Đối với đời sống tâm linh tinh thần thì càng sống thiện càng tốt bởi nội tâm phàm phu chúng ta có một tỷ vấn đề phải giải quyết bằng thiện pháp. Chúng ta có được bao nhiêu thiện pháp?

Giữ giới được bao nhiêu?

Thiền định được bao nhiêu?

Học pháp được bao nhiêu?

Suy tư được bao nhiêu?

Kham nhẫn từ tâm hành xả ly dục được bao nhiêu?

Chỉ có A-la-hán mới hết chứ còn phàm là còn một tỷ vấn đề cần giải quyết bằng thiện pháp. Vì vậy thiện pháp có bao nhiêu cũng không đủ. Điều kiện để trở thành Chánh Đẳng Chánh Giác, nói rộng là 30 Ba-la-mật nói hẹp là chỉ có hai: 1.Tinh tấn bất thối. 2. Không bao giờ biết đủ trong thiện pháp. (*kusaladhammesu asantutthitā*). Tinh tấn bất thối là không khó khăn trở ngại nào làm cho Ngài chùn chân nản chí, hoàn cảnh nào cũng đi tới. Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng Ngài chỉ có một con đường đi tới. Còn mình thì sao, muỗi mòng nắng gió nóng lạnh đói khát hoặc bực mình hờn giận ai đó mình cũng có thể buông bỏ lý tưởng mình đang theo đuổi rất dễ. Trong thiện pháp mình là những đứa trẻ rất dễ hờn dỗi, rất dễ bỏ cuộc nản chí. Nhưng vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác thì không như vậy, đường đời chông gai cỡ nào Ngài vẫn cứ đi, trong mọi điều kiện Ngài luôn luôn tìm cách lách né để đi, chọn cách tốt nhất để đối mặt giải quyết những khó khăn để đi tới, không nản chí, đó là tinh tấn bất thối. Ngài không bao giờ biết đủ trong thiện pháp, nhiều khi chỉ vì một đời sống phạm hạnh, bỏ mạng Ngài cũng không tiếc; thậm chí chỉ vì để nghe một câu pháp ngữ Ngài có thể bỏ cả tính mạng. Còn mình đối với chánh pháp thì không tha thiết như vậy, làm ác bao nhiêu cũng thấy ít, làm thiện bao nhiêu cũng thấy nhiều, còn Ngài ngược lại, làm thiện bao nhiêu cũng thấy ít, làm ác bao nhiêu cũng thấy nhiều, đó là lý do người ta thành Phật còn mình thì xin làm đệ tử Ác Ma, Ác Ma cũng không thèm dòm vì Ác Ma là thiên vương, đệ tử Ác Ma cũng phải phước báu dữ dội lắm mới được.

Theo Chú giải, ông Baka tự thấy mình giỏi mình hay, trường sanh bất lão…, ông chỉ hơi tào lao một chút đó chứ kiếp trước ông là người rất dễ thương, từng là đạo sĩ đắc thiền, cứu giúp cho rất nhiều người bị nạn. Có lần đó ông ngồi bên bờ sông nhìn nước chảy mạnh cuốn phăng phăng, ông suy nghĩ: *nước ở đây nhiều và mạnh thế này trong khi đó có nhiều chỗ không có một giọt mà uống.* Giống như chiều hôm qua tôi đang đi ngang dòng sông trong xanh ở biên giới Thụy Sĩ, mới nhìn tôi thích nhưng nhìn một lát tôi phát sợ, lỡ lọt xuống đây là xong, rồi nghĩ sông sâu sông đẹp chắc có cái này cái kia bên dưới, có Dạ-xoa, Long vương bên dưới, nước xanh biếc đẹp lắm, đẹp nhìn một hồi phát sợ, giống như người đẹp quá mình nhìn mình nghĩ không phải là người. Khi ông đạo sĩ tiền thân của Baka nhìn dòng nước như vậy, nghĩ như vậy, rồi bằng thần thông ông thấy trên sa mạc

cách đó khá xa có đoàn thương buôn lạc đường thoi thóp thiếu nước, ông dùng thần thông đem nước đến cho họ. Lần khác ông nghe tiếng kêu khóc của một ngôi làng, tiếng người bỏ chạy la hét sợ hãi, biết làng bị cướp, ông dùng thần thông hiện ra một đoàn quân rất đông để cướp tưởng lính triều đình đến nên bỏ chạy, nhờ đó làng tránh bị thảm sát.

Trong bản tiếng Việt có câu rất dễ hiểu lầm: Đoạn kệ số 8 *"Baka: Nếu Ngài là Thế Tôn, Thấy được sự bất tận*,". Xem bản Pāḷi thì chỗ này không phải là "thấy được sự bất tận". *Anantadassī* là người có trí tuệ vô hạn, có tầm nhìn vô lượng, tầm nhìn không giới hạn, không hạn chế, '*anta'* nghĩa là 'kết thúc' (end, ende), 'điểm dừng'. '*Ananta'*: 'vô tận', 'không điểm kết thúc', 'không điểm dừng'. Câu trên phải được dịch lại là: *"Nếu ngài là Thế Tôn là vị toàn giác, có một trí tuệ không hạn chế thì…"*

"Nếu Ngài là Thế Tôn, **Thấy được sự bất tận,**

Ngài vượt qua, chinh phục, Sanh già và sầu muộn,

Giới hạnh thuở xưa ấy, Nào ích gì cho con"

Ông Baka nói với Đức Phật: *Nếu ngài là một vị Phật có tầm nhìn không giới hạn, ngài đã vượt qua mọi đau khổ thì xin ngài nói lên cho mọi người biết rõ ngày xưa con ra sao.* Chữ "giới hạnh" ngài Minh Châu dịch gọn từ chữ '*Vatasīlavattan'*. *Vatasilavatta* nghĩa là pháp môn hành trì, hạnh lành nào mình thường làm. Ví dụ mấy bà cụ không biết chữ nghĩa gì hết, mắt kèm nhèm, tai nghe không rõ, sáng nào cũng vô chùa rửa chén quét sân coi đó là công đức cuối đời của mình gọi là *vatasilavatta*; một ông sư chuyên tâm học đạo, thiền định, cũng là *vatasilavatta*của người đó. Vô chùa làm thư ký, đánh máy, làm sổ sách cho chùa cũng gọi là *vatasilavatta*; công đức nào người ta coi nặng và sống nhiều với nó được gọi là *vatasilavatta*. Ở đây ngài dịch vatasilavatta là 'giới hạnh' thì nghĩa hơi hẹp, phải dịch là đời sống, kiểu sống cách sống hạnh lành nào mà người ta thường xuyên. ('*Vata'*: hạnh lành hay nếp sống tâm linh thường nhật của một người. '*Vatta'* là trách nhiệm, bổn phận.)

Đức Phật biết ông Baka này muốn cho người khác biết nên Ngài kể lại cho người ta nghe ngày xưa ông này đã tạo tác những công đức như vậy v.v..., quí vị tự đọc tiếp. Hôm nay phải đi sớm, xin hẹn quí vị ngày thứ Năm.

Bài giảng ngày 13-9-2014 Sáng hôm nay mình sẽ học trở lại bài kinh bị dang dở hôm trước.

Một ngày đó Đức Phật biết rằng có một vị Phạm thiên tà kiến cho rằng không ai tới được chỗ của mình hết. Đức Phật biết có một vị Phạm Thiên có suy nghĩ như vậy, điều đó không tốt, khi sống chìm sâu trong cảnh giới nào đó mình cho cảnh giới đó là số một, không còn biết gì tới cái khác, không còn biết gì tới ai khác, đây là một thái độ tâm lý mà trong kinh gọi là: '*Abhinivesa'*: 'thiên kiến', 'cố chấp'; '*Idamsaccabhinivesa'*: 'ngoan cố', cho rằng chỉ có cái này là chân lý, ngoài ra đều không chấp nhận được. Nói gọn là '*Abhinivesa'*, còn nói cho đủ là '*Idamsaccabhinivesa'*. '*Idam'*: 'cái này'; '*sacca'*: 'sự thật', 'chân lý'. '*Idamsaccabhinivesa'*là thuật ngữ trong kinh gọi thái độ cho đây là số một.

Phải nói rằng, nếu không có Phật pháp chúng ta có lẽ không có cơ hội nhìn ngắm lại bản thân mình qua những góc cạnh tốt, xấu, sâu sắc và quan trọng đến như vậy. Hôm trước chúng tôi có nói, mỗi người có một điểm tựa, có nhiều điểm tựa rất là vớ vẩn tào lao nhưng đối với mình đó là cả một cảnh giới một vũ trụ và mình chìm sâu gắm chặt vào trong đó, không nghĩ đến chuyện thoát ra, và nghĩ đó là tất cả. Ví dụ như điểm tựa nhan sắc, những người có nhan sắc cả ngày họ cứ loay hoay trong đó thôi, không có gì quan trọng hơn nhan sắc của họ. Có người coi nặng đồng tiền, khi có chút đỉnh tiền bạc, không biết họ làm nghề gì nhưng bản thân họ xem nhân cách, kiến thức hay đạo đức v.v... không quan trọng, quan trọng đối với họ là có đồng tiền trong tay, ăn to nói lớn huênh hoang khoác lác, coi ai không ra gì. Người nhan sắc, kẻ có tiền, người có học vị lấy đó làm điểm tựa, còn người không có học vị thì ỷ có kiến thức chuyên môn gì đó hoặc có quyền lực trong xã hội, chức vụ trong chính phủ, hoặc tiếng tăm v.v... Mỗi người có điểm tựa, mà nguy hiểm nhất, theo lời một nữ thi sĩ người Anh, Edith Sitwell nói một câu tôi rất thích: Phải nói rằng, nếu không có Phật pháp chúng ta có lẽ không có cơ hội nhìn ngắm lại bản thân mình qua những góc cạnh tốt, xấu, sâu sắc và quan trọng đến như vậy. Hôm trước chúng tôi có nói, mỗi người có một điểm tựa, có nhiều điểm tựa rất là vớ vẩn tào lao nhưng đối với mình đó là cả một cảnh giới một vũ trụ và mình chìm sâu gắm chặt vào trong đó, không nghĩ đến chuyện thoát ra, và nghĩ đó là tất cả. Ví dụ như điểm tựa nhan sắc, những người có nhan sắc cả ngày họ cứ loay hoay trong đó thôi, không có gì quan trọng hơn nhan sắc của họ. Có người coi nặng đồng tiền, khi có chút đỉnh tiền bạc, không biết họ làm nghề gì nhưng bản thân họ xem nhân cách, kiến thức hay đạo đức v.v... không quan trọng, quan trọng đối với họ là có đồng tiền trong tay, ăn to nói lớn huênh hoang khoác lác, coi ai không ra gì. Người nhan sắc, kẻ có tiền, người

có học vị lấy đó làm điểm tựa, còn người không có học vị thì ỷ có kiến thức chuyên môn gì đó hoặc có quyền lực trong xã hội, chức vụ trong chính phủ, hoặc tiếng tăm v.v... Mỗi người có điểm tựa, mà nguy hiểm nhất, theo lời một nữ thi sĩ người Anh, Edith Sitwell nói một câu tôi rất thích: "Thằng ngu thì tôi còn gượng chịu đựng được, chứ đứa kiêu ngạo với cái ngu của mình thì tôi bó tay!"**[1]**.Tôi có lấy câu đó làm đề tài viết bài tản mạn trong trang web Nam Tông. Có nhiều khi chúng ta phải cắn răng chấp nhận sự thật rất là khó nghe, đó là bản thân mỗi người luôn luôn có những điểm tựa, kể cả những điểm tựa đó nó chẳng là gì trong mắt thiên hạ, miễn sao đối với mình quan trọng là được rồi; chính từ chỗ này nảy ra cái mà Đức Phật gọi là *Abhinivesa*hoặc *Idamsaccabhinivesa.* Tôi cũng đã nói nhiều lần là chỉ có người biết Phật pháp, chỉ có hành giả Tứ Niệm Xứ mới có dịp thấy ra một điều rất là thú vị và cũng rất là quan trọng đó là tất cả những gì mình ghét, tất cả những gì mình thích đều đáng phải được xét lại hết. Bởi tất cả những thứ mình thích mình ghét ở đời đều có ý nghĩa giá trị rất là tương đối, đời sống tinh thần của chúng ta có rất là nhiều điểm tựa mà điểm tựa nào cũng phù du hết. Do *tiền nghiệp, môi trường sống, khuynh hướng tâm lý* mới dẫn đến chúng ta thích hay ghét cái gì đó. Nếu mình thấy được ba cái này, mình mới có dịp chịu khó ngồi xét lại, thì ra những thứ mình theo đuổi cả đời nhiều khi rất là buồn cười. Mình thờ phụng một lý tưởng tôn giáo văn hóa hay chính trị nhiều khi khởi đi từ nguyên cớ rất là buồn cười, trẻ con. Người Ý thì thích ăn món đó, người Pháp thích uống món đó, người VN thích sử dụng món đồ đó, thí dụ như VN thích áo dài, nón lá. Xét một cách hồn nhiên thì đúng rồi, tôi là người Việt, tôi phải yêu cái quốc hồn quốc túy của tôi, nhưng nếu nói sâu xa một chút thì từ đâu có cái quốc hồn quốc túy này?

Tại vì chúng ta đầu thai, tái sanh vào bụng của một người mẹ VN, từ đó chúng ta lớn lên và chấp nhận văn hóa VN, chúng ta như một con cá trong cái bể kính mang tên VN, từ đó chúng ta thích áo dài, thích nón lá, thích áo bà ba. Ngày xưa chúng ta thích áo tứ thân, áo dài khăn đóng, guốc mộc, chưa kể những thức ăn thức uống những kiểu sinh hoạt rất là VN. Nhân bài kinh này tôi nhấn mạnh điều này: đừng coi nặng điểm thương điểm ghét của mình, tất cả những thứ đó rất là phù du trẻ con. Ngài Ajahn Chah có một lời dặn cho mình: mới dẫn đến chúng ta thích hay ghét cái gì đó. Nếu mình thấy được ba cái này, mình mới có dịp chịu khó ngồi xét lại, thì ra những thứ mình theo đuổi cả đời nhiều khi rất là buồn cười. Mình thờ phụng một lý tưởng tôn giáo văn hóa hay chính trị nhiều khi khởi đi từ nguyên cớ rất là buồn cười, trẻ con. Người Ý thì thích ăn món đó, người Pháp thích uống món đó, người VN thích sử dụng món đồ đó, thí dụ như VN

thích áo dài, nón lá. Xét một cách hồn nhiên thì đúng rồi, tôi là người Việt, tôi phải yêu cái quốc hồn quốc túy của tôi, nhưng nếu nói sâu xa một chút thì từ đâu có cái quốc hồn quốc túy này?

Tại vì chúng ta đầu thai, tái sanh vào bụng của một người mẹ VN, từ đó chúng ta lớn lên và chấp nhận văn hóa VN, chúng ta như một con cá trong cái bể kính mang tên VN, từ đó chúng ta thích áo dài, thích nón lá, thích áo bà ba. Ngày xưa chúng ta thích áo tứ thân, áo dài khăn đóng, guốc mộc, chưa kể những thức ăn thức uống những kiểu sinh hoạt rất là VN. Nhân bài kinh này tôi nhấn mạnh điều này: đừng coi nặng điểm thương điểm ghét của mình, tất cả những thứ đó rất là phù du trẻ con. Ngài Ajahn Chah có một lời dặn cho mình: **Đừng quá tin vào cảm xúc bản thân. Đừng hành động theo cái thích cái ghét của mình**, ngài dặn hãy tự cảnh giác cảnh tỉnh bản thân, đừng để mình quá nặng lòng với cảm xúc của bản thân, điều đó thường khi hại nhiều hơn lợi. Hãy chịu khó nhìn lại mình, tu Phật là nhìn lại mình. Tôi nhớ hôm trước tôi có nhắc câu nói của ông Rodin: *Nghệ thuật, bí quyết điêu khắc tượng là bỏ đi cái thừa.* Xét lại chuyện tu học của chúng ta cũng y hệt như vậy, bỏ đi cái thừa, cái không cần thiết. Trước hết là mình bỏ cái hại (tức là giữ giới), từ từ bỏ cái gì không có lợi, đi thêm bước nữa là chỉ thực hiện toàn điều có lợi thôi. Đức Phật nhìn thấy vị Phạm thiên có tà kiến như vậy nên Ngài xuất hiện và Ngài biết với sự xuất hiện của Ngài sẽ kéo theo sự xuất hiện của các vị đại đệ tử và chính sự xuất hiện này sẽ làm vị này thay đổi quan điểm cố chấp của mình. Cuối cùng thì vị Phạm thiên này đã từ bỏ cố chấp của mình. Nội dung bài kinh nếu mà hiểu như vậy sẽ sâu hơn nhiều lắm chứ không phải chỉ là một câu chuyện kể.

PHÓNG DẬT (Brahmalokasutta)

Bài kinh Phóng Dật cũng y hệt như vậy, cũng không có gì phải giải thích hết. Bài kinh trước kể chuyện năm vị đại thánh, bài kinh sau kể chuyện hai vị Phạm Thiên nội dung giống hệt nhau. Tức là cũng có một vị Phạm Thiên cố chấp cho rằng mình là số một, được hai vị Phạm Thiên khác đến nhắc nhở.

"3) Rồi hai **Bích-chi** *Phạm thiên Subrahmā và Suddhavāsa đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, họ đứng mỗi người dựa vào một cột cửa. "*

'Bích-chi', tiếng Pāḷi là '*Pacceka'*. Bích-chi là âm Tàu chớ không phải dịch, giống như Hoa Thịnh Đốn (Washington). Bích Chi là trong Pāḷi giải thích là '*ekacari'* (kẻ độc hành), còn đi đâu mà có nhiều kẻ đồng hành thì gọi là '*parisacari'*(kẻ sống bầy đàn, sống chung tập thể, kẻ lữ hành có bè bạn). Thí dụ

trong kinh nói có ba bậc giác ngộ: 1. *Chánh Đẳng Giác*, không cần thầy nhưng có thể làm thầy cho người khác. 2. *Thanh văn giác* nghĩa là bản thân cần có thầy mới giác ngộ được, và bản thân mình có thể độ cho người khác đắc quả giống như mình. 3. *Độc giác Phật* hay Bích Chi Phật (Pacceka Budha), tức là không cần ai làm thầy mà bản thân mình cũng không làm thầy ai. Tức là trên thì không có thầy mà dưới thì cũng không có trò, chỉ có bạn thôi. Có những vị Độc Giác sanh ra nhằm lúc có nhiều vị đắc Độc Giác như họ thì có bạn, còn không thì trước sau chỉ có một mình. Gọi là *bạn* là vì lúc đó trong thế giới này có chỗ tốt nhất là ngọn núi nào đó, ví dụ trái đất này có ngọn núi Gandhamadana chỗ đó tập trung các vị Phật Độc Giác. Gọi là *bạn* cho vui vậy thôi chớ các vị vẫn sống một mình trong hang hay tịnh thất riêng, vị này không phải là điểm tựa cho vị kia, vì vậy gọi là Bích-chi, còn chúng ta thì trên phải có thầy dưới phải có bạn. Những vị Phạm Thiên gọi là Bích- chi thường xuyên ở một mình không có bè bạn chung quanh, không có người lớn hơn cũng không có người nhỏ hơn, đây là những chú thích trong Chú giải, chữ Bích-chi Phạm thiên quí vị sẽ gặp rất là thường trong kinh.

KOKĀLIKA (Kokālikasutta)

Trong tiếng Việt các chữ 'vô hạn', 'vô lượng', 'vô biên', 'vô số' nghĩa khác nhau nhưng trong Pāḷi thì có chung một từ là '*appameyya'* với ý nghĩa là "không thể đo đếm, cân, đong".

Chúng ta biết rằng Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) là em ruột của bà Yasodhara (Da Du Đà La), nói theo vai vế ngoài đời, Devadatta là em vợ của thái tử Tất Đạt. Sau khi thái tử Tất Đạt xuất gia thành Phật thì Devadatta cũng xuất gia theo. Thời gian đầu ông tu hành rất tốt, đắc được thần thông, sau đó vì nhiều lý do: 1. Sự oan trái từ nhiều đời đối với Bồ tát. 2. Khuynh hướng bất thiện. 3. Một số tiền nghiệp bất thiện của Bồ tát bây giờ là Đức Phật. Khi Ngài chưa thành Phật, Ngài cũng là người phàm như chúng ta, tu nhiều hơn chúng ta, nhưng có những kiếp sống làm những điều bất thiện. Nghiệp bất thiện đó đến lúc để lại quả báo ngay khi Ngài thành Phật. Trong kinh nói, có nhiều trường hợp gọi là tai nạn trong đời của Ngài không phải ngẫu nhiên mà do nghiệp xấu trong đời trước. Bên Bắc Tông, họ vẽ Đức Phật riết rồi bây giờ mình thấy Đức Phật không còn là một con người bình thường nữa mà giống như ông thần ông thánh trên mây. Mahayanā gọi những tai nạn của Đức Phật là những trường hợp thị hiện độ sinh, kể cả việc Ngài khổ hạnh, nhập thiền, ăn cơm, uống nước, đi đứng v.v... tất cả đều là thị hiện, vì một

mục đích nào đó Ngài cố tình làm như vậy. Còn theo Nam Tông, có ba điều khiến Ngài trở thành một bậc đại giác:

Bi đức: Ai ngài cũng thương, giống như một người mẹ đối với con, nhưng tình thương còn hơn cả người mẹ, người mẹ còn nổi giận đối với con chứ Đức Phật thì không.

Tịnh đức: đức lành nào Ngài cũng có, đệ tử của Ngài thì Đệ nhất đầu đà, Đệ nhất trí tuệ, Đệ nhất thần thông v.v... những đệ nhất đó chỉ là con số lẻ của Đức Phật. Trước mặt một tỷ người hay trong rừng sâu chỉ một mình Ngài, trước sau Ngài luôn luôn là như vậy. Thế Tôn nói sao thì làm vậy, làm sao thì nói vậy, từ đêm Thành đạo đến đêm niết-bàn, trước mặt muôn người hay một mình cũng vậy, không sai khác.

Trí đức: cái gì Ngài cũng biết. Ngài biết : cái gì Ngài cũng biết. Ngài biết **bản chất và sự vận hành của các pháp** bao gồm Người và Cõi. Ngài biết bao gồm Người và Cõi. Ngài biết **cái gì làm được và không làm được.**Làm được với Làm được với **cách thức ra sao, thời điểm nào.**

Biết được bản chất và sự vận hành của các pháp cũng giống như biết rõ một viên thuốc được bào chế ra sao, có thành phần dược tính dược lý như thế nào, tác động như thế nào vào cơ thể khi uống; nhìn một cái cây biết rõ nó như một nhà sinh vật học biết sự phát triển của cây như thế nào. Ngài nhìn chúng sanh cũng vậy, Ngài biết chúng sanh này do vô minh duyên hành, hành duyên thức…, người này đã tạo nghiệp gì và khuynh hướng tâm lý ra sao, có khả năng giác ngộ hay không, nếu có khả năng giác ngộ thì phải nói điều gì để hợp với họ, còn nếu không thì có nhờ câu nói của mình mà gieo duyên lành kiếp sau cho họ hay không, nếu được thì nói gì để để lại ấn tượng tốt cho họ.

*Biết rõ chuyện gì làm được hay không làm được,*khả năng này Thanh văn có hạn chế. Ví dụ, có một lần ngài Maka Kassapa xả định trong hang núi, thấy mấy con dơi treo tòn teng trong hang, ngài nhìn mấy con dơi và suy nghĩ: cuộc sống của chúng sinh này tăm tối mù mịt quá, không biết bao giờ chúng mới hết kiếp dơi. Suy nghĩ như vậy, ngài dùng vị lai trí (*anāgataṃsañāṇa*) của ngài quán xét, thấy 500 kiếp sống liên tục sau này chúng vẫn tiếp tục làm dơi, chết trở lại làm dơi suốt năm trăm kiếp. Lúc đó Đức Phật xuất hiện, Ngài nói việc quán sát này nằm ngoài khả năng của một Thanh văn. Trong kinh nói có cái mà hàng Thanh văn và Độc Giác không thể nào truy ra được đó là '*Bālasaṃsāra'*: 'dòng luân hồi của kẻ ngu thiếu duyên giác ngộ'. : 'dòng luân hồi của kẻ ngu thiếu duyên giác ngộ'.

*Người tin lý nhân quả và lý tam tướng dù ở mức hạn chế nhất cũng không thể sinh tử quá 80 a-tăng-kỳ đại kiếp.*Trong ba hạng Phật, hạng lâu nhất là Chánh Đẳng Giác. Chánh Đẳng Giác có 3 hạng: Hạnh trí tuệ tu Ba-la-mật trong 20 a-tăng-kỳ, hạnh đức tin 40 a-tăng-kỳ, hạnh tinh tấn 80 a-tăng-kỳ. Một người tin lý nhân quả và lý tam tướng cũng không thể sinh tử quá 80 a-tăng-kỳ cho dù họ có nuôi nguyện trở thành Chánh Đẳng Giác hạnh tinh tấn thì 80 a-tăng-kỳ phải dứt điểm. Còn dòng luân hồi của kẻ ngu thì không biết đến bao giờ mới hết. Độc Giác thấy được hai a-tăng-kỳ trước và sau. Chí thượng Thanh văn (hai vị hai bên trái phải của Đức Phật, như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên) thấy được một a-tăng-kỳ trước và sau. 47 vị đại thanh văn thì thấy được 100 ngàn đại kiếp trước và sau. Các vị La-Hán còn lại thì bất định, nhiều ít tùy căn cơ cá nhân. Phàm phu thông thường chỉ nhớ tối đa là 40 đại kiếp, Bồ tát thì 80 đại kiếp. Dòng luân hồi thì hằng hà sa số, riêng chư Phật Chánh Đẳng Giác thì không có giới hạn khi nhớ về quá khứ hay xét đến vị lai. Ví dụ có nhiều chúng sanh lâu quá Ngài xét ba ngày ba đêm, hoặc một trăm năm không thấy người đó giác ngộ. Tuy nhiên nói vậy thôi, trong Chú giải có ghi rõ: Hàng Thanh văn nhớ quá khứ hay xét vị lai theo cách thứ lớp là dò từ từ theo thứ tự từng kiếp dần dần còn chư Phật thì có thể biết trực tiếp nhanh hơn và xa hơn. Vị Chánh Đẳng Giác muốn biết kiếp thứ bao nhiêu của ai đó như thế nào thì thấy liền. Theo Chú giải nói vị Thinh văn giống như người cầm đèn dầu hoặc cầm cây đuốc, ví dụ như muốn biết căn nhà số 85 sơn màu gì, như thế nào, thì phải đi từ từ nhà số 1, 3, 5… cho đến căn nhà số 85 rồi cầm đèn rọi. Riêng vị Chánh Đẳng Giác thì giống như tia chớp, chớp tới đâu thấy tới đó, (giống như rọi đèn pin là thấy).

Ông Devadatta do oan trái nhiều đời với Đức Phật, cộng với Đức Phật cũng từng tạo nhiều nghiệp bất thiện trong vòng luân hồi (nếu Ngài không có nghiệp bất thiện này thì Devadatta, Phạm Thiên, Đế Thích, Ma vương cũng không phá được ngài, nếu mà có nghiệp quá khứ thì Phật lực hay oai lực của Ngài cũng không thể che chắn được). Tôi nói ra nhiều người sốc, nhưng không thể không nói, tôi là tu sĩ PG mà không tin chuyện cầu an cầu siêu cho lắm. Người bình thường thuở bình sinh có sự tu tập trau dồi thiện pháp, khi họ bị bịnh hoặc qua đời mình cầu an cầu siêu cho họ thì còn chút hi vọng. Khi họ đang nằm ngắc ngoải, mình tụng kinh họ hiểu ba chớp ba nháng cũng được, còn khi họ chết rồi sanh làm loài chúng sinh khuất mặt khuất mày, thành phi nhơn quanh quẩn ở chỗ cũ, thí dụ thôi chứ hiếm lắm, chết rồi mà quẩn quanh thì hiếm, quẩn quanh là do không có nghiệp thiện đặc biệt (đi ngay về trời) hoặc nghiệp ác đặc biệt (đi ngay về cõi đọa xứ), nếu không thì ra đi biền biệt rồi. Theo trong kinh, khi mình tụng kinh cầu

siêu hồi hướng cho họ, chỉ có một số rất ít trường hợp người quá vãng nhận được phước của mình nhưng với điều kiện họ phải biết để hoan hỉ với sự hồi hướng của người làm phước. Chỉ trường hợp này mới có thể nhận được phước hồi hướng, nghĩa là mong manh vô cùng. Vì tôi biết điều này nên tôi không tin lắm, mà nói ra thì đụng chạm tùm lum, người ta đang tràn ngập niềm tin, mình nói ra thì cũng hơi tàn nhẫn, chứ thiệt trong chỗ thân tình thì tôi cũng kề tai nói nhỏ là niềm hi vọng đó mong manh vô cùng. Một chuyện nhỏ xíu, ai cũng thấy nhưng khổ một chỗ bị thiên kiến (*abhinivesa)* mà không chịu lìa bỏ thiên kiến đó, cứ vô chùa là nghe "làm phước đi con, hồi hướng đi con, cho thân nhân quá cố đang chờ đợi mình, tốt lắm …". Có một chuyện quí vị phải thấy, lúc mình còn sống, mình nhìn thấy người ta làm phước mình có hoan hỉ hay không, có vui hay không?

Thường là người ta chỉ vui với việc phước của bản thân hay của người thân mình thôi. Ví dụ cô Lan và cô Cúc không bà con gì nhau, cô này có hoan hỉ khi nhìn cô kia làm phước không?

Khó lắm. Ngay khi mình còn sống ngon lành, đang tỉnh táo còn trẻ, còn khỏe, mình còn không tùy hỉ được thì mai này chết rồi sanh vô cảnh giới không phải loài người thì mình có biết gì đâu. Khi ta mang hình hài hình sương bóng khói, tâm tình cảm xúc của chúng ta hoàn toàn không giống như lúc chúng ta làm người, bởi vì tư tưởng, cảm xúc của chúng ta bị trói buộc gò bó trong thân người này. Chỉ có hành giả mới thấy được điều này, ngồi yên mới thấy, cái tâm mình bị nhốt trong cục thịt này. Lẽ ra nếu như cái thân cái tâm nó nằm riêng nhau thì mình thông minh lắm, khổ nỗi cái tâm bị nhốt trong cái thân này. Cái tâm đang suy nghĩ ngon lành, chỉ cần nghe con ruồi bay ngang lỗ tai, con muỗi bu vào mặt là phóng tâm, cơn gió lạnh thổi ngang làm cho mình rùng mình là cái niệm của mình bị tắt, cái định của mình bị tan loãng liền. Mang hình hài quá sức cụ thể điển hình này, cái tâm tư tình cảm chúng ta bị ảnh hưởng hết sức nặng, mai này sanh làm phi nhơn thì sao, hình sương bóng khói, đi xuyên qua vách tường, núi non, mặt nước mặt đất không cản trở mình được, trong hình hài như vậy thì tâm tư tình cảm mình còn dị biệt hơn nhiều. Ngay khi mang hình hài này, chúng ta còn không màng đến chuyện người khác làm phước hồi hướng, thì thử hỏi mai này chúng ta ra đi rồi thì sao. Cái quan trọng là ngay bây giờ tự cầu an cầu siêu cho mình, ngay khi mình còn có thể làm được, đừng có trông đợi vào người khác, lý do đơn giản thôi, đó là lòng tùy hỷ của mình ít quá. Trên đời này không có gì tàn nhẫn cho bằng mấy ông gian thương đã nghĩ ra cái trò giấy vàng bạc. Mấy ngàn năm qua người Tàu, người Việt đã đốt không biết bao nhiêu tiền cho

chuyện vớ vẩn đó, trong khi ngay chuyện làm phước hồi hướng có hy vọng nhiều hơn còn bị xem là rất đỗi mong manh nói chi là chuyện đốt vàng mã. Cả đời làm ác, thân nhân chết rồi, không biết làm phước mà chỉ biết mua nhà cửa, xe hơi, người mẫu, iphone… bằng giấy về đốt. Tôi không tin chuyện cầu an cầu siêu là vì như vậy đó. Còn Phật lực thì sao, ngay cả Đức Phật còn bị nạn, huống chi là chúng ta. Nói chuyện niệm Phật được thoát nạn tôi cũng không tin lắm, tôi chỉ tin một phần triệu ở trường hợp khi mình nghĩ đến phước báu của Ngài, mình tùy hỷ, thì nhờ tùy hỷ đó mình có thêm công đức. Nói là nói gượng thôi, điều quan trọng nhất là cầu nguyện lúc tai nạn không phải để thoát nạn mà là để mình có sự bình tĩnh rồi tự mình tìm cách thoát nạn. Ngồi máy bay mà thấy chao thấy sụp, mình run, tất nhiên tôi cũng run chứ, nhưng tôi nghĩ mình chỉ là hạt bụi, nếu trên chuyến bay này mình có chuyện gì thì hạt bụi trở về với đất với gió. Mình là chiếc lá me nhỏ bé trôi bồng bềnh trong biển đại bi của chư Phật. Ai Ngài cũng thương, Ngài không còn nữa để theo dõi tai nạn của mình, nhưng nếu Ngài còn thì mình chỉ là chiếc lá trong biển đại bi của Ngài. Cái quan trọng nhất là hãy nhớ mọi thứ như là làn chớp, mình không thấy không tin, mình cứ nghĩ mình là cái gì đó quan trọng. Mình chỉ là sự ghép nối chớp nhoáng của danh và sắc, mình đã từng chết nhiều lần trong đời sống này chớ không phải lúc đó mới chết. Mấy cái này phải tập luyện thường xuyên chứ đợi tới lúc đó mới tập thì muộn rồi. Hãy nhớ hai câu này: mà không chịu lìa bỏ thiên kiến đó, cứ vô chùa là nghe "làm phước đi con, hồi hướng đi con, cho thân nhân quá cố đang chờ đợi mình, tốt lắm …". Có một chuyện quí vị phải thấy, lúc mình còn sống, mình nhìn thấy người ta làm phước mình có hoan hỉ hay không, có vui hay không?

Thường là người ta chỉ vui với việc phước của bản thân hay của người thân mình thôi. Ví dụ cô Lan và cô Cúc không bà con gì nhau, cô này có hoan hỉ khi nhìn cô kia làm phước không?

Khó lắm. Ngay khi mình còn sống ngon lành, đang tỉnh táo còn trẻ, còn khỏe, mình còn không tùy hỉ được thì mai này chết rồi sanh vô cảnh giới không phải loài người thì mình có biết gì đâu. Khi ta mang hình hài hình sương bóng khói, tâm tình cảm xúc của chúng ta hoàn toàn không giống như lúc chúng ta làm người, bởi vì tư tưởng, cảm xúc của chúng ta bị trói buộc gò bó trong thân người này. Chỉ có hành giả mới thấy được điều này, ngồi yên mới thấy, cái tâm mình bị nhốt trong cục thịt này. Lẽ ra nếu như cái thân cái tâm nó nằm riêng nhau thì mình thông minh lắm, khổ nỗi cái tâm bị nhốt trong cái thân này. Cái tâm đang suy nghĩ ngon lành, chỉ cần nghe con ruồi bay ngang lỗ tai, con muỗi bu vào mặt là phóng tâm, cơn gió lạnh thổi ngang làm cho mình rùng mình là cái niệm của

mình bị tắt, cái định của mình bị tan loãng liền. Mang hình hài quá sức cụ thể điển hình này, cái tâm tư tình cảm chúng ta bị ảnh hưởng hết sức nặng, mai này sanh làm phi nhơn thì sao, hình sương bóng khói, đi xuyên qua vách tường, núi non, mặt nước mặt đất không cản trở mình được, trong hình hài như vậy thì tâm tư tình cảm mình còn dị biệt hơn nhiều. Ngay khi mang hình hài này, chúng ta còn không màng đến chuyện người khác làm phước hồi hướng, thì thử hỏi mai này chúng ta ra đi rồi thì sao. Cái quan trọng là ngay bây giờ tự cầu an cầu siêu cho mình, ngay khi mình còn có thể làm được, đừng có trông đợi vào người khác, lý do đơn giản thôi, đó là lòng tùy hỷ của mình ít quá. Trên đời này không có gì tàn nhẫn cho bằng mấy ông gian thương đã nghĩ ra cái trò giấy vàng bạc. Mấy ngàn năm qua người Tàu, người Việt đã đốt không biết bao nhiêu tiền cho chuyện vớ vẩn đó, trong khi ngay chuyện làm phước hồi hướng có hy vọng nhiều hơn còn bị xem là rất đỗi mong manh nói chi là chuyện đốt vàng mã. Cả đời làm ác, thân nhân chết rồi, không biết làm phước mà chỉ biết mua nhà cửa, xe hơi, người mẫu, iphone… bằng giấy về đốt. Tôi không tin chuyện cầu an cầu siêu là vì như vậy đó. Còn Phật lực thì sao, ngay cả Đức Phật còn bị nạn, huống chi là chúng ta. Nói chuyện niệm Phật được thoát nạn tôi cũng không tin lắm, tôi chỉ tin một phần triệu ở trường hợp khi mình nghĩ đến phước báu của Ngài, mình tùy hỷ, thì nhờ tùy hỷ đó mình có thêm công đức. Nói là nói gượng thôi, điều quan trọng nhất là cầu nguyện lúc tai nạn không phải để thoát nạn mà là để mình có sự bình tĩnh rồi tự mình tìm cách thoát nạn. Ngồi máy bay mà thấy chao thấy sụp, mình run, tất nhiên tôi cũng run chứ, nhưng tôi nghĩ mình chỉ là hạt bụi, nếu trên chuyến bay này mình có chuyện gì thì hạt bụi trở về với đất với gió. Mình là chiếc lá me nhỏ bé trôi bồng bềnh trong biển đại bi của chư Phật. Ai Ngài cũng thương, Ngài không còn nữa để theo dõi tai nạn của mình, nhưng nếu Ngài còn thì mình chỉ là chiếc lá trong biển đại bi của Ngài. Cái quan trọng nhất là hãy nhớ mọi thứ như là làn chớp, mình không thấy không tin, mình cứ nghĩ mình là cái gì đó quan trọng. Mình chỉ là sự ghép nối chớp nhoáng của danh và sắc, mình đã từng chết nhiều lần trong đời sống này chớ không phải lúc đó mới chết. Mấy cái này phải tập luyện thường xuyên chứ đợi tới lúc đó mới tập thì muộn rồi. Hãy nhớ hai câu này: **Cái chết không đáng sợ bằng lòng sợ chết. Không có gì đáng sợ cho bằng chính lòng sợ hãi.** Và câu này của tôi tặng, quí vị nên thuộc lòng: Và câu này của tôi tặng, quí vị nên thuộc lòng: **Nếu có phải chết trong tuổi già bịnh thì nên chết bằng sự nhàm chán hơn là chết trong sự sợ hãi tiếc nuối.** Muốn chết trong sự nhàm chán thì chỉ có một cách thôi: Phật pháp. Chỉ có Phật pháp mới cho mình chết trong sự nhàm chán. Cái thân này mình bỏ nó là phải rồi, nó dơ rồi, già, xấu, ốm xương xẩu, phải hướng đến cái gì khác tốt hơn. Tôi không

xúi các vị nghĩ đến luân hồi, nhưng ít ra các vị cũng biết mình có khả năng đắc chứng hay không, mình không phải là thánh nhưng mình cũng mơ hồ chớ, mình thấy mình không phải là thánh thì thôi đi qua cõi khác tốt hơn. Muốn chết trong sự nhàm chán thì chỉ có Tứ Niệm Xứ thôi. Không có gì bậy bạ cho bằng đợi đến một cái tuổi nào đó mới tu Tứ Niệm Xứ. Người nào nghĩ rằng đến một tuổi nào đó mới tu Tứ Niệm Xứ thì người đó có ba cái bậy.

3 sai lầm khi hẹn ngày tu Tứ Niệm Xứ

1. Mình có thể chết sớm. Tin rằng mình có thể sống tới già là bậy.

2. Pháp môn này có thể tu tập ngay bây giờ và không đòi hỏi điều kiện gì hết. Người hẹn đến để sau này mới tu Tứ Niệm Xứ là hoàn toàn không hiểu Tứ Niệm Xứ là cái gì. Chính vì không hiểu là gì nên mới để mai mốt tu. Tứ Niệm Xứ không phải là pháp môn bắt quí vị phải bỏ gia đình, nhà cửa công việc để tu, Tứ Niệm Xứ chỉ là sống tỉnh thức. Trước đây mình cười mà không biết mình cười, mình giận mà không biết mình giận, ăn uống đi đứng mà không biết, giờ mình làm những việc đó mà mình biết. Trong đời tôi, tôi biết ba bốn trường hợp, có những vị tăng ni đi tu lúc lớn tuổi, nói với sư phụ: Con lớn tuổi rồi, con không học hành gì hết, xin sư phụ cho con tu thiền. Mới nghe thì thấy bình thường, nghĩ sâu nghĩ xa thì thấy câu này bậy tứ bề, nghĩa là vị này xem việc tu thiền là lựa chọn thứ hai; bậy nữa là không hiểu pháp thiền là gì. Không hiểu pháp thiền là gì thì làm sao mà tu. Ít ra phải biết danh là gì, sắc là gì, tâm bất thiện là gì, kiêu mạn là sao tà kiến là sao, hợp trí là sao, từ tâm là sao vv… dốt gì thì dốt, cũng phải biết sơ sơ căn bản, chớ nói già rồi không nhớ gì hết xin tu thiền nghĩa là coi rẻ pháp thiền và không biết pháp thiền là gì. Tứ Niệm Xứ không phải là một pháp môn đòi hỏi vô thiền viện, phải có đồng phục, phải có dụng cụ pháp khí đặc dị, nó chỉ là đời sống bình thường mà tỉnh thức thôi. Be mindful! Chỉ vậy thôi. Không đòi hỏi các vị làm cái gì hết, sinh hoạt thế nào thì giữ nguyên thế ấy, dĩ nhiên bớt được thì tốt, theo nguyên tắc: (1) Người hẹn đến để sau này mới tu Tứ Niệm Xứ là hoàn toàn không hiểu Tứ Niệm Xứ là cái gì. Chính vì không hiểu là gì nên mới để mai mốt tu. Tứ Niệm Xứ không phải là pháp môn bắt quí vị phải bỏ gia đình, nhà cửa công việc để tu, Tứ Niệm Xứ chỉ là sống tỉnh thức. Trước đây mình cười mà không biết mình cười, mình giận mà không biết mình giận, ăn uống đi đứng mà không biết, giờ mình làm những việc đó mà mình biết. Trong đời tôi, tôi biết ba bốn trường hợp, có những vị tăng ni đi tu lúc lớn tuổi, nói với sư phụ: Con lớn tuổi rồi, con không học hành gì hết, xin sư phụ cho con tu thiền. Mới nghe thì thấy bình thường, nghĩ sâu nghĩ xa thì thấy câu này bậy tứ bề, nghĩa

là vị này xem việc tu thiền là lựa chọn thứ hai; bậy nữa là không hiểu pháp thiền là gì. Không hiểu pháp thiền là gì thì làm sao mà tu. Ít ra phải biết danh là gì, sắc là gì, tâm bất thiện là gì, kiêu mạn là sao tà kiến là sao, hợp trí là sao, từ tâm là sao vv… dốt gì thì dốt, cũng phải biết sơ sơ căn bản, chớ nói già rồi không nhớ gì hết xin tu thiền nghĩa là coi rẻ pháp thiền và không biết pháp thiền là gì. Tứ Niệm Xứ không phải là một pháp môn đòi hỏi vô thiền viện, phải có đồng phục, phải có dụng cụ pháp khí đặc dị, nó chỉ là đời sống bình thường mà tỉnh thức thôi. Be mindful! Chỉ vậy thôi. Không đòi hỏi các vị làm cái gì hết, sinh hoạt thế nào thì giữ nguyên thế ấy, dĩ nhiên bớt được thì tốt, theo nguyên tắc: (1) *Tu hành là bỏ bớt điều có hại, (2) bỏ điều không lợi ích, (3) thực hiện điều lợi ích.* Nói gọn lại, tu tập là bỏ đi cái thừa. Bỏ đi cái hại là bỏ sát sanh trộm cắp, nói dối, sân hận, ghen tức… Bỏ bằng cách nào?

Biết nó là nó là bỏ. Dòm mặt nó, nhìn thẳng vô mặt nó, là bỏ. Ví dụ các vị vốn có xích mích với thằng Tèo thằng Tý, chợt nghĩ tới nó là bực, thế là tự nói: Cái này không nên nghen! Buổi đầu, biết nó là nó thì nó không mất đâu, biết mình đang bực mình, vẫn tiếp tục bực, không mất, nhưng lâu ngày một tuần hai tuần, một tháng hai tháng, một năm hai năm, bảo đảm 1000% là bỏ được. Miễn là có cái gan nhìn thẳng nó biết nó là nó, không mắc cỡ. Có nhiều người làm bậy thì không tàm quý, mà khi tu thiền thì tàm quý với cái tu thiền của mình, đó là tào lao. Thấy cái gì xấu phải biết thẹn, biết sợ. Nhưng phải có cái gan nhìn cái xấu của mình, ví dụ, hôm bữa nó chửi tôi thì bây giờ làm sao tôi thương được, đó là chuyện tự nhiên. Nhưng đối với một hành giả thì không có chuyện gì là tự nhiên. Chuyện họ chửi mình là chuyện của họ, còn hôm nay mình nhìn họ mà mình bực, mình nổi nóng, phải có cái gan nhìn nhận đây là bất thiện. Một vị đại sư Tây Tạng nói câu rất hay: Nói gọn lại, tu tập là bỏ đi cái thừa. Bỏ đi cái hại là bỏ sát sanh trộm cắp, nói dối, sân hận, ghen tức… Bỏ bằng cách nào?

Biết nó là nó là bỏ. Dòm mặt nó, nhìn thẳng vô mặt nó, là bỏ. Ví dụ các vị vốn có xích mích với thằng Tèo thằng Tý, chợt nghĩ tới nó là bực, thế là tự nói: Cái này không nên nghen! Buổi đầu, biết nó là nó thì nó không mất đâu, biết mình đang bực mình, vẫn tiếp tục bực, không mất, nhưng lâu ngày một tuần hai tuần, một tháng hai tháng, một năm hai năm, bảo đảm 1000% là bỏ được. Miễn là có cái gan nhìn thẳng nó biết nó là nó, không mắc cỡ. Có nhiều người làm bậy thì không tàm quý, mà khi tu thiền thì tàm quý với cái tu thiền của mình, đó là tào lao. Thấy cái gì xấu phải biết thẹn, biết sợ. Nhưng phải có cái gan nhìn cái xấu của mình, ví dụ, hôm bữa nó chửi tôi thì bây giờ làm sao tôi thương được, đó là chuyện tự nhiên. Nhưng đối với một hành giả thì không có chuyện gì là tự nhiên.

Chuyện họ chửi mình là chuyện của họ, còn hôm nay mình nhìn họ mà mình bực, mình nổi nóng, phải có cái gan nhìn nhận đây là bất thiện. Một vị đại sư Tây Tạng nói câu rất hay: *Khi người ta chửi mình đó là việc xấu của người ta, nhưng khi mình nổi giận với người ta thì bây giờ là việc xấu của mình.* Nó chửi mình là chuyện của nó nhưng đừng biến nghiệp xấu của nó thành chuyện của mình.

3. Tu phút nào an lành phút đó. Tu niệm xứ một ngày thì mình được an lạc một ngày, sao lại hẹn, sao lại từ chối sự an lạc của mình.

Những điều tôi vừa nói trên là minh giải cho bài kinh. Nội dung bài kinh Kokālika này là ông Devadatta vì oan trái với Đức Phật nên khi Ngài thành Phật, ông theo phá Ngài, và có một người ủng hộ chính là ông Kokālika. Ông Devadatta là người chống Thế Tôn và Kokālika là một đệ tử lớn của ông Devadatta luôn luôn ủng hộ sư phụ của mình. Từ đó mới xảy ra chuyện, một ngày kia, ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đi đến *một nơi* (*janapada*), chỗ đó tỷ kheo Kokālika cũng đang trú ngụ. Lần đó ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến ghé ngang cùng với 500 vị tỷ kheo. Hai vị dặn ngài Kokālika: *Mùa an cư này chúng tôi sẽ ở lại đây nhưng hiền giả đừng cho ai biết vì chúng tôi không muốn bất cứ một sự lui tới nào của thiên hạ hết.* Ngài Kokālika đã đồng ý. Các ngài chỉ ở đó thôi, còn đi khất thực thì không phải chỗ đó. Chú giải ngắn nhưng tôi nói nhiều vì tôi đem các bài kinh liên hệ ngài Kokālika gom lại một. Đến ngày ra hạ sau ba tháng an cư, ngài Xá Lợi Phất nói: *Ngày mai chúng tôi sẽ đi*. Ngài Kokālika suy nghĩ: *Bữa nay ngày cuối cùng có thể nói cho người khác biết được.* Ngài được dặn đừng nói trong mùa an cư nhưng hôm nay có thể báo cho Phật tử biết được. Ngài Kokālika ra phố nói với Phật tử rằng: *Năm nay chúng ta có phước, có hai vị chí thượng thanh văn về nhập hạ*. Phật tử hỏi: *Sao ngài không cho chúng tôi biết có hai vị đó, chúng tôi không hề biết mặt, chỉ nghe đồn thôi*. Ngài Kokālika nói: *Các vị vào trong chùa không thấy hai vị mặt mày sáng trưng ngồi ở vị trí cao nhất hay sao. Chính là hai vị đó*. Phật tử nghe vậy kéo vào, lúc đó ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên suy nghĩ *mình là những tỷ kheo, những đồ có được cho mình là từ lời kêu gọi của một tỷ kheo khác, cái này không hợp luật, nói với nhau như vậy, hai vị quyết định không nhận sự cúng dường đó.* Thấy hai vị từ chối, tỷ kheo Kokālika rất là khó chịu: *Nếu không nhận thì cho lại tôi chớ sao lại đi từ chối.* Đó là chuyện bực thứ nhất của ngài Kokālika.

Chuyện bực thứ hai là vài tháng sau khi hai vị Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất có dịp trở lại nơi chốn này, Phật tử biết nên kéo nhau cúng dường rất nhiều, lần này các ngài lại nhận. Khổ một chỗ là lần này do hơi bất tiện về trú xứ nên sau khi hai

vị nhận xong thì không giữ và đem cho các vị khác, trong đó lại không có phần của tỷ kheo Kokālika.

Chuuyện thứ ba là khi hai vị này đến chỗ Devadatta thuyết pháp, thuyết pháp xong thì 500 vị tỷ kheo trong hội chúng đều đắc Tu-đà-hoàn hết và bỏ về với Đức Phật không ở với Devadatta. Hội chúng của Devadatta từ mấy trăm vị giảm xuống còn mười mấy vị thôi, trong đó có Kokālika.

Ba điều đó cộng lại làm cho Kokālika ghét cay ghét đắng ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Từ đó Kokàlika đi tuyên truyền: *Hai ông đó mà tu hành gì, ác dục, vờ vĩnh vậy thôi, không phải là thiểu dục tri túc gì đâu, lúc thì mình tưởng tu hành thanh đạm không nhận cúng dường của cư sĩ, thật ra họ lựa lúc nào tốt thì lấy, còn đồ không vừa ý thì không nhận, nặng về hưởng thụ chớ không tu hành trong sạch như mọi người nghĩ.*

Ở đây có chuyện hơi tâm linh một chút, bà con tin được thì tốt, không tin thì … thôi, coi như gió thổi qua tai. Trong Chú giải Pháp Cú nói rằng mình niệm Phật được vô lượng công đức là bởi vì khi niệm Phật nói riêng và niệm Tam bảo nói chung mình tưởng đến đức lành của hiền thánh ba đời. Khi niệm Phật thì mình suy xét Thế Tôn là gì, Chánh Đẳng Giác là gì … (xem thêm Thanh Tịnh Đạo). Người giỏi Phật pháp có nhiều cách để suy tưởng về Đức Phật. Đừng niệm Phật với ý cầu thoát nạn mà niệm Phật để quán xét ý nghĩa thì rất nên. Nếu niệm Phật mà đem lại công đức lớn thì có lòng bất mãn với hiền thánh nghiệp cũng rất nặng, cũng giống như khi thấy người ta làm phước mà tùy hỉ thì công đức rất lớn mà nếu lòng bực bội khó chịu thì quả rất nặng. Lòng vui theo thì công đức lớn, còn khó chịu thì tội cũng nặng

Vì vậy khi Kokālika nghĩ về hai vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên với tâm bất thiện, nghiệp rất nặng. Nhưng do Phật lực (chư Phật có điểm đặc biệt, là trong tầm nhìn của Ngài không có gì có thể xảy ra, tai nạn không xảy ra trong ánh mắt của Ngài) nên khi ông Kokālika vào thưa với Đức Phật: *Bạch Thế Tôn người ta nói hai vị đó tu hành tốt chớ con không tin, hai vị đó thích hưởng thụ, ác dục.* Đức Phật nói: *Không nên nói vậy, hai vị đó không phải như ngươi nghĩ đâu.* Được nhắc ba lần nhưng ông Kokālika vẫn không từ bỏ ác cảm đối với hai vị thượng thủ, khi ông đi khỏi tầm mắt của Đức Phật, ông bị nổi chứng bệnh rất lạ, người nông thôn VN gọi là bệnh căn bệnh nghiệp, loại bệnh này không chữa bằng thấy thuốc thông thường được. Tôi nhớ ngày xưa ông ngoại tôi có dạy rằng có những trường hợp, có những ngày kỵ mình không có châm cứu được, phải

tính ngày, tính tuổi của người bịnh, tôi còn nhớ cái bài "nhứt sám hối bổn thân", ngày đó muốn châm cứu được bịnh nhân phải biết thắp nhang sắm bình bông, cúng người khuất mày khuất mặt mới châm cứu được, "nhì tà thần ly gián" là có ngày những người khuất mặt phá người bịnh. Đó là đông y, không liên quan gì đến PG, nhưng tôi muốn nói có những cái bịnh do sinh hoạt không hợp lý, trời nắng gió mưa sương mình ra ngoài là bịnh, hoặc sinh hoạt thất điều như làm gì đó quá nặng hoặc ăn rồi nằm hoài bụng to, hoặc ăn không chừng mực, nhưng có trường hợp bịnh do nghiệp cũ nghiệp xưa gọi là *bịnh căn*. Ông Kokālika do mang tâm thù hận nên bị nghiệp bịnh đó. Ông cũng có phước đặc biệt là có những vị Phạm Thiên xuống nhắc nhở cho. Theo trong kinh nói thật ra ông theo Devadatta nhưng lại là đệ tử thọ giới của trưởng lão Tudu (có nơi ghi là Turu), vị này chứng Tam quả sau đó từ trần sanh về Phạm cung. Chính vì tình thầy trò nên vị này mới xuất hiện để nhắc nhở Kokālika và lúc đó Đức Phật còn tại thế nên chư thiên lên xuống bình thường. Và chuyện thứ ba phải lưu ý là trong Chú giải ghi rõ, khi ông Kokālika đi vào hầu Phật và thưa điều bất mãn đối với hai vị tôn túc, Đức Phật khuyên ông nên bỏ suy nghĩ ác cảm đó đi, vì đối với bậc hiền thánh, niệm tưởng họ bằng tín tâm thì công đức vô lượng còn nghĩ nhớ đến họ bằng lòng bất mãn thì tội khổ cũng vô lượng. Nhắc ba lần không nghe nên người ông mọc ra những cái mụt. Lúc đó có những vị Thiện thần hộ pháp, Địa cư thiên, nghe được chuyện, truyền miệng nhau là Kokālika đang bị bệnh như vậy do nghiệp xấu, tiếng đồn lên cõi Thiên Vương, Đao Lợi và các cõi rất xa. Trong kinh cho mình biết có những trường hợp xảy ra ở địa cầu này và chư thiên truyền miệng nhau, chúng ta không có thiên nhĩ thông và nghe được chuyện nên không ngờ rằng họ rất thường xuyên để ý những sinh hoạt của loài người và họ có những trao đổi, những dư luận những phê phán, bình phẩm, thị phi về đời sống của loài người. Vì vậy các vị xuống nhắc ông đừng nuôi tư tưởng đó. Lúc đó hai vị tôn túc Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất còn sống nên có tác động đến việc lui tới của các vị Phạm Thiên. Còn ngày hôm nay ai có ác cảm với ngài Xá Lợi Phất thì cũng không ai xuống làm gì, vì phước của mình yếu quá và nếu họ có xuống mình cũng không biết. Thành công lớn nhất của Bà-la-môn giáo là họ viết cuốn Kinh Duy Ma (Vimalakirti), trong đó họ nguyền rủa ngài Xá Lợi Phất không còn cái gì hết. Họ thành công là quyển kinh này lọt vào PG Bắc Truyền để rồi đến hôm nay tất cả đệ tử Bắc Truyền khắp thế giới từ Tàu, Nhật, Mông Cổ, Tây Tạng, VN chửi ngài Xá Lợi Phất không còn manh giáp nào hết. Đánh giá ngài là độn căn hạ trí, tiêu nha bại chủng v.v.... Kinh Duy Ma ra đời vào thế kỷ thứ nhất trước Tây Lịch, và Pháp Hoa ra đời vào thứ 7 sau Tây Lịch, các nhà viết sử nói sự ra đời của kinh Pháp Hoa là một sự hòa giải. Trong Duy Ma hình tượng ngài Xá Lợi Phất bị bôi

vấy một cách phũ phàng, xem ngài ngu dốt trẻ con tầm thường không ra gì hết, nhưng trong Pháp Hoa, bảy thế kỷ sau, viết lại kinh khác, trong đó ghi lại sau này ngài Xá Lợi Phất được thọ ký thành Phật, Devadatta cũng thành Phật. Hôm nay nếu bà con nghi ngờ tôi cho rằng tôi có ác cảm với Bắc Tông và nói có hơi bài xích thì tôi xin giới thiệu các vị một địa chỉ để vào xem, đó là cuốn *Sen Nở Trời Phương Ngoại* của sư ông Làng Mai Thích Nhất Hạnh.

Một loạt các bài kinh liên tục tôi gom hết giảng chung một bài nói về ông Kokālika, trong đây có một câu rất quan trọng: Một loạt các bài kinh liên tục tôi gom hết giảng chung một bài nói về ông Kokālika, trong đây có một câu rất quan trọng: *Mỗi người sinh ra với một cái búa trong miệng. Lưỡi của mình chính là lưỡi búa. Lưỡi búa đó có chặt đứt cuộc đời mình hay không là do mình sử dụng lưỡi búa thôi. Có những phát biểu đem lại lợi ích, có những phát biểu chỉ làm hại mình như cái búa, khéo dùng thì được việc, còn không khéo dùng thì chỉ có hại cho mình.* Dùng lưỡi nói điều bất thiện giống như lấy búa chặt chân mình. Bên Tàu có câu, khi thấy mình làm gì bậy, người ta khuyên: *Đừng tự lấy đá đập chân mình*. Có vị Phạm thiên Tudu thầy cũ của Kokālika biết ông bị bịnh sau chết sanh về địa ngục.

"11) Rồi Tỷ-kheo Kokàlika do bệnh này bị mệnh chung. Bị mệnh chung, Tỷ-kheo Kokàlika sanh trong **địa ngục Sen hồng.."**

Ở đây có điểm tranh cãi giữa các vị viết Chú giải, có vị nói rằng có địa ngục tên là Paduma: Sen Hồng, có vị nói rằng chữ Sen Hồng ở đây là tên một con số. Theo vị này là ông Kokālika vẫn sanh vào A-Tỳ nhưng trong một thời gian dài có số năm được gọi là Paduma. Giống như tiếng Việt, chữ "*ba*" có nhiều nghĩa: cha, tên số, sóng (thu ba, phong ba), chữ "*năm*" cũng vậy có nhiều nghĩa: con số, đơn vị thời gian 12 tháng, 365 ngày. *Paduma* có nghĩa tên của loài hoa sen hồng, và cũng là tên con số mà vị tỷ kheo Kokālika trải qua ở ngục A Tỳ. Ấn Độ có nhiều loại sen, có loại sen bên Bắc Tông đem về trồng đặt tên là Sen Di Đà, hoa không to, chỉ bằng một nửa sen thông thường nhưng 40 cánh, có sen xanh (thanh liên), sen trắng, sen hồng. Vậy là xong những bài kinh liên hệ với ông Kokàlika.

PHẨM THỨ HAI

SANAMKUMĀRA – THƯỜNG ĐỒNG TỬ (Sanaṅkumārasutta), **DEVADATTA** (Devadattasutta)

Vị Phạm Thiên này kiếp trước đắc thiền từ lúc còn là thiếu niên sau đó mất sớm sanh về cõi Phạm thiên và có hình dáng của một cậu bé nên được các Phạm Thiên khác gọi là Sanamkumāra, nghĩa là "cậu bé tóc đào". Vì lòng kính Phật nên vị này xuống đọc bài kệ tán thán Đức Phật. Nói theo quan điểm xã hội Ấn Độ thời này, trong các dòng dõi, vua là số một, nhưng theo tinh thần Phật pháp, khắp cả thế gian này số một là chỉ cho vị Chánh Đẳng Giác.

Một loạt các bài kinh liên hệ với Kokālika tôi không giảng hết thì quí vị tự đọc hiểu nhen. Không phải tôi cố ý bỏ sót mà vì xét thấy: 1. Nội dung trong chánh kinh không có gì giải thích thêm. 2. Trong Chú giải không nói gì hết, chỉ giải thích địa danh. Chẳng hạn trong đây có câu "khi xảy ra chuyện Devadatta và Kokālika thì Phạm Thiên Sahampati có xuống hầu Đức Phật và đọc bài kệ: *Cây chuối có buồng thì sắp chết, cây lau có bông thì sắp chết, con ngựa có mang thì không chạy nhanh được nữa, con người bất thiện khi có chút danh lợi thì đời họ tàn.* Tôi có nói và viết về điều này, tôi gọi là 'tử khí', một trái cây bắt đầu thơm thì đó mùi tử khí báo cho nó biết sắp rụng về đất, nội dung bài viết dựa vào bài kệ này. Khổng Tử có nói đời người có 3 cái bất hạnh:

1- Tuổi trẻ thành công sớm, nghĩa là chưa kịp có kinh nghiệm đời thì do may mắn được cái này cái kia, không còn mở lòng ra để học hỏi nữa.

2- Tuổi trung niên mất vợ. Trung niên mất vợ thì coi chừng về già không có con, còn nếu đã có con rồi thì ai nuôi dạy con, không lẽ bỏ cả đời ra nuôi dạy con.

3- Tuổi già không con cháu.

Ý thứ nhất cũng gần giống như trong Phật pháp, khi có chút danh chút lợi thì 99% con người không mở lòng ra học hỏi nữa. Trang Tử cũng nói: *Chỗ thấp nhất trên mặt đất và mênh mông nhất trên trái đất là biển, vì biển thấp nhất nên biển đón nhận hết nước mọi nơi đổ về, con người biết mở lòng mình ra biết sống khiêm tốn thì cơ hội học hỏi điều hay thiên hạ nhiều hơn là trở thành cái gò, ngọn đồi, cao không bằng ai mà chỉ vừa đủ để không chứa được nước*.

ANDHAKAVINDA (Andhakavindasutta)

Đọc trong đây thấy Phạm thiên Sahampati thường xuyên lui tới hầu Phật. Bài kinh Andhakavinda theo tôi thì cũng không có gì nhắc nhở ở đây hết, mặc dù Chú giải dài nhưng toàn những gì quí vị đã biết. Phạm Thiên nói điều mình tâm đắc.

Hãy ở chỗ núi non,

Xa vắng các xóm làng,

Hãy sống đời giải thoát,

Từ bỏ các kiết sử !

Nếu tại đấy không đạt

Điều Ông ưa, Ông thích,

Hãy sống giữa chúng Tăng,

Hộ trì, giữ chánh niệm,

Và bộ hành khất thực, Vị Sahampati nói lại kinh nghiệm tu học của mình ngày xưa, tu có hai lựa chọn: Lựa chọn thứ nhất mà ông cho là tốt nhất đó là nên tìm đến sống chỗ thanh vắng viễn ly để độc cư thiền định. Nếu trường hợp như mình không thích hợp với đời sống viễn ly độc cư thì trở về sống chung với chư tăng miễn là sống ở đâu đi nữa cũng phải là tu tập.

Nếu tôi có thể, tôi đề nghị bài kệ này của Phạm Thiên Sahampati đáng để vào trong mục công phu mỗi ngày, vì có nội dung tương đối bao quát và mang tính định hướng. Nó mở ra cho mình một gợi ý rất lớn là mình phải làm những gì. Trước hết là khuyên mình hãy ở chỗ thanh vắng một mình để tu tập, tuy nhiên nếu ở chỗ đó không được thì trở về sống chung với đại chúng, nhờ vào sự gia trì sự tiếp sức của đại chúng thì chúng ta sẽ được tốt hơn. Đây cũng là lý do vì sao mà người ta có các thiền viện. Khi mình đến học với thiền sư, mình trình pháp, vài tháng mình trở về tu một mình được rồi, vì sao năm nào cũng chạy qua thiền viện?

Là bởi vì có những người họ biết hết đường đi lối về tu tập như thế nào, nhưng ở nhà một mình họ thấy khó, ít nhất là về mặt tâm lý, không tập trung. Một vài người quen của tôi đi Miến Điện, Thái Lan về kể, ở nhà mình phòng sang trọng sạch sẽ, muốn ăn uống gì thì bước ra nhà bếp, trong khi bên kia thì nóng nực, ăn uống hạn chế, thiếu vệ sinh, nhưng chỉ cần biết rõ mình đang ngồi trong thiền đường với thầy với bạn thì tự nhiên an tâm, khỏe lạ lùng. Vì vậy, có những người hợp với ở một mình nhưng có những người cần sự gia trì tiếp sức chung quanh của thầy của bạn.

ARUNAVATI (Aruṇavatīsutta)

Chúng ta biết rằng trong quá khứ có vô số chư Phật đã ra đời và đã viên tịch, trong tương lai cũng có vô số chư Phật sẽ ra đời và sẽ viên tịch. Hiện tại thì ngay trong trái đất này có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, dầu Ngài đã niết-bàn rồi nhưng giáo pháp của Ngài vẫn còn đó. Ở đây có chuyện hơi tế nhị thế này, cách đây không lâu có một Phật tử nhắn tin cho tôi nói rằng: *Sư Trưởng muốn biết là ngay bây giờ trong trái đất này không có Đức Phật nào hết, chỉ có xá lợi và Tam Tạng thôi, và chung quanh mình cũng vậy, mười ngàn thế giới thì không có, còn bên ngoài có hay không?*

Tôi gọi là chuyện tế nhị vì chuyện đó Sư không hỏi tôi. Vì đang giảng bài kinh này tôi cho là có điểm liên quan nên cũng sẵn mượn đây tôi nói luôn. Bên kinh điển Pāḷi Nam Tông có điểm rất là độc đáo, đó là có những điều không được nói rõ cụ thể nhưng lấy nội dung tổng quát của toàn bộ Tam Tạng nói chung thì ta có ngay một câu trả lời. Quí vị hỏi tôi bên ngoài trái đất này có Phật hay không, tôi biết câu trả lời sẽ gặp nhiều sự chống đối, nhưng tôi vẫn không thể giấu được. Tôi tin chắc 1000% là bên ngoài phạm vi một ngàn tỷ vũ trụ.

'Kotisatasahassa': 'một ngàn tỷ'. *'Koti'*: 'mười triệu', '*satasahassa':* 'một trăm ngàn'. Tổng cộng lại chúng ta có 12 con số zero, tức là một ngàn tỷ. Theo trong kinh, đây là một phạm vi hoạt động của một vị Chánh Đẳng Giác.

Chữ "thế giới" (*loka*) ở đây có hai nghĩa:

1/ Ám chỉ thế giới loài người hoặc 31 cõi (chính xác là chỉ có 27 cõi).

2/ Một trong ba hệ thế giới: *tiểu thiên, trung thiên* và *đại thiên*

-*Tiểu thiên:* gồm 1000 mặt trời, trăng, mỗi thứ đều là 1000. Ví dụ 1000 cõi Bắc Cu Lô Châu, 1000 cõi Đao Lợi, 1000 cõi Đâu Suất…

- 2000 tiểu thiên là một *trung thiên* thế giới.

- 3000 trung thiên thế giới là một *đại thiên* thế giới.

Có vô số cái gọi là *đại thiên thế giới* như vậy. Đây là kiến thức Phật học, đoạn này là chánh tạng chứ không phải Chú giải. Điều đặc biệt là Đức Phật không bao giờ nói điều gì mâu thuẫn với khoa học, trong khi Chú giải thì thỉnh thoảng có. Khi nói về vũ trụ quan, cách nói của Ngài không đi ngược lại khoa học.

Bài kinh Arunavāti nói về một vị Phật quá khứ. Nhân nói về vị Phật quá khứ này tôi nói luôn về vũ trụ quan và sự ra đời của chư Phật. Quá khứ thì có vô số, không ai bàn, tương lai cũng vô số không ai bàn, còn hiện tại thì trong kinh cũng không nói rõ nhưng tôi căn cứ vào những gì đọc trong kinh, trong Chú giải và cả chánh tạng. Các vị có thể không có suy nghĩ giống như tôi nhưng có thể đi tìm hiểu nơi các vị tôn túc đáng tin cậy khác như là ngài Hộ Pháp, ngài Tịnh Giác.

Đức Phật kể lại câu chuyện xưa, trong kinh không nói duyên sự tại sao Đức Phật giảng kinh này. Trong trái đất này có năm vị Phật, vị đầu tiên là Cù Lưu Tôn (Kakusandha), vị thứ hai là Câu Na Hàm Mâu Ni (Koṇāgamana), vị Phật thứ ba là Phật Ca Diếp (Kassapa), vị Phật thứ tư là Cồ Đàm (Gotama), vị thứ năm là Metteyya sẽ thành Phật Di Lặc sau này. Trước khi trái đất này hình thành thì có một trái đất khác có Phật và có những trái đất không có Phật, tiếc là mình ở xa quá mình không nói chuyện với nhau bằng hình ảnh được nếu không thì các vị sẽ không thắc mắc chỗ này. Tôi chỉ nói hy vọng mong manh là các vị hiểu thôi, nghĩa là có vô số các thái dương hệ, tôi đặt tên A, B, C, D, F. Thái dương hệ A, tồn tại được một thời gian rồi mất, trong thời gian mất thì để lại một khoảng trống, tại khoảng trống đó một thời gian sau lại xuất hiện cái khác. Còn những thái dương hệ khác không nhằm lúc hoại thì vẫn tồn tại, và khi nào mất rồi thì để lại khoảng trống, về sau xuất hiện cái khác trong khoảng trống đó. Trái đất này cũng vậy, trước khi trái đất này hình thành thì cũng có những trái đất khác, tạm gọi là cũng ở vị trí trái đất này bây giờ, trong đó có một trái đất có vị Phật tên là Sikhī. Vị này có hai vị đệ tử Thượng thủ Thanh văn: Abhibhu, Đệ nhất trí tuệ như ngài Xá Lợi Phất và vị thứ hai là Sambhava đệ nhất thần thông như ngài Mục Kiền Liên. Bài kinh này là nói đến vị Đệ nhất trí tuệ Abhibhū. Ngài Abhibhu đi theo Bậc đạo sư của mình lên cõi Phạm Thiên và vâng lời thuyết pháp cho Phạm Thiên nghe. Sau khi ngài Abhibhu thuyết pháp cho Phạm Thiên xong, ngài xin phép Đức Phật Sikhī cho ngài dùng thần thông để nói câu kệ cho một ngàn thế giới đều nghe được hết. Một ngàn thế giới gồm một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời nghe được hết. Trong Chú giải đặt câu hỏi*: Làm thế nào để một ngàn thế giới nghe được bài kệ của mình?*

Trước hết ngài nhập thiền bằng đề mục màu xanh để khiến mọi nơi trở nên tối mịt rất nhanh trong giây lát, rồi ngay sau đó, nhập định bằng đề mục màu trắng để tạo ra ánh sáng. Từ sự sáng tối bất thường này đã tạo ra sự chú ý của muôn loài và ngay lúc đó vị trưởng lão mới nói bài kệ như ta thấy trong chánh kinh. Bài kệ này cũng là một trong những bài kệ tôi thuộc lòng, bài kệ rất đẹp:

Hãy đứng dậy, lên đường,

Hãy dấn thân Phật giáo.

Hãy đánh bại Ma quân,

Như voi phá chòi lá.

Ai trong pháp luật này,

An trú không phóng dật,

Đoạn tận vòng sống chết,

Sẽ chấm dứt khổ đau.

Với câu hỏi của Sư trưởng, Sư trưởng muốn các vị cho sư trưởng một bằng chứng nào nguồn tài liệu nào xác nhận hay phủ nhận chuyện ra đời của một vị Phật khác vào ngay bây giờ ở một vũ trụ khác. Tôi căn cứ vào những bài kinh mà tôi được biết vì trong kinh không có chỗ nào nói rõ, lý do không nói rõ là sẽ gây hoang mang, bởi vì ngay giáo pháp của Đức Phật trước mặt mình mà mình không chịu tu và lo nghĩ đến cảnh giới khác làm chi. Trong kinh nói rõ rằng: dù chư Phật quá khứ hiện tại vị lai có ra đời ở đâu, vào lúc nào thì nội dung giáo lý vẫn giống y hệt nhau. Nghĩa là cũng 37 pháp trợ Bồ đề nhưng tùy cơ duyên của chúng sanh trước mặt mà mỗi một người được hướng dẫn theo cách nào. Giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước mặt, mình không tu mà đi tìm cõi này cõi nọ làm chi. Trong thời gian hoằng pháp các vị đã gieo duyên với mình, và rất nhiều chúng sanh ở đây, biết rõ mình muốn cái gì và các vị Bồ tát ở những nơi chốn xa xôi khác chỉ gieo duyên với người của họ, theo tôi nghĩ như vậy. Trong kinh có nói trường hợp có những vị có duyên đắc với Thanh văn thì Đức Phật không ra sức; Ngài biết trường hợp người nào đắc quả dưới sự hướng dẫn của Ngài thì Ngài giúp, còn biết ai gặp Ngài mà không được gì thì Ngài để các vị đệ tử thực hiện việc tiếp độ. Ở đây Sư Trưởng muốn có bằng chứng, tôi trả lời một câu rất gọn: Khi nói "*có vô lượng thế giới*" là đủ rồi. Còn khi mình trả lời '*không*' nghĩa là mình đã chấp nhận thế giới này có giới hạn. Câu trả lời tốt nhất cho câu hỏi này là hai gạch đầu dòng dưới đây:

- Phạm vi hoạt động của một vị Phật chỉ có 1000 tỷ vũ trụ.

- Xin nhớ rằng có vô lượng thế giới.

Bên Bắc Tông sở dĩ họ đi xa đi sâu bởi vì có những vị tổ sư thấy những chỗ bỏ ngõ trong chánh kinh, họ nghĩ thêu dệt thì có lợi chớ không có hại, còn Nam Tông thì bỏ ngõ không nói tới.

BÁT NIẾT BÀN (Parinibbānasutta)

Bài kinh Parinibbhāna không có gì phải chú thích. Bài kinh này chỉ kể lại vắn tắt giây phút cuối cùng mà Đức Phật niết-bàn thôi. Bà con nhìn vào chánh kinh chánh kinh bản tiếng Việt đoạn sau đây:

*"3)…Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ***. Ra Vô sở hữu xứ, Ngài vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.**

4) **Ra Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài vào Vô sở hữu xứ. Ra** *Vô sở hữu xứ, Ngài vào Thức vô biên xứ. Ra Thức vô biên xứ, Ngài vào Không vô biên xứ. Ra Không vô biên xứ, Ngài vào Thiền thứ tư. …."*

Trên đây là bản dịch của ngài Minh Châu nhưng trong bản Pāḷi thì không phải như vậy. Bản Pāḷi như sau:

"Sau khi xuất khỏi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ Ngài nhập thiền Diệt thọ tưởng định (*saññāvedayitanirodha samāpatti*).

(Đầu đoạn thứ tư trong bản Pāḷi): Xuất khỏi thiền Diệt Ngài nhập trở lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng sau đó xuất khỏi rồi nhập Vô sở Hữu Xứ"

Trong bản tiếng Việt đã bỏ đi phần thiền Diệt. Trong bản chánh kinh chỉ kể Ngài vô Sơ thiền, ra Sơ thiền, lên Nhị thiền, lên rồi đi xuống hai đợt. Nhưng trong Chú giải cho biết không phải hai đợt mà là hai mươi bốn ngàn tỷ lần (*catuvīsatikoṭisatasahassa).* Nghĩa là nhập xuất Sơ thiền chừng ấy lần, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng cũng chừng ấy lần. Nói chung là mỗi loại định được nhập xuất hai mươi bốn ngàn tỷ lần rồi lần cuối cùng sau khi xuất khỏi Tứ thiền Sắc giới Ngài lập tức viên tịch.

Dù cho chư Phật hay một chúng sanh bé mọn như con ong cái kiến ('*Kunthakipillika'*: là những loài nhỏ xíu bé mọn tầm thường vô danh nhất) cũng đều kết thúc đời sống bằng khổ đế vô ký. Ai cũng mạng chung bằng tâm quả giống nhau. Trước đó tục sinh bằng tâm nào thì cuối đời sẽ mệnh chung bằng tâm đó. Đầu đời nó có tên là tâm tái tục (*Paṭisandhicitta),* cuối đời nó có tên là tâm

mệnh chung (*Cuticitta*). Tâm này do tiền nghiệp quá khứ mà có, vì là tâm quả nên không thiện cũng không ác, gọi là vô ký (*Abyākata)*.

Ở bài kinh này có những điểm lưu ý:

- Số lần Đức Phật nhập và xuất thiền nhiều lắm mà trong chánh kinh kể rất ít. Ngày xưa lúc còn sinh thời, ngài Tịnh Sự dịch là hai triệu bốn ức.

- Hôm nay ta có internet, có ngài Hộ Pháp, ngài Tịnh Giác, đây là những địa chỉ có thể hỏi, nếu bà con nào ở Miến Điện thì quá khỏe. Trong thời gian coi kinh sách có điểm nào kỳ kỳ thì ghi trong sổ tay, ghi thì phải có xuất xứ đàng hoàng. Người Việt mình ăn chơi thì kỹ chớ mấy vụ này thì ẩu lắm, nhất là Phật tử, không mặn mà trong chuyện nghiên cứu. Phật tử VN tốt bụng nhất thế giới, không cần tìm hiểu Phật pháp mà vẫn một lòng thương kính tăng ni, mấy xứ khác thì chỉ thương kính tăng ni khi nào người ta giỏi Phật pháp. Vì vậy Phật tử VN mình Phật pháp dốt đặc nhưng hào sảng tốt bụng vô cùng, sẵn sàng quì lạy dưới chân tăng ni và sẵn sàng nuôi những người mình hoàn toàn không biết gì hết. Xong bài kinh, xin gặp lại nhau ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 16-9-2014 CHƯƠNG 7. TƯƠNG ƯNG BÀ LA MÔN

DHANANJĀNI (Dhanañjānīsutta)

Trong chương Tương Ưng Chư Thiên có những bài kệ được giải thích đầy đủ những bài kệ đó được nhắc lại nguyên văn trong chương Bà-la-môn này. Xem phớt qua thì thấy có trùng lặp, nhưng nếu người có lòng nghiên cứu thì họ phải mang ơn những cái trùng đó, điều đặc biệt trong kinh là có những câu kệ, những vấn đề được Đức Phật nhắc đến nhiều lần. Ví dụ như khi nói đến những người có nhiều *khẩu nghiệp* bất thiện thì Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại một câu kệ thôi, đó là những người sanh ra với *cái búa trong miệng*, cái búa đó khéo dùng thì đem lại nhiều lợi ích, nếu không khéo dùng thì nó sẽ đem lại nhiều bất lợi, tai hại, khổ báo cho mình. Khi nói trường hợp *kham nhẫn* thì Ngài thường nhắc đi nhắc lại câu kệ là: Người bị người khác *xúc phạm*, chọc giận, nếu không nổi giận thì sẽ được xem như là người thầy (y sư) chữa bệnh cho cả hai, chữa bịnh cho mình và cho người khác. Một bài kệ nữa Ngài nói rằng, khi người khác chọc giận mình mà mình nổi giận là vô tình mình khiến cho đối phương được mãn nguyện, họ được thành công như ý họ muốn. Đó là những câu kệ được nhắc đi nhắc lại trong những tình huống tương tự, tôi cho rằng đây là điều lợi cho mình: dễ nhớ hơn. Dĩ nhiên, với những người có ác ý thì họ cho rằng tại sao Đức Phật không phong phú, không giàu có đến mức ở mỗi trường hợp Ngài nói những câu khác nhau. Theo chúng tôi nghĩ thì khác, không cần thiết. Nếu Ngài thấy rằng vẫn dùng cách nói đó mà có tác dụng lợi ích hiệu quả tương đương thì điều đó có lợi cho đệ tử, những người thọ trì lời dạy của Ngài dễ nhớ. Bằng chứng là trong văn hóa VN mình cũng vậy, có vô số những câu ngạn ngữ, những câu châm ngôn được người ta nhắc đi nhắc lại mà hiệu quả vẫn không kém. Ví dụ *"một lần sợ tốn, bốn lần không đủ", "tính già ra non"*v.v... tác dụng vẫn không đổi mà có cái lợi là người ta có được những công thức dễ nhớ để đời.

Nội dung của chương Bà-la-môn này là nhắc đến nhân duyên xuất gia của một số vị Bà-la-môn trong một dòng họ mang chung họ Bhāradvāja.

Trong bài kinh đầu tiên chúng ta thấy có một bà tín nữ Dhananjāni, bà này có thói quen mỗi lần giựt mình là niệm Phật. Ở đây có chuyện đáng để mình lưu ý, VN mình có một câu thôi: "*Namo Buddhaya"* dịch ra là Mô Phật. Đúng ra chữ Mô Phật không phải là dịch mà là âm, "Mô" đọc tắt của Pāḷi, theo luật Pāḷi là cách thứ tư. Riêng chữ Mô Phật này nhiều vấn đề thú vị lắm, Phật tử Nam Tông người Việt mình chỉ biết *Namo Buddhaya*, nhưng trong Chú giải có chữ thứ hai tương

đương cũng là 'mô Phật': *Namo Buddhassa* (con xin đảnh lễ Đức Phật, con xin hướng lòng cung kính đến Đức Phật), như mình tụng kinh bài Namo Tassa, trong đó xài toàn cụm 'assa'. Vậy chúng ta có hai cách niệm là *Namo Buddhaya* và *Namo Buddhassa.* Trong Chú giải Kinh Tự Hoan Hỷ (Sampasādaniya Sutta) (Trường Bộ Kinh) còn có câu niệm thứ ba mà tôi thích hơn Namo Buddhanam, (con xin kính lễ Trong Chú giải Kinh Tự Hoan Hỷ (Sampasādaniya Sutta) (Trường Bộ Kinh) còn có câu niệm thứ ba mà tôi thích hơn Namo Buddhanam, (con xin kính lễ **Chư** Phật). Mỗi lần giựt mình là bà Dhananjāni "*Mô Phật"*. Ông chồng bà theo Bà-la-môn giáo nên rất ghét điều này. Bà này không phải *nói liệu*, mỗi lần bà giựt mình là bà nhớ Phật bà thấy yên tâm hơn, bà là thánh nữ Tu-đà-hoàn. Chú giải của kinh Dhananjāni có câu niệm "Namo Buddhassā", còn xưa giờ người Việt mình có câu "Namo Buddhaya", "Namo Buddhanam". Làm ơn nhớ chỗ này, niệm Phật không có nghĩa là xin Phật hộ trì gia hộ cho mình. Chuyện đó là trật lất, là vô lý, bản thân Đức Phật khi gặp nạn thì nạn đó của Ngài cũng là tiền nghiệp quá khứ của Ngài, Ngài tránh cũng không được. Bài kinh trước tôi có nói, bên Bắc Tông nói trường hợp Thế Tôn gặp nạn đều là cố ý thị hiện, cố ý thọ nạn để nhân đó có cớ dạy đạo cho chúng sanh. Kinh Nam Truyền không nói như vậy, Thế Tôn vĩ đại vì Thế Tôn có tuệ giác, không thầy chỉ dạy, Thế Tôn vĩ đại vì Thế Tôn có thể độ cho người khác được giác ngộ sinh tử, Thế Tôn vĩ đại vì Thế Tôn có lòng thương chúng sanh vô bờ vô hạn, ai Ngài cũng thương, Thế Tôn vĩ đại vì đức lành nào Thế Tôn cũng có, tuy nhiên Thế Tôn cũng là một con người bình thường, cũng đói ăn khát uống, cũng bị nóng bị lạnh, cũng bệnh hoạn già chết, cũng bị tai bay vạ gởi, cũng bị thị phi, bị xúc phạm, bị người đời hãm hại đủ cách. Không phải vị Phật nào cũng bị số lượng nạn giống nhau. Có vị cuộc đời hoằng pháp rất là suôn sẻ, chẳng hạn như Phật Di Lặc sau này, bởi vì thời gian Ngài tu Ba-la-mật lâu quá, Ngài tu hạnh tinh tấn nên chậm. Bước lên xe mà trước khi bước lên chân dính bùn, đi một cuộc hành trình quá dài thì bùn sẽ rớt từ từ và cuối cùng khô rớt hết, phủi phủi là sạch. Trong khi đó người bước lên xe chân dính bùn mà đi đoạn đường quá ngắn thì bùn rớt chưa hết, vị Bồ tát hạnh trí tuệ giống vậy, họ đi quá nhanh, chỉ một phần tư thời gian của người ta nên khi thành Phật chắc chắn có những vấn đề còn tồn đọng chưa giải quyết, đó là nghiệp cũ, chuyện không có gì lạ hết. Đức Phật gặp nạn mà không tránh được nói chi là mình, vì vậy đừng bao giờ niệm Phật mà nghĩ mình thoát nạn. Bản thân Đức Phật không tránh được huống chi mình. Nếu mình niệm Phật không tránh nạn được thì mình đâm ra nghi ngờ Đức Phật rồi bất mãn nghĩ Ngài không có linh, vậy là sai. Ngài là ông bác sĩ, mình không thể đem hình bác sĩ về treo trong nhà réo tên ông bác sĩ cho hết bịnh, đó là chuyện tầm bậy. Ông

bác sĩ chỉ giúp cho mình một giới hạn chừng mực nào đó thôi, còn chuyện ăn uống kiêng khem điều độ đúng mức sinh hoạt hợp lý là chuyện của mình. Chưa kể không phải bịnh nhân nào cũng chữa hết bịnh. Thời Đức Phật đâu phải ai Ngài cũng giúp cho người ta đắc quả A-la-hán giống nhau đâu, căn cơ nhân duyên tiền kiếp mỗi người khác nhau chứ. Nghĩ niệm Phật để Phật độ trì là bậy, còn hiểu Phật là người ban phước tha tội lỡ niệm không linh thì trách Ngài hay sao. Nếu niệm Phật hết nạn thì mình trả lời làm sao về vấn đề nhân quả với tiền nghiệp của mình?

Vì vậy, niệm Phật là nhớ tưởng đến Ngài trong mọi tình huống để lòng mình thanh thản hơn, niệm Phật là niệm ơn đức của Ngài để mình nhớ hạnh của Ngài mà tu, người thường xuyên niệm Phật theo cách này thì lòng chắc chắn thanh thản nhiều lắm, an lạc dữ lắm. Ví dụ, mình cứ nhớ Ngài là người không có giận hờn, không nhỏ mọn ích kỷ, là người ai Ngài cũng thương, Ngài có cõi lòng rộng mở, Ngài là bậc đại trí, không câu chấp thiên kiến, không câu nệ một chiều hay cực đoan cuồng tín, Đức Phật là sự đối lập với những điều đó. Mỗi lần nhắc đến chữ *Phật* mình nhớ Ngài là người đối lập với tất cả những bất thiện ở đời.

Hai vợ chồng bà Dhananjāni, mỗi người theo một đạo, bà theo đạo Phật, chồng bà theo Bà-la-môn nhưng rất dân chủ, ông nói: *Bà có quyền mời Đức Phật và chư tăng về nhà để cúng dường, tôi cũng có quyền mời mấy ông thầy Bà-la-môn của tôi về cúng dường*. Tuy vậy ổng chơi không có đẹp, theo Chú giải, khách của ổng đến nhà bà tiếp đón lịch sự, còn ngày nào bà thỉnh Đức Phật và chư tăng về là ổng tránh mặt từ sáng sớm. Ổng có dặn: *Mỗi lần thầy của tôi tới thì bà đừng có "liệu" mà nói "Mô Phật",* nhưng bà vẫn không làm được điều đó, nên ông rất giận. Vì vậy ông không cảm mến được Đức Phật, tuy nhiên là một người trí thức, ông tới gặp Đức Phật và đọc bài kệ đại ý nói: *Tôi khổ tâm quá, tôi bực mình quá, giờ bỏ cái gì cho hết khổ tâm hết bực mình*. Vậy mà bản dịch tiếng Việt đọc vô lạnh người quá:

Sát vật gì, được lạc?

Sát vật gì, không sầu?

Có một pháp loại gì,

Ngài tán đồng sát hại,

Tôn giả Gotama?

Đức Phật biết rõ tánh ông này nóng, sân, nên Ngài trả lời: *Bỏ được tánh nóng là yên thôi*. Chúng ta vẫn biết với trăm người đến hỏi Ngài câu này thì chắc chắn Ngài có nhiều cách trả lời khác nhau, với ông Bà-la-môn này thì Ngài trả lời hãy bỏ tánh nóng thì sẽ an lạc, nhưng với người khác có thể Ngài sẽ trả lời đừng thích nữa thì bớt khổ, đừng tham nữa thì hết khổ, bỏ mạn đi đừng coi nặng mình nữa thì hết khổ. Mình cứ tự coi mình là cái chén cái tô kiểu nên dễ bể, bây giờ cứ tự nghĩ mình là sợi tóc, cọng rơm, tờ giấy thì không dễ bị gãy, vỡ hay tổn thương. Tu là biến mình thành ra cọng rơm, sợi tóc, tờ giấy. Có vô số câu trả lời cho ông chồng bà Dhananjāni. Sau khi nghe được câu trả lời vậy, ông đã xin đi tu. Chúng ta cũng đừng lấy làm lạ vì sao chỉ nghe đơn giản một câu vậy mà đi tu, ông này là người đại căn đại duyên đã tu quá nhiều kiếp, ông giống như con gà con trong trứng vào ngày sắp nở, chỉ cần sự giúp đỡ nhẹ nhàng là bung ra. Hơn nữa ông đã gặp một vị Chánh Đẳng Giác. Tôi phải nói thật với bà con một chuyện là chúng ta hôm nay vô phước không có dịp gặp bậc hiền thánh, bậc Đại giác. Nhìn gương mặt của họ, nhìn cách họ cầm quạt lên để quạt xuống thôi, nhìn cách họ mỉm cười thôi, nhìn cách họ cầm một món đồ nào đó, nghe giọng nói, thấy ánh mắt của họ là đủ để mình đảo lộn càn khôn rồi thưa quí vị. Trong đời tôi may mắn có gặp được những vị tôn túc trưởng lão, lúc được gặp thì tôi còn trẻ, tôi gặp được ngài Hộ Tông, ngài Giới Nghiêm, ngài Hộ Giác, ngài Ấn Lâm, ngài Tịnh Sự v.v... rất nhiều, nói chung là trong các vị trưởng lão tôi chỉ hụt gặp hai vị đó là ngài Bửu Chơn và pháp sư Thông Kham. Tất cả những hình ảnh đó ngày xưa mình cũng có quý nhưng bây giờ ngồi nhớ lại phong cách, phong phạm của các vị ấy là hình ảnh tuyệt đẹp cho đời tu của mình. Tôi có gặp ngài Nandamalabhivamsa là Viện trưởng trường đại học Theravada ở Yangon, phong phạm lạ lùng lắm, một người cư sĩ lớn tuổi, đi tu cũng tóc bạc đắp y nhưng nhìn hoàn toàn không giống một ông hòa thượng trưởng lão cao tăng thạc đức thạc học, mình quỳ đảnh lễ mà cứ muốn lấy trán gõ dưới bàn chân của họ. Một bậc đại giác như Đức Phật, gặp được Ngài thì thấy chuyện gì cũng nhỏ hết. Trong đạo tôi cũng gặp những người cư sĩ có chồng có vợ ngoài đời nhưng tự nhiên tôi thấy xấu hổ, dù họ rất là bình thường không phải đắc đạo gì hết, vì niềm tin của họ quá trong sạch và họ là người quá kiểu mẫu, quá mát mẻ. Người của thời nay còn như vậy nói chi là bậc Đại giác như Đức Phật. Ông Bà-la-môn Bhāradvāja này tu nhiều kiếp rồi, lại gặp Đức Phật nữa, câu nói của Đức Phật đúng thời điểm duyên lành của ông chín muồi nên ông đã đắc A-la-hán.

PHỈ BÁNG (Akkosasutta)

Cũng trong dòng họ Bhāradvāja có một ông khác, ông này trong Chú giải nói là *khuyết danh*. Trong kinh ghi là Bà-la-môn Akkosaka Bhāradvāja, *Akkosaka* đây không phải là tên mà là các vị kiết tập sư gọi những người đi chửi bới người khác (abuser) làm tổn thương người khác. Ông này ghét Phật đến mức ổng soạn một bài vè 500 câu có vần có điệu đàng hoàng để nguyền rủa Đức Phật tan nát, ông này cũng có khiếu thơ ca văn nghệ. Chính từ chỗ này người ta mới gọi ổng là Akkosaka (chửi có nghề). Bài kinh này không có gì khó hiểu. Ông tới gặp Đức Phật và nói những lời nói không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng, nhưng cuối cùng rồi cũng xin xuất gia. Quí vị thấy ông nào cũng là Bhāradvāja thì cũng giống như họ Nguyễn, Lê, Trần, Phạm vậy thôi. Lẽ ra không dịch cái tên riêng, nhưng không dịch cũng uổng. '*Bhāra'*: 'gánh nặng' (burden). '*Dvāja'*: 'sanh hai lần' (twice born), chữ này có hai nghĩa:

1. *Con chim hoặc loài sanh ra từ trứng*(lần sanh thứ nhất là chim mẹ sanh ra trứng, lần thứ hai là trứng nở ra chim).

2. *Dòng dõi Bà-la-môn*. Vì sao?

Bởi vì đạo Bà-la-môn nói rằng giai cấp Bà-la-môn sinh ra từ miệng Phạm Thiên, vua chúa Sát-đế-lỵ sinh ra từ ngực của Phạm Thiên, thương gia doanh nhân sinh ra từ đầu gối của Phạm Thiên, nô lệ sinh ra từ bàn chân của Phạm Thiên. Giống như nho giáo bên Tàu, họ gọi vua là thiên tử, họ thần thánh hóa, do văn hóa văn minh mông muội nên họ bịa ra nhiều chuyện. Kiểu như Lê Lợi anh hùng áo vải, Triệu Khuông Dẫn, Lưu Bang, muốn cho dân tin mình mới cho đệ tử chôn lén bia đá có ghi chữ rồi đào công khai, công bố những câu như sấm ký, đồn rằng cơ trời đã báo có minh quân xuất thế, kêu gọi nhân dân ủng hộ thì đời này sẽ được thịnh trị thái hòa v.v... Ngày xưa cũng có một thời tôn giáo và chính trị là một cặp bài trùng đi gạt người ta. Tôn giáo mà Karl Marx, Engels chửi thật ra không liên quan gì PG, mà tôn giáo đó chính là đạo Chúa. Có chuyện rất là kỳ, có rất nhiều đại gia bên VN dịch chữ '*church*' là 'nhà thờ', chớ thật ra '*church*' còn có nghĩa là 'giáo hội' hay là "tòa thánh Vatican". Trong nhiều sách tiếng Việt sau 75, chữ 'church' này thường được dịch là 'nhà thờ', nhưng thật ra có nhiều trường hợp phải hiểu nó là giáo hội hay tòa thánh Vatican nếu viết hoa. Có một thời tôn giáo và chính trị là một cặp bài trùng để mà nắm quyền sinh sát thiên hạ trong tay. Ở đây khi Bà-la-môn Ấn độ đưa ra giáo thuyết quái gở như vậy, họ nói Bà-la-môn là con chánh tông của Phạm Thiên sanh ra từ miệng Phạm Thiên. Họ nói họ là "*Dvāja*" vì đời họ có hai lần sanh, một lần do mẹ sanh ra, lại được Phạm Thiên sanh ra một lần nữa, về mặt tinh thần là lần sanh thứ hai. Chữ *Dvāja* này cũng gợi

ý nhiều chuyện hay hay, nếu mình là người dài hơi già chuyện thì có một tỷ vấn đề để nói trong đó, giống như lật cuốn tự điển thì chữ "ca", "cá" "cà", "ma", "má", "mà" v.v... mỗi chữ thì không biết bao nhiêu vấn đề để nói chuyện với nhau. Có vậy mình mới thấy cái biết của mình trong trời đất này rất là ít, có để ý như vậy mình mới biết tại sao có bậc đại trí như ngài Xá Lợi Phất, tại sao có vị Toàn giác như Đức Phật. Từng hạt cát trong trời đất này đã chứa trong đó vô vàn những vấn đề mình biết và không biết, vô vàn những vấn đề mình cần biết và không cần biết, vô vàn những vấn đề biết có lợi và biết có hại, vô vàn những vấn đề mà mình biết sẽ đem lại hoa hay gai, nước mắt hay nụ cười. Vì vậy đừng bao giờ cho rằng ta giỏi rồi, ta biết đủ rồi, ta biết nhiều rồi. Điều gì tốt bao nhiêu cũng là ít, là thiếu; điều xấu thì bao nhiêu cũng là nhiều cũng là dư, đây là câu thần chú đáng ghi nhớ.

Còn một nội dung nữa của bài kinh này đó là người ta đi tầm đạo, cầu đạo giải thoát, gặp bậc Đại giác, người ta lắng nghe, rồi giác ngộ, còn vị này đến với Đức Phật bằng những lời chửi rủa. Đời sống có hai mặt đen trắng, tốt xấu, lạnh nóng, tối sáng thiện ác, thương ghét v.v... Giác ngộ và giải thoát khác nhau ở chỗ nào?

Có lúc người ta tìm về chỗ sáng, có lúc người ta tìm về chỗ tối, có lúc mình thấy ghét cái gì đó, có lúc mình thấy thích cái gì đó, vấn đề của đời sống chỉ là sự chọn lựa. Có một thời ông quay lưng lại với Phật, quay lưng lại với ánh sáng, một lúc ông nhìn lại. Buổi đầu ông chửi Đức Phật, ông quay lưng lại ánh sáng, sau ông lắng nghe Ngài, khi biết lắng nghe là đã hồi đầu thị ngạn. Đời tu cũng vậy, một thời gian dài mình khổ tâm vì mình quay lưng lại ánh sáng, chống đối lại chân lý. Nhưng có những người suốt đời không nhận ra điều đó, họ không có đủ duyên để nhận ra. Trong văn hóa, tôn giáo, chính trị, họ không có khả năng phân biệt cái gì đem lại cho mình niềm vui, sự an lạc, không đủ khả năng phân biệt cái gì đem lại cho mình nỗi khổ niềm đau. Đời sống là sự chọn lựa, trong muôn người tại sao mình thương người này, mình ghét người kia, mình ghét con vật này mình thích con vật kia. Chọn không khéo thì mình khổ, chọn khéo thì mình vui. Người ta nói đời con gái 12 bến nước trong nhờ đục chịu, riêng tôi sửa lại câu đó, đời người có 12 ngàn bến nước, nam nữ đực cái trống mái giống nhau y chang. Đừng nói chỉ đàn bà con gái lớn lên lấy chồng là 12 bến nước, nói vậy nghèo lắm, sinh ra ở đời mang thân người là mình có 12 ngàn bến nước. Riêng chuyện bầu cử cũng là chọn bến nước, theo đạo nào, chọn bạn nào, cũng là bến nước. Về văn hóa, mình thích văn hóa nào cũng là sự chọn lựa, thích chơi cây kiểng, chơi xe, tiền cổ, bài bạc cũng là sự chọn lựa. Chiều sâu bài kinh này nằm ở chỗ đời sống này là sự chọn lựa, chúng ta suốt đời mãi hoài chối bỏ quay lưng với một số vấn đề, và tìm

về sống chết với một số vấn đề, mà tất cả chỉ là sự chọn lựa của mình thôi, bài kinh này nếu có thể đặt tên thì tôi đặt tên là *Hồi đầu thị ngạn*

ASURINDAKA (Asurindakasutta)

Ông Asurindaka đi đến, cũng có những lời không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Đức Phật. Đức Phật trả lời: *Ai xúc phạm mình, nếu mình không giận thì chẳng những mình đem lại lợi ích bản thân mình mà còn lợi ích cho người khác nữa, là làm "y sư cho cả hai"*. Khi người ta nổi giận là bản thân người ta đang bị bịnh. Theo tâm lý học hiện đại, cơn giận là một cơn điên ngắn, mỗi lần nổi giận là mỗi lần chúng ta lên cơn. Theo Phật pháp thì khi mình thích hay ghét một cái gì đó thì bản thân cái thích ghét đó là một giấc chiêm bao. Tôi biết tôi nói điều này bà con nhiều người sốc. Đức Phật nói thích hay bất mãn điều gì đó là mình đang hiểu lầm. Trong cái nhìn rốt ráo thấu suốt của một bậc thánh thì trên đời này không có gì để thích hay ghét hết. Trên đời này không có người nào đáng ghét mà chỉ có hai hạng người là đáng thương và đáng yêu. Đáng yêu là người thiện và đáng thương đáng tội nghiệp là người bất thiện. Tiếng Việt thì có nhiều trường hợp *thương*và *yêu* đồng nghĩa, nhưng *đáng thương* với *đáng yêu* thì khác nghĩa. Khi mình bất mãn hờn giận ai đó là mình đang trong một cơn điên ngắn. Đức Phật dạy khi mình bị xúc phạm, bị tấn công, mình không bị tổn thương thì ngay lúc đó mình là thầy chữa bệnh cho mình và cho cả đối phương (*y sư cho cả hai)*. Câu kệ này được Đức Phật nhắc tới nhắc lui nhiều lần trong những tình huống tương tự. Câu kệ này như là một công thức sống ở đời, đáng được xem là câu kinh nhật tụng để mình ghi nhớ tâm niệm mỗi ngày. Đời sống này là cõi thị phi, làm sao mình không bị thị phi một cách trực tiếp hay gián tiếp được. Tôi nói hoài là tự kỷ ám thị hay ghê lắm. Tôi cứ tâm niệm một điều "sắp đi rồi". Nếu tôi không có Phật pháp thì tất cả những gì tôi tưởng tượng ra về đời sống và về bản thân tôi đủ để làm cho tôi điên hay muốn nhảy lầu, Nhờ niệm *nhớ về cái chết* mà rất là hay. Ở đây tôi hoàn toàn không khoác lác huênh hoang gì về công phu tu hành, tôi chỉ muốn nói rằng những thị phi hay buồn phiền nào đến với tôi, tôi nhớ về cái chết rất thường trực, không để tu hành gì, mà chỉ để tự cứu. Cái nhớ này rất có lợi, nếu không nhớ thì có tám trăm thứ phiền chực chờ đổ trên đầu mình. Đức Phật đại bi đại trí, Ngài không phiền não, còn riêng chuyện của mình thì mình có nhiều cách tâm niệm, tôi thì chọn niệm cái chết. Mỗi lần nổi cơn điên tôi tâm niệm, mình sắp đi rồi, người làm phiền mình cũng sắp đi. Chỗ ở hiện tại của tôi cách khoảng chừng 200 mét là nghĩa trang. Nghĩa trang đẹp lắm, nhưng đẹp cỡ nào cũng là nghĩa trang, rất đìu hiu cô quạnh. Những ngôi mộ là những miếng đá đẹp cách mặt đất khoảng một tấc với chân dung người đã khuất. Thuở nào còn

sống bao nhiêu vật lộn với đời sống, lo cho vợ chồng con cái, kiếm tiền thanh toán hóa đơn. Rồi một ngày ra ngoài gò nằm một mình, dòng đời vẫn trôi, thế giới tiếp tục vận hành đi về phía trước còn mình đã là kẻ xuống tàu ở lại – nói về thân xác thôi. Tái sinh thì đi về phương trời khác, tiếp tục vòng quay trùng phục và tái hiện mà trong kinh Phật gọi là Samsāra.

BILANGIKA (Bilaṅgikasutta)

Ông Bilangika cũng y như vậy, không thích Phật, bực quá tới gặp Đức Phật. Cái này tôi có gặp rồi, tôi có gặp những cư sĩ họ không có tin đạo nhưng vì do họ chở người nhà tới chùa, không lẽ ngồi ở ngoài hoài, về sau nắng gió mưa sương họ cũng vô chánh điện, chỗ pháp thoại họ ngồi, họ bực mình lắm, trông cho mau xong để về, có người do người nhà rủ, cũng bực mình nhưng phải ngồi. Giống như có người bị điếc nhưng được ông xã bà xã hoặc người quen rủ đi hòa nhạc, không đi cũng kỳ, sợ người ta biết mình điếc, vô thấy ông nhạc trưởng cầm cây đũa huơ huơ cũng ráng trông cho xong rồi về. Ở đây cũng vậy, ông Bilangika đến nhưng bực mình ngồi yên như nằm vạ, không ngờ Đức Phật hiểu được lòng ông và Ngài nói cho ông nghe một câu kệ, nghe xong ông đi xuất gia. Nguyên chương này toàn là như vậy thôi. Những ông Bà-la-môn trong cùng một dòng họ, bất mãn với Thế Tôn nhưng được Ngài cảm hóa nên đã đi xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Tại sao trong kinh nói gặp Phật ra đời là một điều khó?

Hôm nay chúng ta có kinh điển, có chư tăng, có Phật tử, có bạn đạo, nhưng làm gì thì làm, cái may mắn nhất trong dòng sinh tử là gặp một vị Phật, Ngài biết rõ mình như thế nào, Ngài biết mình cái cần gì, một câu thôi. Cho nên có một đoạn kinh mà khi đọc tôi rất xúc động, đó là Chú giải của kinh Đại Bát Niết Bàn kể rằng vào đêm cuối cùng khi Đức Thế Tôn sắp viên tịch, chư thiên trong vô số vũ trụ tìm về chiêm ngưỡng Ngài, ken cứng với nhau trong phạm vi 12 do-tuần vuông. Đức Phật nói với ngài Ānanda : "Đêm nay thiên chúng về nghe Như Lai nói chuyện lần cuối đông đến nỗi không còn một chỗ trống nào có thể chọt cây kim", giống như bột mà nén trong ống tre vậy. Vì có vô số những vị Trời ngày trước biết Bồ tát vừa đản sinh và sẽ thành Phật, họ tự nghĩ sẽ đến hầu Ngài khi Ngài thành Phật, nhưng vì họ sống lâu quá, khái niệm thời gian của họ là thời gian dây thun. Người VN mình cũng toàn là sanh từ cõi Phạm Thiên xuống; người Mỹ người Nhật người Anh, từ Tokyo cho đến New York tranh thủ ráo riết lắm riêng người Việt mình thì một ly cà phê có thể uống tà tà bốn tiếng đồng hồ.

Cả thế giới người ta đầu tắt mặt tối, còn dân VN mình giống chư thiên một điểm là coi thời gian không ra gì hết. Câu nói cuối cùng của Ngài: *"handadāni, bhikkhave, āmantayāmi vo, vayadhammā saṅkhārā, appamādena sampādetha,* "Này các tỷ kheo, đây là lời dạy cuối cùng của ta cho các ngươi, các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn chớ có dễ duôi". Nói xong Thế Tôn lập tức nhập vào Sơ thiền xuất Sơ thiền, nhập vào Nhị thiền xuất khỏi Nhị thiền, nhập vào Tam thiền… cứ như vậy là hai mươi bốn ngàn tỷ lần và rồi lập tức viên tịch. Khi ánh nắng mặt trời chưa ló dạng, Ngài ra đi. Lúc đó họ mới tá hỏa, thuyền đã rời bến mà giờ con mới chịu tới đây, chỉ nhìn bóng đò đi, thấy màn sương phủ mờ bánh lái trên sông. Mình thì hai ngàn năm trăm năm sau mới biết Phật pháp, không biết là xui hay may khi mình là dân VN, vẫn tiếp tục tà tà như "những ngày xưa thân ái".

Những người Bà-la-môn Bhāradvāja này rất bất mãn nhưng chỉ cần gặp được Ngài là Ngài biết họ nghĩ cái gì rồi. Nhiều lần tôi nói, mình muốn dùng cái iphone, laptop của người ta phải biết password của người ta, cũng vậy, đối với chư hiền thánh mình cũng phải biết passcode của họ mới liên thông với họ được, còn không thì tủ kinh chỉ là tủ kinh. Đức Phật là Đức Phật, Ngài ở phương trời của Ngài, mình ở phương trời của mình. Để tìm con đường về với Phật thì mình phải nhìn về cùng một hướng mà Ngài đã nhìn. Ngài kêu gọi sự nhàm chán sinh tử, cho đến bao giờ mình chưa thấy sợ sự hiện hữu của mình trên đời này thì ngày đó mình không cần thiết phải đến với đạo. Ngày nào mình chưa thấy sợ thì chưa hiểu được lời Phật đâu. Có người hỏi tôi "sao nghe giảng hoài mà không muốn đi tu". Tôi trả lời một câu thôi: *Vì các vị chưa thật sự thấy mình bịnh nên các vị thấy thầy thấy thuốc không cần thiết. Nếu tìm đến với đạo để lấp đầy khoảng trống, để tiêu khiển giết thì giờ, để có tuổi trẻ bớt cô đơn, để tuổi già bớt hiu quạnh, để có những giây phút khuây khỏa qua đường như nghe một bản nhạc như đi dự nhạc hội… nếu như vậy thì tôi xin báo trước Phật pháp chẳng giúp được gì đâu. Phật pháp là một bài thuốc chỉ gây hứng thú, thú vị đối với người nào thấy mình là bịnh nhân, thấy sợ bịnh.* Càng coi kinh càng ngộ được một điều, tin Phật không phải là chuyện dễ, hiểu Phật thì càng khó hơn, bởi vì chúng ta chưa đến lúc, hoặc không phải lúc thấy sợ sự hiện hữu của mình trong cuộc đời. Nếu chúng ta có chút niềm tin thì sẽ thấy rằng đời sống này là mong manh, tắt thở rồi không biết mình sẽ đi về đâu. Có người suy nghĩ rất đơn giản rằng*: Ôi dào, chết thì mai mốt tính, hơi đâu, thiên hạ có bao nhiêu tỷ người có ai nhớ tới chuyện đó, thế giới vẫn đi về phía trước, trái đất vẫn quay, mặt trời vẫn lặn và vẫn mọc, mặt trăng đúng ngày lại đến, đúng ngày lại đi, trời đất vẫn y vậy vận hành, biết đạo hay không*

biết đạo, bận tâm cho mấy thì cũng vậy thôi. ". "**Paralokabhayadassavi"** là biết ưu tư khi nghĩ về đời sau kiếp khác. '*Para'*: 'khác'; '*bhaya'*: 'sợ hãi'; '*dassavi':* 'thấy'; '*paraloka'*: 'đời sau kiếp khác'. Từ bé khi tôi nhìn lên trời đêm, bằng suy nghĩ trẻ con, tôi nghĩ không biết cái vô cùng vô tận này dẫn về đâu không lẽ là khoảng không như vậy hoài. Lớn một chút, tôi nghĩ về tôi, thân phận một kiếp người, không lẽ mình thích cái này thích cái kia mình gom thu chất đống rồi cuối cùng khi đi bỏ lại hết hay sao, nghĩ vậy mà buồn vì tôi thích nhiều thứ lắm, đến tuổi này tôi cũng còn thích nhiều thứ lắm. Chưa có gì tàn nhẫn cho bằng khi các vị bước vào trong tiệm đồ cũ của Thụy Sĩ, khi đi du lịch các vị rất nên tìm trên internet chỗ nào có Broki-land, Brockenhaus, đi một lần cho biết, các vị có thể tìm thấy ở đây bất cứ thứ gì trong đời sống mình cần đến, nhiều thứ đẹp giá trị cực kỳ, có những bộ bàn ghế năm bảy ngàn đô la, trong đây chỉ bán từ mấy chục đến vài trăm. Hoặc quí vị đi ra nghĩa trang, đẹp lắm, gần Zurich. Nghĩa trang nằm kế bên bờ hồ, đẹp đến nỗi mình ghen tị với người chết, tại sao anh chết rồi mà choán làm chi cái chỗ quá sức đẹp vậy. Rồi thì cũng buông, buông hết mà đi, không biết đời sau kiếp khác mình đi về đâu, có thể làm con trùn con dế dưới cống, có thể về xứ Châu Phi xa vời nghèo đói nóng nực để ở, có thể về vùng đầm lầy nước đọng muỗi mòng ở châu Á hoặc tuyết giá quanh năm ở châu Âu hoặc vùng xương rồng sa mạc ở Nam Mỹ. Đủ rồi, chúng ta sẽ gặp lại nhau vào ngày thứ Năm.

Bài giảng ngày 18-9-2014 AHIMSAKA (Ahiṃsakasutta)

Một vị Bà-la-môn cũng trong dòng họ Bhāradvāja đi đến gặp Đức Phật. Trong số những vị Bà-la-môn của chương này, ông này là hiền nhất, ông không tới phiền nhiễu Đức Phật, ông tới chào hỏi đàng hoàng và tự giới thiệu tên là Ahimsaka. Chúng ta biết rằng ngài Angulimala, vị trước khi đi xuất gia, giết thật nhiều người để lấy lóng tay xỏ xâu đeo trên trên cổ, vị đó cũng có tên là Ahimsaka (nghĩa là 'vô hại', harmless). Đối với người khác, có lẽ Đức Thế Tôn không nhắc nhở tên đó ra làm chi, nhưng đối với ông Bà-la-môn này, xét thấy cơ duyên của ông phải được nghe Ngài nói nghĩa tên của ông thì ông mới giác ngộ được. Đây là điểm đặc biệt của vị Chánh Đẳng Giác so với vị Thanh văn. Vị Thanh văn hoặc nói chung những người không phải bậc Toàn Giác thì thuyết pháp cho người ta dựa vào cái mình muốn nói; một phần là đánh giá nhận xét người ta nhưng phần lớn là ở phía mình, mình muốn nói gì thì đem ra nói cho người ta nghe. Riêng vị Chánh Đẳng Giác thì không, Ngài không nói điều gì đó chỉ vì đó là ý ngài muốn, mà Ngài dựa vào căn cơ khuynh hướng tâm lý túc duyên nhiều đời của đối tượng trước mặt, đây là điểm đặc biệt. Vì vậy thật là may mắn thay cho ai trực tiếp gặp Đức Phật, thật phúc cho ai gặp được vị Chánh Đẳng Giác, ngay cả gặp được ngài Xá Lợi Phất thì cơ hội giác ngộ cũng rất cao, nhưng cũng không bằng gặp vị Chánh Đẳng Giác, vì Ngài là người có cặp mắt nhìn thấu ba cõi, tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời. Khi Ngài nhìn ông Ahimsaka này, nhìn rõ túc duyên nhiều đời của ông, nên Ngài trả lời thế này: *Tên của ông - Ahimsaka đẹp lắm, nghĩa là Vô Hại, nhưng phải nhớ một điều, sống ở đời quan trọng là phải chính danh.* Chính danh là chữ bên Nho giáo, có nghĩa là chức danh của một con người phải tương ứng với con người đó, dĩ nhiên là nói cái tên đẹp. Đặt tên con cái là Kiệt là Dũng cũng vì cha mẹ muốn cho con được dũng, được kiệt. Nhưng muốn chưa đủ, phải dạy cho nó trở thành người hào hùng. Con gái cũng vậy, đặt tên Hạnh tên Trinh, nhưng phải dạy cho nó đúng như cái tên mình muốn. Sống đúng với cái tên đẹp của mình là khá lắm rồi, chính danh là vậy. Trong Nho giáo có câu chuyện, có người hỏi Khổng Tử: *Thiên hạ đại loạn, làm sao trị an thiên hạ trong khi từ mỗi cá nhân cho đến gia đình, xã hội quốc gia, đủ thứ vấn đề?*

Khổng Tử trả lời rất đơn giản: *Quân quân, phụ phụ, thần thần*. Được gọi là vua phải làm trọn phận vua, xứng đáng chữ vua. Người cha trong nhà phải đáng mặt người cha. Thần thần nghĩa là bề tôi phải sống xứng đáng chức danh của mình. Mỗi người trong xã hội chỉ cần sống làm tròn trách nhiệm chức danh của mình, người nào lo việc nấy thì xã hội sẽ yên. Một tu sĩ hay một tăng ni, một cư sĩ, một thầy giáo, học sinh, làm tròn trách nhiệm của mình là xã hội được nhờ rồi. Nội

dung bài kinh này là như vậy. Đức Phật nói: Ông có cái tên là Bất Hại, hãy sống làm sao đừng . Được gọi là vua phải làm trọn phận vua, xứng đáng chữ vua. Người cha trong nhà phải đáng mặt người cha. Thần thần nghĩa là bề tôi phải sống xứng đáng chức danh của mình. Mỗi người trong xã hội chỉ cần sống làm tròn trách nhiệm chức danh của mình, người nào lo việc nấy thì xã hội sẽ yên. Một tu sĩ hay một tăng ni, một cư sĩ, một thầy giáo, học sinh, làm tròn trách nhiệm của mình là xã hội được nhờ rồi. Nội dung bài kinh này là như vậy. Đức Phật nói: Ông có cái tên là Bất Hại, hãy sống làm sao đừng **làm phiền** người khác. Chữ "làm phiền" trong kinh này nghĩa rất là sâu.

Sống vô hại

Sống vô hại nghĩa là *Thân vô hại, khẩu vô hại và ý vô hại*. . **Thân vô hại** nghĩa là tay chân của mình không làm gì phương hại đến người khác. Người không biết đạo thì cứ nghĩ cướp của đốt nhà giết người thì mới hại người ta, nghĩa không sai nhưng rất là yếu. Chỉ một cái nhìn của mình, một nụ cười, liếc mắt của mình cũng có thể làm người khác tổn thương chớ không cần phải ra tay ra chân. Người sống bằng tâm hồn vô hại thật sự thì không làm chuyện lớn chuyện nhỏ nào làm thương tổn người khác dù ít dù nhiều. nghĩa là tay chân của mình không làm gì phương hại đến người khác. Người không biết đạo thì cứ nghĩ cướp của đốt nhà giết người thì mới hại người ta, nghĩa không sai nhưng rất là yếu. Chỉ một cái nhìn của mình, một nụ cười, liếc mắt của mình cũng có thể làm người khác tổn thương chớ không cần phải ra tay ra chân. Người sống bằng tâm hồn vô hại thật sự thì không làm chuyện lớn chuyện nhỏ nào làm thương tổn người khác dù ít dù nhiều. **Khẩu vô hại** là chỉ một câu nói làm cho người khác bị sốc, bị sợ, giận, buồn, khó chịu thì cũng không nói. *Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân,* cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người ta. Không cần người ta phải chửi mình chỉ cần người ta nói móc, nói cạnh khóe xa gần là mình đã khó chịu. Đối với người khác cũng vậy, một câu nói làm cho người khác khó chịu, sợ hãi tức giận ghen tuông v.v... tránh được càng nhiều càng tốt, bởi tâm hồn mình làm sao mình mới nói ra như vậy. cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người ta. Không cần người ta phải chửi mình chỉ cần người ta nói móc, nói cạnh khóe xa gần là mình đã khó chịu. Đối với người khác cũng vậy, một câu nói làm cho người khác khó chịu, sợ hãi tức giận ghen tuông v.v... tránh được càng nhiều càng tốt, bởi tâm hồn mình làm sao mình mới nói ra như vậy. **Ý vô hại** nghĩa là dù thân và khẩu mình không làm gì hại người khác nhưng trong lòng mình thỉnh thoảng có những suy nghĩ bực mình. Trong kinh nói rõ, kẻ hờn giận bực mình người khác đầu tiên là tự đốt cháy mình, giống như mình tung bụi ngược gió. VN có câu "ngậm máu

phun người dơ miệng mình", đối phương chưa biết gì nhưng tự mình làm khổ mình trước rồi. Tây Phương có câu hay lắm: nghĩa là dù thân và khẩu mình không làm gì hại người khác nhưng trong lòng mình thỉnh thoảng có những suy nghĩ bực mình. Trong kinh nói rõ, kẻ hờn giận bực mình người khác đầu tiên là tự đốt cháy mình, giống như mình tung bụi ngược gió. VN có câu "ngậm máu phun người dơ miệng mình", đối phương chưa biết gì nhưng tự mình làm khổ mình trước rồi. Tây Phương có câu hay lắm: **Mỗi một phút giận là đang hoang phí sáu mươi giây hạnh phúc.** Ngày trước tôi đọc câu này tôi khó chịu, sau ngó lại thì đúng như vậy. Một giây mình sống bằng tâm bất thiện cũng đã là đau khổ, một phút mình sống bằng tâm bất thiện thì mình mất 60 giây hạnh phúc. Đó là lý do vì sao Đức Phật dạy mình sống vô hại. Sống vô hại nghĩa là không nghĩ ngợi, hành động, nói năng điều gì làm thương tổn, phương hại đến lợi ích của mình và của người khác

BỆN TÓC (Jaṭāsutta)

Bài kinh này đã học rồi. Ông Bà-la-môn Jatabhāradvāja đến gặp Đức Phật. *Jaṭā = jatila:* người có đầu tóc dài quấn lại thành cuộn lớn trên đầu như một số tín đồ Hòa Hảo hay Cao Đài ở VN ta. Dĩ nhiên cách cuộn hơi khác một chút, nhìn hình trên internet thấy khác một chút nhưng đại khái như vậy. Câu kệ mà ông Jatabhāradvāja hỏi: *Bạch Thế Tôn, ở đời này ai cũng sống trong những ràng buộc, con hỏi ngài làm sao mình tháo gỡ được?*

Đây là một câu hỏi rất hay, nếu tôi gặp được Đức Phật, đây cũng là một trong những câu hỏi mà tôi sẽ hỏi; hoặc câu *"con bỏ cái gì con thêm cái gì mà con được an lạc, con bớt đau khổ",* đó là những câu quan trọng. Đức Phật trả lời vắn tắt, chúng ta đã học ở chương đầu: đó là những câu quan trọng. Đức Phật trả lời vắn tắt, chúng ta đã học ở chương đầu: Người có trí là người biết và tin hai vấn đề: **tam tướng** và **nhân quả**. Người biết và tin hai vấn đề này sẽ lấy chúng để làm nền tảng tu tập tam học: . Người biết và tin hai vấn đề này sẽ lấy chúng để làm nền tảng tu tập tam học: **giới, định, tuệ**. **Giới** là thân không làm điều quấy, khẩu không nói điều quấy. **Định**: tâm an trụ vào một trong 40 đề mục không để bị lăng xăng, giống như ngọn lửa để thoải mái thì ánh sáng và sức nóng phân tán, nếu tập trung lại thì sẽ sáng hơn, nóng hơn. Tâm mình cũng vậy, tu thiền Chỉ là gom tâm vào đề mục: niệm Phật, niệm hơi thở, niệm đất, nước lửa gió, xanh vàng đỏ trắng v.v... Người không tu nghe cái này buồn ngủ hoặc mơ hồ về tác dụng lợi ích của nó, họ sẽ hỏi, tu mà tập trung tư tưởng làm chi. Một học trò giỏi là học trò có khả năng tập trung tư tưởng, không ai trên đời này làm được việc lớn mà

không có khả năng tập trung tư tưởng. Đầu óc phân tán lăng xăng thì không làm được việc gì hết. Chuyện đơn giản nhất là xắt củ hành, chanh, ớt mà đầu óc lãng đãng là đã đứt tay, nói chi việc quan trọng hơn chi li hơn như lái xe, đi đứng ngoài đường. Làm gì cũng phải cần có khả năng định tâm tập trung vào việc đang làm. **Tuệ** là biết rõ bản chất của mình và của thế giới này là gì, biết rõ sự vận hành của nó ra sao, biết thân này gồm 6 đại: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức, thiện ác, buồn vui. Thiện là nhân của vui, ác là nhân của khổ. Khi vui thì biết đây là quả của thiện quá khứ, khi bực bội thì hiểu ngầm đây là quả của ác quá khứ, khi nào thấy tâm bất thiện thì biết đây là nhân của khổ tương lai, biết tâm mình có lành thiện thì biết đây là nhân của vui tương lai. Hãy nhớ câu thần chú: là biết rõ bản chất của mình và của thế giới này là gì, biết rõ sự vận hành của nó ra sao, biết thân này gồm 6 đại: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức, thiện ác, buồn vui. Thiện là nhân của vui, ác là nhân của khổ. Khi vui thì biết đây là quả của thiện quá khứ, khi bực bội thì hiểu ngầm đây là quả của ác quá khứ, khi nào thấy tâm bất thiện thì biết đây là nhân của khổ tương lai, biết tâm mình có lành thiện thì biết đây là nhân của vui tương lai. Hãy nhớ câu thần chú: **Thiện đời này là nhân của vui đời sau, vui đời này là quả của thiện đời trước, khổ đời này là quả của ác đời trước, ác đời này là nhân của khổ đời sau.**Trong toàn bộ thân tâm mình chỉ có bốn thứ: *thiện, ác, buồn, vui*. Còn về hoạt động thì làm cái gì biết rõ cái đó, pháp môn thiền quán vắn tắt chỉ có nhiêu đó thôi. Buổi sáng thò chân xuống giường, biết chân chạm đất, đi vô nhà tắm đánh răng súc miệng, biết; tay cầm bàn chải cầm cái khăn, biết. Thực hành được như vậy đời sống các vị sẽ an lạc hơn và cái an lạc này hoàn toàn không thể chia sẻ cho người khác được. Người có trí là người biết được tin được lý nhân quả và lý Tam tướng, lấy đó để tu tập Tam học; người như vậy thì ràng buộc nào tháo cũng ra, đủ duyên thì thành Thánh tháo ngay đời này, vô duyên thiếu phước thì cũng là gieo duyên giác ngộ cho đời sau; chuyện quan trọng là phải nhớ Tam tướng và nhân quả, đây chính là nội dung của bài kinh này.

SUDDHIKA (Suddhikasutta)

Bài kinh này bà con tự coi cũng được. Thời gian trước, buổi đầu của lớp Tương Ưng Bộ, tôi giải thích từng chữ từng chữ, sau đó tôi nghe phản ảnh là số người bận tâm đến từng chữ đó không nhiều, muốn giới thiệu cho người quen mà họ nghe không nổi, vô nghe toàn là ngôn ngữ học, bây giờ tôi chỉ lấy nội dung kinh thôi, vì số người nghe trong room trực tiếp không nhiều, còn người quen của họ nghe lại thì nhức đầu.

Ở đây chúng ta thấy chữ '*manta'* có nghĩa là 'chú thuật', nghĩa đen là 'thầm thì', 'lâm râm' (bùa chú). Hai người nói với nhau chuyện gì đó mà với âm lượng vừa đủ cho họ nghe không cho người khác nghe gọi là *manta*. Vô chánh điện hay chỗ thờ phượng nghe người ta khấn nguyện gì đó mà mình nghe không rõ cũng gọi là *manta*. Từ thầm thì lâm râm, *manta* còn có nghĩa là 'bùa chú', 'chú thuật, 'bộ trưởng', 'thượng thư', (ngày xưa gọi là 'thượng thư', giờ gọi là 'bộ trưởng'). Ngày xưa trước mặt vua không ai nói lớn, muốn bàn thảo gì trước khi nói lớn cho vua nghe thì họ chỉ nói nhỏ với nhau. Ngày xưa vua thì muốn chém ai thì chém vì vậy trước mặt vua các quan bàn bạc với nhau phải nói nhỏ nhỏ, do vậy gọi là '*manta'*.

Đức Phật dạy, dù có tụng đọc bùa chú gì đi nữa, dù có sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn chính thống nhưng nội tâm bất tịnh, lừa dối thiên hạ thì cũng không được gọi là Bà-la-môn. Trong khi đó nếu mình xuất thân tầm thường, không gia thế nhưng một khi là vị Sa-môn chuyên tâm tu học, tinh tấn dũng mãnh thì vẫn xứng đáng với danh xưng Bà-la-môn. Một bài kinh khác Đức Phật dạy, xuất thân của một người không quan trọng bằng lý tưởng sống và kiểu sống hiện tại của người đó. Lý tưởng sống nghĩa là khi họ khoác áo cạo đầu họ nhắm tới cái gì, kiểu sống là giờ họ đang làm gì, đang sống ra làm sao. Đức Phật ví giống ngọn lửa cháy từ khúc gỗ loại gì không quan trọng, miễn là hễ nó cháy được thì ngọn lửa luôn giống nhau dù lửa đốt từ cây trầm hương hay cây mít, cây xoài. Nội dung bài kinh này là như vậy. Tây cũng có câu tương tự: *Chiếc áo không làm nên thầy tu*. Nghĩa là phẩm chất của một tu sĩ không phải được quyết định từ điều kiện bên ngoài mà chính từ nội hàm của vị đó. Những bác sĩ được đào tạo có bài bản trường lớp bằng cấp giống nhau nhưng tâm hồn của họ khác nhau, có người đáng gọi là lương y, có người thì chỉ đáng được gọi là thầy thuốc thôi. Lương y là người tốt bụng, có thiện tâm đối với bệnh nhân. Còn người nào nghĩ làm nghề bác sĩ nhiều tiền nên ráng đi học để lấy mảnh bằng thì đó chỉ là thầy thuốc hoặc bác sĩ thôi chớ chưa hẳn là lương y. Tu thì cạo đầu đắp áo gọi là thầy chùa, tăng ni, nhưng được gọi là chơn tăng thì không phải dễ.

AGGIKA – THỜ LỬA (Aggikasutta)

Bài kinh này nội dung hệt như vậy. '*Aggi'*: 'lửa'. '*Aggika'*: 'người thờ lửa'. Hôm nay ở Iran và tại bang nào đó ở Hoa Kỳ có hố ga thiên nhiên cháy hàng ngàn năm. Ở Iran có đạo Bái Hỏa Giáo, họ thờ lửa. Đạo này là gốc của Minh Giáo trong Ỷ Thiên Đồ Long Ký. Ngày xưa có những người thờ con bò, chó, con trâu, con heo, đất đá, cây cỏ… nhưng cũng có người thờ lửa. Lửa có cái đặc biệt:

- Chỉ nhìn thấy nhưng tay không thể sờ chạm nắm bắt.

- Ngọn lửa là thứ vật chất sạch sẽ nhất trên trái đất này, nước có thể dơ chứ ngọn lửa thì không, họ hiểu như vậy.

- Lửa là hình ảnh gần gũi nhất với cái gọi là siêu hình. Siêu hình mà không thấy thì quá trừu tượng. Lửa là thứ vật chất gần với siêu hình nhất, chỉ thấy mà không sờ chạm nắm bắt được. Người ta tin đó là hình thức hiện hữu gần gũi nhất của thần thánh.

Những người thờ lửa, họ cứ châm dầu mãi, hết thế hệ này đến thế hệ khác không cho ngọn lửa tắt. Hôm nay chúng ta biết Phật pháp, không chịu học, không chịu hành trì suy tư, không thấm thía Phật pháp, mai nay sinh ra sa đọa không nói gì, mà mang thân người, gặp đạo gì cũng theo được hết, đã không đi nhanh mà còn phí thời gian nữa. Có một chuyện đáng buồn, có nhiều Phật tử tôi quen, khi quan sát họ tôi thấy nếu tăng ni mà dạy tầm bậy tầm bạ họ cũng không biết, dạy cái gì họ cũng nghe, ngay cả bây giờ có internet có đủ điều kiện tra cứu mà họ cứ nhắm mắt nghe. Aggika Bhāradvāja nói lên bài kệ với Đức Phật:

"Vị đầy đủ **ba minh**,

Thiện sanh và **nghe nhiều,**

Minh hạnh được trọn vẹn,

Hãy thọ món ăn này!"

'*Vijja':*'Ba minh'ở đây ám chỉ cho ba cuốn Veda (Rig Veda, Atharvaveda, Yajurveda) của Bà-la-môn giáo. *"Đầy đủ ba minh"* tức là thông suốt giáo lý Bà-la-môn, ông này biết xuất thân của Đức Phật là vua, có học hành bài bản, ông thích Ngài ở chỗ đó, '*Thiện sanh*' ở đây ý nghĩa là gia thế dòng dõi của Ngài cao quí. '*Nghe nhiều'* là học hỏi nhiều, kiến thức rộng. Ông Aggika Bhāradvāja này biết Đức Phật là dòng dõi vua chúa, kiến thức rộng, nên đem thức ăn cúng cho ngài. Ngài nói với ông ta rằng giá trị con người không phải nằm ở chỗ họ biết cái gì, xuất thân ra sao, đọc tụng bùa chú gì, mà quan trọng là họ sống như thế nào, lý tưởng sống của họ ra sao. Nếu một mình mình không có đạo tràng, không có người giảng thì mình đâu có siêng đọc những kinh này, cũng đâu có dành thì giờ để suy tư những điều này. Nhờ những lớp học như thế này mình có dịp nhìn lại nhiều vấn đề mà lẽ ra mình đã bỏ lơ. Những bài kinh này tuy trùng nhưng nhấn mạnh một điều: là học hỏi nhiều, kiến thức rộng. Ông Aggika Bhāradvāja này

biết Đức Phật là dòng dõi vua chúa, kiến thức rộng, nên đem thức ăn cúng cho ngài. Ngài nói với ông ta rằng giá trị con người không phải nằm ở chỗ họ biết cái gì, xuất thân ra sao, đọc tụng bùa chú gì, mà quan trọng là họ sống như thế nào, lý tưởng sống của họ ra sao. Nếu một mình mình không có đạo tràng, không có người giảng thì mình đâu có siêng đọc những kinh này, cũng đâu có dành thì giờ để suy tư những điều này. Nhờ những lớp học như thế này mình có dịp nhìn lại nhiều vấn đề mà lẽ ra mình đã bỏ lơ. Những bài kinh này tuy trùng nhưng nhấn mạnh một điều: *Giá trị của một người nằm ở lý tưởng sống và kiểu sống của họ.*Mỗi một ngày mình nhìn xem mình sống ra sao, không cần phải tu sĩ mới suy xét, cư sĩ cũng phải xem mình sống ra sao, có phải mình sống như cái máy hay không, ăn rồi đi làm, đi làm về lấy tiền ăn. Đi làm để có tiền, tiền để sống, sống để đi làm… Sống đây là có cái nhà, có mấy bữa ăn, cứ lòng vòng nhiêu đó suốt cuộc đời, đến lúc về hưu, con cái lớn hết, mỗi đứa một phương, còn hai vợ chồng nếu chưa rã thì còn hai người sống với nhau trong căn nhà, nhà chờ cũ, mình chờ chết. Rồi lúc nào đó một trong hai người ra đi trước, người còn lại thì một là con cái thương thì đưa về chăm sóc, còn không thì đưa vô nhà già. Không gì phũ phàng bằng cái đó, hồi đó mình nhà cao cửa rộng bây giờ thì ở trong phòng như ở tù, mỗi ngày nhìn ra cửa sổ, mắt kèm hèm không thấy đường, chỉ nghe tiếng xe chạy, tiếng gió thổi lao xao. Ai tới thăm thì mừng, đó là chưa lẫn, còn lẫn rồi tệ hơn nữa, đầu không nhớ gì như con nít, cơ thể thì đau nhức mỏi chỗ này chỗ nọ. Lúc ngài Hộ Giác còn sống, tôi ở gần ngài mấy năm thỉnh thoảng sáng chiều gặp ngài hỏi ngài có cần cạo gió xoa bóp gì không, ngài lúc nào cũng nói là khỏe lắm. Suốt mấy năm trời ngài chưa bao giờ cần tôi cạo gió. Vậy mà những năm cuối đời, lúc tôi ở Florida về thăm ngài, ngồi chút xíu, ngài nói không giấu diếm: "Giác Nguyên, bóp giùm thầy chỗ này, đau quá". Ở gần ngài mới là biết ngài không bao giờ muốn làm phiền người khác vậy mà ngài nhờ bóp giùm vì ngài đau. Rồi ngài lấy hai bàn tay diễn tả: hãy tưởng tượng đây là khớp, ngày còn trẻ còn có dịch nhờn, giờ khô queo rồi, hai khớp cọ vào nhau làm sao chịu nổi. Không cần bệnh gì hết, chỉ cần đầu khớp xương bị khô mà cọ vào nhau thì đau tới óc rồi. Vì vậy phải để ý mình sống như thế nào, ngày đó cũng sắp tới rồi. Có nhiều bữa tôi hứa vào giảng, tôi thức khuya nên tôi buồn ngủ quá sức, chỉ cần bóc cái máy lên gởi mấy chữ "hôm nay bị bịnh" là ngủ thêm một tiếng nữa, nhưng giờ tôi có một cách chữa rất là hay, nghĩ đến cái chết là tỉnh liền. Càng về sau này tôi càng lúc càng thấm thía niệm cái *sự chết*. Nếu niệm Phật không xong là niệm sự chết. Ai chửi mình, mình cũng niệm sự chết, phải tập! Sẽ có một ngày chỉ cần nghe thấy chữ 'chết' là mọi cơn giận, thích thú đam mê nào cũng lắng xuống hết.

Chữ 'chết' thật sự làm cho tôi sốc. Càng lớn tuổi chữ 'chết' có tác dụng ghê gớm. Niệm 'chết' là cỡ nào đi nữa cũng lắng xuống hết.

Ở đây có một người hỏi tôi rủi không chết êm ái mà ngất ngư mấy năm thì phải làm sao. Tôi chỉ có hai câu trả lời thôi:

1. Bản thân tôi nhiều năm nay, tôi thường có một lời nguyện 1. Bản thân tôi nhiều năm nay, tôi thường có một lời nguyện "con không mong giàu có sung sướng tiếng tăm, chỉ mong được **chết sạch, chết êm** và **chết tỉnh**". Tôi chỉ niệm 3 điều đó thôi, chết sạch thì đừng có bài tiết mất tự chủ hôi hám mình gớm mà người ở gần cũng gớm, chết êm là không có quằn quại giãy giụa, gào thét. Ở Houston tôi có biết một anh Phật tử bị ung thư ruột, tới gần chết thì chỉ bò lết và rống. Chết tỉnh thì đừng hôn mê nói nhảm nói mớ. Tôi từng đi thăm người bệnh lúc cuối cùng nói mê nói tầm bậy, hơn nữa còn sợ mình tiết lộ cơ mật bình sinh.

2. Hãy để tiền nghiệp và hiện nghiệp giải quyết. Tiền nghiệp là nghiệp quá khứ mình không can thiệp được, còn hiện nghiệp là ngay bây giờ mình phải có kiểu sống thiện hơn và khoa học hơn. Thiện hơn là đừng nói, đừng làm, đừng suy nghĩ những gì có cái hậu quả gây hại cho bản thân hay cho người khác. Sống khoa học là gồm 5 điều*: thuốc men, ăn uống, vận động, dưỡng khí, tinh thần* đàng hoàng một chút. Đừng sống như mình thích mà phải sống như mình cần. *Thuốc men:* sử dụng đúng mức, không lạm dụng, không dư không thiếu. *Ăn uống:* cẩn thận, không phải thích gì ăn đó; người châu Á mình toàn thích đồ độc: đồ chiên, xào, nướng. Một ký thịt nướng cháy tương đương với 200 điếu thuốc trong khả năng gây ung thư. Mì gói Thái, Nhật cũng độc không kém. *Vận động:*mỗi ngày phải dành thời gian đốt mỡ trong người của mình. *Dưỡng khí:* đừng tưởng nhà cao cửa rộng là đủ dưỡng khí, vẫn có bụi hoặc khí độc tỏa ra từ cỏ, nhà bếp, lò gas… những thức ăn thừa dính trong bếp lò mỗi lần nóng lên tỏa khí rất độc. *Tinh thần:* hướng thượng và lạc quan, sống thiện theo lời Phật.

SUNDARIKA (Sundarikasutta)

Trong kinh nói rằng, bối cảnh bài kinh này diễn ra vào một ngày mùa đông lạnh, Đức Thế Tôn đang ngồi thiền ngoài rừng. Trong Chú giải nói Đức Phật biết ông Sundarika có thành kiến với những người không có tóc vì vậy khi ngồi thiền Ngài lấy y trùm kín người từ trên xuống. Lẽ ra biết mình đang ở trong khu vực có người, một Sa-môn không trùm kín vậy, nhưng Ngài biết ông này không thích người không có tóc, và biết ổng có đủ cơ duyên giác ngộ, sau này đi xuất gia, nên Ngài mới làm một việc mà nếu trong kinh không nói thì mình không bao giờ biết.

Sau khi cúng bái xong ông Sundarika nhìn quanh xem ai có thể ăn được đồ cúng này, bỏ thì uổng, ông nghĩ đồ cúng là đồ linh thiêng. Từ xa ông thấy Đức Phật trùm đầu, ông không thấy rằng Ngài không có tóc, khi ông lại gần, Ngài tháo y xuống, ông liền thấy khó chịu, muốn quay lui, nhưng nhìn hảo tướng của Ngài, ông suy nghĩ lại: *Trong giới Bà-la-môn của mình cũng có người không có tóc vậy*.

Ở Ấn độ mà không tóc cũng bị thành kiến giống như mình thấy ai đó xăm mình. Nhìn thấy người xăm mình là tôi có thành kiến, hoặc thấy người đời mà cạo đầu tôi khó chịu lắm. Bây giờ qua đây thấy Tây, người lịch sự, có ăn học, xăm mình hay cạo đầu tôi không còn ác cảm, chớ hồi ở VN tôi thành kiến với những người như: đàn bà hút thuốc, đàn ông xăm mình, hoặc không tu hành gì hết mà cạo đầu, tôi nhìn là tôi đánh giá họ thấp mặc dù tôi không phải là cao, nhưng tôi nghĩ họ là người không đàng hoàng. Ông Sundarika cũng là người thành kiến như vậy, nhưng sực nhớ trong những người đàng hoàng cũng có người cạo tóc. Ông hỏi xuất thân Ngài như thế nào, gia đình Ngài thuộc tầng lớp nào. Ngài không thèm nói xuất thân của mình: *Đừng hỏi về vấn đề xuất xứ gia cảnh của một người, quan trọng là người đó hiện giờ đang sống bằng lý tưởng gì, hành trì ra sao, cũng giống như lửa đốt từ loại củi nào đi nữa, miễn nhen lên cháy tốt.* Ông Bà-la-môn nghe thích quá đem thức ăn cúng cho ngài. Chúng ta biết vị tỷ kheo chỉ có một trường hợp duy nhất đó là đi khất thực người ta cúng cái gì mình nhận cái đó, chứ còn nói theo luật thì vị tỷ kheo không nhận thực phẩm nào có từ chuyện nói năng một cách trực tiếp. Mình thuyết pháp, một lúc nào đó người ta mang chai dầu viên thuốc nào đó thì không sao, còn ngay lúc đó vì câu nói của mình người ta cho mình một món ăn thì theo luật là không tốt. Hôm trước mình có học bài kinh Kokālika, ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên dặn không cho ai biết mình nhập hạ, vào ngày cuối, ngài Kokālika có nói cho Phật tử biết, ngài Xá Lợi Phất biết vật thực này do Kokālika nói mà có được nên ngài từ chối không nhận. Nếu **thật sự xuất gia cầu giải thoát** thì tất cả những gì thuộc về nhu cầu vật chất của mình chỉ là **cần** (chỉ nhận những gì không thể thiếu, ví dụ thuốc men, đôi dép) và **đủ** (không dư, cần bao nhiêu lấy bấy nhiêu chứ không để dành) mà thôi. Đối với người thật sự sợ sanh tử cầu giải thoát thì chuyện sở hữu tài sản chỉ là gánh nặng thôi, vì sống nay chết mai, tu sĩ nguyên thủy thì không dính mắc đời đời kiếp kiếp một chỗ ở nào hết, nếu mỗi lần xê dịch mà mang cả đống đồ đạc theo thì không xong rồi, ai dám chứa mình. Vì vậy ở đây Đức Phật trả lời:

Ta không có hưởng thọ,

Vì tụng hát kệ chú,…

…Bậc Đại Sĩ vẹn toàn,

Cúng dường phải khác biệt.

Nghĩa là phải do niềm tin thật sự, do hiểu biết mà cúng dường, chớ không phải do người ta nói gì đó mà mình cúng. Chúng tôi có thể nói rằng, rất nhiều bài kệ trong những phẩm mình vừa học rất đáng để bà con học thuộc lòng. Thứ nhất là nội dung giáo lý rất căn bản, và thứ hai là càng về sau vô sâu những chương khác, bảy ngàn mấy trăm bài kinh, những bài kệ này được lặp lặp lại rất nhiều lần. Nếu hôm nay quí vị thuộc lòng mấy câu kệ này thì cũng như đã thuộc lòng một phần của Tam Tạng, vì những câu này được lặp đi lặp lại như công thức của giáo lý. Một trong những bí quyết của các vị học Tam Tạng ở Miến Điện là gom những câu kệ gồm những đoạn kinh giống nhau, đặt thành ký hiệu, ví dụ a14, cho bài kệ này:

Ta không có hưởng thọ,

Vì tụng hát kệ chú,

Thường pháp không phải vậy…,

Đoạn kệ này, tôi gặp không dưới ba chục lần. Rồi đoạn kệ "*mỗi người sinh ra với cái búa trong miệng"*, ký hiệu b42; đoạn người ta nghe pháp xong hoan hỉ nói: "*Bạch Thế Tôn giống như người dựng lại những gì ngã xuống, đem ánh sáng về nơi chỗ tối…"* đặt ký hiệu f23. Rồi người ta học ký hiệu vậy thôi, bộ Tam tạng gom lại còn chút xíu nên mình không biết vì sao người ta nhớ hay như vậy. Dĩ nhiên, phải nhìn nhận là một sức nhớ cũng kinh hồn lắm chớ không phải khơi khơi mà thuộc mấy ký hiệu này được đâu.

Khi Ngài không nhận, ông Bà-la-môn hỏi giờ phải làm sao, Ngài bảo đi tìm chỗ nào không có chúng sinh rồi đổ xuống đó. Trong kinh nói, Ngài biết cái gì hướng đến Đức Phật rồi thì đó là món đồ đặc biệt. Hơn nữa, những món ăn nào thí chủ nhắm đến Đức Phật thì chư thiên đã bỏ thực phẩm của họ vào trong đó. Chỉ có Đức Phật và các vị Lục thông mới có thể tiêu hóa được thức ăn chư thiên (amatarasa). Khi ông Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nhận chìm vật cúng vào trong nước thì thấy nó sôi lên, ông hết hồn. Nguyên đoạn kệ bên dưới rất hay, Đức Phật nói rằng*: Lửa chỉ là một hiện tượng thiên nhiên, chỉ có thể đốt cháy tiêu hủy những cái gì thuộc về vật chất bên ngoài, chớ nếu nói ngọn lửa là thanh tinh,*

ngọn lửa đốt cháy những điều cấu uế dơ bẩn thì cũng chưa đủ bởi vì nó chỉ đốt cháy được cái bên ngoài mà thôi. Trong đây có đoạn rất thơ mộng:

Này Bà-la-môn kia,

Ta từ bỏ củi lửa,

Ta chỉ nhen nhúm lên

Ngọn lửa từ nội tâm,

Ngọn lửa thường hằng cháy,

Thường nồng cháy nhiệt tình.

Ta là bậc La-hán,

Ta sống đời Phạm hạnh.

Nghĩa là, *tất cả những gì mà các ngươi cúng bái ta đã từ bỏ lâu rồi, ngọn lửa mà ta đốt lên là lửa trong nội tâm của ta, ngọn lửa thiêu hủy được tham sân si, ngọn lửa đem lại ánh sáng soi rọi cho nội tâm của ta là ngọn lửa ta thường nhen nhúm mỗi ngày trong lòng của mình.* Những ngọn lửa ngoài đời thì chỉ để xài bên ngoài. Người tu là người đốt lửa, tu là hành trình đốt lửa, đốt để thiêu hủy những gì cần thiêu hủy, những gì bất thiện; để đem lại ánh sáng, cho mình và cho người. Lửa ở đây là sự thiêu hủy những bất tịnh và đem lại hơi ấm, ánh sáng. Bốn tác dụng của ngọn lửa: *đun nóng, thiêu hủy, hơi ấm, ánh sáng.* Tất cả những pháp thiện mình tu trong lòng của mình cũng có bốn tác dụng như vậy. *Đun nóng* là làm chín muồi những giá trị. *Thiêu hủy* là loại bỏ đi những gì bất thiện hại mình hại người. *Hơi ấm* là khả năng sống trong cô quạnh và độc cư, hơi ấm không để cho mình bị lẻ loi cô quạnh lạnh lẽo nữa, người không có thiện pháp e sợ phải sống một mình, người không có thiện pháp không thể an lạc với riêng mình, người không có thiện pháp không kham nổi tuổi già quạnh hiu của mình. Chỉ có Phật pháp mới đem lại cho mình hơi ấm. Không có *ánh sáng* thì mình mò mẫm đi trong bóng tối nhân gian. Chỉ có hiểu biết và niềm tin vào điều thiện mới cho mình thấy rõ đường hướng sống và hành động. Ánh sáng giúp cho mình không rơi vào hoàn cảnh "Bây giờ tôi phải làm sao đây?

Bây giờ tôi phải an trú vào cái gì?

”

BAHUDHITI (Bahudhītarasutta)

Có một ông Bà-la-môn dòng họ Bhāradvāja, bị mất bò, đi kiếm bò. Gặp Đức Phật, vừa thấy Ngài là ông mừng. Có một chuyện các vị bắt buộc phải nằm lòng, cho dù các vị đang nghe tôi đây có là tỷ phú hay ăn mày, già hay trẻ không cần biết, chỉ cần biết là toàn bộ vũ trụ bao la chỉ có hai thứ hạnh phúc: Hạnh phúc đến từ việc mất cái gì và được cái gì đó. Nội dung quan trọng của bài kinh này là nhắc cho mình nhớ rằng bên cạnh hạnh phúc là cái được, còn có thứ hạnh phúc là không có cái gì đó. Ví dụ, có hai anh chàng A và B đứng cầu nguyện trước tượng Chúa. Anh A cầu xin đánh bài thắng: *Nếu trước tuổi 50 con có mười triệu là mãn nguyện rồi*. Anh B thì cầu xin: *Xin Chúa cho con thiếu nợ 100 đô la.* Anh A ngạc nhiên hỏi vì sao lại cầu nguyện như vậy, anh B nói: *Vì giờ đây tôi đang nợ 50 ngàn đô la.* Với anh A, hạnh phúc đến từ việc được, còn với anh B thì hạnh phúc đến từ cái mất (mất cái nợ). Ở bài kinh này, ông Bahudhiti bị mất một bầy bò mười bốn con, khi đi kiếm bò, thấy Đức Phật ngồi im lặng, ông nói:

Với vị Sa-môn này

Không có mười bốn bò,

Nên không thấy sáu mươi (ajjasatthi)

Do vậy được an lạc…

Nghĩa bài kệ này là vị Sa-môn này không có bò nên không có cảm giác bị khổ tâm khi mất bò. Ông Bà-la-môn bị mất bầy bò này đã một tuần lễ rồi, hôm nay là ngày thứ bảy, trong sáu ngày qua ngày nào ông cũng đi tìm, chính vì mất của nên từng ngày trôi qua ông đều ghi nhớ rõ hết. Trong khi đó ông nhìn thấy Đức Phật an lạc, ngày tháng có trôi qua bao nhiêu Ngài không bận tâm. Một người sống an lạc như lữ khách bên bờ sông thì nước sông có trôi bao nhiêu cũng không quan trọng. Một bài thơ tôi rất là thích:

Chảy đi sông ơi

Băn khoăn làm gì

Rồi sông đãi hết

Anh hùng còn chi.

Chuyện đời luôn bị cuốn phăng về phía trước, không có gì ở yên, có nấn ná thì cũng không nắm giữ được gì. Hình ảnh đẹp của một vị tu sĩ chân chánh là một lữ khách bên dòng chảy của cuộc đời, nhìn ngắm nó trôi đi mà không tưởng tiếc quá khứ, không hoài vọng tương lai. Ông Bà-la-môn thấy Đức Phật không bị mất tài sản nên sống được an lạc như vậy khi ngày tháng trôi đi không phải nhớ từng ngày. Gia đình có người thân mất thì các vị mới thấy, mình nhớ từng ngày, từng tuần thất thứ năm thứ bảy, những năm tháng đó ám ảnh kinh hoàng lắm. Tôi từng sống qua những ngày tháng đó tôi biết, khi mình có chuyện buồn mình ngày tháng nó lê thê lắm, mình nhớ rất rõ chuyện đó xảy ra vào thứ bảy tuần trước, bây giờ là weekend thứ nhì, thứ ba, thứ tư rồi … Khi mình sống chuyên tâm, không có gì ám ảnh, thì năm tháng không phải là vấn đề. Bài kệ này là ông Bà-la-môn tán thán Ngài, vì Ngài không có cái gì nên Ngài an lạc, và Ngài cũng xác nhận điều đó: *Đúng. Ta không có cái gì hết nên ta được an lạc.* Bài kinh này rất dài nhưng ý nghĩa thì ngắn gọn. Dầu ngắn gọn nhưng vô cùng quan trọng và vô cùng cấp thiết cho một đời sống tu tập: *Hạnh phúc trong đời này đến từ một trong hai nguồn: từ chuyện được cái gì đó hoặc từ chuyện không còn cái gì đó.* Thì ra cái có và cái không đều là một gương mặt của đời sống. Thường ta chạy theo cái có, nhưng quên rằng nếu bỏ bớt cái gì đó thì ta cũng an lạc hơn. Ở bên Thụy Sĩ tôi biết, thỉnh thoảng trong nhà áo quần nhiều quá do đi shopping, cái nào không dùng nữa họ đem biếu tặng cơ sở từ thiện. Ngay trường học người ta để cái tủ sắt to, ai có giày dép hay áo quần cũ thì đem bỏ đó để người ta đem đi cho xứ nghèo. Một xã hội như vậy rất hay, tạo điều kiện cho người ta mua sắm và cũng tạo điều kiện cho người ta buông bỏ những gì không còn muốn giữ nữa. Đời sống còn là một sự vay mượn, một sự luân lưu. Nhịp sống phải luôn luôn thay đổi, tài sản cũng vậy. Đồng tiền sống phải khác đồng tiền chết, đồng tiền sống là được huy động cho những kế hoạch làm ăn. Một xã hội có nhận và có cho thì đời sống mới trọn vẹn. Đời sống tinh thần cũng vậy, phải có nhận vào, có trao ra. Điều tôi tâm đắc ở bài kinh này là: không phải lúc nào hạnh phúc cũng đến từ cái có mà hạnh phúc còn đến từ cái không. Không phải lúc nào hạnh phúc cũng đến từ chỗ mình nắm giữ cái gì đó trong tay mà đôi khi hạnh phúc đến từ sự buông bỏ, mở rộng bàn tay ra, mở rộng cõi lòng ra. Không có gì bậy bằng thương thích một người hay một vật bằng cách siết chặt lấy nó, thân này của mình còn không giữ được huống chi là vật ngoài thân. Tôi nhớ hoài câu chuyện một anh Phật tử bị tai nạn xe nát mất cái chân, vào bệnh viện người ta thay cho anh ta một cái chân của một người mới chết vừa hiến xác. Đêm về anh nhìn cái chân thấy xa lạ vì chân của

người khác và sợ hãi vì đó là chân của người đã chết giờ nằm trong cơ thể mình. Anh ngủ không được, chạy đi tìm sư phụ. Thiền sư hỏi: *Tại sao con sợ?*

Anh ta nói: *Cái chân này không phải của con.* Sư phụ hỏi: *Vậy cái còn lại có đúng là của con hay không*?

Anh ta trả lời: *Dạ là của con*. Sư phụ nói: *Nếu chân kia là của con thì tại sao nó lại bỏ con mà đi, cái còn lại rồi thì cũng không chắc nó sẽ ở lại với con suốt đời đâu, vậy con sợ cái gì, con sợ cái chân kia vì nó không phải của con, nhưng thật sự toàn bộ cái thân con nó cũng không phải là của con, chỉ vì lâu nay con nghĩ nó là của con rồi cột tâm con vào nó thôi, nó có thể bỏ con đi bất cứ lúc nào*. Vì vậy, hạnh phúc trên đời này không phải là lúc nào cũng khư khư nắm giữ, mà quan trọng là biết dùng cái mình có một cách đúng lúc, đúng chỗ, đúng việc. Tôi không hề kêu gọi bà con quăng bỏ mọi thứ bà con đang có trong tay, nhưng quan trọng là tôi kêu gọi bà con quăng bỏ mọi thứ trong nội tâm của mình, nghĩa là ngay từ bây giờ phải ý thức rằng . Vì vậy, hạnh phúc trên đời này không phải là lúc nào cũng khư khư nắm giữ, mà quan trọng là biết dùng cái mình có một cách đúng lúc, đúng chỗ, đúng việc. Tôi không hề kêu gọi bà con quăng bỏ mọi thứ bà con đang có trong tay, nhưng quan trọng là tôi kêu gọi bà con quăng bỏ mọi thứ trong nội tâm của mình, nghĩa là ngay từ bây giờ phải ý thức rằng **cái gì thương thích nhất có thể lìa bỏ ta mà đi hoặc ta lìa bỏ nó mà đi**. Đây là tâm niệm rất quan trọng cho người Phật tử. Tôi hứa câu này sẽ giúp cho các vị an lạc ghê lắm, hơn chú Lăng Nghiêm, hơn Chú Đại Bi. Hẹn gặp lại bà con ngày thứ Bảy.

Hình 1 và Sư Giác Nguyên cách đây 38 năm.jpg

Bài giảng ngày 20-9-2014 *PHẨM CƯ SĨ*

CÀY RUỘNG (Kasibhāradvājasutta)

‘*Kasi’*: ‘cày ruộng’, động từ căn ‘*Kas’*: ‘cày’. Trong tiếng Pāḷi có chữ ‘*ākāsa’*: ‘hư không’ (space). Có chỗ giải thích “*Hư không* là chỗ mình không thể cày xới được”, giống như trong kinh nói lúc sắp niết-bàn Đức Phật có giảng một câu kinh (4 cái Không, Kinh Pháp Cú):

Trên hư không không từng có dấu chân chim.

Ngoài bát thánh đạo không có thánh nhân.

Vạn hữu không thể nào có sự vĩnh cửu.

Chư Phật không hề có sự dao động.

(Kinh Pháp Cú 255, Phẩm Phật Đà)

Ākāseva padaṃ natthi,

samaṇo natthi bāhire.

Saṅkhārā sassatā natthi,

natthi buddhānamiñjitaṃ.

Sở dĩ tôi nhắc câu kệ này vì có liên quan đến chữ ‘hư không’. Sở dĩ tôi nhắc chữ ‘hư không’ vì có liên quan đến chữ Kas (cày). Sở dĩ nhắc đến chữ cày vì đang học bài kinh ông Bà-la-môn cày ruộng. Nghe qua giống như lạc đề nhưng tôi đang giảng ‘liên khúc’. Hãy tập nhìn một chữ nhưng thấy ra cả trăm chuyện.

Theo Chú giải, ông Bà-la-môn này sau khi trở thành Phật tử một thời gian thì xuất gia và chứng A-la-hán. Một lần ông gặp Đức Thế Tôn trong lúc đang chuẩn bị hướng dẫn người làm cày ruộng, ông nói: *“Tôi có làm mới có ăn, còn ngài sao không làm gì hết mà cứ đi xin hoài vậy”.* Trong chánh kinh chỉ ghi như vậy, nhưng trong Chú giải thì nói ông này là một người đại trí, ông nói vậy chỉ vì muốn nghe Phật nói điều gì đó. Dĩ nhiên tôi đâu gặp Phật nhưng trong đời tôi gặp một vài người, nhiều khi tôi cũng bịa ra điều gì đó hỏi để tôi được lắng nghe. Tôi nhớ một chuyện xảy ra trong đời tôi, vào năm 1993, tôi gặp HT Minh Châu trên sân Vạn Hạnh. Tôi chào và tôi tiếc lắm, con người này một câu nói cũng đáng.

Tôi nhớ tôi có hỏi một câu: *Bạch ngài, một tăng sinh Nam Tông trẻ như con nên chuẩn bị cái gì*. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ câu nói của ngài, ngài suy nghĩ rất nhanh. Ngài nói: *Nếu là Nam Tông, ngoài tiếng Pāḷi thì sư nên học tiếng Đức. Kinh điển Nam Tông tiếng Đức rất nhiều và phong phú hơn cả tiếng Anh nữa.* Tôi nghĩ đây là một câu nói không phải nói qua loa mà là một sự thấm thía trao truyền nói bằng cả tinh thần trách nhiệm, làm tôi nhớ đến bây giờ. Tôi nghĩ rằng tôi có một cái tính (tạm gọi là tốt) là tôi hiếu học và rất trân quí người tài. Hồi đó tôi từng ở Lê Quang Định và thường gặp cụ Bùi Giáng. Muốn nghe cụ nói chuyện thì phải biết "lịch làm việc" của cụ. Sau 10 giờ sáng mà quán nhậu mở cửa thì cụ sẽ say bí tỉ tới khuya, trước 10 giờ sáng thì cụ còn tỉnh lắm. Thỉnh thoảng gặp cụ ngoài đường, một vài lần tôi đưa cụ qua đường. Những lần như vậy tôi hỏi *"bác muốn đi đâu"*, bữa thì ổng nói muốn đi Già Lam, bữa thì nói muốn đi chùa Dược Sư, ổng thường la cà những chùa đó vì sách vở nhiều, những lúc đó tôi hay tranh thủ hỏi này hỏi kia. Tôi kể chuyện đó là ý muốn nói, ông Bà-la-môn Kasi Bhāradvāja cũng vậy, nhìn Đức Phật là ông nghĩ con người này sẽ có cái gì đó hay ho nói cho mình nghe, và muốn được nghe Đức Phật nên ông mới hỏi câu trên. Đức Phật trả lời: *Có chớ, ta có cày ruộng chớ, nhưng ta cày theo cách của ta. Lòng tin là hạt giống, khổ hạnh (*sự tinh tấn*) là mưa. Trí tuệ là cái cày, Tàm Úy là cán cày, Ý căn là dây cột…*

Chú giải giải thích 'ý căn' (mano) là từ đồng nghĩa với chữ 'tâm' (cittaṃ). *Tâm*ở đây là chỉ cho Tâm Như Ý Túc, nói theo A-tỳ-đàm là các tâm đổng-lực, các tâm thiện-hiệp-thế hoặc thiện- siêu-thế. Trước khi thành Phật, Ngài dùng tâm đại-thiện-dục-giới, sau khi thành rồi Ngài sống phần lớn bằng tâm-tố, tâm làm những việc lẽ ra phải làm bằng tâm đại-thiện, nhưng tâm đại-thiện thì để lại quả báo còn tâm-tố thì chỉ có làm nhưng không để lại kết quả cho đời sau.

Bài kinh này hay là ở nhiều lớp (slice). Lớp đầu tiên, giống như một cách nói mẹo, Đức Phật nói mình cũng làm ruộng, làm ruộng ở đây chỉ cho sự tu tập. Ngài vốn là vua, Ngài đâu cần phải cày bừa cuốc xới, đổ mồ hôi, dù Ngài ở ngoài hay trong đạo, Ngài cũng không phải động tay với công việc nặng nhọc. Nhưng ở đây Ngài nói Ngài vẫn cày ruộng là ý muốn nói Ngài vẫn sống xứng đáng với sự cúng dường của cư sĩ, không phải là người đến giờ thì ăn còn ngoài ra thì trùm mền ngủ, mà Ngài đã sống xứng đáng với sự cúng dường của nhân thiên. Đó chỉ là lớp đầu tiên. Nằm sâu bên dưới, thật ra, nói một cách phũ phàng, cũng trong Tương Ưng này, Đức Phật xác nhận rằng ngày nào còn có mặt trong Tam giới thì ngày đó từng người trong chúng ta dù phàm hay thánh vẫn cứ là người nông phu trên cánh đồng sanh tử mà thôi. Vì trên cánh đồng đó người nông phu phải 'đổ

mồ hôi sôi nước mắt', có khi phải đổ cả máu để đổi lấy hạt thóc lúa trên cánh đồng, "Ai ơi bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần". Chỉ để có một hột cơm trên mâm ăn thì bao nhiêu mồ hôi phải đổ ra. Dù phàm hay thánh hễ có mặt trên cõi đời này, chúng ta luôn là những nông phu. Có điều, có người thì có tiền thuê nhân công, công cụ phương tiện làm việc hiện đại, thu hoạch nhiều, người thì không có đất phải đi làm tá điền, khi trừ hết nợ nần thì không còn là bao, đó là nói theo nghĩa đen. Còn nói theo nghĩa bóng, hễ có mặt trong Tam giới này, có người phải đi tu thiền mới về được cõi Phạm thiên, phải làm được các phước thiện bằng tâm Thiện Dục Giới thì mới về được các cõi Nhân Thiên dục giới còn không thì sau khi sống bằng các tâm bất thiện, (cũng là một cách cày xới, nhưng là cách cày xới thất bại) thì sẽ dẫn về các đọa xứ. Chung quy lại, hễ còn có mặt trong cõi Tam giới này thì vẫn từng phút từng giây, từng ngày từng tháng, từng năm từng thời đoạn trong đời sống đều phải liên tục cày xới. Dù cho có trùm mền nằm thiêm thiếp, bán thân bất toại, nằm bất động, ngay cả trong phút đó anh vẫn là nông phu tiếp tục cày xới trên cánh đồng sinh tử bằng những gì anh nghĩ trong đầu. Nói theo A-tỳ-đàm, dầu tay, chân, miệng mình không làm việc nhưng hễ còn tâm thức thì rõ ràng là đang gieo nghiệp, nghĩa là đang cày bừa cuốc xới chuẩn bị mùa thu hoạch nào đó cho kiếp sau, đó là nói về phàm. Nói về thánh, hễ còn mang thân ngũ uẩn này thì vị đó còn phải chấp nhận sự sanh và diệt của danh sắc, nếu là vị thánh đó còn ở cõi Dục giới, nhất là cõi Người, còn mang thân này vị đó còn phải chịu đi đứng, tắm rửa, vệ sinh thân thể, quét nhà, v.v... Tôi không phải là thiền sư, không phải là hành giả, nhưng thỉnh thoảng khi đứng trong phòng tắm mà thấy mệt, mỗi ngày phải chăm sóc cục nợ mấy chục ký lô này mệt quá, mỗi ngày phải cho nó ăn, nó đau nó nhức, nó nực nó lạnh, nó ngứa nó tê… cứ như vậy mà phải hầu nó từ sáng đến chiều, đó là cày chứ còn gì nữa. Đâu phải cày là cứ phải đi làm lụng kiếm tiền mua miếng cơm manh áo, thật ra cứ còn tấm thân này thì còn là nông phu. Đọc phớt qua thì thấy bài kinh này Đức Phật tìm dịp để thuyết giảng chánh pháp, nhưng chiều sâu của bài kinh này là: Bài kinh này hay là ở nhiều lớp (slice). Lớp đầu tiên, giống như một cách nói mẹo, Đức Phật nói mình cũng làm ruộng, làm ruộng ở đây chỉ cho sự tu tập. Ngài vốn là vua, Ngài đâu cần phải cày bừa cuốc xới, đổ mồ hôi, dù Ngài ở ngoài hay trong đạo, Ngài cũng không phải động tay với công việc nặng nhọc. Nhưng ở đây Ngài nói Ngài vẫn cày ruộng là ý muốn nói Ngài vẫn sống xứng đáng với sự cúng dường của cư sĩ, không phải là người đến giờ thì ăn còn ngoài ra thì trùm mền ngủ, mà Ngài đã sống xứng đáng với sự cúng dường của nhân thiên. Đó chỉ là lớp đầu tiên. Nằm sâu bên dưới, thật ra, nói một cách phũ phàng, cũng trong Tương Ưng này, Đức Phật xác nhận rằng ngày nào còn có mặt trong Tam giới thì

ngày đó từng người trong chúng ta dù phàm hay thánh vẫn cứ là người nông phu trên cánh đồng sanh tử mà thôi. Vì trên cánh đồng đó người nông phu phải 'đổ mồ hôi sôi nước mắt', có khi phải đổ cả máu để đổi lấy hạt thóc lúa trên cánh đồng, "Ai ơi bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần". Chỉ để có một hột cơm trên mâm ăn thì bao nhiêu mồ hôi phải đổ ra. Dù phàm hay thánh hễ có mặt trên cõi đời này, chúng ta luôn là những nông phu. Có điều, có người thì có tiền thuê nhân công, công cụ phương tiện làm việc hiện đại, thu hoạch nhiều, người thì không có đất phải đi làm tá điền, khi trừ hết nợ nần thì không còn là bao, đó là nói theo nghĩa đen. Còn nói theo nghĩa bóng, hễ có mặt trong Tam giới này, có người phải đi tu thiền mới về được cõi Phạm thiên, phải làm được các phước thiện bằng tâm Thiện Dục Giới thì mới về được các cõi Nhân Thiên dục giới còn không thì sau khi sống bằng các tâm bất thiện, (cũng là một cách cày xới, nhưng là cách cày xới thất bại) thì sẽ dẫn về các đọa xứ. Chung quy lại, hễ còn có mặt trong cõi Tam giới này thì vẫn từng phút từng giây, từng ngày từng tháng, từng năm từng thời đoạn trong đời sống đều phải liên tục cày xới. Dù cho có trùm mền nằm thiêm thiếp, bán thân bất toại, nằm bất động, ngay cả trong phút đó anh vẫn là nông phu tiếp tục cày xới trên cánh đồng sinh tử bằng những gì anh nghĩ trong đầu. Nói theo A-tỳ-đàm, dầu tay, chân, miệng mình không làm việc nhưng hễ còn tâm thức thì rõ ràng là đang gieo nghiệp, nghĩa là đang cày bừa cuốc xới chuẩn bị mùa thu hoạch nào đó cho kiếp sau, đó là nói về phàm. Nói về thánh, hễ còn mang thân ngũ uẩn này thì vị đó còn phải chấp nhận sự sanh và diệt của danh sắc, nếu là vị thánh đó còn ở cõi Dục giới, nhất là cõi Người, còn mang thân này vị đó còn phải chịu đi đứng, tắm rửa, vệ sinh thân thể, quét nhà, v.v... Tôi không phải là thiền sư, không phải là hành giả, nhưng thỉnh thoảng khi đứng trong phòng tắm mà thấy mệt, mỗi ngày phải chăm sóc cục nợ mấy chục ký lô này mệt quá, mỗi ngày phải cho nó ăn, nó đau nó nhức, nó nực nó lạnh, nó ngứa nó tê… cứ như vậy mà phải hầu nó từ sáng đến chiều, đó là cày chứ còn gì nữa. Đâu phải cày là cứ phải đi làm lụng kiếm tiền mua miếng cơm manh áo, thật ra cứ còn tấm thân này thì còn là nông phu. Đọc phớt qua thì thấy bài kinh này Đức Phật tìm dịp để thuyết giảng chánh pháp, nhưng chiều sâu của bài kinh này là: *hễ còn có thân này, chúng ta còn là những nông phu.* Người ác, thiện, phàm phu, thánh Hữu học, thánh La Hán, đều là nông phu. Vị La-Hán thì không còn làm thiện làm ác, không còn vật lộn với đời sống như phàm phu và Hữu học nhưng họ vẫn phải làm gì đó trong kiếp sống này trước khi niết-bàn vì vẫn còn đối diện với danh sắc. Chỉ từ cõi Dục Thiên trở lên thì vị La-Hán tương đối nhàn, chứ La-Hán ở cõi Người này thì cũng còn phải tự chăm sóc bản thân, ăn uống, thuyết pháp, bị nhức mỏi v.v.... Cũng trong Tương Ưng Bộ kinh cũng có một bài

Đức Phật từng nhắc rằng thức tái sanh là hạt giống, tham ái là sự mầu mỡ trên cánh đồng, cõi luân hồi chính là cánh đồng. Lấy bài kinh đó cộng với bài kinh này thì phải nói là tuyệt vời. Ngài nói pháp tu để trở thành người như Ngài bây giờ thì *niềm tin là hạt giống, tinh tấn là mưa, trí tuệ là cái cày, tàm úy là cán cày, tâm là dây cột, chánh niệm là lưỡi cày, thân khẩu đều được hộ trì giống như sự chừng mực của người nông phu trong việc điều khiển lưỡi cày, trong từng bước chân của mình.* Không biết ở đây các vị có ai thấy qua hình ảnh một người đang cày ruộng chưa, chắc cũng có?

Tôi từng có dịp quan sát một người cày bằng trâu, cày bằng bò, và cày bằng máy. Không trường hợp nào không có sự chừng mực, đi một đường, quay trở lại phải hoàn toàn chính xác. Ở đây cũng vậy, Ngài nói thân nghiệp và khẩu nghiệp của Ngài đều đã được hộ trì là như vậy. Trước khi thành Phật, Ngài huân tu các hạnh lành: tín, tấn, niệm, định, tuệ, tàm, úy; bảy pháp sức mạnh của thánh nhân, được xem là bảy món nông cụ của một người nông phu. Dầu cho mình không phải là thánh thì mình cũng vẫn là người đang cày xới. Do vô minh trong tứ đế nên mới có ba hành, ba hành chính là nghề nông trong Tam giới. Không biết khổ, tập, diệt, đạo là gì nên mới dẫn đến ba hành, giống như con bò khát nước mà đi uống nước muối vậy. "Chúng sanh già chết khổ sầu, bởi do pháp lậu dẫn đầu vô minh". Khi khổ quá mới tìm lối thoát: sát sanh, trộm cắp tà dâm nói dối (phi phúc hành), khá hơn chút thì làm phước dục giới như bố thí, phục vụ, nghe pháp (phúc hành dục giới), ráng tu thiền để đắc chứng Sơ Nhị Tam Tứ thiền Sắc giới (phúc hành sắc giới), hoặc tu tập để lìa bỏ thiền Sắc hướng đến thiền Vô Sắc (bất động hành). Phi phúc hành dẫn sanh về 4 đọa xứ. Phúc hành dẫn sanh về cõi Dục Thiên và Phạm thiên ngũ uẩn. Bất động hành dẫn sanh về cõi Phạm thiên Vô Sắc. Hết tuổi thọ mãn kiếp rồi thì vẫn quay xuống trở lại như cũ, tiếp tục vòng quay như ngày xưa, nên trong kinh nói vòng luân hồi có nhiều chữ gọi: 1) '*saṃsāra'*: 'sự lặp lại', 'ngựa quen đường cũ'. 2) '*cakkavatta'*: 'vòng quay' (cakka: bánh xe). Có mặt trong đời này mỗi người đều là nông phu hết, nhưng làm ruộng theo cách khác nhau, có người làm ruộng để kiếm sống qua ngày, có người làm ruộng để có được nhà cửa, có người làm ruộng để trở thành tỷ phú.

Làm ruộng có hai cách, có người *làm ruộng để bỏ ruộng* (Đó là những vị Bồ tát, Độc Giác, Thanh Văn giác, Chánh Đẳng Giác, người ta làm thiện, tu tập hạnh lành để lìa bỏ Tam giới) và có người *làm ruộng để ở lại với ruộng,* làm ruộng để có tiền mua ruộng, mua ruộng rồi tiếp tục làm ruộng. Ở miền Tây VN có nhiều người làm ruộng nhưng đào hồ đào ao để có tiền cho con cái du học rồi bỏ ruộng luôn. Mình thì là những nông phu nghèo không có tầm nhìn nên cứ làm ruộng

mua ruộng rồi tiếp tục làm ruộng. Sau khi nghe giảng bài kinh này, ông Bà-la-môn hoan hỉ quá trở thành Phật tử, và vợ con ông cũng vậy. Trong kinh nói ông này rất giàu.

Sinh hoạt thường nhật của Đức Thế Tôn

Chú giải của kinh Kasibhāradvāja nói hơi nhiều về sinh hoạt thường nhật của Thế Tôn. Trong Chú giải có nói rõ một ngày Đức Thế Tôn sinh hoạt như thế nào. Trước bữa ăn, sau bữa ăn, đầu hôm, giữa đêm, rạng sáng Ngài làm gì. Bữa nào Đức Thế Tôn nhìn thấy bữa nay Ngài cần đi độ sinh một mình hoặc đi với riêng ngài Ānanda thì bữa đó Ngài đóng cửa hương thất đến giờ khất thực chớ không thông báo, chư tăng biết thì tự đi. Còn hôm nào Ngài muốn đi chung với chư tăng thì đến giờ khất thực cửa mở, chư tăng tập trung ở đó chờ để đi chung với Ngài. Sau giờ trưa, Đức Thế Tôn có nghỉ ngơi một chút, nghỉ ngơi đây không phải là nằm ngủ mà Ngài tọa thiền, thường là nhập thiền Quả. Mình nghe chữ 'nhập' hay 'hóa hiện thần thông' thì nghĩ chắc là cái gì ghê gớm lắm, phải ngồi xếp bằng, tập trung tinh thần v.v... Không phải vậy, chữ thần thông tiếng Pāḷi là '*iddhi'*, từ động từ '*ijjhati'* nghĩa là 'muốn'. Quí vị nghe mấy sư tụng kinh chúc phúc có câu này: nghĩa là 'muốn'. Quí vị nghe mấy sư tụng kinh chúc phúc có câu này: **"ijjhitam patthitam tumham khippameva samijjhatu",** nghĩa là điều gì quí vị, mong mỏi (*ijjhitam*), ước nguyện (*patthitam*) hãy sớm được thành tựu. Thần thông đây chỉ là 'muốn' thôi, với một người đã chứng được ngũ thông, hoặc ngũ thiền Sắc giới, nhưng phải là người có sự thuần thục. Có người đắc ngũ thiền chỉ để đắc thôi, có người đắc ngũ thiền nhưng hạn chế về đắc ngũ thông, có vị đắc thiên nhãn nhưng không đắc thiên nhĩ thông, hoặc cũng đắc ngũ thông nhưng thiên nhãn của A khác B. Trong Chú giải có ghi, sau khi Đức Thế Tôn Niết-bàn, có một vị La-Hán buổi sáng đánh răng nghe một tiếng 'rắc', nhìn lên thấy hai sa-di ở trên nhánh cây mà nhánh cây đó gãy, đang đánh răng vậy mà ngài vẫn kịp nhập thiền rồi hóa thông (thật ra nói dài vậy, chớ chỉ là ngài 'muốn'), nhìn lên ngài chỉ chú *nguyện "hãy được an lành"* thế là họ đáp nhẹ nhàng như một cánh bướm. Tôi nhớ một bài kinh, có người đến hỏi: *Bạch Thế Tôn muốn trở thành La-Hán thì phải làm sao?*

Đức Phật trả lời: *Tu tập Tứ Niệm Xứ!* Vị ấy hỏi: *Khi đắc A-la-hán rồi, gánh nặng đã đặt xuống, không còn chuyện gì để trau dồi nữa, thì an trú trong cái gì?*

Đức Phật trả lời: *Vẫn tiếp tục an trú trong Tứ Niệm Xứ!* Chỉ vậy thôi, không gì khác, bởi vì đó là sự an trú tối thượng, tối hậu. Một người không còn phiền não

nữa hoặc người đã hiểu được đạo thì vị ấy thấy rằng trên đời này không có chỗ nào an trú tuyệt vời hơn là Tứ Niệm Xứ, biết rõ rằng mọi thứ diễn ra như thế nào. Vị này sau khi xuất gia xong thì chứng A-la-hán. Sau giờ ăn thì Đức Thế Tôn nhập thiền quả hoặc an trú chánh niệm. Buổi chiều có cư sĩ đến nghe pháp, Ngài thuyết pháp cho đại chúng, có chư tăng ngồi ở đó. Buổi tối ngài thuyết pháp riêng cho chư tăng. Buổi khuya ngài trả lời câu hỏi cho chư thiên, Phạm thiên xuống. Rồi nghỉ một chút, rạng sáng Ngài dùng Phật nhãn quan sát hôm nay ai sẽ là người Ngài độ, bằng cách nào, cần sự có mặt của ai đó thì Ngài sắp xếp, hoặc là đi một mình.

UDAYA (Udayasutta)

Theo tôi, đây là một trong những bài kinh hay nhất trong Tam tạng. Một lần đó Thế Tôn đi khất thực, ngài đến nhà của một ông Bà-la-môn Udaya. '*Udaya'*nghĩa là "mặt trời mọc" (sunrise). Đúng ra là cái tên không cần dịch, nhưng cũng tiện đâu nói đó cho bà con biết thêm được một chữ, mai mốt có con đi chùa mà muốn cho con mình có tên Pāḷi giống như bên Cơ Đốc có tên thánh, hoặc vô facebook, biết nhiều chữ đặt nickname cũng hay. Tôi có khuynh hướng thay vì đặt pháp danh cho Phật tử, tên nào thấy hay hay mình giữ nguyên Pāḷi đặt cho họ thôi. Ví dụ trong Pāḷi có chữ '*visākhā'*(mỹ nhân, giai nhân). Trong tiếng Pāḷi là *visesasākhā*, ghi tắt là *visākhā*. *Sākhā* là tứ chi, cây có nhánh cũng gọi là *sākhā*. Tay, chân, đầu cũng gọi là *sākhā*, người nào mặt mũi đẹp, tay chân đẹp thì gọi là '*visākhā'*. Người nào tên Diễm cũng có thể dịch là *Visākhā*. Tôi nhớ có cô Phật tử ở VN, được sư phụ đặt tên là Karunā (bi). Cổ gặp tôi bên Trung Quốc, cổ thích chữ Karunā nhưng con gái mà tên Bi thì kỳ, tôi suy nghĩ một lát, tôi dịch ra cho cổ cái tên, mà đến bây giờ tôi vẫn thích *"Mẫn Nhi"*. Chữ Sucarita có vị dịch là 'Thiện Hạnh', nếu là học trò của tôi, tôi sẽ dịch là Hạnh Tử, Hạnh Quân hoặc Hạnh Nhi, rất là dễ thương, nữ tánh, chữ Hạnh là đủ rồi không cần thiện. Chữ Hạnh nằm trong tên người ta thì đã là thiện rồi, không lẽ ác hạnh. Sucarita dịch là Hạnh Tử, nghe tên rất là Nhật, thảy vô một bộ kimono cầm cái sushi là thấy Nhựt Bổn rồi.

Bài kinh này hay ở chỗ này, ông Udaya này sau khi cúng dường Thế Tôn xong rồi nói: "Thấy người ta cho được rồi cứ tới hoài". Chỉ có Thế Tôn, Ngài là con voi ngoài trận, bao nhiêu lằn tên mũi đạn hứng hết, cũng giống như trước 75 ra trận người ta cứ kiếm lính truyền tin mà bắn trước, vì anh này còn là mình còn bị pháo kích mệt nghỉ. Ngày xưa ra trận là người ta nhìn con voi, vì con voi bự nhất, nguy hiểm nhất, và thường voi chở sếp cho nên người ta nhắm vào con voi. Đức

Thế Tôn cũng là chỗ nhắm của thiên hạ, vì lòng độ sinh mà Ngài phải dấn thân, đối diện với đủ thứ hạng người thiên trời địa đất, Ngài đâu có được gì, chỉ vì lòng đại bi. Nhiều lúc đọc kinh tôi thấy Ngài bị người ta đối xử tệ, tôi có cảm giác Ngài giống như bà mẹ già đi giữa lửa đạn du côn du đãng tìm đứa con lưu manh hỗn hào phạm thượng rồi đưa nó về săn sóc cho nó. Ngài cũng đi vào nơi dơ bẩn để đem con về, tôi từng thấy hình ảnh trong sách, trong phim những người mẹ nuôi con bị điên, đứa con phun vô mặt, bôi dơ dáy, đánh chửi mẹ, mà người mẹ thì hết lòng lau mặt đút cơm cho con và cười với nó. Chỉ có vị Chánh Đẳng Giác mới làm như vậy thôi. Người mẹ chỉ có thể vĩ đại với riêng con của mình, riêng vị Chánh Đẳng Giác thì tất cả chúng sanh trên đời ai đó có duyên với Ngài thì lập tức Ngài chịu cực chịu khổ, vì vậy ngài được gọi là Điều ngự trượng phu (*Purisadammasārathi*).

Sau khi ông Udaya mắng Thế Tôn và nói "thấy xin được xin hoài". Đức Phật trả lời: *"Chưa đâu, người như ta đây là cuối cùng, người như ông mới là "hoài". Chữ "hoài" này mới là dành cho người như ông."* '*Punappunaṃ'*: 'hoài hoài', 'liên tục' (again and again).

Lần này và lần khác

Nông phu đi làm ruộng

Lần này và lần khác

Hành khất đi xin ăn

Lần này và lần khác

Người lành được bố thí

Lần này và lần khác

Người bố thí sanh thiên

Lần này và lần khác

Người nuôi bò lấy sữa

Lần này và lần khác

Bò mẹ tìm bò con

Lần này và lần khác

Phàm phu đi tái sanh

Lần này và lần khác

Người ta sanh rồi tử.

Chữ '*Punappunaṃ'*được lặp lại 14 lần, rất là đặc biệt. Ngài nói: *Ta kiếp này là hết rồi, còn ông mới là hoài, hết kiếp này đến kiếp khác*. Luân hồi là sự tái hiện, sự trùng phục, ngựa quen đường cũ. Tôi nhớ đầu năm nay tôi có viết bài tản mạn tựa là "Ngựa quen đường cũ". Toàn bộ đời sống của chúng ta, toàn bộ nền văn minh của nhân loại cũng chỉ là "ngựa quen đường cũ". Tất cả niềm vui nỗi buồn của chúng ta trong cuộc đời này cũng chỉ là "ngựa quen đường cũ", mỗi ngày chúng ta tắm giặt, ăn uống, vệ sinh, buồn vui, khóc cười, đi đứng, giao thiệp, làm lụng tích lũy, hưởng thụ, ưu tư, lo lắng đều là '*punappunaṃ', c*ứ lần này lần khác, cứ mãi hoài liên tục như vậy. Chỉ riêng bài kệ này thôi đã là cương lĩnh giáo lý của đạo Phật, là diện mạo dung nhan của Tam giới. Chỉ riêng bài kệ này thôi với 14 lần lặp lại chữ *punappunaṃ* đã nói rõ toàn bộ hành trình sinh tử của chúng sanh trong Tam giới. Cứ mỗi lần cầm đũa ăn, múc nước tắm, cứ nhớ, lại thêm một lần nữa ta làm chuyện này, còn bao nhiêu lần nữa ta làm chuyện này?

Những người có lòng quan hoài về xã hội, những người làm chính trị, họ mong lập nên một thiên đường ở thế giới này, ai cũng mong thế giới này tốt hơn, đó là chuyện quá tuyệt vời, nhưng nếu trái đất này hoàn hảo như những chính khách tâm huyết, những người ưu thời mẫn thế mong đợi, bằng chủ nghĩa nào đó đã biến cả thế giới này trở thành tuyệt vời như cõi trời Đao Lợi, rồi thì sao, sống hết tuổi thọ rồi cũng chết. Trên cõi Đao Lợi người ta sống 36 triệu năm, rồi thì sao, tan loãng như một làn khói, đi theo nghiệp của mình. Gần hơn một chút là cõi Tứ Thiên Vương, 9 triệu năm, hết 9 triệu năm đó thì tiếp tục hành trình mù mịt không có gì chắc chắn, lấy gì có thể tin cậy được. Ở đời có hai sự lặp lại: *lặp lại để quẩn quanh và lặp lại để giải thoát*. Điều lành cần lặp đi lặp lại để huân tu (tích lũy) thiện pháp để mà đi. Có người tích lũy tài sản để mà ở, có người tích lũy thiện pháp để mà đi giống như những loại người làm ruộng ở bài trước. Tất cả chúng ta ở đây, đã có vô số lần chúng ta sanh làm Phạm thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, vô số lần chúng ta là những vị Chuyển Luân Vương, Đế Thích, Ma Vương, vô số lần chúng ta vào ra A tỳ Địa ngục như thái tử vào cung, vô số lần làm dòi bọ, trùn dế, tôm cua, vô số lần chúng ta sống nhoi nhúc trong hầm cầu ống cống, vô số lần chúng ta là dã hạc trên núi cao, là kình ngư ngoài biển cả

v.v... rồi thì sao, giờ chúng ta ngồi đây. Chuyện trước mắt là chúng ta tiếp tục *punappunaṃ*, lặp đi lặp lại, lặp lại với lòng cầu giải thoát thì không lặp lại nữa.

Đây là một bài kinh rất tuyệt vời. *"Trên cánh đồng sinh tử, người vắt sữa tiếp tục vắt sữa đời này qua đời khác. Trên cánh đồng sinh tử, bò mẹ đi tìm bò con bò con đi tìm mẹ. Trên cánh đồng sinh tử người hành khất tiếp tục ăn xin…".*Tôi nghĩ bài kinh này được dịch lại thơ mộng một chút, đáng được xem là một bài nhạc đạo. Nói ra thì đau lòng, chưa bao giờ chúng ta phải nhìn nhận người Phật tử VN có một loại nhạc đạo mà phải xài chữ "kinh hoàng". Đúng ra những bài này rất đáng được những nhạc sĩ Phật tử dịch lại, không biết tiếng Pāḷi cũng không sao, cứ dựa vào bản dịch này viết lời lại, giống như Dòng sông xanh, Mùa thu chết, Bến Thượng Hải, Dạ Khúc, Sad Movie v.v... người ta chỉ lấy melody và một ít lyric thôi. Với tôi, bài này đáng được xem là bài thần chú để tâm niệm mỗi ngày. Nội dung thơ mộng của bài này đáng được trở thành một nhạc khúc PG rất tuyệt.

DEVAHITA (Devahitasutta)

Trong Chú giải nói rằng Đức Thế Tôn thường xuyên bị chứng đau lưng, do hậu quả của sáu năm khổ hạnh. Trước khi thành Phật Ngài là người rất thông minh, làm gì thì Ngài làm tới nơi tới chốn, khi Ngài muốn đi tu thiền với hai sư phụ, sư phụ chỉ nói sơ là Ngài đắc liền. Đến lúc Ngài khổ hạnh, Ngài nghĩ là thân này phải bị hành hạ, đày đọa, vì Ngài quá thông minh nên Ngài nghĩ ra nhiều cách để phá thân này cho nó hư. Do tiền nghiệp, Bắc Tông thì gọi là thị hiện, là lòng đại bi, nhưng thật ra do tiền nghiệp ngày xưa Ngài có một suy nghĩ bất kính đối với Phật Ca Diếp, ngài nói vị này chậm chạp lắm, chắc là đắc quả chậm. Chỉ có suy nghĩ bất kính như vậy thôi, mà Ngài suy nghĩ như vậy là do hiểu lầm. Khi Phật Ca Diếp giảng đạo cho người chậm, đã dùng cách nói tương ứng với trình độ người đó, đó là cái thiện xảo của Ngài, giống như khi mình tiếp xúc với một người nông dân ít học, dùng từ ngữ cao siêu hình ảnh mắc mỏ họ không hiểu, phải đem chuyện đồng ruộng lúa nước ra để nói với họ. Nếu xui có Phật tử nào đó nghe chuyện lại cho là mình dốt khi nghe mình nói toàn chuyện ruộng đồng. Khổ ở chỗ là tưởng giảng sư đó dốt nhưng thật ra người ta đang tùy duyên. Chỉ vì lòng bất kính mà Đức Phật đã phải trải qua thời gian khổ hạnh 6 năm, trong khi chư Phật khác chỉ trải qua tối đa 10 tháng, 3 tháng, 1 tháng hoặc 7 ngày tượng trưng thôi, ví dụ nhịn ăn một ngày, nằm trên đất một ngày, nghỉ tắm hai ngày, chỉ thử một chút cho có vậy thôi. Còn đức Bổn sư của chúng ta thì thực hành cái nào ra tới cái đó, Ngài từng vì pháp khổ hạnh mà Ngài ốm đến mức mà rờ bụng đụng lưng, rờ lưng đụng bụng, cảm nhận được cả phía trước. Ốm đến mức mà hai

mông như móng con lạc đà, hai mắt trông như hai cái giếng, các hảo tướng biến mất hết. Ngài ốm đến mức mà nhiều vị Trời cứ nghĩ Ngài sẽ chết. Còn ở dơ thì Ngài lấy phân bò bôi khắp người, Ngài ăn phân bò, đi tiêu ra rồi ăn trở lại. Không phải Ngài không biết dơ mà vì Ngài muốn theo đuổi tất cả các pháp môn ở đời, muốn giác ngộ để trở thành vị Chánh Đẳng Giác. Nếu coi kinh mà coi không kỹ chỉ coi phần Ngài đã thành đạo thì không còn gì để nói, hãy coi lại lần nữa đi, sẽ thấy Ngài vĩ đại ngay cả trước khi thành Phật. Từ một ông hoàng muốn gì cũng có mà vô trong rừng nằm ngủ gối đầu lên những bộ xương, những ngày mùa đông thì không mặc gì hết, xuống suối lạnh ngâm, ngày mùa hè thì Ngài ngồi phơi nắng, ăn thì nhịn đói hoặc ăn toàn đồ dơ. Khi phát hạnh viễn ly thì Ngài phát nguyện trong suốt thời gian đó sẽ không gặp ai, có lần đang ngồi giữa trưa nắng chang chang, gặp bóng người chăn bò Ngài phải bỏ đi xa hơn. Hạnh nào Ngài cũng làm tới nơi tới chốn, vì vậy khi thành Phật rồi hậu quả là Ngài mang nhiều chứng "bệnh hậu". Trong bài kinh này Ngài đang bị bệnh '*vātehābādhika'* ('bệnh do gió') ngài Minh Châu dịch là 'phong khí'. Theo Chú giải, Ngài bị bệnh do hậu quả của 6 năm khổ hạnh, lâu lâu bệnh hoành hành một lần. Ngài hỏi ngài Upavāna "Này Upavāna, Ông có thể tìm cho Như Lai một ít nước nóng được hay không?

" Bà con không biết Luật thì sẽ ngạc nhiên tại sao cái gì cũng đi xin. Trong kinh, có lúc quí vị sẽ thấy ngay cả vị Phật Độc Giác khi cần miếng đất sét cũng phải đến chỗ thợ gốm mà xin. Theo trong Luật, những vị thánh La-Hán và những tỷ kheo phàm giữ giới trong sạch thì không đào đất, không đốn cây nhổ cỏ, không nhóm lửa, sợ làm chết chúng sinh. Khi mình nhóm lửa thì chết biết bao nhiêu chúng sanh, vì vậy vị tỷ kheo giữ luật cho tròn thì né được vô số ác nghiệp. Chỉ riêng việc tạt nước sôi, đốn cây nhổ cỏ thì mình đã xâm phạm quyền lợi của vô số chúng sanh, những loài nhỏ bé hoặc những loài khuất mặt mình không thấy.

Ngài Upavāna này là ai?

Trước khi ngài Ānanda làm thị giả thì Đức Phật có nhiều thị giả lắm, mỗi vị chỉ làm một thời gian ngắn rồi xin Đức Thế Tôn ra đi, hoặc bỏ đi, hoặc vị nào đắc A-la-hán thì Đức Phật không để cho họ tiếp tục phục vụ Ngài nữa. Upavāna là một trong những vị thị giả đó, ngay cả khi có ngài Ānanda rồi thì thỉnh thoảng có những nơi chốn đặc biệt không có mặt ngài Ānanda thì cũng có những vị khác lo cho Đức Thế Tôn, lo là vì lòng tôn kính, chư tăng không muốn Đức Thế Tôn chạm tay vào một số chuyện. Nếu nói tâm linh một chút, Đức Thế Tôn có phước của một Chuyển Luân Vương, tất cả đệ tử nhìn thấy Ngài là họ muốn làm một cái

gì đó cho Ngài, họ không muốn Ngài phải động tay động chân. Trong Chú giải nói thêm, thời Thế Tôn còn tại thế, kể cả những vị tỷ kheo sống cách xa ngàn vạn dặm trong rừng sâu núi thẳm, ở nhiều quốc độ khác nhau, hễ Thế Tôn còn sống, chỗ nào họ ở cũng có một chỗ ngồi sẵn, (giống như mình đặt cái bàn thờ vậy) dầu họ nghĩ cơ hội mà Đức Thế Tôn đặt chân đến là vô cùng hiếm hoi. Một người như Thế Tôn muốn có mặt thì nháy mắt Ngài sẽ xuất hiện, dù không dám tin Ngài sẽ đến nhưng họ vẫn chuẩn bị một chỗ xứng đáng cho Ngài ngồi. Tôi đọc điều đó mà sốc, mình sống trong một thời điểm mà mình có thể hy vọng gặp Đức Phật, chỉ cần mình có cái duyên đặc biệt thì Ngài sẽ xuất hiện ngay chỗ của mình. Ngài Upavāna này là một trong những vị thị giả của Thế Tôn, khi Thế Tôn niết-bàn, vị này cầm quạt quạt cho Thế Tôn. Lúc đó chư thiên đến kín mít 12 do-tuần như bột nén trong ống sậy. Chư thiên muốn nhìn thấy Thế Tôn lần cuối cùng, nhưng ngài Upavāna đứng quạt hầu nên có những vị chỉ thấy cái lưng của ngài Upavāna mà không thấy Thế Tôn. Đức Phật bảo ngài Upavāna đứng tránh sang một bên đừng đứng trước mặt Như Lai. Upavāna lúc này đã là vị A-la-hán, nhưng ngài Ānanda không biết vậy. Chúng ta biết điều này đặc biệt hoan hỉ nè: vị tỷ kheo nào được Đức Thế Tôn cho phép ở cạnh Ngài thì vị đó không phải là người tầm thường, vị đó không thể bất tịnh về giới, vị đó không thể nào có vấn đề về niềm tin. Đừng hiểu lầm là Thế Tôn xua đuổi ngài Upavāna này. Năm trăm vị tỷ kheo đứng bên cạnh Thế Tôn phải là những bậc long tượng công đức rất nhiều đời. Đức của Ngài nóng lắm, nếu mình là người đàng hoàng thì mình sẽ được ân triêm lợi lạc, ở gần thì mát lạnh suốt ngày còn nếu mình là người bất thiện thì ở gần nóng chịu không nổi. Ngài Ānanda thắc mắc vì sao không cho Upavāna quạt hầu, Đức Phật nói: *Đêm nay có vô số thiên chúng về hầu Như Lai, Upavāna đứng như vậy sẽ làm cho nhiều người họ phiền.* Trong Sumaṅgalavilāsini, Chú giải Trường Bộ của Kinh Đại Bát Niết Bàn còn nói một chuyện thú vị, thiên nhãn của chư thiên có thể nhìn xuyên thấu núi non nhưng không thể nhìn xuyên qua Tôn giả Upavāna. Bởi vì thời Phật Ca Diếp, ngài Upavāna này là một Thọ thần, ngài tự nguyện bảo vệ một ngôi tháp xá lợi của Phật Ca Diếp với thiện ý rằng không để cho ai có lòng phá hoại đặt chân đến, với lòng đó nên đời đời kiếp kiếp sanh ra cái gì của ngài thì không thể bị trộm mất, bản thân ngài là một bức tường thành thần thông thiên nhãn không thể nhìn xuyên qua được. Ngài Upavāna không có nguyện như vậy nhưng do phước mà đẻ ra những cái duyên như vậy. Ví dụ như bây giờ mình chỉ bố thí cúng dường trai tăng, đời sau sinh ra giàu có, nhưng do tâm của người bố thí, có người sanh ra giàu có nhưng phải do động tay động chân, còn có người sinh ra kiểu tập ấm, vừa ra đời thì có nguyên núi tài sản chờ sẵn rồi, như kiểu đẻ bọc điều, như con trai ông Huỳnh Phi Dũng (Dũng Lò vôi)

mới có chút xíu mà thừa hưởng tài sản kinh khủng. Có những đứa bé ở Mỹ vừa sanh ra đời đã cõng nợ, cái nhà ba má nó ở chưa trả nợ xong, nếu mai này ba má nó chết thì nó phải ôm cái nợ đó trả tiếp.

Ngài Upavāna đi ra ngoài làng đến trú xứ của Bà-la-môn Devahita (vì ngài biết có thể nhờ được ông này), ngài ôm bát đứng im lặng. Bà-la-môn Devahita hỏi ngài cần gì, và ngay lập tức cho người đem nước nóng tới cho Đức Thế Tôn. Đọc bài kinh này mình thấy có nhiều điều đặc biệt: tỷ kheo không nhúm lửa, cách xin thì rất dễ thương, đi đến trước nhà người ta đứng im lặng và chờ người ta hỏi. Vì sao ngày xưa có những vị cư sĩ sẵn sàng chết vì đạo?

Bởi vì ngoài chuyện họ nhìn thấy chư hiền thánh, các vị Chí thượng Thanh văn, thì chỉ riêng các hành trạng của tỷ kheo nguyên thủy đủ làm cho người ta chết được. Phải là người chơn tâm chơn tu cầu đạo giải thoát mới có thể sống được kiểu sống nguyên thủy như vậy, ôm bát im lặng đứng, và không xin gì đặc biệt, nhiều lắm là thuốc chữa bệnh thôi. Chú giải nói rằng ông Devahita vui lắm, ông suy nghĩ: Hôm nay ta vừa làm một trọng nghiệp thiện, những gì ta nghe về Thế Tôn là Thiện Thệ, Thế Gian Giải, là Vô thượng Điều Ngự Thiên Nhân Sư… con người vĩ đại đó hôm nay đã bị bịnh và đệ tử vị đó đến chỗ ta xin nước nóng, chỉ nghĩ đến đó ông đã lạnh xương sống. Nói Đức Phật thì quá cao chứ nếu Phật tử VN một ngày nào đó thấy có một ông thầy đứng trước nhà mình hỏi xin một hộp cù là để về cạo gió cho HT Thanh Từ hoặc HT Nhất Hạnh, thì quí vị nghĩ sao?

Một vị danh tăng như vậy mà mình có dịp cúng dường chai dầu gió thì hạnh phúc biết bao nhiêu, huống chi đây là bậc Đại giác. Ông vui lắm, và hỏi Thế Tôn một câu gần như thừa: *"Người nào đáng để bố thí, bố thí cho ai quả báo nhiều nhất"*. Trước khi hỏi ông đã biết câu trả lời nhưng vì hoan hỉ mà hỏi và muốn nghe Ngài xác nhận lần nữa. Ngài trả lời:

Ai biết được đời trước,

Thấy Thiên giới, ác thú,

Đoạn diệt được tái sanh,

Thắng trí, bậc Mâu-ni.

Nên bố thí vị ấy,

Bố thí được quả lớn.

Cúng dường phải như vậy,

Cung kính phải như vậy.

Thế nào làThế nào là *"biết được đời trước"*?

Biết bằng túc mạng minh, khả năng nhớ được đời trước biết được đời sau, phải là vị đắc ngũ thiền. Muốn đắc ngũ thiền thì việc đầu tiên tối thiểu là phải ly dục, lìa xa năm triền cái.

Hiểu chuyện luân hồi có 3 cách:

1. Nhớ quả luân hồi bằng túc mạng minh: Nghĩa là biết rõ họ hành tánh tướng ngày xưa, sanh ra ở đó bao lâu, mặt mũi, buồn vui, ra sao, hồi đó làm vua, cách mấy kiếp làm ăn mày …vv

2. Biết nhân luân hồi bằng sanh tử minh: Biết rõ nghiệp nào dẫn đến, tại sao kiếp đó làm ăn mày, nghiệp nào đã khiến làm vua…

3. Biết rõ nhân quả bằng tuệ quán. Trong Chú giải Vô Ngại Giải Đạo ghi rằng bất cứ một cái nhớ nào về quá khứ hay cái biết nào về kiếp sống tương lai cũng chỉ là cái nhớ về năm uẩn, cái nhớ về danh sắc. Điều này thì người học A-tỳ-đàm thì đương nhiên hiểu.

Cái biết trong bài kệ này "*Ai biết được đời trước, Thấy Thiên giới, ác thú, Đoạn diệt được tái sanh, Thắng trí, bậc Mâu-ni"* là như vậy. Tôi đọc một câu chuyện, có bốn vị tỷ kheo đang ngồi trong rừng, một vị sư huynh lên tiếng hỏi: *Huynh đệ có thấy gì hay không?*

Một người đáp: *Tôi đâu có thấy gì đâu*. Người thứ hai cười: *Một nữ sơn thần bồng con đi ngang*. Người thứ ba nói: *Chẳng những bồng con mà còn có lòng tôn kính với mình*. Vị sư huynh trả lời: *Chỉ là danh sắc thôi!* Ở đây chúng ta thấy có nhiều cái biết khác nhau, vị thứ nhất thì không thấy gì hết. Bốn vị này là biểu tượng cho 4 hạng người sống trong đời này: có người không biết gì hết, có người thì cái biết của vừa đủ để sống ở đời nhưng có người cái biết của họ khả dĩ dẫn tới giải thoát.

Tôi nói một chuyện hơi lạc đề chút, các vị nhìn cái chữ này: "china". Chữ này nằm một mình thì nghĩa khác, nhưng cộng với chữ "ware" thì thành chữ "chinaware" (đồ gốm). Vì sao tôi chọn chữ này để ví dụ?

Vì chữ "china" xuất phát từ chữ "Chin" (Tần). Ngày xửa ngày xưa cách đây 200 năm về trước, khi nghiên cứu lịch sử Trung Quốc (TQ) người Tây phương gọi TQ là nước Tần. Đời Tần là lần đầu tiên là TQ được thống nhất nên họ gọi TQ là nước Tần; Nước Tần trong tiếng Pháp, Đức, Âu Mỹ nói chung đọc là Chin, từ đó mới thành chữ China trong tiếng Anh, Mỹ. Có một thời gian rất dài, đường hàng không không có, người ta đi ngã đường bộ - Con Đường Tơ Lụa, đi ngang qua ngã Thổ Nhĩ Kỳ. Thổ Nhĩ Kỳ là trạm nối giữa châu Á và châu Âu. Bằng con đường này thì tơ lụa, hương liệu, đồ gốm sứ của TQ mới đến được châu Âu. Có một thời ở châu Âu thì chỉ có quí tộc đại gia mới có khả năng xài đồ gốm sứ của TQ. Ngày xưa, chữ *Trung Quốc* biểu tượng cho cái gì đó sang trọng xa hoa tiện nghi, còn hôm nay, chữ TQ ám chỉ cho cái gì đó nguy hiểm, giả trá, độc hại. Vì vậy khi mình nhìn chữ "chinaware" thì thấy chữ này có nhiều lớp nghĩa: 1/China là Trung Quốc; 2/China là Tần; 3/Khi nhìn chữ *chinaware* thì mình không cần nhớ đến TQ không nhớ đến Tần nữa mà chỉ nhớ đây chỉ cho đồ gốm sứ. Ví dụ như "Thuốc Tây" là Tây phương chứ không phải là do người Pháp làm, hoặc như chữ "dép Nhật", ngày xưa người Việt biết loại dép này từ người Nhật, người Nhật có mặt ở VN rất ngắn nhưng sau đó thì người nào ở VN cũng biết loại dép này và dù ai làm cũng gọi là dép Nhật, dép này không còn mang ý nghĩa địa lý nữa, mà chỉ mang nghĩa là dép kẹp. Một vấn đề phải được hiểu qua nhiều lớp, ví dụ như nói tới *luân hồi* phải hiểu qua nhiều lớp. Biết luân hồi bằng túc mạng minh cũng là biết, biết bằng sanh tử minh cũng là biết, biết bằng trí tuệ quán cũng là biết. Giống như chữ China ở đây có nhiều cách hiểu: *Tần, nước TQ, đồ gốm,* dù nghĩa "đồ gốm" vốn xuất phát từ chữ 'Tần' nhưng tùy cái biết của mình, sức của mình tới đâu mình biết tới đó thôi.

Trong bài kệ này Đức Phật xác nhận: *người nào thành tựu viên mãn Chỉ Quán, thì là đối tượng xứng đáng để cúng dường.*

MAHĀSĀLA (Mahāsālasutta)

Bài kinh này kể về ông Bà-la-môn giàu có tin con, đem tất cả cho con, rồi đến khi có được tiền bạc rồi nó không dòm mặt nữa. Chuyện này ngày xưa đã có rồi, thương con thì không thương mù quáng. Bài kinh này có hai ba lớp nghĩa:

1. Con là con của mình trên hình hài, chớ tâm tánh nó nằm ngoài khả năng của mình.

2. Con mình dầu gái hay trai, khi lớn lên thì thuộc về người dưng, trai nghe lời vợ, gái nghe lời chồng, đừng hòng nghĩ nó tiếp tục là con của mình.

3. Cái sâu của bài kinh này: bất cứ cái gì trên đời này cũng đều có vô số cách để lìa bỏ chúng ta. Mọi ước muốn nắm níu đời này đều rất bấp bênh không có điểm tựa.

Con mình sanh ra chắc gì là của mình, mạng này của mình nay còn mai mất, mạng của mình mình còn không tin được thì tin ai được nữa. Bên Mỹ trường hợp này nhiều lắm, tại thành phố Jacksonville tôi ở có hai vợ chồng ngày xưa đi vượt biên qua đây vừa đi học vừa đi làm, để dành mấy trăm ngàn đô la trong nhà băng. Con cái thấy cha mẹ già, năn nỉ ỏn ĩ giao hết cho nó. Ông bà ấy nghĩ là mình già đâu cần nữa, con nó muốn thôi thì chia cho nó. Chia vừa xong thì chúng trở mặt liền, ở với đứa con nào lâu thì chúng nói tiền chia đều sao lại ở với nó, rồi người con này kiếm cớ đẩy qua hết người con kia. Cuối cùng thì ông bố chết, còn bà mẹ. Con cái xô đẩy riết cuối cùng bà về ở với thằng út nhưng con dâu út tệ vô cùng. Một lần nó gây làm sao mà hất rớt hũ xương cốt của ông bố chồng. Bà ngã bệnh, đưa thuốc không uống, để dành tự sát. Đứa con trai ân hận về VN đúc 10 tượng Quan Âm để sám hối với mẹ. Tôi không hiểu trên đời này sao có người thơ ngây như vậy. Tôi đang giảng đạo tôi không nói chuyện đời mà đang nói chuyện rất là đạo đó, tôi không xúi quí vị đa nghi, tôi không xúi quí vị sống mất niềm tin với người thân, nhưng phải nói là có cả trăm ngàn cách để chúng ta mất niềm tin nhau. Không phải người ta xấu, nhưng vì người ta ở trong hoàn cảnh. Cái sâu của bài kinh này là nhắc nhở chúng ta một điều: đời sống vốn bất trắc, đừng dại khờ giao phó những vấn đề sinh tử của đời mình vào tay một người nào hết. Đời sống vốn bất trắc, hãy cẩn trọng để không nghi ngờ và không thất vọng về ai hết. Đó là nguyên tắc sống của tôi, để suốt đời này mình không hờn trách thất vọng với ai hết. Đừng quá hồn nhiên, vô tư, nhẹ dạ. Bồ tát, nhìn phớt qua mình thấy Ngài rất hồn nhiên vô tư, cái gì Ngài cũng biết, nhưng vì lòng đại bi với chúng sanh mà Ngài cố ý làm một bà mẹ khờ để cho con nó vui. Yếu người đừng đi nắng, không có khả năng buông bỏ thì đừng có giả ngu, cứ trọn niềm tin vào người thân rồi đến một lúc nào đó bật ngửa hận đời hận người thì càng không nên; bản thân mình còn không tin được thì làm sao tin được người khác. Không tin ai hết để không thất vọng về ai hết. Ông này có bao nhiêu tiền bạc cho con hết để rồi cuối cùng con nó bỏ ổng. Đọc bài kinh này thương ổng thì ít mà giận ổng thì nhiều bởi vì con gái thì có chồng, con trai thì có vợ, chúng nó nghe lời nhau chớ mắc gì nghe lời mình. Dầu cho thằng rể hay con dâu có tốt đi nữa thì phía bên gia đình nó có tám trăm quân sư ngồi sau lưng nó. Tiền bạc tài sản ai mà không ham, chuyện vậy mà nghĩ không ra, sống bạc đầu ăn bao nhiêu cơm gạo của trời đất, đi mòn chân mà không thông minh. Đời sống của mình không thể nào nhắm mắt

giao phó cho người khác được hết. Một cư sĩ đi chùa cũng không nên nhắm mắt nhắm mũi tin vào lời hướng dẫn của thiền sư này thiền sư kia, một tác giả hay một soạn giả nào đó, không nên nhắm mắt nhắm mũi tin cậy vào người đã quy y cho mình, ban cho mình cái pháp danh. Kinh điển sờ sờ ở đó, tăng sĩ trùng điệp, bạn đạo đầy ra đó, sao cứ đút đầu vô thờ phượng một thần tượng nào đó, có phải là dại khờ lắm không. Ngay cả Đức Thế Tôn trước khi viên tịch Ngài đã nói: *Khi ta đã ra đi, những Pháp và Luật nào ta đã thuyết giảng đó chính là thầy của các ngươi,* chỉ điều đó mới tin được, ngoài ra không tin cái gì hết. Trong Tăng Chi Bộ kinh, phần 3 Chi, Đức Phật dạy có ba cái bất lợi khi thờ phụng cá nhân: cư sĩ thờ phụng một vị tỷ kheo nào đó khi vị đó qua đời thì niềm tin mình bị thối thất. Có nhiều Phật tử, mở miệng ra là nói mình qui y với ngài Hộ Tông, qui y ngài Giới Nghiêm, khi vị đó qua đời thì nhìn những vị sư khác như rác vậy, khỏi đi chùa luôn. Còn nếu như ông thầy hoàn tục hay ông thầy đó phạm giới bị tăng chúng sỉ vả, thì mình sốc.

Ngày xưa ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên có đệ tử thương quí đặc biệt, nhưng trong lòng họ không chỉ có hai ngài đó mà còn có Đức Phật, có Tăng bảo mười phương ba đời nữa. Ở đời chỉ có Tam Bảo là mình tin được, chớ không tin được cái gì hết. Từ chuyện đời tôi mới nói qua chuyện đạo, cái thân mình, mình cũng không tin cậy vào sức khỏe của mình được, hôm nay nó như vậy ngày mai nó lại khác. Bệnh ung thư lạ lùng lắm, có nhiều người từ lúc phát hiện bệnh đến lúc chết chỉ có hai ba tháng thôi. Bây giờ mình đang ngon lành sáng nào mình cũng tập thể dục, thử máu ok, đường ok, mỡ ok, tim gan phèo phổi ok nhưng điều đó không có nghĩa là cái mạng mình ok, bởi vì chiều mai nghe đau thốn thốn, đến bác sĩ nói ung thư ruột thì mình chỉ có nước đi mua hòm thôi. Vì vậy, không tin được cái gì hết, đối với niềm tin Tam Bảo cũng không nên tin bừa bãi, đối với sức khỏe, tình cảm cũng không nên tin bừa bãi, còn đối với con cái nếu chấp nhận đủ gan làm ăn mày thì giao hết cho nó, còn chưa đủ gan thì thương chừng mực. Thương con thì thương kiểu Tây đó, con cần thì cha mẹ giúp, giao hết cho con thì không. Phải nói câu phũ phàng, quí vị có trây trét tại chỗ phân nước tiểu hôi thối cỡ nào đi nữa không thành vấn đề, miễn là người ta biết quí vị còn lượng tài sản lớn, không ai bỏ quí vị đâu. Không có gì ngu cho bằng đem chuyện sanh tử của mình đặt vào tay người khác cho dù đó là mẹ ruột. Mẹ ruột thì không hại mình nhưng lỡ mẹ lăn đùng ra chết hoặc mẹ mình bị người ta gạt thì tính sao. Tôi tin là mẹ tôi không bao giờ có ý hại tôi hay gạt tôi, nhưng tôi không tin là mẹ tôi không bao giờ bị gạt. Ý của bài này là không tin được cái gì trên đời này ngoài Tam Bảo. Từ sức khỏe, tuổi trẻ, tài sản cho đến tình cảm mình cũng không tin.

Ngài Ajahn Chah cũng nói ngay cả những cảm xúc buồn vui của mình, mình cũng không nên tin, vì mình thích hay ghét cũng vì những lý do hết sức trẻ con vớ vẩn. Tứ Niệm Xứ là gì?

Là không hoài vọng, không thương thích ghét sợ cái gì hết, mà Tứ Niệm Xứ là biết rõ danh sắc là gì, chúng đang vận hành và hoạt động ra sao. Tứ Niệm Xứ là chỉ cần biết rõ Ngày xưa ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên có đệ tử thương quí đặc biệt, nhưng trong lòng họ không chỉ có hai ngài đó mà còn có Đức Phật, có Tăng bảo mười phương ba đời nữa. Ở đời chỉ có Tam Bảo là mình tin được, chớ không tin được cái gì hết. Từ chuyện đời tôi mới nói qua chuyện đạo, cái thân mình, mình cũng không tin cậy vào sức khỏe của mình được, hôm nay nó như vậy ngày mai nó lại khác. Bệnh ung thư lạ lùng lắm, có nhiều người từ lúc phát hiện bệnh đến lúc chết chỉ có hai ba tháng thôi. Bây giờ mình đang ngon lành sáng nào mình cũng tập thể dục, thử máu ok, đường ok, mỡ ok, tim gan phèo phổi ok nhưng điều đó không có nghĩa là cái mạng mình ok, bởi vì chiều mai nghe đau thốn thốn, đến bác sĩ nói ung thư ruột thì mình chỉ có nước đi mua hòm thôi. Vì vậy, không tin được cái gì hết, đối với niềm tin Tam Bảo cũng không nên tin bừa bãi, đối với sức khỏe, tình cảm cũng không nên tin bừa bãi, còn đối với con cái nếu chấp nhận đủ gan làm ăn mày thì giao hết cho nó, còn chưa đủ gan thì thương chừng mực. Thương con thì thương kiểu Tây đó, con cần thì cha mẹ giúp, giao hết cho con thì không. Phải nói câu phũ phàng, quí vị có trây trét tại chỗ phân nước tiểu hôi thối cỡ nào đi nữa không thành vấn đề, miễn là người ta biết quí vị còn lượng tài sản lớn, không ai bỏ quí vị đâu. Không có gì ngu cho bằng đem chuyện sanh tử của mình đặt vào tay người khác cho dù đó là mẹ ruột. Mẹ ruột thì không hại mình nhưng lỡ mẹ lăn đùng ra chết hoặc mẹ mình bị người ta gạt thì tính sao. Tôi tin là mẹ tôi không bao giờ có ý hại tôi hay gạt tôi, nhưng tôi không tin là mẹ tôi không bao giờ bị gạt. Ý của bài này là không tin được cái gì trên đời này ngoài Tam Bảo. Từ sức khỏe, tuổi trẻ, tài sản cho đến tình cảm mình cũng không tin. Ngài Ajahn Chah cũng nói ngay cả những cảm xúc buồn vui của mình, mình cũng không nên tin, vì mình thích hay ghét cũng vì những lý do hết sức trẻ con vớ vẩn. Tứ Niệm Xứ là gì?

Là không hoài vọng, không thương thích ghét sợ cái gì hết, mà Tứ Niệm Xứ là biết rõ danh sắc là gì, chúng đang vận hành và hoạt động ra sao. Tứ Niệm Xứ là chỉ cần biết rõ *bản chất và hoạt động*. . *Bản chất* là biết mình chỉ có bốn thứ thôi: *thiện, ác, buồn, vui*. Thiện đời này là nhân cho cái vui đời sau, vui đời này là quả của thiện đời trước, bất thiện đời này là nhân cho cái khổ đời sau, khổ đời này là quả của cái bất thiện đời trước. . Thiện đời này là nhân cho cái vui đời sau, vui

đời này là quả của thiện đời trước, bất thiện đời này là nhân cho cái khổ đời sau, khổ đời này là quả của cái bất thiện đời trước. *Hoạt động*: làm gì biết nấy, ăn uống nói cười tắm rửa đi đứng buồn vui, mọi thứ đang diễn ra như thế nào biết rõ như thế đó. Chỉ tin được Tam Bảo, tin Tam Bảo chính là tin vào tác dụng của Tứ Niệm Xứ chứ không phải tin rằng lạy Phật thì có phước Ngài sẽ hộ trì cho mình còn chư tăng thì cầu an cầu siêu cho mình. Người có niềm tin vào Tứ Niệm Xứ là người có niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng, vì Phật là người dạy Tứ Niệm Xứ, Tứ Niệm Xứ chính là Pháp, Tăng chính là những người hành trì Tứ Niệm Xứ ở hình thức rốt ráo nhất. Ngoài ra, không tin gì trên đời hết, đó là chính là nội dung bài kinh chúng ta đang học, bài kinh Mahāsāla. Hẹn các vị vào ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 23-9-2014 MĀNATTHADA (Mānatthaddhasutta)

Hôm nay trời bên đây rất là lạnh, lạnh ghê lắm, các vị vào trong weather.com chỗ tôi ở Waldshut-Tiengen sẽ thấy lạnh kinh khủng. Tôi đang nằm ngủ ngon, tôi chiêm bao thấy có Phật tử chở tôi đi quẹo chỗ quanh bị xe tải tông, nhìn mặt người lái xe máu không, tôi đau miệng một chút, giựt mình dậy vừa lúc alarm kêu, không biết là chư thiên kêu mình dậy thuyết pháp hay là điềm hay do mình phóng dật. Chư thiên kêu vậy thì ghê quá, hoặc có ai đó đang nghĩ tới mình bằng tâm sân hay sao đó. Ok, hôm nay chúng ta học tiếp bài kinh Mānatthaddha. Tôi có được phản hồi là Phật tử hỏi tôi sao chương này tôi giảng không kỹ bằng mấy chương khác, có nghĩa là tôi chỉ liếc qua nội dung rồi giảng chớ tôi không chú thích từng chữ. Tôi có trả lời là mấy chương đầu tiên quí vị Phật tử phải làm quen với vô số những vấn đề mà tôi nghĩ rằng quí vị chưa có dịp để biết, còn đã nghe ở chương trước rồi thì chương sau tôi chỉ nói phớt qua thôi. Có thể người góp ý không theo dõi những chương trước nên họ mới thắc mắc như vậy. Nhưng đồng thời nghe họ nói như vậy tôi thấy vui, thì ra mình mới đi một quãng đường ngắn thôi mà đã có nhiều vấn đề mình đã có dịp trình bày cho Phật tử rồi. Nếu quí vị theo đuổi được mấy chương mà có nhiều chuyện tôi tin chắc quí vị đã nghe tôi nói rồi thì có nghĩa quí vị đã học tương đối nhiều rồi đó. Tôi nói sơ sơ bởi vì mình đã nói rồi, lẽ ra quí vị phải vui, thấy tôi sơ sài thì các vị phải hiểu tại sao tôi sơ sài. Sáng nay mình học bài kinh nói về một vị Bà-la-môn có lòng kiêu ngạo. Chuyện này chúng ta thấy thường lắm, có biết bao nhiêu người đến với đạo tràng, pháp hội với nội tâm tự đại, tự thị, tự mãn, nhất là những người có chút học vị, có chỗ đứng trong xã hội, có chút tiền bạc, đi đâu cũng thấy mình là cái rốn của vũ trụ. Bài kinh này trong Chú giải cũng không nói gì đặc biệt, chỉ nói một chi tiết nhỏ, sở dĩ ông này có tên Mānatthaddha vì ông coi trời bằng vung (‘*māna’*: ‘ngã mạn’) ông không từng biết tôn trọng ai hết. Trong đời tu của tôi, tôi cũng có dịp gặp một vài cư sĩ như vậy, chẳng hạn ở Vũng Tàu VN tôi cũng có biết một người, sau này ra bên ngoài này cũng biết một vài người có tánh giống như vậy. Mình không biết họ dựa vào cái gì, tiền bạc thì cũng của ăn của để chứ đâu phải số một của hành tinh đâu, học thức thì cũng tú tài, chứ chưa đại học, nói theo Nguyễn Du thì “gia tư nghỉ cũng thường thường bậc trung”, không biết mắc chứng gì mà kiêu ngạo không tưởng nổi. Tôi nhớ hôm trước có một bài kinh tôi đã giảng qua (bài kinh Baka), khi giảng bài kinh đó tôi có nói một chuyện, mỗi người sinh ra trong đời, sơ sẩy một chút thì mình dễ ôm ấp nắm níu một điểm tựa nào đó để thấy mình cao siêu, chẳng hạn như mình có thể tựa vào chút nhan sắc của mình, có ai khen mái tóc đẹp quá, con mắt đẹp quá, tướng ngon lành, có đứa

con giỏi v.v... thì mình đã coi trời bằng vung. Thật ra, nghĩ tới nơi tới chốn, tại sao vị A-la-hán không còn ngã mạn, nói theo A-tỳ-đàm về mặt kỹ thuật, thì ngài không còn tâm sở ngã mạn, thì lấy gì ngài ngã mạn. Còn theo cảm xúc mà nói thì một con người mà biết rõ mình là ai, biết rõ những thứ mình có là gì, chung quanh mình là cái gì, biết rõ thiên hạ là gì, cái thiên hạ có là gì, thì ngã là ngã chỗ nào. Những người nào mà họ tự thấy họ hay hoặc cái mà họ có là hay thì chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng trong cái thấy của người này chắc chắn có vấn đề. Tôi nhớ một câu chuyện rất tào lao mà e rằng bà con trong room quên câu chuyện đó, cái anh chàng nghĩ mình là hạt thóc, sợ bị con gà ăn nên chui vào tủ áo mà trốn. Gia đình chở tới bệnh viện, sau một thời gian dài, anh ta được xuất viện, nhưng sau đó gia đình lại chở vào bệnh viện, chỉ vì anh ta thấy mình không phải là hạt thóc nữa nhưng anh ta lại sợ mấy con gà không hiểu điều đó. Câu chuyện này sâu sắc ghê lắm. Ban đầu anh ta nghĩ mình là thóc, sau khi nghe bác sĩ giải thích thì hiểu rằng mình là con người, nhưng trong lòng anh ta vẫn có điểm bất an. Hình dáng của anh ta như vậy mà lại so với hạt thóc. Còn trọng lượng của anh ta mấy chục ký lô mà con gà là bao nhiêu ký lô làm sao có thể nuốt được anh ta, vậy mà anh ta vẫn cứ ngờ ngợ, lan man, mơ hồ. Mình học cho đã về duyên sinh, duyên hệ, lộ tâm, tam tướng, nhân quả, đi học thiền VN, thiền Miến, thiền Thái Lan lung tung hết nhưng thật ra trong đáy lòng của mình vẫn còn cái ngờ ngợ. Chư Phật không thể nói sai được, Thế Tôn giờ đã niết-bàn rồi, chung quanh mình không còn hiền thánh nữa, chung quanh mình toàn thứ trời ơi không, chung chạ với họ lâu ngày mình bị nhiễm, bản thân mình đã là một đống phàm tâm rồi, chung quanh mình cũng không có ai là người sống buông xả, thế là mình quay trở lại phàm tâm phàm tánh của mình. Tôi tin chắc một điều với cái phàm tâm này, mình ở gần Đức Phật, gần các bậc hiền thánh hoặc gần những người có tánh buông xả thì cũng đỡ lắm. Trong Chú giải kinh Tứ Niệm Xứ nói rằng muốn trau dồi Giác chi nào thì phải ở gần người mạnh về giác chi đó. Muốn trau dồi Niệm giác chi thì phải gần người chánh niệm thuần cố. Muốn trau dồi Hỷ giác chi phải gần người có Hỷ giác chi thuần cố. Dĩ nhiên ở gần họ mà bản thân mình có những trau dồi khác nữa chớ không phải không. Muốn có Trạch pháp giác chi phải gần người có Trạch giác chi mạnh, muốn trau dồi Định giác chi thì phải gần người có Định giác chi mạnh, chớ còn nếu muốn trau dồi mà ở một mình mình hoặc lại thân cận những người có tánh khí đi ngược lại Giác chi mình cần trau dồi thì trong trường hợp đó rất khó khăn. Bữa hổm chúng ta đã học bài kinh đó rồi, ngài Ānanda sau khi nghe Đức Phật giảng một đoạn, ngài nói: *Bạch Thế Tôn con nghĩ rằng một nửa hệ thống phạm hạnh này được thiết lập trên tình pháp hữu,*

pháp lữ. Đức Phật nói không phải. *Này Ananda, ta nói rằng toàn bộ hệ thống phạm hạnh này được thiết lập trên tình pháp hữu.* Nghĩa là sao?

Nghĩa là những thầy bạn nào mình thường gần gũi thân cận, họ có một vai trò tác động rất là quan trọng không thể phủ nhận. Bạn lữ, bạn lành ở đây có hai nghĩa: 1.Người: thầy và bạn, những người chúng ta thường tiếp xúc gặp gỡ, trò chuyện; 2. Những gì chúng ta thường gặp gỡ lắng nghe, suy tư, chiêm nghiệm, chìm sâu trong đó, những cái đó vẫn gọi là bạn. Vì vậy, Đức Phật dạy toàn bộ hệ thống phạm hạnh này được thiết lập trên tình bạn là chỗ đó, và trên những gì mà chúng ta thường cọ xát. Nhân ông Bà-la-môn kiêu ngạo tôi nói luôn qua chuyện khác mà tôi cho rằng rất là cần thiết. Ông và chúng ta có điểm giống nhau đó là do hiểu lầm mà thấy mình là "cái gì đó". Tại sao thiên hạ có thể lấy được nhau, xem nhau là tri kỷ, cưới nhau về cưu mang nhau một đời?

Là vì hiểu lầm! Đúng ra mình chẳng hiểu được ai hết, kể cả mình, nhưng mà đối với cái người đó, do mình nhìn mặt họ, nghe âm thanh của họ, nụ cười của họ, tiếng nói tiếng hát của họ, mình thấy thương, mình tập trung chú ý về họ, khi mình tập trung chú ý thì sự hiểu lầm càng nâng cao, nhân lên. Hiểu lầm là vì mình cứ nghĩ đến những cái hay của họ không thôi, thế là mình đến với nhau và chấp nhận nhau một đời. Thật ra mình thương hoặc thù oán một người nào đó hoàn toàn là do hiểu lầm. Tôi biết tôi nói điều này nhiều người không đồng ý nhưng tôi vẫn cứ nói: một sự quan tâm đến người khác bằng tâm bất thiện dù để ghét hay để thương thì tôi đoan chắc rằng đó là do hiểu lầm. Một vị A-la-hán không quan tâm ai một cách vô ích, không có chú ý đến ai mà không có lý do. Ví dụ nếu có thể độ được người nào đó thì ngài độ. Nếu nghĩ về mình, về người hay vật nào đó để mà thương hay ghét thì 100% đó là do sự hiểu lầm, đó là do chúng ta quan sát đối tượng bằng sự hiểu lầm, kể cả chúng ta nghĩ về mình để mà kiêu ngạo cũng là sự hiểu lầm, bởi vì hiểu đúng thì không có như vậy. Nếu mình nhìn đối tượng bằng sự hiểu đúng, bằng sự nhận thức ngon lành thì tôi bảo đảm ngàn phần trăm là chúng ta không có gì để mà thương mà thích hay ghét sợ.

Khi ông Mānatthaddha này có tâm kiêu ngạo, từ đó diễn ra một cuộc đối thoại giữa ông và Thế Tôn, ông chưa nói gì hết mà nghe câu nói của Đức Phật, ông đã hết hồn. Ngài nói tánh kiêu ngạo không tốt. Nghe vậy ông biết rằng Ngài đã hiểu ông, và ông nói: *Con có lòng quy ngưỡng ngài*. Ông thể hiện bằng cách quì xuống hôn bàn chân của Đức Phật.

PACCANĪKA (Paccanīkasutta)

'Paccanīka': 'ngược ngạo'. Ở đây ai học về Duyên hệ, các vị có nhớ mỗi duyên có ba phần:

1. '*Paccayā'*: 'năng duyên'.

2. '*Paccayuppanna'*: 'sở duyên'.

3. '*Paccanīka'*: Ngài Tịnh Sự dịch là 'địch duyên'. Địch là ngược. Theo tôi, chữ này tôi không dịch là 'địch duyên', tôi thích dịch là 'ngoại' hơn, vì nó không là 'năng' cũng không là 'sở', cũng không có gì đối chọi với 'năng' với 'sở' hết. Có nhiều khi quí vị thấy tôi như lạc đề nhưng nhân chuyện A thì tôi nói thêm chuyện B, sợ mai mốt quên.

Ông này có tật hay nói ngược. Hạng người này tôi cũng đã gặp rồi, không muốn biết gì hết mà cứ đợi người ta nói ra là nói ngược, hoặc có hạng người nữa là không biết gì hết, ngồi chung với người khác khi được hỏi thì không trả lời, đợi người ta nói trước rồi lấy của người ta tô sửa đắp đổi đúc kết làm của riêng.

Bài giảng ngày 25-9-2014 NAVAKAMMIKA (Navakammikasutta)

'Nava': 'mới'. Chữ này cũng hay, có những chữ na ná nhau trong các ngôn ngữ khác giống như đi ra từ một gốc vậy (new, nouveau, neu). '*Kammika'*: 'công việc'. '*Navakammika'*: 'xây dựng' (công việc làm mới). Trong tạng Luật hoặc trong sách Thiền của PG Nam Tông rất thường có chữ "*navakammika*" này: Hành giả nên tránh trú xứ nào có *navakammika*.Nếu có lòng phục vụ thì tốt, còn có lòng trau dồi chánh niệm, chuyên tu thiền định mà có mặt ở những chỗ này rất là phiền, tối ngày cứ nghe đập rầm rầm, cạy gỡ, đập phá, hoặc có những chỗ người ta đang xây mình tới ngồi yên coi cũng kỳ mà tham gia thì làm sao tu. Trong tạng Luật thì ưu tiên cho vị tỷ kheo nào đang gánh trách nhiệm *navakammika*. Ví dụ như tỷ kheo nuôi bệnh, tỷ kheo đang gánh vác *navakammika* xây dựng chùa chiền thì có những đặc quyền, đặc ân, đặc lợi.

Theo trong Chú giải, ông Navakammika là một người thợ làm nhà, ông đi vào trong rừng để tìm những loại gỗ tốt về làm đồ gia dụng cho người ta để kiếm sống. Dĩ nhiên mình phải hiểu ngầm khái niệm về lâm sản môi trường hồi đó không giống như bây giờ. Hồi đó đất vẫn rộng như bây giờ nhưng người ít, và không có phương tiện máy móc để làm việc hiệu quả như bây giờ nên việc phá rừng không trầm trọng như ngày nay.

Ông Navakammika đang làm việc trong khu rừng, nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi thiền, ông đến hỏi: *Người ta có công chuyện mới vô rừng, ngài vô đây có một mình ngồi kiểu này thấy hiu quạnh vậy, có chuyện gì làm, có gì vui mà ngài vô đây.* Đức Phật nhìn thấy căn cơ túc duyên ông này thích hợp với cái gì nên Ngài mới xoay quanh một chữ thôi: ' Đức Phật nhìn thấy căn cơ túc duyên ông này thích hợp với cái gì nên Ngài mới xoay quanh một chữ thôi: '**rừng'**. Ngài nói cho ông một bài kệ rất ngắn và hàm súc. Câu trả lời của Đức Phật đọc vô bản Pāḷi thì hay vô cùng:

"Na me vanasmiṃ karaṇīyamatthi,

Ucchinnamūlaṃ me vanaṃ visūkaṃ;

Svāhaṃ vane nibbanatho visallo,

Eko rame aratiṃ vippahāyā''ti.

Ở đây có chữ rất là hay đó là chữ "nibbana" (niết bàn). Chữ niết-bàn có nhiều cách định nghĩa:

Ni: không; *vana*: vết thương. ('nibbana': không còn thương tích nữa)

Ni: ra khỏi; *vana*: khu rừng (nibbana: ra khỏi khu rừng)

Ni: không, hết, không còn; *vana*: dệt vải, kết sợi, xe chỉ. (nibbana: thất chức).

Đức Phật nhắc tới nhắc lui nhiều lần chữ "vana"

Ngài trả lời: Ta không có chuyện gì trên rừng hết. "Rừng" ở đây có nhiều nghĩa. Nói theo nghĩa thông thường thì "rừng" là chỗ nhiều cây cối thiên nhiên tự mọc tự lớn, không ai chăm sóc, nhưng hàm ý sâu hơn, "rừng" nghĩa là thế gian này, là cuộc đời sinh tử này:

"Na me vanasmiṃ karaṇīyamatthi," Ta không còn chuyện gì để làm trong rừng

"Ucchinnamūlaṃ me vanaṃ visūkaṃ"; Với ta thì không còn cái gì gọi là rừng nữa

"Svāhaṃ vane nibbanatho visallo", bởi ta không còn một chút thích thú nào trong cái gọi là rừng. Câu này còn một cách hiểu nữa là: tất cả cây cối không còn nữa.

Chữ '*Vanatha'*có hai nghĩa: 'niềm đam mê'; 'sự rậm rạp'

"Eko rame aratiṃ vippahāyā''ti". Ta sống một mình và không còn vui cũng chẳng còn buồn

Tất cả chúng ta có mặt trong cuộc đời này giống như những người bộ hành hay những người lữ khách đang có mặt trong khu rừng. Chúng ta có nhiều chuyện để làm trong đó vì chúng ta còn thích cái này ghét cái kia. Chúng ta còn ưa thích hạnh phúc, còn ghét sợ đau khổ nên chúng ta còn nhiều chuyện để làm. Từ một con kiến con ong con mối, cho đến con voi con cọp, con người giàu nghèo sang hèn, giỏi dở, tất cả bắt đầu một ngày mới là phải lao vào cày xới trên cánh đồng sinh tử để kiếm sống. Hôm trước Ngài nói về cánh đồng, hôm nay Ngài nói về khu rừng, cũng với ý đó, tất cả chúng ta bắt đầu một ngày mới bằng sự tần tảo trên đồng hoặc trong rừng để sống để tồn tại. Cho dù chúng ta có giàu có đến mấy, sang cả tiếng tăm quyền lực đến mấy, cho dù không phải vật lộn với miếng

cơm manh áo nhưng phải nhìn nhận rằng từng ngày chúng ta vẫn cứ vật lộn với đủ thứ để mà sống. Dù chúng ta là tổng thống hay tỷ phú, hay đứa bé đánh giày trên phố, mỗi ngày cái đầu chúng ta không yên vì chúng ta phải đối phó với cái thích và ghét. Chính vì phải đối phó như vậy nên cả đời mình mãi là nông phu trên cánh đồng sinh tử, mãi hoài là người đi trong rừng làm việc để tồn tại và mưu sinh. Với Thế Tôn, với một vị A-la-hán thì chuyện thích ghét không còn nữa. Đây là hai mặt đối lập của một đồng tiền, nụ cười ở đâu nước mắt ở đó, thích ở đâu ghét ở đó, thương ở đâu sợ ở đó. Đối với một vị không còn sanh tử nữa thì vị ấy không còn lý do gì để thích hay ghét bất cứ điều gì trên đời này nữa hết. Và tôi muốn nói đi nói lại một điều, ngay bây giờ các vị thấy không cần, nhưng một ngày nào đó tóc bạc nhiều hơn các vị sẽ thấy thấm, đó là toàn bộ những gì mình thích, mình mê, mình thương trong cuộc đời này nó vô nghĩa, ngây ngô, trẻ con, không tưởng nổi, bởi vì động cơ, nguyên nhân, lý do, cơ sở, nền tảng dẫn đến mình thích hay ghét cái gì đó là do:

1/ Tiền duyên đời trước đẩy mình vào hoàn cảnh sống trong hiện tại, trong hoàn cảnh buộc chúng ta phải chọn cái này hoặc chọn cái kia. Ví dụ nghiệp đẩy tôi về làm một đứa bé ở miền Tây Nam Bộ VN thì tự nhiên tôi phải thích chuyện nặn đất, lội sông, hái trái, chăn trâu v.v... Nghiệp đẩy tôi về thành phố châu Âu hay Nam Mỹ thì tự nhiên tôi phải thích hợp với những nơi đó.

2/ Khuynh hướng tâm lý bản thân. Ví dụ nhiều đời tôi thích sát: câu cá, đá dế, chăn nuôi lấy thịt v.v... giờ sanh ra tôi thích những việc đó.

3/ Hoàn cảnh hiện tại. Túc nghiệp không cũng chưa đủ, khuynh hướng tâm lý cũng chưa đủ, dù túc nghiệp đẩy tôi về VN, về ở phố mặt tiền, thì không thể nào có điều kiện sát sanh như một đứa bé nhà quê.

Phải đủ 3 duyên trên cộng lại thì mới khiến cho mình thích cái này ghét cái kia, mình cứ tưởng đó là hay ho ghê gớm, dệt mộng về nó, nhưng thật ra bản thân những thứ mình thích đó không phải là hằng số bất biến mà hoàn toàn tùy thuộc vào 3 duyên trên. Chính vì thích nên còn ghét, mình thích sạch nên ghét dơ và ghét luôn những con gì từ chỗ dơ ra (gián, chuột, ruồi) và ghét những nơi đầm lầy nước đọng... Từ chỗ đó mà cái này có cái kia có, cái này không thì cái kia không, cái này sanh cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt là chỗ đó. Đó là lý do ngài Xá Lợi Phất khi nghe câu kệ: "*Vạn pháp do duyên sanh, vạn pháp do duyên diệt, bậc đại Sa môn, đạo sư của tôi đã nói hết về duyên sanh duyên diệt của vạn pháp…"* chỉ nghe như vậy ngài thấy ra toàn bộ giáo lý duyên khởi, giáo lý Tứ

Đế, và ngài đắc Tu-đà-hoàn. Ngài thấy rõ ràng đời sống này là sự thừa tiếp của cái trước và cái sau, cái sau không phải là cái trước, cái trước không phải là cái sau nhưng kết nối với nhau bằng nguyên tắc nhân quả.

Vì vậy ở đây Thế Tôn nói rõ: Ta không có chuyện gì để làm ở khu rừng đó hết vì ta không còn cái gì để ta thích cũng không còn cái gì để ta ghét, ta không phải theo đuổi và không trốn chạy cái gì. Cái gọi là rừng đối với ta cũng không còn nữa, vì những yếu tố tạo nên khu rừng đó không còn nữa. 'Yếu tố' ở đây là chữ '*vanatha'*(sự đam mê, rậm rạp). Từ đó mới có chữ *nibbanatha*(ni + vanatha).

Quí vị nhớ ghi câu này: Chú giải kinh Navakammika của Tương Ưng Kinh có một định nghĩa rất sâu, rất sát, rất rộng và rất hay về chữ 'Nibbana'. Trên đầu giường của tôi luôn có cuốn sổ tay và cây bút chì, mỗi khi tôi đọc sách ban đêm, có gì tôi hay ghi vào trong đó. Tôi có cái ba lô, trong đó có nước uống, thức ăn khô, tôi mang theo khi đi trên xe lửa. Lúc nào trong ba lô cũng có cuốn giấy trắng để tôi ghi và trong ipad lúc nào cũng có phần note để ghi chú.

*"Nibbanathoti nikkilesavano":*ra khỏi khu rừng phiền não

Bài kệ này sâu là ở chỗ đó: Ta không còn chuyện gì để làm trong rừng vì cái gọi là rừng đối với ta không còn nữa. Rừng không còn nữa vì những yếu tố tạo nên rừng cũng không còn nữa. Nói rốt ráo là ta không còn thích và không còn bất mãn cái gì nữa.

KATTHAHĀRA (Kaṭṭhahārasutta)

Ông này cũng vào trong rừng, cũng thấy Đức Phật ngồi trong rừng. Bà-la-môn giáo là thờ Phạm thiên, trong đời của người Bà-la-môn chia ra nhiều giai đoạn, giai đoạn thứ nhất là: 1/Gahattha (giai đoạn cư sĩ); 2/Brahmacari (Phạm hạnh). Triết lý sống, nhân sinh quan của Bà-la-môn hay lắm. Ở đây mình không nói đến phương diện tri kiến rốt ráo của Phật pháp mà nói theo thế gian thì nền văn minh của Ấn Độ cao hơn vượt khỏi TQ rất là xa. TQ thì trong lý tưởng nhập thế, dấn thân phục vụ xã hội thì người ta theo đạo Khổng để làm quan, để có chức quyền, tiền bạc, mặt mũi tiếng tăm cho mình và cho dòng họ. Khi về già hoặc bất đắc chí thì họ quay sang Lão Trang hoặc PG. Hoặc trở về chùa như Tô Đông Pha, hoặc tuy lớn tuổi có vợ con nhà cửa nhưng trở thành cư sĩ chìm sâu trong việc nghiên cứu Phật pháp, hoặc trở thành nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng chìm đắm trong những suy tư của Lão Trang. Tư tưởng Lão - Trang chỉ lòng vòng có mấy cuốn: Nam Hoa Kinh của Trang Tử, Đạo Đức Kinh của Lão Tử, Dương Tử Liệt Tử

(lấy tên tác giả làm tên sách) mấy cuốn này nên đọc. Nếu một người có học A-tỳ-đàm, học thiền quán, học Phật pháp nói chung, đặc biệt là A-tỳ-đàm, bằng tâm hồn của một người Phật tử tin Phật và phải có kiến thức tương đối nền tảng về Phật pháp một chút, nếu có làm một cuộc rong chơi trong trần thế này thì nên đến thăm viếng ba bộ sách này. VN mình có bản dịch của cụ Nguyễn Hiến Lê, các vị sẽ thấy đây là chỗ ẩn náu tinh thần rất dễ thương, rất minh triết, rất thú vị. Người Tàu ngày xưa học chữ ra làm quan, lúc về già hoặc bất đắc chí thì chui vào trốn lánh trong ba bộ sách này. Trong khi đó người Ấn Độ lại khác, người Bà-la-môn Ấn Độ tuổi trẻ sống trong giai đoạn Gahattha (*Gaha*nghĩa là 'nhà', nghĩa là còn sống dựa vào nhà cửa, thế tục), họ chủ trương là có tài sản, có con cái nối dõi, về mặt này họ giống người Tàu. Giai đoạn sau thì họ hơn người Tàu, họ chủ trương một nửa đời trước sống để duy trì thế giới này nhưng một nửa đời sau là để dành cho thế giới tâm linh, để dành cho sự trở về hợp nhất với Phạm Thiên. Theo tín ngưỡng Bà-la-môn giáo mỗi chúng sinh trên trái đất, vũ trụ này nói chung, chính là một mảnh vụn được lấy ra từ đại ngã của Phạm Thiên, ngài là toàn bộ vũ trụ, và từng người trong vũ trụ này chính là những mảnh vụn được lấy ra từ đại ngã đó, mỗi cá thể là một tiểu ngã. Khi chúng ta chết nếu đủ duyên đủ phước đủ công đức thì chúng ta trở về nhập một với nơi chốn xuất phát của mình đó là Phạm Thiên. Để trở về với nguồn gốc của mình thì phải tu tập công đức, hàm dưỡng các đức tánh, bởi Phạm Thiên là sự trong sạch, sự cao đẹp và chân thiện mỹ; muốn trở về hợp nhất thì phải sạch sẽ mới ráp với ngài được, còn nếu mình vẫn còn dơ bẩn thì tiếp tục là những mảnh vụn trôi dạt đời này kiếp khác, chỗ này chỗ nọ, làm chó làm heo, làm trâu làm ngựa, ăn mày, kỹ nữ ăn cướp lưu manh du đãng v.v... khổ dữ lắm. Vì vậy phải ráng tu tạo công đức, hàm dưỡng đức tánh để trở về với nguồn gốc xuất phát của mình, đây là giai đoạn Phạm hạnh: *Brahmacari*. Đây là chữ gốc, trước khi Thế Tôn ra đời thì "*Brahmacari*" mang nghĩa 'sự hành trì để trở về với Phạm Thiên', vậy mới gọi là 'Phạm hạnh'. Từ khi Thế Tôn ra đời, Ngài định nghĩa khác: '*brahma*' là 'thánh nhân'. Ngài vẫn xài nghĩa cũ (Phạm Thiên) và có thêm nghĩa mới 'thánh nhân'. Ngay cả chữ *Brahmana*trước đây người ta hiểu theo nghĩa là 'Bà-la-môn' (những người theo tư tưởng Bà-la-môn giáo) nhưng khi Ngài ra đời thì Ngài dùng theo nghĩa cũ và thêm nghĩa mới là 'thánh nhân'. Cả Phạm Thiên cũng cho một nghĩa mới là chỉ cho thánh pháp, thánh đạo, cho chánh pháp và cũng có nghĩa là 'thánh nhân'. '*Brahmacari'* là con đường hành trì để trở thành Phạm Thiên. Ngài dùng nghĩa cũ nhưng thêm một nghĩa mới, cũng giống như hôm nay chúng ta biết chữ 'file', ngày xưa có nghĩa là 'hồ sơ', và tên một loại cá (file fish: cá nóc gai). Từ khi có computer ra đời thì chữ 'file' mang thêm nghĩa khác. Từ khi có computer chữ

'delete' mang thêm nghĩa khác, nhìn thấy nó là mình lập tức nghĩ đến computer liền. Trước khi Thế Tôn ra đời thì có nhiều chữ được dùng rồi nhưng khi Ngài ra đời Ngài cho những chữ đó thêm nghĩa mới nữa.

Ông Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja vào trong rừng thấy Đức Phật và mặc nhiên nghĩ chắc Đức Phật cũng vào rừng để tu tập kiểu như ông là để mai mốt trở về hợp nhất với Phạm Thiên. Đức Phật nói: *Với một người như ta không còn một đam mê ước vọng gì hết, ta không còn chỗ để đi nữa, kiếp này là kiếp chót rồi. Ta không như các ngươi sống ở đây còn mong đi về chỗ này chỗ nọ. Mọi hiện hữu của danh sắc, mọi hiện hữu của uẩn, xứ, giới, đế là sự lặp lại tẻ nhạt, vô ích, mệt nhoài mà ta đã làm tới lui quá nhiều lần rồi, giờ ta chán rồi, cội rễ sanh tử đã cắt bỏ.* Bài kinh trước nói về chữ '*rừng'*, '*nibbana'*, bài kinh này nói về '*dòng sanh tử'*, cũng tương đương như vậy, nghĩa là toàn bộ dòng sanh tử của mình chỉ là sự lặp lại. Thí dụ như bây giờ một chính khách nào đó, một tổ chức, một cá nhân nào đó biến trái đất này trở thành thiên đường, thì sao?

Thì bảy tỷ người trên trái đất này không cần phải lo lắng miếng cơm manh áo nữa, rồi thì sao?

Xe cộ, máy bay, cần là có, rồi thì sao?

Sống hết trăm tuổi rồi thì cũng trở về đất. Cho dù chúng ta sống hết một tỷ năm, hết một tỷ năm rồi cũng trở về đất, rồi cũng lặp đi lặp lại. Đâu ai muốn chết yểu đúng không, ai cũng muốn mình sống lâu; giả dụ mỗi người sống 100 tuổi, thương ai được ở gần người đó, muốn món đồ gì thì được món đồ đó, rồi thì sao?

Cứ ăn, ngủ, thức dậy, đi đứng nằm ngồi, cười nói, buồn vui, xong rồi ngủ. Cứ như vậy cứ làm tới làm lui, lặp đi lặp lại hết ngày này qua tháng khác, rồi để làm cái gì?

Tôi biết tôi nói vậy nhiều người sẽ nói là tại vì thầy chùa nên nói chuyện nghe bi quan. Tôi bày cho các vị một cái kế, một cách tu lạ lắm, nhiều vấn đề mình nhìn mình không thấy nhưng khi nhìn người ta mình mới thấy. Trong mỗi buổi giảng tôi thường bày cho các vị một số cái mà các vị không thích nhưng đó là kinh nghiệm cá nhân. Có nhiều chuyện mình làm không thấy bậy, không thấy kỳ nhưng mình nhìn người khác là thấy bậy liền. Vì vậy tu thiền quán là mình phải quan sát mình như mình quan sát người khác. Bây giờ mình nhìn thấy một người nào đó, họ giàu thiệt là giàu, có kẻ ăn người ở hầu hạ, sáng chạy bộ đi đánh tennis, ra biển ăn uống, họ chỉ chắp tay sau lưng, có người hầu hết, vợ chồng con

cái vui vẻ cả ngày, tối giường cao nệm êm chăn ấm nằm ngủ, xong sáng ra lại bắt đầu ngày mới, thấy kỳ cục lắm. Nếu sống không lý tưởng tinh thần thì cũng giống như mấy con chó nhà giàu thôi. Tôi biết tôi nói nặng, hơi ác, nhưng thật ra là vậy, giống y như chó nhà giàu, giống chim chuột trong cũi bằng vàng vậy đó, đó là tôi đang nói là sướng đó. Chưa nói tới khổ, phải vật lộn với miếng cơm manh áo lúc trời còn mờ mờ đất. Hồi nãy tôi đang ngủ sướng biết bao nhiêu, trời lạnh muốn chết, đắp cái mền, nghe tiếng alarm reo, bật dậy đi đánh răng súc miệng rửa mặt, ra ngồi đây mở cái room. Có làm gì đâu, chỉ đi ra ngồi nói chuyện thôi mà thấy mệt, lát nữa ăn sơ sơ rồi trưa đi học, sướng muốn chết luôn vậy đó mà còn thấy ớn huống hồ chi những người đi làm xa muốn kịp xe lửa 7 giờ sáng là 5 giờ phải dậy rồi, dỡ thức ăn đem theo. Vài bữa nữa tuyết lên tới đầu gối, phải mang bốt cao tới đầu gối đi ra ngoài ga, trời đầy tuyết, lạnh như cắt, lập cập, nhanh tay thì cầm được ly cà phê, trễ là thôi, rồi ôm ba lô ngủ gà ngủ gật. Tôi đã từng đi chuyến tàu khuya, ai trên tàu cũng ngủ gà ngủ gật. Cái cảm giác có những người ngồi ăn bánh mì, bẻ bánh mì mà mình nghe thấy, họ coi báo mình cũng nghe, cái âm thanh đó, cộng với bên ngoài tuyết rơi, trời chưa kịp sáng, cảm giác đó lạ lắm. Tôi nghĩ nếu cứ vậy mà lặp đi lặp lại nhiều đời nhiều kiếp thì dễ sợ quá. Vậy mà, ông Bà-la-môn này cứ tưởng luân hồi là hay, thật ra nó là sự lặp lại mệt nhoài và tẻ nhạt. Tiếp theo là bài kinh Nuôi Dưỡng Mẹ

NUÔI DƯỠNG MẸ (Mātuposakasutta)

Ông Bà-la-môn Mātaposaka này đi làm lụng cực khổ để về nuôi dưỡng mẹ.

'Māta': mẹ. Nhiều ngôn ngữ trên thế giới chữ "mẹ" đều là chữ M: '*mutter', 'maman', 'mother'*.

'posaka': 'người nuôi dưỡng'. '*poseti'* (động từ): 'nuôi dưỡng ai đó'. Từ gốc: '*pos'*: 'nuôi dưỡng'. Có một định nghĩa trong kinh 'uposatha' dịch là 'trưởng tịnh', 'trưởng' nghĩa là 'nuôi lớn'. 'uposatha' nghĩa là nuôi dưỡng, nuôi lớn sự thanh tịnh trong tâm hồn của mình. Còn chữ "bố tát" là âm. Theo tôi biết thì người VN mình từ đó đến giờ cứ kêu là "bát quan", "bát quan trai". Lâu lắm mới nghe chữ '*uposatha*' nhưng thường là chư tăng chứ cư sĩ ít biết chữ này. Đối với chư tăng, Uposatha là ngày giới, ngày rằm, ngày ba mươi, ngày chư tăng tỷ kheo sám hối, tụng giới bổn. Thọ bát quan trai có thể sanh thiên, vì một người thọ bát quan trai trong một ngày đêm có tám điều giống như vị A-la-hán: Vị La-Hán suốt đời không sát sinh, người thọ bát quan trai trong ngày đêm đó không sát sanh. Vị La-Hán suốt đời không hành dâm, không nói dối, không uống rượu thì người cư

sĩ trong ngày thọ bát quan trai cũng không hành dâm, không nói dối, không uống rượu. Vị La-Hán suốt đời không có ăn sái giờ sau mười hai giờ trưa sau khi mặt trời đứng bóng, vị La-Hán suốt đời không có thưởng thức thích thú trong ca vũ nhạc kịch, trong chuyện sử dụng trang điểm hương liệu mỹ phẩm thì người cư sĩ thọ bát quan trai trong ngày đêm đó cũng không ăn sái giờ v.v...

Ông Bà-la-môn này đến gặp Đức Phật, ông biết Ngài có chuyện để nói cho mình nghe nên mới đem chuyện ông cho là tâm đắc nhất ra nói. Đọc bản tiếng Việt thì rối nhưng bản tiếng Pāḷi thì sáng trưng: *"ahañhi dhammena bhikkhaṃ pariyesāmi, dhammena bhikkhaṃ pariyesitvā mātāpitaro posemi":* con dùng phương thức hợp pháp để kiếm sống, rồi cung dưỡng cha mẹ.

'*dhammena'*: hợp pháp, đúng pháp, không làm chuyện tà mạng, không sống bằng nghề giựt dọc, lừa đảo, lấy của phi nghĩa. Bản tiếng Việt hơi cầu kỳ: "con tìm món ăn thiết thực theo thường pháp", trong khi đó bên bản Pāḷi chỉ là 'dhammena bhikkhaṃ'.

"*bhikkhaṃ*": thực phẩm.

"*dubbhikkham*": thời điểm khó tìm thực phẩm, (ví dụ lũ lụt, mưa bão, núi lửa, thất mùa…)

Đức Phật tán thán: *Đúng rồi, làm như vậy là đúng, người như vậy trước mặt được hiền thánh ở đời tán thán ngợi khen, về sau lìa bỏ thân này cũng sẽ được về trời, hưởng lạc*. Một người cư sĩ đúng nghĩa dĩ nhiên phải đi kiếm sống chớ đâu ai nuôi mình, vì vậy, tất cả những tài sản người cư sĩ kiếm được phải chia làm bốn phần[1]: 1.Trả nợ cũ; 2.Cho vay nợ mới; 3.Liệng bỏ hố sâu; 4.Chôn để dành. Người cư sĩ sử dụng tài sản như vậy, sống như vậy mới là sống đúng pháp. Sống đúng như vậy thì có thể ra đi bất cứ lúc nào, ra đi trong sự thanh thản không tiếc nuối sợ hãi. Mình mang tiếng cư sĩ bởi mình có thọ tam qui ngũ giới, có làm lễ qui y, có pháp danh, mình có một sư phụ cụ thể điển hình nào đó, rảnh rảnh thì ghé chùa một chút, bát quan trai tiện thì thọ không tiện thì thôi, nghe pháp thì cũng tùy duyên, có ai nói thì nghe không nói thì thôi, cũng tùy duyên chớ không tha thiết kiếm tìm để lắng nghe, cái gì cũng tùy duyên hết. Khi thiện pháp đối với mình không phải là lẽ sống, không quan trọng đến mức chiếm một phần thời gian trong đời của mình thì đến lúc hữu sự, đau buồn hay sợ hãi, lúc bấy giờ chánh pháp làm sao giúp được mình vì bình thường mình đâu có nhớ. Quí vị phải nhớ một chuyện quan trọng, cái gì mình thường tâm niệm, cái đó mới là của mình, còn cái gì lâu lâu nhớ tới một lần thì không phải của mình. Giống như con ngựa

mình thường cởi, thường huấn luyện, gặp chuyện mình tót lên nó mới chạy, bình thường mình bỏ cù bơ cù bất, khi có chuyện leo lên thì nó đá cho chết. Chuyện tu hành cũng y như vậy, bình thường mình nghe pháp coi kinh cho có vậy thôi chớ mình không đưa vào trong máu trong tủy của mình, không đưa vào đời sống của mình thì khi đụng chuyện khó lòng lắm, đó là lý do vì sao mình phải nhờ cậy đến chuyện cầu an cầu siêu, chứ một người cư sĩ mà có đời sống Phật pháp ngon lành thì chuyện cầu an cầu siêu không quan trọng bởi có nhiều lý do: 1. Không ai cầu an cầu siêu cho mình hay bằng mình. 2. Mình có thể ra đi bất cứ lúc nào, làm gì có tăng ni sẵn đó mà cầu an tụng niệm cho mình.

"Sống theo pháp" của ông Bà-la-môn này mang nghĩa rất nghèo, nghĩa là không giựt dọc lừa đảo ai hết, chỉ dùng mồ hôi nước mắt để đổi lấy miếng ăn về nuôi dưỡng cha mẹ. Đối với người cư sĩ, chữ '*dhammena'* ở đây rất sâu, nghĩa là Thất thánh sản (tín, thí, giới, văn, tàm, úy, trí).

Thất thánh sản

- *Tín:* niềm tin dựa trên trí tuệ.

- *Thí:* sự trao ra ba thứ (tài thí, pháp thí, vô úy thí).

- *Giới:* xuất gia giới 227 hoặc 311, 105; hay cư sĩ giới: 5, 8, 10 giới.

- *Văn:* sự lắng nghe chánh pháp. Trong Tăng Chi Bộ kinh dạy rõ: Lắng nghe, ghi nhớ, hiểu, nhận thức, hành trì một cách tôn kính, còn nghe lớt phớt thì không phải là văn.

- *Tàm:* biết thẹn với chính mình; quí vị có thấy kỳ không, khi gặp chuyện hữu sự thì cầu chư thiên, khi làm bậy thì quên mất chư thiên đang nhìn mình, phải biết thẹn với điều này.

- *Úy:* biết sợ. Có bốn cái sợ: 1. Sợ cắn rứt: (Khi làm chuyện gì đó thì nghĩ cả đời này ngủ không yên) 2. Sợ tiếng đời (sợ làm cái gì đó người ta nói chết). 3. Sợ pháp luật. 4. Sợ sa đọa. Tàm Úy là một cặp, ở đâu có tàm ở đó có úy. Hôn trầm thụy miên là một cặp. Có rất nhiều chuyện nếu nói là cắn rứt thì cũng không đáng, thí dụ như bây giờ nhiều muỗi quá, mình đập cái bốp cho xong chớ việc gì phải đi bắt mệt. Đập con muỗi có gì đâu mà cắn rứt, có ai biết đâu mà sợ tiếng đời, pháp luật cũng đâu có ai trừng trị việc này, nhưng lại sợ sa đọa. Trong kinh, có vị tỷ kheo thời Đức Phật bị người ta hiểu lầm là tên tội phạm đang bị truy nã, người ta nhìn mặt rồi bắt ngài, lấy cây lao xỉa từ hậu môn ngược lên trên. Trước

khi vị này chết Đức Phật đã xuất hiện và nói một câu, vị đó hành và đắc A-la-hán, đó là vị A-la-hán viên tịch trên mũi lao. Chư tăng hỏi một vị có phước báu có thể trở thành A-la-hán như vậy mà sao chết thê thảm. Đức Phật nói tiền kiếp vị này là đứa bé giết ruồi bằng cách lấy que tăm xiên qua với cái tâm thích thú. Chuyện những người bị đá đè, bị xe đụng dẹp lép do nhiều nguyên nhân mà mình có thể nghĩ trong đó có thể là do nghiệp đập muỗi đập ruồi. Do mình đập cho nên đời sau mình bị chết theo cái kiểu xẹp lép vậy đó. Cách đây mấy hôm tôi có coi một cái tin trên internet thấy ghê quá, một cô ở miền Bắc mang thai tám tháng, bị xe tông làm sao mà đứa bé văng ra ngoài luôn. Cổ thì bị nát bét mà đứa con văng ra trước nên còn nguyên vẹn. Nhiều cái chết cũng ghê lắm, nên sợ là sợ như vậy đó. Úy là sợ sa đọa, sợ khổ báo về sau.

- *Trí:* trí Nhân Quả và trí Tam Tướng.

Trí về nhân quả là biết không việc làm nào của phàm phu mà không để lại hiệu ứng. Có một vị thiền sư người Mỹ, khi được người ta nhờ định nghĩa vắn tắt về nghiệp báo của đạo Phật, ngài nói: **Nothing is nothing**. Không có gì là zero hết, nghe câu đó thấy có vẻ rất là kỳ, nói theo toán thì không có việc gì là vô nghiệm hết. Một người không học A-tỳ-đàm không biết rằng chỉ lấy tay gãi thôi, đó là nghiệp. Khi mình bị ngứa là tâm sân, gãi cho đã là tâm tham. Tâm tham chính là tâm bất thiện. Tham xuất hiện trong giai đoạn đổng lực (javana) trong một tâm lộ. Javana hiệp thế của phàm phu thì dứt khoát phải để lại quả trong kiếp sau. Mỗi tâm lộ có một giai đoạn javana, javana ở đây là giai đoạn thiện hay ác của một lộ tâm. Đối với vị La-Hán thì chỗ này không thiện không ác, còn chúng ta thì mỗi một lộ tâm như vậy ngay giai đoạn javana hoặc là tham hoặc là sân đều để lại nghiệp hết. Người học đạo phải biết không có việc làm nào của mình mà không để lại kết quả; một là nó để lại quả liên hệ đến thân, hai là nó để lại quả liên hệ đến tâm.

Tam tướng: phải hiểu rằng mọi thứ ở đời này, hễ có mặt là có lúc biến mất, có sinh ra thì có lúc biến diệt. Không việc làm nào không để lại hậu quả. Mọi thứ do nhân quả (nhân duyên, nghiệp báo) mà có, chính bản thân nó có thể vừa là quả của một chuỗi mắc xích nào đó và cũng có thể là nhân cho một chuyện khác. Hiểu được điều này thì người Phật tử sẽ có sự cẩn trọng và sống trách nhiệm hơn. Ví dụ, tôi chửi các vị, đó là nhân, khi các vị chửi tôi thì đó là quả, nhưng mọi sự chưa kết thúc ở đó. Đời trước tôi chửi người ta nên đời này tôi bị người ta chửi lại. Khi tôi bị người ta chửi, tôi có phản ứng. Một vòng quay mới lại được bắt

đầu. Chưa hết, đời trước tôi chửi người khác giờ quí vị nhìn mặt tôi quí vị muốn chửi, thế là quí vị gieo nghiệp mới.

Cái gì có mặt thì bắt buộc phải biến mất, đó là vì lý do rất khoa học chớ không phải là tôn giáo. Đừng hiểu là tại vì Phật nói, Phật tạo ra. Trong Tương Ưng kinh Đức Phật dạy: *Dù các đấng Như Lai có ra đời hay không thì luật tam tướng vô thường khổ vô ngã luôn luôn là như vậy.* Lý do mọi sự tồn tại trong vô thường rất khoa học: một đứa bé không thể nằm hoài trong bụng mẹ, nó phải đi ra, màu da của không phải đỏ hoài mà phải sậm lên. Màu da đỏ của nó gặp nắng gió mưa sương thì mới giống như màu da người lớn, xương cốt của nó cũng rắn chắc cứng cáp hơn để dần dần trở thành thanh niên, thiếu nữ; đi thêm một chuỗi năm tháng nữa thì mới ra trung niên và sau thành ông già bà già. Trên đời này không có cái gì đứng yên kể cả những vật thể như khoáng chất, kim loại. Những phân tử vật chất trong một miếng kim cương hay miếng vàng cũng luôn biến động không ngừng. Trong kinh nói có hai vô thường: *vici* (thấy được) và *avici*(không thấy được). Một vũng nước thấy lúc sáng trưa nắng nước bốc hơi dần, một người trước đây da dẻ mịn mạng đẹp đẽ giờ nhăn nheo đó là vô thường thấy được. Một cái bàn bằng gỗ tốt nếu mình không có ý phá hoại thì năm năm sau vẫn thấy nó như không thay đổi, đó là vô thường không thấy được. Nhưng dù thấy hay không thấy thì trước sau nó vẫn luôn luôn vô thường, mọi thứ luôn luôn bị đẩy về phía trước dù muốn dù không. Theo khoa học thì *mọi sự tồn tại chỉ là quá trình tiêu thụ năng lượng và chuyển đổi bản chất, giai đoạn sau phủ nhận giai đoạn trước*. Ví dụ giai đoạn dậy thì phủ nhận giai đoạn trẻ con trước đó, giai đoạn trưởng thành phủ nhận giai đoạn dậy thì, giai đoạn trung niên phủ nhận giai đoạn thanh niên, giai đoạn lão niên phủ nhận giai đoạn trung niên. Vì vậy trong bộ Patisambhidamagga ngài Xá Lợi Phất có nói thế này: *Vô thường, khổ, hiểu theo nghĩa thế gian thì nó gắn liền với cảm thọ.* Ví dụ khổ ở đây có nghĩa là ưu của tâm hoặc khổ của thân, đây chỉ là *khổ khổ*trong 3 khổ. Câu người đời thường hay nói: "Trời ơi, sao mà tôi khổ quá", "Thế gian này là biển khổ", cái khổ đó là *khổ khổ*, chỉ một phần ba cái khổ mà Đức Phật nói. *Khổ khổ*: sự có mặt những gì làm mình khó chịu. *Hoại khổ:* sự vắng mặt của những gì làm mình dễ chịu. *Hành khổ:* tất cả sự có mặt của vạn hữu đều do chư duyên mà có - sự lệ thuộc nhân duyên chính là khổ. Các vị ngồi bình tâm một chút mới thấy nó nản, chuyện các vị ngồi ở đây nghe tôi nói chuyện đừng nghĩ là đơn giản là "tôi muốn và vì tôi có cái máy". Nghĩ vậy là sai, có đến ba ngàn tỉ nhân duyên để quí vị có thể ngồi đây nghe tôi nói chuyện. VN mấy ngày nay cáp quang trục trặc, quí vị đâu có nghe được, chỉ cần tôi không giảng thì quí vị cũng đâu nghe được. Các vị không có

nhức đầu đau lưng tiêu chảy, gia đình chồng con, nhà cửa công ăn việc làm không có vấn đề mới vào nghe được. Chỉ cần đang ngồi boss gọi vào công ty giải quyết công việc đột xuất là phải tức tốc đi liền, hoặc cơ thể có đau bệnh gì đó v.v... , có tới ba ngàn tỉ nhân duyên, sự lệ thuộc duyên đó không phải dễ. Chỉ cần nhức răng hoặc hạt bụi nhỏ xíu lọt vô mắt thì các vị không còn có thể suy nghĩ làm việc gì được hết. Đừng nói hạt bụi là nhỏ, một hạt bụi lọt vào mắt là bằng mọi giá phải lấy nó ra, nó còn nằm trong mắt là không thể suy nghĩ, quyết định hay suy tư gì được. Người Phật tử hiểu được Tam tướng là hiểu được vô thường, khổ. Khổ ở đây không phải chỉ là sự khó chịu mà còn bao gồm luôn cả sự bức bách, thúc đẩy, ép buộc (*pilana, pilita*). Dầu muốn dầu không mọi sự ở đời luôn luôn bị). Dầu muốn dầu không mọi sự ở đời luôn luôn bị **đẩy** về phía trước:

- Cái gì mình không muốn tự động nó phải có mặt

- Những thứ mình thích có lúc nó phải biến mất

- Vạn sự ở đời phải lệ thuộc nhân duyên, không ai có thể cưỡng lại được, cho dù bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Có thân là phải chịu già, chịu đói, chịu khát, chịu nóng, chịu lạnh chịu đau, chịu nhức. Chư thiên thì không bị già, đói khát, đau nhức… nhưng họ bị thân tâm luôn sanh diệt và càng lúc càng bị đẩy gần về cái chết. Chết rồi thì bất trắc, họ đọa đi đâu nào ai biết. Đừng nói là về trời trở lại, họ có tu hành gì đâu mà về trời trở lại. Mình sống mấy chục năm có chút xíu tiền mà chỉ lo hưởng thôi, huống chi họ sống mấy chục triệu năm muốn gì được nấy thì làm sao mà tu nổi. Sống hết tuổi trên cõi Trời thì mọi thứ trở thành bất định và bất trắc. Trong thời gian mình mang thân người mình còn có cơ hội gieo duyên giác ngộ, mình còn nhìn thấy cảnh sanh ly tử biệt, nắng nóng, mưa dầm, lầy lội, côn trùng…những hình ảnh đó còn làm cho mình sợ sanh tử, còn trên cõi Trời thì thơm ngát mát lạnh, ánh sáng như ý, nhiệt độ như ý, cái gì cũng như ý thì cơ hội chán sợ sanh tử không có. Cõi Người tuy khổ thiệt, sống bằng tâm sân thấy thê thảm thiệt nhưng ít ra không kéo dài sanh tử. Cái ghê gớm nhất là sống bằng tâm tham, muốn kéo dài sanh tử. *Kẻ thù của sanh tử không phải là nỗi khổ mà chính là niềm vui. Nỗi khổ là cơ hội tốt để người ta chán sợ sanh tử và có ý muốn thoát khỏi, còn sống quá nhiều đam mê thì khả năng ghim sâu gắm chặt càng nhiều.* Nếu tôi kêu các vị đừng làm phước thì kỳ, nhưng nếu làm phước mà không cầu giải thoát thì tạo ra quả lành, mà quả lành thì gắn mình vào dòng luân hồi dữ dằn hơn làm ác. Làm ác cũng có cái hay, nói cái hay thì cũng kỳ, nhưng quả khổ cũng có cái hay là làm cho mình chán sợ

sanh tử, còn làm thiện cho quả lành làm mình thấy ngọt ngào, chính ngọt ngào làm mình thấy sanh tử có lý do. Tiếp theo là bài kinh Bhikkhaka

BHIKKHAKA (Bhikkhakasutta)

Tôi muốn thông qua lớp học này gởi đến quí vị những nhận thức mới, mới ở đây không phải là do tôi sáng tác, mới ở đây là quí vị nên có một cái nhìn kết hợp mà mình là cư sĩ mình không có dịp thấm thía.

'Bhikkha': 'thực phẩm'.

'Bhikkhaka' = *'Bhikkhu'*: 'người đi xin ăn'.

Ông Bà-la-môn Bhikkhaka này cũng sống bằng hạnh khất thực. Ai hôm nay đi về Ấn Độ sẽ thấy hình ảnh rất đẹp, Ấn Độ là xứ đủ thứ tôn giáo, tôn giáo nào cũng có thể tồn tại trên đất Ấn Độ. Khi anh đã là tu sĩ, không cần biết đạo nào, hễ anh đi ăn xin là anh không có đói. Ví dụ mình theo đạo A, gặp ông theo đạo B mà đi ăn xin mình cũng có thể đem cho ổng được. Cái xứ VN mình, phải nhìn nhận cũng là vùng đất tín ngưỡng nhưng phải nói là không bằng một góc của Ấn Độ về mặt sinh sôi tôn giáo. Ấn Độ thì đạo gì cũng có, bây giờ mấy người trong room này qua Ấn Độ chế ra cái đạo gì cũng được, không lâu thì mau cũng có đệ tử, nhưng phải nhớ là đừng làm gì phạm pháp và đừng chế ra cái gì chỏi lại văn hóa bản địa. Chỉ cần bảo đảm hai điều này thì ở Ấn Độ quí vị muốn lập đạo gì cũng được.

Ông Bà-la-môn này cũng theo đuổi một lý tưởng tôn giáo nào đó, rồi đi ăn xin. Thấy Thế Tôn cũng đi khất thực, ông đến hỏi Ngài: *Ngài khất thực con cũng khất thực, giữa hai người đâu có gì khác nhau.* Ông nghĩ đơn giản quá. Giống như hôm nay mình ra đường thấy hai người mang kính, người thì cận bẩm sinh, người thì do đọc sách nhiều, nhìn thì thấy cả hai giống nhau, nhưng có thể người thì không biết chữ còn người thì đầy chữ. Đức Phật trả lời: *Khác nhau chứ, không phải ai ăn xin cũng gọi là khất sĩ.* Ở đây Ngài nói chữ "*vissan dhammam*", ngài Minh Châu dịch là "pháp độc".

'Visa': 'chất độc' (poisson), '*vissa'*: 'khó ngửi'(theo Chú giải là *Duggandha* nghĩa là khó ngửi).

Đức Phật nói không phải ai ăn xin cũng giống nhau vì những người có sở hành "khó ngửi" thì không gọi là tỷ kheo, ai lìa bỏ tập khí sanh tử nói chung thì người đó mới được gọi là tỷ kheo. Bài kinh này với người không học Phật pháp thì đọc

vô hiểu không nổi: *"Ai sống ở đời này, Từ bỏ các phước báo, Đoạn trừ mọi ác pháp, Hành trì theo Phạm hạnh"* nghe rất là căng. Trong bản Pāḷi thì sáng trưng:

*"Yodha puññañca pāpañca, bāhitvā brahmacariyaṃ"(*Ai sống lìa bỏ các nhân sinh tử, gồm cả thiện ác, hướng đến Niết Bàn, thì người đó mới được gọi là tỳ kheo)

"brahmacariyaṃ": Phạm hạnh. Tu tập hướng đến niết-bàn thì gọi là Phạm hạnh, còn hướng đến quả báo nhân thiên thì không phải là Phạm hạnh, chỉ gọi là "thiên hạnh"

Có học Phật pháp mới hiểu chỗ này chớ không thì thấy lạ. Phật pháp lúc nào cũng dạy chúng ta làm lành lánh dữ, sao ở đây lại kêu gọi lạ lùng như vậy. Đây là điều rất độc đáo của đạo Phật, bước đầu dạy mình bố thí trì giới, nhưng bước thứ hai thì cho mình biết rằng tất cả công đức có hai khía cạnh cần phải hiểu:

- Công đức thì chỉ dẫn đến sự tái sanh các cõi nhân thiên, nếu so với sự sa đọa thì sự tái sanh lên cõi nhân thiên tốt hơn.

- Nếu so với Niết Bàn thì các cảnh giới nhân thiên vẫn còn là đáng sợ

Lúc đầu vô chùa thì được dạy là "làm phước đi, để hướng đến cõi nhân thiên" nhưng khi họ đi vô chùa một thời gian lâu mình "kề tai nói nhỏ" cho họ biết một chuyện nữa: Hồi đó đến giờ anh bầy hầy quá, chuyện bậy nào anh cũng làm, nên anh phải làm lành lánh dữ, nhưng bây giờ tôi cho anh biết thêm bước thứ hai, chuyện quan trọng là anh phải cầu giải thoát đừng có sanh tử nữa. Bởi vì so với sa đọa bốn cõi khổ thì nhân thiên tốt hơn, còn nếu so với sự vô sanh của niết-bàn thì cảnh giới nhân thiên vẫn còn đáng sợ. Y như đời sống thường ngày mình thấy, con nít buổi đầu phải ráng đi học để lớn lên có nghề nghiệp tiền bạc, nhưng sẽ có lúc nào đó trong đời khi tám chín chục tuổi thì mới thấy sinh mạng của mình đáng hơn hết thảy. Đời sống là sự quẩn quanh, khi còn nhỏ có sức khỏe, tuổi trẻ, nhan sắc, đem bán rẻ mấy thứ này để đổi lấy đồng tiền, đến một lúc nào đó khi có đồng tiền rồi thì dùng tiền đi mua ngược lại sức khỏe. Ngồi nghĩ lại mà thấy ngán, tuổi đẹp nhất của con người thì đi hành hạ đày đọa nó. Các vị ra ngoài ga xe lửa ngậm ngùi lắm, biết bao nhiêu nam thanh nữ tú cơ bắp sức khỏe cường tráng, họ vào trong sở, đóng cửa lại, ngồi trước computer, họ vùi chôn "xác bướm cành khô nơi đáy mộ", nhan sắc đó, cơ bắp đó, đem vô trong sở ngồi trước máy tính, mấy chục năm sau, nhan sắc xệ xuống, về hưu rồi mới lấy tiền đi tập fitness, chạy bộ, yoga, dưỡng sinh uống thuốc uống sâm, đông trùng hạ thảo, ai bày tầm

bậy tầm bạ gì cũng uống, còn giai đoạn đẹp nhất thì bán đi, bán sức khỏe đi để đổi lấy tiền, có tiền rồi thì mua ngược lại cái mình đã bán. Vì vậy Đức Phật dạy rằng: đã còn sanh tử thì còn khổ, thiện ác lúc bấy giờ đều trở thành gánh nặng hết.

SANGĀRAVA (Saṅgāravasutta)

Ông Bà-la-môn Saṅgārava này, không phải là đệ tử của ngài Ānanda, ông coi ngài như một người bạn thân. Trong Chú giải gọi là *gihisahāya* (bạn cư sĩ). Có những vị cư sĩ mến thương một vị sư mà không muốn coi họ là sư phụ và bản thân họ cũng không coi họ là người đệ tử cư sĩ, giống như Tô Đông Pha và Phật Ấn vậy. Quí vị có nhớ hai người này không. Thời nay văn minh quá, rồi computer sách báo nhiều quá, có nhiều chuyện cũ bà con không có thì giờ để đọc. Tôi năm nay mới bốn mươi ngoài mà tiếp xúc với Phật tử VN tôi có cảm giác mình già lắm. Ví dụ như nhiều người bây giờ không còn thời gian để biết đến Tô Đông Pha, Nguyễn Du, Lưu Vũ Tích, Liễu Tôn Nguyên, Lý Bạch, Đỗ Phủ… nữa. Có lần nói chuyện với một nhóm Phật tử, tôi có đọc câu thơ mà họ mở to mắt nhìn tôi vì họ không hề biết trong khi ai đọc sách thiền thì cũng biết hết: *"Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt, Vạn lý vô vân vạn lý thiên".* (Ngàn sông ngàn nước ngàn trăng hiện, bao dặm không mây mấy dặm trời). Nghĩa là lòng mình càng mở ra chừng nào thì thế giới sống của mình càng rộng ra chừng đó. Tôi đọc lại cho họ chép, họ nói họ chưa từng biết câu đó, tôi giựt mình nghĩ chắc mình già rồi, những cái mình biết thuộc về lớp trước rồi. Phật Ấn là một HT mà Tô Đông Pha thương ghê lắm. VN cũng nhiều, có những người không bái tăng vi sư, họ chỉ coi là bạn. Ông Bà-la-môn Sangārava này đối với ngài Ānanda cũng vậy. Ông theo hạnh '*udakasuddhika'*: tạm dịch là 'thánh tẩy' (tin là tắm có thể rửa tội được), ông tin là tắm nước sông có thể hết tội. Ông Cấp Cô Độc có một cô nữ tì tên là Punnā ra ngoài sông lấy nước, thấy người ta tắm lặn ở dưới, cô hỏi: *Trời lạnh thế này tôi bất đắc dĩ phải xuống sông lấy nước, còn mấy người làm gì mà ngâm mình dưới nước lạnh vậy.* Người ta trả lời là ngâm cho hết tội. Cô nói: *Nếu ngâm hết tội vậy mấy con cá tôm dưới nước hết tội sao.*

Ở đây, ông Bà-la-môn này cũng tin như vậy, ngâm mình dưới nước thì bớt phần nào tội lỗi, bớt phần nào ô trược, về Trời về cõi Phạm thiên nhanh hơn. Tin như vậy là tà kiến. Khi Đức Phật hỏi vì sao ngâm nước như vậy, ông Bà-la-môn trả lời ban ngày ông làm ác nghiệp gì thì chiều ông tắm để gội sạch ác nghiệp ấy. Đức Phật nói với ông: *Không có một cách nào làm sạch nội tâm của một con người ngoại trừ hành trì chánh pháp*. Có một bài kinh đã học, Đức Phật dạy: *Đời*

sống Phạm hạnh chính là phép tắm không cần nước. Ở đây Ngài dạy nội dung cũng y như vậy: Chánh pháp là ao hồ, giới là bến nước tắm. Giới ở đây gồm ba: Giới thân, giới khẩu và giới ý. Việc gì hại mình hại người trong đời này đời sau và do phiền não tác động thì không làm, không nói, không nghĩ đến, gọi chung là giới. Đang lái xe, đang lặt rau, đang quét nhà, có tư tưởng gì mang nội dung hại mình hại người thì phải biết liền, tự nhớ chừng: "cái này bậy nhen", vậy là giữ giới ý. Có câu nói này phải thuộc lòng: Ở đây Ngài dạy nội dung cũng y như vậy: Chánh pháp là ao hồ, giới là bến nước tắm. Giới ở đây gồm ba: Giới thân, giới khẩu và giới ý. Việc gì hại mình hại người trong đời này đời sau và do phiền não tác động thì không làm, không nói, không nghĩ đến, gọi chung là giới. Đang lái xe, đang lặt rau, đang quét nhà, có tư tưởng gì mang nội dung hại mình hại người thì phải biết liền, tự nhớ chừng: "cái này bậy nhen", vậy là giữ giới ý. Có câu nói này phải thuộc lòng: **Đừng xem nhẹ một suy nghĩ nào, bởi nó được lặp lại nhiều lần sẽ biến thành hành động. Hành động nhiều lần sẽ biến thành thói quen, nhân cách và nhân cách tạo ra số phận chúng ta.**

Có những suy nghĩ lặp đi lặp lại sẽ biến thành hành động, ví dụ các vị không thích tôi, nếu đúng là một người Phật tử, khi các vị không thích tôi, các vị nói "đây là ác cảm", vậy là đủ rồi; mỗi lần nghĩ về tôi các vị thấy khó chịu, các vị nói "đây là ác cảm, không cần thiết". Các vị không thích thì thôi chứ không nhất thiết phải nhớ về tôi để bực mình, nếu mỗi lần các vị bực mình, rồi nghĩ thêm tại sao lại bực mình, cứ nghĩ thêm như vậy lâu ngày biến thành hành động, gặp tôi các vị sẽ háy nguýt, đánh chó chửi mèo, dằn mâm, xáng chén v.v... Tại sao phải đi xa như vậy, chỉ cần nghĩ về tôi mà khó chịu, quí vị nói: "không nên, thành kiến, ác cảm". Không nên đào sâu khoét rộng. Giới thân, giới khẩu, giới ý là chỗ đó, cứ nghĩ chuyện gì hại mình hại người đời này và đời sau và do phiền não tác động thì không làm. Đó là bài kinh Saṅgārava. Mai mốt chúng ta sẽ gặp lại ông Saṅgārava này trong một bài kinh khác, ông đến hỏi Đức Phật: *Bạch Thế Tôn tại sao hồi con còn trẻ học cái gì cũng dễ nhớ mà khó quên mà bây giờ tuổi già học cái gì cũng khó nhớ mà dễ quên*. Đức Phật giải thích rằng: Có nhiều lý do để một người bị tình trạng đó, tuy nhiên nói theo tinh thần tu học thì hành giả phải nhớ rằng giây phút nào mà tâm mình bị 5 triền cái chi phối tác động ảnh hưởng thì sẽ tạo ra tình trạng khó nhớ dễ quên. Ví dụ khi tâm mình khi bị sân hận giống như nước đang sôi mình không nhìn mặt mình trong đó được; tâm mình đang tham dục thì giống như nước đang bị nhuộm màu; tâm đang hôn thụy buồn ngủ thì giống như nước bị rong rêu; tâm đang phóng dật thì giống nước đang bị gió thổi gợn sóng lăn tăn. Tâm bị năm triền cái tác động chi phối thì giống hệt như mặt

nước bị cặn cáu, bị sôi, bị gió thổi, bị rong rêu. Cũng vậy, nội tâm càng thanh tịnh thì càng sáng suốt, dễ hiểu, dễ nhớ vấn đề hơn. Người hỏi câu hỏi đó chính là ông Saṅgārava, hôm nay trong bài kinh này không phải là câu hỏi đó mà là vấn đề khác, đó là câu hỏi về rửa tội của ông.

KHOMADUSA (Khomadussasutta)

'Khomadussa': 'vải bông sợi' (linen). Linen mặc mát như cotton vậy, khó ủi, nhăn, nhưng mặc thì thấm mồ hôi.

Bài kinh này, theo Chú giải, buổi sáng hôm đó Đức Thế Tôn nhìn thấy cơ duyên của mấy ông Bà-la-môn này, Ngài muốn tế độ nhưng biết rằng họ là những người còn thành kiến.

"Lúc bấy giờ các Bà-la-môn gia chủ ở Khomadussa đang tụ họp tại hội trường để giải quyết một vài vấn đề và trời đang mưa nhỏ hột." Mưa này không phải là hiện tượng thiên nhiên mà là do thần thông của Đức Phật. Trong Chú giải nói rằng, Ngài suy nghĩ: Nếu vô nhân vô duyên mà ta đi vào trong đó thì không tiện (*aphāsukadhātukaṃ),* không thoải mái cho hai bên. Cho nên "*ekaṃ kāraṇaṃ paṭicca"* bây giờ ta phải dựa vào nhân duyên nào đó, *"upasaṅkamissāmī"* ta mới vô trong đó được; "*adhiṭṭhānavasena vuṭṭhiṃ uppādesi",* Ngài chú nguyện khiến cho trời vần vũ và mưa xuống lâm râm. Mọi người tưởng là hiện tượng thiên nhiên nhưng đây là do thần thông của Đức Phật. Vì sao Ngài không làm mưa lớn?

Mưa lớn thì sẽ khiến Ngài bị ướt và Ngài thì không muốn đảo lộn trời đất ảnh hưởng chúng sanh khác, Ngài muốn tạo ra một cái duyên nhỏ không ảnh hưởng nhiều. Với một Phật lực như Ngài, Ngài chú nguyện cho mưa rơi xuống. Ngài đang đi bát, trời mưa nên Ngài có cớ bước vào trú mưa trong hội trường đó. Lý do làm mưa đơn giản là vì chỗ người ta đang hội họp, Ngài bước vào không tiện. Trong kinh nói vì Ngài là vị vua nên Ngài cư xử đẹp lắm. Một lần đó có vị đang thuyết pháp trong hội trường, thuyết pháp vừa xong họ nghe tiếng gõ cửa, có người ra mở cửa thấy Đức Phật, Ngài nói: *Lành thay, các tỷ kheo khi gặp nhau đã thuyết giảng chánh pháp.* Vị pháp sư đó quì xuống: *Bạch Thế Tôn, nếu biết Thế Tôn đứng ngoài cửa thì con đã không nói nhiều như vậy*. Ngài cho biết: *Như Lai đợi ngươi nói xong mới gõ cửa.* Câu chuyện chỉ mấy hàng chữ nhưng đáng để suy nghĩ. Một vị pháp vương mà hành xử như vậy đó thì mình nghĩ lại mình giống ai?

Ở đây cũng vậy, dù Ngài đến để độ người ta nhưng cũng phải có một duyên sự đẹp, Ngài chỉ chú nguyện nhẹ nhàng cho trời mưa để có cớ bước vào. Các ông Bà-la-môn ngồi ở trong thấy Ngài thì bực. Quan niệm văn hóa tín ngưỡng của Ấn Độ thời đó coi thường người không có tóc. Hôm trước tôi có nói, giống như VN mình vậy đó, trước ngày xa quê, tôi nhìn mấy thanh niên đầu trọc, xăm mình, phụ nữ hút thuốc là tôi ác cảm, mấy người Ấn Độ này cũng vậy, cái ác cảm của họ ghê hơn của tôi, tôi chỉ thành kiến với người đời cạo đầu thôi, còn tu sĩ thì chuyện bình thường, còn đối với mấy người Ấn Độ này thì bất cứ ai cạo đầu họ đều không thích, vì vậy họ nói câu rất nặng mà bản dịch Việt của HT Minh Châu thì không nặng, không phải ngôn ngữ của đời sống bình thường: *"Những Sa-môn đầu trọc ấy là ai*?

Và họ có thể biết gì về quy tắc của hội trường?

". Đọc bản Pāḷi thì sáng lắm: *"Cái thứ đầu trọc này biết cái gì mà tới đây chỗ của người ta đang hội họp"*. (*'Sabhadhamma'*: 'hội họp').

Câu trả lời của Đức Phật rất là tuyệt vời: "*Nesā sabhā yattha na santi santo",*chỗ nào không có người hiền trí thì chỗ đó không đáng được gọi là chỗ họp mặt. (Tôi thì dịch nặng hơn: *Nếu không có người đáng mặt thì mọi sự họp mặt chỉ là sự tập trung của bầy đàn nào đó mà thôi).* Được gọi là một cuộc hội họp thì phải là có sự có mặt của những bậc hiền trí, mà không thể nào có hiền trí nếu không có người biết nói tiếng người (trong đây gọi là '*nói đúng pháp'*). Hoặc là: Không thể nào gọi là họp mặt nếu ở đó không có con người đáng mặt, mà con người đáng mặt phải là người biết nói tiếng người, muốn nói tiếng người thì anh phải có nhân cách của một con người. Đây là dịch "nặng" để ….bị người ta chém đó. Còn dịch nhẹ là: Hội trường chỉ là hội trường khi có người hiền trí, chỉ gọi là hiền trí khi biết nói đúng pháp, muốn nói đúng pháp phải lìa bỏ phiền não. Dĩ nhiên trong trường hợp khác Thế Tôn sẽ có một tỉ cách nói khác, nhưng trong trường hợp này nhìn rõ vào căn cơ của những người trước mặt Ngài thấy cách nói này là tốt nhất. Sau khi nghe Ngài nói xong họ xin qui y với Ngài, họ nói: *Giống hệt như dựng lên những gì bị ngã xuống, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối, đúng vậy, hôm nay Thế Tôn đã giúp chúng con mở mắt hiểu ra được vấn đề… Hội trường chỉ là hội trường khi có người hiền trí, nếu không thì chỉ là sự họp mặt của bầy đàn, bao nhiêu tiếng bàn bạc chỉ là tiếng vo ve của loài ong loài muỗi loài ruồi thôi.*

Được gọi là hội trường phải là sự có mặt của người hiền trí. Hiền trí phải là người nói đúng pháp; đúng pháp là lợi mình, lợi người đời sau kiếp khác; muốn được nói năng như chánh pháp thì phải là người có nhân cách đúng pháp: lìa bỏ ba phiền não. Đó chính là nội dung của bài kinh Khomadussa

[1] Xem bài Xan Tham giảng ngày 8-6-2014

Bài giảng ngày 27-9-2014 CHƯƠNG 8. TƯƠNG ƯNG TRƯỞNG LÃO VANGISA

Hôm nay chúng ta học qua chương mới đó là chương Trưởng Lão Vangīsa. Các vị có thời gian thì vào trong Tăng Chi Bộ kinh, Pháp Một Chi, tức là phần đầu của Tăng Chi Bộ Kinh, chương Người Tối Thắng, sẽ thấy nói đến 47 trưởng lão Tăng và 13 vị trưởng lão Ni, tổng cộng là 60 vị, đại đệ tử của Đức Phật. Mỗi vị sở trường một biệt hạnh và thắng hạnh. Thí dụ ngài Xá Lợi Phất là đệ nhất trí tuệ, ngài Ānanda là đệ nhất đa văn, ngài Mục Kiền Liên đệ nhất thần thông. Trong đó có một nhân vật rất là độc đáo đó là Vangīsa, đệ nhất ứng khẩu (patibhana). Ngài nhìn thấy một sự kiện gì đó thì ngài lập tức có ngay một bài kệ để mà trình bày, mô tả lại sự kiện đó, nhanh như vậy. Vị này có thân thế rất là đặc biệt, kinh nói sao thì chúng tôi nhắc lại như vậy, bà con xem thêm trong internet và tìm hiểu thêm về ngài, ở đây tôi chỉ nhắc sơ thôi. Trước khi xuất gia, ngài Vangīsa là một vị Bà-la-môn rất đặc biệt vì ngài sở hữu một khả năng rất đặc dị, đó là khi ngài gõ ngón tay vào cái đầu lâu (sọ người) thì ngài có thể biết người đó hiện giờ đi tái sanh về đâu, bao xa. Ngài rất nổi tiếng về khả năng đặc dị này. Lần đó khi cơ duyên chín muồi, ngài tìm đến với Đức Phật và Đức Phật đã dùng thần thông tìm một cái sọ của vị La-Hán để trước mặt của Vangīsa và nói nếu ngươi có tài thì tìm nơi tái sanh của vị này xem sao. Ngài Vangīsa lấy ngón tay gõ và đọc thần chú, ngài gõ hoài, đổ mồ hôi ra mà không cách nào đoán được chỗ đi tái sanh của chủ nhân cái sọ đó. Trong kinh nói ngài đổ mồ hôi, và hỏi Đức Phật. Đức Phật nói: Ngươi làm gì có thể tìm được, người ta có thì mới tìm được chứ người ta không còn chỗ đi nữa thì làm sao tìm. Ngài Vangīsa từ đó quyết lòng đi xuất gia, vì ngài thấy những cái biết của ngài chỉ là phù phiếm trong khi có những cái biết khác cao hơn, lợi ích hơn, thiết thực hơn. Vì vậy ngài có 1001 lý do để từ bỏ hết, đi xuất gia theo Đức Thế Tôn, sau đó trở thành vị đại thanh văn có biệt tài cũng đặc dị nhưng không dính dáng gì tài cũ hết, đó là đệ nhất ứng khẩu. Có thể nói ngài Vangīsa là đệ nhất thi sĩ của PG, bởi vì những nhà thơ chúng ta biết được xưa giờ từ Đông Phương sang Tây Phương nhiều lắm là họ giỏi chữ nghĩa và thi tứ dạt dào cảm xúc, họ chỉ nói lên được tâm tình tục lụy buồn vui, yêu thương sầu hận của thế nhân, và chỉ kể lại câu chuyện của những giọt nước mắt sanh tử. Còn ngài thì có khả năng của một nhà thơ xuất chúng, những vần thơ của ngài đi ra từ tâm tưởng của một người cầu đạo giải thoát, những dòng thơ này đọc vào sẽ thấy đường ra chớ không phải đường vào quẩn quanh nữa. Nếu xét vào khía cạnh rốt ráo của chuyện tu tập thì trong hàng tỉ tỉ năm mới có nhà thơ đặc dị như thế này, một nhà thơ chỉ nói một nội dung lý tưởng duy nhất đó là con đường giải thoát.

Bản thân nhà thơ đó cũng là một vị thánh mặc dù trong chương này chúng ta thấy có nhiều bài kinh lúc đó ngài còn phàm. Sau đó ngài là vị thánh La-Hán đệ nhất về khả năng ứng khẩu và ngài cũng là một vị La-Hán hoàn hảo (ở mức Thanh Văn) có đầy đủ tất cả lục thông, tam minh và tứ tuệ vô ngại, ngài cũng đã tu tập 100 ngàn đại kiếp. Thời gian tu tập của ngài tương đương Ananda, Ca Diếp, Rahula. Nguyên chương này nói về ngài và gần như chương này nói về đời ngài thì đúng hơn, kể những chuyện từ đầu tới đuôi, chỉ không kể chuyện ngài có khả năng kỳ lạ đó thôi. Quí vị vào google gõ chữ này "vangisa skull" để đọc thêm. Chúng ta quay lại bài kinh số 1.

XUẤT LY (Nikkhantasutta)

"Một thời Tôn giả Vangīsa trú ở Alavi, tại ngôi đền ở Aggàlava, cùng với Tôn giả Nigrodha Kappa, là vị giáo thọ sư.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Vangīsa là tân Tỷ-kheo, xuất gia chưa bao lâu, được ở lại để coi ngôi tịnh xá."

Ở đây ngài Minh Châu không dịch chữ mà ngài dịch nghĩa.

'Vihārapāla' là 'người coi chùa'. Trong Chú giải có nói rõ lúc đó ngài là 'avassika': 'chưa có hạ nào'.

"pattacīvaraggahaṇe akovido": "sử dụng y bát chưa rành"

'patta': 'bát'; 'cīvara': 'y'; 'gahaṇa': 'sử dụng' (taking, using); 'akovido': 'chưa rành' (kovido: skillful).

Các vị trưởng lão mới nói thế này: "āvuso, imāni chattupāhanakattarayaṭṭhiādīni olokento nisīdā''ti" thôi thì hiền giả hãy ngồi ở đây đi, đừng đi đâu hết, ra ở chùa để coi sóc giày dép, dù quạt của chư tăng giùm. Các vị hỏi tôi cái này ở đâu mà có, xin thưa, chư tỷ kheo nguyên thủy không hề có tài sản tư hữu, nhưng có một vài món chư tăng có quyền sử dụng như là sở hữu cá nhân, còn vài món được dùng như là của tập thể, y chang như miền Bắc của mình năm 45-54 vậy, cái đợt mà người dân không sở hữu chiếc xe đạp nào hết, ở đầu làng người ta chất vài ba chiếc xe đạp, ai có chuyện thì lấy đi, đi xong về để xe trở lại chỗ cũ, người sau cần thì lấy xe đó đi. Dần dần bắt đầu có cái tư hữu âm thầm len lỏi riết rồi bây giờ có tư bản đỏ giàu ngút trời. Chư tăng nguyên thủy buổi đầu cũng chỉ sở hữu những món rất hạn chế, ví dụ cái quạt cá nhân, không phải tất cả các chất liệu đều được xài, như lông thú, lông chim, thú hiếm đắt tiền không xài được, hoặc có độc

tố, hoặc có hình thức không dễ coi đối với Sa-môn thì không được dùng. Tỷ kheo nguyên thủy không được mang dép, chỉ được mang dép khi bị bệnh thôi, khi bị cảm thì đi chân không sẽ lạnh xương sống. Dù, lộng to quá thì thuộc về tăng, (tập thể), chỉ dùng cho các vị trưởng lão trong trường hợp đặc biệt nào đó, còn tỷ kheo nguyên thủy thì "chuyên chính vô sản, chí công vô tư", thật lòng không muốn tư hữu sở hữu cái gì riêng tư hết, thật lòng cầu đạo giải thoát thì không có một phần tỉ lý do nào để nghĩ đến chuyện sở hữu hết vì chuyện quán thể trược, quán hơi thở, từ bi quán bất tịnh quán đã hết thời gian rồi, thời gian đâu chăm sóc bảo trì những món sở hữu; giống như người biết mình ung thư kỳ cuối làm gì có chuyện ưa thích kiếm tìm bảo trì duy tu món gì nữa. Tôi đặc biệt chú ý bài báo viết về đời sống và ngày tháng cuối cùng của những tử tù, tôi rất muốn biết những người đó trước khi chết họ có những biểu hiện tâm lý đặc biệt như thế nào và cũng thử đặt mình vào hoàn cảnh đó xem sao. Tôi đọc thấy bữa cơm cuối cùng dành cho tử tù, chỉ có một ít và rất hiếm những tử tù có đề nghị hay yêu cầu đặc biệt cho bữa ăn cuối cùng của mình. Yêu cầu thì yêu cầu vậy thôi nhưng họ không chạm đũa nổi vào bữa ăn được. Sau bữa ăn này, súc miệng xong xuôi thì họ sẽ ngồi ghế điện, bị tiêm thuốc độc, bị đưa ra dựa cột ngoài trường bắn. Năm Cam chẳng hạn, ông ta thường bị dời trại vào lúc rạng sáng, những lần dời trại trước ông còn vui vẻ, còn đêm cuối cùng dời trại thì thái độ ông khác hẳn, sáng hôm đó ông tỏ ra ít nói. Những người bạn tù khác còn lăng xăng, còn ông thì với kinh nghiệm dày dạn cuộc đời, ông biết sáng nay đi trả án, thái độ ông trầm lặng lạ thường. Tôi kể nhiều về chuyện này là ý muốn nói, thật sự một người cầu đạo giải thoát thì y như vậy, khi một người tử tù thu dọn những vật dụng cá nhân, trong tâm trạng đó thì ai xin gì họ cũng cho, không hề tiếc và không cần phân biệt món nào tốt món nào xấu. Mình thì sao, mình chưa bao giờ chịu nghĩ rằng mình sẽ ra đi mặc dù chuyện đó có thể xảy ra trưa nay, chiều nay hoặc sáng sớm ngày mai. Chưa bao giờ mình thử sống bằng tâm trạng của người tử tù, hay sống qua tâm trạng của người bị mắc nan y tuyệt chứng không thầy không thuốc nên mình không tin trên đời này có những người thật sự không màng tư hữu. Ngài Vangīsa được giao trách nhiệm ở lại coi tịnh xá. Lúc đó chùa có nhiều nam nữ Phật tử vào ra, có những người nữ ăn mặc không đoan chánh, thấy ngài cũng còn trẻ nên liếc háy cười nói không gìn giữ ý tứ khiến ngài động tâm. Nhưng vốn là người thâm hậu nên ngài tự trách và tự tỉnh bằng cách ứng khẩu một bài kệ:

Với ta đã xuất gia,

Bỏ nhà, sống không nhà,

Tâm tư nay chạy loạn,

Khởi lên từ đen tối.

Con nhà bậc thượng lưu,

Thiện xảo trong cung pháp,

Ngàn người bắn tứ phía,

Vẫn không bỏ chạy loạn.

Nếu phụ nữ có đến,

Dầu nhiều hơn, đông hơn,

Sẽ không não loạn ta,

Ngài xác định mình là một cung thủ, một chiến sĩ, biết mình đang có vấn đề. Đặc biệt trong PG có một pháp môn độc đáo: "chánh niệm", biết rõ vấn đề đang đến với mình là mình đã giải quyết một nửa rồi. Đó là chánh niệm yếu đó, khi mình biết rõ vấn đề gì đang xảy đến thì mình đã giải quyết một nửa rồi, một nửa còn lại tùy thuộc vào yếu tố khác ví dụ như Ba-la-mật, hoặc chánh niệm mạnh hay yếu. Việc đầu tiên phải nói rằng là tham hay sân, đối với lý tưởng PG là khi nhận diện được chuyện gì đang xảy ra thì đã giải quyết được một nửa. Đây là điểm độc đáo của PG nói chung và pháp môn Tứ Niệm Xứ nói riêng. Ví dụ như bây giờ mình sợ ma, mình không biết là đọc kinh hay niệm Phật là hết sợ hay không không biết, nhưng việc đầu tiên là hành giả biết rất rõ mình đang hoảng hốt, biết rõ tâm sân (lòng sợ hãi) đang có mặt, khi ý thức được như vậy là hành giả đã giải quyết được một nửa vấn đề rồi. Một nửa còn lại còn tùy thuộc vào bao nhiêu chuyện khác, Ba-la-mật, thể trạng, hoàn cảnh chung quanh của mình.

Bài kệ này không có gì để nói. Chỉ có một chữ tôi muốn quí vị học, bữa trước bài kinh Navakammikasutta có nói nhiều và rất hay về chữ Nibbana. Trong chương này có chữ rất là hay:

'nibbāpana' (danh từ): 'sự dập tắt', 'sự làm nguội lạnh'

'nibbāpeti' (động từ): 'làm cho mát lạnh', 'làm cho nguội lạnh' một thứ đang nóng, 'dập tắt' một ngọn lửa. (distinguishing, coolness). Đây là chữ rất đáng nhớ, đáng học, 'nibbana' là một thuật ngữ quan trọng của PG mà Phật tử Nam Tông

không được ấm a ấm ớ. Sẵn đây tôi nói luôn, có hai hiểu lầm rất lớn mà chín chục triệu người VN có lẽ chưa được một phần ngàn người biết chuyện này.

Thứ nhất, chữ Vu Lan Bồn trong tích Mục Liên Thanh Đề không có trong kinh điển Pāḷi vì cực kỳ vô lý:

1. Đã là La-Hán thì không bao giờ có chuyện khóc, thất vọng, bất mãn trước một sự kiện nào đó

2. Đã là La-Hán thì không có chuyện đem thức ăn ở cảnh giới này sang cảnh giới kia nài ép người ta ăn, đàng này ngài Mục Kiền Liên đem thức ăn cõi người xuống địa ngục mời mẹ ăn, mẹ ăn không được thì ngài khóc.

3. Một Phật tử sơ cơ cũng biết khi người thân bị sa đọa thì cách tốt nhất phải hồi hướng, vậy mà vị La-Hán lục thông như ngài lại không biết làm sao phải chạy về hỏi Phật.

Người đời sau viết thêm để cường điệu lòng đại hiếu của ngài. Bên Nam Tông thì cuối đời ngài Mục Kiền Liên phải viên tịch do bị thảm sát, xác ngài bị băm nát như tương. Ngài có cái chết không đẹp như vậy vì kiếp xưa ngài từng là người chồng nhu nhược thiếu trí, nghe lời vợ mà phạm lỗi giết cha mẹ. Từ đó nhiều đời ngài bị sa đọa địa ngục cứ sanh lên là bị chết thảm. Kiếp cuối cùng gặp được Thế Tôn, trở thành vị Đệ nhất thần thông rồi cũng vẫn phải trả nghiệp lần chót và bị người ta thảm sát. Bên Bắc Tông thì khác, người ta dựng chuyện bà Thanh Đề lấy thịt chó làm nhân bánh bao cúng dường cho mấy vị sư khất thực. Đây là một tình tiết rất là VN, rất là TQ, vì khái niệm giết chó làm thịt rất xa lạ với những dân tộc khác chẳng hạn như Ấn Độ. Câu chuyện này đọc kỹ thì tình tiết trong đó không có bóng dáng gì của Ấn Độ, câu chuyện dường như xảy ra tại VN thì phải.

Chuyện thứ hai là Kinh Duy Ma bên Bắc Tông chửi ngài Xá Lợi Phất không còn non nước nào hết, ngược lại bên Nam Tông, ngài là một vị huynh trưởng của tăng đoàn. Nếu chuyện chí hiếu thì tất cả La-Hán đều chí hiếu hết. Hiếu là lòng tri ân, người hiền trí trú mưa trú nắng dưới gốc cây khi ra đi không nỡ bứt một chiếc lá nói chi là ơn sinh thành dưỡng dục mang mình vào đời của cha mẹ, người hiền trí nào không biết tri ân. Thánh nhân luôn có điểm đồng, vị nào cũng có lòng tri ân, chỉ là khác nhau điều kiện thể hiện mà thôi. Trong kinh Nam Tông nói ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều chí hiếu như nhau hết, mà chẳng qua là kiếp cuối gia đình của ngài Mục Kiền Liên tà kiến khó độ, chỉ độ quyến thuộc xa xa thôi chớ bà con nội thuộc không độ được, vì vậy phần ngài Mục Kiền Liên tế độ

quyến thuộc không được nói nhiều. Chỉ nói nhiều về ngài Xá Lợi Phất, ngài trở về độ trong nhà, ngài là một trong bảy người đều là vị A-la-hán hết, cuối đời ngài trở về tế độ cho mẹ của ngài, khi bà đắc quả Tu-đà-hoàn chỉ trong vài phút sau ngài viên tịch niết-bàn. Chí hiếu thứ hai là trong kinh kể một lần ngài ở trong am thất, một nữ ngạ quỷ đi đến xác nhận là mẹ cách đó kiếp năm trước của ngài, đang khổ lắm. Chính ngài đi vào thành khất thực đem về cúng dường chư tăng để hồi hướng công đức cho ngạ quỷ này hết khổ. Chính ngài biết rất rõ làm sao để cứu lấy người mẹ quá khứ của mình. Bà mẹ này bị đọa vì kiếp trước bủn xỉn keo kiệt, bạc đãi người nghèo, vì vậy sa đọa trong thân ngạ quỷ. Bắc Tông họ không hề nói gì về chuyện này mà lại thế vào chuyện ngài Mục Kiền Liên. Còn chuyện ngài Ca Diếp được Đức Phật trao truyền y bát chánh pháp nhãn tạng để làm đệ nhất tổ thiền tông thì đó là chuyện của đời sau, còn bên Nam Tông có chuyện tương tự nhưng không phải là chuyện trao truyền y bát gì hết mà Đức Thế Tôn biết vị này về sau sẽ trở thành người đệ nhất về hạnh đầu đà nên ngài đổi lá y đang mặc cho ngài Ca Diếp giống như một cách khích lệ, Như Lai là bậc Chánh Đẳng Giác mà còn đi nhặt vải bó xác để về làm y mặc. Chính gốc tích của lá y đó đã là một trong những nguồn tác động khiến cho ngài Ca Diếp lập 13 hạnh đầu đà, trong đó có hạnh phấn tảo y, nghĩa là không nhận y người ta may sẵn, không nhận vải từ tay thí chủ đàng hoàng mà chỉ sử dụng vải nhặt vải lượm ở tha ma mộ địa đống rác lề đường mà thôi. Vậy mà bên Bắc Tông diễn dịch là trao truyền y bát. Quí vị tưởng tượng vải gì mà truyền từ đời Phật qua đến đời Ca Diếp rồi ngài Ānanda rồi sau đó 28 vị tổ Ấn Độ cộng 6 ông tổ của Tàu nữa, một cái vui nữa, Đức Phật là người Ấn Độ, y của ngài mặc theo kiểu Nam Tông, Ấn Độ, truyền đến thời Lục tổ thì thành kiểu Tàu. Quí vị đưa tôi bộ veston mà tôi truyền đến đời cháu xơ gì đó thành bộ soireé thì có động trời không, chưa kể kích thước. Ai có đi TQ thì biết tất cả danh lam cổ tự TQ đều thờ Phật Di Đà, và Phật TQ thì mặc y hạ tới ngực, cột dây lòng thòng, ngực phơi chữ vạn, trên vai khoác tấm vải nhỏ cỡ khăn tắm của mình. Các vị tưởng tượng lấy cái xà rông mặc ở cái kiểu xấu nhất xấu hơn kiểu Miến Điện nữa, mặc lên tới ngực, giống mấy bà già VN đi tắm quấn cái khăn rằn vậy. Trên vai thì choàng miếng vải nhỏ. Hai tay hai chân trống chỗ nào thì vòng vàng kim cương mã não hổ phách gắn đầy trên đó. Vậy mà bao nhiêu thế hệ cứ xúm nhau chấp nhận cái chuyện đó.

Khi ngài Vangīsa phát hiện ra nội tâm của mình có vấn đề ngài lập tức phản tỉnh và khi đó ngài giải quyết được năm mươi phần trăm vấn đề và đây cũng chính là kinh nghiệm tu học của chúng ta. Tiếp theo là bài kinh Arati.

ARATI (Aratisutta)

‘Arati’: ‘bất mãn’. HT Minh Châu dịch theo bản Hán Tạng là ‘bất lạc’, chữ này theo tiếng Việt hiện đại dịch là ‘bất mãn’ thì đúng hơn, bằng chứng là bên dưới chính ngài Minh Châu cũng nhắc lại chữ này mà ngài dùng chữ ‘bất mãn’. Chữ ‘bất lạc’ nói ra trong tiếng Việt có người hiểu nhưng nghe hơi là lạ. Giống như bắt tôi mặc xà rông Miến Điện thì hơi chỏi. Miến Điện gọi xà rông là cái lungi, tôi nói vậy thôi chứ thật ra, hôm tôi đi Miến Điện tôi có viết bài Văn Minh Xà Rông, tôi thích ghê lắm. Trên đời này không có gì hay bằng cái xà rông hết, vì cái xà rông là miếng vải, mình có thể dùng nó làm nhiều việc, có thể dùng nó làm khăn tắm, làm khăn trải nằm. Nếu mình có hai cái xà rông thì một cái mình mặc, một cái mình vắt lên vai, trời lạnh mình cũng có thể che ấm được, lỡ đi ngang gặp chó dữ mình cũng có thể tự vệ chút ít được, lỡ cần mua gạo mua thức ăn mình túm lại cũng được. VN mình ngày xưa ở Nam bộ, các cụ thường có khăn rằn vắt vai hay vô cùng, đi tắm cũng nó, gặp chó dữ cũng nó, trời lạnh quấn cổ cũng nó, gặp cấp cứu bó tay bó chân gì cũng nó, đựng gạo đựng trái cây cũng nó, hay lắm. Dĩ nhiên lá y của Đức Phật cho mình mình không được lạm dụng nhưng phải nhìn nhận lá y là một trong những trang phục tôi cho là đẹp nhất và tiện dụng nhất trên hành tinh này. Lá y dùng được nhiều cách lắm, dĩ nhiên là dùng cho cá nhân mình thôi, đừng làm gì bị dơ và biến màu. Không được sử dụng vào việc gì bất xứng ví dụ như là trải dưới đất là không có được nhưng trải trên giường thì được, dùng cho mình thôi chứ không dùng cho người khác được. Đại khái là sử dụng y phục trong hình thức tấm vải thì rất là tiện.

Bài kinh thứ hai cũng có nội dung y bài kinh số một, ngài Vangīsa phát hiện đang bị dục tình chi phối. Dục tình khác với tình dục nhen, dục tình là những cảm tưởng về nam nữ thôi ở mức tình cảm chứ chưa lên tới mức tình dục. Tôi nhớ trong mấy nhà dòng, chủng viện của Cơ Đốc Giáo ngày xưa (bây giờ hết rồi) để một câu như thế này: “Đừng bao giờ một, không nên hai, tốt nhất nên từ ba trở lên” bằng tiếng La Tinh trên mấy cái cửa từ phòng này qua phòng kia liên thông với nhau, người ngoài không bao giờ hiểu. Các chủng sinh ở một mình dễ bị rơi vào những trường hợp như là trầm cảm vì trong bốn bức tường đó buồn lắm. Ai đọc sách xem phim về những dòng tu kín nữ, buồn hơn tu viện PG nữa, bên PG có giáo lý nên có đường thoát, bên đó thì chỉ có thánh kinh, và nội dung thánh kinh không đủ để giải quyết vấn đề tâm lý của con người. Tôi biết tôi nói đụng chạm rất nhiều người nhưng không thể không nói, nội dung thánh kinh không đủ để đối phó với những vấn đề trùng điệp của chúng sinh đâu. Chưa kể là giáo luật bên đó đâu phải là một bậc thánh như Đức Phật chế định, mà là do phàm phu, nên dù là học thức cỡ nào đi nữa cũng có những bất cập. Vì vậy chủng sinh sống

một mình dễ có vấn đề ví dụ bị trầm cảm hoặc rơi vào con đường tự giải quyết bản thân chẳng hạn như là thủ dâm. Tốt nhất đừng bao giờ một là như vậy đó, thứ hai là không nên hai, nếu mấy cha mà ở từng cặp thì dễ dẫn đến đồng tính luyến ái. Chuyện này rất dễ xảy ra chẳng những ở các chủng viện Cơ Đốc Giáo mà trường chuyên Phật Học ở Thái Lan cũng có xảy ra, tận mắt tôi nhìn trong ký túc xá của trường Mahachulalongkorn Thái Lan mười mấy vị tăng sinh là gay. Cách đi đứng cách cười cách nói của họ diễn ra trước mặt mình, nghe tiếng nói phía sau tôi quay lại nhìn mà hết hồn: mang dép tím, giày tím, dù tím, khăn cột ngang người màu xanh lá cây, đi đứng õng ẹo, độn ngực, nhìn rất kỳ cục, cũng do sự chung đụng cọ xát không hợp lý, vì vậy cẩn thận nghen. Đời tu đừng tưởng dễ, khó lắm, ở một mình có vấn đề của một mình, ở hai có vấn đề của hai mà ở đông cũng có vấn đề của đông, khó nuốt lắm chớ không phải dễ, đời tu là âm dương thất điều (không có quân bình). Ở đây ngài phát hiện ra mình có vấn đề nên ngài bèn lập tức phản tỉnh.

KHINH MIỆT KẺ ÔN HÒA (Pesalasutta)

Cũng hơi khó khăn cho tôi mỗi lần tôi nói ra sự thật. Có những sự thật nói ra ok nhưng có sự thật nói ra sẽ làm người ta khó chịu, ví dụ tựa kinh này. Chữ Pessala này dịch "kẻ ôn hòa" thì kẹt cho tôi quá.

Thiện giới

'pesala'='susila': 'thiện giới'. Vậy mà ngài Minh Châu dịch là 'kẻ ôn hòa'. Thiện giới là người có giới luật trong sạch. Nó từ chữ 'Parisuddhisila': 'thanh tịnh giới', 'Ariyakantasila': giới được thánh nhân khen ngợi quí kính. Giới được thánh nhân khen không phải là giới bình thường, giới đó phải là trong sạch, không bị hoen ố tì vết đã đành rồi mà lý tưởng của người giữ giới phải là cầu giải thoát. Các trường hợp giới trong sạch:

1. Trong sạch nhưng thiếu lý tưởng giải thoát (parisuddhisila)

2. Trong sạnh và có mục đích giải thoát (ariyakantasila)

3. Giới được thánh nhân hay hiền trí thương quý (ariyapemasila, panditapiyasila)

(ariya)pemasīla = 'pesala' : thiện giới.

'Pesala' nghĩa là 'thiện giới' là chữ đặc biệt trong PG, nhìn vào không thấy chữ 'thiện', cũng không thấy chữ 'giới', nhưng lại có nghĩa là thiện giới.

"patibhāna" trong Hán Tạng dịch bằng hai chữ 'biện tài', 'ứng khẩu'. Tôi chọn chữ 'ứng khẩu' là vì 'ứng khẩu' bao luôn cả 'biện tài' nhưng biện tài không hẳn có ứng khẩu. Biện tài có thể là người lý luận cứng, chặt chẽ, nhưng chưa hẳn nhanh như ứng khẩu, vẫn còn phải cắn móng tay suy nghĩ. Ứng khẩu thì chạm vô là bật ra, muốn là có ngay giống như móc từ trong túi ra vậy. Giống như Nguyễn Xuân Phát khen Trịnh Công Sơn viết nhạc dễ như người ta lấy từ túi áo, một cách khen rất độc đáo. Ở đây, ngài Vangīsa là vị có biệt tài đặc dị đó là nhìn thấy sự kiện gì đó là lập tức ngài có ngay một bài kệ rất hoàn chỉnh, rất dài về sự kiện đó. Khổ nỗi ở đây chúng ta không phải là người Ma Kiệt Đà, tiếng Pāḷi không phải là tiếng mẹ đẻ của mình nên mình thấy kệ nào cũng là kệ, mình không biết cái nào hay hơn cái nào. Người ngoại quốc hiểu được một bài thơ lục bát đã mừng rồi chớ làm gì mà họ biết phân biệt được lục bát của A khác B cỡ nào. Ví dụ tôi tặng quí vị bài thơ sau đây của Bùi Giáng:

Con ruồi là giống hiểm nguy

Cái chân của nó rất vi trùng nhiều.

Mình thấy ai là người VN đọc câu thơ này là chịu không nổi nhưng người ngoại quốc học tiếng Việt hiểu được câu này họ mừng, họ nói họ đã hiểu được thơ VN, nhưng người VN đọc thì chịu không nổi. Hoặc là có ông đó thích làm thơ mà làm thơ không nổi, đêm đó trời trăng sáng, ổng ra ngoài sân đốt trầm ngồi nghĩ được có một câu: "Đêm nay trăng sáng mông lung", cái câu là thấy không hay rồi, thằng con chạy ra hỏi "Ba ơi ba để cái mùng ở đâu". Ổng nói, thằng này hay, bố nó làm câu lục, nó làm câu bát. Nếu nói trên thơ lục bát thì thấy thơ hai cha con cũng được rồi đó, nhưng người ngoại quốc thì họ hiểu nhưng không phân biệt hai câu này với câu Kiều khác nhau cái gì.

"Tưởng bây giờ là bao giờ

Rõ ràng trước mắt còn ngờ chiêm bao"

Hoặc là:

Ừ thôi mắt biếc bồ câu

Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau

Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không

Ta đi còn gửi đôi dòng

Lá rơi có dội ở trong sương mù?

BG

Một người ngoại quốc không thể nào tưởng tượng đem so câu thơ của ông ở trên với mấy câu thơ của Bùi Giáng, Cung Trầm Tưởng. Rất tiếc tiếng Pāḷi của mình không đủ để mình thấy cái xuất sắc của ngài Vangīsa, cách ngài xài chữ nó điệu cỡ nào, mình chỉ là vịt nghe sấm vậy thôi. Trong kinh Pháp Cú nói rằng tu là một quá trình phát hiện tự thân, là chuỗi hành trình phát hiện cái gì mình đã làm và chưa làm (katamakataṃ: done, undone), là quá trình phản tỉnh, phản ảnh bản thân mình. Ngày kia, ngài Vangīsa phát hiện thấy mình có lòng kiêu ngạo và ngài biết tự thẹn. Suốt cái chương này nói quá trình tự tỉnh của ngài Vangīsa. Đụng chuyện mà biết nhìn lấy mình là khá, còn người nào mà cứ chìm sâu đợi người ta nhắc cũng không thèm nghe là hết thuốc chữa rồi. Bậc hiền trí thật sự là người có khả năng biết nhìn lại mình. Những người tập luyện yoga, khí công, dưỡng sinh, võ thuật, múa bụng (belly dance) khỏe mạnh hơn người bình thường không phải chỉ đơn giản là vì cơ thể họ vận động thường xuyên mỗi ngày năng lượng được đốt cháy, mà vì một chuyện vô cùng quan trọng đó là chỉ có những người đó họ mới chịu khó để ý đến bản thân nhiều. Họ để ý kích thước vòng bụng, ăn cái gì uống gì, thời gian tập luyện bao nhiêu, cơ thể có gì lạ v.v..., chỉ có họ mới để ý, chớ còn dân công sở đi làm về muộn tối tắm rửa ăn cơm lăn lên giường ngủ, sáng mờ đất xách túi đi tiếp, kiểu người như thế này là bịnh đã đời luôn, bịnh gì trong người không hề biết. Dân công sở là dân tự sát chậm đó vì họ không có thì giờ để nhìn lại họ. Người tu là người có khả năng tự tỉnh, ở đây ngài Vangīsa thấy mình giỏi thiệt, mình có tài ứng khẩu hay thiệt.

Trong Chú giải nói, ngài nghĩ: "kiṃ ime mahallakā?

" Ông này tu lâu hơn mình mà ổng được cái gì, "Na etesaṃ pāḷi"Tam Tạng cũng không biết, "na aṭṭhakathā"Chú giải Tam Tạng cũng không biết gì hết, "na padabyañjanamadhuratā" chữ nghĩa trớt quớt, "amhākaṃ pana" còn mình thì sao "pāḷipi aṭṭhakathāpi" chánh tạng, Chú giải "nayasatena nayasahassena upaṭṭhātī''ti" mới tu mình có thể hiểu trăm ngàn cách, một chữ có thể chẻ ra làm tám lần, nói ngược nói xuôi gì cũng hiểu. Đó là suy nghĩ bất thiện.

Chúng ta biết ngài Buddhaghosa người viết Chú giải và phiên dịch Chú giải Tam tạng, ngài giỏi lắm, giỏi nhiều thứ tiếng, tinh thông Tam Vệ Đà, ngài là một học giả bậc nhất PG hậu thời, ngài chỉ thua mấy vị A-la-hán tuệ phân tích tuệ vô ngại thôi. Ngài đi bát sau lưng sư phụ, sư phụ dạy hết Tam Tạng cho ngài, vậy mà ngài nghĩ bụng, sư phụ có nhiêu đó thôi, không có hơn nữa đâu. Lúc đó đang đi bát, sư phụ dừng lại nói: Đừng nghĩ như vậy nghe, không có tốt. Ngài hết hồn, ngài mới biết cái thuộc lòng của ngài chưa đi tới đâu hết, ông sư phụ của ngài chẳng những thuộc lòng Tam Tạng mà còn biết ngài nghĩ cái gì nữa. Quá dễ sợ như vậy. Khi về ngài sám hối: Con trẻ người non dạ, sư phụ bỏ qua cho con lần sau không có nữa. Sư phụ nói: Chuyện giận thì không, nhưng tha lỗi thì không dễ, vì đó là lỗi lớn, giờ chỉ có một cách là ngươi đi làm chuyện gì đó cho đạo. Thế là ngài mới gởi học trò qua bên Tích Lan để dịch kinh. Lúc đó kinh điển được viết bằng chữ Tích Lan cổ. Cho nên hôm nay nếu có người nào đó hỏi tôi nên học cái gì, thì tôi sẽ nói mình tu theo PGNT thì ngoài tiếng Pāḷi ra mình thử học tiếng Tích Lan cổ xem sao để mình tiếp cận với nguồn kinh điển được xem là cận nguyên thủy nhất. Ngôn ngữ thứ hai là Miến Điện, kinh sách Miến Điện nhiều lắm. Tại Shwedagon, đại tháp dát vàng của Miến Điện, bảo tháp nằm trên ngọn đồi có bốn cửa đi lên (Đông, Tây, Nam, Bắc), cửa Đông là lối đi bằng cầu thang từ trên đại tháp xuống phố có nhiều tiệm sách. Sau đúng nửa thế kỷ chèn ép của quân đội chuyện in ấn của Miến Điện rất hạn chế, chư tăng cần sách chỉ đem đi photo thôi, nên nay những nhà sách nằm dọc theo ngõ hướng Đông của Shwedagon đầy sách Miến Điện. Thời tôi đi cách đây hai năm thì toàn sách photo, tội nghiệp lắm, tự điển Pāḷi cũng photo, những cuốn sách về Duyên khởi cũng photo, Vi diệu pháp sơ trung cao, những cuốn về Lộ tâm rất dày, cũng photo. Tôi muốn nói là sách ở Miến Điện là một rừng. Tiếng Miến Điện mà biết nói biết nghe được thì tốt, nhưng đọc hiểu được thì tiếp cận được một rừng kinh điển. Sẵn đây tôi nói luôn, ở đâu ra, kinh gì nhiều dữ vậy?

Ở bên đó có quá nhiều vị thạc đức, thạc học tinh thông Tam tạng và Chú giải, họ đúc kết những cái biết về Tam tạng làm nền tảng và đưa ra những nhận xét riêng tư về những vấn đề bị bỏ ngỏ trong kinh điển truyền thống, cứ mỗi lần họ đưa ra vài nhận xét riêng tư như vậy ta có ngay một cuốn sách. Lịch sử PG Miến Điện có không dưới hai nghìn năm, các vị tưởng tượng xem sách vở của họ nhiều đến mức nào. Thí dụ ngài Ledi Sayadaw từng có một tiểu luận (Paramidipani) rất đầy đủ về Bồ Tát Đạo theo tinh thần Nam Tông. Đây là một vấn đề bị bỏ ngõ, nếu ai đọc kinh tạng Nam Truyền sẽ thấy ra một chuyện, chữ ‘Bodhisatta’ (Bồ tát) ‘parami’ (Ba-la-mật) đều rất hiếm khi xuất hiện và chỉ thấy nhắc đến trong bộ

phận non trẻ nhất của Tiểu Bộ Kinh. Cuốn Uttamapurisa dīpanī: manual on the greatest of mankind thì dày hơn tiểu luận kia, xin vào trang namtong.org xem về ngài Ledi Sayadaw ở phần tiểu sử danh tăng Phật Giáo do TT Toại Khanh biên soạn. Tôi không quảng cáo về tôi nhưng đến bây giờ tôi chỉ thấy chỉ mỗi trang namtong.org có phần tiểu sử đầy đủ nhất về ngài Ledi Sayadaw, cũng như cho đến hôm nay tôi chưa từng thấy một tiểu sử nào trên internet kể cả tiếng Anh kể về đời của Tô Mạn Thù đầy đủ hơn bản tiểu sử Tô Mạn Thù của tôi. Nói vậy không có nghĩa là tôi giỏi mà vì tôi đúc kết nhiều bài và gom thành một bài khá dài. Có những sự thật dù gạt nước mắt mà nói cũng phải nói, đừng nghĩ người ta nói ra là người ta khoe, chuyện đó có gì đâu mà khoe. Kinh sách Miến Điện thì nhiều vô kể nhưng đặc biệt người ta không viết loạn quan loạn quân như mình, mình thích viết gì thì viết, không cần Tam Tạng hay Chú giải gì hết, thích thì cứ viết, ai đọc chết ráng chịu, không có hội đồng kiểm duyệt. VN lâu lâu xuất hiện những trường hợp như thầy Thông Lạc hay có những vị như thầy Chơn Quang, Phước Tiến chẳng hạn, phủ nhận một số kinh của Bắc Tông như Kinh Dược Sư, Kinh Địa Tạng, coi nhẹ vấn đề cầu an cầu siêu v.v..., PGVN thì cũng có giáo hội nhưng những hiện tượng bộc phát thì không kềm chế được. Trong khi đó theo tôi biết PG Thái Lan PG Miến Điện thì không, tăng ni đông trùng điệp nhưng những công trình viết lách biên soạn đều có cặp mắt săm soi rất kỹ của giới học thuật chuyên môn nên không có loạn quân loạn tướng như mình.

Cho dù chúng ta giỏi cách mấy đi nữa, hãy thử tưởng tượng thì trước sau gì chúng ta cũng chết, ngoài nghĩa trang có biết bao nhiêu người giỏi hơn chúng ta gấp triệu lần. Giỏi cho lắm cũng chết. Thứ đến là cái biết của nhân loại thời này sẽ trở thành cổ lổ sĩ so với cái biết của nhân loại thời đại khác. Trong vũ trụ bao la này, điều chúng ta biết so với điều không biết còn nhỏ hơn hạt cát so với sa mạc vì hạt cát hữu hạn, sa mạc rộng cách mấy cũng hữu hạn, người ta còn tính ra diện tích sa mạc, hữu hạn trên hữu hạn, tử và mẫu số đều là hữu hạn. Điều mình không biết thì vô hạn, vô lượng, chúng ta lấy gì để tự đắc tự kiêu tự đại về cái biết của mình. Cái biết của mình thời đại này hoàn toàn là trò cười cho cái thời đại khác. Hôm nay mình coi mấy chiếc máy bay, chiếc tàu của đầu thế kỷ 20, mình không tưởng tượng hồi đó nó tệ vậy, trong khi thời đó nó là đỉnh cao văn minh. Nói về đạo, cho dù chúng ta có tinh thông kinh điển cách mấy phải nhớ giùm hai việc:

-Nếu Thế Tôn còn sống, Tam tạng không dừng lại ở đây. Tất cả những gì chúng ta học là những cách Đức Phật diễn đạt về con đường giải thoát chứ không phải mỗi bài kinh là một chân lý tuyệt đối. Tùy nhân duyên mỗi người mà Đức Phật

đem tinh thần Tứ đế diễn dịch theo cách khác nhau. Nếu Thế Tôn còn tại thế hôm nay thì Ngài có tám trăm năm chục triệu bài kinh rồi. Đừng dại khờ đến mức tự kiêu về kiến thức Phật pháp, vì Phật pháp là những viên thuốc trị bệnh, phàm phu là người bị bệnh, không có người nào đầu óc tỉnh táo mà đi khoe nhà mình nhiều thuốc lắm, mình uống nhiều thuốc lắm.

-Điểm độc đáo của PG là chỗ này: Ở ngoài đời một cậu bé học tiểu học kiêu ngạo cách mấy, miễn học giỏi thì vẫn đậu trung học, một thanh niên, đậu trung học, kiêu ngạo cách mấy, miễn học giỏi thì vẫn có thể lên đại học. Một người lên đại học dầu kiêu căng cách mấy vẫn có thể lấy bằng MA, BA, miễn là giỏi. Nhưng trong Phật pháp không như vậy, khi anh đã có lòng kiêu ngạo thì toàn bộ những cái anh học chỉ nằm lại ở mức độ trí văn mà thôi, vì một người trí tư ngon lành thì họ không tìm ra lý do nào để tự hào tự kiêu tự mãn hết. Vì vậy cho mình giỏi là một hành động biến mình mãi mãi nằm ở mức trí văn, chỉ có người có trí tư là người biết vượt thoát khỏi cái học của mình rồi đi vào cái suy tư sâu sắc, rồi từ đó mới có thể hy vọng lên đến trí tu, có nghĩa là cái biết thông qua thực chứng trải nghiệm. Ngoài đời mình có kiêu ngạo cách mấy miễn là giỏi thì học vị nào mình cũng có thể đạt tới, trong đạo thì không vậy, khi anh thấy anh hay anh giỏi là chết rồi. Anh thấy anh giữ giới quá trong sạch, anh thấy thiền Chỉ thiền Quán - đặc biệt là thiền Quán - của anh quá hay, quá ngon lành thì lúc đó là anh đang tụt không thắng.

ĀNANDA (Ānandasutta)

Theo Chú giải, "āyasmā ānando mahāpuñño sambhāvito" ngài Ānanda là bậc đại phước, "taṃ rājarājamahāmattādayo nimantetvā antonivesane nisīdāpenti", ngài được rất nhiều lời mời từ những đại gia cư sĩ, đại gia quí tộc gồm vua chúa, đại thần mời mọc đến tư gia, tư dinh, hoàng cung để cúng dường, "Sabbālaṅkārapaṭimaṇḍitāpi itthiyo", ở đó có tới cả tỉ giai nhân tú lệ túc trực. Đời xưa người ta có tiền thì thiếu gì người hầu. Bây giờ tôi có tám tỉ đô la, thì trong nhà cũng chỉ có bà xã tôi, nói bà xã tôi thì quí vị hình dung mặt mũi bả chỉ đỡ hơn tôi một chút thôi, ngày xưa mà có tiền thì muốn mua bao nhiêu giai nhân nô lệ, muốn mua bao nhiêu giai nhân tú lệ cũng được hết. Ngày nay có tiền thì mở tiệc tùng mời diễn viên ca sĩ về để họ làm cho bữa tiệc nhà mình thêm màu sắc rồi phong bì bao thơ cho họ mệt muốn chết luôn. Ngày xưa nhà giàu thì thiếu gì người. Như trong sách kể, ông Tô Đông Pha có lần bị biếm chức về vùng đất xa, người bạn tới tiễn, tặng ông một con ngựa quí, nói rằng: bạn bè thân thiết không có gì tặng ông, tôi nghĩ ông cần một con ngựa tốt. Tô Đông Pha nói: Ngài có lòng

nghĩ đến tôi, tôi đi xa không có gì tặng ngài, ngài tặng tôi một món quà cho người đi, tôi xin tặng ngài món quà cho người ở lại vậy. Thế là Tô Đông Pha đem cô hầu đẹp lắm tặng lại cho ông quan kia. Cô này tủi thân: Thì ra trong mắt ngài, một đại gia, một thi hào một văn hào, tưởng đâu ngài có cái nhìn khác người ta, ai ngờ ngài coi con như một món hàng hóa đổi ngang với con ngựa. Nói xong vì đau lòng quá cô đập đầu chết. Chuyện này không biết có hay không, nhưng cho mình biết rằng ngày xưa phũ phàng như vậy đó trong giới nhà giàu. Trong kinh nói ngài Vangīsa lúc đó mới là vị tân thọ tỷ kheo, mà đi chung với vị trưởng lão vào nơi có nhiều giai nhân như vậy, ngay lúc đó ngài kịp thời nhận ra nên ngài mới phát lộ (transparency, minh bạch, bạch hóa). Chữ 'phát lộ' này rất hay. Một bệnh nhân muốn hết bệnh thì chuyện đầu tiên phải đi đến bác sĩ, giao hết cho bác sĩ muốn khám, nội soi, siêu âm…thử hết tất cả các xét nghiệm cận lâm sàng miễn sao họ lục lọi mọi ngóc ngách trong cơ thể mình để biết vấn đề gì đang xảy ra cho mình. Trong nhà mình càng nhiều những chỗ tối thì gián, chuột, kiến, mối tha hồ hoành hành. Trong một đất nước cũng vậy, có quá nhiều vùng cấm thì vấn đề của đất nước đó sẽ rất là nhiều. Một đất nước được xem là tiến bộ văn minh thì không có góc khuất nào mà cơ quan điều tra và cơ quan truyền thông không có thể chạm tới. Những quốc gia có vấn đề là những quốc gia mà cơ quan điều tra và cơ quan truyền thông là cánh tay nối dài của chính phủ trung ương nên có cả tỉ vùng cấm mà cơ quan điều tra và cơ quan truyền thông không chạm tới được. Trong khi đó, theo tinh thần PG thì tất cả mọi sự ở đời chỉ có thể được giải quyết theo con đường duy nhất đó là minh bạch hóa, phơi bày, phát lộ. Trong Luật nói tỷ kheo mỗi nửa tháng gặp nhau để có bao nhiêu lỗi đem nói ra cho hết, mình tự thấy thì trình với Tăng để sám hối, mình không thấy thì xin huynh đệ thầy tổ nhắc nhở giùm, moi ra cho mình biết. Đó được gọi là lễ phát lộ. Đúng ra chữ này là dịch ý chớ không phải dịch nghĩa, chữ 'uposatha' học hôm qua là 'trưởng tịnh' nhưng Tàu họ cũng có công khi nghĩ ra chữ 'phát lộ' (patidesana) không phải từ chữ 'uposatha'như nhiều vị hiểu lầm. Chư tăng tỷ kheo sau ngày nhập hạ, có cái ngày gọi là 'pavāranā' (requirement, request, yêu cầu, đề nghị, tự tứ). "Xin bạch với chư tăng, trong ba tháng an cư vừa qua nếu các vị thấy tôi có lỗi lầm gì xin nói cho tôi biết, tôi sẽ lập tức sám hối ngay bây giờ và tại đây"; còn mỗi nửa tháng thì gọi là 'uposatha', nhưng việc phát lồ thì gọi là patidesana,nói ra hết những điều về mình. Bài kinh này sâu ở chỗ nói lên tinh thần quan trọng của Phật pháp là muốn được giải quyết rốt ráo thì tất cả các vấn đề cần phải bạch hóa, kể cả vấn đề của bản thân mình. Tiếc là cho đến nay chúng ta chưa có một đạo tràng như vậy cho tăng ni cư sĩ nói chung, mọi người ở đó hoàn toàn thử sống một tháng hay ba tháng trong tinh thần tự giác, nếu mình có suy nghĩ không hay gì về

đối phương thì dám tới nói thẳng: Thưa cô, thưa chị, thưa anh hôm qua tôi thấy cô đóng cửa hơi mạnh tay, tôi nghĩ là một động tác nhắm đến tôi, nhưng về thì nghĩ không phải, tôi xin lỗi là tôi có suy nghĩ như vậy v.v... Nếu thử được như vậy hay lắm, chỉ có những con người toàn tâm toàn ý mới vào đạo tràng như vậy được. Theo tôi biết là trong số những người tôi quen có không dưới hai mươi người điều kiện tâm lý đủ trung thực và minh bạch để có mặt trong một đạo tràng như vậy.

Ngài Ānanda xác nhận thế này: Ngài Ānanda xác nhận thế này: "Chính vì điên đảo tưởng, Tâm Ông bị thiêu đốt, Hãy từ bỏ tịnh tướng, Hệ lụy đến tham dục, Nhìn các hành vô thường, Khổ đau, không phải ngã, Dập tắt đại tham dục, Chớ để bị cháy dài; Hãy tu tâm bất tịnh, Nhứt tâm, khéo định tĩnh…". "Tu tâm bất tịnh" là tu bất tịnh quán.

Điên đảo tưởng

'Viparita' = 'Vipallasa': điên đảo tưởng. Hai chữ này vô cùng quan trọng bởi vì nay mai gì đi tu thiền, đọc sách thiền hay đọc sách A-tỳ-đàm chẳng hạn như bộ Patisambhidamagga (Vô Ngại Giải Đạo) Tam Tạng cuốn 31, trong đó chữ 'Vipallasa'này được nhắc tới nhắc lui cả tỉ lần. này được nhắc tới nhắc lui cả tỉ lần. Điên đảo tưởng là trong những cái vô thường thì nghĩ là thường, trong cái đau khổ thì thấy nó là lạc, trong cái vô ngã thì thấy có cái tôi, trong cái bất mỹ bất tịnh thì thấy có thiện có mỹ, còn gọi là điên đảo kiến. Sẵn đây nói luôn, bản dịch của ông Nguyễn Văn Ngân có nhiều vấn đề vì người dịch có vẻ như chưa từng đọc qua Kinh Tạng, thiếu dụng ngữ trầm trọng. Vì quá sức kẹt, không có bản dịch nào nên tôi mới đề nghị quí vị tìm đọc bản của ông. Nếu tôi không lầm thì cho đến hôm nay ở VN có khoảng 4 cuốn dịch hoặc soạn của bản này:

- Bản dịch của TT Pháp Chất chùa Nguyên Thủy, Cát Lái

- Bản dịch thứ hai là của Nguyễn Văn Ngân,

- Bản thứ ba là hình như của TT Thiện Minh chùa Bửu Quang;

- Bản thứ tư là Bản Toản Yếu của Sư Trưởng, TT Thích Hoằng Pháp. Trong chỗ nhận xét của tôi thì bản Toản Yếu này là bản đáng đọc nhất, bà con có thể liên lạc trực tiếp với TT ở chùa Bửu Đức Biên Hòa hoặc Sư Pháp Nhiên chùa Siêu Lý Sài Gòn để có được bản này mà tôi cho rằng rất đầy đủ. Nếu ai trong nước làm được điều này thì công đức vô lượng: là bản thân mình đánh máy hoặc thuê ai đó

đánh máy rồi thì phát hành trong dạng sách in hoặc ebook, hoặc đưa lên trang web nào đó, bản đó rất đáng đọc. Trong đó có nói về điên đảo tưởng, thường lạc ngã tịnh, quán vô thường, quán khổ và quán vô ngã, đặc biệt là bất tịnh quán. Bộ Patisambhidamagga này có bản Pāḷi trong đó nữa chứ không phải do sư, thầy nào đó sáng tác, trong kinh nói là của ngài Xá Lợi Phất. Ngài Ānanda nói ngài Vangīsa: Chính vì điên đảo tưởng chấp vào thường lạc ngã tịnh nên tâm của hiền giả bị đốt nóng. Vì vậy hiền giả phải tu tập Tam tướng quán vô thường, vô ngã và đặc biệt là bất tịnh quán nhờ vậy hiền giả mới được an lạc.

Thêm chuyện quan trọng nữa ở đây đó là chữ 'manabhisamaya', ngài Minh Châu dịch là "quán sâu kiêu mạn" trong khi 'abhisamaya'có nghĩa là 'liễu tri', 'thấu suốt', 'chứng ngộ'. Không đọc kinh tạng, không học A-tỳ-đàm thì chữ ngã mạn (māna) thường được hiểu một cách hẹp và cạn.

Ngài Ānanda dạy ngài Vangīsa hãy nhớ lìa bỏ điên đảo tưởng, hãy quán vô thường và đặc biệt là hãy tu thân hành niệm (kāyagatasati) xem thêm trong kinh Thân Hành Niệm số 119 Trung Bộ Kinh để hiểu thêm. Nói chung, Thân Hành Niệm có nội dung của thân quán niệm xứ.

Chúng ta nhớ một chuyện rất là xúc động, sau khi Thế Tôn đã niết-bàn rồi, ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên cũng không còn nữa, ngài Ānanda nói rằng: Bậc đạo sư nay đã không còn nữa, các huynh đệ tôn túc khả kính đáng mến cũng không còn nữa, ngày nay bạn bè còn lại của ta chỉ có Thân hành niệm mà thôi. Các vị hỏi tôi ở đâu có câu này, xin thưa đó là Trưởng Lão Tăng Kệ, kiếm mục về cuộc đời của ngài Ānanda. Quí vị sẽ hỏi sao ngài Ānanda đã đắc A-la-hán rồi còn Thân hành niệm?

Người cầu đạo giải thoát an trú ở trong Tứ Niệm Xứ nói chung hoặc trong thân hành niệm nói riêng, nhưng khi đắc rồi họ cũng an trú trong bao nhiêu đó thôi, vì bản chất thế giới là trong bốn niệm xứ. Thánh nhân luôn luôn sống trong sự thấu suốt thế giới, cũng có nghĩa rằng họ đang sống trong sự tỉnh thức về bản chất của thế giới, mà sự tỉnh thức về bản chất của thế giới chính là niệm xứ vậy. Một người chưa đắc A-la-hán thì cũng phải nhờ pháp môn Tứ Niệm Xứ, mà đắc rồi thì nội tâm suốt ngày cũng sống trong Tứ Niệm Xứ. Đi đứng nằm ngồi, thân thọ tâm pháp, vô thường, khổ, vô ngã biết rõ, suốt ngày có bao nhiêu đó thôi. Còn là phàm thì lấy bốn niệm xứ làm đường đi, chứng thánh rồi thì lấy đó làm pháp an trú, làm cảnh giới lai vãng.

KHÉO NÓI (Subhāsitasutta)

Bài kinh này mà nói tới nơi tới chốn thì tám tiếng đồng hồ. Nếu nói ngắn gọn thì ba giây thôi. Thôi bây giờ nói ba giây đi. 'Subhāsita' nghĩa là 'thiện thuyết', 'thiện ngôn'.

Mới đọc qua thì thấy không có gì hết, nhưng bài kinh này sâu vô cùng, sâu hơn biển. Con người của anh như thế nào thì anh mới có thể phát biểu được như vậy. Nghe như vậy tôi biết nhiều người khó chịu. Nói như vậy không phải pháp sư là người tu hành ngon lành. Chưa chắc, bởi vì các lẽ: 1. Họ nói theo kinh hay nói theo những gì họ chứng ngộ. 2. Ngoài giờ nói ra thì tinh thần của họ có những gì. Tôi nói như vậy rào trước để thấy rằng tôi không hề có ý nói rằng tôi tu hành ngon lành, tôi đang nói qua ý khác: thế nào một người thiện ngôn theo lời Đức Phật dạy.

Thiện ngữ

1. Thiện thuyết (Subhāsita)

Chỉ có người lành mới có tâm lành để nói lời lành. Vì vậy nói đời tu là để trau dồi lời lành thì cũng không sai.

Hiểu chánh ngữ là một trong Bát Chánh Đạo thì nghèo quá. Chánh ngữ, nói đơn giản là cố ý tránh xa 4 ác ngữ. Định nghĩa sâu rộng hơn thì chánh ngữ là lời nói nào có nội dung dẫn đến 10 chánh: chánh kiến …. chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mình thường nghe định nghĩa "chánh ngữ nghĩa là không nói lời ác". Sai. Một đứa bé còn bú bình thì đâu biết nói dối, đâu biết nói lời đâm thọc, nói lời thô ngữ. Mình thường nghe định nghĩa "chánh ngữ nghĩa là không nói lời ác". Sai. Một đứa bé còn bú bình thì đâu biết nói dối, đâu biết nói lời đâm thọc, nói lời thô ngữ. Không phạm giới chưa hẳn là giữ giới mà giữ giới là cố ý không phạm giới trong hoàn cảnh lẽ ra là phạm giới. Ví dụ buổi chiều đói quá mà mình bát quan trai mình không ăn, đó mới gọi là giữ giới. Còn ăn no lúc 12 giờ rồi, đến 12h 45 mình không nhét nổi vào bụng nên không ăn thì không phải là giữ giới. Đàn ông con trai, người ta đưa phấn son mình nói bát quan mình không xài là sai, vì không bát quan mình cũng đâu có đụng tới mấy thứ đó. Không nói 4 lời ác chưa chắc là chánh ngữ mà chánh ngữ là sự cố ý không nói 4 lời ác.

Không nói bốn lời ác gồm: không nói dối, không nói độc ác, không nói đâm thọc, không nói phiếm luận. Không phiếm luận nghĩa là nội dung nói không tào lao,

không nằm ngoài lý tưởng giải thoát. Cố ý nói lời có nội dung giải thoát mới gọi là Không phiếm luận nghĩa là nội dung nói không tào lao, không nằm ngoài lý tưởng giải thoát. Cố ý nói lời có nội dung giải thoát mới gọi là lìa phiếm luận chứ không phải trùm mền ngủ thì gọi là không phiếm luận. Có khả năng phát biểu bằng từ tâm thì mới gọi là chứ không phải trùm mền ngủ thì gọi là không phiếm luận. Có khả năng phát biểu bằng từ tâm thì mới gọi là lìa ác ngữ, thô ngữ. Thấy lỗi trong dối trá, thấy trân quý sự thật trong lời nói thì mới gọi là . Thấy lỗi trong dối trá, thấy trân quý sự thật trong lời nói thì mới gọi là lìa vọng ngữ. "Không nói" là chưa đủ. . "Không nói" là chưa đủ. Anh phải là người lành mới có đủ tâm lành để nói lời lành, còn nói rằng anh không nói gì hết mà gọi là chánh ngữ là sai. Tịnh khẩu theo lời Phật không có nghĩa là hạnh tu nghêu sò ốc hến mà là bốn nguyên tắc trên. Thu thúc nhãn căn không có nghĩa là dùng vải đen bịt mắt như kiểu tử tù. Nếu nói tịnh khẩu là im lặng không nói gì hết thì người câm, con nít chưa biết nói là tịnh khẩu và tử tù dùng vải đen bịt mắt là thu thúc nhãn căn hay sao. Thu thúc nhãn căn không có nghĩa là phá hủy nhãn cầu, thu thúc nhĩ căn không có nghĩa là phá hủy thần kinh thính giác, thu thúc tỷ căn không có nghĩa là phá hủy thần kinh khứu giác, thu thúc thiệt căn không có nghĩa là phá hủy thần kinh vị giác, thu thúc thân căn không có nghĩa là biến mình thành bán thân bất toại không cảm xúc, thu thúc ý căn không có nghĩa là uống thuốc ngủ để ngủ say cho khỏi suy nghĩ. còn nói rằng anh không nói gì hết mà gọi là chánh ngữ là sai. Tịnh khẩu theo lời Phật không có nghĩa là hạnh tu nghêu sò ốc hến mà là bốn nguyên tắc trên. Thu thúc nhãn căn không có nghĩa là dùng vải đen bịt mắt như kiểu tử tù. Nếu nói tịnh khẩu là im lặng không nói gì hết thì người câm, con nít chưa biết nói là tịnh khẩu và tử tù dùng vải đen bịt mắt là thu thúc nhãn căn hay sao. Thu thúc nhãn căn không có nghĩa là phá hủy nhãn cầu, thu thúc nhĩ căn không có nghĩa là phá hủy thần kinh thính giác, thu thúc tỷ căn không có nghĩa là phá hủy thần kinh khứu giác, thu thúc thiệt căn không có nghĩa là phá hủy thần kinh vị giác, thu thúc thân căn không có nghĩa là biến mình thành bán thân bất toại không cảm xúc, thu thúc ý căn không có nghĩa là uống thuốc ngủ để ngủ say cho khỏi suy nghĩ. Cố ý lìa xa điều xấu mới gọi là thu thúc, mới gọi là tu tập. Không phạm giới chưa chắc là giữ giới, nhiều vị nghĩ rằng không giữ tiền là hay, xin nói rõ: cẩn thận chỗ đó, bởi vì tôi biết bên Thái Lan có nhiều vị có đệ tử "hầu cận" (bên Miến Điện gọi là kappiya), đi đâu người ta cúng dường thì chỉ tay qua người kế bên, thế là Phật tử đem bao thơ đó nhét vào ông sư hay cư sĩ hầu cận bên cạnh, còn mình thì tự cho là mình là nguời không giữ tiền, rồi khi về hỏi hồi nãy người ta cúng bao nhiêu, cái đó không tốt; hoặc quan tâm sao cái thằng giữ tiền dạo này nó xài hay nhiều, ở đâu nó có vậy ta; vụ này không được. Tôi kể nhỏ

nhỏ chuyện này, tôi vào trong thiền viện Cheithya Mahasi ở Yangon tôi gặp vị phiên dịch cho thiền sư, tôi nhớ tôi có cúng bao thơ cho ngài, ngài nói ngài không được phép touch (chạm) vào đồng tiền, ngài kêu tôi đặt lên trên bàn thờ, trên đó có cái dĩa có nhiều bao thơ trên đó; sau đó ngài đứng dậy mở tháp thờ xá lợi cho tôi coi, ngài khoe ở đây có thờ xá lợi, để tiền trong dĩa này thì không tốt. Tôi hơi thất vọng là vì sao ngài làm hai động tác, luật không cho tỷ kheo giữ tiền là vì Đức Phật thấy tài sản tư hữu tuyệt đối là không nên, tỷ kheo giữ tiền ít được thì sẽ giữ tiền nhiều, giữ tiền nhiều thì sẽ nghĩ đến chuyện sở hữu tài sản lớn. Việc giữ tài sản sẽ nảy sinh ra hai nhu cầu: kiếm tìm và bảo trì. Một tỷ kheo mà có nhu cầu kiếm tìm và bảo trì vật chất thì tàn đời rồi, bỏ nhà nhỏ đi tìm nhà lớn thôi. Đó chính là vì sao Đức Phật không cho giữ tiền, nếu cầu đạo giải thoát thì không có lý do gì đi kiếm tiền hết. Nói như vậy không có nghĩa là tôi chê tiền nghen. Khi giữ giới không cầm tiền bạc thì phải hiểu lý do tại sao, tôi nghĩ không lẽ vị này dốt nhưng giữ giới theo kiểu vui vui chủ trương là không có chạm, anh đưa tôi thì anh cứ để trên tủ thờ của tôi đi, chắc vị này có vấn đề, tôi không tin vị này hiểu sai giới không giữ tiền nhưng cách giữ giới này chưa rốt ráo lắm. VN mình có cách nói này vui, muốn nói xấu ai thì thường bắt đầu câu: "Tôi nói không phải nói xấu" nhưng khi mình biết thằng Tèo mà nó bắt đầu nói câu đó thì nó sẽ chửi thằng Tý không còn nước non gì, hoặc là, "Tôi nói nào ngay, cái gì có thì nói, cái nào phải thì thôi…", họ mà "đề pa" bằng câu này thì sau đó là một loạt chửi người ta ở phía sau. Người Việt mình còn một chiêu nữa cũng độc không kém: "Tôi nói xin đừng có buồn nghen…" là mình biết nghe xong là phải buồn. Rào trước cho yên tâm để tha hồ nói. Những trường hợp đó không được gọi là thiện ngữ. Theo Chú giải:

'Pisunadosarahita': lìa bỏ tất cả những vấn đề đi ra từ lời đâm thọc.Tôi cố ý dịch rất dài là tại vì không thể gọn hơn được. Có nghĩa là nhiều khi không hẳn là lời đâm thọc nhưng kiểu nói gần như là đâm thọc, có nội dung của đâm thọc, phải lìa bỏ luôn. Ví dụ người ta hỏi chuyện đó có hay không, nếu nói cho người ta tan nhà nát cửa thì mình cũng ngại, nhưng mình cũng lòng vòng sao đó mục đích cho tanh bành té bẹ ra. Đó cũng gọi là đâm thọc, dầu không nói nhưng nói gián tiếp cũng gọi là đâm thọc.

Samphappalāpadosarahita: : lìa bỏ những vấn đề đi ra từ phiếm luận.

Pharusālikarahita: : lìa bỏ lời ác ngữ, nói bằng sân tâm hay hại tâm

2. Nói thuận pháp (dhammaṃyeva bhāsati): nói theo tinh thần chánh pháp.

3. Nói lời ái ngữ bằng từ tâm (piyaṃyeva bhāsati)

4. Nói lời chân thật vì yêu sự thật, ghét sự dối trá (saccaṃyeva bhāsati)

Chỉ có người yêu sự thật, ghét sự dối trá mới có thể nói được lời chân thật. Chứng thánh nhân là thấy được sự thật nên muốn thành thánh phải yêu sự thật, mặc dù sự thật trong Tứ đế không phải là sự thật trong đời sống. Sự thật trong đời sống, có nói có, không nói không, sự thật này không phải là sự thật lúc mình chứng ngộ nhưng có điểm giống nhau: nó là bản chất rốt ráo của vấn đề.

Vì còn có thương thích ghét sợ nên mới có bất mãn, không ưa người này người kia. Ai hiểu đạo thì biết rằng đời chỉ có 2 hạng người đáng thương và dễ thương thì làm sao có kẻ nào để ta nói lời ác. Thánh Gandhi có nói: “Hate the sin, but love the sinner”. Hãy ghét điều ác nhưng hãy thương lấy người ác. Dĩ nhiên, mình không phải là thánh Gandhi, mình làm câu này không nổi, nhưng phải nhìn nhận đây là câu nói rất tuyệt vời mà con người có thể nghĩ ra. Hãy tưởng tượng nếu là người thân của mình mà họ đi cướp của giết người hãm hiếp phụ nữ, con cái mình nghiện ngập chích hút, mình thấy thương thấy tội nghiệp không, thương chứ. Chỉ vì kẻ thủ ác không phải là người thân của mình nên mình mới ghét chớ đúng ra chuyện trên đời theo cách nhìn của Đức Phật thì chỉ có hai hạng chúng sinh thôi: hạng đáng thương (người ác) và dễ thương (người thiện). Đề Bà Đạt Đa, Cinca là người đáng thương, ngài Ananda, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp là người dễ thương. Có người Ngài nhìn bằng tâm bi, có người Ngài nhìn bằng tâm hỉ, có người Ngài nhìn bằng tâm từ. Người có từ tâm, họ nhìn người khổ đau hay ác độc bằng tâm bi mẫn, nhìn người hiền thiện hay hạnh phúc bằng tâm hỷ. Nhìn người ác biết họ đang gieo nhân khổ. Nhìn người khổ biết họ đang hái quả ác. Nhìn người thiện biết họ đang gieo nhân vui. Nhìn người hạnh phúc biết họ đang hái quả lành. Hiểu được bài Kinh Thiện Thuyết từ những khía cạnh này mới thấy bài kinh này sâu. Xin hẹn ngày thứ Ba.#NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 1-10-2014 SĀRIPUTTA (XÁ-LỢI -PHẤT)

Sáng nay mình học kinh Xá Lợi Phất, trong Chú giải kinh này không nói gì nhiều, bởi vì Phật tử nhìn bản tiếng Việt cũng thấy không có gì khó hiểu. Ngài Xá Lợi Phất thuyết pháp cho đại chúng nghe bằng một cách nói lưu loát rõ ràng và giọng nói dễ nghe minh bạch. Ngài Vangīsa tận tai nghe, tận mắt chứng kiến hình ảnh đó và ngài có lời tán thán.

Thiện xảo đạo phi đạo

Chữ đáng lưu ý: 'maggāmaggassa kovido', HT Minh Châu dịch là "thiện xảo đạo phi đạo",đây là một vấn đề lớn. Một người tu học, nếu quan tâm, chỉ riêng chữ này cũng đáng để mình suy nghĩ. "Thiện xảo đạo phi đạo" là biết rõ cái gì nên và không nên, biết rõ cái gì đúng và sai, tùy theo trình độ của mỗi người mà thiện xảo này khác nhau. Ngày mình chưa biết Phật pháp, một là mình thích cái gì mình làm cái đó, thiện ác bất phân. Khá hơn một chút, tuy không biết Phật pháp nhưng mình cũng còn biết cái gì là đạo đức, cái gì là bất nhân bất nghĩa, cái gì là vi phạm pháp luật, xã hội lên án. Có lần tôi kể quí vị nghe câu chuyện khi tôi về thuyết pháp ở Bến Tre, ngoài vườn chôm chôm, có ông cụ ngoài tám mươi tuổi nói thế này: Một đời của tôi làm lành lánh dữ, nên giờ tôi có đi cũng yên tâm rồi, ông bà già để lại miếng đất, tôi chí thú làm ăn, lớn lên có vợ có con, làm tròn trách nhiệm người chồng người cha, láng giềng thì tôi cũng không có lỗi lầm với ai, không vi phạm pháp luật, giờ già ngồi nhớ lại cũng vui, một đời tôi không làm gì ác. Năm đó tôi còn trẻ nhưng tôi giựt mình, tôi biết hàng triệu người VN cũng nghĩ như ông, sống như vậy là quá ngon lành rồi. Tôi nói: Nếu ông ngồi nghĩ kỹ lại, cái mà ông nói là thiện chỉ là vấn đề pháp luật và dư luận thôi, còn chuyện ông nói rằng ông là người tốt, thật ra ông chỉ tốt với cha mẹ, vợ con, gia đình thôi chớ có bao giờ ông có biết nghĩ tới người khác ngoài gia đình bé nhỏ của ông hay không. Chuyện đó là không có rồi đó, nói chi là tấm lòng của ông đối với loài chúng sinh không phải con người, đối với tiểu thú là ông càng không biết. Khi mình chưa biết đạo, chuyện phân biệt thiện ác, nên và không nên rất là hạn chế. Tới ngày mình biết đạo, mình vô chùa mình cúng chút ít, thỉnh thoảng có dịp thọ bát quan trai, thỉnh thoảng nghe pháp tụng kinh bố thí cúng dường phục vụ tăng ni chút ít việc nặng nhọc gì đó, mình nghĩ là đủ, nhưng chưa tới đâu hết, phiền não của mình là một núi, còn nỗ lực công đức của mình chỉ là lấy cái móng tay khều thôi, không thấm thía vào đâu hết. Vì vậy việc cho rằng những công đức đó là đủ thì quá vội. Đạo phi đạo đặc biệt lắm, khi mình chưa biết đạo thì mình chỉ biết những gì liên hệ dư luận, pháp luật để mình tránh thôi, người khá hơn chút

thì không làm gì để cắn rứt lương tâm. Tiêu chuẩn đạo đức ở mỗi người khác nhau, có việc A thấy được mà B thấy không được, ví dụ có người thấy chuyện đánh vợ mắng con là bình thường, còn có người thì thấy việc ra tay với đàn bà thì không nên, chỉ chút xíu vậy đã khác nhau rồi. Trong đạo cũng vậy, mình đi xuất gia, cạo đầu đắp y, sau năm hạ mười hạ mình thành đại đức, thượng tọa, hòa thượng rồi từ từ mình có chùa, có năm ba chục Phật tử, mỗi nửa tháng có buổi giảng cho Phật tử đến cúng dường rồi ai chết mình đi làm đám cầu siêu, ai bị bịnh, tân gia đầu năm đầu tháng mình cầu an, ai tới chùa mình biết cái gì nói cái đó, cứ tiếp tục như vậy thì năm chục năm ba chục năm cũng là tu thôi, nhưng thật ra chưa tới đâu hết, còn phải có trách nhiệm với pháp học pháp hành nữa, biết năm ba điều luật để giữ mình cũng chưa đủ, còn phải biết luật để giải quyết những vấn đề của tăng sự, giáo hội nữa. Như vậy cũng chưa đủ, bản thân còn phải biết căn bản về giáo lý, duyên sinh duyên hệ. Còn pháp hành nữa, phải biết kiến thức căn bản về Tứ Niệm Xứ, thiền Chỉ thiền Quán, chớ còn nghĩ là mình chẳng làm gì phạm giới thì được rồi, là chưa đủ. Có một ngàn lẻ một chuyện phải làm. Chỉ nói riêng chuyện hành giả được cảm giác hỷ lạc, thấy lâng lâng nhẹ nhẹ mát lạnh thì nghĩ là đủ rồi, tự hào tự đắc cho mình đã chứng rồi cũng chưa được. Trong thiền quán có từ đặc biệt lắm, khi mình chưa biết đạo thì mình chỉ biết những gì liên hệ dư luận, pháp luật để mình tránh thôi, người khá hơn chút thì không làm gì để cắn rứt lương tâm. Tiêu chuẩn đạo đức ở mỗi người khác nhau, có việc A thấy được mà B thấy không được, ví dụ có người thấy chuyện đánh vợ mắng con là bình thường, còn có người thì thấy việc ra tay với đàn bà thì không nên, chỉ chút xíu vậy đã khác nhau rồi. Trong đạo cũng vậy, mình đi xuất gia, cạo đầu đắp y, sau năm hạ mười hạ mình thành đại đức, thượng tọa, hòa thượng rồi từ từ mình có chùa, có năm ba chục Phật tử, mỗi nửa tháng có buổi giảng cho Phật tử đến cúng dường rồi ai chết mình đi làm đám cầu siêu, ai bị bịnh, tân gia đầu năm đầu tháng mình cầu an, ai tới chùa mình biết cái gì nói cái đó, cứ tiếp tục như vậy thì năm chục năm ba chục năm cũng là tu thôi, nhưng thật ra chưa tới đâu hết, còn phải có trách nhiệm với pháp học pháp hành nữa, biết năm ba điều luật để giữ mình cũng chưa đủ, còn phải biết luật để giải quyết những vấn đề của tăng sự, giáo hội nữa. Như vậy cũng chưa đủ, bản thân còn phải biết căn bản về giáo lý, duyên sinh duyên hệ. Còn pháp hành nữa, phải biết kiến thức căn bản về Tứ Niệm Xứ, thiền Chỉ thiền Quán, chớ còn nghĩ là mình chẳng làm gì phạm giới thì được rồi, là chưa đủ. Có một ngàn lẻ một chuyện phải làm. Chỉ nói riêng chuyện hành giả được cảm giác hỷ lạc, thấy lâng lâng nhẹ nhẹ mát lạnh thì nghĩ là đủ rồi, tự hào tự đắc cho mình đã chứng rồi cũng chưa được. Trong thiền quán có từ "đạo phi đạo tri kiến tịnh"nghĩa là nếu hành giả tu đúng pháp môn Tứ Niệm

Xứ, hành giả sẽ thành tựu nhiều pháp tánh rất là đặc biệt, ví dụ như thấy trí tuệ mình sáng ra, thấy đức tin Phật pháp mãnh liệt hơn, thấy sức tinh tấn mạnh mẽ hơn, thấy thân thể mình có những niềm an lạc mà trước đây chưa bao giờ có. Thậm chí có người cảm nhận như là ánh sáng hào quang từ cơ thể mình nữa. Tất cả những cái đó được xem là cạm bẫy của người tu (Tùy phiền não quán). Nếu lấy riêng ra mà nói, tu hành mà huệ sáng ra, sức tinh tấn mạnh ra, niềm tin thuần cố vững vàng hơn thì đúng là tốt nhưng nếu mình bám vào đó và thấy mình đắc chứng gì đó thì đó là sai, vượt qua được cái này biết đó là đồ giả, là cõi tạm, quán trọ, biết như vậy là đạo phi đạo tri kiến tịnh. Chỉ riêng việc biết rõ cái gì nên cái gì không nên, cái gì tốt, cái gì xấu, chỉ riêng cái chữ này không thì nói không biết bao nhiêu phút rồi. Ngoài đời hiểu "đạo phi đạo"theo nghĩa khác, ngay cả những người đời với nhau đã chênh lệch, đã sai biệt nói chi là trên đường tu của tăng ni Phật tử, trong giới hành giả thiền Chỉ thiền Quán. Từng bước từng bước, miễn là còn phàm chưa là thánh thì chúng ta phải luôn luôn và liên tục phát hiện ra cái gì cần phải vượt qua, cái gì cần phải sửa đổi, cái gì cần phải thêm, cái gì cần phải bớt. Đời tu hành nếu mà phải nói gọn thì có thể nhắc lại câu nói của ông Rodin: Tôi đem về một hòn đá, một khúc gỗ, bỏ đi những chỗ thừa, cái còn lại là tác phẩm điêu khắc. Bí quyết này nghe đơn giản nhưng rất là sâu. Thậm chí Nê Thẩm, một danh họa TQ đời nhà Tống, ông cũng có một nguyên tắc hội họa rất độc đáo, một trong những lời nhắc nhở của ông để lại cho người sau trong đó có câu như thế này: Khi bắt đầu vẽ vào bức tranh người ta chỉ quan tâm chỗ nào mình có thể đặt cây cọ vào, và khi ngắm tranh, người ta chỉ quan tâm chỗ nào được vẽ, chỗ nào có mực, nhưng như vậy chưa đủ, mình phải quan tâm chỗ trống còn lại của bức tranh nữa. Ví dụ như bây giờ mình vẽ một người ốm, nét mực của mình thay vì ở điểm A thì phải nằm ở điểm B thì người đó mới ốm được, chớ nét mực hơi mạnh tay một chút, hơi nhòe ra một chút, hơi rộng ra một chút thì người đó mập ra mất rồi đâu còn đẹp nữa. Muốn vẽ Quan Công, Trương Phi, Lý Quỳ thì bắt buộc chỗ râu phải đậm, mực nhiều hơn một chút thì mới ra hàm râu của họ, nghĩa là chẳng những phải quan tâm đến chỗ đặt cọ vô mà còn quan tâm chỗ trống còn lại, cái chỗ trống đó mới cho phép mình liên tưởng cái này cái kia, một khoảng trời, một mặt hồ, mặt sông mặt biển. Khi vẽ bức tranh phải có cái nhìn toàn diện, chỗ này phải có mực, chỗ này không nên có mực…. Trong đường tu, thái độ đó gọi là đạo phi đạo, thiện xảo là chỗ đó.

Quay lại ngài Xá Lợi Phất, dĩ nhiên đạo phi đạo của ngài Xá Lợi Phất sâu và rộng gấp triệu lần so với người khác. Lẽ ra chỗ đó người ta hỏi mình, mình chỉ nói tới đó thôi, mình biết tới đâu mình nói tới đó. Cái biết ngài Xá Lợi Phất rộng hơn

mình nên ngài lựa chọn, cân nhắc nhiều hơn mình. Chỉ riêng chuyện nói ngài phải suy tính nói như thế nào để cho người này hiểu nhanh hơn, dễ nhớ hơn. Nói như thế nào để tất cả những vấn đề liên quan phải được trình bày rốt ráo không bị bỏ sót, người như vậy được gọi là thiện xảo trong đạo phi đạo, nghĩa là chỗ này nên nói, chỗ này nên nói nhưng không phải lúc này, không phải cho người này, không phải cho trường hợp này, không phải cho chỗ này, không phải cho hoàn cảnh này, không phải cho thời điểm này, ngay trong việc nên nói còn phải lựa chọn nói chi là những điều không nên nói ra. Đạo phi đạo thiện xảo là chỗ đó. Đạo phi đạo tối thiểu có ba bước:

-Bước một: phân biệt tốt và xấu để lánh ác chọn thiện.

-Bước hai: khi giữ lại cái thiện rồi thì xem xét hoàn cảnh nào nên và không nên.

-Bước ba: trau chuốt, trong những cái nên thì phân biệt cái nào tốt hơn.

Nếu người tu chỉ hiểu sâu chữ đạo phi đạo này thì đã thành thánh rồi. Bài kinh này sâu từng chữ như vậy. Đạo ở đây là lý lẽ. Trong lĩnh vực này thì ngài Xá Lợi Phất dĩ nhiên không bằng Đức Phật, vì vậy trong việc độ sinh ngài Xá Lợi Phất vẫn còn có chỗ không chắc vì cái biết của ngài không được như cái biết của Đức Phật - bậc Toàn Giác. Khi người ta xuất gia, ngài Xá Lợi Phất biết tánh tình người ta như vậy phải nói cái này phải dạy cái này mới thích hợp với họ, thật ra có khi ngài thấy không tới. Trong kinh có kể trường hợp ngài Xá Lợi Phất dạy thiền cho đệ tử suốt ba tháng mà không thấy thành tựu chút xíu nào hết, ngài đem đệ tử đến trình Đức Phật và nói rằng: Con dạy cho người này ba tháng rồi, người này rõ ràng huệ căn cao, ngộ tánh khá, thông minh sắc sảo tinh ý nhanh nhạy, con đã dạy đề mục bất tịnh mà người này không thấm gì hết, chuyện này chưa từng xảy ra. Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất để đệ tử đó ở lại rồi chiều đến đưa về. Trong kinh có chỗ kể rộng có chỗ kể hẹp, có chỗ nói Đức Phật cho vị này một lá y mới rồi dắt đến nhà của một Phật tử đã thỉnh Đức Phật từ lâu lắm đến đó thọ trai, xong xuôi Ngài dắt vị này ra hồ sen của chùa Kỳ Viên, nơi đó có những đóa sen còn kín nụ, đang hàm tiếu hoặc đã mãn khai, và bảo ngồi ở đó ngắm cảnh. Các vị tưởng tượng có ai được như vậy không, đến viếng chùa mà vị trụ trì đối xử với mình được như vậy là đại phúc đại hạnh rồi, huống chi đây là vị Chánh Đẳng Chánh Giác, dắt cho đi ăn ở nhà đàn tín đại gia, về rồi dắt ra hồ sen ngắm cảnh. Hôm nay các vị về Ấn Độ, hồ sen đó dĩ nhiên không còn nữa. Từ trong hương thất, Đức Phật quan sát nội tâm vị tỷ kheo ngồi bên ngoài và biết vị này đang chú ý đến hoa sen, Ngài dùng thần thông làm cho đóa sen đó từ hàm tiếu

đến đại đóa rồi cuối cùng rụng từng cánh chỉ còn gương sen, gương sen từ màu xanh lá cây nhạt chuyển sang đậm dần rồi từ từ úa vàng, khô dần lại quắt queo và gãy gục xuống hồ. Tất cả quá trình đó diễn ra trong thời gian rất ngắn, làm cho tâm vị tỷ kheo này dao động thấy sự kỳ lạ và kinh cảm cái vô thường, vị này đã chứng quả A-la-hán. Buổi chiều hôm đó ngài Xá Lợi Phất đến Đức Phật bàn giao người học trò và nói rằng chuyện nên làm đã làm rồi. Ngài Xá Lợi Phất biết rằng, vị này vốn làm thợ bạc chỉ quen với những thứ đẹp đẽ tinh khiết, hưởng thụ ăn ngon mặc đẹp, tự hào về làn da, sức vóc của mình, ngài nghĩ vị này thích hợp với đề mục bất tịnh để bỏ đi những tham ái đó, nhưng ngài Xá Lợi Phất không nghĩ rằng trong căn cơ vị này có chút vấn đề. Sức nhớ của ngài Xá Lợi Phất có thể nhớ vô số kiếp của vị tỷ kheo này, nhưng ngài không đủ sức để biết trong những sự kiện diễn ra trong đời quá khứ của vị này, sự kiện nào để lại ấn tượng như thế nào trong con người này. Về mặt này ngài Xá Lợi Phất không bằng Đức Phật. Ví dụ, tôi biết rõ quí vị là một người đã từng đi tám chục quốc gia, tôi biết rõ quí vị xuất thân giàu có, từng ăn bao nhiêu thức ăn trên các thành phố trên thế giới, đã ăn món gì của nước nào, khổ nỗi, chiều nay các vị đến nhà tôi, dù cuộc đời các vị tôi rất là rành, nhưng nếu không phải là người chí thân làm sao tôi biết các vị thích món gì để đãi chiều nay. Không phải tôi không biết cuộc đời các vị, tôi đã theo dõi các vị 40 năm nay rồi, các vị đi đâu làm gì với ai, ăn gì mặc gì, tôi nhớ hết, rõ hơn cả quí vị nữa, nhưng khổ một nỗi, nếu không thể là chỗ chí thân chí ái làm sao tôi biết trong số hàng ngàn thức ăn quí vị đã ăn trong tám chục quốc gia mấy chục năm qua, món nào là món ruột của quí vị. Ngài Xá Lợi Phất cũng vậy, sức nhớ sức hiểu của ngài là vô hạn, là đỉnh trong hàng Thanh văn, nhưng khổ nỗi, biết rõ đời người ta từng chi tiết nhưng để rút ra nhận xét cốt lõi thì khó lắm, nếu không phải là mẹ con vợ chồng bạn bè chí thân chí thiết. Sẵn đây tôi nói dư thêm một chuyện về sự khác biệt giữa ngài Xá Lợi Phất và Đức Phật. Đạo vi đạo nghĩa là bỏ ác tìm thiện, bước hai là trong cái thiện còn có cái nên và không nên, điểm này có sự khác biệt giữa A và B nên ngài Vangīsa nhìn thấy ngài Xá Lợi Phất là con người xuất sắc. Chỗ đó gặp mình là mình không nói được như vậy nhưng con người này, trong hoàn cảnh đó, trong đề tài đó đã nói được như vậy, đã tránh được chỗ cần tránh, đã phô diễn hiển bày chỗ cần phô diễn hiển bày, cần nói sâu cần nói rộng. Chính vì vậy ngài đặc biệt hoan hỉ xin phép ngài Xá Lợi Phất cho ngài được phát biểu, tán thán Xá Lợi Phất bằng câu kệ này. Bài kệ này sâu là sâu chỗ đó, ngài Vangīsa thấy rõ ngài Xá Lợi Phất. Chú giải có nói thêm là âm thanh của ngài Xá Lợi Phất rất hay, rất đặc biệt. Thời gian tu tập Ba-la-mật của vị Độc Giác gấp đôi ngài Xá Lợi Phất, gấp đôi vị thượng thủ Chí thượng Thanh văn, tuy nhiên kiếp chót của vị Độc Giác thì có thể là một người nghèo khó thậm chí

khuyết tật về cơ thể, khuyết tật chớ không phải tàn tật bẩm sinh. Ví dụ như bị tai nạn gì đó nên bị khuyết lõm các căn, hoặc có thể xuất thân nghèo khó nên có ngoại hình nhân dáng khó nhìn. Nhưng vị Chí thượng Thanh văn thì không như vậy, vì vị này là một phần tô điểm cho vị Chánh Đẳng Giác nên duyên nghiệp tự nhiên mà hai vị này chỉ có hai chỗ xuất thân thôi (nói theo xã hội Ấn Độ) đó là Bà-la-môn và Sát đế lị. Nghĩa là đại gia hoặc danh môn vọng tộc chớ không phải xuất thân tầm thường, và nhân dáng hai vị này cũng không phải tầm thường, phải hơn người, vì hai vị này là tô điểm cho vị Chánh Đẳng Giác, là sứ giả, đại diện tiêu biểu hàng đầu cho vị Chánh Đẳng Giác, cho nên có một số đặc điểm trong đời tư hai vị này hơi đặc biệt. Chú giải trong kinh Niệm Xứ có nói đường tiêu hóa của vị Phật Độc Giác và hai vị Chí thượng Thanh văn có những điểm giống nhau. Trong đường tiêu hóa của phàm phu mình có đàm mật máu tùm lum thứ nên mình đi bài tiết có mùi bất tịnh hơn là những vị Độc Giác và Chí thượng Thanh văn. Vị Chánh Đẳng Giác thì khỏi nói rồi. Nói nôm na là trong ruột già của các vị ấy chỉ có mật, không có những dịch chất thừa thãi như người bình thường. Người thường trong ruột già có máu, có đàm, làm cho tanh, thối, nhưng vị chí thượng và Độc Giác không có, vì vậy cơ thể hai vị này không có mùi bất tịnh như những chúng sinh khác. Chuyện này hơi tôn giáo một chút người không phải là Phật tử nghe có thể khó chấp nhận, nhưng trong kinh nói không lẽ tôi bỏ bớt, mình ghi nhận vậy. Các vị hỏi tôi có tin không, tôi trả lời, tôi biết cái gì mà tin hay không, nhưng đối với tôi thì có một số chuyện nếu có thì không có gì lạ, bởi vì người ta tu nhiều quá mà. Đêm qua tôi đọc báo thấy Angelina Jolie tặng cho chồng, Brad Pitt, cái đồng hồ 3 triệu đô la. Cách đây mấy năm cũng trong sinh nhật Brad Pitt, Angelina Jolie suy nghĩ không biết tặng cái gì bèn mua đại miếng đất có cái thác nước đẹp lắm để tặng. Ngẫu nhiên tôi coi báo mà thấy chớ không phải tôi đam mê theo dõi gì vụ này, cách đây mấy năm cũng trong một dịp sinh nhật khác, Angelina Jolie cũng tặng cho Brad Pitt chiếc mô tô 250 ngàn đô la. Tôi muốn nói gì qua chuyện đó?

Kẻ ăn không hết mà người lần không ra, vì sao, cũng đêm hôm qua tôi đọc bài báo, có ba mẹ con nghèo đến mức cả ba ăn chung một gói mì tôm chia nhau, trong khi đó vợ tặng chồng món quà sinh nhật ba triệu đô la. Tôi cười một mình, nếu tôi được một nửa cái này thì tôi đã có một miếng đất tuyệt vời bên Miến Điện. Tôi có một tỷ đô la tôi sẽ đem hết về Miến Điện. Tôi không ham làm chủ nhưng tôi muốn có một chỗ cho người VN tại Miến Điện. Thái Lan thì tôi không nghĩ, Tích Lan thì người Việt mình không lui tới thường, Ấn Độ thì nếu có tôi sẽ làm một cơ sở bên đó cho Phật tử tăng ni lui tới ở đó, nhưng đặc biệt là Miến

Điện, nếu có tiền thì làm một chỗ cho Phật tử tăng ni VN lui tới, kiếm chỗ nào thiền viện tập trung nhiều nhất, làm một khu vườn có tường chung quanh, trong đó trồng cỏ Nhật, nhà lá thiệt gọn thiệt sạch, lối đi trải sỏi, mỗi sáng chiều tăng ni Phật tử qua bên thiền viện hành thiền với người ta, tối về chỗ mình sinh hoạt. Nhưng mà rồi thì sao, chuyện đó bây giờ vẫn chỉ là giấc mơ thôi, trong khi người ta lấy ba triệu mua cái đồng hồ. Tôi muốn nói rằng, những người như ngài Xá Lợi Phất, cái phước của ngài giàu quá, trí tuệ của ngài cách mình xa lắm, còn như mình học trước quên sau, nói không hiểu, hiểu rồi không nhớ, nhớ rồi làm không nổi, còn ngài thì không như vậy. Mình không có dịp để học chánh pháp, mà có dịp thì cũng không có hiểu, hiểu rồi cũng không nhớ bao nhiêu, nhớ rồi không hành được bao nhiêu, mà có hành thì kết quả cũng không bao nhiêu, mà kết quả thì cũng chưa đi được bao xa. Xong bài kinh Xá Lợi Phất, giờ qua bài kinh Tự Tứ.

TỰ TỨ (Pavāraṇāsutta)

‘Pavārana’: ‘tự tứ’, ‘yêu cầu’, ‘đề nghị’ (require, asking). Mỗi mùa an cư sau khi kết thúc, chư tăng tỷ kheo tối thiểu là hai vị trở lên làm một tự tứ. Vị này nói vị kia: Trong ba tháng qua tôi có nói gì làm gì sư thấy không hay cần phải sửa chữa xin nói cho tôi biết để tôi sám hối, sửa chữa, thay đổi không như vậy nữa. Lời đề nghị này gọi là Pavārana.

Thời Đức Phật cũng vậy, sau mùa an cư, Đức Phật và chư tăng cũng làm tự tứ với nhau. Chúng ta thấy rõ ràng ở đây, chính Đức Phật buổi đầu Ngài cũng tham dự với chư tăng, sau đó Ngài không tham dự nữa. Trong kinh nói, buổi đầu ngày lễ Bố tát mỗi nửa tháng, Đức Thế Tôn cũng tham dự với chư tăng nhưng sau đó Ngài không tham dự nữa, bởi nhiều lý do, buổi đầu chỉ có thánh, sau đó có phàm phu phức tạp nên Ngài không làm chung nữa, không tụng giới nữa. Trong kinh nói rõ, đức độ của Ngài rất lớn, Khi Ngài tham dự trong buổi này nếu có những phàm phu bất tịnh mà giấu, một tỷ kheo phạm giới mà cố ý có mặt trong những tăng sự như vậy thì đức độ của Ngài sẽ làm cho người đó không chịu nổi. Tiếng Pāḷi là gọi là “muddham phaleti sattavidham”: đầu bể bảy mảnh. Nếu vị phàm phu bất tịnh về giới luật cố ý có mặt trong một tăng sự có Thế Tôn tham dự thì sẽ bị đầu bể bảy mảnh. Vì lòng đại bi nên Thế Tôn không còn dự nữa. Buổi đầu, mỗi ngày giới thì chính Ngài tụng giới, từng điều từng điều, rồi Ngài hỏi chư tăng: Các vị có trong sạch hay không?

Nếu mình thấy mình có vấn đề thì cứ sám hối, nếu im lặng thì có nghĩa là các vị đã trong sạch không còn gì để nói nữa. Nhưng về sau đã xảy ra một sự kiện, trong một kỳ bố tát, khi chư tăng đã tụ hội đầy đủ, Đức Thế Tôn không tụng giới. Ngài Ānanda thỉnh Đức Phật: Bạch Thế Tôn, tăng chúng đang chờ đợi Thế Tôn tụng giới. Đức Phật dạy rằng: Hội chúng không thanh tịnh, ta không tụng giới. Lần thứ hai và lần thứ ba, ngài Mục Kiền Liên cũng có mặt trong hội chúng đó liền suy nghĩ vì sao Thế Tôn nói hội chúng không thanh tịnh. Với thần thông của ngài, ngài nhìn thấy vị tỷ kheo đó, liền nắm tay vị này đem ra ngoài và đóng cửa lại. Lúc đó Đức Phật dạy rằng: Kể từ nay về sau các ngươi làm với nhau, Như Lai không tham dự trong buổi tụng giới thế này nữa.

Ở đây chúng ta thấy trong buổi tự tứ này có mặt Thế Tôn, Ngài vẫn làm theo luật, Ngài vẫn hỏi rằng: Trong thời gian qua, trong ba tháng vừa qua, các tỷ kheo có gì cần phải nói, cần phải phàn nàn về chuyện ta nói ta làm hay không. Biết rằng không có nhưng Ngài vẫn phải hỏi, vì đó là Luật. Chư tăng xác nhận là không. Đến phiên ngài Xá Lợi Phất ngài cũng làm tự tứ như vậy: Bạch Thế Tôn, bạch chư tăng, trong ba tháng qua con có gì xin được nhắc nhở. Đức Phật nói: Ngươi không có gì hết, thậm chí năm trăm tỷ kheo có mặt trong hội chúng này toàn là thánh nhân.Ngài nói rõ trong đây có 60 vị là Bậc tam minh, 60 vị Lục thông, 60 vị là Câu giải thoát, còn lại là Tuệ giải thoát. Đây là những chữ không thể không giải thích.

Tam minh, lục thông, tuệ giải thoát

Tam minh (tevijjā)

- Túc mạng minh:khả năng nhớ lại quả sanh tử. (Nhớ lại kiếp trước làm cái gì, vua, ăn mày, thầy tu, giàu nghèo đẹp xấu, thọ yểu, cao thấp trắng đen v.v...)

- Sanh tử minh:khả năng nhớ lại nhân sanh tử (nhớ rõ do làm cái gì mà bị như vậy, được như vậy)

- Lậu tận minh:khả năng diệt nhân sanh tử (biết rốt ráo lý Tứ đế, thấy rằng vạn hữu do duyên sinh và cái gì đã sinh thì phải diệt. Đây là nhận thức phải có, luôn luôn có ở một người chứng đạo. Yaṃ kiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammaṃ: Tất cả các pháp ở đời đều do nhân duyên tạo ra chớ không phải ngẫu nhiên, và đã sanh ra thì phải có lúc biến mất. Cùng lúc thấy rõ lý Nhân quả và Tam tướng đó chính là nội dung của Tứ đế.

Muốn chứng tam minh tối thiểu phải đắc ngũ thiền sắc giới.

Lục Thông (chaḷabhiññā):

Cũng Tam minh này mà cộng thêm Tha tâm thông thì đọc hiểu được tâm người khác. Tha tâm thông, đọc hiểu được tâm người khác. Thiên nhãn thông, khả năng thấy được những gì mắt thường không thấy được, nhỏ nhất, xa nhất, mờ nhạt nhất. Thiên nhĩ thông, nghe được các loại âm thanh mà tai thường không nghe được. Cũng phải đắc tối thiểu Ngũ thiền Sắc giới mới có được lục thông. Có những vị thánh chỉ đắc Tam minh, chỉ nhớ được quả sanh tử, nhớ được nhân sanh tử và đoạn mầm sanh tử, biết rõ kiếp trước, vì đâu bị vậy v.v... biết tùm lum vậy nhưng con rắn hay con cóc vô trong phòng thì không biết làm sao đuổi ra. Có vị ghê hơn, chẳng những thấy được, nhớ được như vậy mà còn có nhiều khả năng khác nữa.

‘chaḷabhiññā’: ‘6 thắng trí’, chính là ‘lục thông’

‘ubhatobhagavimutta’: ‘câu giải thoát’.

Ubho = ubhato = ubhaya: câu (cả hai, both)

Câu giải thoáttrong kinh này, Chú giải ở đây giải thích như thế này nhưng chỗ khác có thể khác một chút. Câu giải thoát ở đây là chứng Phi tưởng, chứng thiền Vô sắc, nhàm chán Sắc pháp do chứng thiền Vô sắc, nhàm chán danh pháp do chứng đắc Tứ đạo. Trong khi những vị khác chỉ nhàm chán danh sắc do một cách duy nhất là chứng Tứ đạo. Riêng người nhiều Ba-la-mật thì có thêm cách thứ hai.

Kết quả cuối cùng giống nhau y chang thôi. Giống như từ Sài Gòn đi về Mỹ Tho, nhà nghèo đi bằng xe cũ rẻ tiền, nhà giàu đi bằng xe limousine (một loại xe nội thất đầy đủ tiện nghi sang trọng, có tủ lạnh, minibar..). Đặt chân cũng xuống Mỹ Tho giống nhau, nhưng phải nhìn nhận kiểu đi của anh nhà giàu rườm rà một chút, nhưng cuối cùng cũng tới ngã ba Trung Lương quẹo vô vườn hoa Lạc Hồng ngồi ngó sông Tiền Giang giống nhau y chang, có thể khác chút là một người xuống uống nước lạnh hoặc có trái dừa, còn anh kia thì khăn lạnh, kẻ hầu người hạ, nhưng cuối cùng thì cả hai thì đều hết khát, no bụng giống nhau.

Như vậy, câu giải thoát ở đây là vị La-Hán chứng thiền Vô sắc. Nên nhớ, có trường hợp chỉ chứng thiền mà không có thônghay minh nào.

Tuệ giải thoát: (paññavimutta) là sukkhavipassaka, chỉ chứng quả không có thiền. 'Sukkha': 'khô' (dry). 'Vipassaka': 'quán chiếu đơn giản' (merely vipassana). Chỉ có tu thiền Quán rồi đắc quả hết phiền não chớ không có được gì thêm nữa hết, gọi là sukkhavipassaka(thiền khô).

Tinh thần rốt ráo của bài kinh và cũng là của PG nói chung là sự minh bạch, bạch hóa (transparency). Pavārana là trong nhà mình muốn không có chuột không gián thì không có chỗ nào ẩm ướt tối tăm mà mình không biết tới. Nhà mà nghe mùi mốc mùi hôi có bụi có chuột là mình biết trong nhà có những góc chết, góc khuất mà gia chủ không để mắt chạm tay tới, nếu từng ngóc ngách trong nhà mà được quan tâm làm gì có bụi, có kiến, có gián. Trong cơ thể mình cũng vậy khi đi bác sĩ, bác sĩ bạch hóa cơ thể mình, không còn góc khuất nào hết để tìm ra cho bằng được lý do nào mình bị bệnh. Trong xã hội, trong thành phố mà có những nơi cảnh sát không lui tới thì chỗ đó là ổ hút chích trụy lạc. Trong chính phủ có những vùng cấm đặc biệt mà truyền thông cũng như cơ quan điều tra không chạm tới được thì đó là cái ổ độc tài, tội ác. Cho nên, Phật pháp muốn cho khá thì người tu phải có sự bạch hóa, có gan nhìn về những góc khuất của mình. Ví dụ mình biết rõ đó là sự kiêu mạn, biết đó là ái dục, chớ không thể nào nói rằng "nói cha mẹ thương con bằng tâm ái là không đúng, con tôi trách nhiệm tôi phải lo", rồi mình bảo đó là tâm từ, mình không có gan nhận đó là tham ái. Nói chung là mình không có cái gan rọi đèn tuệ vào những góc khuất của mình. Có nhiều chuyện tu học phải có cái gan mới làm được, thí dụ mình thấy mình không phạm giới, mình ngon lành, nhưng phải có cái gan thấy rằng việc không phạm giới chưa đi tới đâu hết, không phạm giới chưa chắc là giữ giới, chưa chắc là mình có tu, mà chẳng qua là trong hoàn cảnh đặc biệt nào đó mình không phạm giới thôi. Lâu lâu mình nghĩ, trong nửa tháng qua tôi không có phạm gì hết, mình cứ tưởng mình ngon, nhưng thật ra trong điều kiện mình đâu có làm gì để phạm, làm gì cũng có thị giả kế bên làm sao phạm. Phải có cái gan bạch hóa, phải soi rọi như người đi quét nhà, không có góc khuất nào không lùa chổi vào, không đưa ống hút bụi vào. Tất cả phải được soi rọi giải quyết, dứt khoát, toàn triệt, triệt để và tuyệt đối, pavārana có nghĩa là như vậy.

Ngài Vangīsa thấy hình ảnh vị Chánh Đẳng Chánh Giác ngồi giữa có 500 vị tỷ kheo chung quanh toàn những bậc thánh tuyệt đối thanh tịnh, ngài hoan hỉ và cảm hứng, ngài xin phép Thế Tôn cho ngài đọc bài kệ. Giống như mình trong buổi họp mặt thấy vui quá, móc cái phone ra: xin phép bà con cho tôi chụp tấm ảnh nghen, lâu quá mới có dịp chư tăng Phật tử tu họp vui quá. Ngài Vangīsa thấy hình ảnh đẹp quá nên muốn lưu lại bằng một bài kệ.

MỘT NGÀN VÀ NHIỀU HƠN (Parosahassasutta)

‘Parosahassa’: trên 1000 (over thousand). Quá nghìn.

Lần đó Đức Phật và chư tăng tụ họp với nhau. Đức Phật thuyết giảng cho đại chúng nghe, buổi giảng đó làm cho đại chúng rất là hoan hỷ. Ngài Vangīsa nhìn hình ảnh đó đọc bài kệ tán thán.

Con số này quan trọng: 1250 vị tỷ kheo. Đây là con số rất nổi tiếng trong đạo Phật. Trong lần đại hội thánh tăng năm đầu tiên cũng là con số 1250 vị.

‘addhatelasasata’: 1250

‘addha’: một nửa

‘terasa’=’telasa’ 13

‘sata’: 100

Khi nói năm 1945, người Anh Mỹ sẽ nói mười chín – bốn lăm (nineteen forty-five); người Đức nói mười chín lần trăm - bốn lăm (neuzehnhundert funfundfunfsig)

‘Terasasata’13 lần 100. ‘Addhaterasa’ = ‘addhatelasa’: 13 thiếu một nửa. Mười ba lần một trăm tức là 1300. ‘Addhaterasasata’là mười ba lần một trăm thiếu một nửa (“một nửa” của một trăm), tức một ngàn hai trăm năm mươi (1250). Giống tiếng Đức halb acht (Halb: một nửa. Acht: tám. Halb acht: 7h30, tức là thiếu nửa giờ là 8 giờ)

Tôi thấy con số 1250 là con số nổi tiếng trong PG, mà cách hình thành của nó cũng hơi kỳ cục nên chia sẻ cho bà con biết. Quí vị nào gần tháp xa chùa thì thôi, ai rảnh rảnh mà nhớ được thì nhớ cũng hay. Người ta nói, dốt một chuyện chỉ có xấu chớ không có tốt, biết thêm một chuyện chỉ có tốt chớ không có xấu. Tôi thấy con số 1250 là con số nổi tiếng trong PG, mà cách hình thành của nó cũng hơi kỳ cục nên chia sẻ cho bà con biết. Quí vị nào gần tháp xa chùa thì thôi, ai rảnh rảnh mà nhớ được thì nhớ cũng hay. Người ta nói, dốt một chuyện chỉ có xấu chớ không có tốt, biết thêm một chuyện chỉ có tốt chớ không có xấu. Trong nhà Phật có hai cái vô minh là không biết chuyện đáng biết và biết chuyện không đáng biết. Có người thêm cái thứ ba là biết chưa đến nơi đến chốn. Tôi thấy không cần, cái thứ ba này nằm trong cái thứ nhất rồi.

Ngài Vangīsa thấy hoan hỷ quá nên xin phép Đức Phật đọc bài kệ tán thán. Đức Phật hỏi thế này: "Kiṃ nu te, vaṅgīsa, imā gāthāyo pubbe parivitakkitā, udāhu ṭhānasova taṃ paṭibhantī''ti?

" Có suy nghĩ trước hay là ứng khẩu tại chỗ?

Ngài Vangīsa trả lời: Dạ ngay tại chỗ này con nghĩ ra chớ không tính toán trước.

'pubbe parivitakkā': 'có suy nghĩ trước'.

'parivitakkā': sự suy tư

'thānaso patibhati': ứng khẩu tại chỗ.

'thāna': 'địa điểm'.

'thānaso': 'ngay tại chỗ'

'bhā' (verbal root): 'phát ra'. (ánh sáng hay âm thanh)

'abha': 'ánh sáng'. Trong tiếng Việt có chữ 'pha' là 'rọi', 'soi', đọc lên nghe cũng giống chữ 'bhā'.

Theo Chú giải, sở dĩ Đức Phật hỏi như vậy là vì ngài muốn nhân dịp này ngài tán thán cho mọi người biết khả năng đặc biệt của ngài Vangīsa. Một lần khi Đức Phật đi thuyết pháp ở trên cõi trời Đao Lợi, các Phật tử hỏi ngài Mục Kiền Liên là Thế Tôn đang ở đâu. Ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ: Có tôn giả Anuruddha (A-Nậu-Đà-La) Đệ nhất thiên nhãn ở đây, ta hãy cho mọi người biết rõ khả năng đặc biệt của vị này. Gặp trúng người phàm, cái nào mình chứng tỏ mình được là mình gom hết, nhưng thánh nhân họ oải rồi, họ có cái tánh đặc biệt là vui với cái hay cái giỏi cái đẹp của người khác, còn phàm phu không có khả năng này nên đời đời kiếp kiếp ở dưới sình. Thánh nhân lạ lùng như vậy đó. Ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ cực nhanh và nói: Có tôn giả đệ nhất thiên nhãn ở đây không hỏi mà lại hỏi tôi. Lúc đó ngài Anuruddha biết rõ ngài Mục Kiền Liên muốn như vậy, ngài trả lời một cách khiêm tốn cho mọi người biết Thế Tôn đang ở đâu. Ở đây cũng vậy, Thế Tôn muốn mọi người biết rõ khả năng của ngài Vangīsa nên mới hỏi "có chuẩn bị trước hay ứng khẩu", và ngài Vangìsa trả lời là "thānaso patibhati" ứng khẩu tại chỗ. Xong rồi, giờ qua bài kinh Kondañña.

KIỀU TRẦN NHƯ (Kondañña sutta)

Annāsi Kondañña:Kiều-trần-như. Ngày bà Maya sinh Bồ tát thì vua Tịnh Phạn cho mời 108 Bà-la-môn tướng số giỏi nhất đến xem tướng thái tử Siddhattha, sau đó chỉ giữ lại 8 vị để hỏi riêng. Ngài Kondañña trẻ nhất trong số đó và là người duy nhất nói rằng Bồ tát chắc chắn sẽ thành Phật. Bảy người kia nói phân hai: hoặc làm đại đế hoặc làm đại thánh. Cùng học tướng số như nhau nhưng mỗi người có một sở trường riêng. Các vị kia y cứ vào tướng tốt của thái tử, nói là ngài có thể ở ngoài đời làm đại đế, đi tu sẽ thành bậc đại giác. Riêng ngài Kondañña căn cứ vào những nét đặc biệt và nói rằng thái tử có tướng đại đế nhưng có những nét riêng chắc chắn sẽ đi tu. Phong thủy cũng vậy, ở Thái Bình, người ta mời thầy phong thủy về để tìm đất cất cái đình. Ông thầy leo lên cây cổ thụ xem xong rồi nói cất chỗ này con cháu sẽ đời đời khoa bảng đỗ đạt. Nhưng khi cất xong xuôi rồi thì trong làng làm ăn thua lỗ thất bát tả tơi cuối cùng dắt nhau đi ăn mày tới giờ. Thái Bình bây giờ có cái làng ăn mày. Khi làm ăn thua lỗ người ta mời ông thầy khác về hỏi lý do sao đang làm ăn ngon lành mà giờ như vậy. Ông thầy này lại leo lên cây cổ thụ rồi xuống nói: Ông thầy kia coi lộn rồi. Ổng thấy dân làng thích khoa bảng thì ổng lựa cái đất khoa bảng cho; thấy cái gò đất kế bên hồ nước thì tưởng là cái bút với cái nghiên mực ông nghĩ là cất cái đình ở đây sẽ được khoa bảng, nhưng hóa ra hình dáng đó không phải là bút nghiên mà là cái bị với cái gậy. Hãy tưởng tượng nếu bút nghiên thì con cháu đời đời khoa bảng mà bị gậy thì đi ăn mày là phải rồi. Tôi kể cho quí vị nghe không phải là chuyện cười mà muốn nói là chỉ cần khác nhau một chút thì vận mệnh sẽ thay đổi.

Sau khi ngài Kondañña biết chắc chắn thái tử sẽ đi tu thành Phật thì ngài bỏ nhà đi tu và chờ đợi. Thái tử 35 tuổi mới thành Phật, thì 35 năm trước dầu trẻ nhất thì Kondañña cũng 18 tuổi. Lúc ngài Kondañña gặp được Phật thì cũng đã trên năm mươi tuổi rồi. Tại sao ngài Kondañña có tên là Annāsi Kondañña?

Lúc đó trong cõi Người này Đức Thế Tôn là người duy nhất hiểu được lý Tứ Đế, khi ngài giảng vừa xong bài kinh Chuyển Pháp Luân thì ngài biết ngài Kondañña đã đắc quả Tu-đà-hoàn ngay tại chỗ rồi, vì vậy ngài mới cảm hứng: "Annasivata bho kondanno", thì ra Kondañña này đã hiểu rồi. (Annasi = understood, đã hiểu rồi). Sau đó ngài Kondañña xuất gia và đắc quả A-la-hán.

Trong room có người hỏi: Ông đạo sĩ nào gặp thái tử thì khóc?

Đó là đạo sĩ Asita đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và là sư phụ của vua Tịnh Phạn. Sau khi thăm thái tử về thì tuần sau ông mất và sinh về cõi Vô Sắc.

Người ta hay nói Phật thành đạo, thật ra phải nói là Bồ tát thành đạo. Bồ tát thành đạo rằm tháng Tư. Rằm tháng Giêng năm sau là đại hội thánh tăng, hai vị Thượng thủ Thanh văn xuất gia. Hai vị này lớn tuổi hơn, khi Thế Tôn 35 tuổi thì hai vị thượng thủ đã 39 tuổi. Một hội chúng quá hùng mạnh khi từ sư phụ đến đệ tử chưa có ai quá 40 tuổi. Sau khi có hai vị thượng thủ rồi, ngài Kondañña xét thấy bất tiện khi phải nhận sự kính lễ của hai vị này (hai vị này đã tu Ba-la-mật một a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, riêng ngài Kondañña chỉ tu 100 ngàn đại kiếp mà thôi) nên ngài quyết định về núi độc cư. Chỗ ở của ngài trên Himalaya vốn là trụ xứ của chư Phật Độc Giác ngày trước. Trong kinh nói nơi đó rất đẹp, có rất nhiều voi, bầy voi này như là đệ tử chăm sóc hầu hạ ngài. Sau một thời gian khá dài, 12 năm, ngài không đến hầu Phật. Đến lúc sắp viên tịch, ngài xuống núi đảnh lễ xin từ biệt Thế Tôn. Lúc đó tóc ngài đã bạc trắng. Người ta nhìn thấy đại lão tăng quắc thước, mái đầu bạc trắng, (‘paṇḍarasīsa’: đầu bạc trắng) đảnh lễ Đức Phật, dùng miệng hôn bàn chân Đức Phật: “Bạch Thế Tôn con là Kondañña”, một hình ảnh quá đẹp. Tại sao ngài đảnh lễ và phải xưng tên như vậy?

Vì có nhiều người không biết ngài là ai, ngài muốn nói cho họ hoan hỉ. Ngài xưng tên để người ta biết và thêm niềm tin. Khi người ta nghe tên ngài là nổi da gà liền. Đại chúng xúc động, có người khóc, vì họ thấy tôn túc đã bắt đầu có người sắp ra đi, ngài quay lại nói:

-“Mā socittha, mā paridevittha”, đừng buồn tủi đừng khóc nữa “buddhā vā hontu buddhasāvakā vā”, Đức Phật còn đó, các vị đại thánh Thanh văn còn đó, chuyện chi phải khóc, chỉ nhớ rằng “uppannā saṅkhārā abhijjanakā nāma natthī” tất cả pháp hữu vi có mặt, đã sinh ra thì phải biến hoại.

Ngài lễ Phật xong thì “vehāsaṃ abbhuggamma” bay lên hư không và đi về núi. Ngài nhập thiền Quả suốt đêm, rạng sáng hôm sau thì chính thức niết-bàn. Tất cả hoa cỏ trên Tuyết Sơn hôm đó đều héo rũ (onatavinata)

Thiên Vương Đế Thích cho một vị Thiên tử (vissukamma) xuống lo việc xây dựng khẩn cấp bằng thần thông một lều trại rộng 3 do-tuần để chư tăng về dự lễ tang trưởng lão, do mấy con voi phục vụ. Ngài Anuruddha thuyết pháp và chư tăng tụng Phật ngôn suốt đêm (‘sabbarattim’: suốt đêm). Đây là một đám tang giống đám tang của mình nhất, có thuyết pháp, có tụng kinh, nhưng tụng ở đây không phải để “đăng Phật quốc” mà là tỏ lòng tôn kính một bậc đại lão tăng hàng

đầu của PG, đồng thời đây là dịp để chư thiên về nghe pháp. Người về dự tang gồm có 500 vị La-Hán, Dục Thiên và vô số Phạm Thiên.

Có một chuyện sẵn đây nói luôn, trong kinh điển Pāḷi nói Đế Thích có Thiên tử Vissukamma để nhờ cậy sai khiến xây dựng này nọ khi cần thiết, vào Google để tìm hiểu thêm về nhân vật này. Ví dụ, nếu Đế Thích thấy một vị A-la-hán sống trong rừng không có chỗ ở, ngài sẽ nói với vị Vissukamma: Hãy xuống dưới đó làm chỗ ở cho người ta, và làm sao cho thích hợp. Vị Thiên tử này sẽ xuống và suy tính: Ngài này xuất gia và ở một mình, giờ cần một chỗ ở là bao nhiêu, để ngài không bị mang tiếng là quá sang trọng, quá tiện nghi; một chỗ ở có chỗ đi kinh hành, có chỗ ngồi thiền, có hồ nước sạch đẹp v.v.... Vị Vissukamma thuộc hạng chuyên gia, vô địch trong việc tính toán này. Tại sao tôi nói nhiều về nhân vật này?

Vì Bà-la-môn giáo (Brahmanism) có nhân vật Vishnu là thần Kiến Tạo, tương đương với Vissukamma bên PG. Có sự liên quan về ngôn ngữ học (linguistic) giữa hai tên gọi của nhân vật này. Buổi đầu là chữ Vishnu, về sau từ khái niệm Vishnu của Ma Kiệt Đà người ta mới dựng nên Thần Kiến Tạo (Vishnu), còn Siva là thần Hủy Diệt. Nói cho đủ thì Brahma là sáng tạo, Vishnu là bảo trì, Siva là chuyên phá hoại. Hiểu theo kiểu bình dân thì ba vị thần này có thực, còn theo triết học Bà-la-môn thì ba vị thần này tượng trưng cho ba giai đoạn sinh - trụ - diệt của vạn vật, có sanh ra thì phải có biến mất. Sẵn giảng bài kinh này tôi nói luôn cho bà con học thêm cái mới. Vishnu được nói là thần Kiến Tạo nhưng thật ra cái gì hư hao thì vị này sửa chữa, bảo trì. Họ nói phải có đủ 3 vị này thì thế giới mới có mặt. Nếu không có Siva phá hoại thì mọi sự sẽ đứng yên; cái cầu, con đường phải hư người ta mới làm cái mới. Muốn có cái mới thì cái cũ phải có vấn đề, thế giới này là sự thăng trầm, thay đổi, luân lưu, nói gọn là: doanh hư, tiêu trưởng, phù trầm (chìm nổi, phát triển, còn mất, lên xuống). Ai học vật lý thì thấy âm thanh và ánh sáng theo đường gợn sóng (wave), có đỉnh có đáy, tương ứng bên Dịch lý của Tàu là âm và dương; lên là dương, xuống là âm. Phải có lên xuống, có âm dương mới làm nên sự tồn tại của vạn hữu và kinh Phật gọi là sự vô thường. Trên thế giới này vốn không có đường thẳng tuyệt đối, mặt đất cũng hình cong. Thước đo của thợ mộc bây giờ là thước laser, họ theo đường thẳng màu đỏ của ánh sáng đó mà vạch. Ba vị thần trong Bà-la-môn giáo chính là sự tượng trưng cho ba giai đoạn sinh - trụ - diệt của thế giới.

Sau khi hỏa táng ngài Kondañña xong xuôi, đám tang rất hoành tráng và điều đặc biệt xúc động là mấy ngàn con voi phục vụ trong đám tang này. Ngày hôm sau

chư tăng thu gom xá lợi đem về trình Phật. Ngài cầm xem xong và duỗi cánh tay, một ngôi bảo tháp màu bạch ngân (rajata, silver) xuất hiện và chính tay Đức Phật an trí xá lợi ngài Kodañña vào đấy. (Giống bên Bắc Tông, khi Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa, lúc đó có tiếng "lành thay" và xuất hiện một cái tháp Đa Bảo…). Đoạn này trong Chú giải:

"Punadivase" ngày hôm sau "aruṇuggamanavelāyameva" vào lúc bình minh "citakaṃ nibbāpetvā" đài hỏa táng đã rụi tàn rồi "sumanamakuḷavaṇṇānaṃ dhātūnaṃ parisāvanaṃ pūretvā" chư tăng đã thu gom xá lợi của ngài Kodañña. Những phần xá lợi có màu hồng đỏ như hoa lài, hoa lài màu trắng nhưng nhìn kỹ có phần màu hồng phấn ở trên. Chư tăng đem xá lợi đó "satthu hatthe ṭhapayiṃsu" đặt vào tay của Đức Phật. "Satthā dhātuparisāvanaṃ gahetvā", Đức Phật sau khi nhận lấy xá lợi đó, "pathaviyā hatthaṃ pasāresi", ngài duỗi cánh tay ra hướng về mặt đất, "mahāpathaviṃ bhinditvā" đất mở ra, "rajatabubbuḷasadisaṃ cetiyaṃ nikkhami", một ngôi bảo tháp màu bạc xuất hiện. "Satthā sahatthena", chính tay Bậc đạo sư "cetiye dhātuyo nidhesi" an trí xá lợi vào ngôi tháp đó.

'sahatthena': 'tự tay'

'dhātuyo nidhesi': 'an trí xá lợi'

'cetiye': 'vào ngôi tháp đó'.

Sự kết thúc bi tráng và buồn của một vị đại thánh, suốt đời chỉ vì là một người biết chuyện thôi mà bỏ hết mọi thứ đi vào núi sống với một bầy voi và cuối cùng ra đi trong một chiều thu trên đỉnh Bạch Mã Sơn.

MOGGALLĀNA (Moggallānasutta)

'Moggallāna': Mục-kiền-liên. Một ngày đó, ngài Vangīsa quan sát thấy có năm trăm vị La Hán đang ngồi hầu Phật. Nhìn thấy ngài Mục Kiền Liên đang quan sát nội tâm của năm trăm vị La-Hán tỷ kheo, ngài Vangīsa hoan hỉ quá bèn xin phép Đức Thế Tôn cho đọc lên bài kệ tán thán.

Trên internet người ta mới vừa cho mình một cuốn sách, đó là cuốn "Vangisa: An early Buddhist poet"(Vangisa, thi sĩ PG sơ thời). Bà con ai dịch cuốn này thì công đức vô lượng, cuốn này có thể mua trên amazon.com. Hình như có bản pdf và cho free download.

GAGGARĀ (Gaggarāsutta)

Gaggarā là một địa danh rất nổi tiếng của PGNT, đây cũng là nơi có cuộc kiết tập Phật ngôn đầu tiên nhưng không được kể. Thường thì ta chỉ nói đến kỳ kiết tập đầu tiên ở hang Sattapanna do ngài Ca Diếp chủ trì. Cuộc kiết tập ở Gaggarā không được kể là bởi vì trong suốt 45 năm hoằng pháp của Đức Phật và chư tăng lúc Đức Phật còn tại thế, kinh điển là do tùy duyên mà thuyết giảng. Bởi vì buổi sáng Đức Phật gặp một ông vua, Ngài giảng một thời pháp, buổi trưa Ngài gặp một kỹ nữ, Ngài giảng một thời pháp, buổi chiều Ngài gặp thằng ăn cướp, Ngài giảng một thời pháp, bữa nay gặp học giả, ngày mai gặp người không biết chữ, tạng Diệu Pháp ngài giảng trên cõi trời hạ thứ 7 để báo ơn bà Maya đồng thời tế độ hàng tỷ thiên chúng. Tạng Luật là những học giới Đức Phật quy định cho tăng ni, không liên quan gì Phật tử hết, tạng Kinh là những pháp thoại tùy duyên Ngài thuyết pháp cho các đối tượng khác nhau. Ngài chỉ nói chứ Ngài không có viết. Bên Bắc Tông, Trí Khải đại sư, tổ sư thiên thai tông Trung Quốc, người đầu tiên đưa ra học thuyết Ngũ Thời thuyết giáo. Tức là thời đầu Ngài thuyết kinh gì cho hàng Đại thừa bồ tát, thời nào Ngài thuyết kinh Tiểu thừa cho hàng Thanh văn v.v... Bên Nam Tông thì toàn bộ thời giảng của Đức Thế Tôn không có tính cách trình tự như vậy mà là tùy duyên hóa độ cho các đối tượng khác nhau. Lúc mới thành đạo sau 7 năm thôi, Ngài đã thuyết tạng Diệu Pháp. Mấy chục năm về sau Ngài lại thuyết những đề tài khác mềm hơn. Cũng ngay thời điểm mới vừa thành đạo, Ngài thuyết đủ hết, kinh Vô Ngã, kinh Tứ Diệu Đế, kinh về Lửa, kinh về Sáu Căn, rõ ràng là không phân biệt thời kỳ mà chỉ có tùy đối tượng mà Ngài giảng cao thấp, sâu rộng.

Khi Phật ngôn được thuyết giảng cho nhiều hoàn cảnh, nhiều đối tượng khác nhau như vậy, lại không có chữ viết, nên rất rời rạc, chư tăng mỗi người thọ trì được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Lúc bấy giờ ông Nigantha Nataputta là một giáo chủ trong Lục Đại Môn Phái của Jina (Kỳ Na Giáo) (đừng nhầm Lục Đại Môn Phái của Kim Dung nhen, mà là của Ấn Độ), trong sáu ông, quan điểm của ông này gần giống như Phật Giáo.

‘Jina’: ‘Kỳ na’ = ‘Mahavira’: đại hùng

‘Nigantha’ (Tàu âm là Ni Kiền Tử): nghĩa là “không có gì trói buộc”. Họ chủ trương thuyết nghiệp báo và kêu gọi sống hồn nhiên như cây cỏ chim muông để trở về với thiên nhiên. Ông Nigantha này trước khi mất gọi một người đệ tử và nói: Ta đã một đời sai lầm, vạn hữu đều là vô thường nhưng ta không muốn làm

nhiều người phải thất vọng, muốn họ có niềm vui để hành đạo tu hành theo ta nên đã nói có một linh hồn bất biến, nhưng thật ra Sa-môn Cù Đàm nói mới đúng: hễ có sanh thì có diệt, sau khi ta đi thì con hãy về với Ngài. Câu chuyện về Nigantha đã làm nguồn cảm hứng cho tôi viết câu chuyện Lãng Minh. Lãng là sóng, minh là tiếng vang. Trước khi mất, ông Nigantha này muốn giải tán đạo của ông. (Giống như ngày xưa ông Jeddu Krishnamurti khi người ta mời làm giáo chủ Thông thiên học, hội Ngôi Sao Đông Phương). Biết đệ tử không đành lòng nên chính ông phải gây sự chia rẽ, vì vậy sau đó ông gọi thêm người đệ tử thứ hai và nói ngược lại với những gì đã nói với người thứ nhất. Đây là chuyện sau cùng mà ông làm, ý ông muốn là giải tán môn phái, nếu không giải tán được thì cũng làm suy yếu cái môn phái mà ông nhận ra là tào lao. Phải nói đây là tấm lòng rất là đẹp của ông. Ông không có cái gan để về với Phật, nhưng trước khi đi ông đã để lại trái bom hẹn giờ để phá hủy công trình mà ông biết là tào lao. Thế là sau khi ông đi rồi hai người đệ tử trưởng phó mâu thuẫn nhau, đệ tử một số theo Phật, một số ở lại chia ra làm hai nhóm: Setambara (bạch y) và Digambara (thiên y: lõa thể, tout nude, naked). Muốn biết thêm thì vào google đánh chữ "sadhus" (hiền giả) hoặc "naked sadhus". Họ chủ trương như vậy vì họ nói còn mặc vải là còn quá trình sát sinh và tốn mồ hôi công sức của người khác, còn may cắt là còn sát sinh. Họ cất nhà sao cho có những luồng gió thổi vào tự sạch, khỏi quét nhà; ăn mặc ở và thuốc men đều ở mức độ tối giản, minimum; nghĩa là càng bày ra chừng nào càng hại đời chừng đó. Nhóm thứ hai thì quan điểm nhát hơn một chút, trụi lủi cũng kỳ, nam mới tu được, nữ hổng tu được, họ giữ lại màu trắng (bạch y), vì đó là màu rốt ráo sau cùng, màu trắng tự nhiên không phải nhuộm, không thêm không bớt gì hết. 'Gantha' là 'dính mắc', 'Nigantha'(Ni-Kiền-Tử) là 'không dính mắc'. Giáo chủ tên là Jina (Tàu âm là Kỳ Na) = Jain, nên còn gọi là đạo Jain, Kỳ Na Giáo.

Khi ngài Xá Lợi Phất thấy cảnh Nigantha chết rồi và đệ tử chia phe rẽ phái nên ngài suy nghĩ, mai này Thế Tôn cũng sẽ có lúc ra đi và lúc đó đệ tử của Đức Phật cũng sẽ tan đàn xẻ nghé. Ngài Xá lợi Phất xét thấy nhiều kinh quá dài, khó nhớ, nên đã giảng kinh Thập Thượng (Dasuttarasutta), trong Trường Bộ, bên bờ hồ Gaggarā ở Campā. Nội dung kinh là thu gọn toàn bộ giáo lý vào một kinh, tất cả được sắp xếp theo hệ thống số đếm, từ nhỏ đến lớn, thí dụ Danh Sắc là hai, Tham Sân Si là ba, Tam Tướng là ba, Tứ Diệu Đế, Tứ Như Ý Túc là bốn v.v... rồi để vào nhóm theo hệ thống số 2, 3, 4… Dị bản của kinh đó là Kinh Phúng Tụng (Sangitisutta), chữ 'Sangiti' này được dịch là 'Kiết Tập'. Đúng ra nên dịch là Kinh Kiết Tập (thu gom) nghe mới quen, nhưng trong Hán Tạng người ta dịch là

Kinh Phúng Tụng nên ngài Minh Châu dịch theo. Trong Trường Bộ Kinh, hai kinh này (Kinh Phúng Tụng và Kinh Thập Thượng) được xếp cạnh nhau, được giảng tại bờ hồ Gaggarā, Campā. Chỉ có tên địa danh này thôi mà cho ra một rừng vấn đề nổi tiếng.

Lúc bấy giờ ngài Vangīsa thấy hình ảnh Đức Phật ngồi giữa chư tăng đẹp quá nên ngài xin phép Thế Tôn cho ngài đọc một bài kệ cảm hứng, và Chú giải cũng không nói gì nhiều. Trong chánh kinh có câu Lúc bấy giờ ngài Vangīsa thấy hình ảnh Đức Phật ngồi giữa chư tăng đẹp quá nên ngài xin phép Thế Tôn cho ngài đọc một bài kệ cảm hứng, và Chú giải cũng không nói gì nhiều. Trong chánh kinh có câu "Giữa đại chúng ấy, Thế Tôn chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng".

'Vanna': 'quang sắc' (vẻ ngoài màu da và hảo tướng)

'Yasa': 'danh xưng'. ám chỉ cho uy phong của Ngài, có đại chúng vây quanh

VANGĪSA (Vaṅgīsasutta)

Bài kinh này nói về ngài Vangīsa. Sau khi ngài đi xuất gia và chứng quả không bao lâu, ngài đọc bài kệ nói về bản thân mình, và xác nhận có một thời mê thơ, bây giờ hết rồi, chỉ dùng thơ để nói về đạo, chuyển tải chánh pháp mà thôi, không như ngày xưa nữa. 'Kaveyya': 'thi, thơ' (poem). 'Kavi': 'thi sĩ' (poet)

Đọc cái này tôi mới nhớ câu chuyện của Sơn Nam ngày xưa, có ông võ sư dạy võ cho đám thanh niên. Về sau khi Tây đánh VN, thấy Tây có súng ống tối tân, ông buồn, kêu thanh niên học trò tới nói: Ngày xưa tưởng mình học võ để giúp đời cứu nhân độ thế, giờ thời buổi súng ống, võ thuật không xài nữa, trường côn thì không thể dùng đem đi đánh giặc, nếu mấy con thích thì đem gậy đi chẻ củi nấu cơm coi như đóng góp của thầy. Tôi đọc mà ngậm ngùi cho cái thời mạt của Nho học, thời mạt của nền văn hóa cổ xưa. Tôi đọc bài kệ Vangīsa này tôi chợt nhớ Sơn Nam, ở đây cũng vậy, ngài nói "ngày xưa ta có một thời mê thơ ta đi lang thang làm một du sĩ, nhưng thôi bây giờ ta đã về với Phật rồi thì những dòng thơ xưa bây giờ chỉ dùng để chuyển tải diễn đạt chánh pháp chứ thơ đã chết trong lòng từ thuở ấy rồi. Cư sĩ, tu sĩ mà ham làm thơ thì nên đọc lại đời của nhân vật này, giờ đây chỉ dùng thơ để nói đạo.

Bài kinh này chỉ kể về đời ngài Vangīsa, cách đây một trăm ngàn đại kiếp, ngài gặp Phật Padumuttara, thấy vị Phật đang tán dương người đệ tử Đệ nhất về ứng

khẩu, ngài mới làm phước nguyện đời sau mình cũng được vậy, nhờ vậy mà đến đời Phật Thích Ca, trải qua 100 ngàn đại kiếp luân hồi, tu tạo Ba-la-mật, ngài sanh ra làm con của một du sĩ (paribbajaka: religious wanderer). Du sĩ là người lang thang theo một lý tưởng tôn giáo nào đó. Hiện giờ ở Âu Mỹ cũng nhiều lắm, họ tin Chúa nhưng không vô nhà thờ, họ không ở nhà mà lang thang sống bờ sống bụi, xin ăn; họ có từng đi làm, nên họ sống bằng bảo hiểm trợ cấp xã hội. Họ nghĩ phải sống như vậy mới gần với Chúa hơn. Ấn Độ hồi đó cũng vậy, họ thờ ông Thần ông Táo gì đó rồi sống lang thang. (‘paribbajaka’: ‘nam du sĩ’, ‘paribbajika’: ‘nữ du sĩ’). Một ông nam du sĩ đi lang thang gặp nữ du sĩ cũng lang thang, hai tâm hồn lớn gặp nhau, hai trái tim cùng đập một nhịp, họ đã cùng nhìn về một hướng, tay nắm tay và đi lang thang, cuối cùng sinh ra ngài Vangīsa. Ngoài chuyện học được tất cả những kinh nghiệm tranh luận tôn giáo triết học thừa hưởng của cha mẹ, ngài còn học thêm một món gọi là “độc chiêu bí kíp”, đó là bộ môn thần chú sọ người (chavasisamanta)

‘Chavā’: ‘xác chết’ (corpse)

‘Sisa’: ‘đầu’ (head, skull)

‘Manta’: ‘bùa chú’ (charm)

‘chavasisamanta’: thần chú sọ người.

Nếu ai đi xa quá thì thôi, còn tái sanh gần thì ngài gõ vào cái sọ và biết tái sanh ở đâu, khi gặp Phật thì ngài xin đi xuất gia và thành vị Đệ nhất ứng khẩu rồi trở thành A-la-hán. Bây giờ cũng tám rưỡi rồi, tôi đã giảng hai tiếng rưỡi đồng hồ, ráng cho xong giờ đã xong rồi, chào các vị, xin gặp lại nhau vào ngày thứ Năm.#NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 2-10-2014 CHƯƠNG IX. TƯƠNG ƯNG RỪNG

VIỄN LY (Vivekasutta)

Có một chuyện mà tôi nghĩ rằng phải mất chút xíu thời gian để nói ở đây, đó là có những người trong room mà tôi e rằng họ cũng có hơi chút khó chịu, hơi chút phản cảm khi nhìn thấy chương này toàn nhắc đến chư thiên, thấy có vẻ như huyền hoặc khó tin. Thôi thì tôi dành thời gian ba nốt nhạc để nói về chuyện này. Ở đây chúng ta trên mười tám tuổi hết và tối thiểu cũng có tú tài để mình biết một hai chuyện hơi sơ đẳng, hơi căn bản, đó là vạn vật trong trời đất này có nhiều thứ nhiều loại, và trong đó không phải cái gì mình cũng có thể dễ dàng thấy nghe theo cách thông thường. Ví dụ như mình thấy sự tồn tại và sự vận hành của các vi hạt vật chất như là điện tử (electron), quang tử (photon), phân tử (neutron), dù rất nhỏ nhưng nó cũng vận hành theo quỹ đạo (orbit) nhất định như mặt trăng, mặt trời, trái đất vậy. Cái sự vận hành, hoạt động của những vi hạt vật chất đó nhỏ đến mức mình khó có thể hình dung ra, tưởng tượng ra, nhưng nó thật sự vẫn tồn tại. Rồi thì những hình thức như là vi trùng (virus), vi khuẩn, (bacteria) mấy thứ tạm gọi là loài vi sinh, loài nào bắt đầu bằng chữ micro phải sử dụng đến những phương tiện rất hiện đại tối tân mình mới có thể thấy được. Chưa hết, có thể có những thứ vật chất trong đời sống thường ngày của mình mà trọng lượng kích thước của nó cũng rất nhỏ nhiệm. Khi mua gạo, mua thức ăn, mua trái cây, người ta cân bằng cân tấn cân tạ, cân yến, nhưng mua vàng hay thuốc bắc thì cân bằng cân tiểu ly, loại cân để cân những thứ nhỏ xíu. Vạn vật trong trời đất này có vô vàn những thứ mà chúng ta không thể dễ dàng nhận biết bằng mắt, bằng tai, bằng mũi bằng những giác quan thông thường. Chư thiên là một hình thức tồn tại của những chúng sinh nằm ngoài khả năng nhận biết của mình, chỉ đơn giản vậy thôi. Nếu các vị có hỏi tôi chư thiên và những chuyện siêu hình có hay không, tôi trả lời, mình không thể chứng minh là có, nhưng cũng không thể chứng minh là không, vì vậy đừng có bác. Tôi chỉ rào nhẹ nhẹ vậy thôi, đối với những ai có chút nghi ngờ khi nghĩ về chư thiên, thiên nhân, những loài khuất mặt,thì nhớ chừng nhiêu đó thôi, đó chỉ là những loại chúng sinh chia sẻ không gian với mình một cách dễ thương nhất mà mình không ngờ được. Theo mô tả trong kinh, có loại chư thiên gọi là Samacitta Deva có thể cộng sinh hàng trăm vị trong một hạt đậu. Chuyện cũng đáng suy nghĩ, nhóm chúng sinh tạo nghiệp giống nhau, suy nghĩ giống nhau, hành trạng giống nhau, khi sanh vào loài nào đó thì cộng trú với nhau một cách dễ dàng. Vì họ là sắc tế nên họ có thể dễ dàng sống chung với nhau trong một không gian cực kỳ nhỏ bé, hạn chế, hạn hẹp mà chúng ta không tưởng được. Ai có đọc sách về hải dương học thì mới biết có những luồng cá đi thành

một khối tròn có đường kính cả trăm mét vậy. Người Nhật có phương tiện máy móc họ phát hiện ra những luồng cá như vậy và đưa ra đánh giá là luồng cá này đủ lớn để đánh bắt hay không, như một mẻ lưới và không biết bao nhiêu tấn. Đó là những chúng sinh có tâm tư sở hành giống nhau. Từ chỗ tương đồng dẫn đến sự cộng sinh, cộng nghiệp và cộng hưởng. Có những bầy ong, kiến, mối, hàng triệu con mà sống chung với nhau trong không gian thật là hẹp, chư thiên cũng vậy thôi. Mấy loại virus có thể trong bãi nước bọt không biết bao nhiêu con mà nói. Trong cái bóp đầm phụ nữ, bàn phím, nắm cửa, số lượng vi khuẩn trên đó không biết bao nhiêu mà nói.

Đời sống chúng ta luôn có sự dòm ngó, đôi khi là chăm sóc hoặc phá rối của vô số các loài chúng sanh mà mình không thấy, luôn có sự can thiệp vô tình hay hữu ý, tích cực hoặc tiêu cực, gián tiếp hoặc trực tiếp từ vô số chúng sinh khác. Đây là lý do tại sao Đức Phật dạy mình phải sống chánh niệm, sống an trú với từ tâm: thứ nhất phải luôn huân tập công đức, phát triển hạnh lành và trí tuệ để chứng thánh; thứ hai là khi nào sống trong tỉnh thức và yêu thương thì mới hạn chế được những động thái, động tác có nguy cơ phương hại đến chúng sanh khác, ví dụ, hắt tạt nước sôi, đào cây nhổ cỏ một cách không cần thiết. Nếu những động thái, động tác đó mà ảnh hưởng đến loài khác thì những loài khác cũng có thể ảnh hưởng đến mình, chuyện rất dễ hiểu, rất khoa học. Mình nhổ nước bọt, búng tàn thuốc, ném miếng giấy, bịch nylon, mình nghĩ là không đáng gì nhưng nếu cả phường ấp quận xã ai cũng nghĩ không đáng gì rồi ai muốn làm gì thì làm thì cả một địa phương cả một đất nước toàn rác không. Nhờ mình có một nhận thức, có niềm tin vào sự hiện diện của vô số chúng sanh khác và mình có nhận thức rõ ràng của cá nhân đối với đại chúng và đại chúng đối với cá nhân từ đó mình sống có trách nhiệm hơn. Chư thiên cũng vậy, mình sống trong sự dòm ngó của họ, họ có thể phá rối mình, họ có thể giúp đỡ mình, chuyện đó rất bình thường. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật dạy: Ai có lòng thương tưởng, nghĩ nhớ đến chư thiên bằng thiện tâm thiện ý thì chư thiên cũng sẽ nghĩ tưởng đến họ bằng thiện tâm, thiện ý, tình thương và sự chăm sóc. Sống trong một tâm hồn đẹp hướng về chúng sanh thì tự nhiên sẽ nhận được phản hồi rất đẹp từ chúng sanh, muốn người ta cư xử với mình ra sao thì mình phải cư xử với người ta như vậy. Chúng ta phải tin là có một từ trường nhất định, một sự ảnh hưởng rõ ràng giữa mình với người khác và từ người khác đối với mình, đừng tưởng mình có ác tâm ác ý trong lòng không ai biết. Nếu ác tâm ác ý trong lòng diễn ra trong nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm thì sẽ tạo ra từ trường xấu tác động chung quanh mà mình không ngờ được. Hôm nay người ta có làm những thử nghiệm rất là độc

đáo đó là sự kết hợp của những nhà tâm lý học, vật lý học, họ xét thấy rằng có sự ảnh hưởng tác động nhất định từ con người tới cây cỏ. Người chơi lan mỗi ngày chăm sóc tưới tẩm thì khi đứng gần nó, giữa mình và nó có sự tương tác qua lại rõ ràng. Nếu mình chặt đốn bứt bẻ nó thì khi mình đứng gần cây đó nó sẽ có những phản ứng sinh học (biological reaction) mà mình không ngờ được, nghĩa là tự nhiên khiến cho tế bào thân nhánh cành lá củ rễ của nó có những phản ứng đối với mình rất khác so với người từng chăm sóc nó, đây là vấn đề từ trường.

Vị tỷ kheo này sống một mình, tu hành đàng hoàng nhưng thỉnh thoảng có những suy nghĩ thế tục. Chữ "liên hệ gia đình" mà ngài Minh Châu dịch ở đây là chữ 'Gehanissita'

'Geha': 'nhà'.

'Nissita': 'liên quan', 'liên hệ', 'y cứ', 'tùy thuộc' (relation, depending on)

'Gehanissita': 'thế tục', 'xã hội', 'cuộc đời', 'trần thế'

Một hành giả dù cư sĩ hay xuất gia mà cứ nghĩ cái này cái kia thì cũng không tốt. Như bản thân tôi, có chút ưu thời mẫn thế khi nghĩ về dân tộc đất nước, có chút cảm hoài chút khó chịu ưu tư khi nhìn về tình hình đất nước. Mấy hôm nay tôi quan tâm nhiều về biểu tình dân chủ ở Hongkong, quan tâm đặc biệt sâu sắc. Trước đây không lâu là vấn đề của Bangkok, bây giờ là vấn đề của Hongkong, tôi mong tình hình châu Á ngày một khá hơn. Tôi mong người dân các xứ biết nghĩ đến dân chủ và hành động dân chủ, tôi mong chuyện đó tạo nên sức ép tích cực lên những nhà cầm quyền để họ thay đổi cách nhìn và thay đổi cách làm việc, chớ còn vinh thân phì gia sâu dân mọt nước, bán cả quyền lợi dân tộc đất nước quần sanh, đổi lấy tiền bạc cho vợ mình đi thẩm mỹ, cho con mình ăn nhậu mua xe thì mấy cái đó dã man mọi rợ và thiếu tính người quá đi. Chớ còn thật ra những suy tư như vậy không tốt cho người tu hành có lý tưởng giải thoát vì nó thuộc về 'gehanissita'.

Chúng ta quen miệng thường gọi "một vị chư thiên", gọi vậy là không đúng. 'Chư' là nhiều, tối thiểu từ hai vị trở lên. Ở đây phải gọi là một vị thiên nhân, một vị phi nhân, thọ thần, sơn thần tùy chỗ. Trong tiếng Pāḷi, chữ 'nhiều' là 'aneka' (an+eka), nghĩa là không phải là một (eka) thì gọi là nhiều. Vị thiên nhân này nhìn thấy vị tỷ kheo sống bằng nội tâm như vậy nên tìm cách nhắc nhở. Bài kinh này mở ra cho mình nhiều vấn đề. Mưa rơi xuống từ trên trời không phân biệt nơi chốn, nhưng không phải nơi nào cũng nhận lợi ích từ nước mưa, ví dụ sân xi

măng hay tấm nhựa thì mưa chỉ làm sạch thôi, còn miếng đất đã dọn cỏ gieo mầm thì mưa xuống sẽ làm cho cây phát triển, còn nếu chưa dọn sạch còn đầy cỏ dại thì mưa xuống chỉ làm phát triển cỏ dại. Chung quanh mình là bao nhiêu chúng sinh, chung quanh mình có biết bao nhiêu bài học để học, nhưng nếu mình không có khả năng đón nhận bài học đó thì cũng chỉ là tấm nylon hay sân xi măng mưa xuống trớt quớt thôi. Chung quanh mình có thể là chư thiên, hoặc nhân loại, sách báo hoặc chiếc lá vàng, một con chim, một con gà, hay con bò gì đó, bất cứ hình ảnh nào, bất cứ câu nói nào của thiên hạ cũng có thể là bài học hay cho mình, nhưng mình không cảm nhận được bởi vì lòng mình không mở ra, không sẵn sàng. Đức Phật dùng hình ảnh rất đẹp: Cánh cửa bất tử đã mở ra, ai có mắt hãy nhìn, ai có tai hãy nghe và có trí hãy suy nghĩ là vậy đó.

Ở đây chúng ta thấy vị tỷ kheo này phải sống thế nào đó mà vị thiên nhân mới có lòng nhắc nhở, chứ mình trơ trơ gỗ đá ai thèm nhắc. Mỹ có câu: "Không ai đá đầu con chó chết". Nghĩa là xác chết rồi thì không có tác dụng nữa. "Có người chết rồi mà chưa chôn, có người chôn rồi mà chưa chết". Chết rồi mà chưa chôn nghĩa là mình sống mà không có khả năng học hỏi, không có khả năng chia sẻ, sống không có đóng góp, không đem lại lợi ích cho ai, sống chỉ là góp mặt chớ không đóng góp, và cái chết của người như vậy chỉ là sự vắng mặt chớ không phải là sự mất mát cho đời. Sống như vậy thì hoang phí một kiếp người. Mình phải sống làm sao để có thể cùng một lúc là một người thầy giỏi để dạy người khác và là người trò giỏi để học người khác; mình có thể là người bạn tốt cho người khác, mình có thể là một đại dương cung cấp hơi nước cho thế giới và cũng là chỗ thu nhận những nguồn nước của thế giới. Sống biết cho và biết nhận như vậy mới là tuyệt, là đời sống theo chính pháp. Trang Tử có nói: Chỗ thấp nhất trên mặt đất và mênh mông nhất trên trái đất là biển, vì biển thấp nhất nên biển đón nhận hết. Mình phải sống làm sao có thể đón nhận cái hay cái đẹp từ nhân gian, vị tỷ kheo này phải sống làm sao đó mà chư thiên mới để ý mà nhắc, và con người mình cũng phải sống làm sao đó để khi người ta nhắc mình có ân triêm lợi lạc từ những nhắc nhở đó. Bài kinh này sâu ở chỗ đó chớ không phải đơn giản là kể chuyện có một ông sư tu không ra làm sao rồi có người ta nhắc. Mình phải dọn đất như thế nào để mưa xuống mình mới được lợi lạc. Mình phải có được khả năng như thế nào đó mới bắt được tần số làn sóng của những bậc hiền trí trong đời. Mình phải sống làm sao mà chư Phật hiền thánh ra đời, gặp các ngài mình được lợi ích liền. Chứ còn như ông đồ tể Cunda trước chùa Kỳ Viên mấy chục năm mà chư Phật chư Thánh đi ra đi vô mòn đường mà suốt mấy chục năm ổng chả hề nghe một câu pháp, chẳng cúng dường bát cơm muỗng cháo nào

hết thì uổng lắm. Tôi để ý có nhiều sách Phật tiếng Việt hoặc nhiều vị pháp sư kể chuyện ông đồ tể Cunda này có một câu này nói hoài: "Ông đồ tể này hành nghề trước cổng chùa 55 năm". Các vị hãy tưởng tượng, Bồ tát thành đạo xong thành Phật, trụ thế độ sinh có 45 năm; chùa Kỳ Viên được hình thành xây dựng rất sớm thì có thể là 40 năm, nếu ông này hành nghề 55 năm thì có thể là ổng hành nghề trước khi Ngài thành đạo hoặc kéo dài sau khi ngài Niết-bàn. Khi mình kể thì việc gì mình nói 55 năm trời ông không đi chùa, không cúng dường, con số này phải bớt lại. Phật ở chùa Kỳ Viên chỉ 19 năm thôi, cũng không liên tục, vì vậy mình phải nhớ những chuyện nhỏ nhỏ như vậy. Có những vị pháp sư thờ ơ, kể chuyện trong kinh mà cứ kể tùy thích, ví dụ ngài Xá Lợi Phất đến thăm bệnh ông đao phủ, ông này cả đời đi chặt đầu người ta nên lúc hấp hối ổng sợ. Sợ chứ, bình thường không sợ nhưng lúc sắp đi thì một là tiếc nuối, hai là sợ hãi, hoang mang nghi hoặc không biết đi về đâu. Khi ngài Xá Lợi Phất đến thăm bệnh, ông nói ông sợ. Ngài Xá Lợi Phất nói: Chuyện ông giết là tự ông hay ai sai khiến?

Ông đao phủ trả lời: Dạ theo lệnh vua, y án theo quy định pháp luật thôi, chớ con hứng thú gì mà đi chặt đầu người ta.Ngài Xá Lợi Phất nói: Nếu không phải do ông mà do người khác thì tại sao ông phải sợ. Ở đây ngài Xá Lợi Phất không nói là "không có tội". Nhưng nhiều vị pháp sư kể lại thì cho ngài Xá Lợi Phất trả lời: Nếu không phải ông chặt thì đâu có tội đâu, vì do lệnh vua mà.Trường hợp này không phải là không có tội, dù có an ủi phủ dụ trấn an người ta cũng phải nói cho chính xác, ngài không nói là không có tội mà ngài nói là đừng có sợ.

Tóm lại nội dung bài kinh này là vị tỷ kheo sống làm sao để nhận được sự nhắc nhở của người khác. Vấn đề chưa dừng ở đó, khi nhận được sự nhắc nhở của người ta mình có sửa đổi hay không, đó là chuyện khác nữa. Lời giải thích này cho bài kinh đầu tiên cũng là lời giải thích chung cho những bài kinh sau của chương này. Những bài kinh sau cũng có nội dung tương tự như vậy, nghĩa là một vị tỷ kheo nào đó trong đời sống có vấn đề nào đó, hoặc do chư thiên hiểu lầm rồi nhắc nhở cũng có. Chẳng hạn có một vị thiên nhân nhắc mà không biết người mình muốn nhắc là vị A-la-hán. Sẵn đây mình học được một bài học nữa, đừng nghĩ phi nhơn họ có thần thông thì cái gì họ cũng biết, cái này không chắc. Bằng chứng là trong đây có nói rõ, có những vị trong đây là A-la-hán, mà vị thiên nhân không biết nên họ vẫn nhắc. Vì vậy nhiều khi mình cứ nghĩ là có thần thông, có tha tâm thông thì cái gì cũng biết, vậy là không đúng. Mình học kinh có cái lợi là nó mở ra cho mình những vấn đề mình hiểu lầm, hoặc soi rọi những vấn đề tồn nghi trong lòng mình từ bao lâu nay, có nhiều cái mình hiểu sai hoặc hiểu

chưa tới, chưa đủ sâu chưa đủ rộng, chưa đủ đúng. Nhờ nghe, nhờ học, nhờ đọc thêm mình có thể kịp thời bổ sung sửa chữa những chỗ cần thiết.

"…Các bụi trần dục vọng,

Như chim, thân dính bụi,

Rung thân khiến bụi rơi..."

Bài kệ này hình ảnh rất là đẹp, vị Trời nhắc vị tỷ kheo: Mình là người xuất gia giống như một con chim, mình làm sao mà những phiền lụy của trần gian đối với mình chỉ là những hạt bụi trên cánh của một con chim thì như vậy mới là tốt; chứ nếu như mình là một con heo trong chuồng, con trâu con bò trong vũng sình, để cho cái dơ đối với mình nặng nề và nhiều như vậy thì quá tệ. Con chim thì nhỏ, lông vũ thì vốn waterproof, không dính nước, nhiều lắm chỉ dính bụi thôi. Con chim lại bay lên trời, chỗ nhiều gió nên khả năng dơ không có nhiều. Hình ảnh này rất đẹp, mình là người xuất gia phải làm sao hệ lụy của cuộc đời đối với mình phải ít và dễ giải quyết. Cái hay của ví dụ này nằm ở chỗ đó.

SĂN SÓC HẦU HẠ (Upaṭṭhānasutta)

Các vị để ý, bài nào không có câu kết bằng văn xuôi thì vị tỷ kheo trong kinh đó là La-Hán (chỉ trong chương này thôi). Câu kết bằng văn xuôi chẳng hạn như: "Vị Tỷ-kheo ấy được vị Thiên cảnh giác, tâm hết sức xúc động." Vị đó có thể là Tu-đà-hoàn, như ngài Ananda, khi được nhắc như vậy tâm hết sức xúc động. Chú giải có nói thêm, xúc động (saṃvegamāpādī) ở đây nghĩa là động tâm và nỗ lực hơn, nghe xong có tàm có úy, nhớ lại chuyện mình phải làm, 'uttamavīriyaṃ': trở nên tinh tấn hơn, 'paramavivekaṃ':sống chuyên cần độc cư hơn, 'Maggameva paṭipannoti': hành đạo chuyên tâm hơn, chớ không phải xúc động là sốc, nghe người ta nói rồi thấy quê, thấy tự ái. Bài kinh thứ hai này là vị A-la-hán. Vị La-Hán chỉ có cảm giác mỏi của thân xác, không có trạng thái tâm lý biếng lười mê ngủ. 'Kāyadaratha': sự mệt mỏi cần nghỉ ngơi của thân xác. 'Thinamiddha': hôn trầm thụy miên, đây là sự buồn ngủ, lờ đờ mơ màng của tâm lý, thích ngủ, thấy ngủ ngon, Vị A-la-hán không có hôn thụy, chỉ có sự mệt mỏi cần nghỉ ngơi của thân xác, không có thấy bực mình khi phải thức sớm hơn mình muốn. Chỉ có Thanh văn và Độc Giác mới có giấc ngủ dài như người bình thường. Phật Toàn giác thì phần lớn thời gian nghỉ ngơi là nhập thiền Chỉ hoặc trú niệm, còn tâm Hữu phần (bhavanga) chỉ xen kẽ với số lượng nhiều hay ít mà thôi, không đủ tạo nên cái gọi là giấc ngủ. Cái này tôi giảng theo A-tỳ-đàm, bắt buộc giảng chuyên

môn phải nói thôi chứ không tin bà con có thể hiểu hết. Bhavanga là tâm chủ quan, tâm hữu-phần hay còn gọi là tâm hộ kiếp, tâm này là tâm quả từ quá khứ. Khi mình tạo nghiệp thiện ác gì đó thì nó tạo ra hai quả: 1. Quả tái tục (tức tâm đầu thai cho mình đi tái sinh chỗ này chỗ kia), 2. Quả bình sinh (bình nhật). Lúc mình sống, đời sống tâm lý của mình là một chuỗi dài của vô số sát na, khi mình biết cảnh từ bên ngoài thì sẽ xuất hiện một loạt (process) tâm lộ vīthi, tối đa là 17 tối thiểu là 3 hay 4, chỉ có rúng động hoặc khai ý là hết, cảnh cực nhỏ. Khi nào có cảnh cần biết thì tâm khách quan xuất hiện để nó biết. Nếu không có cảnh từ bên ngoài thì lúc bấy giờ tâm đầu thai của mình (không phải là một) nó tồn tại một sát na rồi diệt. Đầu đời của mình thì nó đóng vai trò là tâm tái tục, nhưng sau đó chỉ trong một sát na thì nó biến mất; loại tâm tương tự như vậy xuất hiện, đóng vai trò hữu-phần, để chiếm phần lớn thời gian trong đời của mình. Khi nào mình ngủ, mình ngất xỉu thì nó xuất hiện, còn không thì nó xuất hiện xen kẽ giữa các tâm lộ khách quan để mình biết ngoại cảnh. Đối với vị Độc Giác, Thanh văn và tất cả những người còn lại thì có thể do mệt mỏi hoặc hôn trầm thì loại tâm này có thể xuất hiện hàng giờ hoặc nhiều giờ, hoặc một ngày hai ngày liên tục để tạo những cơn hôn mê sâu, hoặc những giấc ngủ sâu, hoặc giấc ngủ ngắn. Riêng chư Phật Chánh Đẳng Giác thì không, thời gian những tâm hữu phần này xuất hiện ở các ngài không đủ nhiều để gọi là một giấc ngủ, các ngài chỉ nghỉ ngơi bằng cách nhập thiền Chỉ hoặc nhập thiền Quả hoặc Trú niệm. Đối với người trí nhanh thì khoảng cách giữa hai tâm lộ, tâm hữu-phần xen kẽ ít, trí càng chậm thì sát na hữu-phần càng nhiều. Đức Phật chỉ có 3, những vị như ngài Xá Lợi Phất, Ānanda thì có thể đếm được còn người bình thường thì đếm không được.

Vị thiên ở đây nhìn thấy vị tỷ kheo này nằm ngủ, vị này có ý trách tại sao vị tỷ kheo này nằm ngủ như vậy. Bài kệ này có một dị bản như vậy. Ở đây là "ko attho supitena te". Dị bản kia là: "Uṭṭhahatha nisīdatha ko attho supitena vo"; (vo- số nhiều): xin các vị hãy ngồi dậy, ngủ như vậy có lợi ích gì. "Aturananhi ka nidda" đối với người đang bị bịnh phiền não, ngủ như vậy chỉ mất thì giờ, chỉ kéo dài thời gian sinh tử thôi. Ở đây thì bài kệ y hệt như vậy nhưng sửa thành số ít, chẳng những vậy còn sửa lại một hai câu ngắn ngắn.

"Uṭṭhehi bhikkhu kiṃ sesi, ko attho supitena te"; Hãy thức dậy sư ơi sư, ngủ vậy để làm gì, ngủ vậy có lợi ích chi đâu. Tại sao ở đây tôi đề cập bài kinh kia. Bởi vì bài kia[1]trong Kinh Tập (Suttanipāta) là bài kinh nổi tiếng bên Tích Lan. Buổi sáng thay vì đánh chuông, họ cho vị nào lớn giọng đọc bài kinh đó cho cả chùa nghe, giống như la, như hô canh vậy. Nghe rất là xúc động. Cái này tôi chỉ đọc báo thôi chứ tôi chưa đi Tích Lan. Thay vì tiếng chuông thì đây là một lời cảnh

tỉnh, nhắc nhở. Bản thân tôi không phải là hành giả, thiền sư, những khi khẩn cấp phải thức dậy tôi khó chịu lắm, nhưng thời gian mấy năm gần đây tôi có nhớ một chuyện: mình sống được bao lâu. Nhớ vậy là tỉnh liền. Mỗi lần ham ngủ, ngủ ngon quá đi, khi đến buổi giảng, tôi không nghĩ đến Phật tử, không nghĩ đến trách nhiệm, không nghĩ đến gì hết, chỉ có một cách tỉnh là nghĩ mình còn sống được bao lâu, thế là tỉnh liền. Một phần ba cuộc đời mình là ngủ. Hai mươi năm đầu đời trẻ người non dạ, ăn chưa no lo chưa tới. Hai mươi năm tiếp theo, đi học đại học, ra nghề, làm lụng kiếm tiền. Hai mươi năm nữa là sống được tới 50 là chuẩn bị hưu, giai đoạn rong chơi giảm dần. Sau 60 thì cũng hết xài. Trong 60 năm đó một ngày mình ngủ bao nhiêu, tính ra thấy khiếp lắm, vì vậy vị Thiên này nhắc: Đối với một người đang bị bệnh, đối với một người đang trúng tên, đối với một người đang sinh tử thì giấc ngủ chỉ làm mất thời gian. Chỉ kéo dài thời gian sinh tử thôi. Thế nhưng vị Thiên này không biết cái người mình nhắc đó là một vị A-la-hán. Vị A-la-hán không cần lời nhắc này, nhưng dù sao bài kinh này rất đáng để cho chúng ta suy ngẫm về giấc ngủ của mình. Mình đang có mặt trong giấc ngủ lớn, muốn tỉnh dậy thì phải từ bỏ giấc ngủ nhỏ.

Bài kệ này ý nói một người xuất gia thì đừng để cho sự mê ngủ làm mất thì giờ của mình. Tôi biết nhiều trường hợp giấc ngủ cản trở đời sống tâm linh của mình. Bên Thụy Sĩ có một chị Phật tử nói với tôi, chính giấc ngủ là cản trở lớn nhất khi đi tu thiền bên Miến Điện, khí hậu nóng lạnh chị chịu được, thức ăn tanh nguội cay lạt khó nuốt, chịu được, chỗ ở dơ thiếu phương tiện chịu được, nhưng dậy bốn giờ dậy không nổi. Theo trong kinh, cái định của ngài Mục Kiền Liên rất mạnh nên trước khi đắc A-la-hán ngài thường bị chứng hôn trầm rất nặng. Chính Đức Phật hướng dẫn ngài Mục Kiền Liên cách đối trị với hôn trầm và sau đó chính Đức Phật hướng dẫn ngài Mục Kiền Liên từng bước chứng thiền và luyện thông. Buồn ngủ cũng là một trở ngại lớn. Vị A-la-hán này trả lời vị thiên, ngài xác nhận: Ngươi nói đúng, nhưng người như ta không có tệ như vậy đâu.

KASSAPAGOTTA: THỢ SĂN (Kassapagottasutta)

Ngài Kassapagotta ở trong rừng thấy ông thợ săn, săn bắn đuổi thú, sát sanh, nên mới giúp ổng. Ngài nói với ông thợ săn: "pāṇātipāto nāmesa apāyasaṃvattaniko appāyukasaṃvattaniko" sát sanh như vậy là con đường dẫn đến sự sa đọa, dẫn đến sự yểu thọ, "mā evarūpaṃ kakkhaḷakammaṃ karohī", đừng tiếp tục tạo nghiệp ác như vậy nữa.

Ông thợ săn vì lòng tôn kính, "gāravena ṭhatvā" ông đứng lại "sotuṃ āraddho" ráng mà nghe ngài nói. Nghe thì nghe "cittaṃ panassa" nhưng trong tâm ông, "asukaṭṭhānaṃ migo gato bhavissati" ở đằng kia có nai kìa, "tattha naṃ gantvā ghātetvā" mình tới đó mình giết. "maṃsaṃ khāditvā sesaṃ kājenādāya gantvā puttake tosessāmī", phần nào ăn thì ăn, đem bán thì bán đem về nuôi con.

Ông đứng nghe ngài nói nhưng đầu ông cứ lảng vảng lo những chuyện riêng. Theo Chú giải, vị Trời này thấy ngài Kassapagotta mất thì giờ giảng cho người trơ trơ như đá không chịu nghe, vị Trời biết cảm giác đó, biết lòng tốt của ngài Kassapagotta và tâm tư của ông thợ săn nên vị này dùng một hình ảnh rất là sống động, ông nói: Trời đất ơi con lạy ngài, người như vậy nói họ không hiểu đâu, giống như ngài cầm mười bó đuốc mà người ta cũng không nhìn vì người ta không có con mắt cũng vậy thôi. Giống như sân xi măng, tấm bạt nhựa mà mưa xuống cũng như không.

Mình sống làm sao mà người ở gần mình người ta nghe mát không nghe lạnh, người ta thấy ấm không thấy nực, người ta thấy gần gũi mà không thấy chật chội, sống làm sao mà người ta thấy sáng sủa chớ không thấy chói mắt. 'Chói' nghĩa là cách nói của mình, cách sống của mình làm người ta thấy khó chịu. Đọc kinh thấy đối với đệ tử thì ngài Xá Lợi Phất làm cho đệ tử thấy ấm, mát, sáng, còn ngài Ca Diếp làm cho đệ tử thấy lạnh, thấy nóng, thấy chói. Không phải là ngài Ca Diếp dở nhưng cái kiểu của ngài như vậy, hơn nữa là cái thiện xảo sao bằng ngài Xá Lợi Phất được. Ngài Xá Lợi Phất trong kinh gọi là 'satthasāmā' nghĩa là giống hệt như Bậc Đạo sư. Dĩ nhiên đây là cách nói hơi cường điệu nhưng mình hiểu ngầm vậy, ngài là người duy nhất được chữ này. Chính Đức Phật cũng xác nhận "Xá Lợi Phất ở đâu cũng giống như Như Lai ở đó vậy". Lúc Đức Phật nói năm nay Như Lai đã 55 tuổi, trong sinh hoạt Như Lai cũng cần có người giúp đỡ, Như Lai cần một thị giả, các tỷ kheo hãy chọn cho Như Lai một người. Ngài Xá Lợi Phất quỳ xuống xin Thế Tôn cho làm việc đó. Đức Phật nói không được, Xá Lợi Phất ở đâu thì giống như ta ở đó, nếu đi theo ta thì thiệt thòi cho chúng sinh nơi khác. Đối với ngài Mục Kiền Liên, Ngài cũng nói như vậy. Trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất nổi trội quá nên hình ảnh của vị Mục Kiền Liên bị mờ đi chớ thật ra trí tuệ hai vị này 9 -10. Bên Bắc Tông thì tán thán ngài Mục Kiền Liên và coi nhẹ ngài Xá Lợi Phất. Ngài Mục Kiền Liên thì họ chỉ tán thán ngài có một cái "khen phò mã tốt áo". Nghĩa là ngài Mục Kiền Liên có bao nhiêu pháp tánh thù thắng vi diệu muôn ngàn ức triệu Phạm thiên không bằng gót chân của ngài vậy mà họ chỉ khen ngài vụ đại hiếu. Tu-đà-hoàn là đại hiếu rồi, lòng tri ân là lòng của thánh nhân. Trong Chú giải nói rõ: nói gọn vị Tu-đà-hoàn không còn thân kiến hoài

nghi, giới cấm thủ nhưng nói rộng thì Tu-đà-hoàn không còn bốn pháp thiên vị, không còn hành xử vì ghét vì thương vì sợ, không còn bỏn xẻn nữa. Đặc biệt là tánh tri ơn, lòng đại hiếu của Tu-đà-hoàn thì không ai sánh, khen vị A-la-hán đại hiếu là khen phò mã tốt áo, vì ngay vị Chánh Đẳng Chánh Giác mà đối với cha mẹ của mình còn cư xử như vậy thì nói gì đệ tử của ngài.

ĐA SỐ HAY DU HÀNH (Sambahulasutta)

Bài kinh này được gọi là Kinh Đám Đông (crowd). Bài kinh này kể chuyện một nhóm tỷ kheo đến nhập hạ an cư mùa mưa trong một khu rừng, sau đó bỏ đi chỗ khác. Đời sống của tỷ kheo ngày xưa là như vậy, không có chuyện chọn trụ xứ nào đó như ý rồi ở suốt đời, cũng có chớ không phải không, nhưng phần lớn các vị liên tục thay đổi chỗ ở vì nhiều lý do:

1. Điều kiện sinh hoạt ngày xưa không giống bây giờ, bây giờ có nhà bếp nhà kho, có tiền chợ, có hậu phương hậu cần, hạ tầng cơ sở vững chắc, có tổ chức có tính xã hội rất cao. Ngày xưa chùa chỉ là chỗ qua đêm của chư tăng. Phật tử cho chăn mùng, đệm, chiếu thôi chớ trong chùa không có nhà kho nhà bếp hay đầu bếp nấu ăn.

2. Chư tăng bên Ấn Độ không bị ràng buộc pháp luật theo cách như mình bây giờ, phải có giấy tờ. Ngày xưa thì chỗ ở của chư tăng không bị ràng buộc như vậy. Bây giờ mà một vị sư đang ở Đồng Nai ba tháng rồi lên Sài Gòn ở ba tháng thì khó, thành phố lớn không có mở rộng cửa cho những ai ngoại tỉnh về. Hồi đó thì tất cả đều sống trong rừng, nông thôn nhiều, những vị trong chùa thì không có quyền lợi như chư tăng bây giờ. Ngày xưa thì người thường trụ và người tạm ghé thì không có sự khác biệt gì về quyền lợi, cứ sáng thì xách bát đi giống nhau, tối về thì có chỗ ghé lưng, không phân biệt quyền lợi.

3. Lý tưởng rốt ráo của vị tỷ kheo nguyên thủy là tu hành giải thoát, trong Trung Bộ Kinh Đức Phật dạy rằng: Ở nơi nào mà biết rằng thiện pháp lui sụt, thối thất, ác pháp bất thiện tăng trưởng thì vị tỷ kheo lập tức phải ra đi, dầu phải ra đi trong đêm, không được sự đồng thuận của thầy tổ cũng phải ra đi. Còn nếu ở chỗ nào thiện pháp phát triển dầu có bị xua đuổi cũng phải tìm mọi cách để xin được ở lại. Đó là tinh thần PGNT, hôm nay tinh thần đó hầu như không còn nữa, hôm nay chúng ta nắm níu nấn ná nơi nào đó vì lý do nào đó chứ không phải lý do lý tưởng giải thoát nữa và do vì vấn đề xã hội đến vấn đề cá nhân. Tại sao bài kinh này tôi dừng lại nói nhiều ở chỗ này, là để mai mốt không nói nữa, vì sao chư tăng phải đi nhiều quá. Hôm nay chúng ta đọc lại cuộc đời của ngài Ajahn Mun

sư phụ ngài Ajahn Chah, bản thân ngài Ajahn Chah, rồi ngài Achan Liem, học trò của ngài Achan Chah, chúng ta sẽ thấy các vị ấy có một thời tuổi trẻ tu tập rất là nhiệt thành, niềm tin rất là thuần cố, rất vững chắc, nên các vị đó không có ràng buộc với một trụ xứ, không quan hệ liên lạc với cư sĩ nào hết, và liên tục thay đổi chỗ ở chỉ vì lý do nhu cầu tinh thần. Hôm nay những người như ngài Ajahn Mun , Ajahn Chah thì không còn nữa, mình cứ tìm chỗ ở nào mà có dư quyền lợi.

Trong Chú giải nói rằng các tỷ kheo trong bài kinh này toàn những vị tinh thông Phật pháp, giỏi tạng Kinh (suttantika), chuyên về A-tỳ-đàm (abhidhammika), giỏi Luật (vinayadhara). Nghĩa là trong nhóm tỷ kheo này toàn là Long tượng hộ pháp, "Tả hữu sứ quang minh đỉnh" nên các vị cứ thay phiên nhau thuyết pháp. Trong Chú giải nói là mỗi lần bà con tổ chức cúng dường thì chư tăng trong đó từ vị trưởng lão đến vị nhỏ xíu đều có thể thay phiên nhau thuyết pháp, thuyết pháp mà toàn là "thứ dữ" không hà nên khi mấy sư phụ đi hết rồi thì để lại một khoảng trống không sao lấp đầy. Có những người sống trên đời chỉ là sự góp mặt chứ không đóng góp nên mai này họ chết hay ra đi thì sự ra đi của họ chỉ là sự vắng mặt chớ không phải là sự mất mát của chúng sanh. Vì vậy phải sống làm sao những người gần mình thấy mát chớ không phải lạnh, thấy ấm chớ không phải nóng, thấy gần gũi chớ không thấy chật hẹp, thấy sáng sủa chớ không thấy bị chói mắt. Sống làm sao mà sự có mặt của mình là sự đóng góp chớ không phải chen lấn, và sự vắng mặt của mình là sự mất mát cho người khác chứ không phải là sự dư chỗ. Những vị tỷ kheo này sống đúng với tinh thần đó nên các vị đã để lại khoảng trống mênh mông khi ra đi. Cái đẹp của bài kinh này là anh sống làm sao mà sau lưng anh là một khoảng trống khó lấp đầy, một chỗ trống u buồn, một nỗi nhớ không tên, chứ đừng sống làm sao khi anh ra đi mà để lại một chỗ trống thiên hạ mơ ước mà không được. Lời đối đáp trong kinh này rất là hay. Vị thiên trước than buồn, vị thiên sau đáp

Họ đi Magadha,

Họ đi Kosala,

Và một số vị ấy,

Đi đến đất Vajjà.

Như nai thoát bẫy sập,

Chạy nhảy khắp bốn phương.

Tỷ-kheo không nhà cửa,

Sống giải thoát như vậy.

Đó là tinh thần của PG truyền thống. Hôm nay tôi lạc đề một chút, lát nữa nghe giảng xong các vị vào internet tìm bài Trường Ca Kalinga của Trúc Thiên, bài thơ này mô tả cuộc đời vua A Dục, trong đó có đoạn nói về chư tăng trong cuộc đời hoằng pháp, tôi rất là thích. Khi vua A Dục thấy được cái sai của mình trong mộng tranh bá đồ vương, vua quyết định từ bỏ kiếm cung gươm giáo để trở thành Phật tử, vua có một lời phát nguyện:

"gươm giáo đó sẽ là chuông là tượng

thân tâm này sẽ là bát là y"

"đây: chồi Bồ Đề

đây: ngọc Xá Lợi

đây: Ba Tạng Pháp Bửu Pa Li

trẫm cung kính trao về chư Đại Đức

đây: Muôn đời Thông Điệp của Từ Bi"

"... và Pháp Phật tràn lan như sóng nước

và Bồ Đề bóng ngả mát mười phương

từ kinh kỳ ra hải ngoại

nối liền lục địa với trùng dương

pháp nào là chẳng Pháp Phật ?

tâm nào là chẳng Tâm Thương ?

tung ra thì đạo mở muôn đường

khép lại thì bặt từng mảy bụi

ai ngàn xưa mở núi

ai ngàn sau hành hương

thấy chăng trong nhịp hoằng dương

bóng người hộ pháp lồng khuôn Phật đà?

”

Đoạn cuối rất là hay, mô tả quá trình đi hoằng pháp của chư tăng rất là đẹp. Chỉ hoằng pháp không thì không đẹp mà bản thân mình phải là những cánh chim mới là đẹp, chớ còn đi hoằng pháp mà có tư túi là không đẹp.

ANANDA (Ānandasutta)

Câu chuyện xảy ra ngay sau khi Đức Phật viên tịch chưa lâu. Chú giải nói sau khi Đức Thế Tôn niết-bàn chưa lâu ngài Ānanda đi đâu cũng bị người ta vây quanh, nhìn ngài người ta nhớ Đức Phật; người ta muốn hỏi tất cả những gì muốn hỏi về Đức Phật, về những ngày cuối đời của Đức Phật. Bà con mỗi lần gặp ngài Ānanda là khóc. Tâm lý bình thường của con người là vậy, mình thương một vị thầy của mình mà thầy đột ngột mất thì khi gặp thị giả của thầy mình sẽ có biết bao điều muốn hỏi.

“So bhagavato pattacīvaramādāya”, ngài Ānanda giữ lấy y bát của Thế Tôn,“kosalaraṭṭhaṃ gantvā ekasmiṃ araññāvāse vasitvā punadivase” đến sống trong một khu rừng ở Kosala, “ekaṃ gāmaṃ pāvisi” mỗi ngày đi vào rừng để khất thực. Người ta hỏi ngài. “bhante ānanda, tumhe pubbe satthārā saddhiṃ āgacchatha” Thưa ngài Ānanda, ngày xưa ngài đi với Thế Tôn, “Ajja ekakāva āgatā”bây giờ còn một hình một bóng thôi. “Kahaṃ satthāraṃ ṭhapetvā āgatattha?

” Ngài bỏ lại Thế Tôn ở đâu rồi?

“Idāni kassa pattacīvaraṃ gahetvā vicaratha?

”Bây giờ những y bát đó ngài cầm đi về đâu?

“Kassa mukhodakaṃ dantakaṭṭhaṃ detha”, ngày xưa mỗi sáng ngài cúng dường tăm xỉa răng nước rửa mặt cho Thế Tôn bây giờ ngài làm cho ai nữa. “pariveṇaṃ sammajjatha,” bây giờ làm sao còn dịp ngài quét phòng cho Thế Tôn nữa. “vatvā paridevimṣu”.Họ khóc

Ngài Ānanda trả lời: "mā, āvuso, socittha, mā paridevittha, aniccā saṅkhārā" đừng buồn, đừng khóc, chuyện đời vô thường như vậy.

Cứ như vậy mà ngài Ānanda đi đâu chuyện cũng diễn ra như vậy. Một vị Thiên nhân nhìn thấy khó chịu mới suy nghĩ thế này: Ngài đã biết ngay lúc này tới chỗ đám đông là bị bao vây sao ngài không chịu tránh, cứ đi đến mấy chỗ đó như vậy thì quá phiền. Cho nên vị Thiên mới nói:

"Rukkhamūlagahanaṃ pasakkiya, đã chọn lấy gốc cây làm trụ xứ rồi, "nibbānaṃ hadayasmiṃ opiya" đã để niết-bàn vào tim rồi, "kiṃ te biḷibiḷikā karissatī". Có lợi ích gì khi ngài phải trả lời những câu hỏi tào lao của thiên hạ

'Bilibilikatha': 'những chuyện tào lao' (tattle)

Ngài Ānanda lúc đó mới là vị Tu-đà-hoàn, mấy hôm sau ngài mới đắc A-la-hán, nghe như vậy ngài xúc động, ngài quyết định lui về sống một mình, không gặp gỡ mấy người kia nữa.

Đọc bài kinh này mình mới thấy mình đã sống ra làm sao, mình nói mình là hành giả, tu tập, nhưng thật ra một ngày thời gian mình dành cho Phật pháp, cho suy tư chánh niệm không nhiều. Phải nói rằng ngày xưa, mấy chục năm về trước, (tôi làm thầy chùa 35 năm rồi) tôi thấy trong 5 ác khẩu có tội nói lời vô ích ('samphappalapa':'phiếm luận'), tôi coi thường lắm, tôi nghĩ đó chỉ là chuyện tào lao mất thì giờ. Thế nhưng không phải, tội đó nặng kinh khủng. Cái đầu anh phải suy nghĩ chuyện tào lao, anh mới nói chuyện tào lao, và trong những cái tào lao đó có những đề tài làm cho anh lui sụt rất nặng về thiện pháp. Có những đề tài mà bàn riết thì con người mình bị hư, hỏng đi. Có những người mình tiếp xúc với họ riết mình đổi tánh, ví dụ mình đang rộng tự nhiên mình hẹp, nhỏ mọn, ích kỷ, keo kiệt, bủn xỉn. Có người khi mình tiếp xúc với họ mình trở nên nóng tính hơn, bận tâm những chuyện nhỏ nhặt hơn. Có những người mình tiếp xúc với họ tự nhiên niềm tin của mình đối với Tam Bảo tự nhiên phai nhạt dần, không thấy quan trọng nữa. Càng lớn thì mới thấy phiếm luận nó dễ sợ lắm. Thử để ý xem, đi vô chùa hay đến nhà người quen ngồi nói chuyện tào lao thì thấy mệt lắm, phải tập cho mình cái gan, thấy tào lao là đứng dậy liền, còn hoàn cảnh nào không thể lìa khỏi chỗ đó thì mình tìm việc gì đó mình làm, nhưng tối thiểu đừng có tham dự. Cứ để ý ngồi nói chuyện tào lao một hồi là ra chuyện, dứt khoát không tham thì sân.

ANURUDDHA (Anuruddhasutta)

"Một thời Tôn giả Anuruddha trú ở giữa dân chúng Kosala, tại một khu rừng. Rồi một Thiên nữ ở chúng Tāvatimsa, tên là Jālinii, đời trước là vợ của Tôn giả Anuruddha, đi đến Tôn giả Anuruddha..."

Theo Chú giải, vị Thiên nữ tên Jālinii ở đây ("anantare": "ngay kiếp sống trước đây") trước kiếp chót của ngài, bà là vợ ngài, nên khi gặp lại bả rất là thương, thương mãnh liệt. ('Balavasineha': 'tình yêu mãnh liệt')

Mỗi ngày bà quét dọn phòng của ngài, cúng dường thức ăn cho ngài. Ngài vẫn đi bát, nhưng phần nào đi bát thì đi, phần nào bà cúng thì cúng. Bà cúng dường y áo cho ngài bằng cách dùng thần thông tạo ra những tấm vải. Ngày xưa khác bây giờ, may y cho mấy sư sẵn, hồi xưa phần lớn là cúng vải, kích thước của mỗi vị khác nhau nên tốt nhất là họ cúng vải cho chư tăng. Chư tăng ngày xưa đều phải biết may vá y áo cho mình; truyền thống của ngài Ajahn Chah bên Thái cũng vậy.

Thời đại bây giờ đã lên iphone 6. Sáng nay tôi đọc báo thì Mỹ cho biết trong vòng 10 năm nữa người ta đã có thể tổ chức du lịch lên mặt trăng. Bà con trong room để dành tiền, sức khỏe đừng tệ quá thì cũng lên mặt trăng được. Trong 10 năm nữa thì chuyện qua đêm chỗ sâu nhất của Thái Bình Dương không khó khăn, bây giờ thì nhiều lắm mình làm một chuyến hải hành trên du thuyền một tháng hai tháng, hoặc lặn chút đỉnh dưới biển một hai chục phút. Hiếm nơi nào trên thế giới để mình có thể dạo chơi dưới biển nhưng 10 năm trở lại thì đáy biển, hay mặt trăng chỉ là chuyện nhỏ xíu. Trong thời buổi văn minh như vậy mà các thiền viện trong truyền thống của ngài Ajahn Chah thì chư tăng đều phải biết may y, cắt y, nhuộm y theo phương pháp thủ công. Hai ba vị đứng căng ra rồi cắt, tính toán trong y có bao nhiêu ô, cái nào dài cái nào ngắn, cắt ra rồi may, rồi mua thuốc nhuộm về nấu nước sôi rồi nhúng vào. Chuyện đó có tới ngàn lẻ một cái hay: Dạy cho chư tăng cái tay nghề, để mai này bất cứ hoàn cảnh nào cũng có thể tự may y cho mình, chỉ cần có vải thôi. Quí vị biết y của chúng tôi, thấy to nhưng thật ra là vải vụn. Quí vị có quen ông sư nào thân thì nói mở ra cho coi không cần phải đụng vào, chỉ toàn vải vụn. Ông sư phải có khả năng may y, rồi nhuộm. Tôi không có phước nhưng lại là cái hay, tôi rời VN mười sáu năm nhưng đặc biệt bốn chỗ ở của tôi đều không có máy giặt. Ngay cả tôi về Thụy Sĩ, hay chỗ ở bên Đức, cũng không có máy giặt, tôi giặt tay trong lavabo. Tôi nhiều nghề lắm, tôi có nghề nhuộm nữa. Chư tăng bên đây trời lạnh, mặc áo không để vai trần, cần áo tay dài. May thì may không nổi, nhờ trong nước may thì ai đem ra cho mình, thế là tôi kiếm mấy cái T shirt tay dài, màu sáng có thể nhuộm được, tôi cắt cái cổ đi

đẹp lắm. Đẹp hơn áo mà Phật tử may cho mấy ông sư nữa. Thụy Sĩ bán màu đẹp lắm, có ghi sẵn là nhuộm bằng thủ công, nấu nước sôi 40 độ, ngâm hai giờ. Hoặc bỏ vào máy giặt, chọn chế độ càng lâu càng tốt. Cái cảm giác giữa xứ sở văn minh này mà nhuộm món đồ bằng tay nó 'đã' làm sao đâu. Cách đây hai tuần tôi đích thân đi mua vải bởi vì lúc này tôi mặc y màu Miến Điện, xưa giờ Phật tử cho tôi toàn y màu Thái Lan. Y Miến Điện xưa giờ là họ bán nhất y nhất quỡn, trên là có vai trái, dưới là y nội, y nội mặc rất là hao. Bận mỗi ngày hao lắm, thế là tôi ra mua vải nhờ người quen họ may giùm tôi, may cái màu không vừa ý mình nhuộm lại, cái cảm giác đã vô cùng. Bà Thiên nữ này cúng dường cho ngài Anuruddha bằng cách hóa hiện ra những vải tốt. ('dibbadussa': vải trời, celestial fabric). Tôi hay chua thêm tiếng Anh vì sợ có nhiều người tiếng Việt không giỏi. Bà tạo ra miếng vải đẹp rồi liệng vào đống rác (sankarakuta).

'Dussa': 'vải'. 'Susana': 'nghĩa địa'

'Makkhitadussa', 'kilitthavattha':'vải nhơ nhớp'.
'uccārapassāvapaṃsumasikaddamādīhi': vải dính phân dính nước tiểu dính máu, vị tỷ kheo nhặt về giặt, nhuộm. Tỷ kheo nguyên thủy phải có gan xài vải như vậy về chính tay mình giặt. Chính Đức Phật cũng từng giặt vải bó xác cô nô lệ, rồi đưa ngài Ānanda may, sau này cho ngài Ca Diếp, vì Đức Phật biết ngài Ca Diếp có hạnh đầu đà nên Ngài khích lệ sách tấn. Đức Phật trao cho Ca Diếp lá y chính tay Ngài giặt. Vinh dự này trong tam giới đếm trên đầu ngón tay. Giống như trong đời Thế Tôn, 45 năm chỉ có một người duy nhất mà Đức Thế Tôn tiễn một đoạn, đó là ngài Xá Lợi Phất. Khi ngài Xá Lợi Phất đến từ biệt Đức Phật xin niết-bàn thì Đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất: Hãy thuyết pháp cho đại chúng một lần cuối đi và ta sẽ không bao giờ còn gặp người đệ tử nào giống như Xá Lợi Phất nữa. Sau khi nói chuyện xong, Thế Tôn đứng dậy nói: Để ta tiễn ngươi đi một đoạn. Đó là người duy nhất mà tôi được đọc thấy trong kinh. Trường hợp thứ hai là chính tay Đức Phật nhặt và giặt tay tấm vải dơ, rồi giao cho ngài Ānanda may y.

Vị Thiên nữ này cứ lảng vảng giúp đỡ ngài. Một ngày kia ngài thấy đã đến lúc phải nhắc nhở. So với chánh tạng thì Chú giải có nói thêm, ngài nghĩ ngài sẽ giúp vị thiên nữ này đừng nuôi tâm nguyện như vậy nữa và ngài chờ dịp. Bữa đó vị thiên nữ gặp ngài và nói: Thưa ngài, ngài cần cái gì, ngài muốn bất cứ cái gì ('icchiticchita': whatever you like) thì con cũng sẽ tạo ra cho ngài.

Ngài trả lời: Hãy xuất hiện bằng nhiều màu sắc khác nhau. Thế là vị thiên nữ mừng lắm, thế là rùng mình một cái, xuất hiện trong bộ trang phục màu vàng, rồi trộn lại màu xanh pha màu tím, hồng phấn, mỡ gà v.v... Khi đó cổ nhìn ngài thì thấy ngài nhắm nghiền đôi mắt và không màng gì hết:

"Thero indriyani okkhipi":trưởng lão đóng kín các căn.

"sineham va santhavam va alabhamana nibbinditva gantumaraddha": Khi thấy không được gì hết, cô Thiên nữ nhàm chán và bỏ đi.

'Santhavam': 'sự tiếp xúc'

'Alabhamana': 'không được gì hết'

'Nibbinditva': 'nhàm chán'

'Gantumaraddha': 'lập tức bỏ đi'

Người ta đến với mình mà mình không mở cửa thì khách nào cũng bỏ đi. Một trong những cách tự vệ tốt nhất của Sa-môn đó là đóng cửa. Đóng cửa ở đây không có nghĩa là xô đẩy, từ chối, xua đuổi người ta mà là thái độ của mình làm người ta chán. Ví dụ trên facebook, email, phone mà liên lạc với mình hoài mà không thấy mình trả lời người ta cũng buông. Có qua có lại mới dằng dai. Napoléon nói: Trên chiến trường tiến tới là thắng, rút lui thường khi là thua. Trong tình trường rút lui thường là thắng, tiến tới thường là thua. Nói cho cùng thương nhau đến với nhau là do không hiểu nhau mà tưởng lầm đã thuộc về nhau, chớ còn biết nhau rõ mười mươi thì còn gì nữa mà thương. Dĩ nhiên có người nghĩ là tôi đạo đức giả, nhưng mà tôi phải nói thế này, có thể là do tôi bị khiếm khuyết rất nhiều thứ, tôi có rất nhiều thứ mặc cảm, đó cũng là lợi thế của tôi, cộng với tánh đa nghi tôi không tin ai hết. Nếu có một vị sư nào muốn hoàn tục, hoặc anh thanh niên Phật tử hỏi tôi muốn tiến tới với một cô nào đó, tôi sẽ không nhắc vấn đề tu hành giải thoát, bất tịnh, quán tưởng… cái đó trong kinh có rồi, không cần phải nói nữa; tôi sẽ nhắc theo kiểu của tôi: mình thương người ta được bao lâu?

Mình không chán người ta thì người ta cũng chán mình. Tôi không hề tin trên đời này có một sự thủy chung, người ta thủy chung vì chẳng qua vì không có hoàn cảnh thích hợp điều kiện như ý thôi, chứ khả năng ngoại tình tôi nghĩ là rất lớn. Bằng chứng là mình cứ nhìn mình đi, mình muốn người ta thủy chung với mình nhưng cứ tự hỏi lòng mình một cách sáng suốt, can đảm và bình tĩnh: khả

năng mình thủy chung được bao nhiêu, rồi tự trả lời đi. Khi mình tự trả lời rồi thì mình thấy khả năng thủy chung của người kia chỉ là một ảo vọng không tưởng. Nếu như vậy thì lấy nhau làm gì?

Lấy một người đủ sức làm cho mình ghen thì quá khổ, còn lấy người không đủ sức làm cho mình ghen thì lấy làm chi. Tu hành là không đi tìm đến cái vật nào mà mất rồi đủ làm mình thấy đau lòng. Nếu chỉ sở hữu những vật nào mà không đủ làm mình đau lòng khi mất thì sở hữu làm gì. Riêng cái thân cái mạng này mất bao nhiêu thời gian để lo cho nó, giờ còn phải dành thời giờ để lo cho cái nhà cái xe, cái máy, thì rất là mệt. Lấy một người đủ sức làm cho mình ghen thì thê thảm quá, không lẽ ăn rồi đi theo giữ hoài. Phải nói là tôi vô cùng thành kính và phân ưu với những cặp tôi nhìn thấy bên Mỹ, bên Âu, sáng sớm chồng đi làm một nơi vợ đi làm một nẻo, tôi thắc mắc dữ lắm không biết họ còn thương nhau không. Nếu là tôi thì tôi không thể nào đành lòng để bà xã tôi đi làm một nơi mà suốt ngày bả gặp thằng nào đó tôi không biết. Chiều về mượn cớ mệt mệt ngủ riêng hoặc về không dòm mặt tôi là tôi bắt đầu nghĩ tầm bậy rồi. Không biết họ có còn thương nhau hay không mà có thể sống xa nhau hay quá. Ở đây cũng vậy, trong tinh thần tu học người tu hành cũng y như vậy, sở hữu vật làm cho mình khổ thì sở hữu làm gì, mà sở hữu vật không làm cho mình khổ thì xét lại đi. Như vậy là xong bài kinh Anuruddha. Tôi chỉ có hai câu: Phải đâu ta sợ chi tình. Chỉ lo tình phụ nên đành vô tâm. Hẹn nhau ngày thứ Bảy.

#NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

[1] 333. Uṭṭhahatha nisīdatha ko attho supitena vo,

āturānaṃ hi kā niddā sallaviddhāna ruppataṃ. (Suttanipāta)

Bài giảng ngày 4-10-2014 NĀGADATTA (Nāgadattasutta)

Sẵn đây nhắc chút xíu chuyện cho nhớ, các vị xem Kinh Bổn Sanh (Jataka) thường thấy nhắc đến nhân vật tên là Brahmadatta. Trong lịch sử PG có một nhân vật rất nổi tiếng tên là Devadatta. Sáng nay mình học kinh Nāgadatta. 'Datta' nghĩa là 'được cho'. 'Devadatta' là 'trời cho', 'thiên phú'; sanh con mà đặt là 'Devadatta' là 'đứa bé trời cho'. Brahmadatta là 'Phạm tứ' (do Phạm Thiên ban cho). Nāgadattalà 'Long Tứ' (do Long Vương ban tặng), Nagadatta là một nhân vật vua bài Thượng Hải. Đây là những cái tên nổi tiếng thường gặp, giống như Ratthapala: Bảo Quốc (ratta: quốc gia, pala: hộ trì). CEO của Facebook: Mark Zuckerberg (Sugar Mountain): Đường Sơn đại huynh. Tôi có viết một bài nhắc đến cái tên này. Ở đây có ai biết Đường Sơn đại huynh không, chắc là không biết đâu, tôi có tuổi mới biết chớ quí vị trẻ quá.

Ngài Nāgadatta có một lúc do có những nhu cầu của đời sống, cộng thêm quen biết với Phật tử, nhiều khi đi đứng giờ giấc hơi thoải mái, không lưu ý. Có lẽ lúc này Đức Phật chưa cấm chứ theo Luật thì tỷ kheo không có đi sớm về muộn. Vị tỷ kheo cũng không nói chuyện tay đôi với phụ nữ quá 6 chữ (chahi vacahi). Có người dịch là sáu tiếng. Không phải là six hours. Sáu câu chớ sáu tiếng thì "quá đã" rồi. Ngài Hộ Tông hay ngài Minh Châu dịch là sáu tiếng. Mấy vị tân thọ tỷ kheo nghe khoái lắm, 6 tiếng thì nói phone cháy máy luôn. Thật ra là 6 câu thôi. Dầu câu ngắn cũng là câu. Ví dụ, câu thứ nhất: Khỏe không?

Câu thứ hai: Lúc này thấy ốm dữ nhen! Câu thứ ba là: Có đi thẩm mỹ không?

Câu thứ tư là: Diet đi!... Cứ như vậy là một câu.

Vị Thiên nhân thấy ngài Nāgadatta như vậy nên có lòng thương tưởng và e ngại giùm nên mới nhắc ngài không nên lui tới cư sĩ quá nhiều. Trong bài kinh Từ bi (Metta sutta) có câu "kulesu ananugiddho": lòng không vướng bận với những quan hệ cư sĩ. 'Kula'là 'gia đình', 'cư sĩ'; 'anugiddha': 'dính mắc'. Theo Chú giải giải thích là lấy niềm vui của người ta làm niềm vui của mình, lấy chuyện buồn lo của người ta làm chuyện buồn lo của mình. Mới nghe qua thì thấy hay quá, nhưng quí vị tưởng tượng đi, nhà quí vị, con nói không nghe, vợ chồng thì không vừa lòng nhau, quí vị vào nói với tôi, rồi tôi lo lắng y như người thân của tôi. Rồi đêm hôm tôi không hành thiền, kinh sách không nghiên cứu viết lách gì hết, đêm thì gọi phone: Thằng Tèo đi học về chưa, thằng Tèo ngủ dậy chưa, ông xã đi làm chưa, bà xã về chưa…, chuyện người ta mà mình lo suốt mùa thu vậy thì ra làm

sao, không giống con giáp nào hết. Người ta cần mình thì đến hỏi thắc mắc về đạo một chút thôi chứ không thể nào "kulesu anugiddha", cùng buồn cùng vui với họ trong chuyện tào lao thiên tướng là không được. Tôi biết người Phật tử là họ muốn được quan tâm, nhưng làm ơn nhớ giùm, quan tâm thì quan tâm về mặt tâm linh, đời sống tinh thần thì ok, nhưng lâu lâu thôi, không thể thường trực được. Chuyện mỗi người lo đã không hết mà còn dòm đến người khác thì thời gian đâu lo cho mình được. Một người đang ở dưới đầm lầy thì làm sao cứu người khác. Một người đang ở dưới nước thì làm sao đem người khác lên bờ được. Một người không có khả năng tự an lạc với riêng mình làm sao có thể giúp người khác an lạc được. Đừng tưởng vậy là hay, bản thân mình ở dưới sình, không thể lôi người khác ra khỏi sình. Vì vậy ở đây vị thiên nhân nhắc nhở: "như thế là không tốt".

GIA PHỤ (Kulagharaṇīsutta)

'Kulagharaṇī': 'gia trưởng'. 'Gia trưởng' ở đây không hiểu theo nghĩa độc đoán, độc tài. 'Gia trưởng' ở đây mang nghĩa trung tính, không phải nghĩa tiêu cực. 'Gia trưởng' là người đứng đầu gia đình.

"2) Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy sống thân mật quá đáng đối với một gia đình". Ở đây, vị tỷ kheo này là một vị A-la-hán. Đừng nghĩ loài khuất mặt có thần thông thì chuyện gì họ cũng biết. Họ y như mình, cặp mắt của họ có thể thấy chuyện mình không thấy, tai họ có thể nghe được chuyện mình không nghe, những tần số những làn sóng mình không nghe được; họ có thể di chuyển bất cứ nơi nào họ muốn, vật chất họ sử dụng là tự cung tự cấp với tốc độ nhanh nhất, muốn là có. Vì vậy tất cả những phương tiện khoa học hôm nay chúng ta có, tưởng đó là ghê gớm, thật ra chỉ cần mình có tu tập trở thành loài phi nhân thì mình nhìn nền văn minh của con người không ra gì hết, chỉ là trò hề, trò chơi của trẻ con mà thôi. Tuy nhiên, sướng gì thì sướng nhưng không phải cái gì họ cũng biết. Ví dụ như các vị có ống dòm, tôi không có ống dòm nên nhìn thấy mờ mờ không biết họ là cái gì, còn các vị có ống dòm nên có thể nhìn thấy cái đốm đang di động đó là một ông Tây, một bà Đầm, một con bò hay một con gà. Các vị chỉ khác tôi có nhiêu đó thôi chứ không thể biết hơn, các vị không biết ông Tây là người nước nào, nói tiếng gì. Còn tôi thì không có ống dòm nên không biết những chấm đen di động đó là cái gì. Quí vị biết đó là con gà, cái biết của quí vị y như tôi về con gà, chỉ vậy thôi. Trong kinh này, vị Thọ thần nhìn thấy vị tỷ kheo này mà không biết đó là vị A-la-hán. Không phải vị Thọ thần nào cũng giống nhau về các khả năng và điều kiện sống. Tôi cố ý nhấn mạnh điều này, vì sẽ có nhiều người hiểu

lầm, không phải vị nào cũng giống nhau về thần thông, thiên nhãn thiên nhĩ, và điều kiện sống cũng tùy phước ít phước nhiều nữa. Ở đây vị Thọ thần thấy vị tỷ kheo này lui tới với cư sĩ nên nhắc nhở bằng câu hơi nặng: Ngài lui tới những chỗ quán sá tiệm tùng đông đúc như vậy thì giữa ngài và tôi có khác nhau cái gì chứ. Trong Chú giải ghi thế này:

"So kira satthu santike kammaṭṭhānaṃ gahetvā", Vị tỷ kheo đó sau khi đến học thiền và xin đề mục với Đức Phật rồi, "vanasaṇḍaṃ pavisitvā" đi vào trong rừng sống, "gāmaṃ piṇḍāya pāvisi" sau đó đi khất thực, "pāsādikehi abhikkantādīhi" oai nghi tế hạnh rất đàng hoàng.

"Aññataraṃ kulaṃ tassa iriyāpathe pasīditvā" có một gia đình thấy ngài liền rất thích. Họ thỉnh ngài. Sau khi họ thỉnh ngài để cúng dường,

"Thero adhivāsetvā"vị trưởng lão đã nhận lời "āhāraṃ paribhuñjamāno" và thọ nhận những gì họ cúng dường, "vīriyaṃ paggayha ghaṭento" nỗ lực tu tập, "arahattaṃ patvā" chứng quả La-Hán "cintesi" và suy nghĩ: "bahūpakāraṃ me etaṃ kulaṃ, aññattha gantvā kiṃ karissāmī''ti?

" Gia đình này có lòng hộ trì mình như vậy tại sao mình phải bỏ đi nơi khác.

"Phalasamāpattisukhaṃ anubhavanto tattheva vasi". Thế là vị đó ở lại nơi này thường xuyên an trú vào thiền Quả và không đi đâu hết.

Vì cảm tấm lòng của người ta, ngài muốn đem công đức cho người ta nên ngài ở lại đó, khỏi đi bôn ba chỗ khác và sự có mặt của ngài đem lại công đức lớn cho gia đình đó. Vì không còn chuyện gì để làm nên ngài thường xuyên an trú trong thiền Quả.

"sā kira therassa khīṇāsavabhāvaṃ ajānantī" tương truyền vị Trời này không hề biết rằng đây là vị La-Hán, nên mới nhắc nhở như vậy. Có những vị Trời xuất sắc nhưng cũng có vị kém cõi; vị Trời này không biết vị tỷ kheo là A-la-hán, thấy lui tới nhà cư sĩ nên nhắc nhở như vậy. Đây là những chi tiết nếu không coi trong kinh thì các vị Phật tử không thể tự biết. Ví dụ như nếu nói mình học A-tỳ-đàm, A-tỳ-đàm cho mình công thức, nguyên tắc này nọ, nhưng có những chuyện A-tỳ-đàm không nói, thí dụ như chuyện này. Vi diệu pháp mình giỏi mấy đi nữa nhưng nếu mình không đọc Kinh Tạng thì mình không biết. Nếu chỉ căn cứ theo Vi diệu pháp thì khó mà ngờ được chuyện một vị Thọ thần có tha tâm thông mà hoàn toàn mù tịt về nhân loại đang ngồi trước mặt mình; trong bài kinh này, đó là vị A-

la-hán mà vị Thọ thần này hoàn toàn không biết gì hết. Theo Vi diệu pháp thì mình cứ nghĩ là hễ có tha tâm thông thì dầu không đủ trình độ để biết đây là A-la-hán nhưng mà tối thiểu cũng phải biết đây là con người trong sạch chứ, biết người này không tham, không sân, không si chứ; nhưng không phải vậy, đọc ở đây mới biết thì ra tha tâm thông như thế nào, chỉ biết tối đa là vị này đang bực mình thôi. Nếu các vị Thọ thần không học Phật pháp thì không hề biết được A-la-hán không còn tâm sân. Có những vị biết và có những vị không biết, không biết con người trước mặt mình không còn tham, không còn sân, không còn si nữa. Bài kinh này chỉ là sự hiểu lầm, và vị tỷ kheo này trả lời, ngài nói ngài sống như con nai hồn nhiên trong rừng, không bị dính mắc trong thế gian.

VAJJIPUTTA (Vajjiputtasutta)

Có một điều đáng tiếc thế này, Phật tử VN khoái đi chùa, cúng dường, bái lạy, khấn nguyện, cầu vãng sanh, đó là Bắc Tông, còn Nam Tông thì thích phục vụ cúng dường chứ còn rờ tới kinh tạng thì không nhiều. Tôi giảng mà cứ ngậm ngùi, có những chi tiết không biết có nên nói hay không, mà nói thì cứ như vịt nghe sấm, rất là uổng. Ví dụ như chữ Vajjiputta, nói ra có rất nhiều chuyện để nói, đây là tên gọi rất nổi tiếng trong PG, dĩ nhiên là đối với người có đọc kinh sách, chớ còn người đi chùa cầu phước thì nói ra uổng lắm.

'Vajji': 'bị lưu đày', trong trường hợp đặc biệt có nghĩa là 'bị xua đuổi', 'bị hắt hủi'. Ngậm ngùi vậy đó, đàng sau cái tên này là một câu chuyện rất buồn, rất ngậm ngùi. Ngày xưa có một ông đạo sĩ lượm được hai đứa bé đem về nuôi. Khổ nỗi, ông là đạo sĩ nên chỉ nuôi chừng mực, sau chúng lớn lên ông phải đem trả về lại cho đời chứ không thể để mãi trong rừng. Hai đứa bé này rất khỏe mạnh, lại lớn lên trong rừng, tính tình hồn nhiên như thú hoang, nên chơi với mấy đứa bé cùng trang lứa lúc nào cũng tỏ ra lấn lướt. Từ chỗ đó, các gia đình cấm con cái mình chơi chung và xa lánh chúng. Hai đứa lớn lên có vợ, sanh con nhưng tính tình vẫn cứ ngang tàng. Dân làng mới nói hai anh em ra ngoài làng ở chứ không cho ở chung trong làng xóm nữa. Hai anh em mới ra ngoài làng cất nhà cất sanh con đẻ cháu thành cái làng xã đông đúc và người ta gọi đó là đám Vajji nghĩa là đám người bị xua đuổi. Nếu vị nào có coi tạng Luật thì sẽ thấy chữ này rất nổi tiếng. Khi PG trải qua một trăm năm thì có nhóm tỷ kheo tên là nhóm Vajjiputta, nhóm này chủ trương tu mà ôm Luật trăm phần trăm chỉ có chết, chi bằng nới nới chút cho dễ thở, vì thế những vị này chế ra một số chuyện, ví dụ trong Luật cấm không cho tỷ kheo ăn chiều, nhưng nếu trễ chút đỉnh thì không sao. Tuy nhiên họ quên một chuyện 'chút đỉnh' là như thế nào, ví dụ thế hệ trước là 12h15 ăn được,

thế hệ sau thì 12h35, thế hệ sau nữa là 12h40… cứ vậy rồi tới chiều luôn, họ chủ trương lấn được bao nhiêu thì lấn. Rồi kế đến, họ nghĩ, nếu cứ ôm bát thế này rồi lỡ có ngày người ta dời nhà hoặc vì lý do nào đó không cúng, vì vậy họ tích trữ của nả. Thế là họ bày ra chuyện tỷ kheo được quyền giữ vàng bạc. Mỗi lần lễ lạt họ để trước chùa cái chậu to, ai muốn cúng bao nhiêu tiền bạc vàng ngọc cứ liệng vào trong đó. Đức Phật không cho tỷ kheo xài đồ bằng ngà, thế là họ nghĩ không cần phải cữ kiêng, cho gì xài đó, họ quên rằng xài đồ ngà là tiếp tay hại cho loài voi chết. Đồ ngà lại đắt tiền cư sĩ nhìn thấy họ nói, và sợ mất nữa thì tiếc nên đi đâu cũng cứ cầm theo. Nhóm tỷ kheo có quan niệm đó gọi là nhóm Vajjiputta. Nhóm này là con cháu của dòng họ Vajji. Chính vì vậy mà tôi nói đây là tên gọi rất nổi tiếng. Trong Kinh Đại bát Niết Bàn, những ngày tháng cuối cùng của Đức Phật có gắn liền với nhiều nhân vật hoặc vùng đất của dân Vajji này.

Có một vị tỷ kheo là con cháu của dòng họ Vajji đi xuất gia, đêm hôm ngồi trong chỗ thanh vắng nghe người ta hát xướng, tiếng vọng từ xa, nghe ngậm ngùi thấy buồn. Cũng dễ hiểu thôi, bây giờ ông sư có ipad, iphone, internet muốn tu hành thiền định muốn nghiên cứu kinh sách hay đọc báo coi phim thì cũng dễ dàng, ngày xưa thì ông sư hoàn toàn không có cái gì hết, nói cho rốt ráo là chỉ có cái bình bát sáng đã đi xin ăn rồi, còn buổi chiều thì không có cái gì tiêu khiển, giải trí, bầu bạn. Bây giờ buồn quá thì bóc cái phone lên, cứ alô người này không được thì alô người kia, lên facebook, email, facetime, viber, tango tùm lum hết. Có nhiều người Phật tử họ nói tôi một câu mà tôi không biết nên nói cái gì: Sao trong Kinh con thấy hồi xưa mấy sư sao tệ quá, thích nhiều cái rất là kỳ. Tôi đã trả lời: Quí vị đang đọc lại nhịp sống của những con người trong xã hội mấy ngàn năm về trước bên Ấn Độ, vậy mà đọc trang kinh đó bằng não trạng, tâm trạng của một con người thời nay thì trật lất rồi. Ngay cả truyện Kiều, mặc dù là hư cấu nhưng ít ra phải hiểu ngầm là những chuyện xảy ra trong Kiều đã rất là xa lạ với mình. Thời mình làm gì có chuyện người đối xử với người như trong Kiều. Phải hiểu rằng thời điểm cụ Nguyễn Du nhắc tới trong Kiều thì đã cách đây biết bao lâu rồi, đời nhà Minh, "Rằng năm Gia tĩnh triều Minh", gần 500 trước, nói chi là chuyện thời Đức Phật. Vị tỷ kheo này thấy cô quạnh chạnh lòng khi nghe tiếng đàn ca hát xướng, lúc đó một vị Trời xuất hiện nhắc cho biết: Thật ra đời sống của ngài không dễ kiếm đâu, không phải ai muốn cũng được. Nếu mình tin Phật thì phải tin luôn một chuyện, chuyện con rùa mù. Một trăm năm con rùa mù trồi đầu lên mặt biển một lần, một sự trùng hợp hiếm hoi nào đó cái đầu con rùa chui lọt vào tấm ván đang trôi dạt trên mặt biển, đây là xác suất chưa được một phần ngàn tỷ, vậy mà cơ hội làm người còn khó hơn vậy nữa. Tôi tin Ngài nói đúng,

một ngày hăm bốn giờ mình sống bằng tâm thiện được bao nhiêu. Mình biết Phật pháp, biết A-tỳ-đàm, biết Tứ Niệm Xứ, vậy mà mình sống bất thiện một ngày bao nhiêu phần trăm thời gian?

Kẻ không Phật pháp thì không còn gì để nói, vậy cơ hội đâu mà làm người?

Cơ hội được làm người được gặp chánh pháp càng khó khăn hơn. Cơ hội vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian này còn hiếm hơn cơ hội làm người nữa. Bây giờ được gặp Phật pháp, được làm người nam khỏe mạnh không bịnh hoạn, có niềm tin có hiểu biết, đi xuất gia nữa, vì vậy phải nói vị Thọ thần này nói rất đúng: Ngài có biết rằng đời sống của ngài nhiều người mơ mà không được giống như chúng sanh ở địa ngục thấy người ta ở Cõi Trời mà thèm vậy. Tôi phải nói rằng đức tin mình yếu quá, mình dốt quá, mình giống như người mù vô nhà hát vậy. Câu nói của vị Thọ thần là câu nói của người có đức tin, có chánh kiến, chớ còn Phật tử VN mình nghe câu nói đó thì thấy hơi quá đáng.

TỤNG HỌC KINH ĐIỂN (Sajjhāyasutta)

Vị tỷ kheo trong bài kinh này là một vị A-la-hán, không phải người phàm. Mình tưởng chư thiên cái gì cũng biết nhưng trong bài kinh này thì thấy không phải chư thiên thì cái gì cũng biết. Tôi nhớ câu chuyện có một ông linh mục đi đánh golf với một giáo dân, ông giáo dân này có tật xấu mỗi lần đánh trật là chửi thề. Linh mục la bảo không nên như vậy, chơi cho vui thôi chứ đừng chửi thề coi chừng Chúa phạt. Ông giáo dân nghe lời, nhưng lát sau đánh trật nữa và lại chửi thề. Vừa lúc đó một lằn sét từ trên trời đánh xuống trúng linh mục. Linh mục lăn ra chết. Một tiếng vọng từ trên cao: Ta là Chúa Trời còn đánh hụt nói chi là nó. Các vị tưởng tượng, tôi đọc câu chuyện đó tôi rất là tâm đắc. Chúa Trời còn đánh trật, thay vì đánh ông giáo dân lại trúng ông linh mục. Đừng tưởng chư thiên có thần thông thì cái gì cũng biết, họ cũng có nhầm lẫn của họ. Trong bài kinh này kể về một vị tỷ kheo ở chung với sư phụ của mình học Tam Tạng, mỗi ngày cứ dưng nước hầu cơm chăm sóc cho thầy, một thời gian ngắn vị này đắc A-la-hán. Có một điều trong thời gian học Tam tạng với thầy, mỗi lần thuộc một ít là mang ra tụng, hết kinh này qua kinh khác. Lúc đó có một vị Thọ thần ở gần đó nghe ké, ngày nào cũng nghe, nay thì Thất Giác Chi, mai là giáo lý Duyên Khởi, mốt là Tứ Niệm Xứ, nghe suốt mùa thu như vậy khoái lắm; nhưng ông này là Thọ thần người Ấn Độ chớ còn gặp Phật tử VN mình nghe thì chỉ có bực mình, vì thứ nhất mình không thích, thứ hai mình nghe có hiểu gì đâu. Ông Thọ thần này xuất thân Ấn Độ nên nghe đọc tụng thì vui lắm dù chỉ là nghe ké, tới khi vị tỷ kheo đắc A-

la-hán, và có những điều suy nghĩ. Đây là việc mình cũng nên lưu ý, có những vị A-la-hán hoan hỉ trong chuyện tụng, nghe. Ví dụ như Đức Phật, khi nghe người khác trùng tụng trùng tuyên Ngài rất hoan hỉ. Vị A-la-hán nào cũng vậy, tuy nhiên, 'thích' không phải là nghe suốt mùa thu như mình tưởng tượng, vị ấy thấy thời gian tụng đọc như vậy không bằng thời gian sống an trú Tứ Niệm Xứ hoặc nhập Thiền quả. Trong Chú giải nói rõ như vậy: 'phalasamāpatti': thiền Quả, Quả định.

Quả định

Quả định là an trú trong thánh quả mình đã chứng, an trú trong một thời gian dài ngắn bất định. Ví dụ một vị Tu-đà-hoàn hoặc vị A-la-hán, một lúc nào đó thấy mỏi mệt, thấy cần an dưỡng tinh thần không muốn suy nghĩ gì hết thì vị này ngồi lại một nơi thích hợp nào đó, quán tưởng danh sắc: quán tưởng thân quán niệm xứ, hoặc thọ quán, hoặc tâm quán, hoặc pháp quán niệm xứ tùy căn cơ sở thích. Ngày xưa đắc quả bằng con đường nào thì bây giờ quay lại con đường y hệt như vậy. Ví dụ thân quán niệm xứ, vị đó quan sát theo nguyên tắc của thân quán niệm xứ; tùy theo vị độn căn hay lợi căn, trí chậm hay trí nhanh; thời gian thiền quả rất là nhanh, chỉ quan sát một chút là xuất hiện bốn hoặc ba sát na tâm: Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ và Bỏ Bực. Bỏ Bực trong trường hợp này là từ tâm Hiệp-thế chuyển qua tâm Siêu-Thế. Bỏ Bực có ba trường hợp:

Gotrabhū: Tâm Chuyển-tộc, có ba trường hợp:

1- Đưa người lìa cảnh Dục vào cảnh Đáo đại

Người lần đầu tiên đắc thiền, khi loại tâm này xuất hiện thì từ giây phút đó trở đi người đó được gọi là người chứng thiền Đáo đại tối thiểu từ Sơ thiền trở lên cho đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, nhờ Gotrabhū người đó trở về sau đã bước vào thế giới của Phạm thiên, tuy mang thân nhân loại nhưng tắt thở là về cõi Phạm Thiên, nếu thiền chưa bị hoại. Dù cho có mang thân đàn bà kể cả ghẻ chóc hôi hám xấu xí, miễn đắc Sơ thiền rồi là đã dự vào cảnh giới của Phạm thiên.

2- Đưa người lìa phàm tánh vào thánh trí lúc chứng đạo.

Tâm này xuất hiện là người ấy từ nay về sau không còn là phàm nữa mà đã là thánh nhân. Ví dụ lần đầu tiên đắc Sơ quả thì từ lúc đó người này vĩnh viễn không còn khả năng sa đọa nữa, sát na đó gọi là gotrabhū.

3- Đưa người lìa tâm Hiệp thế và tâm Siêu thế, lúc nhập Quả định.

Khi nào vị đó muốn nhập Quả định, sau khi quan sát danh sắc, một loạt tâm Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ Bỏ Bực xuất hiện, sát na Chuẩn bị này đối với người lợi căn không xuất hiện nhưng với người độn căn thì xuất hiện, thời gian xuất hiện nhanh vô cùng nên có hay không có cũng như nhau, nhỏ ít giống như một hột nếp nằm trong kho gạo. Khi bốn hoặc ba sát na tâm trên xuất hiện trong đó có tâm gotrabhū thì từ lúc đó trở về sau tâm Thánh quả (một trong bốn) Sơ, Nhị, Tam, Tứ xuất hiện, thời gian lâu hay mau tùy vị đó quyết định. Ví dụ, nếu vị đó quyết định nhập Thiền quả trong vòng 15 phút, nửa tiếng, hai tiếng, 10 tiếng, 30 tiếng v.v... tùy ý, vị đó chỉ chú nguyện là sẽ bao lâu thì đến lúc đó tự động sẽ ngưng. Sau khi ngừng thì tâm hữu phần chen vào, từ đó về sau lại tiếp tục, mắt thấy tai nghe bình thường. An trú thiền Quả là như vậy, trong thời gian đó tâm vị ấy chỉ biết một cảnh là cảnh niết-bàn, toàn thân vị ấy được an dưỡng tuyệt đối. Quí vị hãy tưởng tượng, nếu quí vị đang vui, đang nghe pháp hoặc đang có mặt trong một sân chùa vắng lặng nhìn người ta đi kinh hành, lòng mình vui suốt hai tiếng đồng hồ, thì con người mình khỏe biết chừng nào. Hoặc buổi chiều ra ngoài biển ngồi suốt hai tiếng đồng hồ, buông hết mọi sự không nghĩ ngợi lăng xăng, chỉ nhìn sóng vỗ, chim bay, gió lùa, tiếng trẻ con đùa giỡn xa xa vọng lại một chút, ngồi như vậy thì đã khỏe cỡ nào huống chi đàng này lìa cảnh thế gian mà chỉ an trú vào cảnh niết-bàn thì sung sướng cỡ nào. Tôi không có vô làm sao tôi dám nói tôi liễu niết-bàn, tôi chỉ gợi ý cho quí vị, trong suy nghĩ đó không còn chuyện danh lợi, thương ghét, sầu hận, không sợ hãi ghen tuông toan tính. Chính vì chỗ này, sau khi chứng quả, vị tỷ kheo không còn đọc nữa, vị Thọ thần không còn nghe tiếng tụng đọc nên mới hỏi "sao không tụng đọc gì hết" và vị tỷ kheo mới trả lời như vậy. Vì vậy bữa nào quí vị thấy tới giờ mà tôi không vô giảng thì biết đâu bữa đó…

BẤT CHÁNH TƯ DUY (Akusalavitakkasutta)

Vị tỷ kheo sống một mình và có những tư niệm không hay. Trong kinh dùng ngôn ngữ 2500 trước nghe cầu kỳ thay vì nói là suy nghĩ bậy bạ thì dùng chữ "bất chánh tư duy". Chánh tư duy, tà tư duy là gì?

Tà tư duy

Dục tư duy: có suy nghĩ nặng về tham dục, thích cái này thích cái kia,

Sân tư duy: bất mãn này nọ, bực mình không vui, không thích cái này không thích cái nọ.

Hại tư duy: Lòng nghĩ, muốn nói, muốn làm gì đó ảnh hưởng quyền lợi người khác.

Đối lập với Dục tư duy là ly tham, ly dục, nhàm chán trong các dục: tâm sở vô tham.

Đối lập với Sân tư duy là Từ tâm: tâm sở vô sân

Đối lập với Hại tư duy là Bi tâm: tâm sở bi

Có người hỏi: Tại sao có Hại tư duy?

Nếu hiểu đâm chém, đốt nhà bạo hành người ta là quá nặng rồi, Có người hỏi: Tại sao có Hại tư duy?

Nếu hiểu đâm chém, đốt nhà bạo hành người ta là quá nặng rồi, hại tư duy là có suy nghĩ làm phương hại, tổn thương người khác. Chỉ cần một suy nghĩ: "Cái mặt đó hồi nãy mình chào uổng thiệt, mai mốt mình gặp không chào" hoặc "tại sao hồi sáng mình không nói câu đó cho bả thấm", đó là hại tư duy. Quí vị tưởng tượng mình gặp người ta mà mình không chào thì người ta sốc chứ, đó là hại tư duy.

Vị tỷ kheo này hôm đó sống chìm trong Tà tư duy. Vị Thọ thần thấy vậy nên xuất hiện để nhắc nhở. Theo trong tinh thần Phật pháp, cái bất thiện mà Đức Phật nói có phần rất khác xa đối với cách hiểu của mình. Ví dụ mình nghĩ rằng: Cha mẹ thương con, lo cho con là đúng rồi; vợ chồng lo lắng thương yêu là đúng rồi. Theo trong lời Phật thì trách nhiệm mình lo cho chồng cho con, cho cha cho mẹ là đúng, nhưng phải hiểu rằng: Trong tình cảm với kẻ khác luôn có một trong hai yếu tố tâm lý: Vị tỷ kheo này hôm đó sống chìm trong Tà tư duy. Vị Thọ thần thấy vậy nên xuất hiện để nhắc nhở. Theo trong tinh thần Phật pháp, cái bất thiện mà Đức Phật nói có phần rất khác xa đối với cách hiểu của mình. Ví dụ mình nghĩ rằng: Cha mẹ thương con, lo cho con là đúng rồi; vợ chồng lo lắng thương yêu là đúng rồi. Theo trong lời Phật thì trách nhiệm mình lo cho chồng cho con, cho cha cho mẹ là đúng, nhưng phải hiểu rằng: Trong tình cảm với kẻ khác luôn có một trong hai yếu tố tâm lý: tham ái hoặc hoặc từ tâm; từ tâm thường hiếm hơn tham ái.

Vợ chồng thương nhau, cha mẹ thương con cái, con cháu thương ông bà cha mẹ, bạn bè thương nhau, thầy trò thương nhau… mình cứ nói là tôi thương ông thầy, tôi quý ông thầy tôi coi như cha, như anh, như cậu v.v... Nói vậy là sai bét, đừng

tưởng nói vậy trời không biết đất không biết. Trong tình cảm giữa người với người thì có một trong hai: từ tâm và tham ái, nhưng từ tâm thường rất hiếm. Phải có gan nhìn thấy như vậy. Có nhiều người Phật tử khi nói chuyện với họ tôi biết được chuyện này, họ nghĩ rằng chuyện "ăn miếng trả miếng" không phải bậy, người ta nói mình mà mình nhịn, im lặng không trả lời cho đúng mức là hèn, là dở, là nhục; họ nói mình tu hành không hại ai nhưng mình phải có phản ứng; cái này phải xét lại!

Hành giả mà không nhận diện được phiền não ở mức độ vi tế nhất thì làm sao mình biết nó là cái gì. Mình thấy món đồ đó của mình bị người ta xài mà không hỏi mình bực, thì lúc đó mình phải biết rõ đây là tâm sân, đây là bỏn xẻn, chớ đừng đem đạo đức nguyên tắc pháp luật xã hội ngoài đời mà nói: cái này của tôi mà xài không hỏi tôi nên tôi bực. Trong tinh thần Phật pháp thì phải biết rõ, người ta chém mình mà mình bực mình thì đó vẫn là tâm sân. Phật pháp vốn rất khoa học, muối trong bàn tay của mẹ vẫn mặn, đường trong bàn tay kẻ thù vẫn luôn ngọt. Tinh thần giáo lý rõ ràng như vậy, đừng nói muối nằm trong tay của mẹ không mặn. Tâm bất thiện dù xuất hiện trong hoàn cảnh điều kiện nào thì vẫn là tâm bất thiện, còn lý do tại sao nó xuất hiện thì không mắc mớ gì ở đây hết.

GIỮA TRƯA HAY TIẾNG ĐỘNG (Majjhanhikasutta)

Bài kinh này học rồi,trong chương đầu tiên khi chúng ta gặp nhau ở lớp Tương Ưng Bộ Kinh này. Trong đây còn nói rõ "taṃ devatāsaṃyutte nandanavagge vuttameva": bài kinh này đã được nói trong chương Tương Ưng Chư Thiên.

Vị tỷ kheo này cũng là một vị thánh. Vị Thọ thần này tới chia sẻ: Chỗ này con là thọ thần, con ở con còn teo mà ngài ở được hay quá. Vị tỷ kheo trả lời: Rừng là chỗ ở hoan hỉ đối với một người như ta. Tôi nhớ từng nói nhiều lần: Tôi nhớ từng nói nhiều lần: Con người mình ra làm sao thì sự cảm nhận thế giới đối với mình sẽ tương ứng như vậy. Đây là một câu nói đáng được xem là nguyên tắc. Thế giới này ra làm sao thì tùy thuộc vào khả năng nhận thức, tùy thuộc cảm nhận của mình. Sự thanh vắng là món quà đối với người không sợ hãi thích sống nội tâm hướng nội, nhưng là nỗi kinh hoàng đối với người nhút nhát hoặc có đời sống tinh thần quá nghèo. Tôi biết có những ông cụ bà lão không chịu nổi nếu không có tiếng cười con cháu, thà bồng ẵm cực nhọc nặng nề mà họ thích, trong khi đó có người nghe tiếng con nít khóc là lạnh xương sống nổi da gà bịt tai không kịp. Có người thích sống lăng xăng quây quần đoàn tụ, nhưng có những người mỗi lần chỉ nghe tiếng xe Honda đậu vào cửa, nghe tiếng gạt chân chống khách sửa

soạn bước vào là nổi da gà. Có người sợ nghe chuông reo, có nhiều người thì không thể nào rời phone. Tôi chia sẻ một chuyện rất thật, một kinh nghiệm bằng vàng đối với tôi. Tôi để ý, trong thời gian nào tôi sống có liên lạc nhiều bằng email, phone, thì trong thời gian đó tôi rất là nhiều sân si vì phần lớn những đề tài mình trao đổi với nhau toàn chuyện phiền não. Bây giờ tôi đang ở Đức, tôi để ý trong một thời gian dài tôi không tiếp xúc với bà con, cảm giác an lạc lạ lùng lắm. Còn một chuyện nữa, ngoại trừ bậc đại căn, nếu mình có lòng nguyện giác ngộ thành Thanh Văn, Tu-đà-hoàn cũng được, đắc được lúc nào thì đắc, đi liền đi sớm chừng nào càng tốt chừng đó, còn nếu kẻ nào có lòng muốn đi xa, đường dài, muốn làm Độc Giác, Chí thượng Thanh văn, Chánh Đẳng Giác thì không thể nào không tu từ tâm. Bắt buộc phải tu từ tâm! Bồ tát ngày xưa bỏ một thời gian để chỉ chuyên tu có một chuyện là từ tâm. Người không có từ tâm sẽ tạo ra vô vàn ác nghiệp mà toàn là ác nghiệp cản trở những Ba-la-mật khác. Người không có phước bố thí thì sẽ rơi vào vô số tội lỗi của người túng thiếu. Người không giữ giới sẽ rơi vào những hoàn cảnh cực kỳ bất lợi. Không có trí tuệ sẽ rơi vào những hoàn cảnh bất lợi, không có từ tâm sẽ rơi vào hoàn cảnh cực kỳ bất lợi. Bất lợi ở đây là không có tiện cho việc trau dồi thiện pháp. Đừng nghĩ là từ tâm đem lại phước báu kiếp sau sanh ra mặt đẹp được người khác thương, hiểu vậy là chết. Người không từ tâm thì sẽ gặp tất cả đủ thứ trong vòng luân hồi này, không từ tâm thì không thương chúng sanh khác, rất dễ sát sanh, rất dễ bỏn xẻn, rất dễ làm chuyện trộm cắp tà dâm, nói lời đâm thọc, ác ngữ. Có nhiều minh tinh Holywood của Mỹ từ chối không xài đồ da và đồ lông vì họ chủ trương thà không mặc áo quần còn hơn sử dụng trang phục có được do việc giết chết thú. Họ yêu thú vật như vậy. Thiếu từ tâm thì mình sẽ có những nhu cầu làm tổn hại chúng sinh khác, ví dụ, ngay trong chuyện hưởng thụ ăn mặc của mình đã là một thứ cộng nghiệp rồi, chưa kể không có phước bố thí thì sẽ sanh vào cảnh khó nghèo, từ khó nghèo thì chuyện gì cũng làm được. Có thể buổi đầu ngại không làm chuyện ác lớn nhưng làm được chuyện ác nhỏ. Ác nhỏ làm được thì từ từ ác khá hơn và cuối cùng là ác cỡ nào cũng làm được. Từng thiện pháp quan trọng ghê gớm và từng ác pháp nguy hiểm ghê gớm là vậy đó. Trong đời này nếu tôi không chết yểu thì tôi muốn bỏ ít nhất một năm cho đến bảy năm tu từ tâm. Muốn tu tập từ tâm thì chỉ có một con đường duy nhất, không có con đường thứ hai đó là hạn chế những tiếp xúc và quan hệ liên lạc không cần thiết. Chỉ có cách này mình mới lắng yên để thương yêu người khác. Đừng hòng tu tập từ tâm mà cứ tiếp xúc liên tục và liên tục email, điện thoại, gặp gỡ ngoài đời… Đời này ít nhất phải có một năm tu từ tâm chuyên nghiệp, không xen kẽ cái gì hết, không có bè bạn học trò đệ tử con cháu gì hết, nếu là xuất gia mà cần thiết thì ít nhất một vị thị giả mà thôi, còn cư

sĩ thì tự thu xếp tìm về phương trời xa vắng nào đó ở với người bạn vừa ý mình, hoặc là thà ở một mình, chỉ có như vậy quí vị mới có thể tu tập từ tâm một cách trọn vẹn. Hễ còn tiếp xúc dù đó là bậc mình thương kính đi nữa, vẫn phải cẩn thận vì có những trường hợp bực mình, trong Kinh An Lành gọi là: "kālena dhammassavana" (đúng thời nghe pháp) hoặc là "kālena dhammasakaccha" (tùy thời đàm luận pháp). Tùy thời nghĩa là chỉ đến gặp gỡ lắng nghe trao đổi trong lúc nào thật sự cần thiết và khi nào chuyện đó chỉ đem lại lợi ích hoặc không mang lại điều vô ích thì mình mới đi. Ví dụ như mình đang hành thiền tự nhiên có người rủ đi nghe thuyết pháp vì bữa nay có vị nào đó về thuyết pháp, cái đó phải xét lại, chớ không phải có ai đó rủ đi trai tăng, đi đặt bát vui quá là đi liền. Nếu là hành giả thứ thiệt là phải xét lại. Vì vậy, muốn tu tập từ tâm hãy lìa xa những quan hệ không cần thiết. Đây là lời giải thích cho bài kinh Tiếng Động này. Không thể nào không có một năm tu từ tâm, tối thiểu, muốn tu được thì phải tránh cho bằng được những quan hệ không cần thiết, khó vô cùng. Còn ai thấy rằng mình tu không tiến bộ thì làm ơn ngó thử mình đang sống ra làm sao, phải nhìn lại tại sao mình không tiến bộ. Đừng ngồi tưởng tượng rằng mình là hành giả mà, mình đang ở Miến Điện mà, đang ngồi trong thiền viện mà, có thiền sư hướng dẫn mà, tu có pháp môn đàng hoàng mà, đúng như vậy, nhưng thật ra không có tiến bộ vì thật ra quan hệ tiếp xúc, bối cảnh môi trường điều kiện của mình không thích hợp, toàn tưởng tượng. Có người sẽ không đồng ý và nói lìa xa chúng sanh thì đối tượng đâu cho mình tu từ tâm. Cứ thử đi, còn kỹ thuật tu tập từ tâm thì coi trong Thanh Tịnh Đạo, hoặc coi cuốn Triết Học PG tôi vừa in, trong đó có phần giảng về thiền Quán thiền Chỉ rất kỹ, đặc biệt là cuốn Triết học A-tỳ-đàm. Thời gian sau này tôi không đọc sách tiếng Việt bởi vì sách bên đây nhiều quá, nên tôi chỉ giới thiệu cái nào tôi biết rõ thôi.

KHÔNG CHẾ NGỰ CĂN (Pākatindriyasutta)

Thất niệm và phiếm luận

Trong Chú giải cũng không giải thích nhiều, đã giảng trong chương Chư Thiên. Bài kinh này nói về một số vị tỷ kheo sống chung với nhau rồi thất niệm, nói nhiều. Tôi muốn nói một việc rất thường nhưng tôi cho đó là điều quan trọng bậc nhất, lúc nãy tôi đã nói, đó là không thể nào muốn tu tập từ tâm mà sống va chạm cọ xát chung đụng nhiều người. Không hiểu vì sao ở tuổi này tôi lại thấm thía chuyện phiếm luận. Mỗi lứa tuổi tôi chú ý một chuyện, hai năm nay tôi chú ý nhiều đến chữ "phiếm luận". Đối với tôi đây là một đại tội. Phiếm luận là tiếp xúc hay trao đổi những đề tài không liên quan gì đến Phật Pháp, những đề tài làm cho

mình xuống tinh thần, nóng nảy nhiều hơn, tham dục nhiều hơn. Ngày xưa tôi không có thấm cái này, bây giờ tôi mới thấm cái này. Dù cho quí vị có tu học ghê gớm cách mấy, miễn là còn phàm, mà quí vị thích thú phiếm luận thì trong vòng ba nốt nhạc sẽ rớt từ trên trời xuống sình luôn, bởi vì phàm tâm mà. Bài kinh này nói một số vị tỷ kheo sống trong rừng, ồn ào, lắm lời, thất niệm. Dầu có thương ai bằng trời đi nữa, phải để ý, người này khi ở gần mình họ nói cái gì, cái đó quan trọng lắm. Đừng coi thường người này là dốt, đừng coi thường người này là học trò của mình, đừng coi thường người này không ra gì trong mắt mình. Vua đứng đầu thiên hạ, là thiên tử con trời, nhưng quí vị biết, một trong những người tác động đến vua nhiều nhất là thái giám và cung nữ, nhiều khi họ tác động còn hơn cả hoàng hậu, thái hậu và trọng thần trong triều, bởi vì thái giám và cung nữ là thường xuyên chung đụng gần gũi vua nhất. Con người mình khi nào kiêu ngạo cống cao mình coi người ta là rác, nhưng mình có khuynh hướng lây lan rất dễ, vì vậy tất cả những ai mình thương quí cỡ nào mà họ có khuynh hướng mê phiếm luận thì bằng mọi giá mình phải nhấn nút lìa xa.Điểm đặc biệt quan trọng trong bài kinh này là Trong Chú giải cũng không giải thích nhiều, đã giảng trong chương Chư Thiên. Bài kinh này nói về một số vị tỷ kheo sống chung với nhau rồi thất niệm, nói nhiều. Tôi muốn nói một việc rất thường nhưng tôi cho đó là điều quan trọng bậc nhất, lúc nãy tôi đã nói, đó là không thể nào muốn tu tập từ tâm mà sống va chạm cọ xát chung đụng nhiều người. Không hiểu vì sao ở tuổi này tôi lại thấm thía chuyện phiếm luận. Mỗi lứa tuổi tôi chú ý một chuyện, hai năm nay tôi chú ý nhiều đến chữ "phiếm luận". Đối với tôi đây là một đại tội. Phiếm luận là tiếp xúc hay trao đổi những đề tài không liên quan gì đến Phật Pháp, những đề tài làm cho mình xuống tinh thần, nóng nảy nhiều hơn, tham dục nhiều hơn. Ngày xưa tôi không có thấm cái này, bây giờ tôi mới thấm cái này. Dù cho quí vị có tu học ghê gớm cách mấy, miễn là còn phàm, mà quí vị thích thú phiếm luận thì trong vòng ba nốt nhạc sẽ rớt từ trên trời xuống sình luôn, bởi vì phàm tâm mà. Bài kinh này nói một số vị tỷ kheo sống trong rừng, ồn ào, lắm lời, thất niệm. Dầu có thương ai bằng trời đi nữa, phải để ý, người này khi ở gần mình họ nói cái gì, cái đó quan trọng lắm. Đừng coi thường người này là dốt, đừng coi thường người này là học trò của mình, đừng coi thường người này không ra gì trong mắt mình. Vua đứng đầu thiên hạ, là thiên tử con trời, nhưng quí vị biết, một trong những người tác động đến vua nhiều nhất là thái giám và cung nữ, nhiều khi họ tác động còn hơn cả hoàng hậu, thái hậu và trọng thần trong triều, bởi vì thái giám và cung nữ là thường xuyên chung đụng gần gũi vua nhất. Con người mình khi nào kiêu ngạo cống cao mình coi người ta là rác, nhưng mình có khuynh hướng lây lan rất dễ, vì vậy tất cả những ai mình thương quí cỡ nào mà

họ có khuynh hướng mê phiếm luận thì bằng mọi giá mình phải nhấn nút lìa xa.Điểm đặc biệt quan trọng trong bài kinh này là thất niệm và phiếm luận. Mình dễ duôi cỡ nào thì dễ duôi nhưng phải nhớ đây là hai chuyện cực kỳ quan trọng. Mình gần chết rồi, thời gian qua nhanh vô cùng. Các vị biết rồi, một tuần tôi đi học năm ngày, bữa nào tôi làm biếng tôi phải đếm, bữa nay thứ sáu rồi, chỉ cần học ngày thứ bảy nữa thì được nghỉ hai ngày cuối tuần, mừng lắm. Nhưng cứ chú ý thứ Bảy Chủ Nhật thì tôi phát hiện ra một việc, thời gian chỉ lê thê đối với người nào không có lý tưởng sống hoặc không có việc gì để làm, thực ra nó qua vun vút. Cái niệm Chết là cái mà tôi rất là tâm đắc, bao nhiêu chuyện phiền muốn bỏ chỉ nhớ đến cái chết thôi, nghĩ tới đó là cái gì cũng lắng xuống hết. Nghĩ đến cái chết là lạnh xương sống. Sợ chứ! Chỗ tôi ở bước ra nghĩa trang đi thong thả là từ năm đến bảy phút. Nghĩa trang bên đây không có nấm cao như mình, chôn xuống rồi họ đặt miếng đá sát mặt đất, bên trên là miếng đá nhỏ bằng cái gối nằm nghiêng nghiêng. Nhìn xa xa giống như cái chiếu trải và cái gối. Nghĩa trang mênh mông mà một con chó hay đứa bé bò trên đất mình cũng thấy, lối đi trồng hoa trải sỏi rất đẹp. Những kẻ đang nằm ở dưới một thời là chủ những cái villa chung quanh đây. Đứng ở chỗ chúng tôi nhìn qua là thấy biên giới giữa hai nước Thụy Sĩ và Đức, con sông chia đôi, mênh mông nhìn hút mắt, bên đó là nghĩa trang.

SEN HỒNG HAY SEN TRẮNG (Gandhatthenasutta)

‘Gandha’: ‘mùi thơm’; ‘thena’=’cora’: ‘kẻ trộm’. ‘Gandhathena’: ‘kẻ trộm mùi thơm’. ‘Manohara’: ‘kẻ đánh cắp trái tim’. ‘Thera’: ‘trưởng lão’, ‘thena’: ‘kẻ trộm’. Giống như Phật tử mình hay nhầm lẫn hai chữ này: casino, kasina. Kasina là hành thiền. Trong một số bài viết của tôi, pháp danh tôi là Giác Nguyên, có lúc tôi không muốn để là Giác Nguyên mà để là Duyên Ngát, hơi trật chính tả một chút nhưng thú vị.

Chữ‘Gandhathena’ này rất hay. Vị tỷ kheo này đi bát về thấy có hồ sen, vị đó bước xuống để ngửi. Vị Thọ thần trong bụng nghĩ trách, cho rằng chuyện ngửi một đóa hoa là hành động thế tục, hưởng thụ, không đẹp đối với một vị Sa-môn. Ở Thụy Sĩ có cô Phật tử lạ lắm, cổ không hoan hỉ khi thấy trong chùa Tích Lan có những món đồ đắt tiền, cổ thấy chùa có bộ salon đắt tiền, vị sư nào xài phone đắt tiền, mang giày mới hay dép mới, khăn quàng cổ hơi tốt tốt thì cổ khó chịu. Không phải cổ ganh tị nhưng cổ nghĩ là vị sư không nên xài những thứ đồ đó. Quí vị phải thông cảm, cái bậy là mình cố ý bỏ tiền ra đi tìm kiếm order những thứ đắt tiền. Dĩ nhiên những vị sư cũng tránh dùng những thứ đắt tiền để tránh

người ta hiểu lầm vì người ta biết đó là của đàn na mà. Cách đây không lâu có ông thầy chỉ vì hình ảnh cầm iphone 6 mà Trúc Lâm dậy sóng, vào internet xem "Thầy đập hộp iphone 6" là biết. Một người thật lòng cầu đạo giải thoát thì nhu cầu càng ít càng tốt. Càng lệ thuộc vào cái gì đó, thì khả năng giải thoát tự tại càng bị thu hẹp. Nhu cầu tầm thường càng nhiều thì nhu cầu cao cấp sẽ bị mất chỗ. Chỉ cần mình thích xe đẹp, thích ăn mặc đẹp là mình biết mình mất đi một góc trời giải thoát. Mỗi lần mình thích một cái là mình bị mẻ đi một góc tự tại, càng thích vật chất chừng nào thì phải hiểu ngầm tinh thần sẽ bị bỏ ngõ, bị làm lơ. Phúc thay cho kẻ nào có khả năng an lạc với đời sống tinh thần tự thân một cách lành mạnh và hữu ích. Đáng thương thay cho kẻ nào không có khả năng an lạc với riêng mình. Cái nhu cầu vật chất của mình biết kiếp nào mới thỏa mãn được, riêng cái khoảng Apple Production thì nó cứ lên đời nâng cấp liên tục. Nhìn cái Ipad tôi không biết 50 năm nữa nó sẽ ra tới cái gì không biết, tôi chỉ biết mơ hồ là một lúc nào đó người ta không cần dùng keyboard như mình nữa, bàn phím sau này có lúc chỉ là ánh sáng rọi trên mặt phẳng, chạm tay vào ánh sáng đó là chạm tay vào bàn phím rồi. Cách đây không lâu, tôi đọc, sau này sẽ có xe tự hành, mình set up sẵn, chỉ cần bấm địa chỉ thì tự động nó chạy trên đường và đến nơi. Có điều, tôi nghĩ là ở nước ngoài chứ nước mình bà con chạy ẩu, khi nào mà toàn bộ mọi người đều dùng thì ok chứ không thì cái máy nó đỡ không nổi. Chính ông James Bond khi qua VN ổng nói ổng lái xe bắn súng không sợ mà gặp dân Sài Gòn, Hà Nội chạy xe ổng tối tăm mặt mũi, mặt ổng tái mét. Vì vậy ở tại Sài Gòn ngoài đèn xanh đèn đỏ người ta còn có một cách là nhìn mặt người bên cạnh, thấy họ mặt tái thì biết mình đang chạy nhanh, thấy họ mặt đỏ thì biết là có thằng nào vừa chạy ẩu. Nhìn mặt người hành khách là đoán được tốc độ xe và xe đang lưu hành thế nào. Mình đang phiếm luận rồi đó nhưng có đi xe ở VN mới biết xã hội mình có một tỷ vấn đề. Sẽ có một lúc, đời sống nhân loại càng văn minh, nhưng nếu đời sống tinh thần mình nghèo quá thì cái văn minh đó chỉ làm cho mình cô quạnh thêm mà thôi. Cách đây 10 năm tôi có đọc một bài viết rất ngậm ngùi, đó là con người bây giờ có điều kiện khả năng di chuyển đi rất xa và rất nhanh nhưng không còn khả năng đến với nhau nữa. Con người có khả năng lên trăng nhưng không có khả năng bước qua nhà hàng xóm. Con người có khả năng nói chuyện xuyên đại dương nhưng không còn thời gian về thăm mẹ thăm cha để gặp mặt nói chuyện trực tiếp. Chúng ta có khả năng kiếm rất nhiều tiền nhưng không còn thời gian để rót cho mẹ cho cha một ly nước. Một bài viết chỉ khoảng chừng hai ba chục gạch đầu dòng nhưng tôi đọc rất là xúc động. Chúng ta bây giờ có đủ thứ nhưng đánh mất rất nhiều thứ, trong đó có một điều, chúng ta bây giờ có thể đọc nhiều thứ trên internet nhưng chúng ta bắt đầu chán đọc và sợ

đọc rồi, gặp cuốn sách hai ba trăm trang là sợ hãi rồi. Phật tử VN, khi tôi về tôi để ý thấy họ điều kiện khó khăn tôi thương, nhưng tôi thầm cầu nguyện mong sao họ chỉ đủ ăn thôi và bệnh thì có thuốc. Tôi chỉ không mong họ giàu đến mức lười đọc sách. Đến bây giờ tôi vẫn chủ trương là in sách ra giấy mà không gởi trên internet, lượng độc giả mà tôi nhắm tới phần lớn là trong nước mà số người xài tablet, ipad, laptop gọn gọn cho đến bây giờ vẫn là con số ít, đặc biệt là những người lớn tuổi từ 50 trở lên, đi đâu họ lận cuốn sách trong người tiện hơn là ipad. Đó là nhận xét của tôi, và trong nước bây giờ vẫn còn người thích đọc sách, cầm theo cuốn sách tiện hơn khi ra ngoài công viên, bờ hồ…

Trong bài kinh này, vị Thọ thần này hơi khắt khe, tuy nhiên cái hay của bài kinh này nằm ở điểm: càng sống lệ thuộc nhiều chừng nào thì khả năng giải thoát càng hạn chế chừng đó, nhu cầu thấp càng nhiều thì nhu cầu cao sẽ bị mất chỗ. Đó là hai điều quí vị phải nhớ khi khép lại chương này. Xin chào quí vị, hẹn lại tuần sau.. #NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 7-10-2014 CHƯƠNG 10. TƯƠNG ƯNG DẠ XOA

INDAKA (Indakasutta)

Sáng hôm nay chúng ta làm việc với chương Dạ-xoa, bài đầu tiên là bài Indaka. Indaka là tên của một Dạ-xoa. Theo trong Chú giải thì quan niệm của Dạ-xoa này có lẽ giống như phần lớn chúng ta ở đây, đặc biệt là những người không học A-tỳ-đàm. Giống ở điểm là mình nhập chung những khái niệm 'tôi', 'của tôi', sinh mạng và đời sống của thân xác này là một. Ai mà lườm nguýt mình, háy nguýt vào thân xác mấy chục ký này là có nghĩa người đó coi thường mình, ghét mình. Hễ thân này của mình thì mình nghĩ là nó đẹp, được người ta trầm trồ ngắm nghía thì mình thấy vui, khi đau bịnh thì mình thấy cả một bầu trời sụp xuống. Nói chung là cái khái niệm về ngã và ngã sở, mạng sống của mình và xác thân của mình mình trộn chung vào một khối. Với một người biết Phật pháp thì họ không nhìn như vậy. Một hành giả Tứ Niệm Xứ sẽ thấy rõ: Tất cả những cái gọi là buồn vui thiện ác, là thuộc về thế giới tinh thần của mình, gọi là danh pháp; tất cả những tóc lông móng răng da thịt gân xương tủy mật đàm mủ máu… thuộc về sắc pháp, vật chất. Danh pháp có mặt và hoạt động bằng vào sự hỗ trợ của vô số nhân duyên và tấm thân sinh lý này của mình cũng được tồn tại và hoạt động bằng sự hỗ trợ của vô số nhân duyên. Danh không phải là sắc và sắc cũng không phải là danh. Trong toàn bộ cái gọi là sự có mặt của mình trong cuộc đời này nói chung là sự hiện hữu của một chuỗi nhân duyên, không có gì gọi là độc lập hết, không có cái gì là solid, không có gì là massive, không có gì là pure. Tất cả là một sự cộng ghép, cộng hưởng rất đỗi phù du, là sự lắp ghép tạm bợ. Tôi không để tiếng Việt vì ở đây có những bà con đọc những chữ này dễ hiểu hơn, không có gì đơn thuần riêng lẻ một món. (There is nothing solid or massive or pure, but compostion, transition). Dạ-xoa này cũng có quan niệm mọi thứ gom chung trong cục nợ này. Đức Phật nói không. Danh pháp, đời sống tinh thần của mình muốn tồn tại thì cần phải có Tâm sở mạng quyền (jīvitindriya cetasika = mental vitality: sức sống tinh thần). Sắc pháp muốn tồn tại thì cần phải có Sắc mạng quyền (jīvitindriya rupa). Đó là một trong những yếu tố làm nên sự hiện hữu của danh hoặc sắc. Hôm nay mang tiếng là người VN nhưng tôi là nam quí vị là nữ, mang tiếng là nam nhưng trong người tôi đủ bệnh còn quí vị khỏe mạnh, mang tiếng là nam nhưng lá gan của tôi tốt hơn gan quí vị, bao tử của quí vị tốt hơn tôi, nói chung là mỗi người có một mớ vấn đề về danh và sắc khác nhau. Trong cái gọi là danh và sắc đó ở bản thân mỗi người cũng có vô số những vấn đề, nói chung nó là sự cộng hưởng của rất nhiều thứ: tốt, xấu, khỏe, yếu. Do tiền nghiệp đời trước nên đời này tôi bị bệnh nhiều còn quí vị khỏe mạnh, do tiền nghiệp đời trước nên

quí vị thông minh còn tôi thì bẩm sinh tâm thần, khờ khờ, trí nhớ bị kém, nghe đâu quên đó v.v... tất cả rõ ràng do nhiều yếu tố quá khứ và hiện tại, do tiền nghiệp đời trước cộng với hoàn cảnh hiện tại, gene gia đình v.v... tất cả làm nên cái gọi là ông A bà B, sang hay hèn, giàu hay nghèo, trí hay khờ… Nói chung sự hiện hữu của mình là sự cộng ghép của danh và sắc, của tiền nghiệp và hiện nghiệp… Dạ-xoa không biết điều này nên đến hỏi Đức Phật: Con cứ nghĩ cái mạng này của con là một khối sao con ngờ ngợ không biết nó hình thành như thế nào. Đức Phật giải thích:

- Danh Sắc là khối tổng hợp của nhiều thứ và do nhiều duyên mà có

- Không phải đột ngột, thình lình (ekappahara) xuất hiện mà chúng phải xuất hiện một cách tuần tự, thứ lớp (anupubbena: gradually).

Ngài giải thích theo quan điểm của người thời đó chứ không phải là Ngài không thể giải thích. Trình tự sinh học theo khoa học bây giờ không phải Ngài không biết nhưng thời đó Ngài phải nói như vậy đó. Hôm nay chúng ta cũng biết rằng nguyên thủy thì sự hình thành của một thân người rất là nhỏ, đây là vấn đề nhạy cảm tại sao tôi là một tu sĩ lại nói kỹ chuyện đó và tôi cũng không phải là nhà khoa học tại sao tôi lại chạm vào một lĩnh vực mà tôi là ngoại đạo, nhưng không thể không nói vì mình đang giảng về vấn đề này. Nguyên thủy mình chỉ là một chút sperm thôi, từ tinh trùng của người nam kết hợp với thời điểm rụng trứng của phụ nữ, từ đó hình thành ra bào thai, gọi là phôi (foetus) chứ chưa tới womb. Quí vị đi về New York có Viện Bảo Tàng Sinh Học sẽ thấy quá trình hình thành của một con người từ lúc đầu đời cho đến lúc chết như thế nào. Buổi đầu mình không thể nhìn bằng mắt thường, rồi từ từ là một miếng thịt, và tượng hình dần dần tứ chi… cuối cùng là một đứa bé. Từ ban đầu là một miếng dầu nhỏ xíu, như trong kinh mô tả, giống như dầu ăn dính trên đầu lông con thú (con cừu hay con chó). Bài kinh này liếc qua thì không thấy có gì liên hệ đến giải thoát nhưng đàng sau đó là có nhiều điều để nói: 1) Vạn pháp do duyên mà có. 2) Tất cả chỉ là sự lắp ráp. 3) Đã có rồi thì sẽ có sự vô thường, vì cái sau phủ nhận cái trước, thay thế cái trước. Cái nhỏ phải phát triển lớn, biến dạng để lớn hơn, ra hình dạng khác, mọi thứ bị đẩy về phía trước để đến cõi chết. Khi Dạ-xoa nghe như vậy thì hiểu ra được những vấn đề trên. Cái sâu của bài kinh này ở chỗ đó, mình có thói quen ghép thành một.

Bốn mươi khía cạnh Tam tướng: vô thường: 10; khổ: 25; vô ngã: 5. Trong những khía cạnh này, có khía cạnh ‘người lạ’. Danh sắc phải được xem là người lạ. Tôi

nhớ có viết bài Lệ Giang, có nói đến khía cạnh này. Từ đó đến giờ mình khổ là vì mình nhìn mình từ góc độ của mình. Mình thấy mọi thứ là của mình, nên ai làm gì đụng tới mình thì mình thấy tổn thương. Hành giả quan sát thì không nhìn mình từ góc độ của bản thân mà họ nhìn như là ai đó vậy. Khía cạnh 'người lạ' là như vậy. Nếu có dịp quan sát thân tâm này, sẽ thấy lạ lắm, mình thấy bây giờ tới giờ nó khát nước nó muốn uống, nước vô tới, nó đang thích, nó no rồi không thích nước nữa, nó không muốn ngồi nữa, nó muốn đi; bây giờ nó đang phiền nè, nó đang phóng tâm; nó đang nhớ chuyện tầm bậy, nó đang giận, đây là tâm sân. Có một âm thanh xuất hiện, nó đang vui… Nếu nhìn kỹ như vậy quí vị sẽ thấy thú vị lắm khi mình quan sát mình như là người lạ. Còn nếu mình không chánh niệm, không hiểu biết Phật pháp, không tu tập Tứ Niệm Xứ, thì - nói hơi nặng - mình không khác con thú chút nào hết, chạm tới là mình phập. Có ví dụ này rất hay, đó là có một con chó khi bị người ta ném nó một cục đá hoặc gạch, nó sẽ táp sẽ giận cục gạch đó chứ không nghĩ đến người tấn công nó (trừ những con chó khôn ra). Con rắn cũng vậy, lấy cây khều nó thì nó cắn cây, tưởng nó ngu nhưng thật ra mình cũng vậy, mình cũng giải quyết cái ngọn không giải quyết cái gốc. Ví dụ người ta chửi mình, đánh mình tại sao mình giận?

Là bởi vì mình tập trung vào "cục nợ" này, đây là tôi nè, bây giờ người ta chạm vào đó là người ta chạm vào tôi nè. Nhưng gốc khổ không nằm ở đây mà nằm ở ngộ nhận của mình. Vị A-la-hán bị đánh, bị chửi, các ngài không giận người tấn công vì các ngài biết rõ tấn công đó là gì, cục nợ đó là gì và vì đâu người ta không tấn công người khác mà tấn công chỗ này, vì đó là tiền nghiệp, vì sao hôm qua không bị mà tại sao bữa nay bị, vị A-la-hán thấy rõ hết, hiểu rõ bằng tất cả niềm tin, sự xác tín. Còn mình thì sao, cái chuyện anh chàng tưởng mình là hột thóc sợ gà ăn rất là sâu, khi anh chàng biết mình là con người nhưng vẫn ngờ ngợ con gà không biết. Cái biết của anh ta có vấn đề, vì với hình dáng của anh ta làm sao con gà có thể nghĩ anh ta là hạt thóc được. Đó là cái biết vay mượn từ bác sĩ và y tá trong bệnh viện thôi. Nói vậy có nghĩa là cái biết của anh ta y hệt như cái biết của Phật tử chúng ta biết về Phật pháp và giáo lý vậy. Khi mình đi chùa nghe pháp, tăng ni cho mình biết: đây là danh sắc, đây không phải là chúng ta nghen. Mình biết vậy đó nhưng khi ai nói nặng là mình nổi giận lên liền. Bởi vậy trong kinh nói "Sabbe puthujjanā ummattakā"(tất cả phàm phu đều là những người mất trí) là như vậy đó. Nội dung bài kinh này, Đức Phật mô tả quá trình sinh học của con người theo quan điểm, ngôn ngữ của thời đó, nếu Ngài có mặt hôm nay thì Ngài nói về biology hay hơn mình nữa.

SAKKA (Sakkanāmasutta)

Có một Dạ-xoa có lòng kính tin Đức Phật, nhưng Dạ-xoa này là Marapakkhika (một phe với Ác Ma). Mỗi khi Ma Vương cần đám đông đi phá làng phá xóm thì có nhiều người ủng hộ, những Ác Ma ở cõi Tha Hóa Tự Tại, Dục Thiên cao nhất, nhưng khi cần đám đông thì Ác Ma sử dụng luôn thêm lực lượng ở cõi thấp hơn. Chẳng hạn như đêm Đức Thế Tôn giảng bài kinh Đại Hội thì hằng hà sa số đồng bọn của Ác Ma tới đông lắm. Chỉ riêng chữ Marapakkhika gợi ý cho mình một điều quan trọng: ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. Trong dòng luân hồi, khuynh hướng tâm lý của mình như thế nào thì mình sẽ đi về cộng trú với những người giống như vậy, cộng sinh cộng hưởng là chỗ đó. Hôm nay mình phải tu tập là để bào mòn ác pháp, vun bồi thiện pháp, tạo ra sự tương thông với các bậc hiền trí hiền thánh ở đời. Còn mình làm ác trước hết là gieo nhân khổ và tạo ra sự tương thông với kẻ ác.

Ông Dạ-xoa biết Đức Phật là bậc giác ngộ nhưng không hoan hỉ trong hoạt động của Ngài, ông muốn ngài cứ viên tịch đi, đừng thuyết giảng gì hết. Đức Phật mới giải thích, Ngài là người đã giải thoát, không có lý do gì Ngài từ bỏ chúng sanh. Ngài đã qua sông, có chiếc thuyền trên sông mà thấy người ta chết đuối, người ta cần thì ra tay giúp đỡ chứ đâu có lý do gì không dòm ngó tới người khác, sống là phải có ta có người. Bài kinh này trong Chú giải không giải thích nhiều, đọc sao hiểu vậy. Cái sâu của bài kinh này là sống như thế nào để đừng chống lại cái thiện, đừng ác cảm với cái thiện và sống như thế nào để tương thông với bậc hiền trí. Ở đây quí vị cũng biết, thiện nhân chỉ hòa tan với thiện nhân. Có nhiều thứ bỏ vào trong nước không tan, nhưng có thứ tan liền, có nhiều thứ để tự nhiên cũng tan thành nước. Cũng vậy, có những người đến bên cạnh người thiện, họ mau chóng trở thành người thiện, hoặc tối thiểu cũng thừa tiếp ân triêm lợi lạc từ người thiện, nhưng có những kẻ chỉ có thể hấp thụ, chịu ảnh hưởng tác động từ người ác thôi, ở gần người ác thì lây rất nhanh, còn ở gần người thiện thì trớt quớt, đó là điều để chúng ta lưu tâm. Học bài kinh này thấy vắn tắt nhưng mở ra vấn đề rất lớn là sống như thế nào mà chỉ nhận tác động từ người ác còn người thiện thì mình chỉ là tấm nylon trong cơn mưa thì chết, giống như cái muỗng nằm trong nồi canh thì không được, tối thiểu phải là cái lưỡi để nếm được vị canh dù ở xa nồi canh.

SUCILOMA (Sūcilomasutta)

“1) Một thời Thế Tôn ở Gayà, trên hòn đá Tankita tại trú xứ của Dạ-xoa Suciloma. 2) Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara và Dạ-xoa Suciloma đi ngang qua, không xa Thế Tôn bao nhiêu….”

Dạ-xoa Suciloma

‘suci’: ‘cây kim may’.

‘loma’: ‘sợi lông’, ‘cọng lông’.

‘sūciloma’: ‘lông cứng, nhọn như kim’.

Theo Chú giải, vào đời Phật Ca Diếp, có một vị tỷ kheo lười biếng, tu hành trong sạch chân chánh, giới luật không phạm, nhưng khi mệt mỏi bạ đâu nằm đó không ý tứ nhìn trước trông sau gì hết. Khi mình mẩy mồ hôi mồ kê mà cứ muốn nằm mà thấy chỗ nào nằm được là cứ nằm đại. Theo trong Luật thì thời Đức Phật, dù không ai bắt buộc nhưng tỷ kheo ở xa bên ngoài Ấn Độ hoặc bên trong Ấn Độ nhưng ở vùng sâu vùng xa luôn dành sẵn một chỗ ngồi đàng hoàng vì họ nghĩ là rất có thể Thế Tôn sẽ đến, vì người như Thế Tôn thì sự có mặt ở nơi này nơi kia không thành vấn đề, không cần phải đi mua vé máy bay như mình. Khi Ngài không còn nữa thì những chỗ nào hơi rộng rãi một chút người ta dành chỗ để các vị tôn túc trưởng lão có ghé đến thì có chỗ ngồi. Ở đây vị tỷ kheo này có cái thói mỏi mệt là bạ đâu nằm đó, bất kể mình mẩy dơ dáy bụi bặm. Thói quen đó chính là một ác nghiệp, thói quen bất kể người khác, sinh hoạt theo ý của mình. Chỗ người ta đang dọn sạch sẽ mà mình mang tấm thân dơ của mình trây lên đó thì người ta gớm không dám nằm nhất là đồ của tăng (tập thể), vì vậy vị tỷ kheo này chết rồi sanh thành Dạ-xoa có lông cứng như kim. Dạ-xoa này rất là khổ sở, vì cả người toàn gai, phải chịu khổ trong một thời gian “buddhantarakala” (khoảng thời gian giữa hai vị Phật). Chữ buddhantarakala thường được dùng nhiều trong kinh. Khoảng thời gian này lâu lắm, lâu đến mức vị này lòng xao lãng Phật pháp. Tôi từng gặp những vị sư hoàn tục, hoàn tục ít ít thì được chớ lâu quá thì nhìn họ không còn dấu vết của một ông sư nữa, dù chỉ một hai chục năm. Vừa rồi đi Pháp tôi có gặp một vị hoàn tục, người cũng hiền lành, có đức tin, nhưng khi tiếp xúc thì không còn dấu vết nào của một nhà sư hết. Nhiều vị còn mới nên “tình ngỡ đã quên đi nhưng người bỗng hiện về”. Tôi nhấn mạnh chuyện này là vì mình là tỷ kheo mà tới lúc gặp một vị Phật mà lại trớt quớt.

Dạ-xoa Khara.

‘khara’: (tough) ‘gồ ghề’, ‘sần sùi’. Dạ-xoa Khara vốn là một thiện nam, trong thời Phật Ca Diếp. Dạ-xoa Suciloma vốn là một tỳ kheo. Cả hai có tiền nghiệp giống nhau là thiếu ý tứ trong việc sử dụng tài sản của chư Tăng. Phải hiểu thêm là chẳng những của chư tăng mà của tập thể cũng vậy, ở những xứ văn minh cái

gì thuộc về tập thể người ta trân trọng lắm. Nói ra xấu hổ chứ có rất nhiều lần đứng bên Đức hoặc Thụy Sĩ tôi nhìn thấy công viên có những ghế đá hoặc băng bằng inox tôi nghĩ bụng, cái này nếu gặp bên mình là biến mất trong vòng ba giây, cái ghế đẹp quá sức đẹp. Cái nào thuộc về công cộng mà không đem về xài được là cạy gỡ cho hư. VN với TQ thì hay có cái bịnh đó, như xe bus Carosa ở VN ngày xưa, cái gạt tàn thuốc bị cạy bung ra, cái ghế nệm bị rạch móc tanh bành mới chịu.

Hai ông Dạ-xoa này cũng vậy, biết nằm dơ như vậy người khác sẽ khó chịu, hoặc gớm. Chính mình cố ý đem lại cảm giác khó chịu cho người ta thì tạo ra cái quả sinh ra là phải chịu như vậy, ông Suciloma thì lông như kim, còn ông Khara thì có lưng sần sùi y chang như cá sấu (‘suṃsumāra’, crocodile), bởi vì ngày xưa ổng gieo rắc người ta cảm giác khó chịu nên đời này sinh ra như vậy. Dạ-xoa Khara này cũng không đến nỗi tệ, khi gặp Đức Phật ông nói với Dạ-xoa Suciloma đây là một vị Sa-môn. Hôm trước tôi đã nói, đừng tưởng có thần thông thì cái gì cũng biết, nếu mình thiếu đức tin, trí tuệ thì thần thông cũng chỉ như cái ống dòm, có thấy cũng không biết đó là cái gì. Vì vậy Dạ-xoa Suciloma nói “Đây không phải Sa-môn. Đây là Sa-môn giả. Hay ít nhất cho đến khi ta biết được Sa-môn hay Sa-môn giả”. Theo Chú giải, Dạ-xoa Suciloma có suy nghĩ, nếu ông này là thứ thiệt thì ổng không sợ mình, còn nếu là thứ dỏm nên ổng sợ mình, vì vậy Dạ-xoa Suciloma cố ý dùng thân của mình ép sát vào người của Thế Tôn. Lúc đó Đức Thế Tôn tránh qua một bên (‘apanameti’: remove, take away, dời đi): “Này Hiền giả, Ta không sợ Ông. Nhưng xúc chạm với Ông là điều đáng ghét” Trong kinh nói thêm là thân Dạ-xoa này rất dơ và hôi hám giống như con heo bị dính phân người, không có gì để người ta sợ nhưng để cho thân mình để đụng vào là việc không nên (‘pāpaka’) (HT Minh Châu dịch là ‘đáng ghét’.) Vì Dạ-xoa mùi hôi hám, và kim tua tủa như vậy nên Đức Phật phải tránh qua một bên. Dạ-xoa dù sao cũng từng là người đi tu, nên mới hỏi Đức Phật bằng câu kệ, trong Chú giải không nói nhiều về lý kinh mà chỉ nói chuyện ở bên ngoài, chỉ giải thích “không nên” là sao, “né qua một bên” là sao, “nắm chân liệng” là sao. Dạ-xoa hỏi Ngài phiền não ở đâu ra, Đức Phật giải thích phiền não do thân kiến mà ra.

Tất cả tham và sân (tức sự mê đắm và bất mãn) đều từ thân kiến mà có. Thân kiến là sự chấp ngã trong danh sắc, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới của mình, cho là một khối và đó chính là bản thân mình, phải chứng được sơ quả mới lìa bỏ được thân kiến. Đầu buổi giảng tôi đã nói, mình nhìn thấy cái gì đó mình thích là bởi vì trong sâu thẳm tiềm thức của mình mình coi nhãn thức, nhãn cầu, tấm thân này là một. Trong quan sát của một hành giả thì không phải vậy, khi nhìn cái gì đó mình

thích chỉ là một quá trình của một chuỗi thành tố tâm lý rất là phức tạp; cái thích hay không thích không phải từ mắt, mắt chỉ chụp hình; còn thích hay ghét hình ảnh đó là do tâm chuyển hình ảnh về cơ quan trung ương bên trong và phân tích: Cái này là hoa gì, đang nở hàm tiếu, thơm lắm, mang từ Nhật về quý lắm, không ai trồng được, chỉ có nhà mình trồng được … tất cả những chi tiết này do mình phân tích tự cung cấp để có khái niệm bông này quí và thích. Thật ra tất cả là sự ghép nối chứ không phải là một khối, nếu mình nghĩ thân và tâm mình là sự ghép nối thì mình không thích như vậy. Phải hiểu một cách rốt ráo từ thâm tâm, thấm thía tiêu hóa, phải tự tu tập có chánh niệm, có hành Tứ Niệm Xứ để thật sự thấy nó là đồ ráp chớ không phải là do nghe giảng rồi cắn răng chấp nhận. Khi mình đói thì không suy nghĩ nhiều về cái bất tịnh trong thức ăn trong việc ăn uống, nhưng khi mình ăn no và không đói thì có thời gian nghĩ sẽ thấy gớm chết. Các vị tưởng tượng cứ nhai món ăn nào đó rồi nhả vào bịch nylon, uống cái gì đó rồi nhả vào bịch nylon, đeo trước ngực thì gớm chết. Cũng những thứ đó mình nuốt qua cổ, tống vào người rồi đi súc miệng thì không nhớ rằng trong người mình đang có đồ dơ. Ăn chay là rau là đậu, ăn mặn là cá là thịt, tất cả những thứ này cho dù mình không chạm môi, không chạm tay tới, chỉ cần mình nấu xong rồi trút vào thùng chứa nào đó, với một thời gian, điều kiện nhiệt độ thì nó sẽ bốc mùi. Vậy mà mình lùa vào miệng, nuốt vô mà không thấy gớm. Trộn với nước bọt của mình đã thấy lạnh xương sống rồi, tới lúc qua tới ruột già chờ đi ra thì càng lạnh xương sống nữa. Có bao giờ mình nghĩ rằng khi mình nằm ngủ thì trong người mình có hai thứ, một thứ chưa tiêu hóa và một thứ đã tiêu hóa chờ tống ra ngồi; mình ngủ với một đống như vậy trong giường của mình, trùm mền, bên ngoài thì bôi kem, xức nước hoa bát ngát lãng đãng mà không ngờ là mình đang là thùng rác, đang lau chùi cái thùng rác và đem thùng rác đó lên giường đắp mền cho nó ngủ, phải nói phũ phàng như vậy.

Hành giả có học Phật pháp sẽ thấy: Hành giả có học Phật pháp sẽ thấy: Tất cả đều là sự lắp ráp, đều do duyên mà có, đã có rồi thì phải mất. Đây là câu thần chú còn hay hơn câu "yết đế, ba la yết đế"… Cứ đọc ngày đọc đêm trong nhà mình, khi đi làm hoặc khi đi vô thiền viện, cứ đọc hoài như vậy tôi bảo đảm ngàn phần trăm nếu đọc thế này thì chỉ trong vòng ba tháng (với người huệ căn) hoặc 6 tháng (với người độn căn) trở lên lòng quí vị sẽ nhẹ vô cùng. Hồi xưa giờ mình rất bị dễ tổn thương vì cái nhìn của ai đó hoặc nụ cười đểu, hoặc câu nói xúc phạm, nhưng kể từ khi trì niệm câu thần chú này thì quí vị sẽ vững vô cùng. Người ta trì chú tiêu tai giải nạn để không bị tai nạn tôi không tin, nhưng tôi tin câu chú này mà trì riết thì có gặp tai nạn lòng quí vị cũng bình tĩnh hơn, khả năng

chịu đựng tốt hơn. Tây có câu rất hay: . Đây là câu thần chú còn hay hơn câu "yết đế, ba la yết đế"… Cứ đọc ngày đọc đêm trong nhà mình, khi đi làm hoặc khi đi vô thiền viện, cứ đọc hoài như vậy tôi bảo đảm ngàn phần trăm nếu đọc thế này thì chỉ trong vòng ba tháng (với người huệ căn) hoặc 6 tháng (với người độn căn) trở lên lòng quí vị sẽ nhẹ vô cùng. Hồi xưa giờ mình rất bị dễ tổn thương vì cái nhìn của ai đó hoặc nụ cười đểu, hoặc câu nói xúc phạm, nhưng kể từ khi trì niệm câu thần chú này thì quí vị sẽ vững vô cùng. Người ta trì chú tiêu tai giải nạn để không bị tai nạn tôi không tin, nhưng tôi tin câu chú này mà trì riết thì có gặp tai nạn lòng quí vị cũng bình tĩnh hơn, khả năng chịu đựng tốt hơn. Tây có câu rất hay: Cầu nguyện lúc gặp nạn không phải để thoát nạn mà để bình tĩnh ngay trong lúc gặp nạn.

Sau khi nghe xong câu trả lời của Đức Phật thì Dạ-xoa Suciloma chứng sơ quả, lập tức được hưởng thiên lạc. Tất cả lông kim đều rụng mất, không tiếp tục ăn đồ dơ như trước đây, trú xứ cũng trở nên thanh tịnh và cao sang, do uy lực của quả vị Dự lưu.

Thiên lạclà niềm vui của chư thiên. Theo trong kinh, vị Chuyển Luân Thánh Vương sống trường thọ, không có bịnh hoạn gì, suốt đời chỉ có 6 cái gọi là bịnh đó là: nóng, lạnh, đói, khát, đại tiểu tiện và có được bảy báu: tình cảm, gia tài, quyền lực… Tuy nhiên cái gọi là hạnh phúc của vị Chuyển Luân Vương không bằng một phần nhỏ xíu của chư thiên. Tôi chẳng cần phải là Chuyển Luân Vương cũng chẳng cần phải là chư thiên tôi vẫn hoàn toàn có thể hiểu được sự chênh lệch đó như thế nào. Quí vị tưởng tượng đi, mình đi đâu cũng phải lê cái cục thịt mấy chục ký lô này còn người ta đi đâu như một làn khói, chỉ vậy là thấy người ta sung sướng hơn mình rồi; lúc ngồi lâu thì mỏi, đi cũng mỏi, nằm lâu cũng nóng nực, ăn dù có chừng mực ăn xong cũng mệt. Tôi muốn có cảm giác không đói không no, muốn đi đâu thì đi. Ở Orlando có một chỗ gọi là Disney World, trong đó có cái show gọi là ET, tôi khoe cái này hơi kỳ, nhưng giấc trưa nắng chang chang vô đó tối thui mà mát lạnh, họ tạo cho mình cảm giác như mình đang trôi trong vũ trụ, sướng vô cùng. Tôi không phải là chư thiên, cái tôi mê không phải là thiên nữ, cung vàng điện ngọc trầm hương pha lê mà cái tôi mê là được bay trong vũ trụ vô cùng vô tận, bay hoài không muốn niết-bàn. Tôi chỉ ngán có mỗi một chuyện, sống hết tuổi thọ rồi đọa, chỉ vì cái đó mà tôi muốn niết-bàn, chứ nếu mà đời đời kiếp kiếp đừng sa đọa mà bay hoài trong vũ trụ thì đã lắm, gặp tinh tú nào ngộ ngộ mình tấp vào coi rồi mình bay nữa. Tôi lạc đề như vậy vì muốn nói đến cái "thiên lạc", họ không bị giới hạn trong tốc độ, không bị giới hạn trong trọng lượng, không bị giới hạn trong sinh hoạt thường nhật, họ nằm ngoài tất cả. Một

chuyện nhỏ xíu như vậy cũng đáng để mình suy tư, tâm hồn của mình như thế nào thì mình mới có cảnh giới sinh hoạt như vậy. Nhưng nói cho rốt ráo thì dầu là thiên lạc hay nhân lạc thì cũng có lúc nó mất vì vạn pháp chỉ là sự lắp ráp, do duyên mà có và có rồi cũng sẽ có lúc kết thúc.

MANIBHADDA (Maṇibhaddasutta)

Bài kinh này là nói về một vị Dạ-xoa có cái nhìn rất là Phật tử. Vị này đến thưa với Đức Phật điều mình tâm đắc: Không có gì sung sướng cho bằng sống một đời chánh niệm. Bà con thử sống một ngày chánh niệm đi, sẽ thấy rằng: . Bà con thử sống một ngày chánh niệm đi, sẽ thấy rằng: Tất cả vấn đề của thế giới đều đi ra từ sự thất niệm. Một người không tin Phật pháp nghe vậy thì cứ nghĩ mình thổi phồng, cường điệu. Chánh niệm, nói đơn giản là ý thức rõ ràng mọi sự đang diễn ra, mindful! Biết rõ mình đang làm gì, biết rõ cái gì đang diễn ra. Các vị có học hết Tam Tạng đi nữa mà sống thất niệm thì chỉ là người chết rồi mà chưa chôn thôi, bởi vì anh đi đứng nằm ngồi, buồn vui mà không hề biết thì anh không phải là xác chết thì là gì nữa. Trong kinh, Đức Phật định nghĩa chữ 'chết' nhiều nghĩa lắm: Vị tỷ kheo hoàn tục coi như chết, sống dễ duôi thì coi như chết rồi. Sống thất niệm thì coi như sống mà không biết cái gì đang diễn ra, cứ lao tới như một khúc gỗ vậy thì cũng như xác chết. Vị Dạ-xoa xác nhận một điều mà vị này tâm đắc: niệm là số một, chỉ có niệm mới đem lại an lạc cho cá nhân người giữ chánh niệm. Mình sống được bao lâu không biết nhưng mình chỉ có một con đường để sống mà thôi, đó là sống chánh niệm.

Sau khi Dạ-xoa nói vậy thì Đức Phật xác nhận: Đúng, chỉ có chánh niệm thì mới có thể sống được đời sống đẹp mình và đẹp đời. "Không hại ai hết, chỉ có chánh niệm mới có thể an lạc và ngay lúc giữ chánh niệm mình là người vô hại đối với thế giới." Tất cả vấn đề của thế giới đều đi ra từ thất niệm, khi anh sống có trách nhiệm với bản thân anh và người khác thì anh trở nên vô hại đối với chúng sanh.

SANU (Sānusutta)

Sānu là con một (ekaputtaka) của một bà cư sĩ. Sānu đi xuất gia từ lúc còn bé và tu hành rất giỏi, giới luật trong sạch, siêng học, có giọng nói du dương, nhiều thầy tổ, chư tăng bè bạn, Phật tử thương quí. Có một nữ Dạ-xoa (yakkhini) vốn là mẹ kiếp trước của sadi Sānu có đức tin, và rất thương Sānu. Sānu tu một thời gian thì lại muốn hoàn tục, lòng không được vui, thấy việc đắp y mang bát không còn là linh thiêng ý nghĩa nữa mà lại khó chịu. Sānu về thăm mẹ rồi nói rõ ý định của mình. Khi đó nữ Dạ-xoa muốn ngăn cản bèn dùng thần thông tạo sự kiện.

Khi sadi Sānu nói ý định không muốn tu nữa, bà mẹ cản: Đời mẹ, mẹ biết khổ dữ lắm, giàu sang cỡ nào đi nữa rồi cũng phải lấy vợ sanh con, quần quật lo cho con cái không biết lo bao nhiêu cho đủ. Như vậy cả đời, riêng cái thân mình sống nay chết mai không biết có bịnh gì hay không, chăm sóc còn không nổi huống chi phải chăm sóc mấy cục nợ nữa.

Nữ Dạ-xoa sống lâu lắm, biết con mình bây giờ là nhân loại nhưng vẫn thương như kiếp xưa, biết sadi Sānu muốn hoàn tục nên dùng thần thông tìm cách ngăn cản. Trong đời, mỗi người có một cách hành động riêng, không nên thắc mắc vì sao người ta không hành động giống mình nghĩ. Dạ-xoa dùng thần thông bóp cổ Sānu, đẩy xuống đất. Sānu bị trợn trắng mắt, sùi bọt mép, trào nước bọt.

‘givaṃ parivatteti’: ‘vặn cổ’, ‘bẻ cổ’.

‘akkhiviparivatta’: ‘trợn trắng mắt’, ‘đôi mắt đảo tròng’.

‘khelena paggharanta’:‘sùi bọt mép’, ‘trào nước bọt’.

Dạ-xoa làm cho Sānu bị như vậy xong rồi mới rút tay lại. Sānu lúc đó mới nghĩ, có lẽ phải tu mới sống được, nếu không tu chắc chết. Nhờ sự cố này Sānu muốn tiếp tục tu hành và sau đó Sānu chứng La-Hán, trở thành một dhammakathika (đại pháp sư) lừng danh (Sakalajambudipaṃ) và sống được 120 tuổi mới viên tịch.

“Sakalajambudipaṃ khopeti”: làm chấn động toàn cõi Ấn độ.

“vīsavassasataṃ ṭhatvā parinibbāyi”: sống được 120 tuổi đã nhập niết-bàn

PIYANKARA (Piyaṅkarasutta)

‘Piyankara’: ‘yêu thương’.

Anuruddha là Đệ nhất thiên nhãn có thể nhìn thấy vũ trụ dễ dàng như nhìn ngắm đồ vật trên tay. Ngài cũng là bà con với Bồ tát Tất Đạt. Theo Chú giải, đêm đó tại chùa Kỳ Viên ngài đã đọc kinh Pháp Cú (Dhammapāda). Chữ ‘Dhammapāda’có nhiều nghĩa, có lúc ám chỉ Kinh Pháp Cú mà ta thường nghe, gọi là Chabbisativagga Dhammapāda (Pháp Cú 26 phẩm). Trường hợp khác, Dhammapādachỉ có nghĩa là một câu pháp. Ví dụ trong phẩm Chư Thiên mình đã học có câu: Dù cho bố thí cả núi vàng bạc cũng không bằng bố thí một

dhammapāda.Dhammapāda ở đó không có nghĩa là Pháp Cú 26 phẩm mà là một câu kinh, một câu pháp, tùy chỗ mà hiểu.

Chú giải kinh này nói ngài Anuruddha khuya đó đang tụng Kinh Pháp Cú chương Appamadavagga, phẩm thứ 2 trong 26 phẩm Pháp Cú. Lúc đó, Dạ-xoa đang bồng con đi kiếm ăn. Theo một loạt Chú giải trong phẩm này đều nhìn nhận một chuyện, Dạ-xoa có cách giữ con rất lạ, không bồng ẳm như loài người mà lại cầm cổ chân của con xách đi nơi này nơi khác.

'Ankenadaya': "xách cổ chân, nắm ngay chỗ mắt cá".

Ngoài Bắc, có người Mèo, khi mới sanh con ra còn đỏ hỏn, họ kiếm lá khô lót cho nằm, còn khi lớn một chút biết bò thì họ liệng xuống chỗ ruộng cạn, cứ để trần truồng bò lổm ngổm dưới sình, còn mẹ thì cứ lo làm. Mỗi chúng sinh có kiểu sinh hoạt độc đáo riêng.

Dạ-xoa có nhiều loại, loại đắc quả được và không thể đắc quả. Trong đó lại có loài chỉ ăn bất tịnh thực như ngạ quỷ; có loài chỉ thích ăn thịt sống; có loài ăn uống thực phẩm của chư thiên. Nữ Dạ-xoa trong kinh này thuộc loài ăn dơ ("uccāra passāva kheḷa siṅghāṇika": phân, nước tiểu, nước bọt, đờm dãi).

Dạ-xoa xách chưn con đi kiếm ăn, đi ngang nghe ngài tụng kinh liền ngừng lại nghe, đứa con đói bụng khóc. Dạ-xoa nói con đừng khóc để mẹ nghe pháp:

"Mā saddaṃ kari piyaṅkara, bhikkhu dhammapadāni bhāsati;

Api [api (sī.)] ca dhammapadaṃ vijāniya, paṭipajjema hitāya no siyā.

"Pāṇesu ca saṃyamāmase, sampajānamusā na bhaṇāmase;

Sikkhema susīlyamattano [susīlamattano (sī. ka.)], api muccema pisācayoniyā''ti.

"Này Piyankara,

Con đừng làm um sùm,

Vị Tỷ-kheo đang tụng,

Những lời về pháp cú".

"Không sát hại sanh vật, (giới sát sanh)

Không cố ý nói láo, (giới vọng ngữ)

Tự học tập giới luật, (tức là ba giới còn lại),

Chúng ta thoát ngạ quỷ.”.

Chữ‘pisāca’ ở đây ngài Minh Châu dịch là ‘ngạ quỷ’ nhưng tôi không đồng ý. Nói là ‘ngạ quỷ’ không trật nhưng phải giải thích thêm. ‘Ngạ quỷ’ theo mình thường hiểu là đói khát, ăn dơ, đầu óc khờ khạo còn ‘pisāca’ Dạ-xoa này cũng ăn dơ nhưng có thể đắc quả được, theo tiếng Tàu dịch là ‘Phiêu Phong Quỷ’. Tôi có viết bài Dạ-xoa này cũng ăn dơ nhưng có thể đắc quả được, theo tiếng Tàu dịch là ‘Phiêu Phong Quỷ’. Tôi có viết bài Phiêu phong không biết bà con có biết không. Cái tựa sách, tựa bài khi tôi viết tôi không giải thích, nhưng nếu ai hiểu thì biết ẩn ý của tôi. không biết bà con có biết không. Cái tựa sách, tựa bài khi tôi viết tôi không giải thích, nhưng nếu ai hiểu thì biết ẩn ý của tôi. Phiêu phong là một trong những bài tôi rất tâm đắc, bởi vì tôi dùng kiến giải của giáo lý nguyên thủy để nói về cảnh giới tái sanh bằng cách nói của người thời nay. Đừng xem bài viết đó là truyện ngắn giải trí mà thật ra là tôi diễn tả về loài này. Phiêu phong nghĩa là theo gió mà đi, rất đói khổ.

Dạ-xoa nói với con rằng đừng làm ồn để mẹ nghe pháp, nhờ nghe pháp mới có giữ giới, nhờ giữ giới mới thoát được kiếp này. Hôm nay chúng ta làm người, chúng ta không biết gì hết, không có thần thông, chỉ có chút ít tiền bạc sung sướng hưởng thụ, không gì kinh hoàng bằng mai này khi tắt hơi rồi thì không biết đi đâu. Trong ‘Phiêu phong’ tôi có tả, tả theo trong kinh chớ không phải theo tưởng tượng của tôi, người tạo ác nghiệp nhiều đến lúc chết họ có cảm giác giống như tỉnh dậy từ giấc chiêm bao. Nếu sanh địa ngục họ nghe nóng, nghe đau đớn cả người, mê sảng la hét không ai nghe, nhìn quanh thấy máu mủ tanh hôi, tiếng người la hét rượt đâm nhau trước mặt mình. Sanh về bàng sanh thì mù mịt. Sanh về cõi trời thì nghe tiếng nhạc du dương, mùi thơm ngát, mát lạnh, lâu đài vàng ngọc bồng bềnh trôi trong không gian, ánh sáng mờ ảo, người đẹp giai nhân dập dìu. Sợ nhất một ngày nào đó thức dậy thấy mình ở địa ngục, hoặc thấy khát nước, đói. Giờ mình đói còn chạy đi lấy gói mì, chớ loài đó thì chịu chết thôi, khi đã biết mình bắt đầu đói là thua rồi. Vì vậy phải nhớ, nghiệp gì thì nghiệp phải tránh nghiệp bỏn xẻn, trong lúc mình còn có thể chia sẻ được thì nên chia sẻ. Angulimala khi đi xuất gia bị chửi đánh đủ điều nhưng lúc nào cũng đầy đủ đồ ăn ngon, sở dĩ được như vậy vì đời xưa ngài từng là tỷ kheo, mỗi bữa trưa xong còn dư ngài kiếm chỗ nào khô ráo sạch sẽ ngài đổ ra với thiện ý con gì ăn được thì ăn.

Ở đây có người hỏi trên trời có lập gia đình không?

Trên trời không có lập gia đình, nhưng nếu những cô thiên nữ đó thuộc về mình thì họ sẽ xuất hiện trong lâu đài của mình. Họ xuất hiện ở đâu thì thuộc về quyền của người ở đó. Theo kinh điển Nam Tông mô tả thì cõi Trời hơn cõi Tây Phương Cực lạc nhiều lắm hơn cả thiên đàng của Hồi Giáo, của Thiên Chúa giáo nhiều lắm, có điều là Phật tử VN xui không chịu đọc những điều đó. Ví dụ trên cõi Tịnh Cư của Nam Tông chỉ toàn thánh, không có vụ thánh phàm đồng cư. Cõi Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất thì thánh nhân đầy trên đó, vì mỗi lần có vị Phật ra đời thì số chư thiên đắc quả đông lắm, trên đó giờ thánh nhân đầy ắp. Muốn học Tam Tạng hay thắc mắc kinh điển gì thì Pháp sư Tam Tạng đầy trên đó. Ngay bây giờ nếu mình muốn thấy hình ảnh Đức Phật thì không khó, trên đó có vô số vị Trời đã nhìn thấy Ngài, chỉ cần xin họ cho mình nhìn thấy được hình dáng Thế Tôn thì trong vòng ba nốt nhạc mình đã nhìn thấy. Người ta có thể hóa hiện cho mình thấy. Biết được điều đó thì thấy đời tu có nhiều điểm hy vọng cũng vui, còn cứ lờ mờ không đọc kinh sách thì cũng chán lắm. Nên dành tối thiểu bảy năm trong đời chuyên tu Niệm Xứ hoặc chuyên tu Từ Tâm, và phát đại nguyện: Trong suốt thời gian này vật chất của tôi sẽ là của thiên hạ, ai cần gì tôi sẽ tùy khả năng mà giúp. Chỉ với lời nguyện như vậy, tu tập Từ Tâm và tu tập Tứ Niệm Xứ trong bảy năm thì chuyện sanh thiên không khó. Quí vị cứ làm thử đi, tu thiền là sống an lạc. Bây giờ thì xin chia tay, gặp lại quí vị ngày thứ Năm..
#NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 14-10-2014 PUNABBASU (Punabbasusutta)

Bài kinh Punabbasu này tôi chỉ nhắc lại thôi, Punabbasu là tên của một nữ Dạ-xoa. Dạ-xoa là một trong bốn hội chúng (Dạ-xoa, Rồng, Cưu-Bàn-Trà, Kim-Xí-Điểu) chủ yếu ở cõi Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương là một cõi Dục Thiên hơi phức tạp vì có đủ thượng vàng hạ cám ở đó. Bốn hội chúng này hầu hết trong đó là những thành phần đọa xứ nhưng có phước, ví dụ Long Vương: loài Rồng cũng là bàng sanh nhưng có phước là có thần thông và có đời sống vật chất sung túc nhưng không có khả năng chứng quả. Hội chúng Càn-Thát-Bà gồm cả hai thành phần có thể chứng đạo và không thể chứng đạo, chỉ chứng đạo khi gặp vị Chánh Đẳng Giác, chớ còn không chỉ là một cõi sung sướng và ô hợp, không được như cõi Đao Lợi trở lên. Hội chúng của Dạ-xoa cũng có hai thành phần, chứng đạo được và không chứng đạo được, phước về vật chất cũng khác nhau, tuy không bị đau khổ như là loài ngạ quỷ nhưng trong số đó cũng có những Dạ-xoa phải ăn những bất tịnh thực như thịt sống, đồ dơ bẩn như ngạ quỷ. Dạ-xoa Punabbasu nằm trong số đó, tuy có khả năng chứng đạo nhưng hễ ngày nào chưa chứng đạo thì vẫn phải sống bằng bất tịnh thực. Có đọc mới thấy sợ, người đã tu hành ghê gớm lắm mới có khả năng chứng đạo nhưng do nghiệp cũ thì phải có đời sống bất tịnh. Trong thế giới loài người cũng vậy, có người xuất thân cơ cực, có người xuất thân cao quí. Có người thiếu thốn về vật chất nhưng có phước báu về tinh thần, có người có phước về vật chất nhưng thiếu thốn về tinh thần. Phước mình không được viên mãn thì sẽ bị khiếm khuyết nào đó trong đời sống, lát nữa chúng ta sẽ học về một vị tỷ kheo ni, bà Sukkā, bà này mang thân nữ nhưng có chiều dày công đức rất đáng nể, xuất gia liên tục bảy lần trong bảy đời Phật, gặp Phật nào bà cũng đi xuất gia, thuộc lòng Tam Tạng và vun trồng rất nhiều công đức, suốt bảy đời Phật mà vẫn tiếp tục mang thân nữ để chịu trọn vẹn trách nhiệm là vợ hay mẹ của mình và chịu cảnh khổ của người nữ. Trong Tăng Chi Bộ Đức Phật dạy người nữ dù nhiều phước báu đi nữa nhưng sống đời cư sĩ thì phải chịu những nỗi khổ mà người nam không có, Ngài vắn tắt thôi, ví dụ cũng mang thân người nhưng mỗi tháng phải chịu kinh nguyệt, khi lập gia đình thì phần lớn phải chịu xa người thân về sống với người lạ (đây là nói theo văn hóa thời đó), khi lập gia đình thì đàn ông vẫn phởn phơ thoải mái dù công việc đồng áng nhưng không chịu cảnh mang nặng đẻ đau như người nữ v.v.... Ngài vắn tắt nhưng mình thấy còn nhiều hơn nữa. Người nữ sức khỏe không bằng người nam, từ đó dẫn đến tâm lý dễ sống trong sợ hãi, đi đứng rất bất tiện, sợ bị tấn công. Trong tình cảm gia đình thì người nữ phải thường trực vật lộn đấu tranh với những sợ hãi ghen tuông vô cớ, luôn ở trong thế bị động. Tuổi già dễ tấn công phụ nữ hơn nam, dễ

âu lo về nhan sắc, về sức khỏe, về hạnh phúc gia đình. Nam thì không, người nam khi yêu thì cũng sợ bị mất, cũng ghen tuông, nhưng không chi li như nữ. Người nam có tiền có sức khỏe thì 60 tuổi vẫn ok, còn người nữ có sức khỏe, có tiền, có nhan sắc nhưng ngoài 50 thì nỗi lo thường trực ngày một nhiều, khi chồng của mình vẫn còn khỏe đẹp vẫn còn khả năng thu hút nhiều hơn mình. Kể ra nghe bằng ngôn từ nhẹ nhàng thì thấy không dễ sợ nhưng đó là những nỗi đau kinh hoàng mà người nam không có. Thẩm mỹ viện được lập ra cho nữ nhiều hơn nam.

Nữ Dạ-xoa Punabbasu này có phước rất nhiều mới có thể đắc đạo được nhưng cũng do nghiệp quá khứ nên đời này phải mang thân nữ Dạ-xoa, có hai con, và sống bằng bất tịnh thực. Một ngày kia bà đưa hai con, một trai lớn một gái nhỏ, đi kiếm đồ dơ để ăn. Đi ngang hội chúng Đức Phật đang thuyết pháp, Punabbasu dừng lại nghe pháp, đứa con trai lớn khóc, bà dùng bài kệ chúng ta thấy trong chánh kinh để dỗ con và đứa con cũng đủ duyên giác ngộ nên trấn an bà mẹ: Con hứa con không khóc, mẹ yên tâm nghe pháp đi. Sau buổi giảng hai mẹ con đều chứng quả Dự Lưu, còn cô con gái nhỏ có duyên lành giải thoát nhưng ngay lúc đó thì tạm thời chưa hiểu gì hết. Trong lúc mình tu tập cầu đạo giải thoát mà vun xới duyên lành hay công đức còn một chút khiếm khuyết thì kiếp chót quả vị cũng còn chút khiếm khuyết. Vì vậy hôm nay có đi chùa, nghe pháp, cúng dường, bố thí phục vụ, làm gì đi nữa thì cũng nhớ chừng mong sao công đức ta đừng có chỗ khiếm khuyết. Muốn tránh khiếm khuyết thì hạn chế càng nhiều càng tốt những thói hư tật xấu. Làm phước cho nhiều nhưng tánh nữ nhỏ mọn, ghen tị, nóng giận, toan tính, so đo, hạnh họe bỏ không được thì công đức khiếm khuyết, công đức khiếm khuyết thì quả vị có khiếm khuyết, kiếp chót được gặp Phật thì vẫn còn gặp chút trục trặc.

SUDATTA (Sudattasutta)

Chúng ta còn nhớ nhân vật Nagadatta mình đã học kỳ trước?

Devadatta là ‘trời cho’, ‘thiên bẩm’, ‘thiên phú’, Nagadatta tôi dịch là ‘Long Tứ’, nghĩa là quà tặng của Long Vương.

Cấp Cô Độc ở trong kinh này thật ra là ngoại hiệu của ông, cũng giống như Đông Tà Hoàng Dược Sư tên thật là Hoàng Cố, nhưng vì giỏi nho y lý số, (chữ nghĩa, nghề thuốc, dịch lý, toán số đều giỏi), vì nổi bật với nghề thuốc nên gọi là Hoàng Dược Sư) nói về tính cách thì trong ngũ bá ông là nhân vật khó mà xếp vào chánh hay tà; không ác như Tây Độc, không thiện như Vương Trùng Dương hay Đoàn

Nam Đế, không hào sảng tiêu sái như Hồng Thất Công, không tồi tệ như Tây độc. Ông có ác nhưng là cái ác của chính nhân quân tử, nhưng ông cũng có những cái mà quân tử thứ thiệt cũng kỵ, ông quá khích khi trừng trị học trò nhưng cũng có cái đẹp khi xử đẹp với học trò, nửa nọ nửa kia vậy nên gọi là Đông Tà. Ông Cấp Cô Độc cũng vậy, tên mẹ đẻ là Sudatta, nghĩa là 'món quà cao quí'. ('Su': 'cao quí'). Món quà cao quí phải là món quà như ý, món quà làm vui lòng người nhận. Khi lớn lên ông được gọi là Anāthapindika.

'Anātha': người không nhà cửa, người không được ai giúp đỡ (homeless, helpless)

'Pindika': (feeder) người trợ cấp, nuôi dưỡng, cho ăn cho mặc đối với những kẻ cơ nhỡ khó khăn.

Anāthapindika, ông là người chuyên trợ cấp nuôi dưỡng những kẻ khó khăn cơ nhỡ, bên Tàu dịch là Cấp Cô Độc, đây là chữ dịch xưa (cung cấp cho người cơ nhỡ). Đời người có bốn cái khổ: cô, độc, quan, quả. Cô: trẻ con không cha mẹ, thân nhân. : trẻ con không cha mẹ, thân nhân. Độc: người già không chỗ nương tựa không ai nuôi. : người già không chỗ nương tựa không ai nuôi. Quan: đàn ông chết vợ. : đàn ông chết vợ. Quả: đàn bà chết chồng. Người ta nói gọn thì chỉ nói "cô độc" để ám chỉ già hoặc trẻ mà quạnh hiu, còn "quan quả" thì không chắc khổ, đàn ông chết vợ có khi lại là điều hay. Trong đời đàn ông có hai giây phút khó quên một là cưới vợ, hai là mất vợ (vợ chết hoặc vợ theo trai), chưa chắc chết vợ là khổ đâu. Còn "quả" cũng vậy, như bà thiếu phụ lấy quạt quạt mồ cho mau xanh cỏ để đi lấy chồng; vợ kiểu đó thì tiếng Mỹ gọi là LDS, tiếng VN gọi là "lựu đạn sét".

Trong kinh nói lúc ông Anāthapindika chưa biết Phật thì có người anh rể rất thân thiết, mỗi lần đi công việc làm ăn đến chỗ của người anh thì anh em hàn huyên trắng đêm tâm sự rất vui. Nhưng có một lần ông đến mà thấy người anh có vẻ hững hờ kêu người nhà dọn chỗ cho ông ở rồi không quan tâm ông nữa mà cứ bận rộn lăng xăng, lu bu. Ông ngạc nhiên hỏi, người anh rể trả lời "lo ngày mai thỉnh Phật trai tăng". Ông Anāthapindika chỉ nghe một chữ "Phật" mà sững sờ. Ông hỏi lại "Phật?

", người anh trả lời: Phật là bậc tự mình giác ngộ, là thầy của người khác. Ông Anāthapindika nghe mà cảm thấy bàng hoàng hạnh phúc. Ông định chờ sáng mai để gặp nhưng đêm đó ngủ không được, ông mở cửa đi ra và xuống lầu. Đi ra khỏi nhà, băng qua khu rừng có một bãi tha ma, nơi đó có những con linh cẩu, những

loài ăn xác chết, những tiếng tru tiếng hú rất ghê rợn, những bộ xương trắng hếu, đầu lâu lấp lánh trong đêm, những thi thể cũ đang phân hủy, thây người mới vừa chết v.v.... Ông đang nghĩ về Đức Phật với niềm vui háo hức và đang được trợ lực bằng một trạng thái hăm hở, thì vấp phải một khúc xương khô, một đầu lâu. Ông giựt mình, ánh sáng biến mất, nhìn bốn bề thấy kinh hoàng, ông định quay lui thì gặp một Dạ-xoa tên Sivaka

‘ Sivaka’: có nghĩa là ‘người an toàn’, người đem lại an toàn cho kẻ khác (safer). Sống làm sao bản thân an toàn và cũng đem lại an toàn cho người khác thì gọi là Sivaka. Thần Siva, ý nghĩa cũng rất đẹp. Một trong những ý nghĩa của niết-bàn là Siva, ‘chỗ an toàn’, nghĩa bóng thôi, niết-bàn không phải là không gian, nơi chốn, mà chỉ là ý nghĩa thôi.

Dạ-xoa Sivaka này là bà con kiếp xưa của ông Cấp Cô Độc, vì không muốn người thân xưa của mình chùn chân bỏ ngang một cuộc đi ý nghĩa như vậy nên mới xuất hiện và đọc một bài kệ như chúng ta thấy. Tôi giảng chậm chỗ này vì tôi biết hôm nay giá nào sống chết buồn vui phải giảng cho hết phẩm này nên cứ giảng thoải mái. Hơn nữa tôi muốn nhấn mạnh chỗ này, có điều lạ là kinh sách tôi đọc nhiều nhưng đặc biệt đoạn này (câu nói của Dạ-xoa) đã là một hành trang rất lớn tôi mang theo thường trực trong đời tu của tôi. Dạ-xoa nói: Dạ-xoa Sivaka này là bà con kiếp xưa của ông Cấp Cô Độc, vì không muốn người thân xưa của mình chùn chân bỏ ngang một cuộc đi ý nghĩa như vậy nên mới xuất hiện và đọc một bài kệ như chúng ta thấy. Tôi giảng chậm chỗ này vì tôi biết hôm nay giá nào sống chết buồn vui phải giảng cho hết phẩm này nên cứ giảng thoải mái. Hơn nữa tôi muốn nhấn mạnh chỗ này, có điều lạ là kinh sách tôi đọc nhiều nhưng đặc biệt đoạn này (câu nói của Dạ-xoa) đã là một hành trang rất lớn tôi mang theo thường trực trong đời tu của tôi. Dạ-xoa nói: Ông hãy nhớ rằng, từng bước chân của ông bây giờ đáng giá ngàn vàng.Giống như bên Tàu khi muốn nói một bài văn hay bài thơ hay, họ nói “nhứt tự thiên kim”, một chữ là đáng giá ngàn vàng. Bài kinh này là hành trang của tôi vì nhiều khi nửa đêm nửa hôm hoặc ban ngày muốn làm gì mà cảm thấy làm biếng thì tôi nhớ câu này, một bước đi, một sự giở tay giở chân của mình lên lúc này đáng giá biết bao nhiêu. Tự nhủ lòng như vậy. Buổi sáng buồn ngủ chứ, hồi tối nay hai giờ hơn tôi mới ngủ, đang ngủ rồi thì skype kêu, rồi cũng giựt mình, ngủ lại khó vì có tuổi rồi, sáng nay rửa mặt thấy hai bên thái dương tóc bạc, già rồi. Các vị đừng nghĩ rằng bốn mươi ngoài, năm mươi ngoài, sáu mươi ngoài là còn trẻ, khó nói lắm, là bởi vì tùy theo thể trạng, sức khỏe, tình trạng tâm lý mỗi người. Với đời sống tinh thần của tôi, cộng với sức khỏe của tôi thì bốn mươi ngoài là già rồi. Với cái biết của tôi về Phật pháp, cộng

với sức khỏe thì tôi nghĩ cũng bằng sáu mươi ngoài của người ta rồi đó. Mỗi lần nhớ là thấy "cái ngồi dậy", "cái bước chân" của mình lúc này đáng giá ghê lắm. Đêm nay quí vị nghe chỗ này không thấy gì nhưng kể từ khi nghe bài kinh này xong, mỗi lần lười biếng không muốn hành thiền tụng kinh hay làm chuyện gì hay hay thì cứ tự nhủ mình cái động tác "ngồi dậy" này giá trị biết bao nhiêu. Ba lần bốn lượt như vậy, sợ rồi hết sợ, sợ rồi hết sợ, thì cuối cùng ông Anāthapindika đã đến được với Thế Tôn. Theo Chú giải, ông thầm nghĩ: Ai trong thiên hạ cũng biết ta bằng ngoại hiệu Cấp Cô Độc, nhưng nếu Ngài là bậc đại giác thì chắc chắn Ngài phải biết tên cúng cơm của ta. Nghĩ như vậy và lúc đó ông đã đến gần Đức Phật, Ngài lên tiếng: - Hãy đến đây, Sudatta! Nghe như vậy ông cực kỳ hoan hỉ: Đúng là Ngài rồi. Nhanh như vậy là vì túc duyên nhiều đời, ông đã tu một trăm ngàn đại kiếp, ngài Maha Kasapa, Maha Kappina cũng vậy, do quá trình tu tập Ba-la-mật của họ quá suôn sẻ, họ không nhiều tà kiến nghi hoặc không cần thiết nên gặp được Đức Phật như con về với mẹ. Một đứa bé trải qua trong bụng mẹ chín tháng, thuộc lòng nhịp đập của tim mẹ, nên khi ra đời có liên lạc chặt chẽ với mẹ, khi nằm trên tay mẹ nó cảm nhận được sự thân thuộc của nhịp tim nó biết khi còn trong bụng. Nếu không bị cách ly thì nó gắn bó với bà mẹ bằng những quan hệ rất sinh học. Đối với các bậc hiền thánh, nếu mình có sự giao cảm thì khi gặp gỡ ngay giây phút sơ ngộ cũng là một cuộc hạnh ngộ, tao phùng tương ngộ, nếu mình không có đủ tâm lành để diện kiến gặp gỡ tiếp cận hiền thánh thì cứ mãi hoài một khoảng cách khốc liệt giữa mình với hiền thánh, dù sống gần con người vĩ đại thế nào đi nữa cũng không cảm nhận được. Hãy sống làm sao để gần người xấu mình cảm thấy không an lạc và dễ dàng mau chóng bắt được tần số tín hiệu của người lành.

Sau đó Đức Phật giảng pháp cho Cấp Cô Độc, ông chứng quả Tu-đà-hoàn. Ngay sau ngày đó, ông tức tốc trở về tìm đất mua lại, xây dựng đạo tràng Kỳ Viên để cúng dường Thế Tôn. Nơi đó Ngài đã trải qua ở đó mười chín mùa an cư. Bốn mươi chín mùa hạ trong cuộc đời Ngài riêng ở đó là mười chín mùa hoằng pháp. Savatthi (Xá Vệ) là thủ đô của Kosala, Kosala lúc bấy giờ là quốc gia phồn thịnh bậc nhất của Ấn Độ. Ấn Độ lúc đó gồm 16 tiểu quốc, Kosala là xứ lớn nhất, hùng cường nhất về quân sự, kinh tế, văn hóa. Vua của Kosala là Phật tử, là người có đạo đức. Savatthi là thủ đô, là chỗ đi về của thiên hạ muôn phương, vì vậy ông Cấp Cô Độc thấy chỗ này để Thế Tôn hoằng pháp là số một, giống như Châu Âu mà có Paris, có London, có Berlin, có Bonn vậy đó. Khi trở thành Phật tử rồi, ông rất thương quí chư tăng, từ vị tân thọ sa di cho đến bậc đại thánh ông đều một lòng thương quí, một đời chỉ biết làm phước cúng dường. Ông và bà Visākhā có

điểm đặc biệt, khi hai người mà đi chùa là có suy nghĩ, 'ta đừng để các sư nhỏ thấy ta đi vào chùa bằng hai bàn tay không, nhìn thấy hai tay của ta mà thất vọng', thương mấy ông sư nhỏ đến mức như vậy. Sáng có thứ cúng dường buổi sáng, chiều có thứ cúng dường buổi chiều. Họ được gọi là đại thí chủ là như vậy đó, họ làm phước mà không nghĩ đến công đức mà chỉ mong người nhận được gì. Lòng hào sảng của họ đạt đến cảnh giới là không màng quả báo cá nhân của đời sau kiếp khác mà chỉ bố thí với tấm lòng của một người mẹ, người chị, người anh, người bạn, họ trao ra mà chỉ nghĩ nhiều về người nhận chứ không nghĩ nhiều về bản thân mình. Trong kinh kể một câu chuyện mà tôi suy nghĩ hoài, lần đó Bồ tát tiền thân Đức Phật cúng dường cho một Đức Phật Độc Giác, lúc đó Ác Ma Thiên tử (mỗi thời có một Ác Ma khác nhau) biết Đức Phật vừa nhập thiền Diệt, bảy ngày không có ăn uống, nếu hôm nay vị này không có gì bỏ vào bụng thì sẽ lập tức viên tịch, đó là điều Ác Ma rất tha thiết mong mỏi nên tìm mọi cách để đừng ai cúng dường thực phẩm cho Ngài. Lúc đó Đức Phật Độc Giác ôm bát đến trước nhà của Bồ tát Thích Ca, Bồ tát không biết vị này đã bảy ngày không ăn uống, mới vừa trải qua cơn nhập định, Bồ tát chỉ một lòng thương kính nên Bồ tát đem thực phẩm cúng dường. Ác Ma nghĩ ra một cách rất ác là dùng thần thông tạo ra một hố sâu đầy than lửa đỏ giữa Bồ tát và Đức Phật Độc Giác, Bồ tát biết đây là hình ảnh dễ sợ của một thế lực vô hình nào đó, Bồ tát thưa với Đức Phật Độc Giác bằng một câu kệ: Cho dù hôm nay con có phải sa vào địa ngục vì sự cúng dường này, thì thưa Tôn giả, con vẫn tiếp tục làm. Cho dầu hôm nay có sa đọa vào địa ngục vì sự cúng dường này, con cũng sẽ cúng dường. Khi Bồ tát nói vậy, hố lửa này lập tức biến mất. Biết câu chuyện này đã lâu mà giờ đây kể lại tôi vẫn xúc động vì tâm hồn của một con người hào sảng. Khi mình làm phước thì tin nghiệp lý, tin quả báo đời sau kiếp khác, nhưng trao ra mà chỉ nghĩ đến người nhận được cái gì mới thật là đẹp, trong kinh gọi là 'muttapàni': "tấm lòng rộng mở", "bàn tay rộng mở" (opened mind, opened palm, release). 'mutta': 'giải thoát', 'phơi mở'; 'pāni': lòng bàn tay. Tấm lòng rộng mở đã đành mà bàn tay cũng rộng mở. Khi trao ra mà còn mong nhận được cái gì thì đó là tay phải trao ra mà tay trái nắm lại. Bố thí mà mong nhận cái gì đó là tay này trao, tay kia nắm lại, bố thí đến mức cao cấp là hai tay đều mở. Trao ra là tạo nhân mà lòng không đắm say trong quả, chỉ nghĩ nhiều về người nhận mà thôi, tay mở mà tim cũng mở, như vậy thì công đức mênh mang. Đó là điểm đặc biệt của ông Cấp Cô Độc, mong rằng các sư nhỏ không thất vọng khi nhìn vào bàn tay mình. Hai người Cấp Cô Độc và Visākhā thì còn cầu phước báu gì nữa, một phần ngàn công đức bố thí của họ trong kiếp xưa đã hưởng không hết nói gì một phần ngàn trong kiếp này, họ không nghĩ bản thân nữa, chỉ nghĩ đến người khác.

Khi xem một bài kinh phải nhìn thấu được những khía cạnh như vậy thì lợi lạc lớn hơn nhắm mắt nhắm mũi biết một khúc trong chánh kinh, phải biết cả Chú giải mới thấy thấm thía, sung sướng. Giống như một người có răng thưởng thức bữa ăn trọn vẹn hơn người răng giả hoặc không răng; răng ok, lưỡi phải cạo sạch, không có vấn đề, vòm miệng không bị lở loét thì mới thưởng thức một bữa ăn trọn vẹn. Coi kinh sách cũng vậy, thưởng thức tới nơi tới chốn mới "đã đời ông địa".

SUKKÀ (Paṭhamasukkāsutta)

'Sukkā': 'trong sáng', 'hiền thiện', 'tinh túy', 'tinh hoa' "tinh dịch" (clearness, goodness, essence, sperm)

Sukkā là nhân vật tỷ kheo ni, vị thánh nữ có nói sơ qua ở trên. Nàng là một người đại duyên đại phúc vạn hạnh, cứ gặp Phật là đi xuất gia, suốt bảy đời Phật (Phật Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha, Konāgamana, Kassapa, Gotama, bảy vị này xuất hiện trong 91 đại kiếp trái đất liên tục. Trong kinh nói đây là thời gian được mùa của chư Phật, bởi có những lúc hàng triệu, hàng ngàn tỷ (billion, trillion) đại kiếp không có vị Phật nào ra đời. Tỷ kheo ni Sukkā cứ liên tục gặp Phật là đi xuất gia thuộc lòng Tam Tạng.

Hai nhân khiến ta mang thân nam hay nữ nhiều đời liên tục: 1. Do nghiệp nào đó. 2. Do lòng tha thiết. Muốn có thân nam phải có tánh nam, tạo nghiệp nam. Nói chung là nặng về tình cảm nam nữ hay gia đình, thích thiên chức làm mẹ, hay chị em gái của ai đó thì mang thân nữ. Điều này rất khó nói, do nghiệp tình cảm nặng mà mang thân nữ; có người thấy thân nữ khổ thì chán và sợ, về mặt tâm lý thì họ đã lìa bỏ, nhưng có người lại thích mang thân nữ, thích mang nỗi khổ niềm đau của phận hồng nhan. Họ thích cái khổ của người phụ nữ, thích e ấp, thích lấy khăn chấm chấm nước mắt, thích ra ngoài hè hay bụi chuối ngồi khóc một mình, thích ép hoa khô vào sổ lưu bút, thích viết nhật ký, thích màu tím, thích Trường Vũ, Hương Lan. Nhưng có những người không vậy, buồn thì thích buồn kiểu con trai. Nhớ ngày xưa tôi đọc Tuổi Hoa:

"Nỗi buồn con trai đâu phải khóc hở Linh.

Mây nghĩa trang ôm kỷ niệm chúng mình.

Như lòng đất ôm hình hài anh đó.

Đơn vị đóng xa. Mỗi lần về thăm thật khó…".

Nỗi buồn của những người lính, của những người đàn ông, của con trai nó cứng lắm, thậm chí "nam nhi tất hạ hữu hoàng kim" ở đầu gối người con trai có vàng nên không có quì lụy ai hết, nước mắt người con trai có đá trong đó nên không dễ rớt ra còn đàn bà khóc là một nét duyên, là một nhu cầu tâm sinh lý. Vì vậy, do nghiệp xưa thiện ác nào đó mà ta mang thân nữ thân nam, mà cái quan trọng là đã mang thân đó rồi mà lại tiếp tục thích thú thì tiêu, nếu mà mang thân nam rồi khoái làm nam tử hán đại trượng phu thì ok nhưng đã mang thân nữ rồi mà còn khoái làm đóa phù dung sớm nở tối tàn, khoái làm phận quần thoa thì khổ lắm.

Vị tỷ kheo ni này có công đức nhưng vẫn thích tính mềm vậy đó, nên cứ mỗi lần Phật ra đời là đi xuất gia, thuộc lòng Tam Tạng, nhưng vẫn cứ mang thân nữ. Đến đời Phật Thích Ca Mâu Ni thì bà là tiểu thư của một triệu phú, sau khi đi nghe pháp lần đầu tiên là lập tức phát khởi tín tâm, lập tức đi xuất gia, thuộc lòng Tam Tạng, chứng quả A-la-hán, lục thông tam minh và bốn trí vô ngại. Bà thuyết pháp rất hay, là nữ pháp sư nổi tiếng. Có một Dạ-xoa thương quí bà lắm nên cứ đi chỗ này chỗ kia kêu gọi thiên hạ "sao mọi người cứ vui chơi say ngủ mà không đến nghe một thánh nữ như vậy". Thời đó mà có Du Tử Lê là có bài "Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi" rồi đó. Ông Dạ-xoa này quí bà lắm, quí một cách trong sạch không như Du Tử Lê quí thánh nữ của ổng đâu. Ông Dạ-xoa này đi tuyên truyền kêu gọi sao một thánh nữ thuyết pháp ý nghĩa như vậy mà mọi người không đến nghe, nội dung đại khái như vậy thôi

Bài Sukkā (2) cũng là bà, nhưng là một Dạ-xoa khác. Trong bài Sukkā 2 này Dạ-xoa nói bài kệ tùy hỉ chia vui với một ông cư sĩ cúng dường thức ăn cho tỷ kheo ni Sukkā, nhìn hình ảnh đó thấy đẹp. Cũng giống như hôm nay mình qua Miến Điện hay lên Facebook thấy những hình ảnh người ta đến tham vấn, đảnh lễ cúng dường phục vụ cho những ngài Sayadaw Miến Điện, mình thấy vui; như kỳ vừa rồi VN có thỉnh các vị Pháp sư Tam tạng về mình nhìn thấy đẹp. Hôm nay các vị chắc khó có dịp biết chuyện này, các vị tỷ kheo đệ tử của ngài Ajahn Chah trong thiền viện của ngài đều phải biết hạnh này: sẵn sàng quì xuống để khoát nước rửa chân cho vị tỷ kheo lớn hạ hơn mình. Hình ảnh đó rất đẹp, rất nhiều người Tây nhìn thấy hình ảnh đó họ hoan hỉ đi xuất gia. Cả đời người Âu Mỹ chỉ biết anh và tôi đều như nhau, anh chỉ là sếp của tôi trong quan hệ công việc, quan hệ xã hội, còn bước ra khỏi sở thì chúng ta bình đẳng, nhưng có bài học này họ không biết đến đó là Bài Sukkā (2) cũng là bà, nhưng là một Dạ-xoa khác. Trong bài Sukkā 2 này Dạ-xoa nói bài kệ tùy hỉ chia vui với một ông cư sĩ cúng dường thức ăn cho tỷ kheo ni Sukkā, nhìn hình ảnh đó thấy đẹp. Cũng giống như hôm nay mình qua Miến Điện hay lên Facebook thấy những hình ảnh người ta đến tham vấn, đảnh lễ

cúng dường phục vụ cho những ngài Sayadaw Miến Điện, mình thấy vui; như kỳ vừa rồi VN có thỉnh các vị Pháp sư Tam tạng về mình nhìn thấy đẹp. Hôm nay các vị chắc khó có dịp biết chuyện này, các vị tỷ kheo đệ tử của ngài Ajahn Chah trong thiền viện của ngài đều phải biết hạnh này: sẵn sàng quì xuống để khoát nước rửa chân cho vị tỷ kheo lớn hạ hơn mình. Hình ảnh đó rất đẹp, rất nhiều người Tây nhìn thấy hình ảnh đó họ hoan hỉ đi xuất gia. Cả đời người Âu Mỹ chỉ biết anh và tôi đều như nhau, anh chỉ là sếp của tôi trong quan hệ công việc, quan hệ xã hội, còn bước ra khỏi sở thì chúng ta bình đẳng, nhưng có bài học này họ không biết đến đó là trong đời có những cái cúi đầu đẹp hơn là ngửa mặt. Có những lúc chúng ta phải biết cúi nhìn để thương người thua mình và có lúc phải biết ngửa mặt để bày tỏ tôn trọng người hơn mình. Đời sống phải biết dưới nhìn lên, trên biết nhìn xuống, trong biết nhìn ra, ngoài biết nhìn vào. Bốn nhân cách này làm nên một con người hoàn hảo. Có những người Tây thích hình ảnh cái đó, giống như Dạ-xoa này thấy hình ảnh cúng dường cho vị tỷ kheo ni mà thấy vui. Có nhiều vị tỷ kheo trưởng lão trong truyền thống ngài Ajahn Chah, bình thường cả thiền viện ai cũng cung kính đảnh lễ ngài, đùng một cái, ngày kia người ta thấy ngài quì xuống khoát nước rửa chân cho vị lớn hơn mình. Có thấy như vậy thì 'cái tôi trời ơi' của mình mới có dịp mài mòn. Cái tôi của mình nhỏ chừng nào, nhẹ chừng nào thì mình càng hạnh phúc chừng đó, mình càng ít bị tổn thương chừng đó. Một cọng cỏ một tờ giấy có thể rơi an toàn từ độ cao nghìn mét nhưng cái chén, cái tô, con người chỉ rơi từ độ cao vài mét thì tan xương nát thịt rồi, không thì cũng tổn thương trầm trọng. Khi mình thấy mình nhẹ quá, chẳng là gì hết, chỉ sống tự trọng mà không tự ái, thì mình sẽ an lạc. Phải có tự trọng để không làm điều tầm bậy, không làm gì để người ta coi thường. Không tự ái là lòng không mong đợi người ta tôn trọng mình, nhưng không làm điều gì để người ta khinh mình. Tôi biết định nghĩa này của tôi nhiều người không chịu nhưng về gác chân lên trán suy nghĩ xem có đúng không, làm cái gì để người ta tôn trọng thì làm nhưng đừng có lòng mong đợi. Đức Phật không có lòng mong đợi người ta sẽ thương quí mình, sẽ quì lạy mình, sẽ tấm tắc chắc lưỡi khen lớn đức tính của mình, vì Ngài biết, gió có đủ mùi, gió đi ngang vườn hoa thì thơm, gió đi ngang chuồng bò thì khó ngửi một chút, tất cả lời khen tiếng chê chỉ là những cơn gió. Còn mình thì coi tiếng chê là thùng rác ném về phía mình còn lời khen là bó hoa đặt vào tay mình. Khi mình còn nặng lòng với bó hoa thì cũng sẽ còn rất cực lòng với cái thùng rác. Khi còn sung sướng với vị ngọt của cuộc đời thì với vị đắng của nó mình chịu không thấu. Phải tập, ngọt cỡ nào cũng mặc xác nó, biết lơ là trước cái ngọt thì khi gặp cái đắng mới đủ năng lực, bản lĩnh để chịu đựng nó. Tại sao con nít hay khóc?

Khi chúng ăn ngon, được thương yêu, chúng hưởng thụ một trăm phần trăm những thứ đó, nên khi bị la mắng, bị trầy xước một chút, chúng bị sốc một cách trọn vẹn và hết mình với những nỗi khổ niềm đau đó. Người lớn mình thì một viên kẹo, một cử chỉ yêu thương cũng đâu đủ mình làm quên hết vũ trụ như đứa bé, nên ăn trái ớt hay cắn miếng khổ qua thì không sao hết. Nói lạc đề nhưng cần thiết. Chẳng hạn như mình hẹn người nào đó ra ngoài công viên để nói lời ngọt ngào, nhưng có những câu nói lạc đề nhưng cần thiết: Anh đã ăn gì chưa, có muốn uống một ly Cappuccino không… Hình như hơi lạc đề vì mục đích của mình đâu phải ra công viên để rủ ăn rủ uống, còn như ra mà hứa "dầu trăng sao trời đất không còn nữa mình vẫn còn nhau" mà bụng đói kiến bò bao tử thì lạc đề đúng hơn.

CIRÀ HAY VIRÀ (Cīrāsutta)

Bài kinh Cirà này cũng y như vậy, chỉ là đổi nhân vật. Bài trước là một Dạ-xoa có niềm thành tín đối với bà Sukkā. Bài này khởi giảng luôn, y chang, chỉ đổi tên thôi. Một Dạ-xoa có lòng tin nơi tỷ kheo ni Sukkā và cũng đi chỗ này chỗ kia nói lời tùy hỷ.

ALAVA (Āḷavakasutta)

Bài kinh này có điểm làm tôi do dự vì nó gắn liền với một truyện kể hơi hoang đường đối với người không tin. Dạ-xoa Āḷavaka này là một trong những vị tướng quân Dạ-xoa của Thiên vương Vessavana, người chủ quản Dạ-xoa ở cõi Tứ Thiên Vương. Vị này có nhiều thần thông oai lực. Tôi không khoái kể chuyện này, bà con vào Google gõ chữ "quỷ vương vấn đạo" của HT Hộ Tông, hoặc vào trong thayvabiet.com tìm mục Đức Phật Lịch Sử xem phần Đức Phật cảm thắng Dạ-xoa Āḷavaka. Bài này ngài Hộ Pháp biên soạn bằng cách trích dịch trong kinh điển, nhưng nhắm đến đối tượng độc giả không chuyên khoái chuyện kể mà không nặng lòng về giáo lý, đó là lời giải thích hợp lý nhất cho sự tình là tại sao trong bài đó của ngài có những chú thích rất ít ỏi và nhẹ nhàng, khá sơ sài về nội dung giáo lý mà lẽ ra phải nhấn mạnh vào đào sâu nhiều lần và nhiều lần so với bài viết đó. Rõ ràng một người uyên bác như ngài mà nhẹ nhàng sơ sài như vậy là vì nhắm đến lượng độc giả không chuyên, bà con VN có khuynh hướng đó nên các vị pháp sư của mình bị đẩy vào cái thế chỉ giảng đại khái, những gì mềm mềm không phải suy tư mệt mỏi. Trong Chú giải giải thích đây là một Dạ-xoa lúc đầu không có lòng kính tin nơi Đức Phật, nhưng thấy hạnh kham nhẫn của Ngài thì Dạ-xoa đã có niềm tin lắng tâm nghe pháp và chứng quả Dự Lưu Tu-đà-hoàn.

Tôi nhớ có kể chuyện này một lần, cha mẹ Dạ-xoa này từng là đệ tử của Đức Phật Kassapa - Đức Phật quá khứ ngay trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chư Phật là một hiện tượng duy nhất trong trời đất này, giống nhau y chang, chỉ có nét mặt và chiều cao khác nhau tùy từng thời kỳ. Giống nhau 32 hảo tướng và 80 nét đẹp ('anubyanjana': 'tướng phụ') trong sinh hoạt, ví dụ dáng đi của Ngài, là một trong 80 tướng phụ. Vào Trung Bộ Kinh, đọc kỹ bài kinh Brahmāyu (bài số 91), để thấy Đức Phật có nét đẹp sinh hoạt ra sao. 'Brahmāyu' nghĩa là "sống tuổi bằng Phạm thiên". Ông Brahmāyu này cho người (thám tử) đi theo dõi Đức Phật suốt nhiều năm. Ông lớn tuổi và kiêu ngạo không muốn dễ dàng chấp nhận người nào đó làm thầy. Người ta về báo với ông là suốt bao nhiêu năm Thế Tôn lúc nào sinh hoạt cũng đẹp như vậy dù ở một mình hay trước đám đông. Từ tư thế đứng chuyển sang tư thế ngồi bằng những động tác tuyệt đẹp và từ tư thế ngồi chuyển sang tư thế đứng không thể đẹp hơn. Cách Ngài ngồi uống nước, thọ thực, cầm lên đặt xuống một món đồ, bước tới, đứng lại, cách Ngài chuẩn bị nói, bắt đầu nói, im lặng v.v... tất cả những động thái lớn nhỏ đó đều diễn ra một cách hoàn hảo không thể đẹp hơn, đó là 80 tướng phụ của Ngài. Toàn bộ cái gọi là tinh thần hay cõi tâm linh của chư Phật luôn tuyệt đối giống hệt nhau (từ cái từ bi trí tuệ, phản ứng, cách giải quyết vấn đề y chang như nhau). Đó là một trong những ý nghĩa của chữ 'Như Lai'.

Như Lainghĩa là chư Phật quá khứ đã nhờ tu tập những đức lành nào, Ba-la-mật nào để đắc thành quả Phật thì chư Phật hiện tại và chư Phật tương lai cũng phải đi qua con đường y chang như vậy. Cách thức hành trì kiếp cuối cùng thì có vị hành khổ hạnh lâu, có vị mau nhưng đều phải thông qua con đường Bát Chánh Đạo mà thành Phật, đều đắc quả bằng đề mục hơi thở. Dùng hơi thở làm đề mục để chứng thiền Samatha rồi cũng dựa trên đó mà quán chiếu 12 Duyên khởi và chứng Phật quả, không như một số quan điểm cho rằng Thinh Văn chứng đạo nhờ quán Tứ Đế, Độc Giác quán Duyên khởi. Theo Nam Tông, tất cả chư Phật đều dùng đề mục hơi thở đắc Ngũ thiền, sau khi ra khỏi Ngũ thiền đó mới dùng trí tuệ và sự bình tĩnh định tâm của một người chứng Ngũ thiền để quan sát 12 Duyên khởi: biết rõ thân này ở đâu mà có, thân này do cha mẹ sanh ra; ở đâu có chuyện sanh đó, là do nghiệp trước tạo nhân đầu thai; nhân đầu thai ở đâu ra, do nghiệp thiện ác; nghiệp thiện ác ở đâu ra, do tứ thủ; tứ thủ ở đâu ra, do tham ái; tham ái ở đâu ra, do thọ, feelings, vui buồn; thọ đó ở đâu ra, do sự gặp gỡ của sáu căn sáu cảnh sáu thức; sáu căn sáu cảnh sáu thức ở đâu ra, do sự có mặt của sáu căn; sáu căn ở đâu ra, do danh sắc, do năm uẩn từ thuở tái sinh; năm uẩn thuở tái sinh ở đâu ra, do ba hành: phúc hành, phi phúc hành, bất động hành; ba hành ở đâu ra, do vô

minh trong Bốn đế; Bốn Đế này ở đâu ra, do Tứ lậu; Tứ lậu ở đâu ra, do sự vùng vẫy khi gặp khổ sanh già đau chết của đời trước; khổ đó ở đâu ra, do cái sanh; sanh ở đâu ra. Cứ quán như vậy để thấy vô minh duyên hành, hành duyên thức… sầu bi khổ ưu não, làm một vòng tròn đi suốt mùa như vậy. Vị đó mới quán tiếp: vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt… sanh diệt thì sầu bi khổ ưu não cũng diệt. Quán như vậy đó thì mới chứng Phật quả như nhau.

Đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì cha mẹ của Dạ-xoa Āḷavaka không còn nữa, nhưng đời Phật Ca Diếp thì ông bà có đi học đạo và Ngài dạy cho mấy câu kệ gồm có phần vấn và đáp. Do năm tháng thời gian, phần đáp bị mất đi, Dạ-xoa đem hỏi nhiều vị đạo sĩ mà không được câu trả lời vừa ý. Dạ-xoa đem hỏi Thế Tôn, Ngài trả lời xong thì Dạ-xoa chứng quả Tu-đà-hoàn.

Câu chuyện liên quan Dạ-xoa Āḷavaka thì đọc ở địa chỉ trên, ở đây tôi chỉ giải thích cho quí vị nghe bài kinh. Dạ-xoa hỏi Ngài:

“Cái gì là báu vật quý nhất?

Làm gì hay sống ra sao để được hạnh phúc?

Cái gì ngon miệng nhất ở đời?

Đời sống thế nào là đời sống lý tưởng nhất?

”.

Những câu hỏi đại loại như thế này Đức Thế Tôn sẽ tùy vào căn cơ khuynh hướng tâm lý của người đối diện mà Ngài trả lời. Ở đây, Đức Phật trả lời: “Niềm tin là tài sản quí nhất. Sống theo pháp, khéo huân tập các hạnh lành thì hạnh phúc”. Không có niềm tin thì không làm được việc gì, chỉ riêng việc nhổ nước bọt cũng cần phải có niềm tin (nơi này không bị cấm khạc nhổ). Nói hơi tôn giáo một chút thì hạnh lành đem lại quả báo hạnh phúc, còn nói theo thực tế thì khi anh sống bằng tâm lành cởi mở bao dung, yêu thương cẩn trọng, kiên nhẫn, trung thực thì anh phải là người sung sướng ngay trong kiếp này, không cần phải nói đến đời sau kiếp khác. Người sống thiện trước mắt là vui vì thiện tâm làm cho mình vui và quả báo vui. Nếu phải ra đi đột ngột thì lòng không có gì hối tiếc bởi vì trong kinh (Tăng Chi Bộ kinh) có nói có ba hạng người chết không nhắm mắt: làm quá ít điều thiện, làm quá nhiều điều ác, còn những mộng đời dở dang (chuyện thắc mắc nghi hoặc nào đó chưa giải tỏa) khối tình sẽ mang xuống tuyền đài chưa tan.

“Cái gì làm mình ngon miệng?

” Đức Phật trả lời: Sự trung thực, sự chân thật có sao nói vậy làm cho mình ngon miệng nhất. Theo Đức Phật, Theo Đức Phật, sự chân thật hay trung thực gồm hai khía cạnh: có sao nói vậy, và vạn sự ra làm sao thì thấy như vậy(“vacisacca va paramatthasacca”). Ví dụ như mình chỉ biết đây là người nam, đây là người nữ, nhưng khi là thánh thì biết thêm đây chỉ là danh, đây là sắc, là thọ là tưởng hành thức…; cái gọi là ông A, bà B chỉ là gồm nhãn nhĩ tỉ thiệt thân ý ghép lại, chỉ gồm bốn thứ thiện ác buồn vui chứ không là gì hết.

Các vị thấy trong văn hóa Tàu có câu: “Quân tử tình như đạm thủy”, lòng người quân tử như nước lạnh, nước lạnh còn hoài theo năm tháng không bị hư, và có thể dùng nước lạnh cho mọi hoàn cảnh, nấu cơm nấu canh, pha trà, rửa mặt … trong khi chè cháo bánh trái ngon mấy đi nữa thì chỉ vài ba ngày sẽ hư.

“Đời sống thế nào là đời sống lý tưởng nhất?

” Đức Phật trả lời: Kiểu sống hạnh phúc nhất là sống có sự kiểm soát, soi rọi của trí tuệ. Một đời sống không có ánh sáng trí tuệ thì một ngàn phần trăm nó phải có vấn đề. Một đời sống cá nhân hay sự vận hành của một gia đình, một tập thể, một đất nước mà không có sự soi rọi của trí tuệ thì chỉ có thể đi tới trong bóng tối, chỉ có khổ đau và tội ác.

Trong tiếng Pāḷi có chữ ‘manussa’ nghĩa là ‘nhân loại’. Từ gốc là ‘man’nghĩa là ‘cân đong đo đếm’(measuring). ‘Man’ còn có nghĩa là ‘hậu duệ của vua Manū’. Tiếng Đức hay tiếng Anh thì ‘man’ đều có nghĩa là ‘người’. Trong tiếng Pāḷi, ‘manussa’ theo nghĩa bóng là “loài động vật biết cân đong đo đếm” (cả tinh thần lẫn vật chất), biết phân biệt tốt xấu phải quấy, thị phi, nên hay không nên… Có những loài thú khôn có khả năng biết đối phương mạnh hay yếu hơn để liệu bề tấn công. Có câu chuyện một gã kia thích giang hồ nhưng lại ốm yếu, anh ta xăm trên tay bốn chữ Đ to tướng. Gặp ai bự con hơn thì anh ta giải thích “đang đau đừng đánh” còn gặp ai yếu hơn thì nói “đụng đâu đánh đó”. Tay kia thì anh ta xăm bốn chữ T, tùy theo gặp loại người nào mà giải thích là “tình tiền tù tội” cho oai hoặc “thương trẻ tàn tật”, đây là chỉ là chuyện kể cho vui thôi nghen, đừng lấy đem đi định nghĩa rồi nói là tôi giảng thì tôi chết không nhắm mắt, chết rồi mà còn hai con mắt ngó người một con.

“paññājīviṃ jīvitamāhu seṭṭha” đời sống có sự soi rọi của trí tuệ thì hạnh phúc tối thượng

Dạ-xoa hỏi thêm: "Đời là biển lớn vậy cách nào đối phó với sóng to gió lớn?

Cách nào để vượt khỏi trùng dương?

Cách nào để chấm dứt đau khổ?

Cách nào để mình được thanh tịnh giữa chợ đời nhơ bẩn".

Đức Phật trả lời giống hệt như câu trả lời của Đức Phật Kassapa vì Dạ-xoa nhờ Ngài cho lại câu trả lời ngày xưa bố mẹ mình đã làm mất. Khi Dạ-xoa muốn vậy thì Ngài nhắc lại câu trả lời y hệt như Đức Phật Ca Diếp đã nói. Câu trả lời của Đức Phật Kassapa ngày xưa dựa trên căn tánh của người hỏi.

"Cách nào đối phó với sóng to gió lớn?

" Đức Phật trả lời: Phải có niềm tin mới vượt qua sóng to gió lớn. ('ogha': big wave, strong flow, dòng chảy mạnh, sóng to gió lớn). "appamādena aṇṇavaṃ", bằng sự chuyên cần, không dễ duôi mới có thể vượt qua biển lớn.

Làm sao vượt lũ dữ?

Phải dùng đức tin! Câu này ám chỉ trí tuệ Sơ quả Tu-đà-hoàn.

Làm sao vượt đại dương?

Phải dùng sự chuyên cần không dễ duôi! Câu này ám chỉ trí tuệ Nhị đạo Tư-đà-hàm.

Thế nào là chuyên cần không dễ duôi?

Quí vị có phân biệt được chữ 'careless' và 'carefree' không?

Hai chữ này chữ nào tốt chữ nào xấu, bà con mà hiểu được hai chữ này thì mới hiểu được chữ 'appamāda'(không dễ ngươi). 'Careless' là buông thả, không ý tứ cẩn trọng; 'carefree'là tự tại không vướng bận.

Tu hành là lòng phải thanh thản không vướng bận vào chuyện tìm cái để thích hay ghét, nhưng phải luôn lưu ý cảnh giác với cái gì thiện hay ác, nên hay không nên. Người tu hành carefree nhưng không careless vậy mới gọi là appamāda.

Tại sao câu này chỉ cho trí Nhị đạo?

Bởi vì nét nổi bật của vị Sơ quả (tầng thánh thấp nhất trong 4 tầng thánh) là cái nhìn đầu tiên (dassana) và niềm tin bất hoại.

Người phàm dầu thuộc lòng Tam Tạng nhưng cái thấy của phàm phu có thể bị thay đổi, lúc thấy lúc không, có khi thấy đúng có khi thấy sai, có khi thấy hay có khi thấy dở. Từ đó dẫn đến chuyện niềm tin, có lúc tin có lúc không, có lúc tin mạnh có lúc tin yếu. Nhưng bậc thánh Tu-đà-hoàn thì không, thấy là thấy chắc chắn, họ thấy rõ Bốn Đế. Họ thấy rõ mọi hiện hữu ở đời đều là khổ dầu trong hình thức nào, bất cứ một sự ưa thích đam mê đắm đuối nào cũng đều là nhân sanh khổ. Có học A-tỳ-đàm quí vị sẽ biết điều này: tất cả mọi hiện hữu ở đời đều đi ra từ lòng tham trong quá khứ tạo ra. Ví dụ, tôi thích cảnh thiền sắc giới tôi mới sanh về cõi Thiền Sắc giới và tôi thích cảnh thiền Vô sắc tôi mới sanh về cảnh Thiền Vô sắc. Tôi còn thích cảnh dục tôi mới sinh ra trong cõi Dục giới. Từ trong cõi Dục mới có nhà cửa, phố xá, trâu bò, bông hoa, sình lầy v.v... Tất cả những rối rắm trong xã hội loài người có là do mình thích cảnh Dục nên mình sinh ra trong cảnh Dục. Nhưng tại sao có gai góc, đâu có ai thích gai góc mà tại sao lại có?

Đơn giản thôi, anh thích nhìn ngắm sờ ngửi nếm nhưng nếu có phước thì sẽ được ngửi nghe nhìn ngắm những thứ anh vừa ý, còn nếu anh thích dục mà không tu tạo công đức thì anh sẽ phải nhìn thấy nghe ngửi nếm đụng những thứ làm cho anh đau khổ. Hai mươi năm trước mà tôi được nghe cái này thì giờ đây tôi đã lên mây tôi ngồi. Ngày xưa tôi học A-tỳ-đàm rất khô, không ai giảng kỹ những điều này cho tôi nghe.

Vị Tu-đà-hoàn biết rõ bằng toàn bộ sinh mệnh của mình rằng sự đau khổ và con đường gây khổ có một cứu cánh chấm dứt là niết-bàn: không còn nhân sanh khổ, không còn quả khổ thì sẽ không còn đau khổ.

Vị đó biết con đường dẫn đến niết-bàn đó là Bát Chánh Đạo. Bà con nhớ giùm, con số 8 của Bát Chánh Đạo là một trong một tỷ cách diễn dịch con đường giải thoát. Đối với một số người, Đức Phật chỉ dùng một chữ: appamāda. Trước khi Ngài niết-bàn, câu nói cuối cùng của Ngài là "vayadhammā saṅkhārā, appamādena sampādetha", nghĩa là vạn hữu là vô thường hãy sống bằng sự cẩn trọng không dễ ngươi. Đây là câu cuối cùng của Bậc Đạo Sư, mình không hề thấy có số 8, số 4, số 5 … ở đây. Ngài chỉ nói một chữ thôi, vạn hữu là vô thường, không có sống "dễ ngươi".

Chánh kiến, chánh tư duy là tuệ học. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới học, còn lại là định học. Gom chung là Tam học hoặc là Vô lậu học. 37 phẩm trợ đạo gồm Tứ Niệm Xứ, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, Như Ý Túc đều là Tam học nói rộng.

Điểm nổi bật của vị Tu-đà-hoàn thấy chắc nên tin chắc.

Theo Chú giải, câu "Sự chuyên cần, không dễ duôi mới có thể vượt qua biển lớn" ám chỉ cho trí Nhị quả, nghĩa là với vị này vấn đề thấy hay tin không quan trọng nữa mà vấn đề chỉ có là ráng, là không dễ ngươi với đoạn đường còn lại.

Câu hỏi: Làm sao để thoát khổ?

Đức Phật giải thích: Tinh cần để thoát khổ. Câu này ám chỉ trí Tam đạo.

Phúc thay cho kẻ nào được nghe bài giảng hôm nay, phải nói rằng tôi chưa thấy tài liệu nào giảng chỗ này rộng và sâu như vậy. Tôi không phải nói là tôi mà đang nói cái tài liệu. Ở đây ai có quyển Cảm Thắng Phật Lực của ngài Hộ Pháp, ngài uyên thâm thấy hết mọi thứ nhưng đặc biệt chỗ này thì ngài nói sơ qua. Tôi nghĩ rằng ngài đánh giá bà con mình gặm không nổi, Phật tử mình chưa có răng hoặc răng sữa hoặc răng giả hoặc răng rụng sạch nên ngài không nói.

Nếu để ý sẽ thấy vấn đề nhẹ dần qua từng câu. Thứ nhất Đức Phật nói Nếu để ý sẽ thấy vấn đề nhẹ dần qua từng câu. Thứ nhất Đức Phật nói vấn đề đức tin. Câu thứ hai hơi trưởng thành một chút: . Câu thứ hai hơi trưởng thành một chút: không dễ ngươi. Câu thứ ba là . Câu thứ ba là chịu siêng một chút, thánh Tam quả là người tuổi teenager (sắp xong highschool rồi chỉ còn ráng thôi).

Trong Chú giải nói giai đoạn đức tin là giai đoạn yếu một chút, giai đoạn thứ hai appamādenakhông dễ ngươi thì cao hơn một chút. Nên giai đoạn một, trí Sơ quả chỉ đoạn trừ 3 phiền não là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Thân kiến là thấy rằng thân tâm này là tôi là của tôi, gắn liền cái tôi vào cục nợ mấy chục ký này; nghĩa là người này không có khả năng quan sát mình như là đang nhìn người khác, nếu có làm thử thì chỉ được một lúc nào đó thôi. Có sự khác biệt nào giữa Tu-đà-hoàn và mình?

Tu-đà-hoàn đã thấy Tứ diệu đế một lần rồi thì đời nào sanh ra cũng không thay đổi. Tu-đà-hoàn không bao giờ say rượu hoặc mất trí. Một khi đã đắc Tu-đà-hoàn rồi cho đến lúc chứng quả La-Hán viên tịch thì vị đó không bao giờ có vụ say rượu hay mất trí, không có chuyện tai nạn rồi hóa khùng hay ngơ ngẩn. Còn

mình, dù có là pháp sư Tam Tạng tinh thông kinh điển nhưng tiếp xúc với người nào đó thuyết phục, mình có thể thấy kinh điển là vô lý là sai lầm, chuyện đó có thể xảy ra. Hoặc một vị thuộc lòng Tam Tạng nhưng bị chuốc rượu mạnh cho say thì trong cơn say đó vị đó có thể suy nghĩ không có được chính xác như lúc còn tỉnh, hoặc bị tai nạn làm cho khùng điên, nếu vị đó chết tái sanh trở lại trong một thân khác thì những cái học đó trở thành zero, có chăng là gieo duyên, trong cái nhận thức suy nghĩ của vị đó khá hơn người bình thường. Bằng chứng là trong đời sống mình có những người tiếp cận Phật pháp rất dễ, đó là tiền duyên túc trí của họ, còn người không có duyên thì học đạo khó, có những khái niệm người không có trí, không có đạo họ không chấp nhận được. Ví dụ, mình nói, "Làm lành lánh dữ nghen, làm lành được vui làm ác bị khổ nghen". Họ gật đầu, nhưng giảng sâu nữa họ chịu không nổi. Trong kinh nghiệm đi dạy học hoặc thuyết pháp tôi đã gặp, có người nói thêm họ chịu không nổi. Ví dụ như nói: Có mặt trong dòng sanh tử, làm ác thì bị khổ, làm lành thì được vui, nhưng hễ còn được vui, còn bị khổ nghĩa là còn sanh tử, mà còn sanh tử là còn có chỗ để mình lìa bỏ. Nghe vậy họ chịu không nổi, họ sẽ nói, cái ác thì tránh đúng rồi, nhưng tại sao cái thiện cũng là nhân sanh tử. Tôi trả lời, cái ác đưa mình đọa lạc, cái thiện đưa mình về cõi vui, nhưng vui hết phước rồi thì cũng quay trở lại nữa. Cái vui giống như là nụ hoa hay chén cơm ngon trong tù, còn cái khổ giống như chén cơm thiu trong tù, cả hai đều là đồ trong tù. Vậy mà có người họ chịu không nổi chỗ này, họ ấm ức: tu là làm lành lánh dữ, giờ bảo cả thiện ác đều phải tránh thì làm sao. Tôi giải thích, trước mắt là tránh ác thôi nhưng cái thiện là cái một ngày nào đó mình cũng phải tránh, câu này phải nói trước để đừng coi nặng chuyện làm công đức. Chuyện hôm nay mình học đạo hay làm phước chỉ là chuyện uống thuốc chữa bệnh thôi, đừng nghĩ một tháng tám ngày bát quan, nghe được vài thời pháp, coi được năm ba cuốn kinh, dự vài ba khóa thiền rồi về coi người ta là con mình hết là không được. Tất cả những chuyện tu thiền, nghe pháp, bố thí, trì giới đều là uống thuốc, có ai điên đến mức đi khoe người khác mình bịnh nhà mình thuốc nhiều lắm và mình uống thuốc đắt tiền. Mình không có khả năng nhìn mình như người khác, vì mình còn thân kiến. Nói theo nguyên văn trong kinh là vì mình còn đối chiếu tự ngã với địa đại, với thủy đại, phong đại, hỏa đại; còn lấy tự ngã đối chiếu với năm uẩn; lấy năm uẩn đối chiếu với cái tôi… Trong khi đó các bậc thánh không như vậy, họ nhìn bản thân họ như nhìn cái gì khác, không còn thân kiến thì họ không còn hoài nghi, không còn hoang mang tôi sẽ đi về đâu, kiếp trước tôi là gì… vì họ thấy rõ rằng mọi thứ ở đời chớp tắt liên tục và liên tục không ngừng. Thế giới này chỉ là sóng và hạt. Theo khoa học lẫn PG thì nothing is pure, massive, solid, không có gì là thuần túy, khối, nguyên chất. Tất cả đều là

mix, fixed, transition. Sáng nay tôi có đọc câu chuyện rất dễ thương, một đứa cháu hỏi bà cố: Làm sao ông và bà sống với nhau 65 năm không li dị?

Bà cố trả lời: Ông bà lớn tuổi rồi, ông bà sanh ra lớn lên lấy nhau trong thời điểm cái gì hư người ta fix để xài tiếp chứ không phải như thời đại của các cháu cái gì trục trặc thì throw away. Thời của tôi thì con dao còn mài bằng bánh xe đá, đôi dép tôi mang đứt tôi lấy kẽm xỏ mang lại. Cái nồi chảo mà sút quai thì lấy kẽm ràng. Thời đó cái cọng kẽm là thuộc về "thập bát ban võ nghệ", nhà quê đi làm đồng mà áo rách cũng lấy kẽm buộc lại. Không phải như bây giờ, tuổi trẻ sướng không biết gì hết. Có cái từ 'shoppahalism', nghĩa là nghiện đi shopping. Một món đồ mấy ngàn đô la chỉ đem lại cho họ niềm vui có năm phút. Lật tới lật lui, nghĩ đến income mà quên outcome. Nghĩ chuyện mua được là bỏ túi, mang ra ngoài xe, lên xe là móc phone nấu cháo điện thoại, quên mất mình mua cái gì, về nhà là liệng vào trong tủ, cái receipt vẫn còn trong đó, cho nó nằm thiên thu trong tủ luôn. Chỉ biết mua mà không thèm xài chớ còn chuyện xài hư mà đem đi sửa là xưa rồi. Chỉ nghĩ mua được là mua không cần nghĩ đến hậu quả.

Tu-đà-hoàn khi không còn thân kiến, không còn hoài nghi, nghĩa là vị đó không còn thắc mắc, biết nó là chớp tắt rồi thì không còn thắc mắc xưa nó là cái gì và sau này nó sẽ là cái gì. Vì nó luôn luôn chớp tắt nên hễ nó chớp bằng tia sáng thiện thì những chớp sau sẽ là quả thiện, còn nếu chớp tắt bằng tia sáng bất thiện thì những chớp sau sẽ là quả bất thiện.

Không còn giới cấm thủ nghĩa là vị này không còn chấp nhận những giáo điều tín điều nằm ngoài tinh thần Bát Chánh Đạo. Hạng Nhị quả giảm nhẹ dục ái và sân. Dục ái là đam mê trong năm trần cảnh. Sân là bất mãn gồm ghét, ghen, sợ, giận. Trong Vi diệu pháp kể là: Sân Tật Lận Hối. Lận là bỏn xẻn không muốn cho ra, không muốn mất gì. Bủn xỉn cũng là một loại tâm sân không muốn mình Không còn giới cấm thủ nghĩa là vị này không còn chấp nhận những giáo điều tín điều nằm ngoài tinh thần Bát Chánh Đạo. Hạng Nhị quả giảm nhẹ dục ái và sân. Dục ái là đam mê trong năm trần cảnh. Sân là bất mãn gồm ghét, ghen, sợ, giận. Trong Vi diệu pháp kể là: Sân Tật Lận Hối. Lận là bỏn xẻn không muốn cho ra, không muốn mất gì. Bủn xỉn cũng là một loại tâm sân không muốn mình mất gì. Ganh tỵ cũng là sân, không muốn ai gì. Ganh tỵ cũng là sân, không muốn ai được gì. Tạm biệt chim én. Hẹn ngày mốt. #NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 16-10-2014 ALAVA (Āḷavakasutta) (tt)

Dạ-xoa hỏi Đức Phật:

"11) Làm sao vượt bộc lưu?

Làm sao vượt biển lớn?

Làm sao siêu khổ não?

Làm sao được thanh tịnh?

"

Làm sao vượt bộc lưu?

Bộc lưu là dòng nước xiết, ám chỉ dòng sinh tử luân hồi, phiền não, ám chỉ cho những gì thuộc về thế giới trầm luân. Trong bối cảnh đó, Đức Phật Kassapa đã trả lời: Vượt bộc lưu bằngBộc lưu là dòng nước xiết, ám chỉ dòng sinh tử luân hồi, phiền não, ám chỉ cho những gì thuộc về thế giới trầm luân. Trong bối cảnh đó, Đức Phật Kassapa đã trả lời: Vượt bộc lưu bằng **niềm tin**, ám chỉ cho , ám chỉ cho *quả vị Dự Lưu*.

Làm sao vượt được đại dương?

Đại dương đây cũng là đại dương sinh tử. Vượt biển lớn bằng Đại dương đây cũng là đại dương sinh tử. Vượt biển lớn bằng *sự chuyên cần*, appamada, ám chỉ , appamada, ám chỉ *quả vị Nhất Lai*.

Làm sao thoát đau khổ?

Thoát khổ bằng sự Thoát khổ bằng sự *tinh tấn*, ám chỉ , ám chỉ *quả vị Bất Lai A-na-hàm*.

Làm sao được thanh tịnh?

Thanh tịnh hóa bản thân bằng Thanh tịnh hóa bản thân bằng *trí tuệ*, câu này ám chỉ , câu này ám chỉ *quả vị La-Hán*.

Bốn câu này ám chỉ cho bốn tầng thánh.

Niềm tin: ở đây là tin vào vào Nhân Quả, vào Tam tướng và tác dụng của Bốn Niệm xứ. Có được niềm tin đó thì mới thành tựu được bốn Dự lưu phần, từ đó có được niềm tịnh tín bất động nơi Tam Bảo và thành tựu ở đây là tin vào vào Nhân Quả, vào Tam tướng và tác dụng của Bốn Niệm xứ. Có được niềm tin đó thì mới thành tựu được bốn Dự lưu phần, từ đó có được niềm tịnh tín bất động nơi Tam Bảo và thành tựu *Giới hạnh bất hoại*.Nếu Phật học mình dốt, trí nhớ kém quá thì chỉ nhớ 3 điều:

1-Vạn pháp do duyên mà có (không có gì ở trên đời tự nhiên mà có, mọi thứ đều do vô số nhân duyên). Ví dụ buổi sáng ở VN đói bụng, muốn có dĩa bánh ướt trên tay để ăn thì không đơn giản, cần vô số nhân duyên (phải đói, phải muốn, phải có tiền, phải có người bán ngay trước nhà, phải không bị bệnh, và những duyên sâu xa nữa như trong nhà gia đạo ổn, không nợ nần hay pháp luật v.v... tình hình thế giới, tình hình đất nước phải ổn, nếu đói như năm 45, loạn lạc như 75, thì làm sao có bánh cuốn mà ăn)

2 - Đã có phải vô thường

3 - Phải có đời sống tỉnh thức của người tu tập Tứ Niệm Xứ thì mới an lạc trong đời này và giải thoát sinh tử. Vì vậy, Đức Phật dạy: *Tứ Niệm Xứ là con đường duy nhất dẫn đến sự thanh tịnh cho chúng sanh, chấm dứt khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn*.

Tu-đà-hoàn

Điểm đặc biệt thứ nhất của vị Tu-đà-hoàn là Điểm đặc biệt thứ nhất của vị Tu-đà-hoàn là *niềm tin*. Chỉ có niềm tin như vậy mới chứng được quả vị Tu-đà-hoàn, và từ đó mới dẫn đến những điều kiện để làm nên phẩm chất của vị Tu-đà-hoàn.

Giới hạnh bất hoại: Vị Tu-đà-hoàn dù thà chết chớ không phạm giới hạnh mình đã phát nguyện thọ trì. Giới của Tu-đà-hoàn không bao giờ bị mất, họ không nguyện thì thôi, đã nguyện rồi thì không bao giờ mất. (‘*Samadanasila’*: Giới đã phát nguyện thọ trì). Đâylà điểm đặc biệt của vị Tu-đà-hoàn.

Tinh tấn không dễ duôi: Điểm đặc biệt thứ hai của vị Tu-đà-hoàn là tinh tấn không dễ duôi. Vị đó có khả năng giảm nhẹ dục ái và sân.

Do phiền não bản thân cộng với túc nghiệp quá khứ nên mình thích cái này cái kia. Thật ra, chỉ cần đắc sơ thiền thì ta sẽ thấy không có lý do nào để thích năm dục

Khi tôi nói mình giải trí bằng cách đi đánh bài nhậu nhẹt, câu cá là quá bậy rồi mà theo tinh thần PG rốt ráo thì chuyện chơi lan chơi kiểng làm vườn mất thời gian cũng không nên, kẹt thì phải đi làm nuôi vợ nuôi con chứ thời gian thì phải để tu tập thiền định hoặc nghiên cứu Phật pháp, ngay cả việc giải trí thì cũng là chuyện không nên, Phật tử nghe vậy họ không đồng ý, họ nói chơi lan chơi kiểng cho đầu óc nhẹ nhàng thoải mái, nhìn ngắm đóa lan đang nở, theo một dõi đóa quỳnh giữa đêm là cái vui lành mạnh xã hội không lên án sao trong đạo khó khăn. Tôi trả lời, có những chuyện nói theo quan điểm xã hội thì ok, nhưng theo quan điểm rốt ráo của Phật pháp thì không nên, mất thời gian dữ lắm. Với một hành giả chuyên tu nhất cử nhất động đều quan sát thì hành giả sợ bày thêm chuyện, mất công thêm cảnh thì rối thêm. Theo dõi hơi thở đã không xuể rồi, đi tiêu đi tiểu, rửa mặt, bước đi, ngồi xuống, nằm xuống, những việc lít nhít đó cái tâm mình đã thay đổi liên tục, theo dõi nhiêu đó đã hết giờ rồi thời gian đâu mà lan mà kiểng mà thưởng thức vườn tược. Có một tỷ lý do để mình đam mê trong cảnh dục, bonsai cũng là cảnh sắc, mùi thơm của hoa, chưa kể cảnh xúc, cảm giác ngồi ngoài vườn gió hiu hiu mát nhìn trăng nhìn nắng. Mình có nhiều lý do để thích cảnh dục nhưng một người đã đắc Sơ thiền thì họ thấy rằng những nhu cầu đó thật ra không thật sự cần thiết giữa cuộc sống quá ngắn ngủi này. Với một người đắc thiền thì niềm an lạc từ Sơ thiền đem lại cho họ gấp triệu lần so với niềm an lạc trong lúc hưởng dục. Với người đắc Sơ thiền thì năm dục chỉ còn là gánh nặng, trong mắt của vị Sơ thiền thì nhìn cái dục giống như người lớn nhìn đồ chơi của con nít, họ không tưởng tượng ra vì sao người ta thích năm cái này. Giống như khi mình người lớn, mình suy nghĩ không hiểu tại sao hồi nhỏ mình thích được cái đó, hoặc một ngày nào đó mình gặp lại người xưa mình sẽ thấy, ủa sao con người này mặt mũi như vậy, tánh tình như vậy mà ngày đó mình lại mất ngủ. Hú vía, nếu như ngày đó không vì chướng duyên mà hai đứa đến với nhau thì bây giờ chết cha mình rồi, người bây giờ thì mập sồ sề, ăn nói hớ hênh, làm việc vụt chạc vô ý vô tứ, cảm giác hú vía đó chính là cảm giác của vị Tu-đà-hoàn khi nhìn lại thế giới của phàm phu, chính là cảm giác của vị Sơ thiền khi nhìn lại thế giới của Dục Giới. Còn thích trong cảnh Dục thì còn bất mãn, vị Nhất lai Tư-đà-hàm thì giảm nhẹ, chỉ còn ở dạng vi tế, lên đến tầng thánh thứ ba thì dứt hẳn. Vị này không còn thích trong năm dục dù có thể đang sống ở cảnh dục, và vị này vĩnh viễn không còn sự bất mãn nữa. Vì vậy, phải nói không cần đắc A-la-hán chỉ cần không còn thích dục nữa thì lòng tự nhiên nhẹ nhàng như trút gánh nặng ngàn cân. Khi không còn dục ái nữa thì không còn sự bất mãn. Mình khổ vì còn sự bất mãn, có cái gì đó làm cho mình khó chịu, sợ hãi, giận hờn, ghen tức, tiếc nuối. Chỉ cần không có tâm sân thì mình đã rất nhẹ nhàng. Đức Phật dạy trong

Tăng Chi: *Những vấn đề vị Tu-đà-hoàn đã giải quyết xong nhiều như dãy núi Himalaya mà vấn đề còn sót lại thì như bảy hòn sỏi.*Huống hồ chi là vị A-na-hàm, một người không còn thích và không còn bất mãn nữa.

Tu-đà-hoàn nổi bật là đức tin, Tư-đà-hàm nổi bật là sự không dễ duôi nữa, vị A-na-hàm nổi bật là tinh tấn (trong trường hợp này). Vấn đề duy nhất mà vị Tam quả phải giải quyết để chứng La Hán chính là sự Tu-đà-hoàn nổi bật là đức tin, Tư-đà-hàm nổi bật là sự không dễ duôi nữa, vị A-na-hàm nổi bật là tinh tấn (trong trường hợp này). Vấn đề duy nhất mà vị Tam quả phải giải quyết để chứng La Hán chính là sự *kiện toàn trí tuệ*. Phiền não lúc này chỉ là kể cho vui. Ví dụ nói 10 phiền não vị đó giải quyết được 5, còn lại 5, đó là kể theo con số, chớ trong thực tế khi đắc sơ quả không còn thân kiến nữa thì phiền não hết đường rồi. Vị này không còn khả năng tái sanh cõi Dục quá 7 kiếp. Sơ quả là Thất lai vì chỉ còn lui tới cõi Dục giới tối đa bảy lần. Nhị Quả Nhất lai, chỉ còn có thể trở lui Dục giới 1 lần. Tam quả Bất lai không còn khả năng quay lại Dục giới nữa. (‘*lai’*nghĩa là trở lại)

Vị sắp sửa chứng La-Hán chỉ còn làm một việc duy nhất là kiện toàn trí tuệ, nghĩa là thấy rốt ráo Tứ Đế, bởi lúc đó cái thấy chưa tới nơi, gọi là Tam quả.

“*13) Dạ-xoa hỏi Thế Tôn:*

“*Làm sao được trí tuệ?*

Làm sao được tài sản?

Làm sao đạt danh xưng?

Làm sao kết bạn hữu?

”

Làm sao được trí tuệ?

Muốn được trí tuệ thì việc đầu tiên là Muốn được trí tuệ thì việc đầu tiên là *khéo học hỏi* (*sussūsa)*. Khéo học hỏi là:

1. Học đạo với lòng cẩn trọng, tôn kính.

2. Học để hướng đến sự thấu đáo nghĩa lý rốt ráo chớ không phải học để biết suông.

3. Đạt được cứu cánh rốt ráo.

Làm sao có tài sản?

Muốn có tài sản thì phải Muốn có tài sản thì phải *tinh tấn* (*utthata*), sống có *trách nhiệm* (*dhuravā*). Tài sản ở đây gồm tinh thần và vật chất, *tài sản thế tục và tài sản đạo nghiệp*.Đạo nghiệp là những gì mình thành tựu trong đường tu.

Làm sao kết bạn hữu?

Đức Phật dạy có **Bốn Nhiếp pháp** (*sangahavatthu*) là 4 điều kiện tối thiểu để thu phục nhân tâm gồm sự hào sảng, cẩn ngôn, lợi hành, đồng sự

Tứ nhiếp pháp (*saṅgahavatthū*)

Hào sảng(*dana*) là mình đối với người ta không có sự toan tính về vật chất. Đó là một trong những lý do thu phục nhân tâm. Cũng tùy trường hợp, nếu người ta quá giàu thì sự rộng rãi của mình người ta không quan tâm và cũng không cảm kích.

Cam ngôn (Hadayaṅgama): lời nói đi thẳng vào tim người nghe. Ngôn từ rất quan trọng, ông vua cái gì cũng có hết vậy mà đứa nào nịnh chuyên nghiệp thì vua cũng chết lên chết xuống như thường. Cam ngôn là lời nói xuất phát từ lòng bi mẫn chớ không phải do lòng gian trá nịnh bợ,

*Lợi hành (atthacariya):*làm gì cũng nghĩ có lợi ích cho người ta. Hai người ở chung phòng, người đi sau bước ra thấy đôi dép mình được xếp ngay ngắn trước phòng, hướng mũi ra ngoài, người nào sống ý tứ sẽ cảm kích trước hành động đó. Người trí không vì người ta mà làm điều bất lợi cho mình và cũng không vì mình mà làm điều bất lợi cho ai. Lợi ích là lợi ích của đời này và cả đời sau kiếp khác.

*Đồng sự (samanattata):*sống có chia sẻ, không kỳ thị, sống hòa đồng. Người Phật tử có lúc chỉ cần hòa mà không đồng. Hòa quang nhưng không hỗn tục. Hòa mà không đồng là đoàn kết vui vẻ nhưng không hẳn trăm phần trăm ủng hộ đồng thuận khi người ta làm bậy, ví dụ người ta rủ mình đi cắm trại bên rừng bên suối rồi bắt cá lên nướng, hoặc đặt bẫy bắt thú, việc đó là không được. Có trường hợp từ chối thẳng, có trường hợp từ chối khéo. Ví dụ đang đi với sếp mà móc thẻ đạo đức ra nói làm cái này là tội lỗi thì cái đó là ngu chớ không phải tu. Nếu người nào mà mình thấy độ người ta được thì mình nói thẳng, còn có trường hợp phải

nói khéo để tránh né, chẳng hạn: "tôi nặng vía lắm tôi ngồi đó là không ai câu được con cá nào".

Ở đây Đức Phật không nói bốn thứ mà chỉ nói đến một phần tư của Tứ Nhiếp Pháp là sự *hào sảng.* Chỉ một thứ thôi đã thu phục được nhân tâm rồi. Nhớ lời ông Năm Cam: *Cái gì không mua được bằng tiền thì có thể mua được bằng rất nhiều tiền*. Câu này kỳ cục nhưng cũng đúng, vì kỳ cục nên mình nhớ dai.

Làm sao đạt danh xưng?

"Chân thật được danh xưng" ở đây là khả năng nói sự thật và thấy sự thật; chỉ sống trong sự thật. Danh xưng nghĩa là thứ nào ra thứ đó. Đó là ông vua, đó là sự thật; đó là gã ăn mày, đó chính là sự thật, sự thật gã này không có tiền nên mới đi ăn mày. Cái bản chất làm nên con người và từ đó cũng làm nên tên gọi (danh xưng) một người. Cục đất sét là cục đất nhưng khi nặn thành cái ly và nung lên thì gọi là cái ly. Danh xưng là tên gọi căn cứ vào bản chất. Gọi là Phật hay gọi là phàm là căn cứ vào bản chất. Khi mình có khả năng sống chân thật thì có được danh xưng tiếng tăm (người trí, hiền giả, bạn lành…)

Làm sao để không khổ đời này và đời sau?

Để đời sau kiếp khác không bị khổ thì phải nhớ đến 4 pháp: Chân thật ('sacca'), Tự chế ('*damma',* self training), Tinh tấn ('*dhiti'*) và Hào sảng ('*cago',* generosity). Người nào sống trong những pháp này thì người đó sống không đau khổ.

Trong Kinh có nhiều từ rất hay, ví dụ '*Dāna'*: sự trao ra, đem cho, gọi là bố thí. '*Cāga'*: (Từ gốc *caj*: lìa bỏ) cũng là bố thí nhưng chữ này nhấn mạnh ý nghĩa *lìa bỏ* quyền sở hữu, lìa bỏ sự chấp thủ (vừa là giving, vừa là giving up).

Phật tử mình thường *giving* (cho) chớ không *giving up* (lìa bỏ), cho mà còn mong chờ cái này cái kia. Có người cho rồi còn coi người nhận xài như thế nào. Có trường hợp cho rồi còn dặn đừng có cho ai. Đó chỉ là mới *giving* thôi, còn *giving up* thì "tình đã cho đi thì không nhận lại bao giờ". Bên Thụy Sĩ có cô Phật tử, cổ có thói quen thù thắng đặc biệt, nhìn thấy mấy ông sư xài cái gì hơi tốt tốt thì cổ khó chịu lắm. Cổ cho tiền nhưng mà với điều kiện ông sư phải xài tiền đó mua đồ cũ, đồ rẻ, đồ rách mới chịu. Cổ vừa là tín đồ mà là giáo chủ shopping nên rành lắm. Cổ vô nhà tắm chùa Tích Lan mà thấy mấy cục xà bông thơm là không được, kem đánh răng là phải xài loại một đồng rưỡi một tuýp chớ sao xài loại bốn

đồng. Tôi nhớ có nghe một vị trưởng lão kể chuyện ngày xưa lúc vị này còn ở ngoài đời thương một cô gái, tạm gọi là cô A, nhưng ông cụ thì muốn con trai mình cưới cô B. Sắp tới ngày cưới, người con nói với cha: *Ba nghĩ sao, người sống suốt đời bên cạnh cổ là con, đâu phải là ba mà sao ba lựa người ba thích.* Ông già trả lời: *Tao sắp xếp mọi sự vì tao thương mày*. Người con trả lời: *Ba nói ba thương con nhưng ba thương con là vì ba chớ không phải thương con là vì con*. Câu này hay quá. Ở đây cũng vậy, bố thí phải nhắm đến người nhận chứ sao lại trở giáo lại người cho. . Câu này hay quá. Ở đây cũng vậy, bố thí phải nhắm đến người nhận chứ sao lại trở giáo lại người cho. **Phải bố thí như thả chim phóng sinh, đừng bố thí kiểu thả diều, con diều bay lên trời mà sợi dây còn nằm trong tay của mình.** Câu này như câu thần chú, nếu mùa dâng y thì bà con viết mấy chữ này lên áo dài cho người khác đọc.

'Tự chế'(self control): không nói không nghĩ không làm theo ý thích của mình. Người tu phải biết rõ (self control): không nói không nghĩ không làm theo ý thích của mình. Người tu phải biết rõ **cái mình cần và điều mình thích**, tự chế là sống theo tinh thần này. Ngày xưa mình chưa biết đạo, cái gì thích mình làm, thích thì mình nói, thích thì mình chìm đắm suy tư, nhưng bây giờ mình phát hiện trong tâm đang có suy nghĩ tào lao là chuyển đề tài liền, còn trong lời nói thấy sắp nói tào lao thì stop liền, và trong hành động thấy không lợi mình lợi người đời này kiếp khác thì không làm.

Có đủ bốn pháp: *chân thật, tự chế, tinh tấn, hào sảng* (giving và giving up) thì đời sau sanh ra không khổ nữa. Ngài xác nhận có lúc *tinh tấn được thế chỗ bằng kham nhẫn*, kể chung cũng là bốn pháp này.

Ở Mỹ có ngày Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving). Phật tử mình nên có một ngày lễ là ngày lễ Forgiving, rất là hay. Trời hại tôi không có đủ điều kiện chớ nếu như tôi là mấy vị trụ trì tiếng tăm học trò đệ tử rầm rộ tôi bày nhiều chuyện có lợi cho đạo. Tôi muốn mỗi một năm tôi dành một tuần lễ văn hóa châu Á, một ngày cho văn hóa Campuchia, cộng đồng Phật tử có gì hay thì họ chơi hết mình trong ngày đó, một ngày văn hóa Lào, một ngày văn hóa Thái Lan, Miến Điện v.v... còn lại là một ngày cho văn hóa bản địa. (native culture). Ngày Vu Lan bên Nam Tông không có, đó là ngày nhớ về ơn cha mẹ, mình quỳ tặng quà cha mẹ, nói này nói kia, còn ngày Forgiving Day là ngày cùng ngồi lại nói lời xin lỗi với nhau, nếu thành công nhất là mời người mà mình xích mích trong năm ngồi lại nói chuyện với nhau. Nếu có ngày đó để mình ngồi với nhau mình bộc bạch vì sao bấy lâu nay mình giận không nhìn mặt người ta. Rất là hay.

CHƯƠNG XI - TƯƠNG ƯNG SAKKA

SUVĪRA (Suvīrasutta), SUSIMA (Susīmasutta)

Trong phẩm Sakka, hai bài đầu nội dung không có gì nhưng đặc biệt là bài thứ Dhajaggasutta. Tôi muốn ngưng bây giờ để trọn vẹn kỳ sau, hai bài đầu thì tôi nói ba giây đồng hồ là xong. Hai bài đầu tôi không tha thiết lắm vì nhiều lý do: nội dung hơi hoang đường đối với người không có tin Phật pháp. Đừng nghĩ tôi là duy vật là vô thần là ngoại đạo, tôi tin tùm lum hết nhưng nhiều chuyện tôi không mặn mà lắm, ví dụ chuyện chư thiên, tôi biết là họ có nhưng bàn về họ tôi không khoái lắm. Tôi biết bữa nay tôi xì ra nhiều chuyện bà con hết hồn luôn. Tôi, sư Giác Nguyên sinh năm 1969 trước đây quốc tịch Việt Nam, tôi xin nói rõ tôi là tu sĩ thầy chùa tôi không tin cầu an cầu siêu, tôi cũng không tin xá lợi, nếu không nói thì bà con tưởng đang nghe một tên ngoại đạo nên tôi phải giải thích. Tôi không tin cầu an cầu siêu vì tôi thấy ngài Mục Kiền Liên thần thông dữ dội, đức độ La-Hán, phước báu tu tập thì một a-tăng-kỳ trăm ngàn đại kiếp, cộng với quả vị La-Hán lục thông tam minh tứ tuệ phân tích, ngài là đệ tử hàng thứ hai của Đức Phật, lúc mọi chuyện xảy ra cho ngài thì Đức Thế Tôn còn sống, tha hồ niệm Phật. Vậy mà tất cả cộng lại không thể cứu mạng cho ngài Mục Kiền Liên, vậy cầu an cầu cái nỗi gì. Tiền nghiệp đến lúc trả thì chịu chết. Hai vị đệ nhất thần thông tăng và ni của Đức Phật đều bị đại nạn hết. Đệ nhất thần thông bên ni bị cưỡng hiếp, bên tăng thì bị thảm sát vậy cầu là cầu cái gì. Chư thiên ở đâu, Đế Thích ở đâu, vị này có thần thông, chư thánh tăng nhiều như sao trên trời, Đức Phật còn đó, mà không có sự hộ trì nào cho vị này. Ngài Mục Kiền Liên còn dữ dội hơn mà cuối cùng ngài cũng nát như tương Tàu thì cầu an nỗi gì, cầu an còn không tin thì sao tin cầu siêu. Đức Phật dạy: *Một tảng đá mà cả làng van xin tảng đá vẫn cứ chìm, một giọt dầu rớt trên núi mà cả làng nguyền rủa nó nó vẫn cứ nổi.* (Tăng Chi). Một người có thiện pháp thì như giọt dầu, rớt xuống nước thì sẽ nổi, còn người bất thiện thì như tảng đá, phải chìm xuống nước. Một người lúc còn sống còn tỉnh táo, trẻ khỏe ngon lành mà trong lòng không có Phật, không có pháp, không có tu hành thì lúc chết rồi thì siêu nỗi gì. Niềm tin của tôi dành cho chuyện đó chỉ có 0,1 phần triệu. Mong manh vô cùng. Hy vọng là có thể khi họ chết rồi sanh thành loài hóa sanh loài khuất mặt nghe mình đọc kinh họ hiểu thì may ra. Còn oai lực của kinh mà làm cho một người bị đọa hết đọa thì tôi chưa hề thấy, chỉ có hồi hướng. Người có khả năng tùy hỷ mới nhận được phước hồi hướng. Đừng tưởng là cha tôi mẹ tôi vợ tôi con tôi hồi hướng cho tôi là tôi nhận được, mà phải tùy thuộc tôi ở cảnh giới nào, không phải cảnh giới nào cũng nhận được. Ví dụ tôi chết sanh làm con của ai ở bên Campuchia, quí vị hồi hướng cho

tôi ở Đức làm sao tôi biết. Một điều nữa đó là còn tùy thuộc bình thường mình có nghĩ đến Phật pháp hay không, và còn do tiền nghiệp. Trong kinh Mi Tiên (Milindapañha) nói rõ, buổi tụng kinh chỉ có tác dụng với ba điều kiện:

1. Người đọc bằng sự hiểu biết và chánh niệm.

2. Người nghe cũng vậy, nghe với sự hiểu biết và tùy hỷ.

3. Không có trọng nghiệp quá khứ can thiệp.

Tại sao bữa nay tôi không muốn giảng thêm, bởi để hôm sau giảng riêng trọn vẹn bài Kinh Ngọn Cờ. Kinh Ngọn Cờ là kinh dạy mình niệm Phật, phải niệm làm sao cho đúng. Chỉ riêng bài kinh đó tôi phải giảng tám tiếng đồng hồ. Và tôi phải nói một câu rất là đau lòng là Phật tử VN mình 99% không biết cách niệm Phật. Vì vậy khi tôi giảng bài kinh đó tôi sẽ sửa lại toàn bộ suy nghĩ của các vị. Không phải niệm Phật là mình réo gọi tên Ngài, hay tên của ai đó. Niệm Thế Tôn, La Hán, Chánh Đẳng Giác là phải ngồi nghĩ ra từng ý nghĩa, chứ không phải niệm khơi khơi. Người có niềm tin vào những điều đó mới niệm được. Chứ hồi đó đến giờ mình cứ chơi cho đã rồi vô nghe giảng ngồi xếp bằng niệm, đó là mình đang ôn bài chớ không phải đang thấm thía ơn đức của Ngài.

Tôi không tin cầu an cầu siêu bởi những điều tôi vừa nói. Đã là trọng nghiệp của mình thì có can thiệp vô cũng không tác dụng gì hết. Lúc bình thường mình không tu hành gì, lúc yếu, chết rồi thì làm sao nghe kinh. Phật tử cứ đi mời về tụng kinh mà không biết cái này, ông sư tụng mà móc cái phone bấm bấm, tụng mà nghĩ đâu đâu không, tụng ầm ĩ tiếng Pāḷi mà không hiểu gì mình tụng gì, còn Phật tử nghe mà không biết mình nghe cái gì, chỉ thấy khói nhang nghi ngút rồi lâu lâu quởn quởn lạy xuống một cái. Nếu tụng mà có chuông thì lâu lâu nghe đánh boong một cái thì lạy xuống mà không biết ông sư đang tụng cái gì, ông sư cũng không biết luôn. Trong trường hợp đó thì tụng không có kết quả gì, người tụng không hiểu biết không chánh niệm mà người nghe cũng không hiểu biết, không chánh niệm, không tùy hỷ. Nếu có trọng nghiệp tiền kiếp can thiệp thì chịu thua thôi. Nếu như trọng nghiệp mình bị ung thư thì tụng cái gì. Theo tôi biết Phật tử chịu mời tăng ni về tụng thì nước cũng cạn rồi, coi như còn nước còn tát. Bịnh như tôi mấy hôm nay thì làm gì có chuyện mời về tụng, khi mời về tụng thì bệnh đó gần đi rồi, gần đi rồi thì kinh nào cứu nổi. Cũng ít có gia đình nào biết nghĩ tụng để đi cho ngọt lắm, chỉ mong là hết bệnh thôi. Thêm nữa cả người tụng lẫn người nghe đều trớt quớt. Khi tôi biết được những điều này thì tôi làm sao mà

tin được, chẳng qua là người quen họ mời đi chớ tôi không tin, tôi làm cái chuyện mà tôi không tin. Quí vị nghĩ tâm trạng tôi lúc đó thảm cỡ nào.

Còn chuyện tại sao tôi không tin xá lợi?

Tôi không tin xá lợi không phải vì tôi không kính Đức Phật mà vì tôi quá sức tôn kính Đức Phật nên tôi không tin. Vì sao, vì Ngài là người đã tu hành vô lượng kiếp, phải có vô lượng kiếp mới có một vị Phật ra đời. Trong kinh nói rõ nếu mình có đức tin thì phải tin điều này:

- Chư Phật rất hiếm khi xuất hiện ở đời; tu thành Phật rất là khó

-Đệ tử của các ngài thì vô số, từ vô lượng vũ trụ, số lượng xá lợi thì luôn hạn chế, chư thiên làm sao để xá lợi trong tay những người không xứng đáng khi chính họ không có để thờ và họ có thể lấy đi mọi lúc (Kinh Pāyāsisutta, Trường Bộ Kinh). Làm sao tới phiên mình?

Trong kinh Pāyāsisutta nói chư thiên (cõi Đao Lợi trở lên) gớm mình như là mình gớm mấy con dòi trong hầm phân vậy đó. Tứ Thiên Vương thì họ giống như mình thôi. Vì vậy họ chỉ xuống cõi Người mình khi có đại sự nhân duyên, thí dụ vì đức độ của người tu hành đạo cao đức trọng, chính đức độ của người đó khiến cho họ không còn nghĩ đến chuyện dơ sạch nữa. Vậy mà, khi Thái Tử Tất Đạt cắt tóc đi tu bên bờ sông A Nô Ma đó, Ngài liệng bỏ, Đế Thích rước tóc đó về trên Đao Lợi về thờ phụng. Chư thiên Đao Lợi họ gớm mình mà vậy mà lúc đó họ rước tóc về thờ, nghĩa là người ta quí Ngài đến mức nào dù Ngài còn phàm. Về sau khi chia xá lợi thì Đế Thích thấy chiếc răng của Đức Phật bị mất, phải có bốn chiếc mà mất một chiếc. Đế Thích nhìn thấy liền là cái ông chia xá lợi đã giấu trong tóc ổng, nên Đế Thích dùng thần thông lấy lại. Cái khái niệm trộm cắp trên cõi Trời không có, vì cõi Trời không có chuyện người này đi lấy đồ người kia, nên ngũ giới chỉ ở dưới cõi mình thôi. Cái này cũng không phải là tài sản, trộm cắp chỉ gọi là trộm cắp khi nào vật đó có ý nghĩa vật chất. Ở cõi Người, nghĩa chữ trộm cắp rộng vì ở cảnh giới mình chuyện gì cũng có và vật sở hữu gắn liền với đủ thứ quyền lợi vật chất nên mới có khái niệm trộm cắp. Hơn nữa trong mắt chư thiên, Đức Phật là cha chung, xá lợi của Thế Tôn là tài sản chung của con cái trong nhà. Dựa vào những điều đó thì thấy không phải đơn giản mà có được xá lợi của Đức Phật. Phật là hiếm, người kính Phật thì vô lượng, trọng lượng xá lợi để lại thì tối đa 5kg, thì làm sao có đến mình. Có những xá lợi bây giờ nhìn thấy tròn vo hoàn hảo, trong suốt, đủ màu, cả đám hè nhau quì lạy sì sụp, tin cái nỗi gì

tôi không tưởng tượng được. Đừng tưởng là muốn tin là tin không ai làm gì mình, nhưng có cái bất lợi là:

- Kẻ ngoại đạo nhìn vào thấy ngay mình tào lao, mê tín.

-Vô tình mình gieo duyên cuồng tín cho đời sau kiếp khác, đời này mình gặp chánh pháp mà tin tầm bậy tầm bạ thì đời sau đạo gì mình cũng theo vì mình không có khả năng giám định.

Sở dĩ có một thời trên hành tinh này có xá lợi của Ngài vì thánh nhân còn nhiều. Thánh nhân gồm tăng và tục, xuất gia và cư sĩ. Lúc đó chư thiên họ còn để lại, chớ thời này thì không thể, vì trong kinh nói rất rõ Đế Thích và cả Phạm Thiên rất quí xá lợi của Ngài. Đọc kinh chúng ta thấy:

Phạm Thiên thượng giới một tòa

Xương vai bên tả cùng là tam y.

Phạm Thiên là người không còn màng gì nữa hết vậy mà cũng ráng xuống thỉnh một miếng xá lợi, phần nào vai phải vai trái người ta biết, một miếng xương vai đem về thờ. Phạm Thiên sống bằng thiền định, không màng chuyện lầu đài nhà cửa hoa viên vậy mà ráng tậu cho bằng được một mảnh nhỏ xá lợi đem về thờ, nghĩa là chư thiên Phạm thiên coi nặng Đức Phật cỡ nào. Trên đó thánh nhân bây giờ nhiều như sao trên trời. PG mạt là mạt dưới này, còn trên đó là đang buổi bình minh. Nói theo trong kinh, một trăm năm loài người là một ngày đêm ở cõi Đao Lợi. Thế Tôn đã ra đi cách đây 2500 năm như vậy thì chưa đầy một tháng trên cõi Đao Lợi, không phải bình minh là gì. Trên đó có những vị bốn tầng thánh có đủ, tầng thánh thứ tư không còn tái sanh, nhưng nhiều khi họ là chư thiên Đao Lợi rồi họ đắc quả ngay trong thân đó thì họ vẫn là A-la-hán cõi Đao Lợi. Còn phàm phu kiểu thuộc lòng Tam Tạng Chú giải đầy trên đó, vậy thì làm sao mà xá lợi đến phiên mình để thờ?

Ngày hôm qua tôi suy nghĩ, tôi sẽ dành thời gian rất dài để nói về bài kinh Ngọn Cờ. Bài kinh này không thể nói sơ sơ được vì đây là dịp rất tốt để điều chỉnh lại cách niệm Phật của tuyệt đại đa số Phật tử VN. Dù cái room này loe ngoe có mấy người thôi nhưng phải nói làm được bao nhiêu thì làm. Bây giờ tôi giảng hai bài kinh đầu của phẩm Đế Thích để có chỗ trống giảng kinh kia.

Trong kinh nói rằng hai bài kinh đầu này kể lại chuyện ngày xửa ngày xưa, buổi đầu thì không có cõi A-tu-la. Có hai loại A-tu-la: A-tu-la địa và A-tu-la thiên.

Buổi đầu cõi Đao Lợi chỉ có một, có những vị Trời thích nhậu nhẹt uống rượu. Rượu ở đâu mà có?

Rượu là nhựa chảy ra từ sợi dây leo, chỉ cần nếm một giọt thì say một ngàn năm của nhân loại. Đế Thích cản, bảo đừng uống, nhưng họ cứ một mực uống. Vì vậy Đế Thích đuổi họ, liệng họ xuống núi Tu Di. Do phước của họ vừa xuống tới dưới thì xuất hiện một không gian y chang cõi Đao Lợi, giống đến mức họ không có gì phàn nàn hết, nên suốt kiếp họ ở đó. Cứ nhớ mối hận bị xua đuổi, lâu lâu họ kéo lên tấn công Đế Thích. Từ đó Đế Thích và A-tu-la xảy ra liên tục những trận đánh. Trong bài kinh này nói hôm nay A-tu-la từ đáy núi Tu Di kéo lên cõi Đao Lợi, đi qua ngã Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương thấy họ kéo tới nên mới báo cho Đế Thích. Có lúc đích thân Đế Thích đi đánh nhưng có lúc để cho các vị Thiên tử đi. Trong bài kinh này Đế Thích kêu vị Thiên tử Suvīra đi giúp ngài, nhưng vị này lười không muốn làm. Đế Thích suy nghĩ, tìm cách nói cho ông Suvīra này:

- Câu kệ thứ nhất nói về *ý nghĩa sự tinh tấn*

- Câu kệ thứ hai nói về *thế giới của bậc thánh*

Câu thứ nhất là: Ông có thấy trên đời này có gì đạt được bằng sự làm biếng bằng sự không tinh cần không?

Câu kệ thứ hai là: Trong cuộc luân hồi, còn sống trong đời này thì không thể ngồi yên được, phải tinh tấn, dầu muốn ngồi ghế Thiên Chủ hay trở thành người ăn mày, kỹ nữ, ăn cướp, ai cũng phải cố gắng làm gì đó mới mưu sinh, đem lại an lạc cho mình. Còn có mặt trong dòng sinh tử thì còn có sự nỗ lực. Ngày nào chúng ta không còn cần thiết đến sự nỗ lực nữa thì lúc đó chúng ta mới thật sự an lạc.

Buổi đầu sơ cơ chưa biết đạo, mình chỉ biết đừng làm gì đụng tới pháp luật thôi, ví dụ câu cá, săn bắn... thì đâu có gì vi phạm pháp luật. Tới hồi biết đạo rồi, thì biết cái gì không đúng giới luật, cái gì ác nghiệp thì không làm. Xưa thì sợ pháp luật, giờ thì mình sợ nghiệp báo nữa. Sẽ có một ngày mình hiểu ra vô minh duyên cho ba hành, dầu cho làm thiện thì thiện đó cũng là nhân sanh tử mà làm ác cũng là nhân sanh tử. Bây giờ mình còn là phàm thì mình vẫn phải làm thiện tránh ác để vun bồi Ba-la-mật và hễ ngày nào còn luân hồi thì đừng bị khổ, nhưng vẫn phải hiểu rằng làm thiện cũng là một nhân sanh tử. Có người không chịu được điều này. Một hành giả chán thế gian họ chán nhân chán quả là vậy đó, họ thấy

nỗi khổ niềm đau đáng sợ nhưng sự hạnh phúc cũng đáng chán, vì nó có rồi mất, chưa kể hạnh phúc chính là nền tảng của đau khổ, bởi vì sau khi hạnh phúc kết thúc thì đau khổ tới liền. Hành giả thấy vậy nên sợ cả đau khổ và hạnh phúc, đó là sợ quả. Hành giả hiểu rõ nhân thiện cũng là nhân sanh tử, chén cơm tù dù ngon mấy đi nữa cũng là chén cơm tù. Bữa nay trong bài kinh này sẽ có những điều quí vị chịu không nổi. Đế Thích nói: *Hễ còn mang thân sinh tử, còn trong tam giới thì anh phải tinh tấn tu hành, tuy nhiên chỉ có ngày nào không cần tinh tấn nữa thì ngày đó chúng ta mới thật sự giải thoát*. Còn trong cõi sinh tử thì phải cố gắng mọi sự, chứng La-Hán rồi thì gì cũng buông. *Buông* ở đây không có nghĩa là lười biếng mà là không còn tha thiết đầu tư. Ví dụ ngài có đi thuyết pháp, ngài có chia sẻ cái gì ngài có người khác, ngài có phục vụ giúp đỡ bạn tu, hầu hạ thầy tổ; tất cả những điều đó ngài thấy cần thì làm chớ không còn xem là công đức nữa.

Còn sống trong sinh tử thì còn có sự nỗ lực, nhưng sự nỗ lực đó một ngày nào đó sẽ không còn cần thiết nữa thì ngày đó mới thật sự là giải thoát. Vì còn nỗ lực là còn đầu tư, còn đầu tư thì còn có chỗ đi về, còn có chỗ đi về trong Tam giới này nghĩa là còn có phòng trong nhà tù. Chỉ đến ngày nào đó mình không còn đầu tư nữa, không còn phòng riêng trong nhà tù thì mới khá được.

Nói cho cùng, tất cả những cái mình thích, mình tưởng hay nhưng thật ra do nghiệp quá khứ khiến mình sanh vào cõi Dục mình thấy cái này hay cái kia đẹp chứ mai kia mình đắc Sơ thiền rồi thì thấy cái dục đó là tào lao. Tới lúc Nhị thiền thì mình thấy Sơ thiền tào lao rồi cứ vậy đến lúc đắc Vô sắc nhìn lại Dục giới mình thấy nó chẳng ra gì hết, đến lúc đắc Sơ quả thì mình nhìn thấy rõ Tam giới chẳng ra gì hết. Nói vậy thôi chứ còn chút phiền não thì vị ấy vẫn còn tái sinh trong Dục Thiên chớ nhận thức thì vị Tu-đà-hoàn đã lạnh người rồi. Tất cả những gì mình thích toàn là hoàn cảnh, do hoàn cảnh mà mình thích. Ba hành do vô minh tạo ra, chính vì do vô minh tạo ra nên người ta thấy cần phải đầu tư trong Dục, trong Sắc và Vô sắc. Dầu sao đi nữa mình cũng là kiếm phòng trong nhà tù thôi. Trên thế giới này cũng có những nhà tù độc đáo, ví dụ Áo, Bỉ, Bắc Âu có những nhà tù như khách sạn vậy đó. Nói vậy thôi có trả lương tháng để ở tù cũng không thể ở được. Bên TQ có nhà tù Tần Thành, đây là nhà tù cao cấp nhất TQ. TQ có chế độ nhà tù tệ nhất hành tinh nhưng nhà tù Tần Thành này thì cao cấp, tù nhân có thể yêu cầu thức ăn theo thực đơn, có chỗ coi báo, coi ti vi, có bác sĩ y tá thường xuyên chăm sóc, có chỗ để chơi tennis. Đây là nhà tù nhốt những nhân vật cao cấp phạm tội, như Bạc Hy Lai chẳng hạn. Tôi muốn nói cho quí vị biết là cõi Trời sướng gì thì cũng giống như nhà tù Tần Thành thôi, giống như nhà tù ở

Bắc Âu thôi. Tôi không phải hành giả nhưng có thể xác định với bà con chuyện này: nếu một hành giả nghiêm túc, sít sao, liên tục theo dõi thân tâm danh sắc của mình thì hành giả sẽ phát hiện ra một điều rất ly kỳ đó là dầu cho mình sống ở đâu, khổ cách mấy, sướng cách mấy thì danh sắc cứ chớp nhoáng, mà chớp nhoáng như vậy thì ở đâu cũng vậy thôi. Ở đâu thọ khổ nhiều thì mình sợ, còn ở đâu thọ lạc nhiều thì mình thích nhưng thời gian của tuổi thọ ngắn như nhau.

Trong kinh giải thích, tuổi thọ ngắn có hai: 1. *Thitita*: Thời gian tồn tại ngắn ngủi. 2. *Sarasata*: Bản chất mong manh. Đây là hai khía cạnh khiến Đức Phật dạy rằng đời sống ở đâu cũng ngắn ngủi.

Ai cũng chỉ tồn tại trong từng sát na danh và sắc (nếu có sắc). Người trong sát na trước không phải là người ở sát na sau. (ngài Xá Lợi Phất nói). Đời sống là một dòng chảy của danh sắc, dòng chảy này được ghép nối bởi vô số sát na.

Tất cả những gì làm nên cái gọi là chúng sinh và thế giới đều là phù du. Điều thứ nhất tạo ra điều thứ hai. Chính vì thời gian tồn tại của các pháp hữu vi luôn ngắn ngủi, tính bằng sát na, nên những gì nó tạo nên thế giới này cũng là ngắn ngủi. *Đời sống chúng sanh là ngắn ngủi và cũng được tạo nên bởi những thứ ngắn ngủi.*

Con người gồm tóc lông móng răng da mồ hôi... những thứ này kể cho vui vậy thôi, chứ muốn cho nó hư dễ ẹc, chỉ cần uống giùm một xị thuốc rầy, sau ba ngày thì da thịt cũng hư, phổi phèo gan cũng tiêu thôi, rất mong manh. Đời sống chúng sanh chỉ cần có chút trở ngại nào đó là tiêu tùng.

Tóm lại, nội dung bài kinh này: hễ còn mang thân sinh tử thì còn nỗ lực, và nhớ rằng tất cả mọi nỗ lực chỉ là dấu vết cho thấy anh còn ở trong sanh tử. Giống như người đang lội trên nước, phải hoạt động không ngừng. Ngay cả thả nổi trên nước cũng là đang làm việc ở mức độ tĩnh. Trong vòng luân hồi có nhiều lúc mình cũng thả nổi, thí dụ như lúc sanh về cõi Phạm thiên Vô tưởng, giống như đang thả ngửa, không bơi nữa, chỉ bồng bềnh giữ thăng bằng. Thật ra thấy không bơi vậy tưởng an nhàn nhưng họ vẫn đang làm việc đang giữ thăng bằng.
Trên biển đời sinh tử tất cả đều phải nỗ lực cố gắng, khi đến quả vị La-Hán thì không còn tha thiết gì nữa, cảnh giới vị này đạt được gọi là vô vi, hành động của vị đó gọi là duy tác. Xong hai bài kinh đầu tiên rồi đó. Hẹn gặp lại ngày thứ Bảy..
#NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 18-10-2014 NGỌN CỜ (Dhajaggasutta)

‘Dhajagga’: ‘ngọn cờ’. ‘Dhaja’: ‘cây cờ’; ‘agga’: ‘đỉnh’, ‘ngọn’, ‘chỗ cao nhất’. Hôm nay mà quí vị qua Miến Điện sẽ thấy những chữ này hay xài lắm, những vị giỏi thì chính phủ ban tặng danh hiệu: “Abhidhaja Bhaddantaguru” (Vô Thượng Đại Sư), người giống như ngọn cờ tiêu biểu cho PG quốc gia. Ngài Hộ Pháp có tước hiệu Miến Điện phong tặng: ‘Aggamahapandita’Đại Hiền Giả. Nói tới Miến Điện là người ta bắt buộc phải nhắc đến những vị đó. Thí dụ như hôm nay Miến Điện trên con số chính thức có mấy trăm ngàn vị sư nhưng thực tế thì không dưới bốn triệu vị sư. Dhaja là ngọn cờ tiêu biểu cho bốn triệu vị đó.

Theo trong kinh ghi lại, đôi khi thỉnh thoảng A-tu-la có những cuộc tấn công nhắm vào chư thiên và lâu lâu chư thiên cũng có cuộc tấn công nhắm vào thành phố A-tu-la. Trong Chú giải ghi thêm là họ đánh nhau không thể giết nhau được, họ chỉ đứng gần nhau và lấn. Không phải như con nít lấn nhau mà họ đứng gần nhau và tiến dần tới, bên nào phước mạnh thì đẩy đối phương lùi dần. Bên nào lùi hoài thì thua, còn bên đẩy lùi được thì thắng. Đánh cho vui vậy thôi, phước ai nấy hưởng, cảnh giới người nào người đó ở, chứ không có chuyện làm cho chết người như kiểu TQ lấn Hoàng Sa, Trường Sa. Những lần chư thiên đuối sức bị thua thì họ sợ. Đế Thích và Tứ Thiên Vương rất ủng hộ người tu hành, bởi vì họ tùy hỉ và nếu càng nhiều người tu thì hội chúng chư thiên sẽ được hùng mạnh thêm. Nếu ít người tu hành thì giống như dân số giảm, từ đó trong kinh có từ ‘làm tràn ngập cõi trời’ (saggam pūreti) ám chỉ cho việc sanh thiên ào ạt ở những quốc gia có minh quân thánh chúa. Những nhà cầm quyền có thiện chí thiện tâm thì sẽ tạo điều kiện cho xã hội trở nên tốt hơn, họ khích lệ đời sống của người dân được nhiều thuận tiện hơn, cơ chế cai trị kín đáo hoặc công khai ủng hộ làm lành lánh dữ. Trong khi đó có những cơ chế chính trị xúi người ta trở nên giả dối, ích kỷ, nịnh bợ, sống trong sợ hãi, tố cáo nhau, nghi ngờ nhau và trong đời sống chỉ biết lo ăn chứ không còn thời gian nghĩ đến chuyện khác. Cơ chế đó làm cho dân chúng đi xuống. Trong lịch sử có vô số nhà cầm quyền như vậy, đẩy người dân vào thế nghi kỵ, sợ hãi lẫn nhau, nịnh ai được thì nịnh, gạt ai được thì gạt, suốt ngày đói liên tục để đầu không nghĩ được gì chỉ nghĩ đến cách có được miếng ăn, từ đó dẫn đến sát sanh trộm cắp. Trong trường hợp như vậy những nhà cai trị đó trở thành nhà cung cấp nhân số cho địa ngục. Những người cai trị tốt thì cung cấp nhân số cho cõi trời, saggam pūreti, tràn ngập thiên giới là như vậy.

Đức Phật kể cho các tỷ kheo: Thuở xưa khi có một cuộc chiến dữ dội khởi lên giữa chư thiên và các A-tu-la. Đế Thích có lời trấn an phủ dụ chư thiên “khi nào

ra trận sợ quá thì chỉ nhìn lên ngọn cờ của ta và biết ta đang có mặt ở đó thì không sợ nữa, nếu không nghĩ đến ta thì nhìn ngọn cờ của những vị Thiên tử có phước báu khác thì biết họ đang có mặt ở đó thì cũng an tâm".

Kể xong, Đức Phật cho biết: Khi chư thiên nhìn lên ngọn cờ của Đế Thích hay ngọn cờ của các Thiên tử thì có lúc họ hết sợ, và có lúc họ vẫn còn tiếp tục sợ. Bởi vì chư thiên biết Đế Thích còn có lúc sợ hãi, các Thiên tử kia vẫn còn có lúc sợ hãi. Đế Thích còn có phiền não, các vị Thiên tử kia còn có lúc phiền não, có lúc thích cái này ghét cái nọ sợ cái khác. Chính vì nghĩ như vậy nên có lúc họ hết sợ, có lúc không hết sợ. Riêng trường hợp tỷ kheo đệ tử của Thế Tôn sống trong chỗ hoang vắng, cô quạnh, nhà vắng, rừng sâu, nếu sợ hãi hãy niệm tưởng Đức Thế Tôn, niệm tưởng đến chánh pháp, niệm tưởng chúng tăng.

'Chư tăng' ở đây ám chỉ cho bốn tầng Thánh nhân, không phân biệt tăng ni, cư sĩ; nghĩa là bất cứ ai trong thế gian này miễn là thánh nhân thì được gọi là 'tăng', dầu đó là người nữ có chồng có con hay thiện nam có vợ có con hay một vị tỷ kheo, một tỷ kheo ni hay một sadi. Trong bài kinh này không phân biệt tăng ni cư sĩ, không phân biệt ở đây ám chỉ cho bốn tầng Thánh nhân, không phân biệt tăng ni, cư sĩ; nghĩa là bất cứ ai trong thế gian này miễn là thánh nhân thì được gọi là 'tăng', dầu đó là người nữ có chồng có con hay thiện nam có vợ có con hay một vị tỷ kheo, một tỷ kheo ni hay một sadi. Trong bài kinh này không phân biệt tăng ni cư sĩ, không phân biệt tănglà người cạo đầu đắp y. Chính chỗ này mình mới thấy niềm tin vững, vì mình cứ mơ hồ gặp những người trời ơi đất hỡi mà kêu mình niệm họ thì niệm làm sao. Tôi không dám mạnh miệng nói thời này không có thánh, nhưng tin thì tôi không có tin, cũng giống như bữa trước các vị hỏi tôi chuyện xá lợi, tôi không tin xá lợi không phải là tôi không tin sự tồn tại của xá lợi, không phải tôi coi thường sự thiêng liêng quí hiếm của xá lợi, mà tôi tin xá lợi nếu có thì không có nhiều lắm ở hành tinh này ngay thời điểm này. Phải là cá nhân hay đoàn thể nào tu hành ghê gớm chứ lơ mơ thì không có thể có xá lợi. Thánh nhân cũng vậy, ở đâu có Bát Chánh Đạo thì ở đó có thánh nhân, nhưng tình hình chung bây giờ nhìn thấy ngán quá. Vô tu ở thời buổi loạn lạc này thì tôi nghĩ, người có đủ duyên thành thánh thì họ không xuống đây, mà xuống đây thì không đủ duyên thành thánh, nhiều lắm thì họ có chánh kiến, thành tựu giới hạnh, chớ còn nghĩ sâu sắc thì thấy có nhiều lý do:

1- Kinh điển không được hướng dẫn giải thích một cách căn cơ bài bản, lý do là tăng ni không biết hoặc biết mà nói khai triển sâu rộng theo kinh điển thì không ai hiểu. Ví dụ, một bài kinh nào đó mà nhắc chữ Tứ Niệm Xứ hoặc chữ Danh Sắc

muốn giảng tới nơi thì người nghe phải có kiến thức Vi diệu pháp, trừ Đức Phật, Ngài thấy người đó có căn duyên tu hành nhiều đời, dù họ chưa học ngày nào Đức Phật cũng có cách nói cho họ hiểu. Còn phàm phu mình biết nói thế nào cho hợp đây, thế là cứ giảng y như trong kinh, mà nếu người giảng hoặc người nghe không biết Vi diệu pháp làm sao mà giảng. Với chữ Danh Sắc, một người không học A-tỳ-đàm nói gượng thì nói được nhưng mơ hồ lắm, mà khi hiểu biết mơ hồ thì nhận thức làm sao đủ sâu đủ rộng được. Phải nói là chuyện đáng buồn như vậy, vì vậy tôi nghĩ ở đây thánh nhân hơi hiếm vì do pháp học có vấn đề.

2- Với tâm tánh chúng sanh thời nay mà thánh nhân xuất hiện thì chỉ có hại cho người ta thôi. Giúp người ta thì không biết bao nhiêu mà hại là cái chắc. Đi nói to cho người ta biết mình là thánh thì không có, hơi lạ lạ thì chúng đã ghét, chỉ cần họ buông ra một lời bất kính bất xứng thì khổ cho họ. Số người nhận được lợi ích sẽ không nhiều bằng số bị họa khi gặp thánh nhân.

A. NIỆM PHẬT

Bài kinh này giảng đặc biệt là vấn đề niệm Phật. Theo tôi biết đa phần những người niệm Phật là chỉ réo hồng danh chớ không biết nghĩa đó là gì, có chăng là nghĩa đó họ dựa theo một quyển kinh tiếng Việt nào đó, ví dụ cuốn Kinh Nhật Hành, trong đó có giải thích: Arahaṃ là sát trừ phiền não, là đáng cúng dường, Phật là giác ngộ Tứ diệu đế, Chánh Đẳng Giác là giác ngộ Tứ diệu đế và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng biết. Theo tôi biết là 90% Phật tử VN niệm theo kinh này, nương tay mà nói vậy chứ thật ra thì họ không cần hiểu nghĩa luôn, cứ Buddho Buddho niệm hoài. Đây là cách niệm mà tôi cho là bậy bạ, niệm như vậy giống như ngoại đạo. Quí vị làm ơn vào xem Thanh Tịnh Đạo giùm tôi, phần Định, vào mục ‘ niệm hoài. Đây là cách niệm mà tôi cho là bậy bạ, niệm như vậy giống như ngoại đạo. Quí vị làm ơn vào xem Thanh Tịnh Đạo giùm tôi, phần Định, vào mục ‘Sáu Tùy Niệm’, xem người ta giải thích cách niệm 6 hồng danh như thế nào. Tôi đang suy nghĩ không biết là giảng chi tiết hay cho địa chỉ cho người ta đọc rồi mình đi luôn. Tôi suy nghĩ là một số người không có điều kiện đọc, hoặc không có thời gian, hoặc đọc một mình thì không siêng, nên tôi phải giảng chi tiết, nhưng không cách nào chi tiết bằng Thanh Tịnh Đạo. Ở đây xin quí vị ghi nhớ một nhân vật mình phải biết đó là nhân vật Phussadeva. Đây là một vị Trưởng lão ra đời sau khi Thế Tôn viên tịch. Một lần kia vị Phussadeva đang quét dọn bảo tháp, ba ngày liên tục đều bị Ác Ma quấy phá vì Ác Ma biết đây là một nhân vật đặc biệt, chân tu, nhiều trí tuệ. Ác Ma lần lượt hóa hiện thành ba hình ảnh trong ba ngày, lúc là một con khỉ, khi là một con bò, bữa khác lại là

một người què chân. Cứ thấy ngài quét xong là làm dơ trở lại một cách kiên trì. Ngài suy nghĩ, đây không phải là con bò bình thường, con khỉ bình thường hay một người tàn tật bình thường, ngài hỏi: Có phải đây là một Ác Ma hay một phi nhơn nào phá hay không?

Lúc đó biết là ngài đã biết, Ác Ma mới cho ngài nhìn thấy. Kinh kể thì tôi kể cho bà con nghe thôi, bà con tin hay không thì tùy. Tại sao ngày xưa có những giai thoại như thế này mà ngày nay không có?

Có nhiều lý do:

- Khi Đức Phật mới viên tịch 100 năm, 300 năm, 400 năm, 500 năm, 600 năm, những thời gian đó những bậc đại căn đại phước đại trí đại hiền còn nhiều lắm nên quan hệ giữa chư thiên và loài người lúc đó chặt chẽ gắn bó hơn bây giờ. Còn bây giờ tìm một người dám bán mạng cho chuyện tu học hơi khó, nếu không muốn nói là rất khó. Ngày nay chuyện người học đạo hành đạo mà dám bán mạng rất khó tìm, tìm một vị thật lòng không màng danh lợi gì hết thì không phải dễ. Ở đây có một chuyện quí vị phải biết, khi nghe giảng kinh này thì bắt buộc phải biết chuyện khác. Dầu lòng không cầu danh lợi cụ thể nhưng vẫn mong người ta biết đến mình hay khi được phát hiện thì lòng vẫn thấy vui thì đó là lòng vẫn chưa là thiểu dục (appiccha) đúng mức. Nghĩa là dầu lòng không mong người ta tôn sùng, cúng dường, hộ trì nhưng trong bụng vẫn mong người ta biết mình là hành giả thứ thiệt, mình là uyên bác, mình là giỏi giang. Hoặc hạng khá hơn, không mong nhưng khi thấy người khác phát hiện ra mình cũng thấy vui, đó là chưa đúng mức. Thật sự đúng mức thì không màng đến những cái đó. Chỉ gợi ý một chuyện thôi, hãy tưởng tượng quí vị đứng thẳng lưng nhìn xuống đất thấy một ổ kiến, trong ổ kiến đó có những con kiến giỏi, con kiến nổi tiếng, những con kiến khác đi cung phụng lễ bái, kính trọng đồn đãi nhau, hãy tưởng tượng chuyện đó trong bầy kiến mà mình là con người với sức vóc mấy chục ký lô thì nhìn chuyện xảy ra trong ổ kiến có đáng gì không. Những vị Trời, Chư thiên, Phạm thiên bên ngoài cộng đồng xã hội, họ nhìn danh lợi của một cá nhân nào đó trong một nơi chốn nào đó không ra gì hết. Mình cũng vậy, những gì mình bỏ cả đời ra đầu tư kiếm tìm, mong mỏi, thật ra trong mắt người khác cũng chẳng là gì hết. Ví dụ HT Nhất Hạnh, HT Thanh Từ, HT Trí Quảng, HT Minh Châu v.v... ở VN mình mà nhìn thấy tu hành đến mức như vậy thì gọi là lên tới đỉnh rồi đó. Nhưng thật ra, nếu đúng là vị chân tu thì có thời gian để hưởng hay không?

Đi đâu cũng mong ăn trên ngồi trước, đi đâu cũng được người ta dòm ngó chú ý, dù không mong nhưng luôn được người ta phát hiện mà mình cũng vui thì đó là chưa đúng mức, chỉ là sự mệt mỏi thôi. Rõ ràng là thấy một đám sinh viên hâm mộ mình không giống như một đám mầm non nó hâm mộ mình nếu mình là cô giáo mầm non được học trò thương, học trò gặp mình thích lắm vì mình hiểu được con nít. Hai cảm giác về sự tôn trọng hâm mộ đó khác nhau. Đức Phật tán thán một người sống như thế nào mà các bậc hiền trí nhìn về, họ coi trọng. Nếp sống đó đáng hơn là được một đám quần chúng cuồng tín thiếu trí tôn trọng mình. Cho dù các vị hiền trí có tôn trọng mình thì cũng đời ai nấy lo. Thí dụ như bây giờ mà HT Nhất Hạnh dù chưa có được tất cả các vị tôn đức ở VN tôn trọng rồi thì sao, cứ 90, 95 cũng phải vô hòm thôi chớ sao. Hồi nhỏ mình tu mình mong lên được Đại đức, Thượng tọa, chớ thật ra nghĩ xem, lên là lên gì, lên tới Hòa thượng là hết chỗ lên, cuối cùng là lên tới bàn thờ thôi.

Người chân tu rất là khó kiếm, khó ghê lắm. Ác Ma biết vậy nên Ác Ma phá. Ác Ma biết con người này đã biết mình nên mới có một chút tôn kính. Ác Ma xin lỗi ngài Phussadeva, ngài nói: Xin ngài giúp tôi một chuyện, tôi sinh sau đẻ muộn không được nhìn thấy Thế Tôn, xin ngài cho tôi được thấy Thế Tôn một lần được không?

Ác Ma nói: Được. Một lát sau thì ngài Phussadeva thấy từ trong rừng hình ảnh của Đức Thế Tôn xuất hiện cùng với 1250 vị tỷ kheo ôm bát nghiêm trang từ khu rừng đi ra. Từ tóc đến bàn tay ôm bát, bàn chân bước đi, lá y trên người của Thế Tôn theo trong kinh mô tả vừa vặn và được đắp trên người một cách đẹp không thể đẹp hơn. Vị Chánh Đẳng Giác sử dụng y bát hoặc vật dụng một cách không thể đẹp hơn, không thể tốt hơn. Không phải Ngài làm dáng nhưng vì Ngài là bậc đại trí nên cách Ngài cầm ly nước, cầm bình bát là cách cầm đẹp nhất, thông minh nhất không thể tuyệt vời hơn. Khi Phussadeva nhìn thấy Đức Thế Tôn, ngài suy nghĩ: May mà đây là hình ảnh do một con người còn tham sân si dùng thần thông tạo nên chớ không phải là hình ảnh thật mà mình nhìn còn bàng hoàng như vậy huống hồ một người không còn tham sân si thì sao nữa. Khi nghĩ như vậy thì đức tin của ngài Phussadeva từ tim dâng lên tới óc luôn, lên tột đỉnh. Nhưng có một điều các vị pháp sư và dịch giả bỏ sót chỗ này, cứ kể đến chỗ mấy người hoan hỉ đắc đạo thì các vị chỉ kể đơn giản: "hoan hỉ quá là đắc". Mình thấy chỗ đó mơ hồ không biết mọi sự diễn tiến ra làm sao. Trong này người ta kể rõ lắm, đắc là đắc như thế này, ngài Phussadeva khi nhìn hình ảnh đẹp như vậy ngài hoan hỉ và nghĩ đến một chuyện: Một con người tu tập Ba-la-mật mấy chục ngàn a-tăng-kỳ cuối cùng trở thành một vị Chánh Đẳng Chánh Giác có 32 hảo tướng 80

tướng phụ được nhân thiên ba cõi chiêm ngưỡng, trời người đảnh lễ bái sư, một con người đáng kính đáng mến như vậy mà rồi cũng đi vào bóng đêm của lịch sử. Một nhân cách vĩ đại như vậy cũng đi vào vô thường thì sá gì là ta, sá gì là thiên hạ quanh ta, sá gì là cây cỏ đất đá trong trời đất này, cái gì lại không bị vô thường khi một nhân cách vĩ đại kết tinh từ mấy chục a-tăng-kỳ Ba-la-mật như vậy cuối cùng cũng kết thúc, sá gì là núi non sông rạch ao hồ, chim muông cầm thú, nam phụ lão ấu trong thế giới loài người này. Tất cả đều là vô thường hết. Tinh hoa của vũ trụ còn phải ra đi thì sá gì những thứ còn lại. Nghĩ như vậy đó mới chứng quả A-la-hán, chớ còn mà nói niệm Phật rồi hoan hỉ mà đắc, hổng dám đắc đâu, đắc gì mà lạ vậy, từ niệm Phật mà làm sao có Tứ Niệm Xứ được, không thể nào! Phải đi đúng mức như vậy chứ không thể nào hoan hỉ là đắc. Họ cứ kể đến đó là đắc, bà con mình được cái vừa dốt vừa dễ dãi, cứ nghe vậy là cắm đầu "sadhu" thôi. Vì vậy phải nhớ niệm Phật có cái lợi như vậy, niệm Phật không phải là réo cái tên mà niệm Phật là để thấy từng ý nghĩa của hồng danh.

I. Bhagava.Có ít nhất hai nghĩa: 1. Người hữu phúccó đủ công đức để sở hữu tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời. Những gì thuộc về danh, lợi (vật chất) là có đủ. 2. Người phá nát (bhagga) tất cả những thứ ác xấu, bất thiện.

II. Arahaṃ.Có ít nhất hai nghĩa: 1/ Xứng đáng với tất cả sự cúng bái của nhân thiên và lìa bỏ được sự bất thiện. 2/ 'Ari': 'kẻ thù', 'Ha': 'giết chết', như vậy 'Arahaṃ' là người giết chết kẻ thù phiền não, sanh tử. Người này không còn dung túng cho phiền não trong lòng mình nữa. Còn tất cả phàm phu đều là người dung túng kẻ thù, nuôi dưỡng kẻ thù để chờ ngày bị hại phiền não, đều là kẻ nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà. Mình cứ tìm cách thích cái này, ghét cái kia; học đạo biết là phiền não không tốt, thích này thích kia ghét này ghét kia là không tốt, biết thì biết vậy thôi chớ khi ra khỏi đạo tràng rồi thì cái nào thích thì tiếp tục thích, cái nào ghét sợ thì tiếp tục ghét sợ, thay vì nhìn ngắm mọi thứ nó là nó không can dự cảm xúc trong đó. Nhưng nói cho vui vậy thôi chứ vẫn con đường xưa em đi, mình là người dung túng kẻ thù. Vị A-la-hán là người đã giết chết kẻ thù. Kẻ thù ở đây là phiền não, năm uẩn. Ngài chỉ làm việc với năm uẩn lần cuối cùng này thôi. Năm uẩn được coi là kẻ thù vì sự tồn tại của năm uẩn làm cho mình mệt, dù cho đó là sự tồn tại của năm uẩn làm nên vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngày nào vị Chánh Đẳng Chánh Giác còn sống thì ngày đó Ngài còn bị mệt mỏi, phải ăn uống đi đứng tắm rửa, sinh hoạt. Một khi mình thấy sự có mặt ở đời này không có gì vui thì một ngày có mặt là một ngày thêm phiền phức. Đây là điểm rất sâu, phải về trùm mền vắt chân lên trán suy nghĩ đến chừng nào thấy được thì thôi. Ngày nào mình còn chưa thật sự sợ sự có mặt của năm uẩn thì ngày

đó đừng hòng nói đến niết-bàn, đừng hòng nói chuyện tu thiền Quán. Bởi vì mình không thấy được bản chất thật sự của nó là chớp nhoáng mình không thấy chán. Tất cả những gì mình đam mê nhất, tất cả những gì mình ghét sợ nhất, nó chỉ tồn tại trong từng sát na, cái trước mất, cái sau xuất hiện, cứ như vậy, điều này chỉ hành giả Tứ Niệm Xứ mới thấy được. Trong kinh nói có 4 hạng ngựa, mình bây giờ là hạng ngựa nào?

Hạng ngựa thứ nhất thấy dáng roi là chạy; loại ngựa thứ hai là quất một roi mới chạy; loại ngựa thứ ba đánh hơi khá khá mới chạy; loại ngựa thứ tư thì giết chết cũng không chạy. Bốn loại ngựa này tượng trưng cho bốn hạng người trên đời. Có những người chỉ cần nghe và suy nghĩ thấy đời kỳ quá là đã buông hết đi tu; hạng thứ hai phải đợi người thân người quen gặp chuyện rồi sốc, mới đi tu; hạng thứ ba thì bản thân đương sự gặp chuyện kinh thiên động địa trời long đất lở mới đi tu, ví dụ bị người thân bị tai nạn chết, hoặc bị phụ tình phụ tiền, hoặc công ty phá sản nợ ngập đầu…mới đi tu; hạng thứ tư thì cỡ nào đi nữa cũng không đi vào chánh pháp được hết. Nói gì thì nói không biết mình là loại ngựa nào trong bốn loại ngựa này. A-la-hán là vị đã giết kết kẻ thù hại mình, còn mình là kẻ dung túng kẻ thù.

III. Sammāsambuddho (Chánh Đẳng Chánh Giác):là vị tự mình có khả năng giác ngộ. ‘Sama’: ‘hoàn toàn’, ‘hoàn hảo’. ‘Sambuddho’là ‘tự ngộ, tự chứng không cần thầy dạy’. Vị Độc Giác, bên Hán Tạng gọi là Bích Chi Phật, cũng tự ngộ nhưng còn có chỗ không biết chỉ am tường con đường giải thoát. Phật Toàn giác, Chánh Đẳng Giác thì cái gì cũng biết (xem lại Kinh Simsapa). Trong Simsapa có kể cho mình nghe một giai thoại nhỏ xíu nhưng nếu hôm nay có người tới hỏi tôi chọn ra hai chục bài kinh dài ngắn để khắc lên đá cho bà con tu học, cho đại chúng dốt như con bò thì trong đó có bài kinh này. Sẵn đây tôi nói luôn, biết đâu tôi làm không được mà đời sau làm được. Tôi qua Miến Điện, Thái Lan tận mắt nhìn thấy những bộ Tam Tạng khắc bằng đá thấy cũng hay hay nhưng trong bụng tôi chưa vừa lòng. Nếu tôi là một người có khả năng tài chính, tôi sẽ không khắc lên đá, nó sẽ bị mòn bị bể, tôi sẽ cho khắc Tam tạng Pāḷi lên những tấm titanium dày. Titanium là kim loại cứng hơn thép, nhẹ hơn nhôm, không bị mòn (anti corrosion). Bộ Tam tạng của Thái Lan bằng đá nhìn đã thiệt nhưng bằng titanium thì nhẹ và bền theo năm tháng. Tôi đã đọc bài báo, người ta nói rằng một trăm ngàn năm nữa thì nền văn minh này chỉ còn lại những cái gì bằng vàng, platin hoặc titanium, ngoài ra tất cả đều hư hết. Bài báo đó trong mắt những người khác thì thường nhưng với tôi rất giá trị, bài báo làm cho tôi thấm thía một điều, thì ra mọi thứ rồi sẽ mất, thì ra một trăm năm nữa bảy tỉ người hiện giờ đang có mặt

trên hành tinh này sẽ không còn một mống, sẽ bị thay thế hoàn toàn. Hiểu vậy mới xanh mặt. Nghĩa là bây giờ mình đi máy bay nhìn thấy phố xá đầy người, một trăm năm nữa toàn bộ sẽ thay thế bằng người mới. Hôm nay mình nghĩ cái này xài bền, cái này xài chắc, mai mốt chết bỏ lại hết. Vì vậy hãy để lại cái gì có lợi ích cho mình, cho người khác đời này đời sau. Nếu đơn giản là món đồ mình thích thuần túy vật chất thì không đáng để mình đầu tư như vậy. Trong kinh Simsapa Đức Phật hốt nắm lá nhỏ trên tay và nói: Này các tỷ kheo điều mà Như Lai hiểu biết nhiều như khu rừng mà điều Như Lai nói ra ít như số lá trong năm tay này.“Sama Sambuddho” là như vậy đó. Sambuddho là tự ngộ, Sama là hoàn hảo. Cái biết của Ngài là hoàn hảo, không bỏ sót cái gì hết. Vị Độc Giác rất am tường con đường đi đến giải thoát nhưng ngoài chuyện làm sao để tu hành giải thoát ra thì có cái Ngài không biết, riêng vị Chánh Đẳng Giác thì cái gì cũng biết, đã tự ngộ và tự ngộ một cách hoàn hảo. Đọc thêm một kinh nữa là kinh Vương Tử Bodhi trong Trung Bộ. Hoàng tử Bodhi hỏi Ngài: Bạch Thế Tôn, con nghe nói Thế Tôn là bậc Toàn giác, cái gì cũng biết, vậy khi trả lời câu hỏi cho người khác ngài có suy nghĩ không?

Đức Phật trả lời: Hoàng tử có biết rõ tên gọi từng bộ phận trong chiếc xe ngựa hay không?

Hoàng tử thưa biết. Đức Phật hỏi: Vậy khi có người hỏi ngươi những tên gọi đó ngươi có phải suy nghĩ không?

Hoàng tử thưa không. Đức Phật nói: Ta cũng vậy, khi có ai hỏi thì ta không có phải đắn đo phân vân suy nghĩ khó khăn. Sama Sambuddho là tự ngộ hoàn hảo không khiếm khuyết, cái gì Ngài cũng biết.

IV. Vijjācaraṇasammpanno (Minh Hạnh Túc)

‘Vijjā’ (‘Bát minh’): là lục thông + 7 pháp hiền trí (saddhamma): Tín, tấn, niệm, tàm, úy, đa văn, trí tuệ. ‘Túc’: ‘đầy đủ’. Trong kinh khi nói về Lục thôngthì nhiều tài liệu nói khác nhau. Chẳng hạn như tài liệu này.

Lục thônggồm:

1.Biến hóa thông (iddhividha): bay lên cao, độn thổ, lặn nước, xuyên tường, biến hóa thành cái này cái kia.

2.Thiên nhĩ thông (dibbasota): nghe được âm thanh nhỏ, xa, tai thường không nghe được, nghe được tiếng nói chư thiên.

3.Tha tâm thông (cetopariyanana): hiểu được người khác đang nghĩ gì.

4. Túc mạng thông (pubbenivasanana): nhớ được đời xưa kiếp trước, nhớ quả quá khứ.

5. Thiên nhãn thông (dibbacakkhu) gồm hai trường hợp: thấy được những thứ mắt thường không thấy và thấy được nhân thiện ác nào đã khiến chúng sinh được vui bị khổ.

6. Lậu tận thông (asavakkhayanana): trí chấm dứt tất cả phiền não.

Quí vị xem chương 7, Thanh Tịnh Đạo, phần Định, trong đó có giảng về ý nghĩa của Minh Hạnh Túc.

"Minh" ở đây là Bát Minh tức là Lục Thông cộng thêm hai thứ nữa là tức là Lục Thông cộng thêm hai thứ nữa là Ý hóa thông (Manomayiddhi)và và Tuệ quán thông (Vipassananana).

(7.) Ý hóa thông là một người có thể hóa hiện thành ra nhiều người, cái này không kể chung với là một người có thể hóa hiện thành ra nhiều người, cái này không kể chung với biến hóa thông vì người có khả năng biến hóa tùm lum chưa chắc có khả năng làm được điều này. Biến hóa thông là hóa hiện ra bò, trâu, dê, nhà cửa… thì dễ còn hóa hiện bản thân mình ra cả trăm người mà mỗi người sinh hoạt khác nhau thì hơi mệt. Đọc trong Thanh Tịnh Đạo mới thấy hóa hiện thần thông phải là người nhanh và lanh cũng giống như học toán trong lớp thì học giống nhau nhưng để có được cái nhanh của anh chàng đề-lô pháo binh, người chấm tọa độ để rót pháo lúc hai bên đang đánh nhau, lúc khẩn như vậy mà còn làm toán được thì không dễ, hoặc khả năng làm toán của phi công phải nhanh, chớ không phải như mình ngồi trong lớp giải toán không ra thì cắn bút suy nghĩ cho ra. Một người không biết gì thì nghe dễ hiểu, còn biết chút chút thì thấy cái này khó làm, khó ở chỗ là là hóa hiện ra bò, trâu, dê, nhà cửa… thì dễ còn hóa hiện bản thân mình ra cả trăm người mà mỗi người sinh hoạt khác nhau thì hơi mệt. Đọc trong Thanh Tịnh Đạo mới thấy hóa hiện thần thông phải là người nhanh và lanh cũng giống như học toán trong lớp thì học giống nhau nhưng để có được cái nhanh của anh chàng đề-lô pháo binh, người chấm tọa độ để rót pháo lúc hai bên đang đánh nhau, lúc khẩn như vậy mà còn làm toán được thì không dễ, hoặc khả năng làm toán của phi công phải nhanh, chớ không phải như mình ngồi trong lớp giải toán không ra thì cắn bút suy nghĩ cho ra. Một người không biết gì thì nghe dễ hiểu, còn biết chút chút thì thấy cái này khó làm, khó ở chỗ là

biến hóa thông có thể biến hiện tùm lum còn có thể biến hiện tùm lum còn ý hóa thông là có thể biến ra chính mình ở nhiều tư thế khác nhau: người thì đang thuyết pháp, người đang nằm đọc sách, người đang đi bát, người đang giặt y…

(8.) Tuệ quán thông là trí quán sát danh sắc, năm uẩn trên khía cạnh Tam tướng. Tại sao được kể ở đây?

Vì một người phàm phải sống trong Niệm xứ để chứng thánh. Chứng thánh rồi vẫn phải sống trong Niệm xứ vì không còn cảnh giới nào đáng để tâm dong ruổi nữa. Phàm phu thì phải có gì để đam mê, phàm phu mà đắc thiền thì ăn rồi cứ cắm đầu nhập thiền cho đã, đàn bà thì trang điểm, shopping, đàn ông thì đi nhậu nhẹt, đua xe, săn bắn, câu cá, đi đánh golf, hoặc chun vô thư viện làm con mọt sách, vô phòng thí nghiệm để nghiên cứu này kia. Riêng đối với bậc thánh thì tất cả những hoạt động của chúng sinh đều là chuyện vớ vẩn, không có cảnh giới nào để các ngài chìm sâu vào đó, chỉ còn có an trú trong niệm xứ nghĩa là đang như thế nào biết rõ như thế đó, đó là tuệ quán thông.

Tám ‘Thông’trên được gọi là Bát minh trong trường hợp này.

Hạnh: gồm 15 hạnh: Giới, thu thúc 6 căn, tri độ, tỉnh thức; bảy thiện pháp (tín, tấn, niệm, tuệ, tàm, uý, đa văn) và bốn thiền Vô sắc.

1. Giới: cư sĩ giới, xuất gia giới.

2. Thu thúc 6 căn: không để cho tâm mình bị bất mãn hoặc đam mê trong những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng.

3. Tri độ (bhojanne mattannutā): ăn uống tiết độ chừng mực, không tìm cái thích để ăn, và cũng không ăn quá no vì thèm hay đói.

4. Tỉnh thức (jāgariya) chỉ nghỉ ngơi vì cơ thể không thể tiếp tục hoạt động nặng nhọc nữa, không ngủ do lười biếng hoặc thích an dưỡng. Chỉ nghỉ ngơi khi cơ thể không tiếp tục gượng gồng đi đứng làm việc bình thường nữa. Phàm phu mình ngủ là vì mình muốn ngủ, hoặc làm biếng hoặc muốn an dưỡng.

Ba hạng hành giả Tứ Niệm Xứ:

- Bậc hạ: chánh niệm theo giờ giấc đã định ngoài lúc đó ra làm gì cũng được. Tu theo giờ, ngoài giờ khỏi tu.

- Bậc trung: ngoài lúc tu thiền theo thời khóa chỉ làm điều thiện như xem kinh, nghe pháp, và không cần theo dõi chánh niệm.

- Bậc thượng: 100% chánh niệm trừ lúc ngủ. Từ trên giường ngủ mà giựt mình thức dậy là chánh niệm liền, biết rõ đang đi đang đứng, biết rõ đang tham, sân, si. Thân, thọ, tâm, pháp chọn một cái để theo dõi, từ đó triền miên cho đến tối chìm vào giấc ngủ thì thôi. Đó là tỉnh giác.

5. Tín: niềm tin vào cái thiện, tin nghiệp báo, tin vào các pháp ở đời bằng trí tuệ.

6. Tinh tấn: sự cố gắng nhắm đến lý tưởng giải thoát.

7. Niệm: làm gì biết đó, sống trong Niệm xứ

8. Tuệ: tuệ trong Tam Tướng và tuệ trong Nhân quả.

9. Tàm: biết thẹn trong điều xấu

10. Úy: biết sợ trong điều xấu

11. Đa văn: nghe nhiều học rộng

Bốn thiền vô sắc:

12. Hư Không Vô Biên,

13. Thức Vô Biên,

14. Vô Sở Hữu Xứ,

15. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ.

Khi phần lớn chúng sanh chìm đắm trong năm dục thì có một số người nhàm chán các dục, tu thiền Sắc giới để trở thành Phạm thiên, chỉ sống bằng thiền lạc, có nhiều hào quang. Trong số này lại có kẻ tiếp tục muốn lên cao hơn vì chán ghét hình tướng vật chất, kể cả hào quang nên sau khi đắc Ngũ thiền Sắc giới thì hướng tâm đến cái gì nằm ngoài vật chất. (Tôi chưa từng thấy và chưa từng nghe ở VN mình vị nào mà giảng về thiền Vô sắc mà kỹ như vậy. Cứ nói chung chung. Một thời gian rất dài hồi nhỏ tôi khổ lắm, tôi hỏi tại sao trên đời lại có kẻ đi tu thiền Vô sắc mà thiền Vô sắc là cái gì).

Cái gì nằm ngoài vật chất?

Đầu tiên phải nghĩ đến hư không. Đừng nhầm lẫn 'hư không' ở đây với 'đề mục hư không' trong thiền Sắc giới. Trong thiền Sắc giới có đề mục hư không. Đề mục hư không trong thiền sắc giới là khe hở, lỗ trống của cái gì đó không phải 'không gian bao la'. Nghĩa là vị đó nhàm chán vật chất, vị đó nghĩ rằng bây giờ phải làm sao để lìa bỏ được nó. Với một người có phước báu nhiều đời, cộng với trình độ Ngũ thiền, đầu tiên họ tự động nghĩ chỉ không gian bao lamới không phải vật chất. Với trình độ định tâm của người chứng Ngũ thiền Sắc giới, vị đó chỉ cần quán niệm một câu: Ananto Ākāso: hư không là vô biên. Nếu đủ phước duyên thì chứng thiền Hư Không Vô Biên là tầng thiền Vô sắc đầu tiên. Sau đó nếu đủ duyên vị này sẽ chứng thiền Thức Vô Biên Xứ với tâm niệm rằng hư không tuy vô biên nhưng vẫn còn bị tâm biết nên vị này lại chú tâm vào đề mục vi tế hơn là: Thức Vô biên. (Xem thêm trong quyển Triết Học A-tỳ-đàm cuốn 1, trong đó có giải thích kỹ). Sau khi đạt tới tầng thiền thứ hai là Thức Vô Biên, vị đó tiếp tục suy niệm tiếp. Vị đó thấy rằng cả hư không và cái tâm biết hư không đó cũng đều có thể là đối tượng nhận biết của tâm khác, nên lòng muốn phủ nhận cả hai, đây chính là tầng Vô Sở Hữu Xứ ('Ākiñcaññā': không thứ nào hay ho cả). Cả hai thứ đó đều không đáng kể, cách nghĩ này được lặp lại nhiều lần và trở thành đề mục Vô Sở Hữu Xứ. Nhàm chán cả tầng Vô Sở Hữu Xứ này đương sự xét thấy tâm mình còn quá thô thiển. Cứ quan sát tâm thiền Vô Sở Hữu Xứ với cái nhìn như vậy lâu ngày trở thành một thứ đề mục gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Cái tâm lúc này nói có cũng không phải mà nói không cũng không phải nên gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ.

15 hạnh là 15 thứ vừa kể trên. Bồ tát khi thành Phật là đã đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.

Học cho biết vậy thôi chớ bây giờ mình chưa đắc thiền Sắc giới thì mình có hướng đến Vô sắc cũng không được. Trên đời này, mọi người phải đi theo đúng trình tự thứ lớp đó, nhưng chỉ có một hạng người làm được chuyện làm đó thôi. Đó là ai?

Chỉ có kẻ ngoại tình mới có khả năng "đi ngang về tắt" chớ còn ngoài ra trên đời này phải đi theo thứ lớp hết.

V. Sugato (Thiện Thệ) gồm hai nghĩa: Đi trên gồm hai nghĩa: Đi trên con đường tốt đẹp và là và là bậc khéo thuyết giảng. Xưa nay ta chỉ biết Thiện Thệ là vị đi trên con đường Bát Chánh Đạo và hướng đến cứu cánh niết-bàn. Riêng trong đây giải thích thêm là . Xưa nay ta chỉ biết Thiện Thệ là vị đi trên con đường Bát

Chánh Đạo và hướng đến cứu cánh niết-bàn. Riêng trong đây giải thích thêm là bậc khéo thuyết giảng. Thệ là đi luôn không quay lui trở lại. Khổng Tử có lần đứng nhìn dòng sông đêm mà nói: "Thệ như tư phù bất xả trú dạ", dòng nước chảy hoài chảy mãi không thôi suốt cả ngày đêm, dòng nước chảy luôn không có quay lui. Người xưa cũng ghê gớm lắm, nghĩ ra chữ 'thệ' này để dịch chữ Thiện thệ. Nhưng chỉ mới một nghĩa thôi, còn một nghĩa nữa là 'khéo thuyết giảng'.

Khéo thuyết giảng là biết vô số cách nói thích hợp với vô số căn tánh người nghe. Một vấn đề Ngài có vô số cách thuyết giảng. Tại sao phải như vậy?

Vì có bao nhiêu người tầm đạo thì có bấy nhiêu căn duyên khác nhau nên Ngài không thể nào "bổn cũ soạn lại" theo kiểu phàm phu hay đệ tử của Ngài được. Bao nhiêu người đến thì có bấy nhiêu căn cơ, có bấy nhiêu căn cơ thì Ngài có bấy nhiêu cách nói cho thích hợp với người ta. Trong Tăng Chi Bộ kinh nói rõ thế này: Này các tỷ kheo, có những trường hợp không nên nói về bố thí mà lại đem bố thí ra nói, ta gọi là vụng thuyết. Có những trường hợp không nên nói về giới mà đem giới ra nói chỗ đó, ta gọi là vụng thuyết. Có trường hợp không nên nói về đa văn, về tàm úy, về niệm về định mà đem ra nói, ta gọi là vụng thuyết. Tiếng VN gọi là "nhầm chỗ".

VI. Lokavidū (Thế Gian Giải): 'Giải' ở đây có nghĩa là 'thông suốt, thấu đáo'. 'Thế gian' ở đây có hai nghĩa: Người và Cõi, Tục đế và Chân đế, Danh và Sắc.

Thế nào là Người và Cõi?

Bây giờ tôi lấy gỗ, xi măng, tôn, ghép lại thành một chỗ ở nền xi măng, mỗi một cạnh của nó là ba mét các vị gọi là gì?

Nhà! Vậy nếu cũng với gỗ, với tôn, với xi măng, tôi làm y hệt vậy và gọi là chuồng heo được không?

Con nào ở trong cái đó thì cái đó được mang tên. Mình gọi Cõi Trời, Cõi Người, Cõi Địa ngục thì cũng giống như vậy, nếu tôi dọn dẹp sạch sẽ cái chỗ đó tôi vô đó ngồi thiền, thì quí vị gọi là Cốc thiền, hoặc Thiền thất, nếu thả lợn vào thì gọi là chuồng heo. Cõi là không gian mà chúng sanh sống, tên gọi của không gian này tùy thuộc vào ai ở trong đó. Trong kinh nói rõ, chỗ nào đi đứng nằm ngồi bằng tâm bất thiện thì chỗ đó là chuồng, là cũi của bàng sanh súc vật. Chỗ nào mình sống bằng tâm thiện: bố thí trì giới thì chỗ đó là chỗ của Dục Thiên. Chỗ nào mình sống bằng vô lượng tâm từ, bi, hỷ xả, thì chỗ đó là Phạm cung - chỗ của

Phạm thiên đang ở. Chỗ nào mình sống bằng trí tuệ, thiền quán: đây là danh, đây là sắc, đây là khổ, vô thường vô ngã… đó là Thánh xứ - trụ xứ của thánh nhân.

Mới ngày hôm qua, tôi có nói với một cô Phật tử, cổ nói lúc này cổ lu bu chuyện nhà cửa mệt quá, mua nhà mới sửa nhà cũ. Thiệt lòng lúc đó tôi cũng có lòng từ bi, tôi nói cẩn thận nghen không khéo mình không là chủ nhà mà chỉ là con chuột giữ hang. Tôi kể cho cổ nghe là hồi xưa ở VN tôi ở trong rừng Bình Sơn, sau này tôi về Florida, cũng ở gần rừng. Mấy con sóc tha trái thông, tha đồ ăn về giấu, có thể chúng để dành cho mùa nào không có thức ăn để ăn. Nên tôi nói cổ cẩn thận chứ làm sao mình sống không như con người mà giống con sóc con chuột thì thảm lắm. Sống làm sao cái nhà mình là chỗ ở của con người, là thiền thất, là cốc thiền, chớ đừng là cái chuồng heo. Quí vị sẽ phàn nàn sao nhà của quí vị mà tôi gọi là chuồng heo nhưng thật ra cõi này cõi kia căn cứ vào người ở đó là người như thế nào. Ví dụ như cái chùa không tu học gì hết, chỉ để tượng Phật không thôi thì gọi là chỗ buôn thần bán thánh, cửa hàng tôn giáo, chứ đúng là cái chùa, đạo tràng hay pháp hội phải là chỗ tăng ni và cư sĩ có tu học. Mấy cái chùa Tàu, chùa TQ, mình gặp mấy ông thầy trong đó chạy đi kiếm nhang, kiếm tượng, khách hàng đứng chờ… đây là cái tiệm tôn giáo.

Thế Gian Giảiở đây nghĩa là Ngài biết rõ cõi nào dành cho chúng sanh loại nào. Cõi tùy thuộc vào chúng sanh và chúng sanh tùy thuộc vào cõi.

Theo một hướng khác, Ngài thấy thế giới này chỉ gồm có danh và sắc. Có chỗ vừa có danh vừa có sắc (Cõi Dục hoặc một số cõi Phạm Thiên ngũ uẩn). Có những chỗ chỉ có danh mà không sắc (cõi Vô Sắc), có chỗ chỉ có sắc mà không có danh (cõi Vô Tưởng). Có lúc Ngài nhìn thế gian theo năm uẩn, có cõi đủ năm uẩn, có cõi không đủ. Có chỗ 12 xứ, có cõi đủ có cõi không đủ; 18 giới có cõi đủ có cõi không đủ. Tùy lúc mà cái nhìn của Đức Thế Tôn như thế nào. Chính vì Ngài có khả năng nhìn ngắm thế gian từ nhiều góc độ khác nhau nên chúng sanh đến học đạo cỡ nào Ngài cũng nói cho họ nghe được.

Hôm nay chúng ta biết, một anh chàng học về Vật lý nói về thế giới này không giống anh chàng học Hóa học. Anh chàng học về Triết học không giống người học ngành Khoa học. Ông Steve Jobs nói toàn bộ thế giới này gồm những chấm (dot). Cái màn hình ti vi cũng chỉ là những cái hạt, người ta nói thế giới này gồm sóng và hạt là vậy đó. Bức tranh hay tấm ảnh thấy đẹp nhưng phóng ra một tỷ lần thì không còn cái hình nữa mà chỉ là những cái hạt.

Đức Thế Tôn có khả năng thấy hết, Ngài nhìn rõ thế giới này, phân tích cỡ nào cũng được; nói thế giới này chỉ gồm có ba thọ cũng được; nói thế giới này là chỗ tiêu thụ thực phẩm cũng được; là chỗ gặp gỡ của những cảm xúc buồn vui cũng được; là bịnh viện khổng lồ, là một nghĩa trang mênh mông, là một màn ảnh tivi đều đúng hết.

Thời gian có hai loại:

Biological time:(thời gian sinh học). Thời gian tính theo kiếp người, ví dụ hai tuổi dứt sữa, ba tuổi biết đi, bốn tuổi biết nói rành… Lá phổi lá gan của người 15 tuổi không giống của người 40, không giống của người 60. Đó gọi là thời gian sinh học

Ecological time(thời gian địa quyển): Thương hải hóa vi tang điền, biển xanh hóa thành ruộng dâu. Chỗ đó ngày xưa là biển cả giờ là núi, ngày xưa là ngọn đồi, giờ mất tiêu rồi. Ngoài Đà Nẵng có núi Ngũ Hành Sơn, những tảng đá trên đó đầy vỏ ốc sò bám. Nhiều triệu năm về trước Ngũ Hành Sơn nằm dưới biển, sau trồi lên thành núi. Thời gian để những sự kiện sự cố này xảy ra gọi là thời gian địa quyển. Thế giới này cứ sanh ra là chết lẹ lắm, mình thấy tuổi thọ của những con ruồi con muỗi không bao lâu thì trong cái nhìn của những vị Trời, tuổi thọ của mình cũng ngắn như vậy.

Thế gian giải là Thế Tôn nhìn thấy thế giới này từ nhiều góc cạnh, phương diện khác nhau. Nhìn về khía cạnh thế gian hay khía cạnh giải thoát, Ngài thấy hết; người như vậy gọi là Thế Gian giải. Thế giới này nói theo khía cạnh tục đế (đây là cõi Trời, đây là cõi Người) hay chân đế (đây là thế giới của danh pháp, của sắc pháp) Ngài đều thấy hết.

VII. Anuttaro (Vô Thượng Sĩ).

Có chuyện phải để ý, có chỗ chữ ‘Anuttaro’ được kể riêng là một hồng danh là Vô Thượng Sĩ. Vô Thượng Sĩ nghĩa là không ai hơn được Thế Tôn về công đức, hạnh lành, trí tuệ... Nhưng cũng có chỗ chỉ xem chữ ‘Anuttaro’ này là tính từ của hồng danh Điều Ngự Trượng Phu (Sārathi).

‘Sārathi’: ‘người đánh xe’, thường là điều khiển ngựa, bò hoặc chó. Có những vùng lạnh quá không còn bò ngựa phải dùng chó để kéo xe. Những con chó này mạnh lắm, một chiếc xe khoảng 6 con. Kéo trên tuyết thì ok chớ thả trên đường lộ thì mấy con này lăn ra chết sạch. Tuyết thì trơn và lạnh nên mấy con chó

không có mệt, nếu trên đường lộ thì trời vừa nóng vừa không trơn thì không được. Thế Tôn được gọi là 'Purisasārathi' là 'kẻ điều khiển con người'.

'Damma': huấn luyện thuần thục, chuyên nghiệp (well trained). 'Damma sārathi' (Damma là tĩnh từ của sārathi) là 'người đánh xe thuần thục' không phải để điều khiển thú kéo mà là nhân thiên. 'Tâm viên ý mã' là tâm phàm giống như con vượn, ngựa nên cứ lăng xăng. Tu là làm sao để đừng lăng xăng nữa. Người giúp cho mình tu là Đức Phật; mình học trực tiếp hoặc nương theo lời dạy của Ngài để giữ tâm của mình, nên Ngài được gọi là Purisadammasārathi (Kẻ điều khiển con người). Ngài Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên cũng được gọi là Purisasārathi nhưng phải bỏ bớt chữ Damma vì ngài cũng giỏi nhưng không bằng Đức Phật, vì Damma là lão luyện, chuyên nghiệp.

Tóm lại, Anuttarocó trường hợp là Vô Thượng Sĩ và có trường hợp chữ Vô Thượng này không nằm một mình mà ghép chung với hồng danh dưới thì không dịch là Vô Thượng Sĩ nữa. Nếu ghép chung thì dịch là Vô Thượng Điều Ngự (Anuttaro purisadammasārathi). Đây là cách niệm mà tôi rất thích. Tôi thích niệm Nam Mô Vô Thượng Điều Ngự Bổn Sư hơn là Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đức Phật có nhiều hồng danh, có người thích chữ Thế Tôn, có người thích nghe chữ Thiện Thệ, có người thích nghe chữ Điều Ngự Trượng Phu, có người thích nghe chữ Đức Phật.#NhậtKýChépBằngKinh; #SưGiácNguyên; #NhịTường; #TươngƯng2

Bài giảng ngày 21-10-2014 DHAJAGGAM: NGỌN CỜ (tt)

VIII. Purisadammasārathi

'Purisadammasārathi': 'Điều Ngự Trượng Phu'.

'Sārathi': 'người đánh xe', họ chỉ điều khiển con bò, con ngựa con chó. Đức Phật điều khiển huấn luyện con người, chư thiên và nhân loại chớ không phải như người đánh xe bình thường chỉ điều khiển những con thú. Có những người, nhìn họ Ngài biết họ phải được nghe điều ngọt ngào này thì họ mới khá được chớ nói mạnh nói cứng quá thì họ chịu không được. Có người thì Ngài biết nếu không nói cứng không giúp được họ. Có người thì Ngài biết phải cho họ đi xuất gia, hôm nay họ không được gì nhưng ngày mai ngày mốt họ sẽ được. Có người Ngài biết phải nói nhiều về pháp tu đặc biệt nào đó, có người Ngài nói về bố thí, có người Ngài nói về giới, về thiền định, về trí tuệ. Có người Ngài chỉ nhắc nhở đời sống cư sĩ, có người Ngài đề cao đời sống Phạm hạnh, xuất gia. Khả năng đó được gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Có trường hợp chữ Vô Thượng Sĩ kể chung với hồng danh Điều Ngự Trượng Phu, có lúc tách riêng ra. Có chỗ chữ "Vô Thượng" là danh từ, có lúc là tính từ.

IX. Satthādevamanussānam *(Thiên Nhân Sư).*

Một khi Ngài là người có khả năng hướng dẫn dạy dỗ muôn loài theo đúng khuynh hướng căn cơ của họ như vậy thì đương nhiên Ngài là bậc thầy của ba cõi, là Đấng Cha lành của tất cả chúng sanh. Trong trường hợp đó Ngài được gọi là Thiên Nhân Sư, là thầy của Trời và Người. Cái này mới nghe qua thấy dễ nhưng thật ra khó không phải dễ đâu. Bởi vì, trong kinh nói chư thiên sống lâu lắm. Chư thiên cõi Đao Lợi trở lên sống rất là lâu, thân tướng của họ cũng cao lớn gấp nhiều lần nhân loại. Đời sống của họ nếu nói về phúc lạc, về sự hưởng thụ thì gấp triệu lần đời sống nhân loại. Chỉ cần nghĩ chuyện đơn giản thôi là họ có thể đi mây về gió và cơ thể của họ hoàn toàn không bị lệ thuộc vào điều kiện vật lý, chẳng hạn như sức hút của trái đất. Họ không bị ràng buộc bởi bất cứ giới hạn nào như loài người. Còn loài người thì chiều cao, trọng lượng, điều kiện sức khỏe cũng ảnh hưởng sinh hoạt của mình; trình độ văn hóa giáo dục, khả năng suy tư của mình. v.v..., tất cả đều ảnh hưởng rất lớn đến chuyện sinh hoạt của mình. Chư thiên thì không bị như vậy, họ chỉ là những làn khói nên họ sống lâu hơn, thân tướng đẹp hơn và sống hạnh phúc hơn. Với những cái hơn này họ không có được cái tâm tình của nhân loại, cách nghĩ của họ về cuộc đời không

giống như nhân loại. Các vị nghĩ một tháng thu nhập mấy trăm ngàn đô la, người không bịnh hoạn gì, tuổi tác dưới ba mươi, có cái bằng đại học, thì chuyện quí vị đi chùa gặp tăng ni cúi đầu tôi thấy hơi khó, bởi vì mình chỉ cúi đầu trước người nào mình thấy nể thôi, còn bây giờ mình đang hưởng thụ đã quá chuyện tu hành không cần thiết. Nếu chuyện tu hành không cần thiết thì mấy người không có tóc không có gì để mình bận tâm. Tôi muốn nói là mình chỉ mang thân nhân loại, có một điều kiện sống hoàn hảo thì mình đã không còn bận tâm gì về đời sống tâm linh tinh thần, nói chi là chư thiên. Ấy vậy mà Đức Phật vẫn có cách kéo họ về với thực tế để nói như thế nào đó cho họ thấy rằng toàn bộ cái mà họ đang thỏa mãn hài lòng đó không xài được, đừng tưởng cái đó là lâu bền. Với một khả năng như vậy thì chỉ có vị Chánh Đẳng Chánh Giác thôi. Làm thầy của chư thiên và nhân loại không phải dễ, đừng tưởng mình có thần thông, có thiền định, có giới hạnh là làm thầy người ta được, không phải đơn giản như vậy. Có biết bao nhiêu vị A-la-hán cũng có lục thông như vậy nhưng không được gọi là Thiên nhân sư. Họ có thể nhìn thấy rất nhiều chuyện nhưng những chuyện đó đem ứng dụng trong thực tế thì chưa chắc. Tôi từng ví dụ, ngay cả người mẹ hiểu con mình dữ lắm, biết con của mình từng đi những xứ nào, nói được bao nhiêu thứ tiếng, ăn bao nhiêu thức ăn thích món này món kia nhưng chiều nay muốn đãi con mình ăn món gì nếu không hỏi nó thì không thể nào biết món ăn nó thích. Có những thời điểm nó không thích món này mà nó thích món kia. Chỉ trong chuyện ăn uống đã thấy khó rồi nói chi là đời sống tinh thần. Trong khi các vị A-la-hán biết rõ mình, nhìn mặt mình là biết mình tu hành bao nhiêu kiếp trong nhiều kiếp mình từng tu thiền, các ngài biết mình từng học A-tỳ-đàm, biết mình nhiều đức tin nhiều trí tuệ, nhưng vấn đề trước mắt là không biết chiều nay nói cái gì cho mình nghe, trong buổi họp mặt này, trong lần gặp gỡ này, nói cái gì cho mình đây. Trong khi vị Chánh Đẳng Giác thì khác, Ngài nhìn lỗ mũi mình thì biết mình muốn cái gì, Ngài biết trong hàng triệu kiếp tu hành của mình, nay mình thích cái này, mai mình thích cái kia, tuy nhiên cái gì thật sự là tử huyệt của mình, Ngài biết rõ, chọc vào đó là bao nhiêu phiền não sụp xuống hết. Người có khả năng như vậy đó là Thiên Nhân Sư, là Điều Ngự Trượng Phu, nghĩa là có khả năng dạy người khác và có khả năng điều chỉnh, làm thầy người khác, giúp đỡ người khác một cách đúng mức nhất. (Xem thêm chương 7, Thanh Tịnh Đạo)

X. Buddho *(Phật).* Tôi biết có nhiều Phật tử mình mê hồng danh Arahaṃ, Buddho, nhưng khổ một chỗ là mình niệm giống như ngoại đạo, thiền Chỉ không ra thiền Chỉ, thiền Quán không ra thiền Quán. Chúng ta biết rằng thiền Quán thì không niệm Phật, như vậy kiểu niệm Arahaṃ, Buddho không phải là thiền Quán

rồi, còn thiền Chỉ mà lấy chữ đó ra đọc hoài, nào là phải đọc "nhất tâm bất loạn", mà không hiểu gì hết, nếu không hiểu gì hết thì đâu khác gì niệm cóc, xoài, ổi, mận, chôm chôm. Cái quan trọng là niệm phải hiểu ý nghĩa. Thanh Tịnh Đạo có mà không đọc, kinh bày trước mắt mà không chịu đọc, sợ kinh cắn, đó là khuynh hướng của phần lớn Phật tử, thà là đội gạo lên chùa nuôi tăng ni, tăng ni phán cái gì thì nghe cái đó; hên thì phán đúng, xui mà phán tào lao phán theo tư ý thì ráng chịu, đặc biệt không dám coi kinh sợ kinh cắn, trăm sự đổ hết cho tăng ni, nhờ tăng ni đọc sách xong rồi phán lại cho mình nghe. Tăng ni cho uống nước một thì uống nước một, cho uống nước dão thì uống nước dão. Uống nước một cũng sadhu, uống nước dão cũng sadhu, đổ xác cà phê vô miệng cũng sadhu không hề có phản ứng gì hết. Đây là sự hoang phí, tin Phật mà không tin lời Phật. Phật nói thân người khó được, mình không tin. Phật nói chánh pháp khó gặp mình cũng không tin, bởi vì nếu tin thì mình không tu học theo kiểu đó được. Chính vì không tin mình mới có thái độ tu học nương đổ vào người khác, còn nếu quả thật mình tin vào Ngài thì mình hết hồn chứ. Nếu Ngài nói mình bị ung thư thì mình đã tái mặt chạy đôn chạy đáo chạy thầy chạy thuốc, vì mình không tin nên mình tà tà theo kiểu nói vậy nhưng chưa sao, thiên hạ ai cũng bị mà.

Niệm Phật là phải hiểu chứ không phải là nhắm mắt nhắm mũi cứ chữ đó mà đọc hoài. Chẳng hạn như trong Thanh Tịnh Đạo có câu thế này: *Phật là người tự mình giác ngộ Bốn Đế và có khả năng đánh thức chúng sanh nên được gọi là Buddho.* Và có thể đọc thêm định nghĩa chữ này trong *Patisambhidamagga*. Bộ này, nếu mình là người có lòng cầu học thì mình phải đi kiếm, dốt quá thì đi hỏi cái này là cái gì vậy. Đây là bộ kinh rất là quan trọng, người nào tôi thương mến, cha, mẹ, con cái, bạn bè thân hữu, ai mà còn có thể lắng nghe tôi nói, còn để ý góp ý của tôi thì tôi sẽ đề nghị họ làm ơn đọc kỹ bộ này. Tôi nói vậy bởi đối với tôi bộ này rất quan trọng. Không có gì thê thảm cho bằng mang tiếng là Phật tử, đặc biệt là Phật tử Nam Tông mà không biết Thanh Tịnh Đạo, không biết bộ Vô Ngại Giải Đạo, không biết hai bộ Xiển Minh: Mahaniddesa, Cullaniddesa (đều thuộc Tiểu Bộ Kinh). Còn những người học A-tỳ-đàm thì phải đặc biệt đọc kỹ Chú giải hai bộ Pháp Tụ và Phân Tích. Chứ còn mà đi làm như một con bò lấy tiền lo cất chùa cất tháp, xong rồi rảnh rảnh thì coi phim Đại Hàn cộng với một cuộn giấy thấm để lau nước mắt, sinh hoạt theo kiểu thích gì làm cái đó không biết cái gì cần, thì quá hoang phí kiếp người. Tôi chưa bao giờ dám nhận tôi là người chân tu hay trong sạch, nhưng cái này tôi dám nhận: tôi không phí thời gian. Có chuyện tôi không thể không nói, tôi chưa bao giờ dám nhận tôi có trí nhớ tốt nhưng phải nói chuyện đáng lo đáng buồn là tôi nhận thấy tôi đã mất

khoảng 70% khả năng nhớ của thời mười lăm mười bảy tuổi. Nói vậy không có nghĩa là ngày xưa tôi nhớ giỏi, mà là bây giờ tôi nhớ quá dở. Mình sao thì người khác cũng vậy, theo tuổi đời mọi thứ khả năng của mình mòn hao dần. Ngày xưa thì kể cả những chuyện tôi không muốn nhớ cũng cứ nhớ, còn bây giờ tôi quỳ tôi lạy nó nó cũng không thèm ở lại, nó cứ thanh thản đội nón mà đi. Hoàn cảnh tôi bây giờ giống như bà cụ có tật hay quên. Ông chồng mua cho bà cuốn sổ tay nhét trong túi áo, dặn làm gì cứ ghi vào sổ tay, cho khỏi quên. Được mấy ngày thì bả hỏi ông chồng: *Ông có thấy cuốn sổ tôi để ở đâu không, tôi ghi hết vào đó những chuyện cần làm nhưng không nhớ cuốn sổ để ở đâu.* Đây không phải là chuyện cười mà bây giờ bản thân tôi đã đạt đến cảnh giới đó rồi. Không nhớ nên ghi vào sổ, tới lúc cần thì không nhớ cuốn sổ đâu hết. Ngày Chủ Nhật vừa rồi tôi ở bên Thụy Sĩ, có anh Phật tử biết tôi cần khúc dây điện, từ chỗ tôi anh ta đi về nhà, không tắm rửa ăn uống, chạy thẳng xuống hầm đem ra khúc dây điện sẵn đó để hôm sau đem ra cho tôi. Cuối cùng thì hôm sau ảnh báo tôi là biết không biết sợi dây đó nằm ở đâu. Đó là sợi dây của ấm nấu nước, giờ khó mà tìm thấy. Cái thân xác của mình càng lúc càng mòn hao yếu đuối, không thuộc về mình, tinh thần càng yếu dần, thì mình phải biết trân trọng ngày tháng sau cùng của đời mình. Có một pháp tu tôi càng lúc càng thấm, đó là niệm một câu: *"Thời gian đang qua nhanh"*. Đó cũng là một pháp tu. Pháp tu đó không phải của tôi chế đâu, là của Đức Phật đó, đó là niệm chết. Dầu có giận ai, có đam mê thích thú gì nữa cứ nhớ hoài câu đó *"Thời gian đang qua nhanh",* đã một đi thì không trở lại. Cứ niệm như vậy. Cuối tuần qua rất nhanh, như chớp mắt. Vì vậy, niệm Phật ở đây phải nhớ rằng Đức Phật là người luôn luôn tỉnh thức còn mình thì ngủ suốt mùa thu. Chữ Buddho có ít nhất hai nghĩa:

1. Người tỉnh giấc hay thức dậy từ giấc ngủ hay cơn mơ

2. Người hiểu chuyện, người biết chuyện (4 đế). Biết rõ bản chất của cuộc sinh tử thực ra là những gì, chúng được tạo ra từ đâu và làm sao để giải thoát sinh tử cho mình; người đó gọi là Buddho

Thinh Văn cũng biết những điều này nhưng phải nhờ thầy là Đức Phật và cái biết đó chỉ vừa đủ xài cho mình, khả năng độ sinh luôn rất hạn chế. Đức Phật không cần thầy nhưng Ngài có thể làm thầy người khác còn Thinh Văn thì phải nhờ thầy mới đắc và cũng có khả năng làm thầy *một chút*, bởi cái biết của Thinh Văn căn bản vừa đủ xài cho mình còn khả năng độ sinh luôn rất hạn chế.

Chữ Chữ *Bhagavā*, có nhiều định nghĩa, ở đây chỉ nói đến hai nghĩa căn bản nhất:

1. Cụ Thoại Đức Giả, là người có đủ những gì tốt đẹp nhất, từ các hạnh lành đến công đức.

2. Chữ Bhagavā ở đây còn được xem là đồng nghĩa với chữ *bhaggava (2g),* nghĩa là người phá nát tất cả những điều ác xấu. Tất cả những gì ác xấu Ngài đều lìa bỏ một cách trọn vẹn, ngoạn mục.

Sugato (Thiện Thệ). Sugato là (Thiện Thệ). Sugato là đi trên con đường tốt đẹp, đi bằng cách tốt nhất, hướng tới cứu cánh tốt đẹp. *Sugato* còn đồng nghĩa với chữ *sugado* nghĩa là 'bậc khéo nói', 'thiện thuyết'.

Đừng tưởng 'khéo nói' mà dễ. Khó vô cùng! Gặp giỏi nói khác gặp dốt nói khác, phải tùy trình độ mà nói. Cũng cùng là bác sĩ, luật sư nhưng ông A thì mình phải nói gì, ông B mình phải nói gì. Thời điểm khác, nói khác, cũng câu nói đó, cũng con người đó nhưng hôm qua nói khác, hôm nay nói khác. 'Thiện thuyết' là với những chuyện sâu kín nhất, khó nói nhất Ngài cũng có vô số cách để nói. Nhà thơ Goethe của Đức, có một câu nói tôi rất mê: *"Thiên tài là người có khả năng định hình những gì vô hình".* Ví dụ như những chuyện như cha mẹ nhớ con cái, nam nữ nhớ nhau, cảm xúc buồn vui, lâng lâng, bâng khuâng, ngậm ngùi khi nhìn nắng gió mưa sương, cái đó ai cũng có, nhưng để nói ra lời, viết ra chữ cho người khác đọc vào nghe tới mà chia sẻ cảm xúc đó với mình là thấy đã khó rồi mà để trở thành một nhà thơ nhà văn thì càng khó hơn. Nói tới đây mới nhớ, VN xài rất ẩu chữ 'nhà'. Hồi xưa tôi đi học có ông thầy nói rằng chữ 'nhà' rất khó xài. Chỉ khi nào người ta sống chết với nó, chuyên nghiệp mới gọi là 'nhà'. Nhà văn phải là người đã có lượng độc giả nào đó, có sức hút tối thiểu nào đó, có thành tựu căn bản nào đó, có công trình cụ thể điển hình nào đó. Chớ còn quởn quởn làm mấy bài thơ, có tiền in vài cuốn sách gọi là nhà văn là không đúng. Gọi là nhà sư nghĩa là người đó cả cuộc đời dồn hết vào chuyện chuông mõ khói hương, chớ không phải là cạo đầu trọc lóc đắp y là nhà sư. Chữ "nhà" đòi hỏi sự chuyên nghiệp nào đó. Thiên tài là người có khả năng định hình những thứ vô hình. Ví dụ như những khái niệm uẩn xứ, giới đế, thất giác chi bát chánh đạo…vv người ta nói sẵn mình thấy dễ, chứ nó mênh mông trùng điệp. Cứ tưởng tượng mình không biết Phật pháp gì hết tự nhiên thấy đứa bé mới đẻ ra đỏ hỏn khóc oe oe, rồi lớn lên có vợ có chồng, xây nhà, tóc bạc lưng còng từ từ lăn đùng ra chết, hết thế

hệ này đến thế hệ khác. Bây giờ mình phải nói làm sao đây về cái ý nghĩa của cuộc đời?

Sao nó phũ phàng, buồn cười và khốc liệt như vậy. Sáng nay tôi xem báo thấy nhà thiết kế Oscar De Renta, mới chết, 82 tuổi bị ung thư. Ai xài đồ thời trang thì biết ông này. Muốn đạt tới cảnh giới của ông này, giàu có, nổi tiếng, thành công, có thương hiệu trong thế giới Âu Mỹ đâu phải dễ. Có tiền xài đồ hiệu đã không phải dễ rồi còn ông là cha đẻ của thương hiệu. Tôi nhớ có câu danh ngôn thế này: *Người đàn ông thành công là người có khả năng kiếm được tiền nhiều hơn nhu cầu xài của mình. Người đàn bà có tài là tìm được người đàn ông đó*. Ông Oscar De Renta đúng là mẫu người đàn ông đó, vừa có tiền vừa có tiếng, vậy mà vào một buổi sáng không hò hẹn, chàng đã đội nón ra đi không về nữa. Những chuyện đó mình chỉ thấy chứ không biết phải làm sao để nói về bản chất đời sống, và phải làm gì khi cuộc đời phũ phàng như vậy, vậy mà có người đã làm được đó là vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài là một thiên tài vì đã định hình được cái vô hình. Ngài sắp xếp đây là giới, đây là định, đây là tuệ…Và Ngài có cách hướng dẫn cho người khác để họ dầu họ chưa phải là thánh nhưng cũng có khái niệm về cuộc đời này, biết nó là gì và biết phải làm sao.

Bhagavā, Arahaṃ, Sammāsambuddho, Vijjā-caraṇasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-dammasāratthi, Satthādevamanussānaṃ, Buddho, Bhagavā". Tôi đã giải thích xong mười hồng danh rồi. Niệm Phật là niệm như vậy đó.

Trở lại bài kinh Ngọn Cờ, Đức trời Đế Thích dặn Chư Thiên khi nào sợ hãi thì nhìn lên ngọn cờ của ngài, để biết ngài đang ở đó, ngài đang chia sẻ nỗi lo với mình. Đức Phật dạy rằng: Này các tỷ kheo, khi thiên chúng Đao Lợi hay Tứ Thiên Vương họ sợ hãi họ nhìn ngọn cờ của Đế Thích có lúc họ hết sợ, có lúc họ vẫn còn sợ vì họ cứ nhớ chừng là Đế Thích có lúc sợ có lúc không sợ như mình, vì vậy họ có lúc xuống tinh thần. Nhưng này các tỷ kheo, khi các ngươi ở một mình trong rừng sâu, trong nhà vắng, chỗ cô quạnh không người mà có lòng sợ hãi thì hãy nhất tâm niệm tưởng đến Như Lai, bậc Chánh Đẳng Giác; niệm tưởng đến chánh pháp được khéo thuyết giảng; niệm tưởng đến chúng tăng là những bậc khéo hành trì. Nếu không nhớ đến Như Lai thì hãy niệm pháp, nếu không nhớ đến pháp thì hãy niệm tăng, nếu không nhớ đến tăng thì niệm Như Lai. Nếu làm đúng như vậy thì sự sợ hãi sẽ biến mất. Hãy tâm niệm rằng Như Lai là người không còn phiền não, không còn sợ hãi nữa, và chánh pháp là con đường dẫn đến sự chấm dứt sợ hãi, chấm dứt phiền não, và tăng chúng là những người đang đi

trên con đường dẫn đến sự chấm dứt phiền não, chấm dứt sợ hãi. Niệm Phật là phải niệm như vậy đó, bài kinh này lẽ ra là Phật tử Nam Tông phải được nghe, phải được đọc ngay từ ngày đầu tiên đặt chân đến cửa chùa. Ấy vậy mà buồn thay, có nhiều người tới chết rồi khoe khoang đủ thứ, tôi là qui y với ngài Hộ Tông, ngài Giới Nghiêm mà cách niệm Phật là hoàn toàn không biết, cứ nhắm mắt nhắm mũi mà niệm thôi, đó là điều đáng tiếc. Ở chùa Bửu Long, có một bà tu nữ giờ mất rồi, mấy chục năm trời bà niệm Phật như thế nào mà không có ai biết, cứ thấy bà là một ngày hai bữa công phu, cặp mắt lim dim, nhất tâm chú niệm mà không ai biết bà niệm cái gì. Những ngày bà gần chết, thầy phương trượng, thượng tọa Bửu Đức lúc đó chưa đi Mỹ, xuống hộ niệm cho bà, nói cho bà rằng một đời tu hành không có gì phải lo âu tiếc nuối, bà đã lìa bỏ hết rồi, giờ cứ thanh thản mà đi, cứ niệm Phật thôi. Bà nói: *Thưa Sư, mấy chục năm nay con rất là tâm đắc hồng danh Phật mà sư tổ Hộ Tông đã dạy cho con, giờ con quá yên tâm, con ra đi, con sợ hãi là con cứ niệm Arahaṃ thôi.* Sư phương trượng nghe hết hồn hỏi: *Bà mới niệm cái gì bà niệm lại tôi nghe.* Hóa ra là bà niệm *"Hả ra ăn"* thay vì Arahaṃ, suốt mấy chục năm trời bà niệm mà không cần biết ý nghĩa. Sư trụ trì hết hồn nói bà niệm lộn rồi, *không phải là Hả ra ăn mà là Arahaṃ.*Đây là lỗi của một người niệm Phật mà không tìm hiểu ý nghĩa. Các vị có tin được không, có quyển sách trước mặt, dốt gì thì dốt cũng phải biết đánh vần chứ. Quyển Nhật Hành của ngài Hộ Tông có trước mặt mà không biết vì sao bả sợ kinh căn bả không dám đụng tới. Trong đời tôi, tôi biết có nhiều Phật tử không bao giờ đụng tới cuốn kinh mà chỉ đọc nhái thôi. Bài Namo Tassa có rất nhiều người không tập đọc trong sách, họ cứ đi riết nghe đọc rồi nhớ. Còn bài hồi hướng *"Idaṃ vo ñātīnaṃ hontu…"* có nhiều người vẫn đọc là *"cây đàn vô ngã cây đàn hôn tú"* như thường. Niệm Phật là hiểu được ý nghĩa của hồng danh Phật và một điều đặc biệt nữa đó là niệm Phật không phải để chỉ riêng thêm lòng kính tin mà còn để nhớ đến những hạnh lành của Ngài. Ví dụ, khi mình niệm Arahaṃ thì phải nhớ sống làm sao cho xứng với tấm lòng của thiên hạ, bởi vì Arahaṃ nghĩa là xứng đáng, là xứng đáng với sự cúng bái của nhân thiên. Buddho nghĩa là hiểu biết Bốn Đế, là người thức dậy từ giấc ngủ phiền não, thì mình cũng tự nhủ mình phải sống sao cho tỉnh thức, đừng mê nữa. Chữ Bhagava là người hữu phần cái gì tốt nhất trên đời này Ngài có hết khi niệm mình cũng phải nhớ là phải sống làm sao cho được một góc như Ngài vậy... Còn nhiều lắm, như Purisadammasārathi - Điều Ngự trượng Phu, dĩ nhiên mình không được như Ngài nhưng phải nhớ chừng sống làm sao cư xử cho phải phép. Chứ còn nhắm mắt nhắm mũi như đọc thần chú thì không phải Phật tử mà là đệ tử của ngoại giáo. Phần cuối của chương niệm Phật (chương 7a – Thanh Tịnh Đạo) có nói khi chú

tâm niệm tưởng như vậy vị đó sẽ có được nhiều lợi ích: lòng thanh tịnh, không sợ hãi, không bị uế nhiễm, đồng thời lúc đó tấm thân vị đó như ngôi bảo tháp khi nhất tâm niệm Phật.

B. NIỆM PHÁP

Niệm Pháp là niệm như thế nào?

Theo tôi biết Phật tử VN 99% chỉ có niệm Phật chớ không biết Pháp chứ thật ra trong đời sống nếu một người Phật tử có học đạo thì niệm Pháp là một đề tài rất là thú vị và cũng rất thường xuyên, thậm chí không kém gì đề mục niệm Phật. Ví dụ như trong kinh nói có lần bà Suppavāsā là một đại tín nữ của Đức Phật bị sanh khó, đau đớn kinh khủng. Lúc đó bà niệm như vầy mà bớt đau: *Thế Tôn là người đã chấm dứt vĩnh viễn cơn đau như thế này. Ngài là người đã thuyết giảng con đường dẫn đến sự chấm dứt những đau khổ như mình đang chịu, ngài là người không còn khổ này nữa. Chánh pháp lời dạy của Thế Tôn chính là con đường dẫn đến sự chấm dứt này. Thế Tôn là người đã tuyên bố con đường đó, chánh pháp chính là con đường đó. Tăng chúng là những người đang hành trì hoặc đã thành tựu trên hành trình chấm dứt nỗi đau này.* Tôi tuyệt đối tin tưởng chuyện đó. Mình niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng không phải là cầu sự gia hộ độ trì như người tào lao, không học đạo. Tại sao gọi là tào lao?

Nếu cầu mà không được có phải mình bất mãn không?

Đức Phật đâu làm gì để mình thất vọng, tự mình hành động sai lầm rồi bất mãn Ngài là không được. Đức Phật chỉ dạy cho mình con đường tu hành và chính mình phải hành trì. Ngài là thầy thuốc, ra toa và cho thuốc, uống hay không là mình, có kiêng cữ hay không là mình. Ngài chỉ nhắc nhở khuyên bảo cách sinh hoạt ăn uống thuốc men kiêng khem, còn làm đúng hay không là phần của mình. Hoặc mình tin bác sĩ bằng cách chụp hình bác sĩ treo trong nhà, thờ cho hết bịnh, vậy có được hay không?

Niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng là niệm ý nghĩa, niệm tới đâu là thấm thía ý nghĩa tới đó.

I. Svākkhāto Bhagavatā Dhammo *(khéo thuyết)*

Khéo thuyếtlà từng câu từng chữ của Đức Thế Tôn không dư và không thiếu. Không dư là không có gì bớt ra, và không thiếu là không có chỗ nào cần phải thêm vào, đó chính là khéo thuyết. Từng câu từng chữ trong đó đều nhắm đến

một mục đích ý nghĩa duy nhất đó là giải thoát. Đại dương có sâu rộng bao nhiêu thì chỉ có một vị mặn của muối. Chánh pháp có sâu có rộng bao nhiêu cũng chỉ có một vị duy nhất đó là giải thoát. Dù Thế Tôn có nói về bố thí, trì giới, thiền Chỉ, thiền Quán, kham nhẫn, phục vụ, hành xả, trí tuệ v.v... dù Ngài nói gì đi nữa thì trong cách nói của vị Chánh Đẳng Giác chỉ có một mục đích, một cứu cánh một hương vị duy nhất đó là sự giải thoát. Phải đọc kinh lâu ngày – đặc biệt là những bản dịch của HT Minh Châu, rất độc đáo – mới nghiệm ra một điều, buổi đầu mình thấy Đức Phật dạy mình làm các công đức, mình tưởng Ngài kêu mình vun bồi phước báu, nhưng đọc kỹ đọc hoài một ngày nào đó mình sẽ thấm điều thứ hai là tất cả những gì việc làm công đức Ngài kêu, trong lời dạy của Đức Phật điều thiện hoàn toàn không giống điều thiện ở ngoài đời. Ở ngoài đời họ nói mình thấy thiện là cái gì đó hay ho ghê gớm, còn thiện trong cách nói của Đức Phật chỉ mang ý nghĩa phương tiện. Nghĩa là còn trong vòng sanh tử thì phải làm thiện nhưng không phải là cái để mình kiêu ngạo, để coi nó là tất cả. Bản thân cái thiện cũng là nhân sanh tử, nhưng bởi vì kẹt phải làm thôi, nói chi là ác. Tại sao thiện là kẹt lắm mới làm?

Nghĩa là không coi nó là cái gì đó ghê gớm để tự hào tự mãn, bịnh thì uống thuốc, làm việc lành chỉ là uống thuốc thôi, nếu không uống thì bịnh hành mình. Tôi nghèo đâu có tiền, nhưng có điều phải nói thiệt, một trong những thứ tôi gớm nhất trên đời này đó là tiền. Trên đời này không có cái gì dơ bằng tiền. Cái bồn cầu trong toilet ai cũng tưởng nó dơ chứ thật ra nó không dơ bằng bàn phím của computer, nó không dơ bằng tiền mà mình cầm, tiền mỗi ngày mình nhét trong túi, có người có tật le lưỡi đếm nữa chứ. Tiền của mình dơ không ai tưởng được nhưng bây giờ kẹt quá thì sao, mình làm gì với nó đây, không lẽ nói dơ rồi đưa không lấy. Tôi gớm lắm nhưng tại sao tôi nhận, cần thì phải xài. Thiện pháp thật ra trong cái nhìn của Đức Phật cũng là nhân sanh tử, nhưng kẹt thì phải xài, chớ còn gớm thì phải nói gớm. Đức Phật dạy rằng: *Này Xá Lợi Phất, giống như một miếng phân dính trong đầu que gỗ, dù miếng phân đó nhỏ xíu đi nữa thì phân muôn đời vẫn là phân. Cuộc sanh tử hễ còn một chút hiện hữu, một chút tồn tại thì vẫn là điều đáng chán, đáng sợ.* Một chút hiện hữu vẫn là sự hiện hữu, cho dù đó là sự hiện hữu của một vị Phạm thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng hay sự hiện hữu của một con ong cái kiến, vẫn là sự hiện hữu.

Chánh pháp khéo thuyết ở đây có nghĩa là Ngài nói làm sao cho người ta nghe, người ta thấy là phải buông hết. *Svakkhato Bhagavata dhammo*, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng là như vậy.

II. Sandiṭṭhiko.

‘Sandiṭṭhiko’: tự mình thấy chớ không thể nhờ cậy vào ai hết.

‘Parasaddhaya’: niềm tin vào kẻ khác.

Tự mình thấy chớ không tin vào kẻ khác. Cà phê mình không chịu uống mà đi nghiên cứu tám trăm cái thư viện coi người ta mô tả mùi cà phê ra sao, hoặc đi hỏi chuyên gia cà phê, nhờ họ tả giùm thì tới chết đi nữa cũng không biết vị cà phê ra sao. Trong đạo giải thoát cũng y như vậy, cứ hành trì cho đúng thì tự nhiên sẽ ngộ. Ở đây tôi chỉ hy vọng mong manh là có người đã từng trải qua kinh nghiệm này, có những thấm thía về chuyện đời chuyện đạo, đột nhiên xảy đến cho mình ngoài dự tưởng. Có những vấn đề giáo lý một ngày nào đó tự nhiên bừng sáng. Cái sáng này sau đó mình muốn trở lại nó không có nữa. Cái trí văn mình học mình nhớ, mai mốt quên mở sách ra nhớ trở lại. Cái trí tư, mình ngồi gặm nhấm suy nghĩ rồi quên, mai mốt sực nhớ nhắc đến nó, nó quay trở lại, còn trí tu thì khác. Trí tu là một sự nhận thức mang tính đột hiện, tự nhiên nó xuất hiện đó rồi nó sẽ đi, một là đủ duyên chứng thánh còn không nó là sự thấm thía rùng mình nổi da gà trong vòng tích tắc rồi sau đó mất tiêu. Nói ra quí vị không tin nhưng đó là chuyện có thật, ngay lúc đó là nó đã lên tới óc, mình cảm nhận sau ót thật sự đã thiệt, rồi sau đó nó mất. Mình thấy vô thường đúng là cái này. Cái pháp môn nhìn mình như nhìn người khác đặc biệt lạ lùng lắm. Hãy một lần nhìn mình như nhìn ai đó. Cái đó gọi là *Sandiṭṭhiko*, sự chứng ngộ trong đạo, trong giáo pháp không phải là đến từ *Parasaddhaya*niềm tin từ người khác mà phải là sự thực chứng tự bản thân của mình. Có lần Đức Phật định nghĩa thế này, Sandiṭṭhiko nghĩa là tự mình hành trì đúng, khi hành đúng thì mình được an lạc, ngay khi mình được an lạc thì người khác cũng được an toàn, an lạc. Cứ tập trung làm đúng phần ở mình đi, ngay khi mình được thành tựu thiện pháp thì ngay lúc mình được thành tựu thiện pháp thì cả mình lẫn người khác đều được an toàn từ sự thành tựu đó. Đối với tôi đây là định nghĩa tuyệt vời của chữ Sandiṭṭhiko. Quí vị còn nhớ câu chuyện hai ông cháu hát xiệc không. Người ông trèo lên ngọn tre và đứa cháu giữ vững gốc tre bên dưới. Khi đứa cháu lo lắng cho ông, người ông bảo đứa cháu hãy lo phần mình cho tốt thì ông mới được an toàn.

Sandiṭṭhiko, cứ lo phần của mình, cuộc đời chung quanh sẽ nhờ vậy mà tốt hơn một tí. Tôi biết nhiều người không chấp nhận câu này. Chỉ cần trong đời này có thêm một thằng ăn cắp là khổ cho người ta rồi, có thêm một kẻ nhiều chuyện đi ngồi lê đôi mách làng trên xóm dưới là khổ cho người ta rồi. Nếu mình bỏ tật ăn

cắp, bỏ tật nhiều chuyện thì có phải đại hạnh cho người ta hay không. Một kẻ nhiều chuyện có thể làm cho người ta tan nhà nát cửa, giờ ngậm miệng lại có phải đại phúc cho người ta hay không.

Các vị biết tôi đang nổi da gà không. Cách đây mấy hôm có Phật tử nữ tới đây, họ có dùng cái khăn lau bàn Phật, không biết sao có nước hoa trong đó bây giờ một mình ở nhà tự nhiên nghe nước hoa phảng phất, tôi lạnh xương sống, sau lưng là rừng, trời rạng sáng mà tối thui, nghe mùi nước hoa tôi hết hồn. Có những đêm đang đứng ngoài sân nghe mùi khói thuốc lá cũng lạnh xương sống. Có câu chuyện tôi mới viết bữa hổm, chuyện Thị Kính, cũng từ suy nghĩ giống vầy. Chỗ mình ở có một mình mình mà nghe mùi khói thuốc mình hình dung có người nào đang núp gần đó, họ lên trên thềm hút thuốc. Còn chuyện rùng rợn nhất là có người nào đang đứng trong bóng tối họ nhìn mình.

Sandiṭṭhiko có hai nghĩa: 1/ Sự giác ngộ chỉ có ở chính mình, không thể vay mượn xài chung với ai. 2/ Khi mỗi người được tốt thì thiên hạ cũng được tốt, tốt ở đây là môi trường xung quanh sẽ sạch và đẹp hơn vì khi đó mỗi người đã là một đóa hoa.

III. Akāliko.Vượt ngoài thời gian.

Cái này hơi chuyên môn một chút. Theo trong A-tỳ-đàm, tất cả nghiệp thiện ác ở đời đều cho quả bất định về thời gian. Ví dụ tôi nghe pháp, một lúc nào đó trong kiếp sau tôi sanh ra có trí tuệ, hoặc trong đời này nhờ nghe nhiều một lúc nào đó tôi có sự sáng suốt, sự hiểu biết. Nhưng chỉ có ở trong giáo pháp của vị Chánh Đẳng Giác mới có trường hợp đặc biệt, đó là sát na thánh đạo xuất hiện trước sát na thánh quả không có xen kẽ, tức là đạo trước là quả đi theo liền. Đây là điểm độc đáo, có nhiều vị giảng chỗ này theo kiểu thơ mộng đại loại thế này: "ý nghĩa chánh pháp vượt ngoài thời gian vì lúc nào cũng hay hết, không bị năm tháng làm phôi phai nhạt nhòa…"; theo tôi đó là vì thương đại chúng mà nói cho dễ nghe vậy thôi, chớ nếu nói chuyên môn bà con nghe không nổi chỗ này. *Akāliko* nghĩa là tâm thánh đạo xuất hiện trước, tiếp theo đó là tâm thánh quả xuất hiện ngay, không có bị xen kẽ bởi một thứ nào khác, đó là điểm đặc biệt của chánh pháp. Tại sao trong kinh lại nhấn mạnh chỗ này?

Bởi vì chuyện mình làm lành mình được hưởng phúc là chuyện đã xảy ra trong vô số kiếp rồi, điều đặc biệt là đạo quả chỉ xuất hiện một lần thôi. Ví dụ, tâm sơ đạo chỉ xuất hiện một lần; thời điểm tâm thánh đạo thánh quả gặp nhau chỉ có một lần thôi. Một lần sơ đạo sơ quả, một lần nhị đạo nhị quả, một lần tam đạo

tam quả, một lần tứ đạo tứ quả. Tâm đạo xuất hiện trước, tâm quả xuất hiện theo sau, đây là điểm đặc biệt chỉ có trong chánh pháp. Tức là vừa thấy xong, vừa liễu ngộ xong lập tức thành con người khác ngay khoảnh khắc đó. Nếu không phải là sự chứng thánh thì không bao giờ có trường hợp đó, vì chỉ trong một sát na thánh đạo là lập tức mình không còn là phàm phu nữa, mình không còn là người cũ nữa. Tâm sơ đạo vừa xuất hiện thì vĩnh viễn từ giây phút đó trở đi mình không còn là phàm phu, không còn khả năng sa đọa, không còn khả năng trở lui cõi Dục quá bảy kiếp (Thất lai). Nhất Lai Tư-đà-hàm thì không còn khả năng trở lại cõi Dục giới quá một kiếp. Bất lai thì không còn khả năng trở lui cõi Dục giới kiếp nào nữa. "Lai" là chỉ cho sự trở lại cõi Dục giới.

IV. Ehipassiko:thách thức mọi thử nghiệm. Chánh pháp là điều có thật và thanh tịnh đáng chiêm ngắm. Hai lý do khiến Chánh pháp được gọi là 'ehipassiko':

1.*Vijjamanatta*: có thật, không hư dối

2. *Parisuddhatta*: thanh tịnh, lìa phiền não, không đau khổ

Trong kinh nói mình muốn kêu người ta nhìn cái gì đó thì cái đó phải có thật. Ví dụ tôi mời quí vị đến nhà xem mấy giò lan thì phải có mấy giò lan mới mời. Mời người ta đến coi thì vật đó phải là xứng đáng, chớ không ai mời đến coi đống phân hay bãi nước bọt. Phải là món cổ vật quí hiếm, chuỗi ngọc trai hay chiếc nhẫn kim cương đắt tiền thì mới mời người ta đến coi. Chánh pháp là có thật trên đời. *Ehipassiko* nghĩa là chánh pháp sẵn sàng cho mọi thử nghiệm, mời gọi mọi thử nghiệm; hãy đến để xem, để mà tu tập, để mà trầm tư. '*Ehi'*: 'hãy đến', '*hãy tới*'; '*passika'*: thấy; '*Ehipassika'*: 'thách thức mọi thử nghiệm'.

Tôi giải thích bằng ngôn ngữ nhẹ nhàng cho bà con nghe để có khái niệm, còn đọc sâu đọc xa thì vô Thanh Tịnh Đạo xem.

V. Opanayiko

*'Opanayiko'***:** pháp có công năng đưa lên trước, đưa lên trên. Chánh pháp có công năng đưa mình đi về phía trước, không để mình thụt lùi, đưa mình lên trên, không để mình bị rớt xuống, thối đọa. Chỉ một ngày một giờ mà mình sống bằng thiện tâm thì tự nhiên mình thấy mình có sức sống. Trong khi đó, ngày nào mình sống bằng tâm tham, tâm sân, tâm si, nếu mình để ý (tỉnh thức) thì thấy ngày đó mình bị tụt xuống sâu lắm. Ngày nào sống bằng thiện pháp thì mình thấy ngày đó mình được an lạc, được đẩy về phía trước, nâng lên trên chứ không bị tụt về phía sau

rơi xuống thấp. Tinh thần chánh pháp là như vậy. Mọi cảnh giới cao thấp ở đời chỉ là tạm thời. Tất cả mọi cứu cánh trong đời này, dầu cao hay thấp đều tạm thời, chỉ có niết-bàn là một đi không trở lại. Chánh pháp có khả năng hướng thượng nghĩa là có khả năng đưa người ta lên trên; ở đây nói nghĩa tuyệt đối. Ví dụ mình sanh vào cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng hết tuổi thọ rồi cũng rớt trở xuống. Quí vị nhìn thấy bánh xe xoay, lúc nó đang đậu trên đường mình đánh dấu một chỗ nào đó trên bánh xe, hồi nãy chỗ đó nằm trên cao, giờ xuống tới mặt đường, một lát lại lên cao. Điều muốn nói ở đây là lên luôn, không bị tụt xuống, Opanayiko là con đường, đạo lộ đưa người ta về phía trước không để người ta thụt lùi, đưa người ta lên trên không bị rơi xuống nữa.

VI. Paccattaṃ veditabbo viññūhī

pati+atta = 'paccattaṃ': tự mình, chính mình

'*veditabbo'*: phải được nhận biết

'*viññūhī'*: bởi bậc hiền trí

Chánh pháp là cái gì dành riêng cho bậc trí giả. Không dùng trí, không có lòng sáng suốt thì không thấy được.

"bhāvito me maggo", pháp môn này đã được ta hành trì rồi

"adhigataṃ phalaṃ" thánh quả này đã được ta đạt tới rồi

*"sacchikato nirodho"*niết-bàn này đã được ta thể nghiệm rồi.

Đây là tâm niệm của một bậc thánh biết rõ như vậy.

"Na hi upajjhāyena bhāvitena maggena" không thể nào có chuyện nhờ ông sư phụ tu mà *"saddhivihārikassa kilesā pahīyanti"* phiền não của học trò chấm dứt. Không thể người này gãi mà người kia hết ngứa.

Paccattaṃ veditabbo viññūhī, đọc phớt qua thấy bình thường nhưng thấy đáng lưu ý nhiều điểm: đừng trông đợi quá nhiều ở sư phụ, sư phụ chỉ là người hướng dẫn, trung gian, đọc kinh sách rồi trao truyền cho mình, người hành trì phải là mình. Theo tôi biết có nhiều người Phật tử nghĩ rằng họ từng qui y các vị tôn túc là đủ rồi. Họ cho rằng đó là điều hãnh diện đáng khoe khoang. Riêng trong trường hợp này chúng ta thấy không đúng, dầu cho mình có qui y với ngài

Mahasi hay ngài Ajahn Chah thì phải nhớ chuyện mình qui y là ngày xửa ngày xưa, chuyện đó diễn ra có mấy phút thôi. Chuyện quan trọng là chuyện tu học cả đời của mình, phải tự mình làm sao hôm nay khá hơn mình ngày hôm qua về giới, về niệm, về định, về tuệ, về văn, về kiến thức chứ không thể nào cứ sống hoài niệm tưởng tiếc về quá khứ hoặc hài lòng với thành quả của người khác. Có nhiều người suy nghĩ như vậy, đại loại như "Con tôi giờ ba đứa bác sĩ hết, tôi mãn nguyện rồi, thôi kệ, đời tôi dốt đời tụi nó được tôi cũng mừng" Câu này nghe thấy hay, không thấy lỗi lầm gì hết, nhưng nghe kỳ kỳ. Chuyện con mình nó giỏi thì kệ nó chớ. Nói ra phũ phàng chứ mình cắn răng lo cho nó đi học, nó học xong thì phần nó cho mình chỉ là bạc cắc của nó thôi. Tội nghiệp những đấng sinh thành không thấy điều đó. Đời cũng là sự trả vay, hồi xưa mẹ đã như vậy với ông ngoại, ba đã như vậy với ông nội, thì đời sau con mình đối xử với mình y chang như vậy. Cứ như vậy đời này qua đời khác. Thật ra là hồn ai nấy giữ, không ai ăn mà người khác no được hết. Vì vậy mới gọi là *Paccattaṃ veditabbo viññūhī.*

C. NIỆM TĂNG

Niệm Tăng là niệm tưởng về ân đức của Tăng. *Tăng* ở đây là tất cả thánh nhân từ sơ quả trở lên, bất luận tăng ni cư sĩ, chư thiên hay nhân loại. Tại sao đối tượng *Tăng* ở đây khó khăn như vậy?

Lý do rất đơn giản, bởi vì niệm *Tăng* mà nghĩ tới phàm phu mai này vị đó hoàn tục, phạm giới, hay từ trần thì còn chi nữa. Niệm thánh thì không, thánh nhân không bao giờ có sự sụt lui, dù có đi về cảnh giới khác thì họ vẫn là bậc thánh cho đến bao giờ niết-bàn thì thôi. Phàm phu mình bây giờ chỉ cần tai nạn nào đó mình bị khùng, chuyện đó đâu có khó. Một vị sư thuộc lòng Tam Tạng, giới luật trong sạch, thiền định tinh tấn, nếu bị tai nạn chấn thương rồi khùng khùng không như cũ nữa; vị đó hoàn toàn có thể bị người ta dụ khị về chính trị, về tôn giáo rồi thay đổi toàn bộ quan điểm tư tưởng. Phàm phu thì chuyện đó không có gì lạ. Cuối cùng khốc liệt nhất đó là tắt thở đi qua thế giới khác thì lúc đó là xong. Chuyện hôm nay mình là một pháp sư, luận sư, giảng sư lúc đó là kết thúc luôn.

Tham sân si thiện ác đời này tạo ra cái tâm tái tục cho đời sau. Con người của kiếp sau hoàn toàn không phải là con người của kiếp này nhưng nó được tạo ra bởi thiện ác của kiếp này. Không có chuyện có một cái gì đó đi từ kiếp này qua kiếp khác như Bà-la-môn nói mỗi người có linh hồn như con chim, thân xác như lồng chim, lồng hư thì chim bay qua lồng khác. Đức Phật không dạy như vậy,

Ngài nói thân trước tạo nhân sinh tử cho thân sau, thân sau không phải là cái trước mà là quả của cái trước, đi ra từ cái trước mà không phải là cái trước. Không hề có cái gì đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác.

Tăng phải là thánh nhân, còn phàm thì sẽ thay đổi, khi bị khùng bị chết thì họ sẽ thay đổi, vì cái thấy của phàm phu là cái thấy của trí văn của trí tư. Cái thấy này có thể bị thử thách, có thể bị lung lay, thay đổi, biến dạng.

Trong kinh nói ngài Hatthisariputta tinh thông và thuộc lòng toàn bộ tạng Thắng Pháp nhưng lòng không yên, cứ muốn hoàn tục và ngài đã hoàn tục rồi tu lại bảy lần, cuối cùng chứng La-Hán mới thôi. Một người nữa là ngài Ledi Sayadaw, bậc á thánh của PG Myanmar cận đại cũng nhiều lần muốn hoàn tục, nhưng các vị thầy tiếc tài nên tìm mọi cách giữ lại. Phàm phu là như vậy đó, thiên tài đó nhưng cuối cùng chịu không nổi. Chính vì họ thiên tài nên họ có những suy nghĩ mình không hình dung được. Chẳng hạn như họ có thể nghĩ, làm cư sĩ cũng tu được mắc gì phải làm ông sư. Hoặc có người thương mình quá, tại sao mình sống quạnh hiu thế này, cực khổ thế này, mình thương nhớ nữa, sao mình không về với người ta, người ta đang chờ đợi mời gọi mình, về rồi hai đứa nắm tay nhau dìu nhau trên con đường giải thoát cũng được vậy chớ mắc gì sống một mình giữa rừng sâu núi thẳm một mình một bóng thế này buồn quá. Rồi nghĩ những chuyện động trời lắm, ví dụ thời gian Bồ tát làm cư sĩ nhiều gấp tám trăm ngàn tỷ lần Bồ tát xuất gia. Số kiếp Ngài làm cư sĩ không biết bao nhiêu ngàn ngàn tỷ tỷ lần trong khi số lần xuất gia có thể đếm được. Trong khi bao nhiêu kiến thức khích lệ tu hành thì quên hết.

Suppatipanno*:* khéo hành trì con đường Đức Phật đã dạy.

Khéo hành trì *suppatipanno* ở đây ám chỉ sự thành tựu thánh giới và chánh kiến.

Ở đời có năm sự mất mát (*byasana*): *1/Sức khỏe có vấn đề. 2/Tài sản có vấn đề. 3/Tình cảm có vấn đề. 4/Tri kiến có vấn đề. 5/Đạo đức cá nhân (sila) có vấn đề.*

Ở ngoài đời người ta chỉ nói có ba cái: sức khỏe có vấn đề, tài sản có vấn đề, tình cảm quan hệ xã hội gia đình có vấn đề, riêng trong kinh Đức Phật kể thêm tri kiến có vấn đề và đạo đức cá nhân có vấn đề, đó cũng là sự mất mát. Bây giờ mình thấy kinh điển quá nhiều, chỉ nhớ cái gì gọn thôi, thay vì nhớ pháp môn này nọ cao siêu, chỉ nhớ hai cái thôi: mình có thành tựu giới và thành tựu kiến không?

Thời Đức Phật có hai vị Thích tử: Purana và Isidatta. Một người thì trí tuệ mà dễ duôi, một người kém trí nhưng giới luật trong sạch. Cả hai sau đó sinh thiên cùng một cõi. Đức Phật giải thích lý do là trong phút cuối đời, người khuyết giới thì bổ sung tri kiến và người khuyết kiến thì biết bổ sung giới bằng nhận thức về bản thân mình. Một người trong sạch mặc đồ trắng sống không vợ con nhưng Phật pháp không hiểu nhiều, một ông thì tối ngày say sưa lè nhè có vợ có con có tài sản nhưng Phật pháp rất sâu. Khi hai ông này chết rồi, Ānanda vào hỏi Đức Phật là không biết họ đi đâu. Đức Phật nói cảnh giới họ giống nhau và hai vị đều là bậc Nhất lai như nhau. Ngài Ānanda thắc mắc sao đời sống hai người khác nhau quá. Đức Phật nói, phút cuối đời họ biết bổ sung chỗ khiếm khuyết của mình.

Suppatipanno khéo hành trì, và hành trì làm sao đó để cho mình thành tựu giới và thành tựu kiến, không để khiếm khuyết

Ujupatipanno:không thiên lệch

'Antadvayamanupagamma' là định nghĩa cho chữ Ujupatipanna hành trì con đường trung đạo không lệch lạc.

Ñāyapatipanna: là cách hành trì hợp lý, cách sống theo hướng dẫn của trí tuệ.

Sāmīcipatipanna: Thuận pháp.

Gom hết lại, Thánh tăng là những người đang đi trên con đường chánh đạo nhắm đến sự thành tựu giới và kiến.

Yadidaṃ cattāri purisayugāni: Nếu kể thành cặp thì đệ tử của Thế Tôn gồm có bốn cặp đạo quả kể chung: Vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán

Trước lúc Đức Phật viên tịch vài phút, một du sĩ ngoại đạo tên là Subhadda đến gặp hỏi đạo Ngài: *Con nghe nói mấy ông giáo chủ ông nào cũng đắc này đắc kia, có hay không?*

Đức Phật thấy không cần nói nhiều, Ngài nói 4 cái không này: *Các hành không trường cửu. Trên trời không dấu chân chim. Không có thánh nhân ở chỗ thiếu Bát chánh đạo. Chư Phật không bao giờ có sự bất an.* (Pháp Cú 254)

Tại sao Ngài nói chuyện này?

Ngài đem hình ảnh rất đẹp: Giống như trên hư không không có dấu chân chim, cũng vậy, vạn hữu không có sự trường cửu và chỗ nào không Bát Chánh Đạo thì không có hiền thánh, và chư Phật không bao giờ có sự bất an. Nói tới Thánh nhân là phải nhớ bài kinh *4 cái không* này liền.

*'Bất an'*có nhiều nghĩa: không phiền não, không có sự phân vân. Phiền não thì hết rồi nhưng nếu không phải là Chánh Đẳng Giác vẫn còn có trường hợp phân vân (ví dụ: trường hợp này mình phải nói gì đây, mình phải cư xử sao đây…)

Đáng cúng dường.

Mấy người không tin trời đất thì thôi, còn mấy người có tin thì luôn dành cho quỷ thần cho các đấng cao vời trên mây những sự trân trọng. Ở đây Đức Phật dạy: *Tất cả những sự tôn trọng kính lễ thiên hạ dành cho thần thánh, lẽ ra nên dành cho các bậc thánh nhân tốt hơn.* Bởi vì:

Trăm năm bố thí cúng dường

không bằng giây phút kính nhường thánh nhân.

Cho dù tất cả quỷ thần, Ma Vương, Phạm Thiên, Đế Thích thì không ai khả kính cho bằng bậc thánh. Dĩ nhiên Đế Thích bây giờ là thánh rồi, nếu ngài còn phàm cho dù là đại đế trên thiên cung cũng không bằng vị Tu-đà-hoàn cùi đui sứt mẻ ở cõi người. Cúng dường một con người như vậy đó công đức lớn hơn quì lạy Phạm Thiên, Đế Thích. Người thế gian mình thì không như vậy, thà đi miễu bà Chúa Xứ quỳ lạy sì sụp chớ thấy mấy Phật tử lớn tuổi tôn trọng quì lạy mấy ông sư trẻ họ khó chịu. Tôi nói như vậy tuyệt đối không có nghĩa là tôi muốn chuyện đó. Tôi không muốn người ta hành lễ trước mặt tôi, bản thân tôi cũng thấy khó chịu khi thấy Phật tử hành lễ quá đáng với mấy sư trong những chỗ không thích hợp, coi internet thấy quì lạy ngoài phi trường tôi hơi khó chịu. Tôi sợ mấy người không thích, họ phản cảm, tôi không muốn gieo rắc sự phản cảm ở thiên hạ, chỉ vậy thôi, chớ không phải tôi chống chuyện người này tôn trọng người kia, tôi thậm chí thích chuyện người này chào người kia bằng cái chắp tay, tôi thích lắm, quá sức đẹp đi. May mà mấy ông sư là phàm tăng, chớ còn những vị tu hành có lý tưởng thì cũng đáng kính hơn là bà Chúa Xứ, dù bả linh hiển thế nào tôi không cần biết.

'Āhuneyyo': đáng nhận đồ cúng

'Pāhuneyyo': đáng nhận quà tặng

'Dakkhineyyo': đáng nhận trai đàn được tổ chức với chánh tín

Ở bên Ấn Độ thì có *Dakkhinadana* nhưng VN không có. Ở bên Ấn lâu lâu những người có tiền hay cho mời những vị tu sĩ đạo cao đức trọng không quen biết gì hết, về nhà để cúng dường. Cũng không cần nhân duyên hôn quan tang tế lễ lạt đặc biệt gì hết, lâu lâu vì cầu công đức mà họ rước các bậc đạo cao đức trọng về cúng dường. Đến khi Đức Phật ra đời thì chữ *Dakkhinadana*chỉ cho một trong 14 tế đàn. Quí vị vào Trung Bộ Kinh xem thêm 14 thí đàn trong bài Cúng Dường Phân Biệt Kinh. *Dakkhinadana*ở người VN mình không có, VN mình chỉ rước về cầu an, đám ma, chớ quởn quởn rước về cầu phước thì không có.

Thánh nhân là người đáng nhận những đồ cúng (hơn là) quỷ thần. Những thứ đó vị Sa-môn không nên dùng, nhưng thay vì cúng quỷ thần thì nên đem lại cúng cho các vị Sa-môn, hiền thánh. Hàng xuất gia dầu phàm cũng không nên ăn đồ cúng quỷ thần.

Trên đời này không ai đáng nhận quà tặng bằng các bậc thánh. Bởi vì kẻ nào không có lòng mong nhận thì mới đáng nhận. Câu này nghe rất là kỳ nhưng sự thật là như vậy. Kẻ thật sự không màng, không thèm thì đáng nhận. Kẻ nào không thèm nhận thì mình nên kiếm kẻ đó mà cúng. Công đức sẽ lớn hơn khi mình cúng dường cho kẻ nào chẳng màng. Chẳng màng ở đây không phải chê mà là không thấy thích và hiểu vì sao mình không thích. Kẻ nào mà lòng rộng, muốn buông ra, muốn bố thí thì mọi thứ cứ đổ về cho người đó, còn kẻ nào ki bo tom góp bỏn xẻn thì mọi thứ sẽ đội nón ra đi.

Añjalikaraṇīyo*, añjalikaraniya, neyya* đáng được chắp tay. "*Añjali":* chắp tay

Phước Điền. Tăng là phước điền vì số lượng đông, trong khi cá nhân dù vĩ đại mấy cũng chỉ là một hay ít, chính vì đông nên ở đâu và lúc nào cũng có thể gặp. Khi lòng hướng đến tập thể thì mọi sự mênh mang hơn. Lòng không gò bó trói buộc và công đức cũng không hạn chế nên được gọi là phước điền.

Theo giải thích trong Thanh Tịnh Đạo, chư Phật thì khó gặp, nên ta chỉ còn cơ hội gặp gỡ Thinh Văn. Đây là những vị có mặt trong thời điểm Buddhantara (khoảng giữa các Đức Phật). Từ lúc Đức Phật Ca Diếp niết-bàn đến lúc giáo pháp của ngài hết chỉ còn lại chư tăng. Sau này khi Đức Phật Thích Ca ra đời chư thiên nhân loại gặp được Đức Phật, khi Đức Phật tịch rồi thì nhân thiên mình nhìn thấy cũng chỉ là chư tăng. Đây là *thời gian khoảng giữa* các Đức Phật (Buddhantara). Hẹn gặp lại các vị vào ngày thứ Năm. Xin đảnh lễ chư tôn đức.

Hết tập 2

Nguồn:

Những bài giảng Kinh Tương Ưng - Tập 2

TK Giác Nguyên (giảng)
Nhị Tường (ghi)

1. Bài giảng ngày 6-8-2014
2.Bài giảng ngày 7-8-2014
3. Bài giảng ngày 9-8-2014
4. Bài giảng ngày 12-8-2014
5. Bài giảng ngày 14-8-2014
6. Bài giảng ngày 16-8-2014
7. Bài giảng ngày 19-8-2014
8. Bài giảng ngày 21-8-2014
9. Bài giảng ngày 23-8-2014
10. Bài giảng ngày 26-8-2014
11. Bài giảng ngày 28-8-2014
12. Bài giảng ngày 2-9-2014
13. Bài giảng ngày 4-9-2014
14. Bài giảng ngày 6-9-2014
15. Bài giảng ngày 9-9-2014
16. Bài giảng ngày 13-9-2014
17. Bài giảng ngày 16-9-2014
18. Bài giảng ngày 18-9-2014
19. Bài giảng ngày 20-9-2014
20. Bài giảng ngày 23-9-2014
20. Bài giảng ngày 25-9-2014
21.Bài giảng ngày 27-9-2014
22. Bài giảng ngày 1-10-2014
23. Bài giảng ngày 2-10-2014
24. Bài giảng ngày 4-10-2014
25. Bài giảng ngày 7-10-2014
26. Bài giảng ngày 14-10-2014
27. Bài giảng ngày 16-10-2014
28. Bài giảng ngày 18-10-2014
29. Bài giảng ngày 21-10-2014